**ĐẢNG BỘ TỈNH KON TUM**

**BAN CẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KON PLÔNG**

**\*\*\***

**(DỰ THẢO LẦN THỨ NHẤT)**

LỊCH SỬ

**ĐẢNG BỘ HUYỆN HUYỆN KON PLÔNG**

**TẬP I (1930- 2002)**

(tái bản có bổ sung, chỉnh sửa sách Lịch sử Đảng bộ huyện Kon Plông

tập I,II)

Nhà xuất bản….

**LỜI MỞ ĐẦU**

 Huyện Kon Plông có lịch sử lâu đời, đã nhiều lần sát nhập và tái thành lập huyện với nhiều tên gọi khác nhau, gắn liền với lịch sử Tây Nguyên và lịch sử dân tộc. Huyện Kon Plông ở phía Đông Bắc của tỉnh Kon Tum, có vị trí chiến lược quan trọng đối với tỉnh Kon Tum và Tây Nguyên; Phía Bắc giáp huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai và huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; phía Đông giáp huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi; phía Tây giáp huyện Tu Mơ Rông và huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Nhân dân Kon Plông giàu truyền thống tốt đẹp: Lao động cần cù, nồng nàn yêu quê hương đất nước, đoàn kết dân tộc, anh dũng bất khuất chống kẻ thù xâm lược. Từ xa xưa truyền thống đó đã được hun đúc, phát triển. Sau khi Đảng ra đời, tiếp đó nhân dân được chiếu rọi bởi đường lối, chủ trương cách mạng giải phóng dân tộc đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng và Bác Hồ, có sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Kon Tum, Đảng bộ Huyện, truyền thống đó càng được phát huy cao độ.

 Để ghi nhận công lao to lớn, thành tích vẻ vang của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc huyện trong chặng đường đấu tranh cách mạng, Ban Thường vụ Huyện ủy (khóa XIII) đã chỉ đạo biên soạn và xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Kon Plông, tập I (1930-1975), xuất bản năm 2001. Sau khi tái thành lập huyện theo Nghị định 81/2002/NĐ-CP, ngày 31-01-2002 của Chính phủ, Ban Thường vụ Huyện ủy Kon Rẫy và Ban Thường vụ Huyện ủy Kon Plông tiếp tục chỉ đạo, phối hợp biên soạn và xuất bản cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Kon Plông, tập II (1976-2002), xuất bản năm 2009. Hai cuốn sách đã được đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân trong huyện cũng như độc giả ngoài huyện tìm hiểu, nghiên cứu rộng rãi và có nhiều ý kiến tham gia, phản hồi. Sự quan tâm đó là niềm cổ vũ, động viên, khích lệ to lớn đối với Đảng bộ và quân dân các dân tộc tỉnh nhà trong thời gian qua, nhất là trong công cuộc phát huy truyền thống yêu nước cách mạng, đổi mới xây dựng, phát triển quê hương Kon Plông.

 Nhằm phát huy hơn nữa giá trị ý nghĩa của các tập sách đã xuất bản, đáp ứng nhu cầu quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu ngày càng nhiều của bạn đọc trong và ngoài huyện và để phù hợp với tình hình thực tế các nguồn tài liệu, tư liệu hiện nay, Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XIX (nhiệm kỳ 2020-2025) đã chỉ đạo sưu tầm, xác minh tư liệu, biên tập, bổ sung, chỉnh sửa và xuất bản thành cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Kon Plông, tập I (1930-2002).

 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông trân trọng giới thiệu cuốn sách đến toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân các dân tộc trong huyện và bạn đọc gần xa. Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn vẫn không tránh khỏi những thiếu sót, Ban Thường vụ Huyện ủy rất mong nhận được ý kiến góp ý, xây dựng của quý vị độc giả.

Trân trọng cảm ơn!

Đào Duy Khánh

Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**VÀI NÉT VỀ ĐẤT VÀ NGƯỜI KON PLÔNG**

**1. Vị trí địa lý và lịch sử hình thành**

 Kon Plông là huyện miền núi, nằm phía Đông Bắc tỉnh Kon Tum, ở tọa độ địa lý từ 14019’55’’ đến 14046’10’’ Vĩ độ Bắc, 108003’45’’đến 108022’40’’ Kinh độ Đông. Phía Bắc giáp huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai và huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; phía Đông giáp huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi; phía Tây giáp huyện Tu Mơ Rông và huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Nằm trên trục Quốc lộ 24 (trước đây là đường số 5) nối tỉnh Kon Tum với các tỉnh Tây Nguyên và duyên hải miền Trung, cách thành phố Kon Tum khoảng 54 km về phía ĐôngBắc. Huyện Kon Plông cách các bãi biển du lịch của Quảng Ngãi 120-150 km và các trung tâm du lịch của Đà Nẵng, Quảng Nam khoảng 250-300 km. Với vị trí này, huyện Kon Plông là cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh Kon Tum; là trung tâm giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các tỉnh đồng bằng duyên hải miền Trung với Kon Tum nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

Là địa phương nằm trong khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, Kon Plông đã trải qua nhiều biến động, không chỉ ở từng thời kỳ mà liên tục trong nhiều thế kỷ bởi sự loạn lạc giữa các nhóm tộc người; những cuộc chiến tranh xâm lược của các tập đoàn phong kiến, của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ gây nên.

Các tài liệu, thư tịch cổ cho biết: Trong suốt nhiều năm cuối thiên niên kỷ thứ I và đầu thiên niên kỷ thứ II sau Công nguyên, những cuộc xung đột giữa hai quốc gia có những vua chúa cầm đầu đầy tham vọng là nước Lâm Ấp và nước Phù Nam (về sau gọi là Chiêm Thành và Chân Lạp), đã lôi kéo những cư dân Tây Nguyên nói chung và vùng Kon Plông nói riêng vào binh đao và phải chịu những gánh nặng về cống nạp. Cho đến năm 1471, sau khi vua Lê chinh phục vùng đất phía Nam, khu vực Tây Nguyên, Kon Tum thuộc lãnh thổ Đại Việt. Đến nay chưa tìm thấy những ghi chép chi tiết cho biết có hay không việc cống nạp của người dân tại chỗ cho các triều đại phòng kiến Việt Nam từ sau năm 1471 đến năm 1841.

Năm 1841, dưới thời Vua Thiệu Trị, triều Nguyễn lập ông Bok Kiơm (Bok Khiêm), một tộc trưởng người Ba Na giàu có, uy tín tận tụy giúp nhà Nguyễn làm quan cai trị các bộ tộc Tây Nguyên.

Năm 1842, người Pháp bắt đầu đặt chân lên Tây Nguyên mở đầu cho công cuộc truyền giáo, áp dụng thuật chia để trị, dựa vào nhóm này chống nhóm khác, chia rẽ Kinh - Thượng, chia rẽ các dân tộc Tây Nguyên với nhau. Chúng tìm cách đặt ách đô hộ lên toàn bộ miền sơn cước này, chiếm đất lập đồn điền, thiết lập các thị xã, thị trấn, mở đường giao thông, truyền bá đạo Thiên chúa giáo, duy trì những bộ phận quy phục và đàn áp những tộc người, cá nhân chống đối.

Năm 1893, thực dân Pháp đặt vùng Kon Tum thành toà Đại lý hành chính Kon Tum thuộc quyền cai trị của công sứ Pháp tại Bình Định, sau đó chuyển giao cho pháp Vialetton (còn gọi là Cha Truyền) cai quản. Kon Plông trực thuộc toà Đại lý hành chính Kon Tum.

Ngày 09-02-1913, tỉnh Kon Tum được thành lập. Từ khi thành lập tỉnh Kon Tum đến năm 1928, thực dân Pháp vẫn thực hiện thực hiện chính sách trực trị. Năm 1928, thực dân Pháp cho phép Triều Nguyễn lập chính quyền tay sai gọi là Đạo Kon Tum. Đứng đầu Đạo là viên Quản Đạo, đặt dưới quyền của Công sứ Kon Tum. Dưới Đạo gồm có các Hạt: Kon Tum, Kon Plông, An Khê, Đăk Tô và Đăk Sút. Dưới mỗi hạt thì có quan viên đứng đầu gọi là quan đầu hạt (chef secteur). Tương ứng với các hạt là quận của chính quyền thực dân. Từ đây, danh xưng Kon Plông chính thức được thiết lập với tư cách là một đơn vị hành chính cấp huyện (gọi là hạt Kon Plông).

Trong thời kỳ thuộc Pháp, bộ máy cai trị tay sai của Pháp chính là bộ máy của Nhà nước Nam triều nhà Nguyễn. Ở Kon Tum, hiệu lực của bộ máy Nam triều phát huy được vai trò ở vùng người Kinh, chủ yếu tập trung ở thị xã và các làng lân cận; còn đối với vùng đồng bào dân tộc ở các huyện vùng cao như Kon Plông vẫn chủ yếu tuân theo chế độ chủ làng.

Tháng 3-1945, Nhật đảo chính Pháp giành quyền thống trị toàn bộ Việt Nam. Quân Nhật chiếm đóng Kon Tum lập chính quyền tay sai ở tỉnh và các huyện. Chúng lập chức tỉnh trưởng, vẫn giữ chức tri huyện và đổi lính khố xanh của Pháp thành lính bảo an. Huyện Kon Plông vẫn do một người dân tộc Ba Na tên là Nuôn làm tri huyện và có một đồn lính khố xanh và đổi thành đồn lính bảo an.

Ngày 19-8-1945, khởi nghĩa giành chính quyền ở Kon Plông thắng lợi; quyền làm chủ thuộc về Nhân dân. Ngày 25-8-1945, chính quyền cách mạng được thiết lập ở thị xã Kon Tum. Sau Cách mạng tháng Tám, tỉnh Kon Tum được tổ chứcthành 4 đơn vị hành chính, gồm: huyện Kon Plông, Đăk Glei, Đăk Tô, huyện và thị xã tỉnh lỵ Kon Tum. Buổi đầu dưới chính thể cộng hoà dân chủ, quyền tự do dân chủ của Nhân dân cơ bản được thực hiện ở các huyện, tổng, làng theo chươngtrình của Việt Minh. Giai đoạn này, huyện Kon Plông chưa có tổ chức đảng.

Ngày 26-6-1946, thực dân Pháp chiếm lại thị xã Kon Tum. Ngày 27-6-1946, chúng đánh chiếm Kon Plông và các huyện còn lại trong tỉnh. Thực dân Pháp tiến hành lập bộ máy hành chính gồm công sứ, các tri huyện và chánh tổng, lập thêm nhiều đồn bốt.

Về phía cách mạng, sau khi chính quyền rút về Ba Tơ và giái tán, tháng 7-1946, Xứ uỷ Trung kỳ cử 2 đội vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở tiến lên Kon Tum khôi phục lại phong trào kháng Pháp. Sau khi tiến hành xây dựng cơ sở kháng chiến chống thực dân Pháp, cuối năm 1947, Ủy ban Hành chính Trung Bộ đã ra Nghị định thành lập Ủy ban Chỉ huy khu Đông (huyện Kon Plông) và khu Bắc (huyện Đăk Glei), lúc này chưa hình thành đơn vị hành chính. Địa bàn Kon Plông được chia thành 2 khu vực: Khu vực I, bao gồm: xã Măng La (Hiếu ), xã Pờ Ê; Khu vực II, bao gồm các xã ở phía Tây sông Đăk SNghé đến giáp thị xã Kon Tum, là các xã Đăk Long, Măng Cành.

Tháng 3-1950, Liên khu uỷ V chủ trương nhập tỉnh Gia Lai và Kon Tum thành tỉnh Gia - Kon. Ban cán sự Đảng và Uỷ ban kháng chiến tỉnh Gia-Kon ra quyết định chia tỉnh Gia-Kon thành 7 khu (huyện). Trên địa bàn tỉnh Kon Tum cũ có 3 khu: Khu I-Đăk Glei, Khu 2-Đăk Tô và Khu 3-Kon Plông. Huyện Kon Plông vẫn chia thành 2 khu vực như trước, song được cơ cấu thêm một số xã của tỉnh Gia Lai là xã Đăk Pne, Đăk Rong, Kon Hà Nừng và xã Krem.

Tháng 10-1951, theo quyết định của Liên khu uỷ V, tỉnh Kon Tum và các huyện phía Tây Quảng Ngãi là Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long hợp nhất thành Mặt trận miền Tây. Huyện Kon Plông chịu sự quản lý, điều hành của Mặt trận miền Tây thuộc khu V. Vùng Đông Kon Plông bao gồm cả một phần của Khu 2 (huyện Đăk Tô) thành vùng căn cứ kháng chiến của Kon Tum và Tây Nguyên.

Tháng 3-1952, 3 xã phía bắc huyện Kon Plông là xã Hiếu, Măng Cành, Đăk Long (vùng đất từ Măng Đen đến Kon Hring, dọc theo sông Đăk Sơ Liên, chạy dọc đường 14 từ ngang Kon Hring đến Bắc thị xã Kon Tum và dọc theo đường 5 (nay là quốc lộ 24) đi Quảng Ngãi được tách ra lập thành huyện Bắc Kon Plông thuộc Mặt trận Miền Tây. 4 xã còn lại là: Krem (nay thuộc huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định), Kon Hà Nừng (Hơnờng), Đăk Rong, Đăk Pne được lập thành huyện Nam Kon Plông thuộc tỉnh Gia-Kon. Tỉnh Gia - Kon từ lúc này thực tế chỉ còn lại các huyện: Kon Plông (nam), An Khê, Đăk Bớt, Plei Kon và vùng đông đường 14.

Tháng 01-1954, huyện Kon Plông được giải phóng, tháng 02-1954 tỉnh Kon Tum được hoàn toàn giải phóng. Ngày 13-7-1954, Ban Tổ chức Liên khu ủy V ban hành Nghị quyết 1070-TC/LKU về giải thể Mặt trận Miền Tây, thành lập miền Tây Quảng Ngãi thành một đơn vị trực thuộc Liên khu ủy V. Theo đó, 4 địa khu thuộc tỉnh Kon Tum (Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Glei và Tây đường 14) của tỉnh Kon Tum được chuyển giao cho tỉnh Kon Tum quản lý. Tỉnh Kon Tum cũng được thành lập lại trên cơ sở chia tách tỉnh Gia-Kon.

Tháng 9-1954, sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết (ngày 21-7-1954) và có hiệu lực, tỉnh Kon Tum tạm thời giao cho chính quyền miền Nam quản lý để chờ hai năm sau tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Thời kỳ đầu là thực dân Pháp tiếp quản, nhưng đến năm 1955, Mỹ đã gạt Pháp, dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm để thực hiện âm mưu chia cắt nước ta, chiếm đóng lâu dài miền Nam Việt Nam. Từ tháng 9 năm 1954 đến năm 1974, việc phân chia đơn vị hành chính cụ thể như sau:

*\*Về phía địch*:

Ngày 27-6-1958, Bộ trưởng Bộ Nội vụ chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 348-BNV/HC/P6 ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Kon Tum gồm 4 quận: Kon Tum, Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Sút gồm với 26 tổng, 120 xã, tỉnh lỵ đặt tại Châu Thành (Kon Tum). Địa bàn huyện Kon Plông ngày nay tương ứng với quận Kon Plông và một phần quận Đăk Tô (một số xã như Măng Bút[[1]](#footnote-1), Đăk Tăng ngày nay thuộc tổng Virngieo, Măng Bút, Kon Kleng của quận Đăk Tô). Năm 1958, nguỵ quyền thành lập quận Tu Mơ Rông thì số xã này thuộc quận Tu Mơ Rông.

Năm 1959, nguỵ quyền Sài Gòn thành lập quận Chương Nghĩa thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Quận Chương Nghĩa bao gồm phần lớn diện tích đất đai của quận Kon Plông thuộc tỉnh Kon Tum trước đó.

Năm 1960, chúng bãi bỏ quận Kon Plông, một phần đất còn lại của quận Kon Plông không thuộc phạm vi của hai quận mới (Tu Mơ Rông và Chương Nghĩa) được sát nhập về quận Kon Tum. Như vậy, trên thực tế một phần quận Tu Mơ Rông và quận Chương Nghĩa chiếm trọn diện tích tự nhiên của quận Kon Plông trước đó.

Năm 1961, Ngụy quyền Sài Gòn giao quận Chương Nghĩa bao gồm phần đất phía Đông sông Đăk SNghé giáp với Ba Tơ (Quảng Ngãi) về cho tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 09-8-1963 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị định về phương diện hành chính, đặc khu Măng Bút thuộc tỉnh Quảng Ngãi từ nay thuộc tỉnh Kon Tum. Đến năm 1964, quận Chương Nghĩa được sáp nhập trở lại tỉnh Kon Tum. Địa bàn Kon Plông lúc này gồm đặc khu Măng Bút (sau đổi thành quận Măng Bút) và quận Chương Nghĩa.

Năm 1965, ngụy quyền tại Kon Tum có sự thay đổi về phân cấp hành chính. Ngoài Toà hành chính, các ty, sở ở tỉnh, còn có các cấp quận và phái viên hành chính. Măng Bút và Chương Nghĩa được đặt thành Phái viên hành chính.

Tháng 6-1970, trong phạm vi quản lý của nguỵ quyền, toàn tỉnh Kon Tum có 2 quận: Kon Tum và Đăk Tô, 3 Phái viên hành chính: Đăk Sút, Măng Bút và Chương Nghĩa (các quận Chương Nghĩa, Đăk Sút giảm xuống thành cơ sở Phái viên hành chính). Như vậy, từ tháng 6-1970 cho đến năm 1974, địa bàn Kon Plông lúc này thuộc quản lý của Phái viên hành chính Măng Bút và Chương Nghĩa. Bộ máy hành chính đặt tại căn cứ Măng Bút và Măng Đen.

*\* Về phía cách mạng*:

Sau ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, theo chỉ đạo chung của Đảng, trực tiếp là Liên khu ủy V, Ban Cán sự Đảng tỉnh Kon Tum được sắp xếp gọn lại và rút vào hoạt động bí mật. Trước đó, tiên lượng trước những âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, bộ máy chính quyền cách mạng của tỉnh tổ chức hoạt động bí mật và tạm thời chia địa bàn tỉnh thành 6 khu (từ Khu 1 đến Khu 7) để phân công chỉ đạo, quản lý. Địa bàn Kon Plông ngày nay thuộc Khu 1 (Từ giáp Ba Tơ, Quảng Ngãi lên đường 14) và Khu 2 (từ giáp Sơn Hà, Quảng Ngãi lên khu vực Wô Mơ Na) .

Đầu năm 1957, Ban Cán sự Đảng tỉnh có sự điều chỉnh lại một số khu, thành lập thêm Khu 7, Khu 8 và Khu 9. Trong đó, Khu 9 được thành lập trên cơ sở cắt một phần phía đông Khu 1. Như vậy, giai đoạn 1954-1957, huyện Kon Plông bao gồm Khu 1 và Khu 2; giai đoạn 1957-1960, huyện Kon Plông bao gồm Khu 2 và Khu 9 .

Từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ nhất (tháng 3-1960) đến khi giải phóng, Tỉnh ủy quyết định giải thể các khu, thành lập các huyện và gọi tên huyện theo mật danh là H, gồm: H29, H16, H30, H40, H80, H67. Trong đó, Khu 2 và Khu 9 nhập thành huyện H29 (nay là huyện Kon Plông). Như vậy, giai đoạn 1960-1975, về phía cách mạng huyện Kon Plông là huyện H29. Cũng trong giai đoạn 1960-1975, huyện H29 đã tiến hành thành thành lập một số xã, như: Đăk Nên (1961), Măng Bút (1974).

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, một lần nữa Kon Tum và Gia Lai lại hợp nhất thành tỉnh Gia Lai- Kon Tum. Tháng 11-1975, hai huyện H16 và H29 và một phần huyện H1, tỉnh Gia Lai nhập lại thành huyện Kon Plông thuộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Một số xã trong huyện cũng được sáp nhập, đổi tên như: Xã Hiếu và Pờ Ê nhập thành xã Hiếu; Đăk Chờ, Đăk Ly, Đăk Nên nhập thành xã Đăk Ring; xã Đăk Long và xã Măng Cành nhập thành xã Măng Cành; đổi tên xã Đăk Rơ Manh thành xã Ngọk Tem.

Ngày 10-10-1978, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 254/CP, trong đó, tách một phần diện tích đất của xã Đăk Ruồng thành lập xã Tân Lập thuộc huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Năm 1981, Chính phủ chia xã Đăk Ruồng thành 2 xã: Đăk Ruồng và Đăk Tờ Re.

Ngày 28-12-1984, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 181-HĐBT tách 2 xã Đăk Rong và Kon Pne thuộc huyện Kon Plông để sáp nhập vào huyện An Khê, tỉnh Gia Lai. Đồng thời chia huyện An Khê thành huyện An Khê và K,Bang; xã Đăk Pne thuộc huyện K,Bang, tỉnh Gia Lai. Ngày 01-02-1985, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 26-HĐBT chia xã Đăk Pne thành xã Đăk Pne và xã Kon Pne. Xã Kon Pne sau này chuyển về huyện K,Bang quản lý. Huyện Kon Plông còn lại 10 xã: Măng Bút, Đăk Côi, Đăk Ruồng, Đăk Ring, Đăk Pne, Hiếu, Măng Cành, Đăk Tờ Re, Ngọk Tem và Tân Lập.

Ngày 12-8-1991, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá IX đã ra Nghị quyết chia tách tỉnh Gia Lai-Kon Tum thành 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Sau khi chia tách, tỉnh Kon Tum có 5 đơn vị hành chính, gồm: Thị xã Kon Tum, huyện Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy và huyện Kon Plông. Năm 1996, thành lập thị trấn huyện lỵ Kon Plông trên cơ sở tách 5.000 ha đất và 4.031 khẩu của xã Tân Lập; xã Tân Lập còn lại 7.350 ha đất và 2.014 khẩu. Cũng năm 1996, thành lập xã Pờ Ê trên cơ sở tách 11.150 ha đất tự nhiên và 1.107 khẩu của xã Hiếu; xã Hiếu còn lại 20.150 ha và 1.445 khẩu.

Ngày 31-01-2002, Chính phủ ra Nghị định số 14/2002/NĐ-CP chia huyện Kon Plông thành hai huyện: Kon Plông và Kon Rẫy. Huyện Kon Plông có diện tích 136.160 ha diện tích tự nhiên và 17.967 nhân khẩu, gồm 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Đăk Ring, Ngọk Tem, Măng Bút, Măng Cành, Pờ Ê và xã Hiếu.

Ngày 08-01-2004, Chính phủ có Nghị định số 13/2004/NĐ-CP thành lập xã Đăk Long trên cơ sở 13.555 ha diện tích tự nhiên và 2.054 nhân khẩu của xã Măng Cành; xã Măng Cành còn lại 14.335 ha diện tích tự nhiên và 2.002 nhân khẩu. Thành lập xã Đăk Tăng trên cơ sở 12.100 ha diện tích tự nhiên và 2.067 nhân khẩu của xã Măng Bút; xã Măng Bút còn lại 17.310 ha diện tích tự nhiên và 2.281 nhân khẩu. Thành lập xã Đăk Nên trên cơ sở 12.973 ha diện tích tự nhiên và 2027 nhân khẩu của xã Đăk Ring; xã Đăk Ring còn lại 9.747 ha diện tích tự nhiên và 2008 nhân khẩu. Ngày 16-7-2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 720/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị trấn Măng Đen thuộc huyện Kon Plông trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Đăk Long (14.807 ha và 6.913 nhân khẩu).

Trải qua quá trình tách nhập trong phạm vi tỉnh, vùng, khu vực, đến nay Kon Plông là một trong 10 đơn vị hành chính của tỉnh Kon Tum. Huyện Kon Plông là huyện có diện tích tự nhiên lớn thứ ba của tỉnh (sau huyện Đăk Glei và Sa Thầy) với 09 đơn vị hành chính cấp xã, gồm thị trấn Măng Đen và 08 xã: Măng Bút, Măng Cành, Pờ Ê, Ngọk Tem, Đăk Ring, Đăk Nên, Đăk Tăng và xã Hiếu.

**2. Đất đai, tài nguyên**

Kon Plông có diện tích tự nhiên 137.124 ha. Trong đó, đất nông - lâm nghiệp là 124.761 ha (chiếm 91%); phần lớn diện tích tự nhiên là rừng núi nên địa hình cao dốc. Theo các nhà nghiên cứu về địa hình, địa mạo ở Tây Nguyên thì Kon Plông chủ yếu nằm trong dạng địa hình núi trung bình, chia làm 3 dạng sau:

(1) Địa hình núi cao dốc chiếm 80% diện tích tự nhiên của toàn huyện, độ cao trên 1.000m, độ dốc trên 20o. Dạng địa hình này chủ yếu các xã Đăk Ring, Đăk Nên, Ngọk Tem, Măng Bút, Đăk Tăng phù hợp cho phát triển lâm nghiệp và kinh doanh nghề rừng.

(2) Địa hình cao nguyên, đỉnh bằng, sườn dốc, diện tích 2.000-3.000 ha, phân bố toàn địa bàn xã Măng Cành, thị trấn Măng Đen. Đây là vùng cao nguyên đất đỏ Ba zan có thể phát triển các loại cây công nghiệp như cà phê, chè, rau hoa...

(3) Địa hình thung lũng phân bố rải rác dọc theo hệ thống sông Đăk SNghé và các sông Đăk Ring, Đăk Rơ Manh. Trong vùng thung lũng có thể chia làm 3 dạng địa hình cực nhỏ gồm các vùng trũng theo hợp thuỷ sông suối, các thềm, bậc thềm cao trên phù sa cổ ở vùng gò đồi. Các dạng địa hình này không lớn nhưng có điều kiện khá thuận lợi cho sự phát triển của sản xuất nông nghiệp và bố trí dân cư.

Địa bàn huyện Kon Plông chủ yếu thuộc tiểu vùng Đông Trường Sơn với nhiệt độ trung bình dao động trong khoảng 23-25°C; lượng mưa từ 2.100 - 2.800 mm, độ ẩm: 82-97%. Một đặc thù của tiểu vùng này là lượng mưa trải dài nhiều tháng trong năm, ngay cả trong mùa khô vẫn thường có mưa do ảnh hưởng của chế độ mưa Đông Trường Sơn. Đặc điểm khí hậu của huyện Kon Plông cho phép bố trí nhiều loại cây trồng và vật nuôi, nhất là các cây trồng, vật nuôi xứ lạnh.

Đất đai trên địa bàn huyện Kon Plông bao gồm nhiều loại, nhưng có hai lớp phủ thổ nhưỡng điển hình tương phản nhau về màu sắc và độ phì nhiêu. Lớp thổ nhưỡng trên nền mác-ma-ba-zơ và trung tính, đất có tầng dày, tơi xốp, độ phì nhiêu cao, màu đỏ. Lớp phủ vàng đỏ, vàng xám và xám, hình thành trên các nền đá mác ma axít và đá cát, phù sa cổ. Đất có tầng dày biến động, độ phì thấp, nhiều kết vón đá lẫn, thành phần cơ giới nhẹ, quá trình rửa trôi mạnh. Trong lòng đất Kon Plông có nhiều loại khoáng sản. Quặng bô xít phân bố ở địa bàn xã Măng Cành, hàm lượng AlCl203 từ 48 - 51. Mạch nước khoáng ở xã Đăk Ring, Ngọk Tem. Mới đây các nhà khoa học địa chất đã phát hiện ra nguồn nước khoáng nóng ở xã Hiếu, là loại có dược tính cao, có thể khai thác phục vụ Nhân dân.

Rừng Kon Plông rất đa dạng, phong phú về động vật, thực vật, trong đó có nhiều loại quý hiếm. Nơi đây còn là kho dược liệu quý như mật ong, gạc nai, nhung nai... và rất nhiều cây thuốc dân gian độc đáo, chữa được nhiều loại bệnh. Rừng Kon Plông còn là nơi bảo vệ môi sinh trong lành, ổn định nguồn sinh thuỷ của hệ thống sông ngòi chảy xuống vùng duyên hải, nên có vị trí quan trọng về việc bảo vệ môi trường sinh thái không những của tỉnh Kon Tum mà cả vùng duyên hải miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh Đông Bắc Campuchia. Ngoài việc bảo vệ môi trường, rừng ở Kon Plông có tiềm năng rất lớn về phát triển du lịch sinh thái.

Ngày 05-02-2013, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 298/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Măng Đen và Quy hoạch chung đô thị huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2030. Trong đó, quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Kon Plông (138.115,92 ha), với tính chất là vùng bảo tồn sinh thái, rừng quốc gia; là vùng du lịch nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ phát triển du lịch sinh thái. Đây là cở sở để huyện Kon Plông đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng xây dựng đô thị Măng Đen trở thành vùng du lịch sinh thái Quốc gia, là điểm đến của du khách trong và ngoài nước và phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV vào năm 2030.

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện khá dày đặc và phân bố đồng đều. Do ảnh hưởng của địa hình cao dốc, sông suối ở đây đều là đầu nguồn và chảy về nhiều hướng xuống đồng bằng, và đổ ra biển Đông. Trên địa bàn huyện có 4 sông lớn chảy qua, đó là: sông Đăk Ring (dài 15 km) chảy qua địa bàn xã Đăk Ring và chia thành 02 nhánh: Đăk Rơ Manh và Đăk Rơ Ngheo; sông Đăk SNghé (dài 60 km), sông Đăk Tơ Meo (dài 15 km), sông Đăk Pờ Che chảy về hướng Quảng Ngãi, đoạn đi qua xã Ngọk Tem dài trên 15 km, và nhiều sông suối nhỏ. Nguồn nước do các sông, suối đem lại rất dồi dào, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và xây dựng các hệ thống thuỷ lợi, tưới tiêu.

Nằm ở vị trí chiến lược khu vực Bắc Tây Nguyên, Kon Plông là nơi có trục đường 24 với tổng chiều dài khoảng 46 km đã được nâng cấp, cải tạo và thảm nhựa (qua địa phận tỉnh Kon Tum khoảng 50 km, trong đó từ thành phố Kon Tum đến hết địa giới huyện Kon Rẫy khoảng 50 km; đi qua huyện Kon Plông đến đầu địa giới huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi dài khoảng 50 km). Đây là con đường chiến lược, là huyết mạch giao thông quan trọng, nối liền Kon Tum, Tây Nguyên với vùng đồng bằng Quảng Ngãi và các tỉnh miền Trung. Năm 2007, được sự quan tâm của Chính phủ, dự án đường Trường Sơn Đông - đoạn qua tỉnh Kon Tum dài 55 km được khởi công, tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp 4, cấp 5 miền núi, mặt đường bê tông nhựa và bê tông xi măng; đây là tuyến đường giao thông quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng trên địa bàn tỉnh Kon Tum nói chung, huyện Kon Plông nói riêng. Do địa hình rừng núi quanh co, hiểm trở, hệ thống giao thông trên địa bàn Kon Plông còn nhiều khó khăn, tuy nhiên đến nay các tuyến giao thông về trung tâm các xã trên địa bàn đã được thảm nhựa hoặc đổ bê tông, đảm bảo đi lại thông suốt cả 2 mùa.

Với địa thế quan trọng về chiến lược quân sự, nên trước đây chính quyền Mỹ-Ngụy cho xây dựng 2 sân bay dã chiến Măng Đen và Măng Buk phục vụ chiến tranh xâm lược nhưng bị đánh phá trong chiến tranh và bỏ hoang hoá sau giải phóng. Hiện tỉnh Kon Tum đang đề xuất Chính phủ bổ sung quy hoạch Cảng hàng không Măng Đen vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**3. Đặc điểm kinh tế-xã hội**

Dựa vào địa danh, những yếu tố văn hoá cổ xưa còn tồn tại trong đời sống cộng đồng cư dân, các nhà khoa học giả định rằng cư dân đầu tiên ở đây là những người thuộc chủng tộc Ôxtralôít. Do biến động của lịch sử dẫn đến sự thiên di và hoà huyết giữa các dòng tộc người với nhau để đưa đến một hậu duệ cộng đồng các dân tộc trên địa bàn huyện Kon Plông chung sống tình nghĩa với nhau.

Dân số toàn huyện tính đến tháng 4-2019 (kết quả Cuộc tổng điều tra dân số) là 26.052 người, trong đó dân cư thành thị 4.966 người (19%); dân cư nông thôn 21.059 người (81%); mật độ trung bình khoảng 20 người/km2; người dân tộc thiểu số chiếm trên 80% dân số toàn huyện, chủ yếu là người dân tộc Xơ Đăng, Hơ Re và một số dân tộc thiểu số khác ở các tỉnh phía Bắc mới di cư đến sau này. Trên địa bàn huyện có 03 tôn giáo chính là Công giáo, Phật giáo và Tin Lành.

Người Xơ Đăng có các nhánh là Ka Dong, Mơ Nâm, Tơ Đrá…; so với các dân tộc khác ở trong tỉnh, đây là dân tộc có số lượng đông nhất ở Kon Tum nói chung và ở huyện Kon Plông nói riêng. Đây là kết quả về những cuộc chuyển cư của cư dân các nhóm thuộc dân tộc Xơ Đăng. Những cư dân thuộc hệ ngôn ngữ Môn - Khơ Me là những người có mặt sớm nhất trong những cư dân còn tồn tại ở Bắc Cao nguyên. Một trong những cơ sở để khẳng định tính bản địa của người Xơ Đăng là các truyện kể về nguồn gốc dân tộc từ người Ka Dong đến người Tơ Đrá, người STeng đến người Hà Lăng, người Mơ Nâm… đều cùng chung một nguồn gốc với các địa danh cư trú như các ngọn núi Ngọk Ang (gần đỉnh Ngọk Linh, huyện Đăk Glei), trong truyện của người Hà Lăng, ngọn núi Rơ Cô nơi giáp xã Hiếu và Đăk Pne hiện nay; còn người Ca Dong ở Ngọk Tem lại cho rằng đó là ngọn núi Ngọk Bum ở xã Măng Cành.

Với đặc điểm có nhiều dân tộc cùng sinh sống, tuy có sự khác nhau về truyền thống văn hoá, nhưng các cư dân trên địa bàn huyện đều sinh sống hòa thuận, đoàn kết và thống nhất trong một tổng thể, mang đặc trưng gần giống nhau về trình độ, mức sống, tâm lý, đạo đức... Tất cả những nhân tố đó đều hướng vào mục tiêu chung trong sự nghiệp xây dựng quê hương Kon Plông ngày một giàu đẹp.

Do sống trong môi trường biệt lập, các cộng đồng dân tộc ở huyện Kon Plông quần cư theo từng thôn, làng với kinh tế tự cung, tự cấp. Đặc trưng cơ bản của phương thức canh tác trước đây là phát, đốt, chọc, tỉa để gieo trồng lúa, bắp, mì (sắn) và các loại cây hoa màu khác. Cùng với nông nghiệp là chăn nuôi, các nghề thủ công nghiệp như dệt vải, rèn, gốm, đan lát cũng hình thành và phát triển.

Cuộc sống người dân chủ yếu dựa vào nương rẫy. Trong nền kinh tế truyền thống, nương rẫy có vị trí quan trọng hàng đầu, là nguồn sống chủ yếu của người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Tạo một khoảnh rừng đã chọn trên cơ sở xem xét độ dốc, đất đai, cây cối và tiến hành nghi thức tín ngưỡng xin phép thần linh để làm ăn suôn sẻ, việc đầu tiên của cư dân trong quá trình canh tác là đốn cây, phát cỏ, khai quang mặt bằng. Nương rẫy được sử dụng theo một chu trình khép kín. Mỗi vạt rẫy, khoảnh nương được sản xuất vài năm, sau đó lại bỏ hoang (khoảng mươi năm) để đi tìm đất mới. Đây chính là nguyên nhân đưa tới lối sống du canh, du cư của đồng bào đã được duy trì và kéo dài trong nhiều thập kỷ nay. Nương rẫy được canh tác và sản xuất chủ yếu bằng những công cụ thô sơ, ban đầu phổ biến là dùng gậy chọc lỗ, về sau mới dùng cuốc. Số đông người dân tộc Xơ Đăng, Hrê biết làm ruộng nước và làm vườn cách đây chưa lâu. Đối với vùng đồng bào làm ruộng nước, phần lớn người dân sử dụng các công cụ để cuốc đất, cho trâu bò giẫm bùn đất và sử dụng những kỹ thuật nông nghiệp mới, đem năng suất thu hoạch cao hơn so với những nơi canh tác nương rẫy.

Với lối sản xuất như vậy cùng với điều kiện tự nhiên đã quy định một khung nông lịch chung: hàng năm đồng bào chỉ làm nương rẫy hoặc ruộng nước khi bắt đầu vào mùa mưa. Tính theo âm lịch, từ tháng 4, mở đầu mùa mưa là thời kỳ trỉa lúa; tháng 10, khi mùa mưa chuyển sang mùa khô là lúc thu hoạch và đưa thóc vào kho. Trong thu hoạch, đối với lúa ở trên nương rẫy cũng như lúa ruộng, trước đây vẫn phổ biến hình thức tuốt lúa bằng tay; sau này liềm, hái được sử dụng làm dụng cụ sản xuất, thu hoạch lúa và gần đây đã đưa một số công cụ cơ giới hóa vào giúp bà con thu hoạch nhanh chóng, hiệu quả hơn. Chính vì mỗi năm canh tác một mùa nên người dân nơi đây quen đồng nhất số tuổi của mình, của con cái với số mùa nương rẫy kể từ khi ra đời. Tính tuổi đời theo mùa nương rẫy và cũng tính năm theo mùa rẫy là một đặc điểm trong đời sống kinh tế, xã hội của đồng bào dân tộc Tây Nguyên.

Chăn nuôi cũng là một hoạt động sản xuất rất quan trọng trong đời sống kinh tế-xã hội. Đồng bào thường chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm như: trâu bò, heo gà, dê… theo phương thức thả rông gần nơi cư trú hay trong các bìa rừng gần. Ở những nơi sớm sản xuất lúa nước, đồng bào đã biết dùng trâu quần nhuyễn mảnh ruộng để cấy lúa nhưng ít dùng trâu để cày bừa. Bởi trâu đối với đồng bào các dân tộc là tài sản quý thường dùng làm vật trao đổi, tặng cho con cái và lễ vật cúng trời, cúng tổ tiên. Một nét đáng lưu ý là trước đây, đồng bào không sử dụng phân của gia súc để bón nương rẫy hay ruộng nước vì quan niệm lúa cúng tổ tiên, cúng Yàng phải sạch sẽ, không bị uế tạp; nhưng với sự tuyên truyền, vận động của các thế hệ cán bộ, giờ đây bà con đã có sự thay đổi về nhận thức trong việc cải tạo ruộng đất, nâng cao năng suất cây trồng.

Kinh tế hái lượm tự nhiên gắn với săn bắt muông thú trong rừng vẫn còn có vai trò nhất định đối với đời sống kinh tế gia đình đồng bào các dân tộc trong huyện. Thường ngày, theo mùa, có thể hái các loại rau, măng, nấm... Vào lúc giáp hạt, mùa nương rẫy thất thu hoặc bị giặc càn quét bao vây ở các thời kỳ trước đây thì núi rừng cung cấp nguồn lương thực cần kíp. Bình thường công việc hái lượm do người phụ nữ đảm nhận, phù hợp với sự nhanh nhẹn, cần cù. Việc săn bắt lại do nam giới có sức khoẻ và lòng dũng cảm đảm nhiệm. Săn bắt không ngoài mục đích bảo vệ mùa màng, tạo ra nguồn thực phẩm mà còn là yêu cầu luyện tập truyền thống trong xã hội thượng võ của đồng bào bao đời truyền lại, nối tiếp nhau. Ngày nay, do đời sống được cải thiện, sản xuất nông nghiệp phát triển, nên sản phẩm hái lượm chỉ bổ sung cho nhu cầu cuộc sống thường ngày, là sản phẩm phụ thêm trong đời sống kinh tế của cộng đồng. Còn săn bắt giảm dần do yêu cầu bảo vệ động vật hoang dã.

Đặc biệt, phổ biến chung cho tất cả các cư dân trên địa bàn huyện là nghề thủ công truyền thống, như: làm mộc, đan lát, dệt, rèn... Ở người Xơ Đăng, nghề dệt có bước phát triển khá. Riêng nghề mộc, dù ở đây chưa có thợ chuyên nghiệp, nhưng việc dựng nhà Rông, nhà ở, làm kho thóc, chòi rẫy, làm nõ, đẽo quan tài và tượng hình người... đã đạt kỹ thuật cao. Đan lát mây, tre… được xem như là sở trường truyền thống của người đồng bào. Đồ vật dùng trong gia đình từ thúng mủng, nong nia đến gùi hàng với các kiểu dáng thông thường: lóng mốt, lóng đôi... đã tạo nên những sản phẩm đẹp và phong phú.

Hàng hoá - sản phẩm của thủ công và các ngành kinh tế khác được cư dân trao đổi trong từng làng và giữa các làng với nhau. Do trước đây, giao thông tới làng xã còn khó khăn, trình độ dân trí chưa cao, nên hàng hoá chỉ mới đóng vai trò chức năng trao đổi chứ chưa đủ sức phát triển mạnh để hình thành một thị trường hàng hoá. Ở Tây Nguyên cũng như ở Kon Plông, thời xa xưa chưa hề biết đến các loại tiền với tư cách là vật trung gian để mua bán hàng hoá. Mãi sau này, khi đồng tiền với giá trị mua bán trao đổi được phổ biến rộng rãi khắp từng cộng đồng xã, làng thì người dân ở đây mới chính thức sử dụng.

Do sự tác động của xã hội hiện đại, tổ chức cơ sở xã hội nhỏ nhất là gia đình của cư dân các dân tộc huyện Kon Plông được chuyển biến theo hướng gia đình lớn dần dần giải thể, gia đình nhỏ từng bước được xác lập và diễn ra rộng khắp với các mức độ khác nhau. Trước đây, trong mỗi gia đình gồm những thành viên vài ba đời sinh hoạt từ một ông bà tổ, nghĩa là có nhiều cặp vợ chồng với con cái của họ, mà quan hệ trong đó rất đa dạng: có quan hệ vợ-chồng, cha mẹ-con cái, anh em-chị em, cô, dì, chú, bác-con cháu... Sống chung trong những nóc nhà dài, mỗi gia đình hạt nhân trong một gia đình lớn, đều được dành riêng một không gian nhất định làm chỗ ngủ, cất đặt tư trang và để tiện sinh hoạt.

Dù thuộc hình thức nào, gia đình của người đồng bào dân tộc cũng vừa là đơn vị kinh tế (từ sản xuất đến tiêu dùng), vừa là tế bào xã hội. Các thành viên trong gia đình gắn bó với nhau về huyết thống, nơi cư trú, cùng sở hữu đối với tài sản chung, cùng lao động và cùng hưởng các sản phẩm thu được. Ở đây, không phát triển chế độ gia trưởng kèm theo quyền lực nghiêm khắc, nghiệt ngã mà thực tiễn cuộc sống cũng không cần đến điều đó để điều hành sinh hoạt trong gia đình. Ngoài gia đình ra, điểm nổi bật của các dân tộc trong cơ cấu xã hội cổ truyền là làng. Làng là một cộng đồng xã hội mang tên chung; ở mỗi dân tộc có một tên gọi cụ thể, như là Kon Chênh, Kon Vòng Ke, Plei Rơ Hai…. Làng là một tổ chức xã hội có kết cấu chặt chẽ, còn mang đậm dấu ấn công xã nông thôn, gắn với nhiều chức năng trong đời sống xã hội.

Với tổ chức xã hội duy nhất đó, già làng được chọn ra từ cộng đồng là những người cao tuổi, có đạo đức, uy tín và nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống. Trong phạm vi từng làng, mọi thành viên chịu sự điều khiển của gia làng. Người Xơ Đăng ở Kon Plông và ở một số nơi của tỉnh Kon Tum, bên cạnh già làng còn có tập thể các thành viên là những đại diện các "nóc" (tức nhà) nhưng người đứng đầu vẫn là già làng. Tuy có những quyền uy nhất định, già làng và các thành viên Hội đồng già làng đều tuân thủ nguyên tắc chung của cộng đồng làng, bình đẳng như nhau. Khi chế độ tư hữu xuất hiện, trong làng có sự phân hoá giàu nghèo, nhưng đặc trưng cơ bản của những nguyên tắc đó vẫn còn duy trì đến ngày nay. Giữa các gia đình trong làng, dù thân thuộc hay không đều có sự tương trợ lẫn nhau về mọi phương diện. Không một ai bị bỏ đói khi kho thóc người khác còn đầy.

Điểm chung nhất của của làng truyền thống là tính thuần nhất thành phần tộc người trong làng. Việc thu nhận thêm người đến cư trú trước kia chỉ xảy ra với các trường hợp là gia đình đã sẵn có người thân thích ở làng mà họ muốn nhập cư, hoặc đó là dâu, là rể đến cư trú sau lễ cưới. Ngày nay, theo chủ trương của Đảng, Chính phủ, chính quyền tỉnh và huyện đã thu xếp cho một bộ phận nhân dân ở các tỉnh khác đến sinh sống, lập nghiệp, nhất là sau khi huyện Kon Plông được tái thành lập. Một số đồng bào mới đến sống chung làng với đồng bào dân tộc. Mỗi làng có vùng cư trú riêng. Giữa các làng thường cách nhau một quả đồi, con suối hoặc một khu rừng. Tình đoàn kết giữa đồng bào người Kinh với đồng bào dân tộc, giữa người cư trú lâu đời với những người mới đến càng gắn bó keo son. Chế độ tự quản trong làng vận hành trên cơ sở luật tục. Đó là những quy tắc xã hội, chỉ dẫn cách đối nhân xử thế, xác định hành vi tội phạm theo truyền thống văn hoá của cư dân. Từ chế độ sở hữu đất đai đến sở hữu của cải nói chung; từ các quan hệ cá nhân giữa người với người cho đến vị thế, trách nhiệm của người đứng đầu cộng đồng, rồi thể chế hôn nhân và quan hệ gia đình... đều được quy định ở các luật tục. Luật tục không chỉ có giá trị khi phân xử, mà còn là "kim chỉ nam" khuyên răn, hướng dẫn nhằm làm cho mọi người đếu sống theo tập tục truyền thống của ông cha mình. Việc xét xử theo truyền thống của đồng bào mang màu sắc tôn giáo và thể hiện công bằng tự nhiên kiểu nguyên thuỷ. Cùng với sự sáng suốt, tinh tường của người xét xử, còn có sự can thiệp, chứng giám, phán xét của thần linh. Cho nên dù có nhân chứng, vật chứng hay không, người dân ở đây vẫn có thể xét xử mọi sự việc xảy ra trong phạm vi cộng đồng mình. Ngày nay, luật định mang tính chất pháp quy của toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phổ biến rộng rãi. Nhưng đi kèm bên cạnh những quy định chung, đối với đồng bào các dân tộc huyện Kon Plông vẫn bảo lưu nhiều nét riêng về tập quán giàu truyền thống văn hoá tiến bộ, biểu hiện trong việc dàn xếp và hoà giải những bất đồng trong quan hệ xã hội. Do mang nặng tính chất chủ động bảo vệ làng từ lâu, nên tất cả các làng dân tộc ở địa phương đều tập trung trai tráng tại nhà Rông để sinh hoạt, hội họp, luyện tập, săn bắn. Vì thế mà tinh thần thượng võ trong cộng đồng làng được phát huy cao độ và lưu truyền qua nhiều thế hệ. Người dân ở đây nếu như đời sống vật chất tuy còn nhiều khó khăn, nhưng đời sống tinh thần lại rất phong phú.

Tất cả các cộng đồng dân tộc huyện Kon Plông đều thống nhất một điểm bao trùm và chi phối quan trọng trong nhiều hoạt động cuộc sống của cá nhân cũng như cộng đồng, đó là tín ngưỡng vạn vật hữu linh (tức mọi vật đều có linh hồn). Hiểu theo tín ngưỡng của đồng bào, thế giới có nhiều siêu nhiên ẩn tàng vô hình trong các khách thể, vật chất ở tất cả mọi nơi xung quanh mình. Họ dùng phổ biến khái niệm Yàng (Giàng) để chỉ đa số các siêu nhiên, tức là có thần thiện phù hộ và đem lại lợi ích cho người; bên cạnh đó cũng có thần ác gây tai họa cho người. Người dân tộc Tây Nguyên gọi thần linh bằng danh từ tập hợp là Yàng (Trời), có nơi người ta gọi là Bốc (đối với ông), Dã (đối với bà). Người Xơ Đăng và một số tộc người quan niệm thần bảo hộ ẩn tàng trong "tmoong" (vật thiêng), thường là hòn đá hay một vật gì khác được nhặt về không phải ngẫu nhiên mà có sự báo mộng trước. Thế giới người chết được người đồng bào dân tộc mường tượng, mô phỏng theo cuộc sống của chính họ; nhưng đó là sự trái ngược nhau, sự đối lập nhất định giữa một đằng là người đang sống và đằng kia là người đã chết. Xuất phát từ tín ngưỡng tôn giáo xung quanh niềm tin thiêng liêng vạn vật hữu linh mà các thần linh lại chi phối sâu sắc một cách huyền bí đối với cuộc sống con người, nên họ cúng nhiều. Khi cúng bái bao giờ cũng có việc hiến sinh, dâng đồ ăn, thức uống để tế thần. Lễ đâm trâu (hay lễ ăn trâu) là nét văn hoá lâu đời còn bảo lưu, phổ biến nhất là trong lễ mừng chiến thắng, được mùa lớn hay khánh thành nhà Rông mới, lập làng mới, cúng giọt nước mới... Có lễ đâm trâu của cộng đồng, có lễ đâm trâu của gia đình, song thường là những lễ hội thu hút toàn thể dân làng tham gia. Những nghi thức lễ hội bao giờ cũng đi kèm theo các nhạc cụ cồng chiêng. Đồng bào có rất nhiều bộ cồng chiêng quý và nổi tiếng với những nghệ nhân sử dụng rất điêu luyện. Phổ biến chung vẫn là các dàn nhạc tự tạo, vừa mang tính giải trí, vừa có tác dụng đuổi chim, thú, bảo vệ mùa màng với chất liệu phù hợp như đàn đá, đàn Tơ Rưng, Klong Pút, cồng chiêng, giàn ống hoạt động nhờ sức nước… rất hay và nổi tiếng.

Nghệ thuật điêu khắc hình, trang trí, kiến trúc văn hoá của từng dân tộc thể hiện những sắc thái riêng được nhiều người hâm mộ và ca ngợi, như trang trí cầu thang nhà Rông, cầu thang nhà ở, tượng nhà mồ, các cột găng hay cây nêu trong ngày hội. Đặc sắc nhất ở vùng Xơ Đăng vẫn là nếp nhà Rông. Tuy ở mỗi dân tộc có khác nhau, thậm chí giữa các làng trong cùng một tộc người cũng không hoàn toàn giống nhau, nhưng đều theo phương thức trong các đồ án trang trí lên hai đầu dốc và dọc theo nóc nhà. Bên trong nhà Rông, các tác phẩm điêu khắc và hội hoạ thường bám trên bề mặt xà, cột hoặc dọc theo khung gỗ bao quanh mặt sàn... đặc biệt, việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống tạc tượng gỗ đã hình thành nên một số vườn tượng trên địa bàn. Tất cả những cái đó tạo cho văn hoá ở đồng bào dân tộc Kon Plông có sức thu hút mãnh liệt; đồng thời đây cũng là một tiềm năng, thế mạnh du lịch, thu hút, hấp dẫn khách tham quan và những nhà nghiên cứu đến với Kon Plông.

Dưới chế độ thống trị của thực dân Pháp, rồi đế quốc Mỹ, cuộc sống người dân ở Kon Tum nói chung, Kon Plông nói riêng đều chịu chung nỗi đau mất nước. Chính sách chia để trị, kỳ thị chủng tộc, tôn giáo của chế độ thực dân - đế quốc đã khoét sâu mâu thuẫn, tạo điều kiện cho các hủ tục lạc hậu phát triển, gây chia rẽ giữa các dân tộc. Nhưng kẻ thù càng ra sức chia rẽ thì đồng bào càng tin tưởng vào Đảng, vào Bác Hồ, luôn hướng về một dân tộc Việt Nam, một nước Việt Nam độc lập thống nhất. Từ ngày đất nước được giải phóng, cùng với sự quan tâm hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền địa phương, đồng bào đã an tâm định cư trên vùng đất quê hương mình. Hình thức kinh tế du canh, du cư từng bước bị phá bỏ. Định canh định cư được gắn chặt với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, các ngành nghề thủ công và mọi mặt của đời sống văn hoá - xã hội của huyện ngày càng phát triển mạnh mẽ. Nhiều xã đã tạo được chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, làm công trình thuỷ lợi, mở rộng diện tích lúa nước; đến hết năm 2022, huyện Kon Plông có 3 xã được công nhận đạt chuẩn công nông thôn mới (Pờ Ê, Măng Cành, Đăk Tăng).

**CHƯƠNG I**

**ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC, PHONG KIẾN ÁP BỨC NÔ DỊCH,**

**KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**

**1. Kon Plông dưới ách thống trị của đế quốc, tay sai**

Ngày 06-6-1884, thực dân Pháp đã buộc Triều đình Huế ký Hòa ước Giáp Thân thay cho Hòa ước Quý Mùi (ngày 25-8-1883). Với những điều khoản được ghi rõ trong Hòa ước, Việt Nam bị đặt dưới quyền đô hộ của thực dân Pháp. Nắm được toàn quyền trong tay, thực dân Pháp áp dụng ngay chính sách chia để trị và phân nước Việt Nam ra làm nhiều khu vực. Mỗi khu vực một chế độ riêng. Vùng đồng bằng có Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ; vùng miền núi có miền Thượng du Bắc kỳ và miền Cao Nguyên Trung kỳ. Từ đây, cùng với Nhân dân cả nước và toàn tỉnh Kon Tum, đồng bào các dân tộc ở huyện Kon Plông đã trải qua một thời gian dài sống dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ thực dân, đế quốc và phong kiến tay sai.

Sau Hòa ước Giáp Thân 1884, đặc biệt sau khi thực dân Pháp gạt hẳn vai trò của Triều đình Huế ở Tây Nguyên, thành lập Tòa Đại lý ở Kon Tum (1893). Từ đó, thực dân Pháp độc chiếm quyền kiểm soát và bắt tay vào thực hiện chính sách cai trị, bóc lột trên vùng đất Kon Tum.

Về chính trị, trong giai đoạn 1884-1913, hệ thống chính trị vẫn chưa được tổ chức chặt chẽ, tình hình chính trị ở Kon Tum thời gian này còn lộn xộn, chưa đi vào một trật tự nề nếp; hầu hết các địa bàn trong tỉnh, đồng bào các dân tộc thiểu số vẫn sống tự do, làng này, làng kia còn đi cướp phá, tranh giành lẫn nhau, chưa có sự quản lý của chính quyền cai trị. Từ năm 1913 đến 1945, trên cơ sở hệ thống chính trị ban đầu được xây dựng, thực dân Pháp tiếp tục củng cố chính quyền cai trị ở Kon Tum theo chế độ trực trị, với ba hệ thống chính trị riêng (bộ máy cai quản của Nam triều, bộ máy tự quản của người dân tộc thiểu số và hệ thống chính trị thực dân Pháp). Từ việc thiết lập hệ thống cai trị và cách thức cai trị, đến việc thiết lập hệ thống Tòa án đến cách tổ chức xét xử...tất cả đều do thực dân Pháp điều hành và thâu tóm quyền lực, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động của Nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum. Các quan chức Nam triều cũng như quan chức người dân tộc thiểu số đều là những người hữu danh vô quyền. Ngoài ra, thực dân Pháp dùng chính sách chia rẽ dân tộc, gây hận thù nhằm làm suy yếu sức mạnh đoàn kết của cộng đồng các cư dân và các dân tộc trong tỉnh, trong các huyện. Chúng tuyên truyền "Xứ Thượng của người Thượng" để chia rẽ người Thượng với người Kinh; đồng bào Kinh sống ở thị xã với đồng bào Ba Na, Xơ Đăng ở các huyện Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Glei.

Về kinh tế, giai đoạn 1884-1913, thực dân Pháp thực hiện mục tiêu gạt bỏ hẳn vai trò của Triều đình Huế để thâu tóm độc quyền về kinh tế và vơ vét của cải, tài nguyên ở Kon Tum; khuyến khích tư bản Pháp đẩy mạnh việc khai thác đồn điền ở Kon Tum, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu các loại cây công nghiệp, phục vụ cho lợi nhuận kinh tế của thực dân Pháp. Chính sách này khiến nhiều người dân trong huyện Kon Plông bị mất dần ruộng đất, phải lùi vào vùng sâu, vùng cao khai phá nương rẫy. Những năm 1913-1945, kinh tế Kon Tum có sự đầu tư phát triển. Tuy nhiên, mục đích của thực dân Pháp là nhằm phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa, bóc lột kinh tế, vơ vét của cải ngày càng mạnh hơn, không nhằm đầu tư cho sự phát triển của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Bên cạnh các hoạt động kinh tế, để phục vụ cho bộ máy chính quyền, thực dân pháp quy định mức đóng thuế ngày càng tăng. Thuế thân từ 0đ50 hoặc 10 kg lúa năm 1929 lên 2đ50 năm 1933. Những năm 1930-1934, để bù đắp sự khủng hoảng kinh tế, thực dân Pháp tiến hành đánh nhiều loại thuế khác như thuế đốt rẫy, thuế đầu thú,...Năm 1929, thuế đầu thú mỗi suất 1đ, năm 1930-1932 tăng lên 2đ, năm 1933 là 2đ50. Việc thu thuế trở thành một thông lệ và là một thủ tục gây nhiều phiền phức cho Nhân dân các dân tộc bản địa, nhất là những năm mất mùa, năng suất lúa thấp. Do đó mỗi làng người đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm tìm cách trốn nộp thuế. Cùng với việc thu thuế, thực dân Pháp còn tăng cường bắt nhân công làm đường, củng cố các đồn bốt. Vừa bị đánh thuế nặng nề, vừa không có người lao động sản xuất, nên những năm 1943-1945 nạn đói diễn ra tràn lan ở nhiều vùng trong tỉnh. Đặc biệt là nạn thiếu muối ngày càng trầm trọng, nhiều làng ở Đăk Bung, Đăk Dục, Măng Khênh (Đăk Glei), vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Kon Plông,...trong 3,4 tháng liền không có muối ăn.

Về văn hóa, xã hội, giai đoạn 1884-1913, thực dân Pháp cho lập trường học, vận động con em các dân tộc thiểu số đến trường, mục đích nhằm giảng dạy về Thiên chúa giáo, mở rộng miền truyền giáo trên vùng đất Kon Tum. Toàn tỉnh Kon Tum chỉ có 01 cô mụ và 01 quan thầy thuốc trông nôm việc chữa bệnh cho toàn thành phố. Chưa chú ý quan tâm đến vấn đề phòng chống dịch bệnh. Do đó, năm 1893, xảy ra nạn dịch đậu mùa lớn ở Kon Tum; trong vòng 1 tháng đã làm 180 người chết trong cùng 1 làng, sau đó lan nhanh ra các làng lân cận và hầu khắp các vùng của tỉnh Kon Tum làm chết hàng ngàn người. Từ năm 1923-1945, thực dân pháp cho mở thêm một số trường lớp, học sinh chủ yếu là người dân tộc thiểu số, mục đích của các cơ sở giáo dục cũng chỉ để phục vụ cho mục đích truyền đạo và tuyên truyền văn hóa thực dân ở Kon Tum. Ở Kon Plông, đến năm học 1942-1943, Chính phủ Nam triều mới mở được 01 lớp sơ học, với khoảng 20 học sinh tham gia. Việc thành lập các cơ sở y tế cùng với việc khám chữa bệnh của thực dân Pháp chủ yếu phục vụ cho quan chức Pháp, tay sai trong bộ máy chính quyền thực dân. Số người được hưởng thụ chính sách y tế của thực dân rất hạn chế, chủ yếu là người Kinh theo đạo Thiên chúa tại các làng nội thị. Việc phòng bệnh, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân không phải là mục tiêu chính sách y tế của địch. Vì thế dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Năm 1930, một ổ dịch lớn bùng phát và gây ra nhiều trường hợp tử vong (198 người chết). Năm 1932-1933 tiếp tục xảy ra dịch bệnh đậu mùa trong 2 năm liên tục làm cho 5.000 người mắc bệnh và tử vong…

Về quân sự, sau khi chính thức đô hộ Việt Nam, thực dân Pháp liền áp dụng ngay chính sách “chia để trị”. Đối với vùng núi và miền Cao Nguyên Trung kỳ, chúng thiết lập để người Pháp trực tiếp phụ trách an ninh. Năm 1910, chúng bắt đầu tổ chức đội quân dùng người tại chỗ (cả người Kinh và người Thượng). Năm 1916, chúng lập đội quân lính khố xanh ở với 600 lính, liên tục đánh phá nhiều làng ở phía Bắc tỉnh hòng uy hiếp, buộc nhân dân phải ra quy thuận bọn cai trị pháp. Đến năm 1929, bên cạnh việc củng cố thêm đồn bốt, chúng tăng cường thêm 1 đội lính khố xanh 361 tên để phục vụ cho việc đàn áp phong trào nổi dậy trên các địa bàn thị xã Kon Tum và các huyện. Bên cạnh đội ngũ lính khố xanh, năm 1933, thực dân Pháp đã tuyển chọn 120 người dân tộc Xơ Đăng và thành lập đội lính khố đỏ, nhằm mục đích tăng cường lực lượng quân bị thực thi chính sách cai trị, đàn áp phong trào đấu tranh của Nhân dân Kon Tum.

Có thể nói, dưới ách thống trí của đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên - Kon Tum, nhất là các huyện Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Glei... lại càng cực khổ hơn. Sống trong cảnh mất nước, mất độc lập, tự do, mất đất rừng, nguồn suối, đói cơm, rách áo, đồng bào bị chết dần vì đói, vì đàn áp khủng bố. Xu hướng thống trị với các chính sách áp bức, bốc lột nặng nề của thực dân Pháp càng về sau càng tăng, trở thành một hệ thống cai trị điển hình về sự tàn bạo ở thuộc địa. Bọn phát xít Nhật, đế quốc Mỹ về sau đã lợi dụng triệt để và phát triển cách cai trị của Pháp với mức độ cao hơn trong điều kiện mới. Đó là chính sách phát xít quân phiệt và chính sách thâm độc của chủ nghĩa thực dân mới. Chống lại ách áp bức thống trị ấy, tinh thần phản kháng của đồng bào Tây Nguyên càng quyết liệt. Lòng khao khát độc lập, tự do vốn có từ lâu đời, đồng bào các dân tộc Kon Tum, ở các huyện trong tình không thể ngồi yên, khoanh tay đứng nhìn cảnh áp bức bất công, tàn nhẫn. Đồng bào đã nhiều phen đứng lên từ tự phát đến thức tỉnh bởi ý thức dân tộc và tiếp nhận ánh sáng đường lối cách mạng của Đảng, của Bác Hồ, kiên quyết chống đế quốc phản động từ đời này qua đời khác cho đến khi giành được thắng lợi cuối cùng.

**2. Đấu tranh chống lại ách thống trị của đế quốc, tay sai**

Với những điều khoản được ký kết trong Hòa ước Giáp Thân 1884, thực dân Pháp đã đạt được mục đích xâm lược thâu tóm vùng đất Kon Tum, và là cơ sở để Pháp đặt nền móng cho việc quản lý một cách bài bản hơn trong chính sách trị vì của mình. Không dễ dàng khuất phục trước những chính sách vô lý của chính quyền thực dân, đồng bào các dân tộc Kon Tum bằng tình yêu quê hương, giống nòi, quyết tâm giữ đất, bám làng, đã liên tục nổi dậy đấu tranh chống trả kẻ thù xâm lược.

Năm 1884, phái đoàn của Lãnh sự Pháp do Navelle dẫn đầu đã bị người Xơ Đăng chặn đánh, cho dù được quân lính có vũ trang hộ tống. Năm 1890, người Gia Rai đã đánh cướp toàn bộ chuyến hàng tiếp tế của các giáo sĩ thừa sai cho đoàn thám hiểm đo vẽ địa hình ở Kon Tum do viên trung úy Metz dẫn đầu. Trên vùng đất giữa Kon Tum và Attapeu (Lào), từ năm 1900 đến 1910, liên tiếp nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào Xơ Đăng chống lại sự xâm nhập của quân Pháp vào xây dựng đường sá, bắn phá dân làng, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của nghĩa quân Xơ Đăng do Thăng Mâu chỉ huy…

Ảnh hưởng từ các phong trào đấu tranh trong tỉnh, suốt nhiều năm cuối thế kỷ XIX, cư dân trong nhiều buôn làng ở huyện Kon Plông đã nổi dậu đấu tranh chống Pháp và tay sai với nhiều hình thức. Ở vùng người Tơ Đrá, Nhân dân trốn thuế mà cũng không đi xâu. Vùng người STiêng chống thuế của Pháp bằng cách khai giảm số dân đinh. Năm 1885, Nhân dân một số làng phía Đông Kon Tum gồm vùng Kon Plông, Đăk Glei, Đăk Tô, cùng Nhân dân các huyện phía Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi có những hoạt động hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp diễn ra ở vùng rừng núi Trung Kỳ.

Những năm đầu thế kỷ XX, đồng bào Xơ Đăng (Ca Dong) đã tự động tiến công nhiều đồn lính Pháp án ngự khống chế các vùng xa trung tâm thị xã Kon Tum, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), để khai thác Tây Nguyên, tên Khâm sứ Trung Kỳ lệnh cho Công sứ Kon Tum phải chinh phục người Xơ Đăng ở vùng Bắc Kon Tum. Chúng cho lính đóng nhiều đồn binh dọc đường 14 và đường 5 từ Kon Tum đi Mộ Đức (Quảng Ngãi). Quân Pháp còn định đóng đồn Kon Plông. Nhân dân thôn tổ chức đánh quân Pháp. Trận đánh diễn ra cách khu vực đồn Kon Plông 4 cây số. Với lòng gan dạ quả cảm, chỉ có vũ khí thô sơ, nghĩa quân xông ra đánh giáp lá cà với địch, giết được hai tên chỉ huy Pháp, thu một khẩu súng và một số lừa ngựa. Quân Pháp buộc phải rút về đóng đồn Kon Bhrai và thường xuyên cho quân lính đi càn. Quân Pháp liên tiếp bị đội quân của đồng bào đánh trả.

Từ các năm 1921-1925 trở đi, Nhân dân ở một số vùng đã có sự tổ chức mang tính chất cộng đồng cùng liên kết chống Pháp. Và mục tiêu đấu tranh của nhân dân đã xác định đối tượng rõ ràng hơn, đó là tập trung vào bọn Pháp. Mục tiêu của những cuộc chiến đấu này là không quy thuận bọn Pháp, đánh đuổi quân Pháp, giữ đất giữ làng của dân tộc mình.

Từ năm 1928, nằm trong âm mưu thôn tính địa bàn, bên cạnh việc củng cố thêm đồn bốt, quân Pháp tăng cường thêm một đội lính khố xanh để phục vụ cho việc đàn áp phong trào đang nổi lêm trên khắp các vùng thuộc thị xã Kon Tum, Đăk Glei và Đăk Tô (gồm cả huyện Đăk Hà, Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi ngày nay). Cuối năm 1928, quân Pháp tiến hành khảo sát địa bàn, chuẩn bị xây đồn đặt căn cứ cai trị ở làng Đăk Hà (thuộc xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông ngày nay). Sẵn có tinh thần đấu tranh của dân tộc, ba anh em ông Ni, ông Buôn và ông Doong đã đứng ra hiệu triệu người dân làng Đăk Hà (xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông) và các làng xung quanh cùng đứng lên chống lại. Với quyết tâm không để địch xây đồn, đặt căn cứ ở làng, phong trào được dân làng tham gia ngày càng đông đảo. Họ rào làng, đào hầm chông và canh gác giữ làng khiến cho địch không thực hiện được kế hoạch xây đồn như dự định.

**3. Ánh sáng cách mạng của Đảng chiếu rọi đến Kon Plông**

Ngày 03-02-1930, Đảng cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra đời mở ra bước ngoặt vĩ đại cho cách rnạng Việt Nam. Tổ chức của Đảng nhanh chóng được thiết lập trong nước. Đựờng lối của Đảng được bí mật tuyên truyền trong công nhân, nông dân, trí thức, học sinh. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra Lời kêu gọi công nhân, nông dân, các tầng lớp nhân dân, cả binh lính người Việt trong quân đội Pháp hãy ủng hộ Đảng, đi theo Đảng, gia nhập Đảng đấu tranh cho độc lập dân tộc, thực hiện tự do dân chủ để tiến tới xã hội cộng sản. Nhiều tỉnh, thành phố, công nhân, nông dân, học sinh hưởng ứng. Ở Kon Tum, Vì chưa có cơ sở các tổ chức tiền thân của Đảng, thiếu cán bộ, đảng viên nên công tác tuyên truyền đường lối, xây dựng tố chức Đảng chưa thực hiện được tới các huyện.

Trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, thực dân Pháp dùng lực lượng đàn áp, giết và bắt hàng nghìn người, và đưa phần đông những người bị bắt đày lên Kon Tum. Nhà tù thị xã Kon Tum là nơi giam giữ những người yêu nước, chống Pháp và tù thường phạm ở địa phương, đã nhanh chóng trở thành một trung tâm lớn giam giữ tù chính trị cộng sản của cả nước. Những người tù chính trị ở Kon Tum là những hạt giống đỏ gieo mầm cách mạng và đem ánh sáng niềm tin lý tưởng của Đảng đến với đồng bào các dân tộc ở Kon Tum, trước tiên là ở thị xã, sau đó lan dần đến huyện, trong đó có huyện Kon Plông.

Tháng 6-1930, thực dân Pháp đưa đồng chí Ngô Đức Đệ từ nhà lao Hà Tĩnh lên giam cầm ở nhà tù Kon Tum (Lao Trong). Tại đây, với tinh thần của người đảng viên Cộng sản, đồng chí Ngô Đức Đệ đã tìm cách gần gũi, tuyên truyền cảm hóa được các ông đội, ông cai rồi đi đến việc vận động thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Kon Tum ngay tại nhà Ngục Kon Tum (vào ngày 25-9-1930 ). Trong khi xúc tiến việc thành lập Chi bộ binh, các đảng viên Cộng sản đã tìm cách liên lạc móc nối với cơ sở bên ngoài nhà lao và đã liên lạc được các cơ sở của Đảng như Hà Phú Hương (Hà Thế Hạnh), Dương Văn Lan, Nguyễn Thị Hợi, Lê Hữu Thiềm...nối được đường dây chỉ đạo của Xử ủy Trung kỳ. Dưới sự tác động của đồng chí Ngô Đức Đệ, sau một thời gian chuẩn bị, đến đầu năm 1931, các đồng chí đảng viên bên ngoài nhà lao tiến hành thành lập chi bộ - còn gọi là Chi bộ đường phố.

Sự ra đời và hoạt động của hai chi bộ Đảng ở Kon Tum đã làm cho người dân và những người làm trong chính quyền địch dần dần biết được những người từ bị giam giữ hoặc đưa đi khổ sai làm đường 14 là những người yêu nước, những chiến sỹ cộng sản tích cực chống đế quốc, phong kiến mưu lợi ích cho dân tộc, cho mọi người, chứ không phải là "bọn nổi loạn đốt nhà cướp của” như thực dân Pháp tuyên truyền. Người dân biết được chính sách đối xử tàn nhẫn của quản ngục, binh lính Pháp, binh lính người địa phương đối với tù chính trị ở trong ngục Kon Tum cũng như trên công trường làm đường, qua đó đã tác động đến tinh thần yêu nước, ý thức cách mạng của Nhân dân. Một số người biết có phong trào chống đối chính quyền Pháp mạnh mẽ trong cả nước, mạnh nhất là ở Nghệ An-Hà Tĩnh. Trung ương Đảng nhận định: “Năm 1931, cố nông Thượng Kon Tum đã hăng hái ủng hộ Xô viết vận động của Nghệ An”, chắc chắn là dự vào tình hình đó… Tư tưởng, đường lối cách mạng của Đảng đến những người chỉ huy và binh lính địch người địa phương, một bộ phận nhỏ nhưng có uy thế và quan hệ xã hội rộng rãi ở tỉnh. Điều đó làm cho tư tưởng cách mạng dễ dàng thâm nhập vào nhiều người trong phạm vi thị xã Kon Tum và các vùng lân cận như huyện Kon Plông.

Tiếp đến, Cuộc đấu tranh Lưu huyết và Tuyệt thực của gần 200 tù chính trị tại Ngục Kon Tum diễn ra từ ngày 12-12-1931 đến ngày l6-l2-193l chống lại chế độ hà khắc của thực dân Pháp đã khiến 15 đồng chí hy sinh và 16 đồng chí khác bị thương. Đây là một sự kiện lớn, gây chấn động đối với bọn thực dân thống trị Pháp ở ngay tại Kon Tum và toàn cõi Đông Dương. Lần đầu tiên, đồng bào các dân tộc ở tỉnh Kon Tum nói chung và các làng tổng lân cận thuộc Kon Plông chứng kiến một cuộc đấu tranh không cân sức giữa những người tù tay bị xiềng xích, gông cùm với binh lính địch có trong tay dư thừa súng đạn. Đồng bào rất khâm phục ý chí kiên cường của những người tù chính trị cộng sản. Càng hiểu về những người cộng sản, càng hiểu về Đảng, Nhân dân Kon Tum nguyện đi theo Đảng để giành độc lập, tự do…

Những hoạt động của tù chính trị cộng sản, việc thành lập chi bộ cộng sản trong binh lính địch và sự ra đời của các chi bộ Đảng ở Kon Tum, đều nhằm xây dựng cơ sở cách mạng, xây dựng mối liên hệ giữa các tổ chức cộng sản với các giai cấp, tầng lớp nhân dân. Đặc biệt là những người cộng sản đã lãnh đạo tổ chức những cuộc đấu tranh quyết liệt trong nhà tù của tù chính trị cộng sản với khẩu hiệu ''chết cho sự sống!'', ''chết một người để cứu muôn người!''. Tuy diễn ra trong thời gian rất ngắn, nhưng nó có ảnh hưởng rất lớn trong phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc ở tỉnh Kon Tum, huyện Kon Plông. Đó là một trong những nhân tố cơ bản làm cho Nhân dân huyện Kon Plông giác ngộ, tin tưởng vững bước tiến lên trên con đường cách mạng. Những người lớn tuổi vùng Se Trá thường thích thú kể về "phong trào ông Thuần" và tỏ lòng khâm phục các chiến sĩ cộng sản bị đày ở Ngục Kon Tum. Họ kể: Người Kinh cộng sản rất dũng cảm, không sợ lính Pháp, đánh họ, họ đánh lại, dám phanh ngực thách Pháp bắn; họ thương và bảo vệ người Thượng khi bị Pháp đàn áp; họ đi làm đường khổ vẫn nhường cơm áo cho người Thượng…

Sau cuộc đấu tranh của tù chính trị, Ngục Kon Tum giải tỏa; cuộc đàn áp tù chính trị lắng xuống, cũng là lúc phong trào cách mạng nước ta đã vượt qua cơn bão táp khủng bố của thực dân Pháp, bắt đầu phục hồi dần và có bước phát triển mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng ta họp tại Ma Cao (Trung Quốc) từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, có 13 đại biểu tham dự. Qua thực tiễn phong trào những năm 1930 - 1935, Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ tích cực vận động quần chúng, nhất là đồng bào các dân tộc ít người ở Cao Bằng, Lạng Sơn, và đồng bào Thượng Kon Tum. Tại Đại Hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935), bản báo cáo của đồng chí Văn Tân (Hoàng Văn Nọn) đã nêu tình hình các bộ lạc, dân tộc ở miền núi phía Nam Trung Kỳ (Tây Nguyên) và Thượng du Bắc Kỳ. Trong báo cáo đó có nêu phong trào chống Pháp của người Thượng Kon Tum: “Ba năm gần đây (1932-1935), đã có nhiều cuộc đấu tranh của người Thượng và Tày chống đế quốc Pháp. Trong thời gian ấy có nhiều cuộc tấn công vũ trang của nông dân Thượng vào những đồn binh Pháp” . Đối chiếu với thực tiễn lịch sử thì những cuộc tấn công vũ trang của nông dân Thượng mà Đảng đã nêu trên đây chính là phong trào đánh du kích chống Pháp của người dân tộc Xơ Đăng ở Bắc và Đông Bắc Kon Tum, chủ yếu ở các huyện Kon Plông, Đăk Glei, Đăk Tô.

Như vậy, đến năm 1935, phong trào chống Pháp áp bức, đè nén của các dân tộc ở các huyện vùng cao Kon Tum chưa có tổ chức Đảng lãnh đạo. Nhưng Đảng đã quan tâm, chú ý đến các phong trào chống Pháp ở đó. Thông qua chính sách đàn áp của thực dân Pháp, qua mối liên lạc nào đó mà Đảng đã biết được phong trào chống Pháp ở các huyện Kon Plông, Đăk Glei, Đăk Tô tỉnh Kon Tum.

Sau khi dự Đại hội VII Quốc tế cộng sản và sau Hội nghị Trung ương (7-1936), Trung ương Đảng chủ trương lập Mặt trận Dân chủ nhằm thu hút đông đảo các giai cấp, các dân tộc, đảng phái, tôn gịáo ở trong nước để chống bọn phản động trong giới thống trị Pháp ở Đông Dương. Mục tiêu của Đảng thời kỳ này là lãnh đạo Nhân dân đòi quyền dân sinh, dân chủ, hoà bình và tiến bộ xã hội. Các hình thức tổ chức quần chúng do đó được đổi mới mở rộng. Hình thức đấu tranh phong phú, kết hợp phương thức công khai, nửa công khai, hợp pháp với bí mật, bất hợp pháp.

Trung kỳ là một trong ba trung tâm cao trào Mặt trận Dân chủ của cả nước. Các phong trào vận động Đông Dương đại hội, vận động tuyển cử Viện dân biểu; xuất bản tuyên truyền sách báo tiến bộ, đấu tranh bảo vệ quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin trên mặt trận báo chí, văn học nghệ thuật; đấu tranh chống sưu thuế... diễn ra sôi nổi.

Làn sóng cách mạng phù hợp nguyện vọng Nhân dân, những tin tức từ Trung Châu, từ Kinh đô Huế, từ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, từ Sài Gòn và các tỉnh ngoài Bắc, bằng nhiều luồng khác nhau truyền đến Kon Tum - Tây Nguyên. Các báo cách mạng, tiến bộ xuất bản ở Huế, Sài Gòn tố cáo sự thối nát và vạch trần tội ác của chế độ thực dân, phong kiến; nêu nỗi thống khổ của dân ta, đề đạt nguyện vọng đòi dân sinh dân chủ, thả tù chính trị.... đã xuất hiện ở thị xã Kon Tum và một số vùng lân cận nằm trên các trục đường 14, đường 5. Các hoạt động của các hội Tương tế, Ái hữu ở thị xã Kon Tum có ảnh hưởng lan tới các huyện Kon Plông, Đăk Tô kích thích những cuộc đấu tranh kêu kiện, đòi làm đường, sửa đường giao thông, mở trường học, lập nhà thương. Bọn phản động Pháp huy động binh lính đàn áp làm một số công nhân đồn điền chết, bị thương khi đấu tranh đòi tăng lương. Một số cán bộ, đảng viên của Đảng như Phan Thanh, Nguyễn Mỹ Tài đến thị xã Kon Tum tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, tác động đến một số nghị viên, nhân viên, viên chức tiến bộ trong chính quyền Pháp ở thị xã Kon Tum như Võ Gia Dư, Hà Văn Lâu, Hà Văn Hiên, Phán Giáp và một số thợ thủ công. Những cuộc tụ họp nói chuyện tin tức và kể chuyện về những gương hy sinh của những người tù cách mạng trước đó thường diễn ra. Tuy còn lẻ tẻ và chưa có sự hướng đạo của tổ chức, đoàn thể cách mạng chặt chẽ, nhưng những hoạt động đó đã nằm trong phong trào cách mạng chung của cả xứ, cả nước. Như phản ứng dây chuyền phòng trào đó ảnh hưởng đến các vùng lân cận, vùng sâu, vùng xa của tỉnh, những năm 1936-1938, ở các huyện Kon Plông, Đăk Glei và một số huyện miền Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi có phong trào vũ trang chống Pháp.

Trong giai đoạn 1936-1939, nổi lên là phong trào đánh Pháp của đồng bào các dân tộc ở vùng Đông Bắc Kon Tum, do ảnh hưởng từ phong trào Săm Brăm ở miền Tây Phú Yên. Nhân dân địa phương gọi là phong trào “nước Xu” (nước Thần). Phong trào lan rộng từ Mường Hoong, Đăk Glei, Đăk Tô qua Tu Mơ Rông đến Kon Plông. Ở huyện Kon Plông, điểm phát nước Thần của ông Thuần là khu rừng gần làng Kon Plông (thuộc địa bàn xã Hiếu ngày nay). Ông Thuần xuất thân từ nhân dân lao động, người làng Kon Biêu, dân tộc Xơ Đăng (Tơ Đrá). Cùng với dân làng Kon Plông, dân các làng từ Vô Mơ Na, Đăk Pne cho đến Kon Hà Nừng theo ông đánh Pháp. Khi phát nước Thần ông Thuần giấu mặt bằng cách che một mảnh vải đen. Ông bí mật tuyển lựa các thanh niên người Xơ Đăng (Tơ Đrá, Mơ Nâm, XTeng) thành lập một đội quân gồm 60 người gọi là lính của Già Thuần. Đội quân sống bất hợp pháp trong rừng, hàng ngày tập luyện cách đánh giặc bằng vũ khí cung tên, dao rựa, giáo mác và sản xuất để tự túc một phần lương thực.

Được nhân dân ủng hộ dưới sự lãnh đạo Già Thuần, đội quân này thường tổ chức các cuộc phục kích đánh vào quân Pháp lùng sục bắt xâu, thu thuế, coi phu làm đường. Từ cuối năm 1937, với uy tín của ông Thuần và đội quân của ông từ vùng Kon Plông đã ảnh hưởng đến cả vùng phía nam huyện (nay thuộc địa bàn huyện K,Bang, tỉnh Gia Lai). Đầu năm 1938, thực dân Pháp tổ chức cuộc càn quét quy mô trong suốt 6 tháng ròng vào 30 làng trong vùng Kon Plông và Đăk Tô như: Kon Biêu, Kon Gung, Kon Chênh, Đăk Lanh, Đăk Ngó ... Đội quân của ông Thuần đã anh dũng đánh trả giặc Pháp. Có nhiều trận đánh tiêu biểu như trận ở làng Kon Biêu. Người Tơ Đrá cầm chân giặc ở làng này 3 ngày, giết được 5 tên Pháp và 15 lính khố xanh. Có những gương chiến đấu anh dũng như anh Đjĩa, một mình giết 5 tên địch, cầm giáo chống lại hơn một trăm tên địch khi chúng tấn công nơi dân sơ tán, giết người già và trẻ em bên bìa rừng để đồng đội dẫn dân làng rút lui vào rừng. Địch bắt được, anh xông vào cắn cổ tên sỹ quan Pháp. Bọn lính bắn anh chết.

Tuy nhiên, nghĩa quân của ông Thuần dần bị tan rã bởi sức tấn công của địch, quân Pháp đã triệt hạ và đốt hàng nghìn nóc nhà, 200 người Xơ Đăng bị bắn chết, bị bắt, rất nhiều trâu, bò, lợn gà bị giết. Do quân địch đông, vũ khí hiện đại, những cuộc chống trả của đội quân ông Thuần yếu dần. Nghĩa quân rút về vùng Kon Gộp, Đăk Rong, Kon Hà Nừng thuộc khu vực người Ba Na cư trú và kéo dài thêm 3 năm đánh du kích chống Pháp. Đến năm 1940, phong trào nước Xu của ông Thuần bị dập tắt. Mặc dù vậy, Nhân dân huyện Kon Plông cũng như nhiều vùng khác trong tỉnh vẫn tiếp tục bất hợp tác với địch.

Cùng thời gian trên, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi thư công khai cho các đồng chí toàn Đảng có nhận định: Do ảnh hưởng của cao trào cách mạng, "quần chúng lao khổ càng ngày càng cách mạng hoá, nhiều phần tử dân chúng hậu tiến đã bị lôi cuốn vào làn sóng cách mạng, đặc sắc nhất là những cuộc võ trang tranh đấu rất dũng cảm của dân Thượng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Kon Tum chống đế quốc Pháp và tụi quan lại địa chủ phú hào Việt Nam"1

Như vậy, trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, ánh sáng cách mạng của Đảng không chỉ chiếu rọi đến thị xã Kon Tum, mà còn đến cả vùng Bắc, Đông Bắc tỉnh Kon Tum, trong đó có huyện Kon Plông. Nó đã thức tỉnh, khơi sâu tinh thần yêu nước, ý thức quyền tự trị dân tộc, quyền sống tự do, dân chủ tối thiểu của nhân dân các dân tộc trong huyện Kon Plông.

Cuối thời kỳ Mặt trận Dân chủ, chính sách phản động của chính quyền Pháp ở thuộc địa càng lộ rõ. Bọn phát xít Pháp ở Đông Đương tăng cường đàn áp phong trào cách mạng, giải tán các tổ chức quần chúng do Đảng tổ chức lãnh đạo. Phong trào vũ trang chống Pháp ở Kon Tum cũng bị đế quốc Pháp đàn áp dữ dội. Năm 1938, quân Pháp tập trung lực lượng đánh phá 30 làng trong hai huyện Kon Plông và Đak Tô, triệt hạ và đốt phá hàng nghìn nóc nhà; 200 người Xơ Đăng bị bắn chết, bị bắt; rất nhiều trâu bò, lợn gà bị giết.

Sự tàn ác của đế quốc Pháp, lòng căm thù và tinh thần đấu tranh ngày một quyết liệt của Nhân dân, ảnh hưởng phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo lan rộng dần. Đó là những điều kiện cần thiết để Nhân dân huyện Kon Plông hưởng ứng và tham gia cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, làm chủ quê hương.

**4. Hướng ứng cao trào đấu tranh giành độc lập dân tộc do Đảng lãnh đạo (1939-1945)**

Ngày 01-9-1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, phát xít Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau đó, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Vin cớ chiến tranh, đế quốc Pháp thi hành các chính sách phản động. Ở Đông Dương, toàn quyền Pháp Catơru thiết lập chế độ quân sự phát xít. Chúng ra lệnh giải tán các tổ chức dân chủ, tịch thu các báo chí tiến bộ, khủng bố bắt bớ đảng viên cộng sản Đông Dương.

Lợi dụng chiến tranh, thực dân Pháp tăng cường vơ vét, cướp bóc tài nguyên của cải của dân chúng khắp nơi. Chúng bóc lột thậm tệ các giai cấp, tầng lớp nhân dân, nặng nhất là công nhân và nông dân, làm cho đời sống người dân ở xã hội thuộc địa bị đảo lộn, bần hàn, cơ cực, luôn luôn căng thẳng lo âu. Mâu thuẫn giữa một bên là quần chúng nhân dân Việt Nam bị áp bức, bị mất nước, với một bên là đế quốc thực dân thống trị Pháp, trở nên gay gắt và sâu sắc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc đặt ra cho những người cách mạng yêu nước Việt Nam trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Tháng 6-1940, Pháp đầu hàng Đức. Tháng 9-1940, Nhật lập tức xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp đầu hàng: mở cửa quỳ gối rước phát xít Nhật vào chiếm nước ta. Đế quốc thực dân Pháp trở thành con chó giữ nhà cho Nhật. Lúc này Nhân dân ta bị ''một cổ hai tròng''. Với tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất, Nhân dân Việt Nam đã đứng lên cứu nước ở khắp nơi. Ngày 27-9-1940, nổ ra khởi nghĩa Bắc Sơn. Ngày 23-11-1940, khởi nghĩa Nam Kỳ. Ngay sau đó, tháng 1-1941, khởi nghĩa Đô Lương. Các cuộc khởi nghĩa liên tục nổ ra từ Bắc đến Nam, đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng trong cả nước.

Ở tỉnh Kon Tum, từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ cho đến khi Đảng ta lập Mặt trận Việt Minh, không khí căng thẳng, ngột ngạt của chiến tranh, của áp bức, bóc lột, đàn áp, khủng bố bao trùm khắp nơi, cả vùng người Kinh đến vùng dân tộc thiểu số, cả núi rừng vùng cao đến thị xã, thị trấn. Phát xít Nhật - Pháp tăng cường lực lượng ở Kon Tum, tranh giành sự chiếm đóng và khống chế con đường 14 chiến lược nối liền chiến trường toàn Đông Dương, đi từ bắc đến nam tỉnh Kon Tum. Chúng tăng cường cướp bóc lúa gạo, trâu bò, heo gà, tăng thuế, bắt dân đi phu, đi lính phục vụ chính sách tổng động viên của chúng. Chúng bắt hàng nghìn thanh niên trong tỉnh đi làm đường, cầu cống, làm các căn cứ quân sự ở tỉnh Kon Tum, ở Đăk Tô, Đăk Glei. Phát xít Nhật bắt đầu chiếm đất, tranh chấp với Pháp, lập đồn điền. Từng bước Nhật khống chế Pháp, âm mưu nắm toàn bộ tỉnh Kon Tum, phục vụ cho chiến lược quân sự, kinh tế lâu dài của phát xít Nhật. Trong các đồn điền của Pháp, chúng bắt công nhân lao động cực nhọc 10-12 giờ mỗi ngày, không được nghỉ giải lao, bọn chủ thường xuyên khủng bố, đánh đập, cúp lương, đuổi việc. Cùng với cuộc sống cùng cực, tối tăm của đông đảo đồng bào dân tộc thiểu số trong các vùng nông thôn rộng lớn là cuộc sống ngạt thở và ngày càng bần cùng của hàng vạn công nhân, nông dân và các tầng lớp khác trong đồn điền, đô thị và các vùng xung quanh.

Lợi dụng địa hình tỉnh Kon Tum núi non hiểm trở hẻo lánh, phong tục tập quán lạc hậu, có những mâu thuẫn do chính sách chia rẽ các dân tộc của chúng gây ra, bọn phát xít, đế quốc thực dân đã giam cầm, đày ải những chiến sĩ cách mạng vừa bị bắt sau thời kỳ Mặt trận Dân chủ tại “căng an trí” mà thực chất là ngục Đăk Glei (những năm 1939-1942) và sau đó là ngục Đăk Tô (những năm 1942-1945). Trong số đông chiến sĩ cộng sản bị đày lên tỉnh Kon Tum có các đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Tố Hữu, Chu Huy Mân, Lê Văn Hiến, Huỳnh Ngọk Huệ... là những tù chính trị mà địch cho là rất nguy hiểm đối với chúng. Khi đoàn tù từ Vinh, Thừa Phủ, Quy Nhơn, Nha Trang bị dẫn lên đày tại đây, một lần nữa đồng bào ta phải chứng kiến cảnh cơ cực và nỗi nhục của người dân mất nước. Hình ảnh những người tù chính trị bị hành hạ, thân thể tiều tụy không ra hình hài con người, đã làm cho nhân dân Kon Tum ai cũng đau lòng và uất hận.

Dưới ách thống trị của thực dân đế quốc và chủ nghĩa phát xít Pháp - Nhật, xã hội ngày càng phân hóa sâu sắc. Các tầng lớp nhân dân, các giai cấp cũng bị phân hóa mạnh mẽ. Mâu thuẫn giữa một bên là đại đa số nhân dân Kinh, Thượng, công nhân, nông dân, các tầng lớp tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, tù chính trị với một bên là bọn thống trị Pháp - Nhật và bọn tay sai của chúng là mâu thuẫn cơ bản và ngày một sâu sắc. Mâu thuẫn đó ngày càng đòi hỏi phải được cấp bách giải quyết.

Trên khắp các làng, các vùng đều hừng hực khí thế đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn cơ bản này. Nhưng khó khăn lớn đối với phong trào cách mạng ở tỉnh Kon Tum từ sau năm 1941 (nghĩa là sau khi Mặt trận Việt Minh được thành lập) là chưa có tổ chức Việt Minh địa phương và ảnh hưởng của phong trào Việt Minh ở nơi khác dội đến cũng bị hạn chế. Những chiến sĩ cộng sản bị tù đày ở đây đã chuyển đi nơi khác, không còn liên lạc được như trước. Xứ ủy Trung Kỳ bị địch khủng bố truy lùng, phải lập đi lập lại nhiều lần và di chuyển nhiều nơi, các chiến sĩ cộng sản trong ngục Đăk Glei bị địch giám sát canh giữ nghiêm ngặt, khó có thể tiếp xúc, dù là bí mật.

Trong thời gian đó, phong trào vũ trang chống Pháp ở Kon Plông (Kon Tum) vẫn tiếp tục được duy trì. Sau cuộc càn quét năm 1938, đội quân của ông Thuần bám vào vùng núi Voamôra và kéo dài thêm 3 năm đánh du kích chống Pháp. Nhưng do chiến tranh, đồng bào Kon Tum từ vùng Kinh ở thị xã đến vùng Xơ Đăng, Ba Na đã rất cực khổ. Khi Nhật đem quân lên Tây Nguyên tranh giành với Pháp lập đồn điền, xây dựng căn cứ quân sự đối phó lẫn nhau, tăng cường cướp thóc gạo, trâu bò, lợn gà thì đờỉ sống của nhàn dân càng khổ hơn. Hàng ngàn thanh niên bị bắt đi lính: đàn ông, đàn bà, người già phải đi xâu làm đường. Gạo, muối thiếu trầm trọng. Nạn đói. dịch bệnh xảy ra trong nhiều làng thuộc các huyện Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Glei làm chết nhiều người. Trong lúc ở thị xã, nhân dân còn tiếp tục những hoạt động đòi dân sinh dân chủ và bị bọn phát xít Pháp-Nhật ngăn cấm, thì ở KonPlong, vì thiếu lương thực, nghĩa quân của ông Thuần phải rút sang vùng Đăk Roong, Hà Nừng, Kon Gộp thuộc khu vực người Ba Na cư trú. Phong trào nước Thần tạm yên.

Năm 1943, Xứ ủy Trung Kỳ phái các đồng chí Huỳnh Đăng Bằng, Lê Thanh Hà từ Bình Định lên Kon Tum hoạt động gây cơ sở, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng. Bị bọn mật thám phát hiện vây bắt, các đồng chí đó bí mật sang PleiKu (Gia Lai). Tuy vậy, tinh thần yêu nước vẫn âm ỉ bùng cháy trong các tầng lớp nhân dân địa phương. Ở thị xã có các ông giáo Kỳ, giáo Thọ, Quản Lượng, Võ Văn Dật trong lính khố xanh, bác sĩ Hoàng Lẫm, Lê Ngữ, Lê Đại Uyên…yêu nước, ghét Pháp, quan tâm đến quốc sự thường tụ họp bàn chuyện chống Pháp. Ở vùng núi giữa hai huyện Kon Plông, Đăk Glei, 3000 dân thuộc nhóm Kon lăng chống quân Pháp định đóng đồn Tô Năng. Năm 1942, quân Pháp 2 lần từ Đăk Tô kéo xuống Mường Hoong bị nhân dân đánh trả buộc phải rút lui. Tháng 5-1943, quân Pháp dùng lính khố xanh người địa phương đánh úp nghĩa quân của ông Đoong ở làng Tô Năng và đóng đồn binh tại đó. Nhân dân vẫn tiếp tục bất hợp tác với địch.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, tin Hồng quân Liên Xô tiêu diệt quân Đức lan đến Tây Nguyên. Phong trào Việt Minh ở ngoài Bắc, đặc biệt ở các căn cứ Cao Bằng, Bắc Sơn “Võ Nhai phát triển mạnh mẽ, Phong trào Việt Minh ở các tỉnh miền Trung: Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên đã dội đến Tây Nguyên, An Khê, Plei Ku là cửa ngõ Kon Tum đã tiếp nhận được ảnh hưởng phong trào Việt Minh.

Đêm 09-3-1945, Pháp-Nhật ở Đông Dương bắn nhau. Cũng đêm đó, Ban Thường vụ Trung ương họp tại Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) nhận định Nhật đảo chính Pháp, Pháp sẽ thua, Nhật cai trị Đông Dương, nhưng chính trị Đông Dương sẽ khủng hoảng sâu sắc. Đảng quyết định phát động cao trào chống Nhật, cứu nước. Mặt trận Việt Minh lập tức hưởng ứng. Làn sóng cao trào chống phát xít Nhật từ các tỉnh Bắc kỳ nhanh chóng lan tràn khắp cả nước.

Ngày 11-3-1945, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Ngãi, các tù chính trị bị giam ở huyện lỵ Ba Tơ cùng với nhân dân địa phương lợi dụng lúc quân Pháp hoảng loạn, đã khởi nghĩa thắng lợi. Đội du kích Ba Tơ ra đời trong ngày khởi nghĩa (28 chiến sĩ, 14 súng) tiến hành xây dựng căn cứ trong vùng đồng bào Thượng thuộc dãy Trường Sơn. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi có ảnh hưởng trực tiếp đến huyện Kon Plông (Kon Tum). Một số nơi trong huyện Kon Plông, Nhân dân đã tự quản.

Sau khi đảo chính Pháp, Nhật nắm quyền cai trị, lập quản đạo Hà Ngại làm Tỉnh trưởng. Lính khố xanh trong tỉnh đổi thành bảo an binh. Nhật sử dụng bộ máy tay sai của Pháp để thống trị, cướp bóc Nhân dân các dân tộc ở Kon Tum; biến Tây Nguyên thành địa bàn chiến lược nhằm kéo dài chiến tranh. Tri huyện Kon Plông vẫn là tên Nuôn. Đồn trưởng Lê Phò chỉ huy lính bảo an ở đồn Kon Plông. Các tổ chức thanh niên Thiên chúa giáo, hướng đạo sinh được địch củng cố. Thanh niên tiền tuyến được tổ chức. Phát xít Nhật định lợi dụng các tổ chức này tuyên truyền luận điệu: “Việt Nam độc lập", "Nhật-Việt đoàn kết", "Công đức của Nhật giải phóng các dân tộc Đông Dương". Nhân dân các dân tộc Kon Tum không tin vào những luận điệu tuyên truyền đó. Vì họ thấy chính sách của Nhật không khác gì chính sách của Pháp, thậm chí Nhật bắt nộp sưu thuế và cướp bóc của cải còn nặng nề hơn trước. Nhân dân Kon Tum đã vận động công chức tiến bộ làm áp lực yêu câu Tỉnh trưởng Hà Ngại xin Chính phủ Trần Trọng Kim thả tự do cho 72 tù chính trị còn bị giam giữ ở Đăk Tô trong tháng 3-1945. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim buộc phải chấp nhận. Một cuộc vận động tổ chức đón tù chính trị được tiến hành. Từ thị xã Kon Tum, xe ô tô và đoàn người tổ chức công khai lên Đăk Tô. Qua đầu cầu Đăk Cấm, đoàn người đón tiếp đã gặp đoàn tù chính trị. Khi đến thị xã, bọn Nhật bắt xe chở đoàn tù chính trị vào đồn binh của chúng. Đồng bào kiên quyết đấu tranh buộc quân Nhật để cho đoàn xe chở tù chính trị tiếp tục về Plei Ku để nhanh chóng xuống Quy Nhơn, đặng kịp tham gia chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Sự kiện này làm cho đồng bào ở thị xã, các huyện Kon Plông, Đăk Tô hiểu thêm đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Mặt trận Việt Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

5. Tham gia khởi nghĩa giành chính quyền.

Đến giữa năm 1945, tình hình thế giới và trong nước có nhiều thuận lợi cho cách mạng tỉnh Kon Tum và huyện Kon Plông. Sau khi chiến thắng hoàn toàn phát xít Đức vào tháng 5-1945; ngày 08-8-1945, Liên Xô tuyên bố chiến tranh với Nhật. Liền sau đó, Hồng quân Liên Xô đánh tan đội quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu (Trung Quốc). Đây là trận đánh quyết định, trực tiếp định đoạt số phận diệt vong của chủ nghĩa phát xít Nhật. Đồng thời, theo sau đòn trời giáng ấy của Hồng quân Liên Xô, Mỹ đã dương oai ném hai quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố đông dân là Hirôsima và Nagasaki của Nhật Bản vào ngày 06 và ngày 09-8-1945, làm chết hàng chục vạn dân thường, gây tai họa cho hàng triệu người sống sót với những tàn tích do chất phóng xạ gây ra. Ngày 15-8-1945, Nhật tuyên bố đầu hàng Liên Xô và Đồng minh vô điều kiện. Ở Đông Dương, quân Nhật hoang mang, dao động đến cực độ, bọn tay sai khiếp sợ.

Trong nước, tháng 6-1945, Khu giải phóng Việt Bắc ra đời gồm 6 tỉnh Việt Bắc và hơn một triệu dân được giải phóng. Các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai tiếp giáp với Kon Tum, phong trào Việt Minh đã phát triển mạnh. Tin tức về Khu giải phóng Việt Bắc, các chiến khu chống Nhật trong cả nước và phong trào du kích đánh Nhật ở chiến khu Sơn Tịnh, Mộ Đức (Quảng Ngãi), mỗi ngày lại dội đến Kon Tum một tin thắng lợi. Không khí bàn luận cách mạng từ thanh niên, học sinh đến công chức, binh lính, trong đồng bào Kinh, các dân tộc và cả tín đồ Thiên chúa giáo. Chính quyền tay sai Nhật ở Kon Tum bắt đầu hoang mang. Các cơ quan quân sự, hành chính của địch ở thị xã, các huyện lỵ bị tê liệt. Thêm nhiều tổng, làng ở Kon Plông, Nhân dân đã tự quản. Chính quyền địch ở Kon Plông chỉ tập trung ở huyện lỵ với một tiểu đội bảo an binh và bộ máy của tri huyện.

Ngày 12-8-1945, tại chiến khu Việt Bắc, Ủy ban lâm thời khu giải phóng ra lệnh khởi nghĩa trong vùng căn cứ địa. Ngày 13-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) ra quyết định Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập ngay trong đêm 13-8-1945, phát đi Quân lệnh số 1, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa toàn quốc, kêu gọi toàn dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” . Ngày 16-8-1945, Đại hội Quốc dân khai mạc ở Tân Trào (Tuyên Quang). Đại hội nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh. Đại hội quyết định Quốc kỳ, Quốc ca và cử Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam, tức là Chính phủ lâm thời do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Mệnh lệnh khởi nghĩa của Ủy ban khởi nghĩa và Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch phát đi từ Tân Trào, đã truyền đi khắp đất nước và cũng đến với Nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum theo các kênh thông tin khác nhau. Đây là cơ hội “ngàn năm có một” để nhân dân ta nổi dậy giành quyền làm chủ, Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân, giải phóng đất nước.

Từ ngày 14 đến 18-8-1945, phần lớn số xã, huyện trong vùng căn cứ địa, một số tỉnh ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ đã giành được chính quyền từ tay phát xít Nhật. Ở Quảng Ngãi - tỉnh tiếp giáp với huyện Kon Plông, ngày 14-8-1945, lực lượng vũ trang địa phương đã giải phóng hầu hết các huyện, bao vây quân Nhật ở thị xã. Tiếng vang của các cuộc khởi nghĩa khắp nơi trong nước dội đến Kon Tum.

Tiếng trống khởi nghĩa từ làng Thi Phổ (Mộ Đức) - nơi đứng chân của cơ quan Tỉnh uỷ, mở đầu cho tổng khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Đến trưa 15-8-1945, hầu hết các làng, phủ, huyện nằm dọc quốc lộ 1 thuộc Đức Phổ, Bình Sơn, cà châu Ba Tơ, Nhân dân đã vũ trang khởi nghĩa thắng lợi. Cùng với khởi nghĩa ở thị xã, lực lượng vũ trang Quảng Ngãi mà nòng cốt là đội du kích Ba Tơ lần lượt đánh chiếm các đồn Di Lăng, Sơn Hà, Minh Long, huyện lỵ Nghĩa Hành và bao vây đồn Trà Bồng. Cả vùng rộng lớn phía Tây Quảng Ngãi tiếp giáp và bao bọc về phía Đông huyện Kon Plông đã được giải phóng, chính quyền về tay Nhân dân.

Lực lượng cách mạng Ba Tơ từ sau khởi nghĩa tháng 3-1945 đã nhận thấy mối quan hệ khăng khít trên cùng địa bàn chiến lược giữa Quảng Ngãi với Kon Tum, giữa Ba Tơ với Kon Plông. Vì vậy, ngày 15-8-1945, Ba Tơ giành được chính quyền từ tay quân Nhật. Vài ngày sau đó, lực lượng cách mạng Ba Tơ kéo lên huyện lỵ Kon Plông để phối hợp khởi nghĩa giành chính quyền. Lực lượng này khoảng 10 người do các đồng chí Huỳnh Long Thành và Phạm Mẹo phụ trách lên Kon Plông theo chỉ thị của Huyện uỷ Ba Tơ. Lực lượng địch ở huyện ly Kon Plông lúc bấy giờ không nhiều, chỉ có một đồn lính bảo an do đồn trưởng Lê Phò chỉ huy, đã không còn muốn đánh nhau vì quyền lợi của bọn Nhật. Tri huyện Nuôn là tay sai của Pháp, phản động khét tiếng nhưng lúc này đã hoang mang. Khi lực lượng khởi nghĩa kéo đến Kon Plông không gặp phải sự cản trở nào của kẻ địch. Tri huyện Nuôn và đồn trưởng bảo an vội vàng nộp vũ khí, sổ sách, ấn triện cho cách mạng. Ngày 19-8-1945, huyện Kon Plông giành được chính quyền về tay Nhân dân và là địa phương giành chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám ở tỉnh Kon Tum . Bộ máy chính quyền của huyện được thành lập trước khi có sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh .

Kon Plông giành chính quyền cùng với những thắng lợi giòn giả của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong những ngày tháng tám ở các tỉnh miền Trung đã tác động mạnh đến tỉnh Kon Tum; uy hiếp trực tiếp bộ máy chính quyền cấp tỉnh của địch ở thị xã Kon Tum từ phía Đông, góp phần tạo nên thắng lợi hoàn toàn của Cách mạng tháng Tám ở tỉnh Kon Tum vào ngày 28-8-1945.

Thành công của khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã và trong toàn tỉnh Kon Tum có nhiều nhân tố tạo nên. Trong đó có nhân tố quan trọng là khởi nghĩa thắng lợi trước ở huyện Kon Plông. Thắng lợi này có ý nghĩa to lớn đối với nhân dân địa phương. Suốt gần một thế kỷ đấu tranh chống đế quôc, phong kiến áp bức nô dịch ở Tây Nguyên, đây là lần đầu tiên đồng bào các dân lộc một huyện miền núi Kon Tum giành được quyền làm chủ đời mình trước khỉ đồng bào cả tỉnh cùng làm chú. Khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Kon Plông đã góp phần hỗ trợ tinh thần cho Nhân dân thị xã và các huyện khác khởi nghĩa.

Với thành quả khởi nghĩa thắng lợi trong huyện, trong tỉnh, Nhân dân các dân tộc trong huyện Kon Plông càng phấn khởi tin tưởng cách mạng, quyết tâm đi theo Đảng và Mặt trận Việt Minh, tích cực xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng. Đó là nhân tố quan trọng, điều kiện căn bản cấp thiết để xây dựng Kon Plông thành căn cứ kháng chiến, tổ chức lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang chống Pháp xâm lần thứ hai khi trong Huyện những năm sau đó chưa có Đảng bộ lãnh đạo.

Thắng lợi khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Kon Plông cũng như toàn tỉnh Kon Tum trong Cách mạng tháng Tám là tiền đề để tăng thêm tình đoàn kết trong Nhân dân các dân tộc; đoàn kết keo sơn miền ngược, miền xuôi, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong quân - dân - chính quyền - Đảng giữa Kon Tum với các tỉnh Gia Lai, Quảng Ngãi, Bình Định và các tỉnh khác ở khu V. Đặc biệt, đó là cơ sở trực tiếp để thực hiện sự đoàn kết chiến đấu chống giặc tổ chức gây dựng cơ sở đảng, xây dựng Đảng bộ, xây dựng quê hương giữa hai huyện Kon Plông (Kon Tum) và Ba Tơ (Quảng Ngãi) trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, 20 năm kháng chiến chống Mỹ xâm lược tiếp sau đó và trong sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay.

**CHƯƠNG II**

**BẢO VỆ CHÍNH QUYÊN CÁCH MẠNG, TÍCH CỰC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ, VŨ TRANG VÀ CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN**

**CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1949)**

**1. Bảo vệ, củng cố và xây dựng chính quyền, đoàn thể cứu quốc**

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợị mở ra thời kỳ cách mạng mới. Nhân dân các dân tộc Tây Nguyên hăng hái bắt tay xây dựng chế độ mới trong hoàn cảnh đất nước gặp muôn vàn khó khăn bởi nạn gịặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đánh chiếm Nam Bộ, thực hiện dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Cuối tháng 10-1945, tiếng súng của quân xâm lược đã lan rộng ra các tỉnh Nam Trung Bộ.

Các tỉnh Tây Nguyên vào thời điểm đó gặp muôn trùng khó khăn thử thách. Ảnh hưởng của cách mạng chưa thật sâu rộng trong quần chúng nhân dân. Các phần tử phản động vẫn lén lút chờ thời cơ nổi dậy chống phá. Đời sống đồng bào rất khó khăn, có nơi bị đói thiếu lương thực, thiếu muối, quần áo, thuốc chữa bệnh, nông cụ sản xuất... Chính quyền các cấp mới được thành lập, tuy đã làm được nhiều việc song tổ chức bộ máy còn non yếu, nhất là trong khâu quản lý điều hành.

Trước tình hình đó, nhằm xây dựng và củng cố Tây Nguyên... chuẩn bị cho nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Từ tháng 10-1945, Xứ ủy Trung Kỳ đã chủ trương tăng cường cán bộ lên các tỉnh Tây Nguyên, tạo điều kiện xây dựng lực lượng cách mạng quần chúng và chuẩn bị thành lập tổ chức Đảng.

Ở Kon Tum, sau khi khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, uỷ ban hành chính lâm thời tỉnh Kon Tum được thành lập. Tiếp đó, Chính quyền tỉnh đã cử các đoàn cán bộ đi xuống các huyện, làng xã trong tỉnh để tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ chính quyền cách mạng và xúc tiến lập bộ máy chính quyền ở các làng xã.

Ở Kon Plông, được sự giúp đỡ của Việt Minh huyện Ba Tơ nên bộ máy chính quyền huyện được thành lập trước khi có sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, nhưng điểm khó khăn trong xây dựng tổ chức Đảng, xây dựng bộ máy chính quyền, lực lượng vũ trang, dân quàn du kích lúc này là: 99% số dân trong huyện mù chữ. Số biết chữ rất ít. Một số biết chữ trước đây làm trong bộ máy chính quyên Pháp, Nhật. Cán bộ tăng cường cho Huyện từ tỉnh và các địa phương khác quá ít, lại ít người biết nói tiếng đồng bào dân tộc, nên khó khăn vận động đồng bào. Huyện có địa hình rừng núi hiểm trở, cán bộ vận động phong trào đi lại vô cùng khó khăn. Sau khởi nghĩa, tổ chức bộ máy chính quyền và đoàn thể làng, xã chưa được thành lập, các đội công tác mới lập đi xuống các làng để tuyên truyền vận động lập chính quyền cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo của Uỷ ban hành chính lâm thời tỉnh Kon Tum, thông qua các đội công tác, tổ chức bộ máy chính quyền và đoàn thể ở làng, xã trong huyện Kon Plông đã từng bước được thành lập. Chính quyền cách mạng đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn trở ngại, ổn định đời sống, diệt giặc dốt, giặc đói, chuẩn bị các điều kiện để phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá trong Huyện.

Tháng 10-1945, Mặt trận Việt Minh tỉnh Kon Tum được thành lập do đồng chí Ngô Đình Sỹ làm chủ nhiệm. Mặt trận Việt Minh, các đội công tác và tổ chức chính quyền các xã đã khẩn trương tiến hành công tác vận động quần chúng. Nội dung vận động tập trung vào các vấn đề thiết thân của đồng bào, như: tuyên truyền chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Chính phủ; từng bước bãi bỏ các thứ thuế vô lý mà đế quốc, phong kiến đặt ra đối với đồng bào các dân tộc; bỏ những tục lệ lạc hậu; thực hiện tự do tín ngưỡng, nam nữ bình quyền... Uy tín của chính quyền cách mạng, mối quan hệ gắn bó giữa Việt Minh và quần chúng nhân dân do đó được tăng cường.

Cuối năm 1945, Ban chấp hành Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tỉnh Kon Tum đã mở nhiều lớp huấn luyện cấp tốc đào tạo cán bộ cốt cán địa phương, làm hạt nhân lãnh đạo xây dựng các đoàn thể cứu quốc trong đồng bào dân tộc các huyện. Một số cán bộ của huyện Kon Plông lần lượt tham gia các lớp huấn luyện đào tạo này. Khi mãn khoá, họ trở về các làng xã, hăng hái tuyên truyền, vận động đồng bào vào các đoàn thể cứu quốc trong thanh niên, phụ nữ, nông dân.

Cuối năm 1945, Chi bộ Đảng ở tỉnh Kon Tum được thành, lập. Công tác phát triển đảng viên và xây dựng chi bộ cơ sở trong các huyện được chú ý đẩy mạnh. Số đảng viên dần tăng lên. Từ các chi bộ trong một số đơn vị lực lượng vũ trang phát triển dần trong các làng. Huyện Kon Plông đã được tỉnh tăng cường một số cán bộ, theo chủ trương tăng cường cán bộ cho chính quyền cơ sở xây dựng tực lượng vũ trang, chuẩn bị căn cứ kháng chiến..

Cùng với Nhân dân toàn tỉnh, ngày 23-12-1945, Nhân dân huyện Kon Plông đã nô nức đi bỏ phiếu bầu Quốc hội Khoá I của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà . Đây là sự kiện chính trị quan trọng trong đời sống chính trị của đồng bào các dân tộc Kon Tum. Điều đó thể hiện lòng yêu nước, tinh thần cách mạng của nhân dân khi được giác ngộ và sự cố gắng của chính quyền, đoàn thể ở huyện Kon Plông trong một thời gian ngắn đã ổn định tình hình kinh tế-xã hội, vận động và tổ chức nhân dân tham gia vào đời sống chính trị của đất nước. Lần đầu tiên, đồng bào các dân tộc trong tỉnh và huyện Kon Plông được thực thi quyền lợi và nghĩa vụ thiêng liêng của mình trong xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân. Sau cuộc bầu cử Quốc hội, Nhân dân các dân tộc huyện Kon Plông tham gia bầu cử hội đồng nhân dân các cấp.

Sau khi Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Kon Tum được thành lập (tháng 02-1946), công tác tuyên truyền cách mạng, vận động quần chúng ở các huyện trong Tỉnh từ đó được chú ý đẩy mạnh hơn. Công tác tổ chức, lập các đoàn thể thành một hệ thống từ tỉnh xuống làng xã được coi trọng. Nhiều đội tuyên truyền, xung kích đã đi sâu vào buôn làng để tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện đường lối, chính sách cha Đảng và Mặt trận Việt Minh.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Kon Tum, chính quyền cách mạng huyện Kon Plông, thông qua các tổ chức tự quản của quần chúng ở các làng xã, đã đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng, tổ chức đời sống mới cho đồng bào các dân tộc. Cán bộ Việt Minh, cán bộ chính quyền trong huyện đã vận động nhân dân bài trừ các tệ nạn xã hội như trộm cắp, rượu chè, mê tín dị đoan, các tập tục lạc hậu... Nhiều hoạt động đã thu hút sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân như: hướng dẫn tăng gia sản xuất, khắc phục nạn đói; cử cán bộ phụ trách mở lớp với những hình thức dạy học phong phú, để đem cái chữ và ánh sáng văn hoá của Đảng, Bác Hồ đến với đồng bào Tây Nguyên.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, chế độ xâu thuế phạt vạ hà khắc do thực dân Pháp đặt ra trước đây đã được bãi bỏ. Hệ thống lưu thông, trao đổi hàng hoá trong huyện, tỉnh và các vùng được tổ chức. Các điều kiện lập hợp tác xã mua bán từng bước được chuẩn bị để lo việc cung cấp những mặt hàng thiết yếu như gạo, muối, vải, dầu hoả, thuốc chữa bệnh... phục vụ nhu cầu đời sồng nhân dân trong huyện.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ Nhân dân được các cấp chính quyền trong huyện quan tâm, phong tục tập quán chữa bệnh bằng cúng thần linh dần dần được khắc phục. Chính quyền và đoàn thể đã vận động đồng bào thực hiện các chương trình vệ sinh phòng bệnh: ăn chín, uống sôi, ở sạch, vệ sinh làng xóm, chủng đậu phòng trừ dịch bệnh... Đồng bào các dân tộc nhờ được tuyên truyền hướng dẫn và được tận mắt chứng kiến hiệu quả tích cực của công tác chăm sóc sức khoẻ nên phong tục tập quán mê tín dị đoan, cúng lễ, kiêng kỵ có hại cho sức khoẻ, đã hạn chế dần. Hoạt đông văn hoá văn nghệ cộng đồng - một truyền thống của đồng bào dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ. Sắc thái văn hoá trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của đồng bào Tây Nguyên có thêm nhiều yếu tố mới của những ngày hội cách mạng.

Tín ngưỡng, tôn giáo và đoàn kết dân tộc theo chính sách của Đảng và Chính phủ được tuyên truyền phổ biến trong đồng bào các dân tộc. Nhân dân yêu mến cán bộ và tin tưởng chính quyền cách mạng. Đó là nhân tố quan trọng góp phần ổn định nhanh đời sống chính trị, tinh thần và vật chất của nhân dân trong huyện. Được hưởng độc lập dân tộc, tự do dân chủ làm chủ núi rừng, con suối, đồng bào hăng hái đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng xóm làng, sẵn sàng chống lại mọi nguy cơ đe dọa cuộc sống yên bình. Công cuộc chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp ở Tây Nguyên, Kon Tum, trong huyện Kon Plông theo chủ trương của Đảng và Chính phủ diễn ra trong điều kiện khẩn trương và theo tinh thần đó.

**2. Xây dựng lực lượng, tổ chức Nhân dân kháng chiến chống Pháp, thành lập các chi bộ đảng đầu tiên của huyện**

Những tháng cuối năm 1945, thù trong giặc ngoài đã đặt vận mệnh của nền dộc lập dân tộc, chế độ cộng hòa dân chủ Việt Nam trước nguy cơ như “ngàn cân treo sợi tóc”. Cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ 2 của thực dân Pháp, từ Nam Bộ đang mở rộng dần ra Trung Bộ, lên Tây Nguyên. Tăng cường khôi đoàn kết dân tộc, xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang là công tác đặc biệt quan trọng của chính quyền cách mạng tỉnh Kon Tum. Thường vụ Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định chia cả nước thành 9 chiến khu. Huyện Kon Plông và toàn tỉnh Kon Tum thuộc chiến khu V gồm các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai.

Theo sự chỉ đạo của Trung ương và Xứ uỷ Trung Kỳ, công tác xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang ở Kon Tum được tiến hành khẩn trương. Thực hiện phương châm xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang toàn dân bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, huyện Kon Plông đã đặc biệt chú ý xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, nhất là trong tầng lớp thanh niên các dân tộc. Các đoàn thể cứu quốc đều tiến hành quân sự hoá. Nhiều đội tự vệ chiến đấu được thành lập để canh gác, bảo vệ chính quyền, giữ an ninh, trật tự xã hội ở địa phương. Một số đội tự vệ được thành lập trong vùng đồng bào dân tộc ít người. Huyện tổ chức đưa cán bộ, bộ đội về địa phương để huấn luyện quân sự. Những đội vũ trang tuyên truyền được thành lập làm nòng cốt trong xây dựng căn cứ du kích và căn cứ kháng chiến. Công việc sắm sửa vũ khí trang bị cho các đội vũ trang được tích cực chuẩn bị.

Đến giữa năm 1946, thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Tháng 6-1946, Xứ uỷ Trung Kỳ họp Hội nghị mở rộng. Sau Hội nghị, công việc chuẩn bị kháng chiến ở các địa phương Tây Nguyên được tiến hành sôi động, khấn trương. Ngày 25-6-1946, quân Pháp chiếm thị xã Plei Ku. Tỉnh uỷ Kon Tum đã kịp thời chỉ đạo chính quyền huyện Kon Plông tổ chức sơ tán đồng bào ở Măng Đen, Kon Plông về vùng Ba Tơ (Quảng Ngãi) và chuẩn bị đón chính quyền tỉnh và đồng bào thị xã sơ tán.

Ngày 26-6-1946, quân Pháp đánh chiếm thị xã Kon Tum. Chính quyền, bộ đội, dân quân tổ chức chặn địch để Nhân dân rút ra ngoài thị xã theo đường 5 sơ tán về huyện Kon Plông. Quân Pháp theo đường 14 đánh chiếm Đăk Tô, Đăk Glei và theo đường 5 đánh huyện Kon Plông. Chính quyền, quân dân huyện Kon Plông rút về Kon Kơ Tàu đã cùng Chi đội 6 và dân quân trong Tỉnh vừa tổ chức chặn đánh địch quyết liệt, vừa hỗ trợ lương thực, thực phẩm, ổn định nơi ăn ở cho đồng bào sơ tán, bảo vệ Uỷ ban kháng chiến Tỉnh và đồng bào an toàn về vùng Ba Tơ (Quảng Ngãi). Khi rút lui, ta vẫn phân công cán bộ bám trụ vùng địch tạm chiếm để lãnh đạo phong trào. Đồng bào ủng hộ cách mạng.

Dù đã kịp thời, anh dũng chiến đấu chặn đánh địch, nhưng do lực lượng bộ đội ta còn non yếu, chưa xây dựng vững chắc vùng căn cứ, tổ chức lực lượng bám trụ nên địch nhanh chóng đánh chiếm được Kon Tum.

Địch chiếm huyện lỵ Kon Plông, kiểm soát đường 5. Tình hình Kon Plông gặp nhiều khó khăn. Các cơ quan chính quyền, đoàn thể, Mặt trận chuyển vào các làng vùng cao, vùng xa hoạt động, bị thu hẹp do thực dân Pháp o ép mạnh. Bọn tay sai phản động lợi dụng thời cơ ngóc đầu dậy. Bộ máy chính quyền trong Huyện không còn giữ hình thức như trước mà chuyển sang danh nghĩa thuộc Phân ban quốc dân thiểu số để bảo toàn tổ chức và lực lượng chỉ đạo Nhân dân kháng chiến.

Sau khi đánh chiếm Kon Tum, Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy cai trị từ tỉnh đến các huyện, xã. Ở huyện Kon Plông, thực dân Pháp xây dựng nhiều đồn bốt ở huyện lỵ và các vị trí quan trọng trong huyện; tập hợp bọn tay sai người địa phương, tổ chức các hoạt động chống phá với nhiều âm mưu và thủ đoạn xảo quyệt nằm trong chủ trương lập ”Xứ Tây Kỳ tự trị”. Chúng đã mở nhiều cuộc "đại hộị nhân dân” tại các buôn làng để lừa phỉnh, dụ dỗ đồng bào các dân tộc, chống lại chính quyền cách mạng và phong trào kháng chiến. Chúng tiếp tục thi hành các chính sách lớn: xây dựng, củng cố bộ máy nguy quyền các cấp. dưới sự giám sát chặt chẽ về quân sự và hành chính của người Pháp: chính sách dùng muối, thuốc ký ninh (chống sốt rét) và đồ dùng sinh hoạt để mua chuộc, dụ dỗ đồng bào ta: chính sách "không can thiệp" với mục đích duy trì những phong tục tập quán hết sức lạc hậu của đồng bào các dân tộc nhằm kìm hãm sự phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

Về phía ta, sau khi thực dân Pháp tái chiếm, toàn bộ hệ thống tổ chức chính quyền ở Kon Tum cho đến lúc rút về đến Kon Plông thì tuyên bố giải tán; ảnh hưởng của chính quyền vừa mới xây dựng đã bị thu hẹp lại . Tình hình đó gây nhiều khó khăn cho ta tổ chức lực lượng kháng chiến. Các cơ quan Đảng, chính quyền phải phân tán về các vùng đồng bằng, khu rừng núi an toàn. Sự chỉ đạo, lãnh đạo phong trào nhân dân do đó gặp khó khăn hơn. Thời gian xây dựng tố chức bộ máy chính quyền các cấp trong Huyện qua ngắn, chưa đầy 8 tháng, tố chức bộ máy còn non yếu, lực lượng cán bộ mỏng và kinh nghiệm quản lý điều hành chưa nhiều. Quần chúng nhân dân trình độ văn hoá thấp, giác ngộ chính trị chưa cao, một số bị kẻ thù lợi dụng. Khi bước vàc cuộc kháng chiến, hầu như mọi kho tàng lương thực, thuốc men đều trống rỗng; gạo chỉ có thể đủ ăn trong vài ba tháng; vũ khí đạn dược thiếu nghiêm trọng.

Vượt lên trên nhũng khó khăn thiếu thốn, với tinh thần "Tây Nguyên bất khuất”, giàu truyền thống yêu quê hương, buôn làng, nương rẫy, Nhân dân huyện Kon Plông căm thù giặc sâu sắc, quyết không đội trời chung vớị quân Pháp.

Nhiệm vụ trọng tâm đặt ra cho phong trào kháng chiến ở huyện Kon Plông là: Tăng cường xây dựng lực lượng, xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng căn cứ, phát động phong trào chiến tranh du kích trong Nhân dân; củng cố niềm tin của quần chúng vào Đảng, Chính phủ và cuộc đấu tranh chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Tháng 7-1946, Phân ban vận động quốc dân thiểu số Nam Trung bộ đã cử các đội tuyên truyền xung phong lên giúp tỉnh Kon Tum hoạt động tuyên truyền gây dựng lại cơ sở chính quyền cách mạng. Một đội hoạt động ở phía Bắc tỉnh (vùng Mường Hoong, Ngọk Linh, Xã Đoàn thuộc huyện Đăk Glei) do đồng chí Nguyễn Hữu Tiến làm Đội trưởng. Một đội do đồng chí Nguyễn Văn Sao làm Đội trưởng hoạt động vùng phía Đông tỉnh (Kon Plông, Đăk Tô). Cùng ăn ở vận động đồng bào, đồng chí Phạm Chánh biết tiếng đồng bào dân tộc nên hoạt động của đội này thu nhiều kết quả. Đến cuối năm 1946, hầu hết các xã ở Kon Plông đã thành lập các trung đội dân quân chiến đấu, lực lượng này lên tới hàng trăm người. Xã Hiếu trở thành khu du kích mạnh. Quân dân các làng xã đã chuẩn bị những điều kiện quan trọng cho việc triển khai thế trận kháng chiến. Nhiều vùng sau lưng địch đã đẩy mạnh công tác gây dựng cơ sở. Vùng giải phóng Khu V tiếp tục đưa thêm cán bộ lên Kon Tum hoạt động để vận động xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Hành lang kháng chiến kéo dài một dải phía Đông Kon Tum giáp Quảng Nam, Quảng Ngãi được hình thành.

Tháng 11-1946, Phân ban quốc dân thiểu số miền Nam Trung Bộ tiến hành tổ chức Hội nghị hành chính vùng Thượng du miền Nam Trung Bộ, Kon Tum đã cử nhiều đại biểu thuộc các huyện và các nhân sĩ, phụ lão ở những vùng ta chưa có chính quyền tham gia. Điều này chứng tỏ sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của chính quyền cách mạng của tỉnh .

Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân Kon Plông vững vàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện để chống thực dân Pháp xâm lược đầy gian khổ, hy sinh, song vô cùng vẻ vang.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Khu V và phù hợp với tình hình thời chiến, tháng 01-1947, Phân khu 15 được thành lập, gồm: tỉnh Kon Tum, phía Bắc tỉnh Gia Lai, miền Tây Quảng Nam và miền Tây Quảng Ngãi. Bộ chỉ huy Khu V cũng quyết định tăng cường lực lượng vũ trang cho Phân khu 15 một tiểu đoàn, ba đại đội và một số đội công tác lên xây dựng căn cứ ở Bắc Kon Tum. Tháng 5-1947, Phân khu 15 đã điều 2 đại đội độc lập cho phía Đông và Bắc Kon Tum (Kon Plông, Đăk Glei, Đăk Tô), để nối hoạt động với vùng Ba Tơ, Sơn Hà (Quảng Ngãi). Tháng 7-1947, Ủy ban Hành chính Trung Bộ đã ra Nghị định thành lập Ủy ban Chỉ huy Khu Đông (huyện Kon Plông) và Khu Bắc (huyện Đăk Glei). Ủy ban Chỉ huy Khu Đông do đồng chí Vân Sơn làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Sao làm Chủ tịch.

Ban cán sự Đảng vùng Đông Kon Tum chủ trương lấy vùng Viôlắc và Kon Kờ Tàu giáp với Ba Tơ (Quảng Ngân làm nơi đóng cơ quan lãnh đạo và hậu cứ của các đội công tác, dùng lực lượng vũ trang bộ đội, dân quân du kích bao vây cứ điểm Kon Plông, chia cắt phá hoại đường 5 từ huyện lỵ Kon Plông đi thị xã Kon Tum; tổ chức phá tề, trừ gian, tạo điều kiện cho các đội công tác gây dựng cơ sở chính trị và tổ chức dân quân du kích ở các làng ven đường 5. Ban cán sự đã chỉ đạo lập 2 chi bộ: Chi bộ cơ quan của Ban cán sự và Chi bộ đại đội vũ trang 201; lập lực lượng vũ trang tại các căn cứ ở Kon Plông.

Nhận thấy cần thiết phải có những tổ chức đảng để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở cơ sở và khi các điều kiện thành lập chi bộ đảng đã chín muồi, tháng 4-1947, Ban cán sự Đảng vùng Đông Kon Tum chỉ đạo thành lập Chi bộ xã Pờ Ê gồm 05 đồng chí: Lê Ngọc Điềm, Nguyễn Thụ, Ba Một, A Thiên, Bá Thích, do đồng chí Lê Ngọc Điền làm Bí thư Chi bộ. Đây là chi bộ đảng đầu tiên của huyện Kon Plông, là nền móng, tiền đề và điều kiện quan trọng để phát triển tổ chức cơ sở đảng, phát triển đội ngũ đảng viên của huyện trong những năm tiếp theo. Cùng khoảng thời gian trên, tại xã Hiếu- liền kề với xã Pờ Ê, các điều kiện cho việc thành lập Chi bộ Đảng đã chín muồi. Chi bộ Đảng xã Hiếu được thành lập có 04 đảng viên gồm: đồng chí Huỳnh Cẩm, Bí thư chi bộ; A Rều, A Khòm, A Klo. Đây Chi bộ thứ hai của huyện, sau chi bộ Pờ Ê được thành lập cùng năm 1947. Một thời gian sau, Chi bộ xã Hiếu phát triển lên 11 đảng viên

Thực hiện các chủ trương của Ban cán sự Đông Kon Tum, ngoài lực lượng vũ trang tiến hành bao vâv cứ điểm Kon Plông, phá hoại đường 5 thì toàn bộ lực lượng dân chính cùng một bộ phận vũ trang biệt phái biên chế thành 2 đội vũ trang công tác hoạt động theo 2 hướng: Hựớng thứ nhất từ Di Lăng lên Đăk Tô; hướng thứ hai từ Kon Plông phát triển lên Kon Mơ Ha vào vùng ven thị xã Kon Tum. Quân và dân Kon Plông đã khắc phục khó khăn thiếu thốn về lương thực, thuốc men, trang bị vũ khí, kiên trì khôi phục và củng cố tổ chức bộ máy chính quyền địa phương; vận động và tổ chức Nhân dân tham gia kháng chiến. Cuối năm 1947, chính quyền cách mạng đã được thiết lập ở phần lớn làng dọc đường 5, từ “Kon Plông đi Đăk Hà, Đăk Tô. Công tác diệt tề, trừ gian, tiến công tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch được quân dân Kon Plông đẩy mạnh, hỗ trợ cho công tác gây dựng cơ sở kháng chiến. Phương thức tác chiến có bước phát triển mới. Từ chỗ đánh du kích tiêu diệt những toán lính đơn lẻ là chính ta đã bắt đâu đánh tập kích, phục kích tiêu diệt địch trong các cứ điểm và trên đường giao thông. Ba tháng cuối năm 1947, các đội vũ trang công tác đã mở rộng hoạt động đánh địch trên địa bàn huyện, nhất là trên dọc trục đường giao thông quan trọng, tiến hành bao vay cứ điểm Kon Plông gây cho địch nhiều khó khăn, tổn thất. Các làng xã vùng địch kiểm soát đã tổ chức nhiều đợt phá tề, trừ gian, xây dựng lực lượng dân quân du kích, xây đựng chính quyền cách mạng.

Ở vùng Nam Kon Plông, sau khi củng cố cơ sở, chuẩn bị hành lang, một đội công tác đã đi sâu vào vùng công giáo Kon Mơ Ha, mở rộng tìm bắt liên lạc với những đầu mối ở Gia Lai, kết hợp nắm tình hình ở thị xã Kon Tum. Mặc dù vùng Nam Kon Plông là vùng căn cứ ta mới mở, nhưng cơ sở cách mạng kháng chiến được xây dựng tương đối nhanh và vững chắc, do đồng bào nhiệt thành ủng hộ kháng chiến. Đồng bào đã tổ chức nhiều hoạt động như làm nhà bí mật, góp gạo, muối chuẩn bị đón cán bộ về buôn làng hoạt động…

Tháng 12-1947, một bộ phận đội vũ trang công tác từ căn cứ Kon Plông đi về phía Tây Bắc của huyện (vùng giáp thị xã Kem Tam), dọc sông Đăk Bla, nhằm mục đích gặp gỡ đồng bào để tuyên truyền vận động cách mạng. Do địch tăng cường hoạt động quân sự dọc đường 14, đồng bào không ra ngoài được, các đội công tác chưa gây dựng thêm cơ sở mới ở vùng này. Như vậy, lực lượng vũ trang ở Kon Plông cùng với các tổ vũ trang công tác của tỉnh và tiểu đội bộ đội địa phương Sơn Hà (Quảng Ngãi) đã xây dựng được một hành lang hoạt động nối liền với nhau từ khu Đông và Bắc Kon Plông xuống phía Tây Kon Plông. Cơ sở xây dựng rộng lớn, hành lang đi lại an toàn, tạo điều kiện mở rộng cơ sở sang các vùng khác.

Đầu năm 1948, các đội công tác của bộ đội và quân dân Kon Plông cùng với quân dân các địa phương trong Tỉnh đã xây dựng được nhiều cơ sở, hình thành được 2 vùng hành lang căn cứ, lập chính quyền ở 200 làng trong vùng hành lang (có nhiều làng ở Kon Plông). Đồng bào hăng hái gia nhập đội du kích, hội đánh Tây, tổ chức bố phòng xây dựng buôn làng chiến đấu, che chở nuôi dưỡng cán bộ. Hội đánh Tây là hình thức Mặt trận đoàn kết đánh Pháp ở Kon Plông.

Từ năm 1948, chiến trường Kon Plông chia thành 3 vùng rõ rệt: Vùng căn cứ địa cách mạng gồm Xã Hiếu và Xã Pờ Ê; vùng tranh chấp giữa ta và địch, gồm các xã Măng Bút, Măng Đen và một phần Kon Brẫy; vùng tạm chiếm, gồm một phần xã Kon Xâm Lũ, Kon Brẫy và một phần Măng Bút. Dựa trên thực tiễn tình hình chiến trường trên địa bàn, nhiệm vụ trọng tâm năm 1948 xác định cho huyện Kon Plông là: Đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng địch tạm chiếm; đánh bại kế hoạch bình định của địch, biến hậu phương địch thành tiền phương của ta.

Trong năm 1948, có nhiều sự kiện tác động mạnh mẽ và trực tiếp tới phong trào kháng chiến ở huyện Kon Plông. Ngày 03-3-1948, lực lượng dân quân du kích huyện Kon Plông phối hợp với Đại đội 201 tập kích vào Đồn Kon Plông uy hiếp địch. Trận đánh đã tạo khí thế cho phong trào kháng chiến địa phương phát triển. Trong tháng 3-1948, Khu uỷ V quyết định thành lập Ban cán sự tỉnh Kon Tum nhằm tăng cường chỉ đạo phong trào kháng chiến ở các địa phương trong toàn tỉnh; tiếp đó Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và Ty Công an tỉnh được thành lập. Tháng 6-1948, thành lập Ban Quân sự tỉnh (Tỉnh đội). Cũng trong tháng 6-1948, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Kon Plông ra đời; huyện Kon Plông và các vùng lân cận phía Đông Kon Tum có tới 107/219 làng có chính quyền của tỉnh. Tháng 9-1948, Bộ tư lệnh Quân khu V thành lập Tiểu đoàn đoàn độc lập để tăng cường lực lượng chủ lực cho tỉnh Kon Tum. Biên chế Tiểu đoàn gồm 3 đại đội. Đại đội 201 của Tiểu đoàn phụ trách huyện Kon Plông.

Với những thuận lợi đó, trong năm 1948, phong trào kháng chiến ở Kon Plông có nhiều chuyển biến tích cực. Lực lượng dân quân du kích của Huyện vừa được tổ chức huấn luyện quân sự, vừa tích cực tự tạo vũ khí thô sơ và được tăng cường trang thiết bị, vũ khí. Do vậy, lực lượng này đã thể hiện được khả năng phối hợp với bộ đội đánh một số trận riêng lẻ. Điển hình là trận đột kích vào đồn Kon Plông (ngày 03-3-1948). Song song với các hoạt động quân sự, huyện Kon Plông đã tổ chức vận động đồng bào hăng hái tăng gia sản xuất. Huyện đã thiết lập được một cứ điểm tiếp tế ở vùng Sơn Hà (Quảng Ngãi). Hoạt động văn hoá giáo dục trong huyện vẫn được tổ chức, như mở các lớp dạy học lưu động, bảo đảm chương trình giảng dạy như kế hoạch đã định.

**3. Đẩy mạnh phong trào kháng chiến toàn diện**

Trước sự lớn mạnh của phong trào kháng chiến trên địa bàn tỉnh Kon Tum và huyện Kon Plông, từ đầu năm 1949, địch tập trung lực lượng càn quét đánh phá, hòng chặn các đường tiến công của quân ta nhằm đẩy lùi các đội công tác gây dựng cơ sở của ta. Mặt khác, chúng ra sức củng cố ngụy quyền, bắt lính, bắt phu, phát triển tề điệp ở ven vùng ta mới giải phóng; kích động chia rẽ gây mâu thuẫn thù hằn giữa các dân tộc…

Đại hội Đảng bộ Liên khu V lần thứ nhất (tháng 3-1949) và Hội nghị quân sự toàn Liên khu lần I (tháng 5-1949) xác định: Chiến trường Tây Nguyên là chiến trường chính, kiên quyết mở rộng mặt trận Tây Nguyên, mạnh dạn tiến sâu vào vùng tạm bị chiếm, với khẩu hiệu "Tất cả cho vùng tạm bị chiếm" và "Giành lại từng phần Tây Nguyên". Đây là sự chuyển hướng chỉ đạo của Liên khu đối với công tác vùng địch hậu ở Kon Tum.

Đầu năm 1949, Chi bộ đảng Công an Kon Tum được thành lập. Lực lượng công an đã phối hợp với quân và dân địa phương hướng hoạt động vào trọng tâm phá tề, trừ gian, xây dựng cơ sở bí mật, điều tra nắm tình hình địch, bảo vệ vùng căn cứ mới xây dựng của ta ở Kon Plông, Đăk Glei, chuẩn bị các điều kiện cho chiến trường, phối hợp với bộ đội chủ lực mở chiến dịch.

Ở Kon Plông, lực lượng công an tại các địa bàn được phân công đã thực hiện có hiện quả phương châm 3 cùng: "Cùng ăn, cùng ở, cùng làm" để sâu sát và nắm được dân, hiểu phong tục tập quán và các mối quan hệ xã hội; phân loại đối tượng, tranh thú tề, phân hoá chúng nhằm vô hiệu hoá bộ máy chính quyền địch trên dải đất quan trọng dọc đường số 5 từ Kon Plông đi thị xã Kon Tum, tạo điều kiện cho các độị công tác vận động xây dựng chính quyền cách mạng. Đi đôi với công tác diệt ác, phá tề, lực lượng công an tỉnh cũng thành công trong xây dựng cơ sở bí mật nắm tình hình địch. Nhờ những tin tức do Chánh tổng Lờ cung cấp, ta chủ động phá tan âm mưu của địch là sử dụng Kon Plông làm bàn đạp, để tấn công căn cứ của ta ở phía Tây Quảng Ngãi, bảo vệ vùng tự do, Liên Khu V.

Công tác xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng kháng chiến có bước tiến vững chắc hơn. Đến năm 1949, Kon Plông đã tổ chức được chính quyền cách mạng ở 9 xã ; xây dựng được hai tiểu đội du kích. Kon Plông và Đăk Glei là hai huyện có phong trào du kích phát triển mạnh nhất tỉnh. Vùng xã Hiếu của huyện Kon Plông cùng với Xã Soáp, xã Đoàn, Pung Poăng của huyện Đăk Glei trở thành những căn cứ kháng chiến sau lưng địch. Lực lượng dân quân du kích của Kon Plông hoạt động trong căn cứ đã trở thành nòng cốt cho phong trào kháng Pháp của Nhân dân trong toàn huyện; đã tổ chức một số trận chống địch càn quét đạt hiệu suất cao; tiêu biểu trong một trận chống càn, dân quân Kon Trút (Xã Hiếu) đã dùng ná bắn chết 2 sĩ quan địch. Chiến thắng này được Chính phủ ghi nhận và tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba. Các hoạt động quân sự càng diễn ra sôi động trên địa bàn Kon Plông. Hè năm 1949, phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh, lực lượng vũ trang tại chỗ của huyện Kon Plông đã tiến hành bao vây phong toả Đồn Kon Plông, Kon Prai uy hiếp địch mạnh mẽ, đồng thời đánh phối hợp với Chiến dịch Hồ chí Minh ở Tây Nguyên .

Song song với hoạt động quân sự, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội cũng được quan tâm, nhằm từng bước ổn định và cải thiện đời sống cho Nhân dân. Nhân dân một số xã trong huyện Kon Plông đã được cung cấp các giống cây lương thực như lúa, sắn và giống gia súc và được cán bộ của Ty Kinh tế tỉnh đưa nông cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt cung cấp cho nhiều cơ sở sản xuất của đồng bào ở trong các buôn làng. Đội ngũ cán bộ trong các đội công tác đã đẩy mạnh tuyên truyền, phố biến cho Nhân dân về việc thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, ăn chín uống sôi, cắt tóc ngắn; tổ chức các lớp học xoá mù chữ; tiến hành bài trừ các tập lục cổ hủ, lạc hậu.

Công tác xây dựng, phát triển Đảng lúc này ở Kon Plông phần lớn do các đội vũ trang tuyên truyền và các đại đội độc lập thực hiện. Ngày 15-6-1949, C8 thuộc E120, đóng quân ở Giá Vụt, Ba Tơ đưa một trung đội đến đóng ở làng Kon Klông làm nhiệm vụ chống địch càn quét, lấn chiếm, vận động quần chúng xã Hiếu. Đơn vị đã tổ chức được dân quân du kích, vận động, giác ngộ quần chúng vào Đảng. Đến cuối năm 1949, nhiều buôn làng ở Kon Plông đã có đảng viên; đã thành lập được một số chi bộ đảng. Đó tiếp tục là nền móng, tiền đề và điều kiện quan trọng để phát triển tổ chức cơ sở đảng, phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên và tiến tới thành lập Đảng bộ huyện Kon Plông.

Như vậy, từ cuối năm 1945 đến cuối năm 1949, mặc dù trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước căm thù giặc và được sự hỗ trợ của các đơn vị, lực lượng tỉnh, Khu V, chính quyền cách mạng và Nhân dân huyện Kon Plông vẫn đứng vững để thực hiện nhiệm vụ kháng giặc. Từ trong kháng chiến, nhiều tổ chức quần chúng được thành lập, bước đầu phát huy vai trò trong tổ chức, tuyên truyền vận động quần chúng tham gia kháng chiến, kiến quốc. Lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang phát triển, kịp thời bảo vệ được cán bộ, tổ chức chính quyền và cơ sở kháng chiến. Công tác vận động quần chúng được quan tâm thực hiện triệt để, vì vậy nhiều thành phần khác nhau trong huyện như già làng, chánh tổng đã được giác ngộ, trở thành một bộ phận hăng hái tham gia kháng chiến và vận động nhân dân tham gia kháng chiến. Bằng nhữmg hoạt động tích cực, quân dân trong huyện Kon Plông đã không ngừng xây dựng và mở rộng cơ sở kháng chiến trên các trục đường giao thông, đặc biệt xây dựng được một số hành lang căn cứ để bảo đảm cho kháng chiến lâu dài trong huyện và tỉnh.

Những thắng lợi bước đầu đạt được trong xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ cách mạng, đoàn kết và tổ chức Nhân dân tham gia kháng chiến, kiến quốc là những kinh nghiệm quý để quân và dân Kon Plông tiếp tục củng cố niềm tin vào thắng lợi ngày càng to lớn hơn trên chặng đường tiếp theo của cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

**CHƯƠNG III**

**THÀNH LẬP BAN CÁN SỰ ĐẢNG HUYỆN, ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP THẮNG LỢI (1949-1954)**

**I. Thành lập Ban Cán sự Đảng huyện Kon Plông**

Đến cuối năm 1949, trên địa bàn huyện có thêm các Chi bộ Đảng được thành lập: Chi bộ Đăk Tờ Bay và Đăk Tờ Ring mà phần lớn đảng viên các chi bộ này là chủ làng, chánh tổng. Bí thư đầu tiên của Chi bộ Đăk Tờ Bay là đồng chí Nguyễn Kiệm; Bí thư chi bộ đầu tiên của Chi bộ Đăk Tờ Ring là đồng chí Trần Liêu. Trên địa bàn huyện còn có Chi bộ Kon Hà Nừng được thành lập cùng năm 1949 có các đảng viên: Bá Nhir (Bí thư Chi bộ), Bá Nháo, Bá Chê Rinh, Bác Mạc, Bá Zú, Bá Gang, Bá Zép và Bá Man .

Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các chi bộ trên, cùng với các đội công tác, đội vũ trang tuyên truyền... trở thành hạt nhân trực tiếp lãnh đạo phong trào kháng chiến kiến quốc của nhân dân trên các địa bàn trong huyện.

Bước sang năm 1950, lực lượng kháng chiến ở Kon Plông có bước phát triển, đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng; đồng thời đó cũng là điều kiện quan trọng, cơ sở thực tiễn để xây dựng và phát triển tổ chức Đảng ở địa phương.

Cuối tháng 01-1950, Hội nghị cán bộ Đảng Liên khu V đã họp và đưa ra chủ trương phát triển cao độ chiến tranh du kích trên toàn vùng. Hội nghị cũng đề ra nhiệm vụ tăng cường xây dựng củng cố tổ chức Đảng, phát triển đảng viên và cơ sở cách mạng trong quần chúng nhân dân.

Ngày 13-3-1950, Ủy ban Kháng chiến Hành chính miền Nam Trung Bộ ra Nghị định, tỉnh Kon Tum sáp nhập với tỉnh Gia Lai thành tỉnh Gia - Kon. Ngày 15-4-1950, theo chủ trương và đề nghị của Liên khu ủy, Thủ tướng Chính phủ đã ra Nghị định số 07/TTg về hợp nhất tỉnh Gia Lai và Kon Tum thành tỉnh Gia - Kon. Ban cán sự Đảng và Uỷ ban kháng chiến tỉnh Gia - Kon được thành lập. Liên Khu ủy V chỉ định Ban cán sự Đảng tỉnh Gia - Kon và phân công đồng chí Nguyễn Xuân Nhĩ, Uỷ viên Liên Khu ủy làm Bí thư.

Ngay sau khi được chỉ định thành lập, ngày 22-3-1950, Ban Cán sự Đảng tỉnh quyết định thành lập Ban Cán sự huyện Kon Plông (sau này là Huyện ủy Kon Plông) do đồng chí Lê Hai làm Bí thư. Ban cán sự Đảng, nhưng hoạt động dưới danh nghĩa Ban vận động chính quyền. Trong Ban cán sự còn có các đồng chí Bùi Thể, Huỳnh Họa. Đây là Ban cán sự Đảng (Huyện uỷ) đầu tiên của Kon Plông. Sự hoạt động của Ban cán sự về sau cũng rất linh hoạt: khi thì dưới danh nghĩa Ban vận động chính quyền, khi thì danh nghĩa quân đội, lúc cần thiết lại lấy danh nghĩa Mặt trận hoặc đoàn thể quần chúng.

Tháng 5-1950, Ban cán sự Đảng và Uỷ ban kháng chiến tỉnh Gia-Kon quyết định lập 7 khu (huyện). Địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ) được tổ chức thành 3 khu: Khu 1- Đăk Glei; Khu 2 - Đăk Tô; Khu 3- Kon Plông. Vào thời điểm sau khi thành lập các khu thì Khu 3 (Kon Plông) bao gồm các xã: Xã Hiếu, Pờ Ê, Măng Cành, Đăk Long, Đăk Pne, Đăk Rong, Kon Hà Nừng, xã Krem...

Tháng 6-1950, Hội nghị Ban cán sự Đảng tỉnh Gia - Kon nêu rõ phương hướng xây dựng Đảng: Kiện toàn cấp tỉnh, đơn giản cấp huyện, xây dựng cấp xã, hướng về chi bộ, đi sát cơ sở, sát đại đội và từng buôn làng. Ban cán sự Đảng Gia - Kon cũng chủ trương lập Ban cán sự Đảng ở các Khu.

Cùng thời điểm này, tại địa bàn huyện có thêm Chi bộ Măng Cành do đồng chí Năng làm Bí thư (thành lập tháng 6-1950); Sau khi thành lập, các chi bộ Pờ Ê, Hiếu, Măng Cành đều chú ý công tác phát triển đảng viên nhất là đảng viên người dân tộc thiểu số tại chỗ; bồi dưỡng quần chúng ưu tú; đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính trị tư tưởng; chú ý củng cố tổ chức.

Quán triệt chủ truơng, phương hướng xây dựng Đảng của Ban cán sự Đảng Liên khu và tỉnh Gia - Kon. Kon Plông đã đặc biệt chú ý tới công tác xúc tiến chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng bộ huyện. Các chi bộ Đảng đã được thành lập, cần có sự chỉ đạo tập trung thống nhất; phong trào kháng chiến của nhân dân phát triển mạnh và rộng khắp; nhận thức chính trị của quần chúng được nâng cao một buớc.

Sự ra đời của chi bộ Đảng ở các xã và sự kiện Ban Cán sự Đảng huyện Kon Plông được thành lập là những sự kiện có ý nghĩa chính trị to lớn, rất quan trọng đối với phong trào cách mạng của quân và dân Kon Plông. Đảng bộ Huyện ra đời là một sự kiện tất yếu, chứng tỏ sau 6 năm xây dựng chế độ mới và 5 năm sau ngày bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, vừa đẩy mạnh kháng chiến, vừa kiến quốc, thế và lực của Kon Plông đã được nâng cao hơn nhiều. Từ chỗ nhận thức chính trị, trình độ dân trí của nhân dân đối với chính quyền cách mạng còn hạn chế, đồng bào có nơi, có lúc chưa thực sự vững tin vào chế độ mới (do thủ đoạn thâm độc mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo, kích động của kẻ địch), thì đến nay, đồng bào đã vững tin hơn vào Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh; nhiệt tình tham gia, ủng hộ kháng chiến. Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, sau mấy năm rèn luyện, thử thách trong thực tiễn cuộc đấu tranh đa có sự trưởng thành về nhiều mặt. Đảng bộ Kon Plông ra đời là sự kiện đánh dấu quá trình xây dựng và hoàn thiện từng bước hệ thống chính trị trong kháng chiến; là bước ngoặt trong lịch sử đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc trong Huyện. Từ đây, phong trào kháng chiến trên mọi lĩnh vực của quân dân trong Huyện, ngoài sự chỉ đạo của Khu uỷ, của Đảng bộ tỉnh Gia - Kon, đã có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Đảng bộ huyện - nhân tố quyết định dẫn tới những thắng lợi to lớn, vẻ vang về sau của phong trào cách mạng ở Kon Plông.

**2. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Kon Plông đẩy mạnh kháng chiến, kiến quốc**

Sau 5 năm kháng chiến toàn dân toàn diện, so sánh lực lượng ta và địch trên các chiến trường phạm vi cả nước đã có nhiều thay đổi, có lợi cho ta.

Ở Kon Tum, địch tập trung xây dựng nơi đây thành căn cứ chiến lược. Tiếp tục phát triển tề điệp, tăng cường khủng bố, dồn dân, phát triển các ổ vũ trang phản động người dân tộc thiểu số để chống lại kháng chiến. Từ năm 1950, Pháp lập ra cái gọi là “Nhóm liên kết các sắc tộc bị áp bức” viết tắt là GURO để đánh phá phong trào kháng chiến của ta, nhất là ở cơ sở, một cách quyết liệt, gây cho ta nhiều khó khăn trong xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng, vận động quần chúng tham gia kháng chiến. Đến tháng 3-1950 địch đã lập được 25 GURO và không ngừng tăng quân số cho các ổ nhóm vũ trang phản động này. Địch lập uỷ ban chiêu an ở các huyện, tuyên truyền dụ dỗ lôi kéo quần chúng, đánh phá những cơ sở non yếu của ta, nhất là vùng đông dân dọc đường 5 qua Kon Plông và các thị trấn cũng như dọc trục đường số 14. Cùng với đó, địch tăng cường lập tề, ngụy .

Tính đến tháng 5-1950, quân số địch ở Tây Nguyên có 6.925 tên, phân bố ở 163 cứ điểm. Riêng tại tỉnh Gia - Kon có 1.325 tên đóng trong 43 cứ điểm. Sang năm 1951, ở địa bàn tỉnh Gia - Kon, địch tiếp tục củng cố hệ thống đồn bốt giáp ranh các tỉnh miền Trung (chủ yếu là địa bàn Kon Plông), tuyển thêm lính ngụy.

Cuộc kháng chiến của quân và dân ta năm 1950 chuyển sang giai đoạn phát triển mới. Ta cố gắng chuyển từ thế cầm cự sang phản công địch mạnh mẽ trên các chiến trường chính, đẩy địch lui dần về thế phòng ngự bị động. Tại Hội nghị Trung ương 3 (tháng 01-1950), Đảng đã chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, trong đó nhấn mạnh: "Gấp rút xây dựng bộ đội chủ lực, đưa chiến tranh chính quy lên ngang với chiến tranh du kích; đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh du kích...”. Hội nghị chủ trương thực hiện chế độ tổng động viên theo khẩu hiệu: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng !".

Trên cơ sở phân tích tình hình các mặt ở chiến trường, Liên khu uỷ V đã đề ra nhiệm vụ cho các địa phương ở Tây Nguyên: "Ra sức động viên mọi khả năng của nhân dân vào củng cố và phát triển cơ sở, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá tan âm mun củng cố Tây Nguyên của địch". Đảng bộ Liên khu cũng chủ trương "Gấp rút đặt vấn đề căn cứ địa ra để thực hiện từ trên xuống dưới, từ đơn vị quân dân chính lớn đến đơn vị nhỏ đều phải gia tâm thực hiện", trong đó "yếu tố nhân dân là yếu tô" quyết định" . Tháng 6-1950, Ban cán sự tỉnh Gia - Kon họp Hội nghị, nêu 10 nhiệm vụ cụ thể chuyển phong trào kháng chiến các địa phương trong toàn tỉnh lên một bước mới. Trong những nhiệm vụ lớn của chiến trường tỉnh Gia-Kon, thì nhiệm vụ quan trọng là tích cực xây dựng cơ sở vùng địch hậu; phát động chiến tranh nhân dân đến cực độ: phá nguồn bổ sung tiếp tế của địch.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ của Liên khu uỷ V và Ban cán sự tỉnh Gia-Kon, biên chế lực lượng vũ trang trên địa bàn các huyện được sắp xếp củng cố lại. Lực lượng vũ trang tập trung ở Kon Tum thuộc Trung đoàn 126 được sáp nhập vào Trung đoàn 120 (Bắc Tây Nguyên) thành Trung đoàn 120 (mới) tổ chức biên chế 1 tiểu đoàn, 8 đại đội độc lập (có hai đại đội cơ động) và 10 đội vũ trang tuyên truyền (trong đó có 4 đội: 105, 106, 108, 109 hoạt động trên địa bàn Kon Tum, 6 đội hoạt động địa bàn tỉnh Gia Lai). Tỉnh đội Kon Tum và Gia Lai cũng sáp nhập thành Ban dân quân Bắc Tây Nguyên. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban cán sự tỉnh Gia - Kon, Ban chỉ huy quân sự huyện Kon Plông đã được củng cố, để phối hợp thống nhất chỉ huy lực lượng vũ trang và các hoạt động quân sự trên phạm vi toàn huyện. Cơ quan huyện đội Kon Plông và Đăk Glei là 2 huyện đội được thành lập sớm nhất của tỉnh (thời điểm này các huyện-khu khác của tỉnh chưa có cơ quan quân sự huyện) tiếp tục được củng cố bộ máy, tổ chức tuyển quân, huấn luyện dân quân du kích, phát triển lực lượng vũ trang địa phương.

Tháng 10-1950, Hội nghị dân-quân- chính-Đảng tỉnh Gia-Kon lần thứ I đã ra Nghị quyết chỉ đạo các cơ sở, các huyện, khu đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh; xây dựng Bắc Tây Nguyên thành căn cứ chiến lược, ra sức chiến đấu bảo vệ cơ sở, phát triển lực lượng. Các biện pháp cụ thể là: Tăng cường đội ngũ cán bộ vận động quần chúng, xây dựng cơ sở; đưa các đại đội đã được kiện toàn lên tuyến, trước; xây dựng căn cứ trong lòng địch, làm cơ sở phát động phong trào du kích chiến tranh; xây dựng lực lượng dân quân làm nòng cốt trong các căn cứ du kích và làng kháng chiến.

Đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng, của Liên khu uỷ và Ban Cán sự Đảng tỉnh Gia-Kon là cơ sở để Ban cán sự huyện Kon Plông lãnh đạo quân dân trong Huyện đưa phong trào kháng chiến phát triển mạnh mẽ và hiệu quả hơn, giành thắng lợi từng bước.

Ở những nơi đã có chính quyền cách mạng vững chắc, dưới sự chỉ đạo của tổ chức Đảng, đã tổ chức đuực nhiều hình thức đánh địch thông qua các đoàn thể cứu quốc như: Hội đoàn kết đánh Tây, Hội thanh niên, Hội phụ nữ, Hội phụ lão, Hội thiếu niên, Hội mẹ chiến sĩ v.v. Lực lượng vũ trang có bước trưởng thành.

Tháng 10-1950, Trung đội bộ đội địa phương huyện Kon Plông được thành lập đóng ở xã Hiếu, bao gồm 32 cán bộ chiến sĩ, có sự giúp đỡ của 3 cán bộ dân tộc Kinh. Ban Chỉ huy Trung đội gồm có: Đồng chí Đinh Láy (Trung đội trưởng); Đinh Lế (Chính trị viên) và Đinh Lẻ (Trung đội phó). Ba cán bộ chỉ huy Trung đội người Kinh là các đồng chí Huỳnh Sa, Nguyễn Hoà và Lê Văn Vinh có nhiệm vụ giúp đỡ, hướng dẫn Ban chỉ huy Trung đội người dân tộc thiểu số lúc Trung đội bộ đội mới thành lập. Trung đội biên chế thành 3 tiểu đội, do 3 đồng chí: KRo, Đọt và đồng chí Nổ (đều là người dân tộc thiểu số tại chỗ) làm Tiểu đội trưởng. Các tiểu đội đều được trang bị súng trường, súng tiểu liên và lưu đạn cho 100% quân số; quần áo chiến sĩ được trang bị như bộ đội chủ lực, mỗi năm hai bộ. Trung đội vừa làm nhiệm vụ chiến đấu chống càn, vừa tiến hành sản xuất tự túc lương thực. Trong Trung đội bộ đội địa phương đã thành lập Chi bộ Đảng, gồm 11 đảng viên, do đồng chí Huỳnh Sa làm Bí thư, đồng chí Đinh Lế là Phó bí thư, đồng chí Lê Văn Vinh là Chi uỷ viên. Các đảng viên của chi bộ gồm: Đinh Láy, Đinh Lẻ, Đinh KRo, Đinh Điều, Đinh Gúa, Đinh Guôn và Nguyễn Hoà.

 Như vậy, xã Hiếu là điển hình toàn diện của phong trào cách mạng ở Kon Plông những năm 1946-1950. Tại đây đã lập Uỷ ban kháng chiến hành chính xã; Chi bộ Đảng đầu tiên ra đời; lập Mặt trận (Hội đoàn kết đánh Tây); tổ chức xã đội, đội an ninh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên. Tất cả các thôn trong xã đều có Trưởng thôn. Một số xã khác như Pờ Ê, Măng Cành cũng đã có những tổ chức tương tự như xã Hiếu. Chính quyền xã lúc bấy giờ đều thuộc sự chỉ đạo của Ban cán sự huyện. Những điều đó chứng tỏ phong trào cách mạng, kháng chiến của Đảng bộ. quân dân Kon Plông đã có bước trưởng thành trong thực tiễn đấu tranh. Lực lượng bộ đội, công an của huyện Kon Plông cũng đã tổ chức được nhiều hoạt động có hiệu qủa. Ở những nơi xây dựng được cơ sở và lập chính quyền cách mạng đã có nhiều hoạt động; vũ trang, chính trị uy hiếp địch.

Tháng 2 và 3-1950, trong huyện đã có những hoạt động phá tề, giải tán bốt sách, giáo dục dân vệ, đánh tiêu hao sinh lực địch. Trận đánh điển hình diễn ra ngày 29-3-1950. Quân Pháp đưa 4 đại đội lính Âu-Phi và đại đội lính ngụy xuất phát từ đồn Kon Plông tiến đánh xuống căn cứ Sơn Hà (Quảng Ngãi) nhằm phá cơ sở hậu cứ của ta và lên dây cót tinh thần cho bọn Chí xẻng phản động. Nắm bắt được âm mưu đó, cùng với đơn vị bộ đội chủ lực của Khu, lực lượng vũ trang huyện Kon Plông đã tiến hành phục kích, tiêu diệt một bộ phận quân địch, phá tan cuộc hành quân này và buộc quân địch phải rút chạy về đồn Kon Plông. Dân quân du kích trong huyện cũng đã tổ chức đốt các trại trú quân tuần tiễu của địch trên trục đường số 5, đoạn từ Kon Plông đi Kon Xâm Lũ; tiến hành phục kích địch ở Kon Mơ Ha, thu 2 súng trường, 1 súng ngắn và nhiều quân trang, quân dụng.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Cán sự huyện Kon Plông, sự chỉ đạo của Ty công an tỉnh Gia-Kon, lực lượng an ninh, lực lượng công an huyện nhận thức rõ âm mun, thủ đoạn gian hiểm, xảo quyệt của địch, đã ra súc phát triển cơ sở bí mật trong quần chúng; hướng dẫn nhân dân tăng cường công tác phòng gian bảo mật; thực hiện "3 không" - không nghe, không thấy, không biết và "3 phòng" - phòng gian, phòng gián điệp và phòng tai nạn. Nhờ vậy, nhiều âm mun thủ đoạn xây dựng ngụy quyền, ngụy quân, tề điệp thâm nhập vào vùng giáp ranh, vùng tự do để dò la và đánh phá, đã bị ta phát hiện và bóp nghẹt, đập tan.

Trên lĩnh vực kinh tế, năm 1950, phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, cải thiện dân sinh phát triển sâu rộng trong toàn Huyện. So với năm 1949, diện tích gieo trồng cây hoa màu và cây lương thực tăng khoảng 40-50%. Huyện đã thành lập nhiều đội xung phong sản xuất, thu hút hàng trăm đội viên tham gia. Nếu như năm 1949, Kon Plông 42 đám ở khu đông với 60 kg/giống lúa;10 rẫy ở khu nam với 250 kg/giống lúa. Cải tiến kỹ thuật Kon Plông, đoàn “Xung phong sinh sản” đề ra từ năm 1949 vẫn còn lẹt đẹt, chỉ có 9 đoàn với 200 đoàn viên . Thì đến năm 1950, có hơn 90% các xã trong vùng căn cứ ở Kon Plông đã lập các Đoàn xung phong sản xuất và Tổ vần công. 100% bếp (nhà) của đồng bào vùng căn cứ có gạo tiết kiệm nuôi quân. Nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ chiến trường ngày càng tăng, theo chủ trương của UBKCHC Nam Trung Bộ và UBKCHC tỉnh Gia-Kon, Đảng bộ và chính quyền huyện Kon Plông đã chỉ đạo thành lập các đội thanh niên xung phong và các đoàn dân công thường trực, gồm những công dân trong độ tuổi 18-55, đi dân công phục vụ các chiến trường.

Mặc dù đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhất là gạo, muối, vải, địch lại thường xuyên đánh phá, hoạt động văn nghệ văn hóa, xã hội huyện Kon Plông vẫn duy trì với nhiều hình thức. Công tác dạy và học tập văn hoá được giữ vững, nhờ sự giúp đỡ của đoàn cán bộ tỉnh Gia - Kon. Trong năm, huyện đã mở được một số lớp bình dân học vụ, xóa mù chữ cho hàng trăm ne ười, góp phần nâng cao trình độ dân trí trong đồng bào.

Sau chiến thắng Biên giới Thu- Đông, đến cuối năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã có bước ngoặt căn bản, chuyển từ giai đoạn cầm cự là chính sang giai đoạn phản công mạnh trên các chiến trường chính. Về phía thực dân Pháp xâm lược, sau hai thất bại to lớn liên tiếp trong Việt Bắc Thu - Đông 1947 và Biên giới Thu - Đông 1950, chúng điên cuồng đánh phá và tiếp tục bổ sung lực lượng. Trên địa bàn Tây Nguyên, thực dân Pháp tiếp tục xây dựng nơi đây thành căn cứ chiến lược, nằm trong kế hoạch củng cố phía Nam Đông Dương; xây dựng lại nhiều ổ vũ trang phản động; tổ chức bọn lính kín, phát triển tề điệp nhằm thu thập tình hình tin tức của ta; tăng cường bắt lính lập lực lượng sơn chiến; ra sức dồn dân, chiêu an hòng tách nhân dân ra khỏi cán bộ, đảng viên và bộ đội ta, cô lập các đội cônç tác gây cơ sở; lập lại những tổ chức quần chúng phản động làm tay sai; chia rẽ kích động thù hằn dân tộc...

Ở khu Kon Plông, địch tập trung xây dựng các ổ vũ trang, gây cho lực lượng kháng chiến không ít khó khăn trong việc di chuyển quân trên tuyến hành lang Đông - Tây Kon Plông.

Để kiểm soát chặt chẽ vùng Bắc Tây Nguyên và "phản ứng nhanh" trước những hoạt động quân sự mạnh và có hiệu quả của ta, tháng 3-1951, Pháp thành lập Quân khu Tây Nguyên với số quân 4.324 lính chiếm giữ. Ở Kon Tum, chúng lập Khu tự trị trực thuộc Quân khu Tây Nguyên, tập trung 2.280 lính chiếm đóng (chiếm hơn 50% tổng quân số ở Tây Nguyên). Riêng huyện Kon Plông, lực lượng địch có 400 lính, đóng chốt các đồn và vị trí quan trọng. Thực dân Pháp và chính quyền tay sai tăng cường chính sách vơ vét cướp bóc của cải; tăng thuế, càn quét lùng sục vào vùng căn cứ du kích để phá hoại mùa màng, đốt phá kho tàng và ngăn trở các hoạt động kinh tế của ta. Nhìn chung, trong năm 1951, ở Kon Tum và Kon Plông, thực dân Pháp "nặng về hoạt động chiến tranh tâm lý chiến, dè dặt trong hoạt động vũ trang, phát triển các ổ vũ trang để phá cơ sở du kích chiến tranh của ta" .

Về phía ta, cuộc kháng chiến của ta từ chiến tranh du kích là chủ yếu sang chiến tranh du kích kết hợp với chính quy. Các chiến trường đều đánh mạnh và giành những thắng lợi giòn giã.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội II của Đảng (tháng 02-1951), từ ngày 16-5 đến 28-5-1951, Đại hội Đảng bộ Liên khu V (lần 2) đã đề ra 6 nhiệm vụ bao quát nhằm phát triển kháng chiến ở Liên khu V trên các mặt quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang, phương châm tác chiến và công tác xây dựng Đảng. Đại hội khẳng định : "Rèn luyện tư tưởng kháng chiến cho cán bộ, đảng viên phải trở thành "nhiệm vụ trọng tâm để củng cố Đảng", "phải gắn chặt với quần chúng để củng cố Đảng". Sau Đại hội Đảng bộ Liên khu V, Liên Khu uỷ đã tổ chức Hội nghị kiểm điểm tình hình vùng sau lưng địch, xác định cụ thể vùng du kích và vùng địch tạm chiếm trên địa bàn các tỉnh, từ đó xác định phương châm đấu tranh thích hợp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Liên khu V, tháng 5-1951 Ban cán sự tỉnh Gia-Kon tổ chức Hội nghị mở rộng. Hội nghị đi sâu vào việc chỉnh đốn phương thức hoạt động, lãnh đạo; chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc của các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan ban, ngành, đoàn thể.... Hội nghị đề ra nhiệm vụ mới: Ra sức động viên khả năng của nhân dân vào việc củng cố và phát triển cơ sở.

Căn cứ chỉ đạo của Ban cán sự tỉnh, Ban Cán sự Đảng Kon Plông kiểm điểm, nhận thức rõ hơn thực trạng tình hình các mặt trên địa bàn huyện sau 5 năm đẩy mạnh kháng chiến; từ đó xác định phương châm, biện pháp đấu tranh thích hợp, đưa cuộc kháng chiến phát triển lên bước mới.

Nhằm tạo một quả đấm mạnh về quân sự, có sức lay động lớn trên chiến trường Tây Nguyên và Nam Trung Bộ trong năm 1951, Liên khu uỷ và Bộ tư lệnh Liên khu đã quyết định mở Chiến dịch Hè-Thu Bắc Tây Nguyên. Mục tiêu của chiến dịch này là tạo điều kiện khôi phục căn cứ Sơn Hà (Quảng Ngãi), mở rộng ảnh hưởng trong đồng bào, tiêu diệt căn cứ bàn đạp chỉ huy tiếp tế của bọn phản động và phiến quân ở Kon Plông kiểm tra kết quả "rèn cán chỉnh quân"; kiểm tra trình độ bộ đội chủ lực sau thời gian học đánh công sự vững chắc; tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch và bồi dưỡng sức ta. Như vậy, Kon Plông là một trọng điểm của Chiến dịch Hè - Thu Bắc Tây Nguyên năm 1951.

Kon Plông là vị trí phân chi khu kiên cố của địch ở Bắc Kon Tum. Địch đã tăng cường cứ điểm Kon Plông (trọng tâm là đồn Kon Plông đóng tại làng Vi Glơng, xã Hiếu) thành Tiểu khu Kon Plông với 200 quân, phần lớn là lính Âu - Phi. Tên quan ba đồn trưởng Đuy Sê thường huyênh hoang tuyên bố: "Khi nào rừng Kon Plông hết cây, Việt Minh mới lấy được đồn này (đồn Kon Plông)”. Trước ngày ta bắt đầu nổ súng tấn công, địch đã tăng cường thêm cho Kon Plông một đại đội, đưa quân số ở đây tăng lên hơn 300 tên. Cùng với tăng quân đồn trú, địch còn thường xuyên đưa quân đánh ra ngoài sục sạo, càn quét.

Xác định hướng tiến công chính của Chiến dịch Hè - Thu Bắc Tây Nguyên năm 1951 là huyện Kon Plông, Đảng bộ và quân dân Kon Plông đã tập trung dồn sức cho sự thành công của chiến dịch. Các đội du kích và bộ đội địa phương Kon Plông đã phối hợp với Trung đoàn 108 và 803 tấn công phân chi khu quân sự Kon Plông, với phương thức tác chiến là "công đồn, diệt viện". Sau một thời gian ngắn tích cực khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt, 4 giờ 30 phút ngày 06-8-1951, lực lượng dân quân du kích Kon Plông đã cùng bộ đội địa phương, Trung đoàn 108 nổ súng tấn công đồn Kon Plông. Quân địch chống cự quyết liệt, cố thủ chờ máy bay và quân tiếp viện. Sau 8 giờ chiến đấu ngoan cường, lực ượng vũ trang ta đã làm chủ trận địa; tiêu diệt tên đồn trưởng người Pháp và 2 đại đội (90 tên), bắt sống 195 tên, thu 100 súng trường, 30 tiểu liên, 4 đại liên, 2 súng cối, 2 súng bazôka, 10 súng FM, trên 100 ngàn viên đạn các loại, và nhiều quân trang, quân dụng (đủ trang bị cho một tiểu đoàn chủ lực).

Trận đánh thắng lợi giòn giã mở ra bước ngoặt về phương thức tác chiến, đánh địch trong công sự vững chắc của lực lượng vũ trang khu, tỉnh và huyện. "So sánh với các trận công đồn từ trước đến nay, thì trận Kon Plông là một tiến bộ lớn về mặt tiêu diệt sinh lực địch cũng như về mặt bồi dưỡng lực lượng ta" .

Dự kiến trong trận công đồn này, cũng sẽ tiến đánh quân tiếp viện của địch; song kế hoạch chia ra thực hiện được, vì ta chưa lường hết thủ đoạn xuyên rừng của các tiểu đoàn sơn chiến của địch.

Phát huy thế tiến công về quân sự, lực lượng vũ trang ở Kon Plông đã tăng cường sức ép, tạo điều kiện phát triển ảnh hưởng trong quần chúng và củng cố địa bàn. Ngày 14-8-1951, có sự trợ lực của Trung đoàn 803, lực lượng vũ trang ở huyện Kon Plông đã tiêu diệt đồn Kon Praih; ngày 15-8-1951 tiêu diệt đồn Kon Pồng cách Kon Plông 8 km về phía Nam. Quân địch đóng ở các đồn Kon Pồng, Kon Mơ Ha cũng bị ta tiêu diệt. Với những chiến công vang dội về quân sự, căn cứ địa kháng chiến đã được tiếp tục mở rộng về phía Tây Kon Tum. Sau khi tiêu diệt đồn Kon Pồng, Trung đoàn 108 tiếp tục vận động nhân dân khôi phục lại căn cứ cách mạng Sơn Hà.

Nhờ thực hiện triệt để chủ trương "Chỉ đánh bọn Tây và bọn ngoan cố, không đánh những người lầm đường hoặc bị cưỡng bức theo địch", lực lượng vũ trang của quân Khu, Tỉnh cùng với lực lượng vũ trang của huyện Kon Plông đã thức tỉnh được nhiều người dân bị kẻ thù lung lạc, dụ dỗ lồi kéo; vận động họ đưa con em trong hàng ngũ Chí Xẻng trở về với kháng chiến. Do vậy, bọn phản động ở địa phương đã mất dần chỗ dựa, địa bàn hoạt động của chúng bị thu hẹp, nhiều nguồn tiếp tế bị gián đoạn hoặc bị cắt đứt, buộc chúng phải co về các đồn bốt hoặc những sào huyệt trong rừng sâu.

Qua chiến dịch Hè-Thu năm 1951 ở Bắc Tây Nguyên, quân dân ta đa đạt được mục tiêu tiêu diệt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, bồi dưỡng sức ta, tích luỹ thêm kinh nghiệm chiến đấu, rèn luyện kỹ chiến thuật cho bộ đội và dân quân du kích, tăng cường niềm tin tương, phấn khởi của quần chúng nhân dân vào kháng chiến, nhất là ở vùng địch hậu. Trong chiến thắng chung đó, có phần đóng góp quan trọng của Đảng bộ và quân dân Kon Plông. Trước chiến dịch, lực lượng vũ trang Huyện và trinh sát Trung đoàn 108 đã tiến hành khống chế tề điệp, bảo đảm an toàn, bí mật đến giờ nổ súng. Do làm tốt công túc dân vận, nên đồng bào đã tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm giúp bộ đội giải quyết được nhu cầu tiếp tế tại chỗ trong suốt Chiến dịch Hè-Thu. Chiến thắng ở Kon Plông ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị Liên khu, từ vùng tạm chiếm đến vùng tự do, đặc biệt là đối với công tác gây dựng cơ sở vùng Bắc Tây Nguyên và củng cố căn cứ địa ở miền Tây. Đây còn là đòn mạnh giáng vào âm mưu củng cố Tây Nguyên, phát triển các ổ vũ trang phản động và âm mưu đánh vào hậu phương của ta. Đánh giá về kết quả, ý nghĩa của thắng lợi ở Kon Plông, trong báo cáo của đồng chí Nguyễn Chánh - Bí thư Liên khu uỷ V, gửi Trung ương Đảng, ngày 17-8-1951, đã nhấn mạnh: "Trận Kon Plông đã gây được không khí hăng hái trong nhân dân sau một năm yên lặng... ở Liên khu V từ trước tới nay chưa có trận nào như vậy".

Song song với đấu tranh quân sự và phát huy ảnh hưởng chiến thắng, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo các đội vũ trang tuyên truyền diệt tề, trừ gian, phá nhiều ổ vũ trang dọc đường 5, củng cố một bước chính quyền cơ sở ở nhiều làng xã. Uy tín của cán bộ chính quyền được nâng cao trong quần chúng. Cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn tổ chức và vận động nhân dân tham gia kháng chiến. Đồng thời với những thắng lợi trên mặt trận quân sự, đồng bào các dân tộc ở Kon Plông đã hăng hái tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất, tăng cường tiềm lực kinh tế cho kháng chiến, giúp bộ đội ăn no đánh thắng. Diện tích gieo trồng cây lương thực đã tăng hơn so với năm 1950. Toàn huyện dấy lên phong trào thi đua làm rẫy kháng chiến, đưa cây sắn vào trồng nhiều nơi, góp phần giải quyết nhu cầu lương thực tại chỗ.

Trong năm 1951, nhiều mặt hàng thiết yếu đã được đưa từ vùng căn cứ, đồng bằng lên phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của nhân dân ở vùng nội địa, vùng địch tạm chiếm. Tổng số mặt hàng tiếp tế đạt 50 tấn muối và khoảng 10.000 nông cụ sản xuất. Đời sống nhân dân trong vùng du kích đã có bước cải thiện. Trong vùng tranh chấp giữa ta và địch, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Các hoạt động của ta nhằm phá hoại cơ sở kinh tế và các nguồn viện trợ tiếp tế của địch vẫn chưa được chú ý đẩy mạnh, hiệu quả còn thấp.

Tháng 9-1951, Ban cán sự Đảng tỉnh Gia - Kon họp Hội nghị lần thứ 3, trên cơ sở nhận định âm mưu của địch ở Bắc Tây Nguyên, cùng những thuận lợi và khó khăn của phong trào kháng chiến trong vùng, đã chủ trương: "Ra sức động viên mọi khả năng của nhân dân vào việc củng cố và phát triển cơ sở, đẩy mạnh du kích chiến tranh,phá âm mưu củng cố Tây Nguyên của địch" .

Tháng 10-1951, để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ huy, Liên khu uỷ V đã quyết định thành lập Mặt trận miền Tây (còn gọi là Mặt trận 30), bao gồm phần lớn tỉnh Kon Tum (cũ) và 4 huyện miền Tây Quảng Ngãi. Huyện Kon Plông do Mặt trận miền Tây thuộc Khu V quản lý điều hành chỉ đạo. Vùng Kon Plông bao gồm cả một phần Khu 2 (Đăk Tô) chuyển giao thành vùng căn cứ kháng chiến của tỉnh Kon Tum và Tây Nguyên. Dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự tỉnh và Ban chỉ huy Mặt trận miền Tây, Ban cán sự Đảng Kon Plông đã lãnh đạo quân dân trong huyện đẩy mạnh các hoạt động xây dựng và phát triển lực lượng, tổ chức biên chế mở rộng thành phần người dân tộc, xây dựng củng cố căn cứ địa, tổ chức ngụy vận liên tục và mạnh mẽ; chống phá âm mưu hành động của địch; khuyếch trương chiến quả Hè-Thu 1951.

**3. Đảng bộ lãnh dạo đưa cuộc kháng chiến chống Pháp trong huyện đến thắng lợí**

Từ sau khi Mặt trận Miền Tây được thành lập, Ban cán sự miền Tây chỉ định cho Ban cán sự huyện Kon Plông lãnh đạo, quản lý phong trào kháng chiến ở các khu vực: Xã Hiếu, Pờ Ê, Đăk Long, Măng Cành và vùng đất từ Măng Đen đến Kon HRinh, dọc theo sông Đăk Sơ Liên, dọc đường 14 từ ngang Kon HRinh đến phía Bắc thị xã Kon Tum và dọc theo đường 5 đi Quảng Ngãi. Trên thực tế, Ban cán sự Đảng Kon Plông chưa chỉ đạo hết địa bàn rộng lớn này (còn trống vùng Đăk Kôi). Do vậy, Ban cán sự Đảng miền Tây đã thành lập một đội vũ trang tuyên truyền, do đồng chí Thị làm Chính trị viên trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo vùng Đăk Kôi (gồm khu vực Kon Trang Nó, Đăk Bia, Kon Bỉ và Kon Tu Rằng). Đăk Kôi trở thành xã căn cứ kháng chiến của huyện Kon Plông.

Bước sang năm 1952, phong trào kháng chiến ở địa phương lên một bước mới huyện Kon Plông có sự thay đổi địa giới. Theo đó, tháng 3-1952, Mặt trận Miền Tây quyết định chia huyện Kon Plông thành 2 huyện: Kon Plông Bắc và Kon Plông Nam. 4 xã thuộc tỉnh Gia Lai (Đăk Pne, Đăk Rong, Kon Hà Nừng, Krem) tách khỏi Kon Plông thành huyện Kon Plông nam thuộc quản lý của Ban Cán tỉnh Gia -Kon. Lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Kon Plông có hai Ban cán sự: Ban cán sự Kon Plông (Bắc Kon Plông) thuộc Mặt trận Miền Tây và Ban cán sự Nam Kon Plông thuộc tỉnh Gia - Kon quản lý. Ban cán sự Đảng miền Tây chỉ định đồng chí Lê Hai làm Bí thư Ban cán sự Kon Plông Bắc. Ban cán sự có các đồng chí Phạm Thể và Huỳnh Họa, về sau bổ sung thêm đồng chí Lới và đồng chí Năng (còn gọi là Bá Ái). Khi bước vào Chiến dịch Latêrít (4-1952), đồng chí Nguyễn Tiến Cang - Bí thư huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi) được điều về giữ chức Bí thư Ban cán sự Đảng Kon Plông Bắc và đồng chí Lê Hai làm Phó Bí thư. Ở Kon Plông Nam, lúc đầu đồng chí Phạm Chánh là Bí thư Ban cán sự một thời gian ngắn. Khi Tỉnh điều động đồng chí về Tỉnh phụ trách công tác tổ chức của Ban cán sự tỉnh, thì đồng chí Lâm Hữu Bá được cử về làm Bí thư Ban cán sự Kon Plông Nam. Sau đó đồng chí Nguyễn Hải Di làm Bí thư Ban cán sự Kon Plông Bắc thay đồng chí Nguyễn Tiến Cang. Gần giải phóng đồng chí Lê Hai làm Bí thư thay đồng chí Nguyễn Hải Di. Ở Kon Plông Nam, đồng chí Nguyễn Phong làm Bí thư thay đồng chí Lâm Hữu Bá, phụ trách Ban cán sự cho đến tháng 02-1954.

Sau thất bại trong Hè-Thu năm 1951, thực dân Pháp lại gia tăng các hoạt động xây dựng ổ vũ trang phản động trên địa bàn Tây Nguyên. Ở Kon Tum, chúng tập trung vào địa bàn Kon Plông; càn quét sâu vào vùng căn cứ du kích, gây ly gián giữa cán bộ, đảng viên và bộ đội với nhân dân; ráo riết củng cố ngụy quyền, ngụy quân, chuẩn bị mở cuộc hành quân lớn nhằm xoay chuyển tình thế quân sự và chính trị. Với những toan tính đó, tháng 4-1952, Pháp đã mở cuộc hành quan Latêrít, dưới sự chỉ huy trực tiếp của viên tướng Lơ Cốc, Tư lệnh quân khu Tây Nguyên. Cuộc hành binh này của địch là nhằm đánh phá vùng tự do Ba Tơ (Quảng Ngãi), thăm dò lực lượng và phản ứng bộ đội chủ lực của ta, phát triển tề điệp, đưa bọn phản động về cấy lại cơ sở vùng lưu vực sông Re (còn gọi là Đăk Re) khôi phục căn cứ phản động ở Sơn Hà. Lực lượng địch có hơn 3.000 quân cơ động, bao gồm hai tiểu đoàn sơn chiến, một tiểu đoàn lính ngụy, một đại đội pháo, 400 phu và 700 tên phản động nguời H,rê hộ tống.

Để tập tan cuộc hành binh Latêrít, Bộ tư lệnh Liên khu V đã chia Mặt trận miền Tây thành 3 khu, trong đó Khu Đông Kon Tum chủ yếu là địa bàn Kon Plông (Đăk Tơ Ring, Đăk Tơ Bay, xã Hiếu, Măng Cành, Đăk Long, Kon Praih) và thị xã Kon Tum. Trên cơ sở phân chia địa bàn, Bộ tư lệnh Liên khu V đã cử các đoàn công tác đến các khu xây dựng cơ sở cách mạng.

Đến đầu tháng 5-1952, mọi công việc chuẩn bị chiến đấu đã hoàn tất; các lực lượng tham gia đã sẵn sàng. Bộ tư lệnh Liên khu V đã tập trung Trung đoàn 108 (đóng tại Kon Plông) và Trung đoàn 803, phối hợp với lực lượng vũ trang Mặt trận miền Tây và lực lượng vũ trang của huyện Kon Plông và Ba Tơ, có nhiệm vụ bẻ gãy các cuộc hành quân của thực dân Pháp. Trận đánh bắt đầu diễn ra từ ngày 8 đến ngày 12-5-1952. Bộ đội ta đánh bật địch khỏi vùng chiếm đóng ở Vi Ô Lắk, Kon Klung (xã Hiếu), phá vỡ cuộc hành quân Latêrít, giải phóng một vùng rộng lớn từ sông Re đến Kon Plông. Kết quả, quân dân Kon Plông cùng với quân dân Mặt trận miền Tây và bộ đội chủ lực Liên khu V đã tiêu diệt và bắt sống 230 tên địch, bức hàng hơn 100 tên; thu 3 súng máy, 2 tiểu liên, 5 vô tuyến điện và gần 10.000 viên đạn các loại. Âm mưu "cấy" lại cơ sở phản động của địch bị đập tan. Mục đích chính của cuộc hành quân Latêrít bị phá sản hoàn toàn. Để tránh những thất bại lớn hơn, tướng Lơ Cốc buộc phải lệnh cho lực lượng còn lại rút chạy về thị xã Kon Tum. Chớp thời cơ, quân ta chuyển sang truy kích địch mãnh liệt. Phát huy tinh thần chiến thắng, quân dân Kon Plông cùng bộ đội chủ lực Liên khu và Mặt trận miền Tây đẩy mạnh công tác binh vận, địch vận, dùng loa kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Hơn 50 lính ngụy trong đồn Măng Đen, Kon Plông, Kon Praih mang theo súng đạn, trang bị trở về với nhân dân.

Thất bại trong cuộc hành quân Latêrít, bọn thực dân Pháp ở Tây Nguyên vô cùng tức tối. Cuối năm 1952, chúng liên tiếp cho lính biệt kích từ đồn Măng Đen nhảy dù xuống Kon Trú (Kon Hà Nừng) để móc nối với bọn phản động địa phương. Phát hiện âm mưu thủ đoạn đó, Ban Cán sự Đảng huyện Kon Plông đã chỉ đạo lực lượng vũ trang của Huyện phối hợp với bộ đội địa phương của Ba Tơ (Quảng Ngãi) và An Lão (Bình Định) đón đánh và truy quét địch, diệt một số tên, đập tan âm mưu gây cơ sở phản động và lập hành lang quân sự của địch. Đồng thời, nhân dân trong vùng đã nổi dậy phá nhiều ổ vũ trang của địch.

Qua những trận chiến đấu và những thắng lợi vang dội về quân sự trên chiến trường Kon Plông và Mặt trận miền Tây, Ban Cán sự Đảng và UBKCHC huyện đã có bước trưởng thành trong lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn; cơ sở kháng chiến được mở rộng; biên chế, tổ chức bộ máy được củng cố và kiện toàn hơn, theo tinh thần sắp xếp biên chế tổ chức của Hội nghị Ban cán sự tỉnh Gia-Kon, tháng 8-1952, là bảo đảm "thật đơn giản và mạnh mẽ, thích hợp với điều kiện của chiến trường" Tây Nguyên. Do vậy, đã nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy, từ huyện xuống các xã. Ban cán sự huyện Kon Plông đã thực sự đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thống nhất toàn bộ tổ chức bộ máy trong huyện. Cấp xã công được tăng cường biên chế, cán bộ. Nhìn chung, sau khi chấn chỉnh biên chế và tổ chức, bộ máy của huyện và các xã đã tương đối gọn nhẹ, giải quyết công việc được tập trung thống nhất hơn. Chất lượng hoạt động ở cơ sở được tăng cường, tạo thuận lợi cho công tác phòng gian bảo mật và đưa các chủ trương của cấp trên vào thực tiễn phong trào kháng chiến ở các buôn làng. Đến hết năm 1952, Kon Plông (cùng với Đăk Glei) là một trong hai huyện của tỉnh Gia-Kon đã thực hiện được vấn đề biên chế tổ chức và hoàn tất báo cáo gửi Ban cán sự tỉnh .

Tổ chức Đảng ở Kon Plông năm 1952 có bước phát triển mới. Do phải tập trung sức giải quyết vấn đề biên chế và tổ chức bộ máy, Đảng bộ chưa thực hiện tốt vấn đề củng cố Chi bộ theo Nghị quyết chấn chỉnh Chi bộ của Hội nghị tổ chức Liên khu uỷ (9-1952). Tuy vậy, ở các xã, Ban cán sự huyện đã chỉ đạo thành lập các Ban cán sự xã. Cuối năm 1952, huyện Kon Plông có 4 Ban cán sự xã, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cán sự huyện. Ban cán sự huyện đã điều động các đồng chí uỷ viên xuống làm Bí thư Ban cán sự các xã nhằm dìu dắt cán bộ địa phương, sâu sát tình hình thực tế ở cơ sở và thâm nhập, vận động, gắn bó với đồng bào.

Tổ chức bộ máy chính quyền huyện, xã được củng cố dưới hình thức Uỷ ban, Hội đồng. Các xã vùng du kích và cơ sở kháng chiến cũ đã tổ chức lập thôn trưởng các thôn. Các vùng có cơ sở mới thì lập tổ trung kiên. Tuy nhiên Uỷ ban và Hội đồng cấp xã hoạt động chưa đều.

Tổ chức quần chúng ở Kon Plông hoạt động có hiệu quả hơn trong năm 1952. Vùng du kích và cơ sở kháng chiến cũ đã tổ chức được các nhóm nhân dân kháng chiến. Nhờ phát động được phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm, nhân dân đã tự túc được mọt phần lương thực, đủ sức kháng chiến và đánh thắng giặc đói. Huyện Kon Plông cùng với huyện An Khê, Đăk Bớt là 3 địa phương có tổ chức quần chúng và phong trào quần chúng thuộc diện khá ở vùng du kích trong toàn tỉnh.

Qua học tập chỉnh huấn chính trị năm 1952, mặc dù dời sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, song tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng cao, nên cao tinh thần đoàn kết nhất trí, tinh thần nghiêm túc tự phê bình và phê bình, củng cố niềm tin vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Bước vào Đông Xuân 1952-1953, cục diện chiến trường có nhiều thay đổi có lợi cho ta. Sau 7 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp bị sa lầy vào cuộc chiến hao người, tốn của. Dư luận trong nước và trên thế giới ngày càng lên án kịch liệt cuộc “chiến tranh bẩn thỉu” của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Nhằm xoay chuyển cục diện chiến tranh, cứu vãn thế thua rõ ràng dần trên chiến trường, quân Pháp tập trung lực lượng càn quét, đánh phá hòng khôi phục thế phòng thủ đang bị phá vỡ từng mảng. Có gắng quân sự cao nhất của địch trong năm 1953-1954 là đề ra Kế hoạch Na Va (gồm 2 bước) hòng bình định Việt Nam trong vòng 18 tháng.

Ở Kon Plông, địch thay đổi quân, củng cố hệ thống công sự phòng ngự các cứ điểm Măng Đen, Kon Praih; tăng viện cho Kon Praih, Măng Đen, Măng Bút. Địch thường mở các cuộc hành quân tuần tiễu (từ 2 đến 3 cuộc hành quân/1 tháng) trên các tuyến đường từ Kon Praih đến Kon Cheo Leo, Kon Go Lon đi Kon Pom, qua Kon Biêu và Kon Rơ Long (nay thuộc địa bàn huyện Kon Rẫy) về cứ điểm Măng Đen. Chúng bắn súng lớn vào buổi chiều để ngăn trở các hoạt động của lực lượng vũ trang và nhân dân trong vùng; phục kích trên các ngọn đồi gần đồn bốt, bắt người khai thác tin tức; tăng cường các hoạt động chính trị, phát triển tề điệp, với nhiều âm mưu xảo quyệt.

Liên tiếp trong những tháng nửa cuối năm 1953, địch có nhiều cuộc hành quân xâm lấn cơ trung đội, đại đội ở Kon Plông. Tháng 7 năm 1953, địch cho hai đại đội tung đi hai hướng Kon Gop (nay thuộc Đăk Pne, Kon Rẫy) và Kon Pông (nay thuộc xã Đăk Côi, huyện Kon Rẫy) với mục đích thăm dò lực lượng ta và cấy tề điệp. Tháng 10-1953, chúng cho một trung đội nhảy dù xuống Kon Jrăng (thuộc khu Đông mặt trận Miền Tây) lập tề điệp và phát vũ khí cho các ỏ vũ trang. Địch cũng mở nhiều hội nghị tề để giao nhiệm vụ và mua chuộc tề(ở Krem); tung gián điệp, gây gián điệp bằng nhiều hình thức: Tổ chức những nhóm 2-3 tên đóng giả dân thường (ở Kon Pông), giả làm lái buôn (ở Đăk Rong), hoặc cho lính giải ngũ về làng để dò la tin tức và lực lượng của ta, hoặc kết hợp với các cuộc hành quân để phát triển mạng lưới tề điệp.

Chúng còn lợi dụng những sơ hở của cán bộ ta để chia rẽ cán bộ và nhân dân, người Thượng và người Kinh, gây mâu thuẫn trong đồng bào, kích động trong các vụ phạt vạ, kiện tụng, gây thù hằn; phát súng cho dân để thực hiện ám sát cán bộ cách mạng ở Kon Plông. Chúng vơ vét nhún vật lực của đồng bào như bắt lính, nộp xâu thuế ở Kon Go và các vùng tạm chiếm ở Đăk Pne. Chúng tăng cường phá hoại mùa màng nhằm gây nạn đói, dùng tiền bạc và lương thực dụ dỗ nhân dân vùng du kích, ra sức chiêu an dân trong vùng tạm chiếm, giáp ranh vùng du kích ở Kon Plông.

Trong vùng tạm chiếm ở Kon Plông, địch tung nhiều luận điệu xuyên tạc, xúc tiến mạnh âm mun vũ trang bằng cách vừa dụ dỗ vừa ép buộc, hoặc dùng mê tín dị đoan để lừa phỉnh nhân dân; xây dựng bọn đầu sỏ phản động, củng cố tề điệp, phát triển mạnh khối "Atum" từ Kon Plông sang Plei Kon; tăng cường củng cố xây dựng hệ thống chính quyền tay sai.

Trong hai năm 1951-1952, ở hướng Mặt trận Miền Tây, ta đã thu được những thắng lợi quan trọng. Chính quyền các cấp được củng cố; cơ sở và các tổ chức kháng chiến không ngừng phát triển vững mạnh. Hệ thống căn cứ du kích, vùng du kích được hình thành liên hoàn ở phía đông đường 14, bắt đầu từ vùng du kích Đăk Glei, tiếp giáp Đăk Tô, Kon Plông, nối liền với An Khê, Đăk Bớt (Gia Lai)...

Tuy nhiên, những cố gắng của địch trong củng có hệ thống cứ điểm ở địa khu Kon Plông là thể hiện thế bị động sau Đông-Xuân 1951-1952 và Xuân-Hè 1953. Việc bắt lính tuy tăng về số lượng nhưng chất lượng lại giảm sút. Trong hàng ngũ tề điệp chúng lập lên, do đa số bị dụ dỗ ép buộc, nên khi được ta giác ngộ, họ nằm im hoặc quay trở lại với kháng chiến. Chính sách vơ vét bóc lột của địch tuy có gây khó khăn cho nhân dân, nhưng lại làm bốc cao thêm ngọn lửa căm hờn trong đồng bào các dân tộc.

Đến cuối năm 1953, sự nghiệp kháng chiến anh dũng của quân và dân ta đã có những thay đổi lớn. Ta càng đánh càng mạnh và càng thắng lớn, vươn lên giành thế chủ động trên các chiến trường. Sau những chiến thắng trong Xuân-Hè 1953, ở Liên khu V chiến tranh du kích vùng sau lưng địch phát triển. Căn cứ Bắc Tây Nguyên được mở rộng. Sau khi Liên khu ủy phát động triệt để giảm tô (tháng 4-1953) theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (tháng 01-1953), thì tinh thần và lực lượng kháng chiến của nhân dân trong vùng tự do và tạm bị chiếm được khuyên khích, động viên mạnh mẽ.

Trên mặt trận Tây Nguyên, tình hình có nhiều biến chuyển thuận lợi. Đầu năm 1953, ta đã giải phóng hơn 100 km2 đất đai với gần 2 vạn dân, bao gồm vùng nông thôn lộng lớn từ Đông - Tây sông Ba đến phía Bắc Kon Plông và vùng Mặt trận miền Tây.

Niềm tin của quần chúng nhân dân vào thắng lợi của ta trên chiến trường từ sau chiến thắng Đông-Xuân 1952-1953 đã lên cao. Phong trào thi đua kháng chiến trong nhân dân ở các địa phương phát triển. Bộ đội, dân quân du kích đã có nhiều tiến bộ sau chỉnh huấn và học tập phương châm, nhiệm vụ công tác vùng sau lưng địch. Ở vùng du kích, đã có bước tiến bộ trong củng cố lực lượng hậu bị và kế hoạch bố phòng. Nhân dân tích cực tham gia lập làng chiến đấu. Tinh thần chiến đấu và kỹ chiến thuật của bộ đội và dân quân du kích trong Huyện được nâng cao, đã chủ động hoặc phối hợp đánh địch lùng càn, nhiều trận đạt hiệu suất chiến đấu cao. Vấn đề xây dựng vùng du kích và thường xuyên mở rộng liên hệ, trao đổi với vùng du kích của huyện khác đã được chú ý hơn.

Công tác địch ngụy vận có bước nhận thức tiến bộ, trong cán bộ, đảng viên, bộ đội, dân quân du kích và trong nhân dân. Ban cán sự các xã ở Kon Plông đã nắm được yêu cầu, phương pháp công tác địch ngụy vận. Nhân dân nhờ được tổ chức tuyên truyền học tập nên đã quan tâm và tham gia tích cực công tác vận động giáo dục các gia đình ngụy binh, không lấy tài sản của cá nhân tù binh. Tù binh được đối xử tử tế, dần dần được ta cảm hoá, một số tự nguyện vào lực lượng dân quân du kích. Đảng bộ và Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Kon Plông (cùng với An Khê và Đăk Bớt) đã mở nhiều cuộc hội nghị giáo dục tề có kết quả, nên đã nắm hầu hết tề ở các làng, tổng; giải tán hầu hết các ổ vũ trang GURO của địch ở trong vùng. Sau Hội nghị địch nguy vận Liên khu, huyện Kon Plông đã tổ chức học tập rộng rãi về cồng tác địch ngụy vận, từng bước đưa công tác này xuống hầu hết các xã. Tuy vậy, có nơi, công tác địch vận còn nhiều hạn chế, lãnh đạo đấu tranh chống địch vũ trang còn thiếu liên tục, khả năng tuyên truyền, tổ chức địch nguỵ vận của cán bộ phụ trách công tác này còn thiếu sắc bén, linh hoạt.

Năm 1953, Đảng bộ và quân dân Kon Plông tiếp tục thực hiện cuộc vận động chỉnh huấn, chỉnh Đảng. Qua cuộc vận động này cán bộ đảng viên và chiến sĩ đã nhận thức rõ hơn âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù ở giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, hiểu sâu hơn đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ. Ở các chi bộ Đảng, nội dung sinh hoạt được chấn chỉnh và tập trung bàn về xây dựng củng cố nội bộ và thực hiộn các công tác trọng tâm của Đảng bộ cấp trên. Đảng viên đã có ý thức chăm lo giúp đỡ dìu dắt quần chúng, nâng cao tinh thần đấu tranh. Tinh thần đoàn kết giữa cán bộ, đảng viên và nhân dân tăng lên. Nhiều vụ mâu thuẫn lớn trong nhân dân được giải quyết, trong đó đáng chú ý là những vụ ở Kon Trang, Kon Trót. Một số nơi tổ chức Đảng, chính quyền, do chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác chỉnh huấn, nên còn lúng túng và thiếu phương pháp thực hiện.

Tin tưởng vào đường lối kháng chiến của Đảng và Chính phủ, đồng bào các dân tộc đã hăng hái tăng gia phát triển sản xuất làm thêm nhiều ruộng rẫy kháng chiến. Ở Kon Plông Bắc, các xã: Xã Hiếu, Đăk Ring, Măng Cành... đã xây dựng được nhà công khai và nhà bí mật, ruộng công khai và ruộng bí mật. Khi không có địch lùng càn thì đồng bào sinh sống ở nhà công khai và sản xuất trên ruộng công khai. Khi địch càn quét đánh phá thì đồng bào di chuyển vật dụng sinh hoạt, nông cụ sản xuất, gia súc gia cầm vào vùng an toàn trong những ngồi nhà bí mật, tổ chức sản xuất trên ruộng rẫy bí mật. Ở huyện Kon Plông nam , phân bố dân số cụ thể: Xã Kon Hà Nừng có 800 dân; Đăk Rong 800 dân, Đăk Pne 1.300 dân; xã Krem 400 dân. Riêng xã Đăk Pne không có ruộng. Xã Đăk Rong có nhiều làng như Kon Pồng, Kong Von làm ruộng nhiều hơn rẫy. Xã Kon Hà Nừng, Krem vừa làm rẫy vừa làm ruộng như Konhai, Kon Trút của xã Krem; Kon Jrăng, Hà Nừng lớn của xã Kon Hà Nừng số ruộng rải rác ở các xã đã làm, chưa làm lên đến 500 mẫu. Đồng bào đã biết đắp đập, đào mương, phát triển thuỷ lợi (ở Đăk Rong). Cũng có lúc do thiên tai và địch phá hoại, nạn đói giáp hạt ở một vài nơi như vùng du kích Đăk Pne. Nhờ công tác dự trữ lương thực của nhân dân trong vùng tương đối khá và tinh thần tương trợ đùm bọc nên nạn đói đã bị đẩy lùi. Đồng bào vận dụng phương pháp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp; thực hiện tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống... Thực dân Pháp rất tức tối, vì đi càn quét nhưng lại không vơ vét được của cải, lương thực của đồng bào.

Bên cạnh những thành tích đạt được sau Xuân-Hè 1953, trong huyện vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế đòi hỏi cán bộ, đảng viên và quân dân phải khắc phục, vuợt qua. Những hiện tượng bao biện làm thay giữa cán bộ đảng viên người Kinh và người dân tộc thiểu số; cán bộ Kinh ít biết tiếng dân tộc thiểu số; có chi bộ xã tinh thần tập thể kém. Hiện tượng chủ quan, mất cảnh giác, không thường xuyên nắm bắt chặt chẽ và ngăn ngừa kịp thời những âm mưu và thủ đoạn hoạt động ngầm về chính trị của địch, diễn ra một số nơi. Cơ sở kháng chiến điển hình ở vùng Đăk Rong hoạt động còn phân tán và thiếu qui mô hệ thống. Toàn xã Đăk Rong chỉ có 2 thôn Kon Von và Kon Luk là có tinh thần đấu tranh chống địch; các thôn còn lại như Kon Bông và Kon Leng vai trò của tổ chức Đảng và chính quyền trong tổ chức nhân dân chồng địch lùng càn, phá hoại còn nhiều non kém...

Các tổ chức quần chúng chưa được xây dựng vững chắc, sinh hoạt không đều, có nơi 4-5 tháng không sinh hoạt (ngoại trừ ở vùng du kích và Đăk Pne). Cán bộ phụ trách phong trào quần chúng nặng về đối phó với các hoạt động quân sự của địch mà ít chú ý tới các hoạt động chính trị ngấm ngầm của chúng; nặng về đấu tranh chống địch trước mắt mà thiếu ý thức bồi dưỡng sức dân bảo đảm chiến đấu lâu dài.

Trong Xuân-Hè 1953, ở vùng địch tạm chiếm, đã xuất hiện nạn đói và dịch bệnh tả, kiết ly... Nguyên nhân chủ yếu là do địch cướp phá mùa màng, thiên tai hạn hán, thú rừng phá hoại; công tác phòng ngừa dịch bệnh chưa tốt và thiếu thuốc chữa bệnh. Mặt khác, tổ chức Đảng và chính quyền nơi đây chưa lănh đạo chặt chẽ phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, bảo vệ mùa màng. Trong trồng trọt, vấn đề phát triển đa canh, thâm canh, cải tiến kỹ thuật canh tác, trang bị nông cụ sản xuất... còn yếu kém; thiếu kế hoạch chủ động giải quyết triệt để nạn đói.

Dù phải đương đầu với nhiều khó khăn, thiếu thốn "càng gần thắng lợi càng nhiều gian nan", đến cuối năm 1953, đầu năm 1954, Đảng bộ, quân dân Kon Plông đã tạo đà cho kháng chiến thắng lợi. Mọi nguồn lực và những điều kiện cần thiết cho những trận chiến đấu quyết định, dẫn tới thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến trong huyện đã được tập trung chuẩn bị.

Để chuẩn bị cho những cuộc tiến công chiến lược trong Đông-Xuân 1953-1954, ngày 27-11-1953, trong báo cáo trình Bộ chính trị của Tổng quân uỷ về "tình hình địch, ta ở Nam Trung Bộ, chủ trương chiến lược và kế hoạch công tác sắp tới", đã nhấn mạnh: "Liên khu V cần phải tập trung lực lượng tấn công lên Tây Nguyên".

Về kế hoạch tấn công Tây Nguyên, Tổng Quân uỷ đề nghị: "Phải tập trung lực trương quân sự, cán bộ, nhân vật lực, tăng cường chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ phát triển, đồng thời phải phát triển từng bước có kế hoạch, khống trút hết một lúc, làm ồ ạt để đi đến thất bại" .

Đầu tháng 12-1953, Liên khu uỷ và Đảng uỷ tư lệnh Liên khu quyết định: Tập trung toàn bộ quân chủ lực cho nhiệm vụ tấn công lên Tây Nguyên. Giao nhiệm vụ bảo vệ vùng tự do cho lực lượng địa phương; các chiến trường sau lưng địch đẩy mạnh các hoạt động đánh phá, mở rộng vùng du kích và vùng giải phóng. Giữa tháng 12-1953, Bộ Chính trị đã chuẩn y kế hoạch tấn công lên Tây Nguyên. Kế hoạch tấn công Tây Nguyên được chia làm 2 hướng.

Hướng chính: Bắc Kon Tum (Mặt trận miền Tây). Tại hướng này sẽ sử dụng các Trung đoàn 108, 803 (thiếu một đại đội), Tiểu đoàn 30, Liên đội đặc công, toàn bộ các đơn vị pháo côi, phòng không, phần lớn các đơn vị trinh sát, công binh, thông tin cùng lực lượng địa phương, hình thành thế tiến công theo 2 bước. Bước 1. Trung đoàn 108 và Liên đội đặc công tiêu diệt 2 cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, phá vỡ thế phòng thủ của địch, kéo quân viện của chúns từ thị xã Kon Tum ra để Trung đoàn 803 tiêu diệt trên đoạn Kon Praih - Măng Đen. Tiếp đó, các lực lượng này sè tiêu diệt Kon Praih, uy hiếp thị xã Kon Tum và đánh quân tiếp viện địch. Buớc 2, sau khi tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, sẽ dùng một bộ phận lực lượng kìm chân địch trên đường 5 (hướng Kon Tum - Kon Praih) và phát triển lực lượng về phía Tây, tiêu diệt toàn bộ hệ thông cứ điểm của địch từ Đăk Tô đến Đăk Glei, giải phóng hoàn toàn Bắc Kon Tum.

Hướng tiến công phụ: đường 19-An Khê.

Chấp hành kế hoạch, chủ trương của Liên khu uỷ, Tổng Quân uỷ, Đảng bộ, chính quyên và quân dân Kon Plông đã dồn sức chuẩn bị khẩn trương, tập trung mọi nguồn nhân lực vật lực, phát huy tinh thần tiến công cách mạng, tất cả vì thắng lợi của chiến dịch và cuộc kháng chiến. Lực lượng an ninh của Huyện cùng lực lượng của tỉnh và khu đã bảo đảm bí mật cho các cuộc chuyển quân, hậu cần, nghi binh; khống chế tề điệp và bọn tay sai. Lực lượng vũ trang huyện, dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Mặt trận miền Tây, đã phối hợp với bộ đội chủ lực liên khu chuẩn bị tác chiến. Đảng bộ, chính quyền huyện đã tổ chức chí đạo các đoàn dân công phục vụ chiến trường; động viên tinh thần cho cán bộ đảng viên, chiến sĩ và nhân nhân. Nhiều tên phản động tay sai ở Măng Bút, Vi Ô Lắk, Nước Chè, (Đăk Chè), Nước Lò đã bị bắt giam. Bên cạnh đó, Ban Cán sự huyện Kon Plông còn mở được nhiều hội nghị già làng, thống nhất lực lượng chống Pháp, trấn áp, cảm hóa tề, ngụy, xây dựng chính quyền nhân dân.

Kế hoạch tập kết quân trước giờ nổ súng của ta diễn ra sôi động, khẩn trương theo dự kiến. Tối 19-01-1954, các đơn vị đã về vị trí tập kết chờ lệnh nổ súng. Các lực lượng vận động bằng nhiều hướng, nhưng hướng chính là theo đường Đăk Ui, tập trung tại Kon Xủ (xã Hiếu) cách Măng Đen 20 km. Sở chỉ huy Mặt trận đóng tại xã Măng Cành. Ban chỉ huy đánh đồn Kon Praih được thành lập, gồm các đồng chí Hà Huy Tuỳ - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 307, Lê Hai (Bí thư Ban cán sự Kon Plông Bắc) và đồng chí chính trị viên Tiểu đoàn 307. Theo kế hoạch, lực lượng vũ trang tuyên truyền, đội công tác gây dựng cơ sở bám sát các làng. Cán bộ vận động nhân dân phá các ổ GURO trừ gian, củng cố chính quyền sau khi đánh đồn thắng lợi.

Theo nhận định của Ban cán sự Kon Plông Bắc do đồng chí Lê Hai làm Bí thư, đến sát ngày ta nổ súng, địch vẫn chưa xác định được hướng tiến công chính của ta ở Bắc Kon Tum. Trung tuần tháng 01-1954, công tác chuẩn bị cho chiến dịch đã hoàn thành. Các đơn vị và lực lượng tham gia đa tập kết đúng nơi quy định, chờ lệnh nổ súng.

23 giờ 23 phút ngày 27-01-1954, chiến dịch bắt đầu. Trên hướng chính Bắc Kon Tum, Trung đoàn 108 tấn công cứ điểm Măng Đen - cứ điểm kiên cố nhất và là xương sông cụm cứ điểm của địch ở Bắc Kon Tum, cách thị xã Kon Tum 60 km. Dựa vào công sự kiên cố và hoả lực mạnh, quân đông (3 đại đội địch đồn trú trong cứ điểm), chúng thường huyênh hoang tuyên bố "Bao giờ nước sông Đăk Blà chảy ngược về Đông, mặt trời mọc ở phía Tây, rừng Rơ Nâm hết lá thì Việt Minh mới đánh được Măng Đen”. Địch muốn thu hút bộ đội chủ lực của ta tới cứ điểm này để nghiền nát. Vì vậy, cuộc tấn công cứ điểm Măng Đen diễn ra rất ác liệt suốt 8 giờ liền. Sáng ngày 28-1-1954, ta đã làm chủ trận địa.

Cùng đêm 27 rạng sáng 28-01-1954, Tiểu đoàn 97 của Mặt trận Miền Tây phối hợp với Tiểu đoàn 89 (Trung đoàn 108) tấn công tiêu diệt cứ điểm Măng Bút; Tiểu đoàn 59 (Trung đoàn 803) hạ đồn Kon Praih.

Chiến tháng Măng Đen, Măng Bút, Kon Praih trên địa bàn Kon Plông có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần quyết định vào thắng lợi của chiến dịch Bắc Tây Nguyên trong Đông-Xuân 1953-1954. Hệ thống phòng thủ của địch ở Kon Plông và toàn bộ vùng Bắc Tây Nguyên sụp đổ. Cánh cửa tiến vào Bắc Tây Nguyên mở toang. Chiến thắng Măng Đen, Măng Bút, Kon Praih tạo thời cơ thuận lợi để tiến lên giải phóng Kon Plông, thị xã Kon Tum, vùng Đông Bắc Kon Tum và toàn tỉnh.

Quán triệt tinh thần tấn công địch giải phóng địa bàn của Ban chỉ huy chiến dịch, từ ngày 29-01 đến ngày 03-02-1954, Trung đoàn 108 phát triển lực lượng lên phía bắc, tấn công địch ở Đăk Tô, Đăk Glei, bắt sống và loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên. Ngày 03-02-1954, toàn bộ các khu bắc của tỉnh Kon Tum hoàn toàn được giải phóng.

Sau những thất bại ở Măng Đen, Măng Bút và Kon Praih, địch điên cuồng dùng pháo từ Kon Mơ Nei bắn vào vùng Đông Bắc Kon Tum; cho máy bay bắn phá đường 14, đường 5 từ thị xã Kon Tum đi Măng Đen; đem quân đánh nống ra vùng xung quanh thị xã để giải toả sức ép của ta. Nhưng vòng vây càng siết chặt, chúng đã vấp phải thế trận cài sẵn của quân dân Kon Plông và Kon Tum. Khí thế tiến công địch bừng bừng khắp núi rừng Kon Tum. Đến đầu tháng 02-1954, ở mặt trận Đông Bắc Kon Tum và Kon Plông, ta đã tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, phá hàng trăm GURO, làm tan rã bộ máy chính quyền tay sai của chúng, giải phóng vùng đất rộng lớn phía Bắc thị xã Kon Tum với hơn 5 vạn dân. Đất trời Tây Nguyên chuyển mình cùng với bước chân của lực lượng vũ trang và nhân dân trong vùng. Đến ngày 07-2-1954, toàn tỉnh Kon Tum rộng hơn 14.000 km2, với 200 ngàn dân đã hoàn toàn giải phóng.

Đánh giá kết quả và ý nghĩa của chiến thắng Kon Plông và Kon Tum, trong thưgửi cán bộ Liên khu V, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhấn mạnh: "Thắng lợi Kon Tum là một thắng lợi to lớn của ta trên chiến trường miền Nam, nó cũng là một trong; những thắng lợi to lớn của ta trong mùa Xuân này trên chiến trường toàn quốc. Nó cũng là một đòn nặng đánh vào âm mưu của địch đối với miền Nam" . Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc ở Kon Plông vô cùng tự hào đã đóng góp nhiều sức người, sức của để làm nên chiến công vang dội ấy. Đặc biệt, quân dân xã Hiếu, Pờ Ê đã làm tròn sứ mệnh là một hậu cứ vững chác, nối liền vùng tự do từ Tây Quảng Ngãi - Đông Kon Plông; đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ hành lang tiến quân của ta từ vùng tự do lên giải phóng Bắc Tây Nguyên, góp phân cho sự thành công to lớn của chiến dịch.

Với chiến thắng hào hùng kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến đầy gian khổ hy sinh, song rất anh dũng vẻ vang của toàn Đảng bộ, chính quyền và quân dân trong huyện trong suốt 9 năm ròng, góp phần giải phóng quê hương khỏi ách xâm lược, áp bức bóc lột của thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Thắng lợi này, mở ra trang sử mới cho sự phát triển về sau của quê hương. Từ đây, Đảng bộ, chính quyền và quân dân Kon Plông vững tin bắt tay xây dựng chế độ mới; tiếp tục đóng góp nhân, vật lực để xây dựng và củng cố hậu phương, dồn sức chi viện cho các mặt trận khác ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn.

**CHƯƠNG IV**

**ĐẢNG BỘ CHUYỂN HƯỚNG TỔ CHỨC, ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG (1954-1960)**

**1. Chuyển hướng tổ chức, đấu tranh giữ gìn lực lượng**

Ngày 07-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi, đánh đòn quyết định buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Theo tinh thần của Hiệp định, nước ta tạm chia làm hai miền và sau 2 năm sẽ tiến hành Tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Nhưng tháng 7-1956, Tổng tuyển cử đã không diễn ra. Với âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự xâm lược, Mỹ đã gạt Pháp, dựng lên ở miền Nam chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta.

Trước những chuyển biến của cách mạng miền Nam trong thời kỳ mới, tháng 7 năm 1954, Liên khu uỷ V đã họp, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (họp từ ngày 15 đến 18-7-1954). Căn cứ vào điều kiện cụ thể, Khu uỷ đã đề ra nhiệm vụ cấp bách: Tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, nhân dân về Hiệp định Giơ-ne-vơ; tình hình và nhiệm vụ mới; phương châm, phương pháp đấu tranh thời gian tới; tổ chức, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo, tổ chức Đảng và đoàn thể từ khu đến cơ sở cho phù hợp với điều kiện mới.

Tại tỉnh Kon Tum, từ tháng 2-1954, toàn tỉnh Kon Tum được giải phóng sau gần 9 năm kháng chiến anh dũng chống thực dân Pháp. Mặt trận Miền Tây giải thể. Cùng thời gian này, tỉnh Kon Tum được thành lập lại trên cơ sở chia tách tỉnh Gia - Kon. Là vùng căn cứ du kích của Kon Tum và Tây Nguyên, nhân dân các dân tộc ở Kon Plông đã đóng góp công sức vào thắng lợi, nay được sống dưới chế độ mới, tự do dân chủ, được hưởng chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước niềm vui phấn khởi của nhân dân càng gấp bội. Nhưng niềm vui không được bao lâu, quân và dân huyện Kon Plông nói riêng, tỉnh Kon Tum nói chung phải bước vào thời kỳ mới- đấu tranh chống Mỹ-Nguỵ, giành lại độc lập, tự do.

Tháng 8-1954, Liên Khu uỷ V chỉ định thành lập Ban Cán sự tỉnh Kon Tum gồm các đồng chí: Trương Quang Tuân (Vũ), Nguyễn Liên (Mười Nguyên), Phan Phụ (Quyết), Nguyễn Tuấn Tài (Trần Kiên), Nguyễn Tiến Can (Hùng), do đồng chí Trương Quang Tuân làm Bí thư. Về sau, Ban cán sự tỉnh được bổ sung các đồng chí Bùi Anh (Tiềm), Nguyễn Huề (Chiến) và Phạm Trọng (Nhớ). Ngay sau khi được thành lập, Ban cán sự tỉnh triệu tập Hội nghị cán bộ toàn tỉnh tại Kon H'ring, huyện Đăk Tô. Hội nghị đã quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 và Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V về tình hình, nhiệm vụ và phương châm, phương pháp đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới; Hội nghị cũng đã chỉ đạo công tác cấp bách trước mắt trong toàn tỉnh và tổ chức sắp xếp lại cán bộ, chuyển quân tập kết và phân công, bố trí một số cán bộ chủ chốt cấp huyện.

Theo đó, Ban cán sự tỉnh đã quyết định phân công 130 đồng chí (trong số này có các đồng chí là cán bộ quân đội) ở lại hoạt động trên địa bàn tỉnh bí mật, hòa mình vào nhân dân, cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng chịu đựng hy sinh gian khổ để gây dựng cơ sở, lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, thực hiện cuộc kháng chống Mỹ cứu nước đi đến ngày toàn thắng. Toàn tỉnh lúc này được chia thành các khu- tương đương với huyện. Cụ thể: Khu 1- Từ giáp Giá Vụt (Quảng Ngãi) lên đường 14; Khu 2-Từ giáp Sơn Hà (Quảng Ngãi) lên Wô Mơ Na ; Khu 3- Từ giáp Quảng Nam phía đông đường 14 đến vùng Văn Lem; Khu 4-Tây Đăk Glei; Khu 6-Từ Wô Mơ Na đến biên giới Lào, phía bắc giáp Khu 3, phía nam giáp Khu 1; Khu 7- Tương ứng với địa bàn huyện Sa Thầy và huyện H'Drai hiện nay. Riêng Khu 5 thành lập từ tháng 2 đến tháng 7-1954 đã giải thể nhập vào Khu 6. Địa bàn huyện Kon Plông lúc này thuộc Khu 2. Mỗi khu có Ban cán sự từ 3 đến 5 ủy viên, 10-20 cán bộ phụ trách cơ sở. Các uỷ viên Ban cán sự và cán bộ phân nhau bám cơ sở. Mỗi uỷ viên Ban cán sự phụ trách một vùng.

Ban cán sự Khu 2 (Đông Bắc Kon Tum) có 3 đồng chí: Lê Hai, Đoàn Văn, Nguyễn Sung do đồng chí Lê Hai làm Bí thư. Sau đó bổ sung thêm các đồng chí Thịnh, Huỳnh Văn Cần (Mẫn) làm Phó Bí thư, Vi Hoàng (tức Trần Văn Thân). Đồng chí Thịnh xin ra Bắc sớm. Đồng chí Thân cấp tiên cho ra Bắc để chữa bệnh và công tác. Ban cán sự còn 3 đồng chí . Đồng chí Sung bị bệnh mất tại làng Tu Ngok. Ban cán sự Đảng chỉ còn lại 2 đồng chí do Lê Hai phụ trách . Địa bàn phụ trách của Ban Cán sự Đảng lúc đó rất rộng gồm: Xã Hiếu, Đăk Long, Măng Cành và vùng từ Măng Đen đến Kon Hrinh dọc sông Đăk Sơ Liên, dọc đường 14 từ Kon Hrinh đến Bắc thị xã Kon Tum và dọc đường 5 về Quảng Ngãi.

Tháng 9-1954, theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, ta phải chuyển giao khu vực Tây Nguyên cho Pháp. Bộ đội, cán bộ, đảng viên, chỗ dựa của dân, những người hướng dẫn hành động cho dân, một số đi tập kết, một số chuyển vùng hoạt động, một số ở lại bám trụ cùng nhân dân các dân tộc bước vào cuộc đấu tranh biết trước sẽ đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc ở Kon Plông bước vào giai đoạn cách mạng mới trong bối cảnh đó.

Tại tỉnh Kon Tum, tháng 9-1954 Mỹ-Diệm bắt đầu tiến hành tiếp quản địa bàn. Một tỉnh đã hoàn toàn giải phóng, có các căn cứ kháng khiến với chính quyền mạnh ở Đăk Tô, Kon Plông, Đăk Glei, nhưng vì lợi ích chung cả nước, ta phải chấp nhận chuyển giao chính quyền địa phương cho đối phương. Chúng đưa một trung đoàn lính chiếm đóng thị xã Kon Tum, các huyện lỵ Kon Plông, Đăk Tô, các vùng dọc đường 5 và đường 14.

Tại địa bàn huyện Kon Plông, năm 1955 Mỹ - Diệm đưa quân đến đóng 3 đồn cũ quân Pháp đóng trước đây, gồm: Măng Đen, Măng Bút, Kon Plông. Một trung đoàn lính ngụy do tên Trung uý Đinh Hek người dân tộc thiểu số tại chỗ chỉ huy đóng đồn Măng Đen. Một tiểu đội do tên thiếu úy Ngọ chỉ huy đồng đồn Kon Plông. Đồn Măng Bút có một tiểu đội lính đa số là người dân tộc thiểu số được trang bị vũ khí: súng trường, tiểu liên, trung liên đầy đủ. Từ đây, chúng thường kéo vào các vùng lân cận để lùng bắt cán bộ, điều tra tình hình, tìm rượu, heo gà nhậu nhẹt.

Tuy vậy, chúng không dám đi sâu vào vùng rừng căn cứ của ta để lùng sục, vì sợ chông thò và mìn do ta gài trước đó còn sót lại. Trong vùng chiếm đóng, chúng tổ chức lực lượng dân vệ mỗi làng để kiểm soát dân.

Sau khi ta rút quân ra Bắc, kẻ thù sẽ phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, phá hoại tổng tuyển cử, tiến công cách mạng và đồng bào. Vì vậy, phương châm công tác ở vùng địch đóng quân là: kết hợp hợp pháp với bất hợp pháp lấy công tác hoạt động hợp pháp làm chính; hết sức lợi dụng khả năng hợp pháp và bán hợp pháp để giáo dục, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh, về tổ chức Đảng chủ yếu là bí mật. Về tổ chức quần chúng chủ yếu là hợp pháp và nửa hợp pháp. Những cán bộ bị lộ nên chuyển vào hoạt động bí mật hoặc điều ra vùng tự do. Cán bộ ở lại nên có việc làm, phải trà trộn và hoà mình vào quần chúng. Cần phải tổ chức ra những Đảng uỷ mới, những chi bộ mới, bí mật "giỏi công tác, khéo che giấu lực lượng”. Chống chính sách kêu gọi đầu thú để bảo tồn lực lượng của Đảng.

Cán bộ cơ sở đa số từ các tỉnh đồng bằng đưa lên làm bí thư các xã, bố trí vùng gần địch, nhất là dọc đường 14 và đường 5. Cán bộ ở lại phải đương đầu với nhiều khó khăn nguy hiểm. Để tồn tại phải đổi tên, phải cải trang, cà răng, xâu tai, mặc như người dân tộc thiểu số tại chỗ, dựa vào dân mà hoạt động, dân nuôi, dân bảo vệ. Cán bộ ở lại được học tập để nắm vững phương châm, phương pháp công tác chính sách dân tộc, nhiệm vụ mà Hội nghị Liên khu uỷ (tháng 7-1954), Hội nghị Ban cán sự tỉnh (tháng 8-1954) để ra theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (tháng 7-1954). Đó là bảo tồn cơ sở, tích luỹ lực lượng, nắm vững ngọn cờ hoà bình thông nhất, về tổ chức Đảng theo tinh thần gọn, nhẹ, tinh, bí mật, trọng chất lượng, phát triển theo yêu cầu nhiệm vụ. Nắm vững chính sách dân tộc: đoàn kết, bình đẳng, tương trợ. Đấu tranh theo phương châm kết hợp hợp pháp và nửa hợp pháp với không hợp pháp, lấy hợp pháp và nửa hợp pháp làm chính. Tổ chức quần chúng chủ yếu là hợp pháp và nửa hợp pháp, về sách lược thì dựa vào quần chúng lao động đông đảo, tranh thủ phân hoá tầng lớp trên, người làm việc cho địch, cô lập đánh đổ những tên đầu sỏ tay sai đế quốc có nhiều nợ máu với dân.

Nhiều làng ở Kon Plông đã có đảng viên, một số làng đã lập chi bộ, có cả những đảng viên thuộc thành phần lớp trên. Tuy nhiên, nhìn chung nhận thức về Đảng, về nhiệm vụ đảng viên và chi bộ còn hạn chế. Số đảng viên của một chi bộ đông, phạm vi hoạt động rộng, sinh hoạt còn lỏng lẻo. Trong kháng chiến chống Pháp, nhiều chi bộ đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh vũ trang thắng lợi như chi bộ xã Hiếu, Pờ Ê, Đăk Long và Măng Cành. Trong đó, riêng xã Hiếu có 68 đảng viên, sinh hoạt trong 7 chi bộ, chưa được tổ chức lại theo tinh thần các Nghị quyết của Trung ương, Khu và Tỉnh. Đến năm 1956, mới tổ chức cho đảng viên học tập, sau đó tuyên bố giải tán chi bộ, và chỉ chọn số đảng viên vững lập trường, thành phần xuất thân cơ bản để tổ chức lại chi bộ mới, mỗi chi bộ 3-4 đảng viên, có nơi đơn tuyến và rất ít họp. Đối với những đảng viên không được tổ chức lại trong chi bộ mới, các cấp uỷ vẫn chú ý giáo dục, giao công tác thích hợp cho họ. Đa số họ đã giữ được vai trò tích cực, đóng góp sức lực trong suốt những năm cách mạng gặp khó khăn nhất, cũng như suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Kon Plông.

Đầu 1955, cơ quan Ban cán sự tỉnh Kon Tum về đóng ở huyện Kon Plông. Đầu tiên đến xã Pờ Ê ổn định tổ chức, chỉ đạo việc chuyển hướng hoạt động. Nhân dân Kon Plông đã hết lòng nuôi dấu, bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Tỉnh. Đây cũng là thuận lợi cho Đảng bộ Kon Plông vì được sự chỉ đạo sát sao của Ban cán sự tỉnh.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng hoạt động, cán bộ, đảng viên đã bám cơ sở, bám dân, tuyên truyền giáo dục, lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Tuy nhiên thời kỳ đầu, nhiều làng trong đó có các làng thuộc Kon Plông dọc đường 5 hoạt động của cán bộ còn lúng túng, lệch lạc nên có đồng chí bị địch bắt, bị đứt liên lạc. Vùng Măng Bút, Kon Plông có đồng chí Tường bị giết hại, đồng chí Bình và đồng chí Thạch bị bắt. Ban cán sự trực tiếp là đồng chí Bí thư phải xuống cơ sở ta ở đồng bằng Quảng Ngãi, xin một số cán bộ thuộc diện đi tập kết ở lại để tăng cường lãnh đạo cho huyện Kon Plông. Có lúc, đồng chí Lê Hai phải xuống đồng bằng lấy tài liệu của Đảng để về huyện căn cứ vào đó mà hoạt động. Ta đã kịp thời rút kinh nghiệm, uốn nắn lệch lạc: Số cơ sở bị lộ tạm năm im, số ít bị lộ thì liên lạc với từng người một cách bí mật; số chưa bị lộ thì chuyển sang hoạt động thận trọng, kín đáo và khéo léo hơn.

Ở vùng căn cứ cũ, thời kỳ đầu địch chưa lập được nguy quyền cơ sở. Một số nơi có nguỵ quyền nhưng hình thức "hai mặt". Cán bộ hoạt động chủ yếu vẫn công khai với dân, có quan hệ mật thiết với dàn đến từng gia đình, lôi cuốn được tầng lớp trên, già làng, dựa vào dân để che giấu lực lượng. Địch đến thì lánh vào rừng, địch rút lại trở về làng, về nắm tình hình địch, thông tin liên lạc được tổ chức như thời kháng chiến chống Pháp. Khu 2 là chỗ dựa của cơ quan tỉnh.

Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh lâu dài, cùng với các khu khác trong tỉnh, Kon Plông đã tiến hành vận động nhân dân cất trữ muối, tăng gia sản xuất để có lương thực cải thiện đời sống nhân dân; vận động dân học chữ, thực hiện vệ sinh phòng bệnh, dùng thuốc nam chữa bệnh thay mời thầy cúng khi ốm đau... Quá trình vận động nhân dân thực hiện các chủ trương trên của Tỉnh đã góp phần tập hợp, đoàn kết nhân dân các dân tộc, gắn bó hơn với cách mạng, với cán bộ đảng viên. Đồng thời để cán bộ hoà mình vào đồng bào các dân tộc, Ban cán sự tỉnh có chủ trương cán bộ người Kinh ở lại phải học tiếng dân tộc thiểu số vùng mình hoạt động; cán bộ người dân tộc thiểu số lại phải học tiếng Kinh, tiếng dân tộc.

Phong trào học chữ được nhân dân, nhất là đông đảo thanh niên hưởng ứng. Cán bộ biết chữ dạy cho cốt cán biết chữ ít, cốt cán dạy cho nam nữ thanh niên chưa biết chữ. Khắc phục mọi thiếu thôn, khó khăn, tranh thủ mọi thời gian, mọi nơi, mọi lúc đe dạy. để học. Lúc đó đồng chí Trần Kiên đem vần Ba Na về phiên âm ra tiếng Xơ Đăng và Hrê để dạy văn hóa cho cán bộ cốt cán và thanh niên trong các vùng căn cứ. Nhờ đó, ở vùng căn cứ cũ chỉ một thời gian không lâu đã có thêm nhiều người biết chữ, tạo cơ sở thuận lợi cho việc giảc ngộ quần chúng, xây dựng cơ sở và đào tạo cán bộ.

Một phong trào có tác dụng tích cực trong đồng bào các dân tộc là phong trào vệ sinh phòng bệnh. Với phong trào này, đồng bào các dân tộc đã biết ăn, ở hợp vệ sinh, bỏ tập tục cà răng, đoàn kết, bỏ thù hằn giữa các dân tộc. Để vận động nhân dân thục hiện vệ sinh phòng bệnh, cán bộ đã hướng dẫn dân sản xuất dược liệu bằng cây thuốc ở địa phương; cải tạo lớp thầy cúng, bày cho dân làm thuốc chữa bệnh cho mình bằng các loại lá cây. Từ việc làm cụ thể, nhiều cán bộ đã chiếm đuợc lòng tin của dân làm cho đồng bào gắn bó hơn với cán bộ.

Cùng với việc củng cố, giữ gìn lực lượng, cán bộ đảng viên ở Kon Plông đã chỉ đạo vận động quần chúng tham gia đấu tranh chống lập ngụy quyền cơ sở, chống xâu thuế, cướp đất lập dinh điền, chống vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử... Phong trào đấu tranh của đồng bào đa diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú với quy mô khác nhau chống Mỹ - Diệm lập đồn lính và ngụy quyền dọc các đường giao thông trong Huyện. Cuộc đấu tranh chống lập ngụy quyền ở các vùng còn lại của Kon Plông cũng như các khu khác trong tỉnh Kon Tum diễn ra dưới hình thức dây dưa, kéo dài không để địch dễ dàng lập ngụy quyền cơ sở. Những làng địch nhắn tề cũ lên nhận việc thì trì hoãn không lên. Nếu bị thúc ép buộc người lên nhận việc thì tìm mọi lý do để từ chối. Từ chối không được thì tìm đưa những người tốt, có cảm tình với cách mạng ra nhận làm tề để có lợi cho dân. Đến cuối 1956, địch chỉ lập ngụy quyền cơ sở ở một số nơi trong Huyện, nhưng nhiều nơi chỉ là hình thức, phần lớn bị vô hiệu hoá. Nếu tính cả tỉnh Kon Tum thì đến cuối 1956, cấp thôn xã có 50%, cấp huyện có 20% các vị trí trong bộ máy ngụy quyền của địch là người của ta cài cắm vào nắm giữ.

Đối với vùng căn cứ, ta không lập chính quyền cách mạng quản lý công việc. Các làng do dân tự quản, cán bộ hướng dẫn tổ chức sản xuất, tố chức cuộc sống,bố phòng để tự bảo vệ mình, điển hình là ở Hiếu, xã Pờ Ê. Các làng sát địch, ta khéo tranh thủ tề, già làng và xây dựng cốt cán, giáo dục nhân dân, nên cán bộ ta hóa trang dễ ra vào làng, xã nắm cơ sở. Tổ chức giúp dân có lý lẽ đấu tranh chống Mỹ - Diệm vi phạm hiệp định Giơ-ne-vơ, cán bộ tuyên truyền để dân hiểu biết về nội dung các điều khoản của Hiệp định, hướng dẫn nhân dân dựa vào đó mà đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của địch. Từ đó làm cho dân hiểu tình hình đất nước, nhận rõ kẻ thù, có cơ sở đấu lý với địch, với sự vi phạm Hiệp định của chúng.

Từ tháng 7-1955, ở các tỉnh Tây Nguyên trong đó có Kon Tum. Kon Plông đã dấy lên phong trào đấu tranh đòi thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử, chống trưng cầu ý dân, bầu cử quốc hội riêng rẽ. Cuộc đấu tranh chống trưng cầu ý dân diễn ra bằng hình thức tẩy chay, không đi bỏ phiếu. Những nơi địch dùng bạo lực buộc nhân dân đi bầu thì đồng bào đã không bỏ phiếu cho Diệm cũng không bỏ phiếu cho Bảo Đại.

Tháng 11-1955, Ban cán sự tỉnh đã đề ra kế hoạch phát động nhân dân Kon Tum đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử (để thống nhất đất nước với yêu cầu phải làm cho phong trào loang ra đều khắp, góp phần nâng cao ý chí, tinh thần của quần chúng nhân dân, giành được kết quả cụ thể về quyền lợi hằng ngày, chống tuyển cử riêng rẽ, tác động tích cực đến hàng ngũ địch. Đồng thời phải củng cố, giữ vững và phát triển cơ sở, các mặt công tác như mặt trận, binh tề vận, đào tạo chi bộ, củng cố Đảng. Qua đấu tranh mà đoàn kết đồng bào, phát triển trung kiên, nòng cốt, bảo vệ cán bộ, những người trong hàng ngũ địch, tuyên truyền chính sách của ta với binh lính, ngụy quyền...

Ban cán sự Kon Plông đã chỉ đạo thực hiện kế hoạch trên địa bàn mình. Ở vùng căn cứ cũ, xa địch, cán bộ tổ chúc họp toàn dân làng, mít tinh, lên án Mỹ-Diệm chia cắt đất nước, phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử, động viên đồng bào xây dựng bảo vệ căn cứ, phát triển sản xuất, cảnh giác với do thám, gián điệp, chuẩn bị đối phó khi địch càn quét...

Ở vùng địch kiểm soát hoặc vùng tranh chấp, ta tổ chức cho nòng cốt, tề do ta đưa ra làm việc, già làng... cùng tìm hình thức, cách thức đấu tranh. Thường ở những vùng này, đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử được kết hợp một cách linh hoạt với đấu tranh đòi tự do đi lại, làm ăn, mua bán (muối, nông cụ, nồi rang, nồi bầu, thuốc chữa bệnh...), đấu tranh chống tuyển cử riêng rẽ, chống lăn tay làm thẻ, đòi giảm xâu miễn thuế, chống dồn dân... bằng những hình thức hết sức khéo léo, linh hoạt. Ta tổ chức cho tề có cảm tình bố trí cốt cán theo dân vào thị xã nắm tình hình địch, mua hàng hóa cho ta.

Đầu năm 1956, các làng đã cử từng đoàn 05-10 người trong đó có chủ làng, già làng, những người có lý lẽ kéo lên gặp ngụy quyền tổng, quận hoặc gián tiếp qua binh lính đồ đạt nguyện vọng của bà con muốn có hiệp thương tuyển cử, muốn tự do đi lại buồn bán, làm ăn...

Các phong trào nói trên kéo dài nhiều tháng, lôi cuốn được đông đảo nhân dân cả tỉnh Kon Tum trong đó có Kon Plông tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau. Những cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân không rầm rộ nhưng liên tục và kiên quyết buộc địch phải nhượng bộ. Qua đấu tranh, tình đoàn kết giữa đồng bào các dân tộc, trình độ giác ngộ của họ tăng thêm và có những tác động tích cực đến những người trong bộ máy ngụy quân, ngụy quyền.

Phong trào đấu tranh của quần chúng trong huyện có sự hướng dẫn của cán bộ, đảng viên diễn ra hai năm sau Hiệp định đã góp phần xứng đáng trong việc thực hiện chủ trương củng cố, giữ gìn lực lượng cách mạng ở Kon Tum.

 **2. Đấu tranh chống tố cộng, diệt cộng; xây dựng và mở rộng căn cứ, giữ vững và phát triển phong trào**

Từ giữa năm 1956, Mỹ-Diệm bắt đầu tập trung lực lượng đánh phá cách mạng các tỉnh Tây Nguyên. Chúng tiến hành tố cộng, diệt cộng ở vùng này dưới chiêu bài "Thượng du vận". Một mặt, chúng tung quân càn quét, đánh phá, tiến sâu vào các vùng chúng chưa kiểm soát được, vùng căn cứ du kích thời kháng chiến chống Pháp, thực hiện dồn dân... để dễ bề kiểm soát. Mặt khác, chúng dùng thủ đoạn mua chuộc, chia rẽ Kinh Thượng, chia rẽ các dân tộc... bằng thủ đoạn chiến tranh tâm lý hòng tách Đảng khỏi dân, để dễ bề tiêu diệt cộng sản. Chúng tập trung củng cố, xây dựng nguỵ quân, nguỵ quyền. Ở Kon Tum, một loạt các căn cứ, đồn bốt mọc lên ở thị xã, Đăk Tô, Tân Cảnh, dọc biên giới Lào, Campuchia...; lập khu biệt kích Krong; tăng cường quân lính vũ khí cho các đồn Măng Đen, Măng Bút, Kon Plông...; lập các dinh điền Diên Bình, Tri Đạo bảo vệ an toàn cho đường 14; tu sửa các tuyến đường 14, đường 18, đường 5 đi sâu vào vùng ta; trả lương cho lực lượng dân vệ, phản động hoá ngụy quyền cơ sở... Ở các quận chúng lập các đoàn công tác công dân vụ, đoàn công tác 3 cùng, đoàn diệt trừ muỗi che đậy dưới chiêu bài mị dân: để "phát triển cộng đồng, cải tiến dân sinh", "tái định cư các đồng bào dân tộc", nhưng thực chất là những tổ chức mật vụ để điều tra, thu thập tình hình, tìm kiếm "Việt cộng nằm vùng"...

Để tiến hành tố cộng, chúng lập ban tố cộng gồm từ 2-3 xã. Trước tiên chúng bắt chủ làng, tề ngụy học tố cộng. Từ đó chúng nắm được cơ sở, cán bộ, đảng viên ở từng làng. Kế đến bắt dân và cuối cùng bắt những người kháng chiến cũ, những người chúng nghi là cơ sở của ta học tố cộng. Tại các lớp học này, chúng nói xấu, xuyên tạc về cộng sản Đảng, miền Bắc, truy bức tinh thần, ép buộc những người kháng chiến cũ phải tuyên thệ từ bỏ cộng sản, Việt Minh, gây sự nghi ngờ giữa dân với cán bộ, đảng viên. Trong khi đó chúng cho quân lùng sục, phục kích đón bắt, giết hại cán bộ, khủng bố những người kháng chiến cũ... Đã có nơi cán bộ dao động, ra hàng, thậm chí chỉ điểm cho địch đánh phá cơ sở; bắt, giết hại cán bộ phụ trách cơ sở thuộc Kon Plông.

Đối với vùng căn cứ, chúng mở các cuộc hành quân càn quét bắn giết, đốt phá nương rẫy, làng bản đi đồi với dùng thủ đoạn mua chuộc (phân phát vải, áo quần, chăn màn cho dân...), lợi dụng tôn giáo để lôi kéo dân theo đạo bằng luận điệu: làng nào theo đạo thì được yên ổn làm ăn, người làng đã bị bắt sẽ được trả tự do..., từ đó mà dễ bề kiểm soát dân chúng.

Gần đến ngày tổng tuyển cử, Mỹ-Diệm càng tăng cường các chiến dịch tố cộng, tuyên bố miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Trước tình hình đó, quán triệt tinh thần Nghị quyết Liên khu ủy V (tháng 2-1956), Ban cán sự tỉnh Kon Tum đã họp liên tiếp ba cuộc họp vào tháng 1, tháng 2 và đặc biệt là Hội nghị tháng 6-1956 để phân tích, đánh giá tình hình và xác định nhiệm vụ: Củng cố phát triển lực lượng là nhiệm vụ mấu chốt; chống tố cộng, chống tuyển cử riêng rẽ là nhiệm vụ trực tiếp lúc này và phải kết hợp chặt chẽ với đấu tranh đòi quyền lợi hàng ngày. Đồng thời, cần tăng cường giáo dục đường lối, phương châm, phương pháp công tác cho cán bộ đảng viên, quần chúng. Tuyên truyền rộng Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mở rộng mặt trận đoàn kết, xây dựng lực lượng, xây dựng Đảng bộ, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, giữ vững cơ sở, tích luỹ lực lượng. Hội nghị đã cụ thể hóa phương châm cho sát hợp với từng vùng về các mặt công tác: mặt trận, binh tề vận, xây dựng Đảng, xây dựng căn cứ... Nói chung phương thức hoạt động vẫn còn lúng túng trong việc thực hiện đường lối hòa bình trong cuộc đấu tranh thông nhất nước nhà.

Hội nghị nhấn mạnh trách nhiệm của cán bộ, đảng viên phải nêu cao khí tiết người cộng sản, bám sát quần chúng lanh đạo họ đấu tranh chống tố cộng bảo vệ Đảng, giữ vững và phát triển phong trào. Hội nghị đã đặt lên hàng đầu công tác giáo dục, nâng cao giác ngộ cách mạng cho cơ sở, quần chúng, làm cho quần chúng phân rõ địch, ta, hiểu vì sao phải đấu tranh... Hình thức giáo dục phải phù hợp với trình độ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Các tài liệu truyên truyền do Liên tỉnh uỷ 4 biên soạn . Qua học tập quán triệt tinh thần, nhiệm vụ mà Ban cán sự tỉnh đề ra, cán bộ, đảng viên trong huyện Kon Plông được củng cố về lập trường, quan điểm, nhận thức rố hơn nhiệm vụ của mình, vai trò khả năng của quần chúng, gắn bó hơn với quần chùng. Được cán bộ tuyên truyền vận động, hướng dẫn đồng bào các dân tộc hiểu rỗ âm mưu thủ đoạn của Mỹ-Diệm, phân định rõ kẻ thù, hạn chế đuợc tư tưởng lừng chừng, dao động... Đoàn kết Kinh - Thượng, sự gắn bó giữa cán bộ, quần chúng được tăng cường.

Cuối 1956, đầu năm 1957, tình hình địch, ta thay đổi. Để thuận lợi cho sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, Ban cán sự tỉnh chủ trương cắt một phần Khu 3 giáp với Khu 6 thành Khu 8, cắt một phần nam Khu 2 thành lập Khu 9. Như vậy, phạm vi huyện Kon Plông lúc này bao gồm khu 2 và khu 9. Đồng chí Lê Tiễn (Bằng) làm Bí thư Ban cán sự Khu 2 từ 1955. Sau khi lập, Khu 9, đồng chí Trần Quang Hải (Bá Neo) làm Bí thư Ban cán sự, ủy viên Ban cán sự là các đồng chí Tường và đồng chí Điểu.

Ban cán sự đã hướng dẫn các chi bộ tổ chức học tập tiêu chuẩn đảng viên, khí tiết người cộng sản..., xử lý một số trường hợp cụ thể để củng cố Đảng như khai trừ hoặc đình chỉ sinh hoạt đảng viên có tư tưởng dao động, có liên hệ với địch; chấp nhận việc xin thôi sinh hoạt Đảng của đảng viên già yếu, bệnh tật, không đủ điều kiện; đảng viên người Kinh không đủ sức khoẻ chịu đựng hoặc hoàn cảnh đặc biệt thì đưa ra miền Bắc công tác...

Ban cán sự đã chú ý đến công tác phát triển đảng viên mới với phương châm thận trọng, chắc chắn. Ở những nơi chưa có đảng viên, các Ban cán sự quần chúng được tổ chức, qua các ban này mà lãnh đạo quần chúng thử thách rèn luyện cốt cán, xây cơ sở, đào tạo cán bộ. Cũng từ đấy mà lựa chọn, bồi dưỡng quần chúng trở thành những cảm tình để xem xét kết nạp. Nhờ đó năm 1957, ở Kon Tum trong đó Kon Plông đã có lớp đảng viên mới, có nơi còn lập được tổ Đảng, chi bộ.

Việc đào tạo cán bộ người địa phương, bồi dưỡng giáo dục lập trường giai cấp, chính trị, văn hoá; lòng yêu nước thương dân, đạo đức khí tiết người cộng sản... cho cán bộ đảng viên, thực hiện phê bình và tự phê bình trên tinh thần đồng chí, đã góp phần hình thành một lớp đảng viên mới ở Kon Tum nói chung và ở Kon Plông nói riêng dám hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chính sách tố cộng diệt cộng ngày càng tàn ác của Mỹ-Diệm không tiêu diệt được cách mạng miền Nam mà chỉ càng làm cho nhân dân miền Nam thêm rõ bộ mặt thật của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Chính sách đó không chỉ đánh vào những người cộng sản mà còn bóp nghẹt cuộc sống người dân lương thiện. Thủ đoạn tàn bạo dã man cũng không tách được Đảng, cán bộ khỏi dân mà càng làm cho dân thêm căm thù, sẵn sàng hy sinh bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng. Người dân đã bày tỏ với cán bộ: thằng địch nó ngoan cố, đấu tranh bằng miệng là không được, nếu không cho nổ súng thì để chúng tôi bóp cổ thằng địch, làm chồng thò diệt chúng.

Một số nơi trong huyện, nhân dân đã có những hành động chống trả tự phát. Dân làng Nước Kua, Nước Đổ đã giết 2 gián điệp giả thương lái từ Quảng Ngãi lên để do thám; làng Kon Mong diệt 1 tên thám báo... Ở vùng căn cứ, hình thức vũ trang tự vệ bất hợp tác dưới hình thức tập tục của dân tộc cũng phát triển. Các làng có rẫy bí mật, nơi tránh địch bí mật để dân làng hàng ngày lánh địch khi bị càn và tiếp tục sản xuất. Lúa gạo, tài sản đều được đưa ra rừng cất giấu để tránh địch cướp phá khi chúng càn quét. Đồng bào còn cắm chông, cài bẫy quanh làng, quanh rẫy để "chống thú rừng", nhưng mục đích là nhằm ngăn cản, hạn chế sự lùng sục của địch. Ngoài ra, ta đã bắt đầu vận động lập hội vần công ở từng làng để giúp đỡ nhau sản xuất.

Mùa Thu năm 1958, Khu uỷ V nhận được bản Đề cương cách mạng miền Nam do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo và triệu tập cuộc họp ra nghị quyết về phương hướng xây dựng Tây Nguyên và khu vực miền núi các tỉnh Khu V thành căn cứ; bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, thành lập một số trung đội thoát ly; lập các cơ sở sản xuất; dự trữ muối, gạo; động viên quần chúng nhân dân làm "rẫy cách mạng". Số muối còn lại từ kháng chiến chống Pháp và số gửi dân mua đều được giã nhỏ gói lá chuối rồi đốt và cất giấu để dự trữ.

Cuối năm 1958, Ban cán sự tỉnh Kon Tum đã họp tại làng Nước Chè, học tập Đề cương cách mạng miền Nam, đề ra nhiệm vụ xây dựng lực lượng tự vệ (lúc đầu gọi là "bảo vệ"), lực lượng vũ trang, bố phòng chống địch càn quét, diệt ác ôn đầu sỏ, chuẩn bị mọi mặt đợi khi có nghị quyết của Trung ương. Ban cán sự Đảng như được luồng sinh khí mới, phấn khởi, tin tưởng và thoát được lúng túng.

Thực hiện chủ trương, nghị quyết của Khu uỷ và Ban cán sự tỉnh, các khu bất hợp pháp phát triển dần thành những căn cứ làm chỗ đứng chân vững chắc cho cách mạng như xã Đoàn, xã Hiếu. Các đội tự vệ cũng được xây dựng. Nhiều thanh niên đã hăng hái nhận nhiệm vụ làm giao liên, vào đội vũ trang công tác, một số gia nhập bộ đội. Súng đạn đã được đào lên để trang bị cho bộ đội và các đội công tác. Năm 1959, Trung đội Hrê đầu tiên được thành lập ở Khu 9. Tỉnh tổ chức xuống Đăk Tuyên (Sơn Hà) đào hầm lấy súng chôn từ 1954 để về sửa lại dùng.

Phong trào tăng gia sản xuất cũng được đẩy mạnh. Nhân dân tích cực trồng nhiều lúa, ngô, khoai, nhất là trồng sắn. Sản xuất lương thực tự túc đã được tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ. Dân trong Huyện thường gọi những rẫy sắn là "rẫy nương thống nhất". Nhờ đó có thêm lương thực giải quyết nhu cầu hàng ngày và có thêm lương thực cất giữ đề phòng khi khó khăn. Song song với phong trào tăng gia sản xuất, cán bộ đã chỉ đạo nhân dân đấu tranh đòi tự do đi lại, mua bán. Đã có một lượng hàng hoá gồm những thứ thiết yếu cho đời sống hàng ngày của người dân nơi đây như muối, vải, ni-lông... Nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của nhân dân đã được đáp ứng. Các khu đã có một phần hàng dự trữ cho thời gian sau.

Phong trào dạy học chữ quốc ngữ, giữ vệ sinh... vẫn được duy trì, đã có tác động về ổn định tựtưảng, chính trị và kinh tế. Ở các vùng căn cứ, cuộc sống tự quản của dân theo phong tục địa phương được sự hướng dẫn của cán bộ, đảng viên đã hình thành tự quản trong sản xuất, văn hoá, y tế, quan hệ xã hội.

Đến cuối năm 1958, tại địa bàn huyện đã thực hiện được một bước chủ trương giữ gìn và phát triển lực lượng. Phong trào cách mạng được duy trì, giữ vững, vùng căn cứ được củng cố về mọi mặt. Các chi bộ đã phát triển về số lượng và chất lượng, tạo cơ sở vững chắc cùng toàn tỉnh Kon Tum, Tây Nguyên chuyển sang thế tiến công nổi dậy từng phần.

**3. Chuyển phong trào lên thế tiến công**

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ đến năm 1959, lực lượng cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề. Nhân dân miền Nam ngày càng rên xiết dưới chế độ mượn danh "độc lập", "dân chủ" "quốc gia", nhưng rất phát xít dã man của Mỹ và gia đình họ Ngô. Không thể tiếp tục mãi ở thế giữ gìn, bảo vệ lực lượng, ngày 13-01-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) tiến hành Hội nghị lần thứ 15 đã phân tích đặc điểm, tình hình, mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội miền Nam, Hội nghị Trung ương chỉ ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: "Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là "đoàn kết toàn dân, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam".

Hội nghị xác định, ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ; con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền; ... cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ nhưng thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân miền Nam.

Về phương hướng xây dựng Đảng, Nghị quyết chỉ rõ: 'Vấn đề mấu chốt... hết sức cấp bách là phải củng cố, xây dựng Đảng bộ miền Nam thật vững về chính trị, tư tuởng, tổ chức để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp Đảng bộ, nhất là chi bộ...".

Tháng 3-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ thị nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên: “nỗ lực xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ cách mạng chính ở miền Nam... khẩn trương tích cực, vững chắc... hết sức tranh thủ chủ động” . Tháng 8-1959, Ban Cán sự Đảng tỉnh đã tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết 15 tại vùng căn cứ thuộc Khu 9 (Kon Plông). Nghị quyết 15 ra đời đã thổi bùng lên khí thế cách mạng của nhân dân, cán bộ, đảng viên miền Nam, Tây Nguyên, Kon Tum trong đó có Kon Plông.

Sau Hội nghị, tháng 9-1959, Ban cán sự tỉnh chủ trương diệt một số ác ôn đầu sỏ. Đồng chí Đỗ Thanh Tuyền (Neo) nhận nhiệm vụ chỉ huy một tổ vũ trang đón đường diệt được tên chánh tổng Bần gian ác nhất Măng Bút.

Ngày 10-9-1959, dân làng Nước Kua (nay thuộc xã Ngọk Tem) đã được đón đoàn cán bộ tập kết do Trung ương cử về gồm 24 đồng chí tăng cường cho phong trào cách mạng Kon Tum. Đến thời điểm này, toàn Đảng bộ Kon Tum đã phát triển lên 47 chi bộ gồm 409 đảng viên, trong đó 320 đảng viên người địa phương, tăng sấp 3 lần so với năm 1954.

Ngày 01-10-1959, tại làng Nước Chè, xã Đăk Xlò (nay là xã Ngọk Tem), đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Kon Tum trong kháng chiến chống Mỹ đã đuợc thành lập, gồm 64 chiến sĩ, phần lớn là người dân tộc thiểu số tại chỗ. Từ đấy, mỗi huyện trong tỉnh đều tổ chức đội vũ trang tập trung và dân quân, du kích. Huyện Kon Plông đã xây dựng một trung đội vũ trang trên cơ sở tập trung một số du kích các xã do A Bình chỉ huy. Ban quân sự cũng được thành lập. Sự hình thành, phát triển các đơn vị vũ trang trong toàn tỉnh Kon Tum đòi hỏi phải có lực lượng tham gia. Nhiều thanh niên nam nữ ở trên địa bàn đã hăng hái tình nguyện vào bộ đội, dân quân du kích; tham gia vận chuyển vũ khí được chi viện từ Bắc vào; làm giao liên đưa đón, dẫn đường cho cán bộ, bộ đội từ miền Bắc vào, từ Khu V lên tăng cường cho Tây Nguyên, Kon Tum. Đồng bào và lực lượng thanh niên đã tham gia đắp đường, mở các tuyến đường trong Huyện nối các tuyến hành lang trong tỉnh Kon Tum với hệ thống hành lang chiến lược đường 559 và đường Đông - Tây nối với Campuchia.

Tháng 8-1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi) nổ ra thắng lợi. Sự kiện đó tác động đến phong trào toàn tỉnh Kon Tum, nhất là khu vực Kon Plông, giáp giới với miền tây Quảng Ngãi. Phong trào cách mạng ở Tây Nguyên ngày càng lớn mạnh, Mỹ-ngụy càng tăng cường đánh phá, càn quét. Giữa tháng 2-1960, chúng đưa trên một tiểu đoàn lính và một số tên dân vệ người Hrê dẫn đường đánh vào căn cứ của ta ở Khu 9 huyện theo ba hướng. Chúng đốt phá nhà cửa, cướp bóc tài sản, lương thực của nhân dân, truy tìm cơ sở bắt giết cán bộ của ta. Trong cuộc càn này, bọn địch đã đốt 2.080 gùi lúa, 225 gùi gạo, bắt 187 heo, cướp đi một số nông cụ... Lính ngụy đã bắt hai cán bộ người địa phương tra tấn dã man, nhưng không lung lạc được khí tiết người cộng sản. Đồng chí Đinh Gió ở làng Nước Chè, xã Đăk Xlò (nay là xã Ngọk Tem) bị địch bắt, đánh đập rất da man, bắt dẫn đường đưa chúng đi đánh phá cơ sở, căn cứ, đồng chí nhất quyết không đi. Địch lấy dây thép xâu tay, nắm tóc kéo lột cả mảng da đầu buộc đồng chí dẫn đi đánh cơ sở, bắt bớ cán bộ, đồng chí móc chân vào rễ cây bên đường nhất quyết không đi. Đồng chí hiên ngang tuyên bố: "Tao là cộng sản đây. Chúng bay bắn tao, tao được chết vì dân tộc, vì đất nước...". Biết không thể khuất phục được, địch đã bắn đồng chí. Hành động dũng cảm, trung thành với cách mạng của đồng chí Đinh Văn Gió sau này được Đảng, Nhà nước ta truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Một đồng chí bị địch bắt cũng nhất quyết không chịu khai, không chịu đưa lính đi tìm bắt đồng chí, bắn giết đồng bào mình. Trước khi bị địch bắn, đồng chí còn cố dùng dao chém lại tên chỉ huy địch. Tấm gương trung kiên của các đồng chí đã giữ vững tinh thần đấu tranh chống càn, bảo vệ vùng căn cứ, khích lệ nhân dân.

Trong những ngày địch càn, nhân dân trong Huyện vẫn cùng cán bộ bám sát động viên giữ vững tinh thần, hạn chế sự mang dao động. Các Ban cán sự lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống địch càn quét, đốt phá; hướng dẫn, giúp nhân dân giải quyết những thiệt hại sau cuộc càn; động viên quần chúng giữ thế hợp pháp, uốn nắn tư tưởng muốn ra bất hợp pháp, muốn vũ trang đánh trả...; tổ chức rút kinh nghiệm đổ đối phó những cuộc càn tiếp theo.

Ngày 09-3-1960, Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Kon Tum lần thứ nhất đã khai mạc tại làng Mô Gia, núi Ngọk Linh (nay thuộc xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông). 33 đại biểu thay mặt cho 524 đảng viên thuộc 82 chi bộ trong toàn tỉnh đã về dự. Các Ban cán sự Khu 2 và Khu 9 đã đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 13 đồng chí, do đồng chí Trần Kiên làm Bí thư, đồng chí Phan Phụ (Quyết) làm Phó bí thư và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ để triển khai thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, khẩn trương chuẩn bị chuyển phong trào lên thế tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ phần lớn vùng nông thôn miền núi, cùng cố xây được căn cứ vững mạnh. Tiếp đó, Hội nghị quân chính tỉnh đã họp bàn phương hướng, nhiệm vụ xây dụng lực lượng vũ trang để sẵn sàng hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ.

Sau đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, Tỉnh uỷ thống nhất sáp nhập các khu và đổi thành huyện, lấy mật danh là H. Theo đó, Khu 2 và Khu 9 nhập thành huyện H29 (nay là huyện Kon Plông). Để kiện toàn một bước hệ thống tổ chức Đảng bộ Kon Tum, sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, các Ban cán sự huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ địa phương. Đại hội lần thứ nhất của H29 được tổ chức tại làng Nước Nót, xã Đăk Xlò vào cuối năm 1960. Khẩu hiệu của Đại hội là "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" . Đồng chí Trần Quang Hải tiếp tục được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ H29.

Ngày 07-9-1960, nhân dân làng Tà Bót đã nổi dậy diệt một số ác ôn và 2 tên lính rồi cả làng nhanh chóng rút vào rừng, bố phòng, chuyển sang thế bất hợp pháp. Cuộc nổi dậy của dân làng Tà Bót mở đầu cho cao trào tấn công và nổi dậy trong toàn tỉnh Kon Tum, trong đó có Kon Plông, chuyển vùng căn cứ lên thế đấu tranh bất hợp pháp chống địch.

Cũng trong tháng 9-1960, Liên khu ủy V chủ trương mở đợt hoạt động vũ trang trong toàn khu, phát động quần chúng phá kìm kẹp, mở rộng căn cứ và hướng hoạt động chú trọng là miền núi. Ở Kon Tum, hướng tấn công chính được xác định là H40, H30; Măng Đen, Măng Bút thuộc H29 là hướng phối hợp. Địa bàn nổi dậy là vùng địch chiếm và vùng tranh chấp cũ. Thực hiện chủ trương này, đêm 20 rạng sáng ngày 21-10-1960, lực lượng vũ trang của Khu và Tỉnh đồng loạt tấn công các đồn Đăk Tảh, Đăk Xú, Đăk Glei, Đăk Bung và Măng Đen, Măng Bút (trên địa bàn H29), bắt sống, tiêu diệt tổng cộng khoảng 300 tên địch. Phối hợp với tiến công quân sự các đội công tác đã hướng dẫn, hỗ trợ bà con phá đồn, phá kìm kẹp ở các địa bàn dọc quốc lộ 14, quốc lộ 5. Toàn tỉnh có 250 làng với trên 40 nghìn dân trong các vùng địch kiểm soát và vùng tranh chấp đã nhất tề nổi dậy, xoá bỏ bộ máy ngụy quyền, lập ra uỷ ban tự quản, chuyển lên vũ trang bố phòng đánh địch. Một vùng rộng lớn của tỉnh Kon Tum gồm H29, H16, H67, H80, H30 giáp các căn cứ của các tỉnh Gia Lai, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Attapeu (Lào), Ratanakiri (Campuchia) trở thành vùng do ta làm chủ.

Ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đánh dấu sự lớn mạnh của phong trào cách mạng miền Nam, là nguồn động viên, đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân yêu nước đấu tranh chống chế độ Mỹ-Diệm tàn ác, vì giải phóng miền Nam, độc lập dàn tộc và thống nhất Tổ quốc. Cùng các huyện trong tỉnh Kon Tum. Huyện H29 đã tiến hành Đại hội đoàn kết dân tộc, động viên quân, dân quyết tâm chống Mỹ, cứu nuức, đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ-Diệm và cử đại biểu tham dự Đại hội đoàn kết dân tộc toàn tỉnh. Ngày 03-01-1961, tại làng Đăk Pét, xã Đăk Rơ Manh, Đại hội đoàn kết dân tộc của tỉnh Kon Tum đã khai mạc. Có 300 đại biểu tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc tỉnh Kon Tum đã về dự. Đại hội đã khẳng định quyết tâm của nhân dân toàn tỉnh Kon Tum, trong đó có nhân dân Kon Plông đoàn kết đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ-ngụy. Đại hội đã bầu Uỷ ban phong trào dân tộc tự trị tỉnh, bầu đại biểu đi dự Đại hội lần thứ nhất phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên (thành viên của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam).

Từ đây phong trào đấu tranh của nhân dân Kon Plông cùng nhân dân toàn tỉnh Kon Tum đã được tập hợp vào một mặt trận đoàn kết, thống nhất ngày càng được củng cố, mở rộng và phát huy sức mạnh to lớn trong những ngày tháng tiếp tục của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Thời kỳ 1954-1960 là thời kỳ cách mạng miền Nam phải chuyển sang đấu tranh chính trị và giữ gìn lực lượng. Đây là thời kỳ địch khủng bố, truy bức dưới tất cả mọi hình thức nên cách mạng miền Nam nhìn cùng chịu những tổn thất nặng nề. Ngay từ đầu, Đảng bộ huyện đã bám cơ sở, bám dân, dựa vào dân, lanh đạo nhân dân duy trì và phát triển cơ sở cách mạng. Trong những năm tháng đó, Đảng bộ đã trưởng thành trong thực tiễn, lãnh đạo nhân dân đấu tranh vượt qua những thử thách, khó khăn, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Kon Plông đã tham gia các phong trào đấu tranh chống lập chính quyền địch, chống xâu thuế, chống cuớp đất lập dinh điền, đòi hiệp thương lỏng tuyển cử, chống tố cộng, bảo vệ cán bộ... bằng các hình thức thích hợp với điều kiện địa phương. Bên cạnh đó, Đảng bộ còn vận động nhân dân tham gia các phong trào phát triển sản xuất, học chữ, vệ sinh phòng bệnh, dùng thuốc nam chữa bệnh... Vì vậy, ngoài những xã căn cứ, hầu hết vùng nông thôn Kon Plông bị địch chiếm cũng như vùng tranh chấp giữa địch ta cũng không lập được ngụy quyền. Nhân dân sống cuộc sống tự quản, đời sống, trình độ giác ngộ chính trị, tình đoàn kết giữa các dân tộc, uy tín của Đảng, của cách mạng ngày càng rộng. Nhìn chung, huyện không chỉ thực hiện được mục tiêu giữ gìn mà còn phát riển lực lượng cách mạng về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, tạo cơ sở cho những thắng lợi của phong trào cách mạng ở Kon Plông trong các thời kỳ tiếp sau.

Trong những năm tháng của thời kỳ khó khăn nhất đối với cách mạng miền Nam, đối với Đảng bộ Kon Tum và Đảng bộ Kon Plông, sự đùm bọc che chở của nhân dân là cực kỳ quan trọng. Mặc dù bị kẻ thù o ép, đàn áp, khủng bố, bắn giết, dù đói cơm lạt muối, dù phải trải qua khó khăn, gian khổ, hy sinh to lớn, nhân dân các dân tộc ở Kon Plông vẫn luôn thủy chung, gắn bó với cách mạng, nuôi dưỡng, bảo vệ cách mạng. Chính nhờ sự đùm bọc, che chở, bảo vệ của dân mà Đảng bộ Kon Plông mới tồn tại, giữ gìn được lực lượng trước sự tấn công quyết liệt của kẻ thù, gắn bó máu thịt với dân, lãnh đạo nhân dân Kon Plông đấu tranh. Cũng chính nhờ sự đùm bọc, che chở, bảo vệ của nhân dân và qua lãnh đạo nhân dân đấu tranh mà Đảng bộ đã vững vàng vượt qua những thử thách khốc liệt nhất và trưởng thành. Những tấm lòng thủy chung với cách mạng của nhiều người dân, nhiều gia đình và nhiều làng thôn ở Kon Plông đã bảo vệ, nuôi giấu cán bộ, bảo vệ cách mạng đã tô thắm thêm truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Kon Plông .

**CHƯƠNG V**

**ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CÁC CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT", "CHIẾN TRANH CỤC BỘ”**

**(1961-1968)**

**1. Chống chính sách bình định của Mỹ-nguỵ, giữ vững căn cứ**

Cao trào đồng khởi của miền Nam cuối 1959 đầu 1960 thắng lợi đẩy Mỹ-ngụy vào thế khủng hoảng trầm trọng, nguỵ quyền Ngô Đình Diệm có nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn ngụy quyền, Mỹ tiến hành chiến lược "chiến tranh đặc biệt", thực chất là dùng "người Việt đánh người Việt" ở miền Nam được nâng lên thành một chiến lược mới của Mỹ-ngụy. Chúng đề ra và xúc tiến kế hoạch Xtalây - Taylo, bình định, gom dân, lập ấp chiến lược trên toàn miền Nam trong vòng 18 tháng.

Mỹ đưa hàng vạn quân, nhân viên quân sự vào miền Nam trực tiếp tham gia chỉ huy quân ngụy, trang bị nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh, chất độc hoá học cho quân đội ngụy làm công cụ chống nhân dân ta.

Kế hoạch bình định của Mỹ-ngụy được triển khai từ đầu năm 1961. Ở Kon Tum, chúng triển khai từ tháng 6 và dự kiến kết thúc vào tháng 12-1961. Để hỗ trợ cho lực lượng bình định, chúng tiến hành càn quét các vùng căn cứ của ta ở phía Bắc và phía Đông của tỉnh, nhằm cắt đường chi viện từ miền Bắc vào và từ đồng bằng Quảng Nam, Quảng Ngãi... lên cho Tây Nguyên và Kon Tum.

Nằm trên trục đường 5 từ thị xã Kon Tum đi Giá Vụt, Ba Tơ (Quảng Ngãi), H29 trở thành một trọng điểm các trận càn ác liệt của Mỹ-ngụy. Nhiều cuộc hành quân lớn tập trung càn quét các xã thuộc địa bàn Huyện như: Cuộc hành quân lớn với lực lượng khoảng một trung đoàn, kéo dài từ 20 đến 31-01-1961 vào xã Măng Cành, gây nhiều tổn thất về tính mạng, tài sản của nhân dân. Phối hợp với các cuộc càn quét quy mô lớn, địch thường tổ chức các trận càn nhỏ từ một trung đội đến hai đại đội, lùng lục, đánh phá các vị trí quan trọng, uy hiếp nhân dân, lùng bắt cán bộ, phá cơ sở của ta.

Địch phát triển nhiều loại tề điệp, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, dùng tiền bạc mua chuộc, dụ dỗ những phần tử xấu phá hoại cách mạng; uy hiếp bắt một số phụ nữ người dân tộc tại chỗ bỏ thuốc độc vào cơm đầu độc bộ đội ta. Hỗ trợ cho việc gom dân, lập ấp chiến lược, chính quyền ngụy đã lập nhiều "đoàn công tác lưu động", các "toán cải thiện sinh hoạt gia đình", để kìm kẹp nhân dân, thực hiện triệt để âm mưu "tát nước bắt cá”, cô lập và đi đến tiêu diệt lực lượng vũ trang, phá hoại phong trào cách mạng cua Đảng bộ, nhân dân Kon Plông.

Trên cơ sở những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, đồng thời thấy âm mưu của Mỹ-ngụy đánh phá phong trào cách mạng miền Nam, tháng 01-1961, Bộ chính trị đã có chỉ thị về "Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt" của cách mạng miền Nam; nêu rõ phương châm đấu tranh "đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự" . Ở vùng rừng núi, lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu nhằm tiêu diệt sinh lực địch, phát triển lực lượng của ta, mở rộng căn cứ, tiến lên làm chủ rừng núi... Hội nghị Liên khu ủy V (tháng 02-1961) đã đề ra nhiệm vụ làm chủ rừng núi, củng cố, xây dựng cán cứ địa cách mạng...; chú trọng đấu tranh vũ trang ở vùng rừng núi.

Tỉnh uỷ Kon Tum đã quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, của Liên khu ủy V tiến hành các cuộc họp, ra nghị quyết lãnh đạo các Đảng bộ, nhân dân các huyện đấu tranh, chống âm mưu lập ấp chiến lược của Mỹ-ngụy. Nghị quyết tháng 01-1961 của Tỉnh ủy Kon Tum đã đề ra 7 nhiệm vụ cụ thể trong năm 1961, nhấn mạnh: "đặt đúng mức nhiệm vụ xây dựng căn cứ và vùng giải phóng..." . Đặc biệt, Nghị quyết (tháng 9-1961), Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra các bước tiến hành, lãnh đạo các địa phương trong tỉnh phá kế hoạch bình định của địch.

Ngay sau khi địch tổ chức các cuộc càn quét lớn vào H29, Huyện ủy theo kế hoạch của Tỉnh ủy đã chỉ đạo tập trung lực lượng, triển khai tấn công một số căn cứ của địch. Tham gia các trận đánh có sự phối hợp chiến đấu của lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh, các huyện đội, dân quân du kích các xã, tổ chức Đảng và chính quyền địa phương. Quân, dân, chính, đảng trong tỉnh và các huyện nêu quyết tâm đánh bại kế hoạch bình định của địch.

Đêm 30, rạng sáng 31-8-1961, lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Kon Plông đã tham gia với bộ đội Tỉnh tiến công cứ điểm quan trọng của địch ở Đăk Hà. Tiếp đó ta tấn công các cứ điểm địch ở Măng Đen, Măng Bút. Bị tấn công tiêu diệt đồng loạt, nhiều cứ điểm trong khu căn cứ của địch ở Bắc Tây Nguyên bị ta nhanh chóng chia cắt. Đoạn đường từ Kon Plông đi Vi Ô Lắk liên tục bị ta phá để cản trở địch hành quân, chuyên chở lương thực, vũ khí. Ngày 09-9-1961, ta tiếp tục hoạt động mạnh quanh khu vực Măng Bút, buộc địch phải co về củng cố một số vị trí nhằm phòng thủ quanh thị xã Kon Tum. Lực lượng địch đóng ở Măng Đen phải vội vàng rút về chốt giữ đồn bảo an.

Trước khí thế tiến công mạnh mẽ của quân dân trong Huyện, của bộ đội Tỉnh, cuối tháng 9-1961, địch phải bỏ một số chốt giáp ranh miền núi-đồng bằng, dọc đường 5 từ Giá Vụt đi Măng Đen.

Kết thúc đợt 1 thắng lợi, phá kế hoạch bình định Kon Tum của Mỹ-ngụy, Đảng bộ, quân dân Kon Plông đã góp phần quan trọng cùng toàn Tỉnh loại khỏi vòng chiến đấu và tiêu diệt 466 tên địch, bắt sống 137 tên ; nối liền hai căn cứ Nam-Bắc tỉnh (dọc theo trục đường 5). Tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân Kon Plông dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã làm thất bại những cố gắng của địch bám giữ, củng cố hệ thống đồn bốt ở Măng Đen và trên đường 5.

Ba tháng cuối năm 1961, Huyện ủy H29 do đồng chí Đinh Loan làm Bí thư tiếp tục lãnh đạo quân dân thực hiện bước 2 đánh phá kế hoạch bình định của địch. Cùng với lãnh đạo bộ đội, du kích tham gia tấn công cứ điểm địch, Huyện ủy phát động quần chúng xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng du kích mật, diệt ác; mở rộng thế kìm kẹp cho nhân dân trong các ấp chiến lượng; chủ động đấu tranh ngăn chặn địch đi càn quét; hỗ trợ cho các cuộc tấn công của bộ đội vào đồn địch. Tiếp tục xây dựng lực lượng du kích, đội ngũ cán bộ ở huyện và các xã, tập trung sức xây dựng căn cứ bàn đạp, không ngừng củng cố và mở rộng cơ sở.

Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị trong nhân dân được các Đảng bộ chú trọng. Quần chúng nhân dân càng hiểu rõ âm mưu bình định của địch và do đó tích cực ủng hộ, trực tiếp tham gia thực hiện chủ trương của Đảng bộ về phá âm mưu càn quét, phát triển ổ vũ trang, gián điệp của địch; chống bắt lính, dồn dân; phá rối chính quyền cơ sở của chúng. Củng cố, xây dựng khối đoàn kết các dân tộc trong huyện được Huyện ủy quan tâm đặc biệt, đã nâng cao sức mạnh và thế cách mạng của quần chúng.

Tiếp tục thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ (tháng 9-1961), việc xây dựng căn cứ dựa chắc vào dân xây dựng lực lượng vũ trang, nhất là bán vũ trang của Huyện được Huyện ủy đặc biệt coi trọng. Các khu căn cứ kháng chiến được bố phòng chống địch càn quét, chống biệt kích... tiến hành nghiêm túc.

Trong điều kiện địch bao vây phá hoại, kinh tế hết sức khó khăn. Đảng bộ chỉ đạo việc phát triển kinh tế, chăm lo đời sông cho cán bộ, chiến sĩ, nhân dân; vận động nhân dân tích cực sản xuất, thu hoạch, cất giữ lương thực: thóc lúa, ngô sắn, khoai lang, khoai môn, bảo đảm nhu cầu ở vùng căn cứ...

Được Liên khu ủy V, trực tiếp là Tỉnh ủy Kon Tum quan tâm, lãnh đạo, trên cơ sở những thắng lợi về quân sự, cùng với những điều kiện cần thiết của vùng căn cứ, H29 đã được chọn để xây dựng, phát triển thành vùng giải phóng. Thời điểm này, đồng chí Đinh Loan vẫn tiếp tục phụ trách Bí thư Huyện uỷ H29. Huyện đội tăng cường thành lập và từng bước phát triển các đội du kích tập trung ở các xã.

Năm 1962, Mỹ-Diệm tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch Xtalây-Taylo, dùng trực thăng kết hợp với lực lượng bộ binh tăng cường càn quét, gom dân lập ấp chiến lược với quy mô lớn. Tính đến tháng 8-1962, địch đã liên tiếp mở 116 cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, đánh vào các căn cứ của tỉnh Kon Tum. Vùng giải phóng với căn cứ H29 bị địch càn quét ác liệt, dài ngày. Địch tăng cường hoạt động gián điệp, cài cắm một số tên nguy hiểm vào cơ sở H29 để phá vào khu giải phóng.

Nắm vững tinh thần nghị quyết Tỉnh uỷ Kon Tum, Đảng bộ, quân dân trong Huyện đẩy mạnh đấu tranh vũ trang là nhiệm vụ chủ yếu; thực hiện hình thức đấu tranh chính là bất hợp pháp; tận dụng mọi khả năng xây dựng cơ sở. Đấu tranh chính trị, mở rộng chiến tranh du kích; phối hợp chiến đấu với bộ đội huyện.

Đấu tranh vũ trang để mở rộng căn cứ. Đấu tranh chính trị nhằm hỗ trợ cho đấu tranh quân sự. Đảng bộ đã tiến hành các hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân, phát động phong trào quần chúng, phát triển lực lượng chính trị. Các đội công tác tuyên truyền, giải thích chính sách Mặt trận cho đồng bào ở Măng Bút từ tháng 2-1962. Cán bộ, cơ sở trung kiên luồn sâu vào vùng địch kiểm soát, hỗ trợ nhân dân phá kìm kẹp, bỏ khu dồn dân, trở về làng cũ, hoặc vào căn cứ làm ăn sinh sống.

Các hoạt động vũ trang và vận động quần chúng đấu tranh chính trị trong năm 1962 đã có kết quả: một bộ phận địch bị tiêu diệt; tinh thần đấu tranh của nhân dân được củng cố, giữ vững vùng giải phóng.

Tuy bị thất bại một bước, Mỹ-ngụy không từ bỏ kế hoạch bình định chiếm đất, chiếm dân, lập ấp. Chúng tiếp tục mở chiến dịch Nam-Bắc Kon Tum kéo dài từ tháng 12-1962 đến giữa năm 1963 nhằm tiêu diệt các mật khu, căn cứ của ta.

Liên khu uỷ V, Tỉnh uỷ Kon Tum chủ trương "mở đợt hoạt động liên tục" trong 6 tháng cuối năm 1962. Đầu năm 1963, Huyện ủy, H29 đã lãnh đạo quân dân trong Huyện đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận phối hợp với hướng H80. Cán bộ, đảng viên cùng với nhân dân trong Huyện đẩy mạnh sản xuất, bố phòng chống địch càn quét. Phong trào đấu tranh bằng nhiều hình thức. Địch trộn thuốc độc vào gạo, giết hại 80 người dân các làng ở Kơ Rông và Kơ Lưng . Ta tổ chức, động viên nhân dân vùng căn cứ, mít tinh biểu thị lòng căm thù địch; phát động phong trào thi đua sản xuất trả thù cho đồng bào; ủng hộ đồng bào vùng địch chiếm đóng phá kế hoạch dồn dân lập ấp chiến lược, phá các ổ vũ trang của địch. Các tổ vũ trang tiến hành tập kích, đột nhập vị trí địch vào ban đêm, hoặc chiều muộn, khi chúng có nhiều sơ hở, hỗ trợ tinh thần cho quần chúng nhân dân vùng địch chiếm đóng.

Quân dân trong Huyện đã phối hợp chiến đấu phá ấp, cộng đồn cùng phía trước. Tháng 4-1963, Huyện ủy H29 chỉ đạo quân dân trong huyện tham gia diệt đồn Long Lếch có lực lượng địch khá đông gồm 1 đại đội bộ binh, 1 trung đội pháo binh, ta thu 2 đại bác 105 ly. Trong thời gian này, ta tiếp tục uy hiếp và bức rút địch ở đồn Kon Plông. Tháng 5-1963, bộ đội, du kích H29 tham gia phối hợp với chủ lực Khu, bộ đội Tỉnh tập kích sở chỉ huy trung đoàn 41, thuộc Sư đoàn 22 bộ binh ngụy thông ở Bắc Kon Plông; phục kích, tiêu diệt xe chở quân tăng viện của ngụy trên đường từ Kon Praih đi Măng Đen...

Những đóng góp về mặt quân sự chống càn, công đồn thinh, phá ấp chiến lược cùng với việc ổn định tình hình chính trị, tư tưởng, nâng cao tinh thần chiến đấu của Đảng bộ, quân dân huyện H29 trong 3 năm 1961-1963 đã giữ vùng căn cứ trước các cuộc càn quét của địch. Phong trào cách mang của địa phương từng bước tiến lên, chuyển sang thế tiến công địch.

**2. Thực hiện ba mũi tiến công địch, giữ vững, mở rộng xây dựng vùng căn cứ giải phóng**

Tháng 11-1963, Mỹ phát tín hiệu cho cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Ngụy quyền Sài Gòn khủng hoảng chính trị trầm trọng. Lợi dụng tình hình đó, thực hiện chủ trương của Đảng, quân dân toàn miền Nam đẩy mạnh chiến tranh du kích, tấn công địch, phối hợp đấu tranh chính trị, binh vận, phá ấp chiến lược, phá bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ. Đảng bộ H29 củng cố tổ chức Đảng, cấp ủy lãnh đạo các lực lượng bộ đội địa phương, du kích xã tấn công tiêu diệt một số cứ điểm ở Măng Bút, Măng Đen, Kon Plông, tổ chức vũ trang tuyên truyền vào sâu các ấp chiến lược. Việc đẩy mạnh phối hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị đã mang lại hiệu quả lớn trong phá ấp chiến lược. Ngoài đấu tranh vũ trang, đã xuất hiện nhiều hình thái đấu tranh trực diện của nhân dân. Đồng bào Thiên chúa giáo ở Kon Pành có cả linh mục tham gia đấu tranh chống địch rào ngăn nhà thờ vào khu ấp chiến lược đã thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, cùng với những hoạt động liên tục tấn công, diệt viện, tuyên truyền cách mạng trong các khu dồn dân, ấp chiến lược và không ngừng cảnh giác chống địch càn quét, Đảng bộ, quân dân trong Huyện giữ vững và mở rộng căn cứ, cùng với lực lượng của Tỉnh phá hàng loạt ấp chiến lược, khu dồn dân, nới lỏng kìm kẹp cho đồng bào. Một số binh lính ngụy được ta vận động ra đào ngũ, trở về với nhân dân. Cùng với nhân dân Tây Nguyên và toàn miền Nam, Đảng bộ và quân, dân H29 đã làm phá sản kế hoạch Xtalây-Taylo bình định miền Nam của Mỹ-ngụy.

Đầu 1964, Mỹ-ngụy điều chỉnh chiến lược, thực thi kế hoạch Mắc-Namara, xây dựng lực lượng cơ động, tiến hành bình định có trọng điểm và tiếp tục tăng thêm lực lượng quân sự. Chúng sử dụng chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận" đánh phá phong trào cách mạng, tiếp tục gom dân lập ấp chiến lược.

Trên chiến trường Tây Nguyên, đầu năm 1964, Khu ủy và Đảng ủy Quân khu V đã đề ra những chủ trương, biện pháp lãnh đạo quân dân chiến đấu. Nhiệm vụ quan trọng lúc này vẫn là phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp của địch, làm chủ rừng núi, xây dựng căn cứ, xây dựng vùng giải phóng; tiêu diệt sinh lực địch; phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, tăng thực lực về kinh tế.

Ngày 01-5-1964, Mặt trận Tây Nguyên được thành lập. Khu V hình thành phát triển ba thứ quân, tích cực chống địch càn quét, giữ vững căn cứ địa miền núi và các vùng đã mở ra ở Bắc Tây Nguyên. Tháng 6-1964, Thường vụ Khu ủy V cũng đã ra nghị quyết về nhiệm vụ từ tháng 6-1964 đến tháng 7-1965. Nhiệm vụ quan trọng mà Nghị quyết Khu ủy nhấn mạnh là tranh thủ thời cơ liên tục tấn công địch; ra sức phá ấp chiến lược; chống địch càn quét lấn chiếm; xây dựng căn cứ miền núi; đẩy mạnh du kích chiến tranh, đấu tranh chính trị, binh vận.

Từ tháng 7-1964, Khu ủy và Quân khu V mở chiến dịch Thu-Đông 1964, nhằm tiêu diệt địch, phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ ở cả nông thôn, miền núi. Tỉnh uỷ Kon Tum phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ trên trong toàn tỉnh. Các Đảng bộ, nhân dân trong huyện Kon Plông đã hưởng ứng đẩy mạnh hoạt động phối hợp chiến đấu với bộ đội tỉnh, bộ đội của Mặt trận B3 trên địa bàn Huyện. Công tác bố phòng chiến đấu ngày càng được tăng cường. Trước năm 1960, chỉ bố phòng theo lối hợp pháp, thì từ tháng 9-1964, H29 đã cực bố phòng chiến đấu, phát triển một bước chiến tranh du kích lên phía trước... Trong chiến dịch Xuân 1965, ở hướng trọng điểm Tây Gia Lai-Bắc Kon Tum, lực lượng du kích H29 đã tích cực tham gia phối hợp với lực lượng vũ trang Tỉnh; bộ đội chủ lực của Mặt trận Tây Nguyên bao vây, bức rút đồn Măng Đen, Măng Bút bị địch chiếm lại; phá hoại đường 5 hạn chế việc cơ động, ứng cứu của quân ngụy. Sợ bị ta tấn công, đầu 1965, địch rút khỏi Măng Bút một tuần. Đồn Măng Đen liên tục bị ta uy hiếp. Đến giữa 1965, vùng Măng Bút được giải phóng với 1.488 dân. Căn cứ giải phóng H29 (Kon Plông) đã được nối liền với căn cứ H80 (Đăk Tô).

Trong những năm 1961-1965, Đảng bộ quân dân H29 đã giành được nhiều thắng lợi trong đấu tranh làm thất bại âm mưu bình định, gom dân lập ấp chiến lược của Mỹ-ngụy, giữ vững được khu căn cứ, giải phóng. Thành tích nổi bật là xây dựng được căn cứ ở các xã: Măng La (xã Hiếu), Nước Lò (Đăk XLò), Đăk Rơ Manh, Nước Lây, Nước Chờ (Đăk Chờ), Măng Cành, Nước Ly, gồm 42 làng với 2.553 dân. Tổng số dân trong khu dồn H29 còn khoảng hơn 6.000 người.

 Lực lượng vũ trang địa phương được Đảng bộ H29 chú trọng. Trên địa bàn huyện Kon Plông có 1 trung đội bộ đội huyện. Bộ đội huyện đã làm tốt nhiệm vụ phối hợp với du kích chống càn quét, bảo vệ vững chắc căn cứ và tích cực tham gia công đồn, phá ấp chiến lược giải phóng dân. Bộ đội làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh du kích phát triển. Bằng các loại súng bộ binh nhưng mưu trí, gan dạ, trong phong trào săn phi cơ, bộ đội, du kích H29 bắn rơi 2 máy bay.

Trên mặt trận sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, nuôi quân đánh giặc, những năm 1964-1965 những xã thuộc căn cứ H29 là những địa phương có thành tích nổi bật của tỉnh Kon Tum. Nhiều phong trào thi đua phát triển sản xuất: Phong trào "biến rẫy thành nà, biến nà thành ruộng"; khuyến khích phát triển chăn nuôi trong nhân dân; phát triển sản xuất thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình... đã diễn ra mạnh mẽ ở H29. Điển hình là xã Nước Nên đã vượt chỉ tiêu sản xuất lương thực: Trồng 2 triệu gốc mỳ, bình quân đạt 5500 gốc/1 lao động; có 3 tổ đạt từ 6.600 đến 6.800 gốc. Tính chung toàn bộ diện tích gieo trồng trên rẫy của H29 đạt bình quân 3.000 gốc/1 lao động. Năm 1965, địch phá ác liệt gây nhiều thiệt hại mùa màng, hai xã của H29 bị chất độc hoá học, mất mùa trên 50%. Nhờ sự cố gắng phi thường của Đảng bộ, nhân dân trong Huyện, lương thực bình quân đầu người của huyện vẫn giữ được diện tích lúa như năm 1964. Tình trạng thiếu đói chu kỳ đã được giải quyết. Nhân dân H29 đã tự giải quyết 350 kg gạo, 520 bụi mỳ. Phát triển sản xuất đi đôi với chống thiên tai địch họa, thú rừng, bảo vệ mùa màng, thực hành tiết kiệm. Huyện H29 có 4.231 nhân khẩu, trong đó lao động có 1.798 người. Phân bổ bình quân mỗi người 16,3 kg lúa giống, 5,5 lon bắp giống; 475 bụi mì. Lương thực bình uân dầu người toàn tỉnh là 312 kg. Nghề thủ công được khôi phục. Toàn huyện H29 rèn được 445 nông cụ. Nhờ đẩy mạnh sản xuất nên căn bản xóa được nạn đói chu kỳ. Nhân dân tương trợ cứu giúp lẫn nhau nên nên số đói hàng năm giảm xuống nhiều. Riêng H29, nhân dân được giải quyết 350 kg và 520 bụi mì cứu đói. Về muối, nhân dân tự trao đổi quan cửa hàng mậu dịch, bình quân đạt từ 3 lon muối/ người/năm. Riêng H29 trong năm, cửa hàng mậu dịch đã trao đổi 700 kg muối, bán 2.017 m vải.. Về nông cụ, đã sản xuất tự túc 445 chiếc các loại. Trong nhân dân đã có sự tương trợ lẫn nhau gữa người đi và người ở nhà sản xuất, đảm bảo hai nhiệm vụ: Hậu phương và tiền tuyến. Tổng số ngày công tương trợ trong huyện 29 đạt 47.670 ngày .

Nhiều biện pháp cải tiến phương thức canh tác, xen canh gối vụ, tận dụng hết khả năng đất đai; từng bước xóa bỏ tập quán độc canh, sử dụng rẫy nhiều năm, hạn chế du canh, phát rừng được áp dụng. Phong trào tương trợ hợp tác, làm ăn tập thể, phát triển hình thức vần công, đổi công giúp nhau sản xuất đã tạo điều kiện cho Kon Plông vừa đảm bảo lực lượng sản xuất, vừa bố trí đủ nhân lực đi phục vụ chiến đấu. Tinh thần tranh thủ mọi thời gian, điều kiện sản xuất được đề cao.

Thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình phát triển. Huyện đã tự túc được nông cụ sản xuất. Một số mặt hàng phục vụ sinh hoạt, tiêu dùng: vải, kéo sợi, dệt vỏ cây, dệt gai đã được nhân dân làm ra. Trong năm 1965, nhân dân đã rèn 445 nông cụ; dệt 16.354 m vải; đan 940 chiếu, nung 2033 nồi đất. Nghề rèn đã trở thành phổ biến có khả năng cung cấp đủ nông cụ cho nhân dân. Huyện đã cải tiến phương tiện sản xuất: cải tiến nông cụ; dùng trâu bò cày kéo.

Phát triển văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân được Đảng bộ quan tâm: phát triển bình dân học vụ, phát động phong trào ba sạch "ăn sạch, uống sạch, ở sạch"; khuyến khích dùng thuốc nam chữa bệnh.

Để nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho bộ đội, nhân dân, Huyện H29 đã thành lập Đội văn nghệ phục vụ nhân dân, tới vùng phía trước mới giải phóng, phục vụ bộ đội và đồng bào. Yếu tố quan trọng góp phần quyết định sự phát triển của phong trào cách mạng địa phương là Đảng bộ trong huyện được xây dựng ngày một vững mạnh. Sau Đại hội lần thứ I, Đảng bộ có bước kiện toàn về mặt tổ chức. Huyện ủy chính thức được thành lập, thay thế cho Ban cán sự lãnh đạo phong trào cách mạng của địa phương. Đảng bộ H29 sau Đại hội do đồng chí Đinh Loan làm Bí thư, tiếp đó đồng chí Hoàng Bảy (tức Hồ Hạo) làm Bí thư.

Đảng bộ H29 không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo thực tiễn và trình độ nhận thức lý luận cho cán bộ, đảng viên. Đảng bộ làm tốt công tác tư tưởng, tiến hành chỉnh huấn; tổ chức học tập nghị quyết, kiểm điểm công tác; nâng cao lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên nhận thức rõ đường lối, phương châm, hướng tiến lên của cách mạng miền Nam; tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của cách mạng; tuyên truyền, giác ngộ, vận động nhân dân tin vào sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là Đảng bộ huyện; tích cực tham gia kháng chiến. Đảng bộ và nhân dân nhận thức rõ cuộc kháng chiến sẽ lâu dài, gian khổ, nhưng với tinh thần tự lực cánh sinh, ta nhất định thắng lợi; kiên quyết chống các biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, thoả mãn thành tích, bảo thủ, tiêu cực, ỷ lại, sợ hy sinh gian khổ. Cán bộ nắm vững quan điểm quần chúng; chính sách dân tộc của Đảng; vận động nhân dân thực hiện phòng gian bảo mật trong căn cứ.

Thông qua cuộc vận động "hợp tác tương trợ lao động" trong các căn cứ, Đảng bộ tiến hành củng cố chi bộ; xây dựng chi bộ điển hình, chi bộ tự động công tác. Thực hiện đầy đủ nguyên tắc "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách"; phát huy dân chủ, tập trung sáng kiến đóng góp xây dựng phong trào.

Đảng bộ đã quan tâm xây dựng, củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Tại các xã có Uỷ ban dân tộc giải phóng xã, Uỷ ban cử ra một bộ phận thường trực làm công tác chính quyền là Uỷ ban nhân dân tự quản xã. Ở huyện có Uỷ ban Mặt trận (tên đầy đủ là Uỷ ban mặt trận dân tộc giải phóng), thành phần rộng, làm nhiệm vụ công tác mặt trận. Bộ phận thường trực làm công tác chính quyền Huyện là Uỷ ban nhân dân tự quản huyện.

Các đoàn thể, tổ chức quần chúng được thành lập như Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, Hội phụ nữ, các tổ đổi công, tổ vần công hợp tác... là các cơ sở để tập hợp quần chúng nhân dân, thực hiện các chủ trương của Đảng bộ, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Huyện. Đảng bộ tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các đoàn thể quần chúng nhằm phát huy tính tích cực, năng động, tinh thần cách mạng của các tầng lớp nhân dân, xây dựng căn cứ địa vững chắc, quyết tâm vươn lên làm chủ núi rừng.

Tuy còn một số hạn chế nhất định: xây dựng, phát triển lực lượng bộ đội huyện còn chậm; chưa đạt được những thành tích nổi bật trong phát triển giáo dục, xoá mù chữ cho nhân dân ở khu căn cứ..., nhưng những thành quả về nhiều mặt: quân sự, an ninh, chính trị, và nhất là sản xuất, ổn định đời sống đồng bào của H29, trong những năm 1961-1965 là hết sức quan trọng. Đảng bộ, quân dân trong Huyện đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của Tỉnh, của Tây Nguyên và toàn miền Nam: làm phá sản hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ-ngụy, tạo nền tảng vững chắc vật chất, tinh thần cho những thắng lợi tiếp theo.

**3. Đứng trước âm mưu chiến lược mới của Mỹ-ngụy**

Thất bại trong "chiến tranh đặc biệt", Mỹ-ngụy ở miền Nam đã lâm vào thế suy yếu nghiêm trọng. Chính quyền Sài Gòn chao đảo sau những khủng hoảng trầm trọng và kéo dài.

Trước thất bại thảm hại của bọn tay sai, với bản chất cực kỳ ngoan cố và tiềm lực quân sự mạnh, Mỹ đã tiến hành chiến lược "chiến tranh cục bộ" nhằm thay đổi tình thế trên chiến trường có lợi cho Mỹ, chuẩn bị mọi điều kiện để mở rộng chiến tranh xâm lược. Lính Mỹ và các nước chư hầu ồ ạt đổ vào miền Nam, trực tiếp tấn công "tìm và diệt" lực lượng chủ lực của ta, hòng bóp chết cách mạng miền Nam, mở rộng tấn công ra miền Bắc bằng không quân, hải quân. Lực lượng Mỹ-ngụy trên địa bàn Khu V đến tháng 10-1965 lên đến 260.000 tên; trong đó quân Mỹ và Nam Triều Tiên là 120.000 tên. Từ tháng 8-1965, Mỹ đưa quân theo đường 14 lên Kon Tum, củng cố lại hệ thống "ấp chiến lược" đã bị ta phá; tăng cường xây dựng các cứ điểm quân sự trong Tỉnh. Tại Kon Plông, địch xây dựng kiên cố hơn các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, tăng quân chiếm đóng và trang bị quân sự đầy đủ. Các sân bay dã chiến Măng Bút, Măng Đen nâng cấp thành cảng vận tải vũ khí đạn dược, nơi đổ quân của lực lượng Mỹ-ngụy. Đường 5 được chúng tu sửa và làm mới một số đoạn; nối liền mạng lưới giao thông vào sâu các căn cứ của ta để dễ dàng càn quét, đánh chiếm.

Cuối 1965, đầu 1966, địch mở chiến dịch mùa khô lần thứ nhất, đánh phá ác liệt vào các căn cứ của ta, trong đó có H29. Địch rải chất độc hoá học, tiến hành càn quét lớn. Nhiều trận có sự phối hợp giữa quân Mỹ, chư hầu với quân ngụy (làm nhiệm vụ chốt giữ). Phi pháo địch hoạt động liên tục gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất. Chúng đốt nhà, giết hại nhân dân, cướp lúa, phá huỷ hoa màu, nông cụ sản xuất; dồn dân vào ấp chiến lược, bắt một số cán bộ, đảng viên của ta.

Trước tình hình đó, tiếp thu sự chỉ đạo của Trung ương, Khu uỷ V và Bộ tư lệnh quân khu V đã lãnh đạo các cấp, lực lượng trong Khu chuẩn bị mọi mặt, thi đua "Tìm Mỹ mà đánh, tìm ngụy mà diệt".

Tháng 10-1965, Đại hội đại biểu lần thứ II, Đảng bộ tỉnh Kon Tum họp biểu thị quyết tâm đánh Mỹ, định phương hướng, nhiệm vụ cho Tỉnh trong thời gian tới. Tỉnh đã chú trọng việc xây dựng lực lượng vũ trang, chú ý đến chất lượng chính trị, tổ chức Hội nghị du kích chiến tranh toàn Tỉnh, nhằm phát triển du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu.

Nắm vững phương châm chỉ đạo của cấp trên, từ giữa năm 1965, Đảng bộ H29 đã phát động tinh thần quyết tâm thắng Mỹ trong toàn cán bộ, đảng viên, bộ đội, du kích và đồng bào trên địa bàn Huyện; củng cố, xây dựng lực lượng chính trị và cơ sở vững mạnh; phát triển các làng xã chiến đấu liên hoàn; tổ chức các vành đai diệt Mỹ nơi chúng đóng quân. Tháng 12-1965, địch điều 4 tiểu đoàn Mỹ, chư hầu và quân ngụy tấn công Kon Tum. Lực lượng vũ trang của huyện đã bố trí tập kích địch trên đường 5, tiêu diệt một số sinh lực địch. Cán bộ, đảng viên và lực lượng vũ trang, bán vũ trang của Huyện còn thực hiện "4 bám""- Đảng bám dân; dân bám đất; du kích, bộ đội bám địch; cấp trên bám cấp dưới; xây dựng các lõm chính trị giáp ranh giữa vùng căn cứ với vùng địch chiếm, giữa huyện và thị xã; ra sức củng cố căn cứ bàn đạp ở H29.

Trong khi đó, địch vẫn tiếp tục tăng quân mở các cuộc càn lớn. Tháng 4 đến tháng 6-1966, địch mở hàng chục trận càn lớn, nhỏ, đánh vào căn cứ của ta.

Để đối phó và đánh thắng các đợt càn của địch vào căn cứ, Đảng bộ chú trọng việc tổ chức, huấn luyện du kích, tích cực bố phòng làng, xã chiến đấu. Lực lượng du kích được huấn luyện không ngừng nâng cao về tư tưởng chính trị, kỹ, chiến thuật và hợp đồng chiến đấu. Chỉ trong 5 tháng đầu 1966 huyện H29 cùng với một số đơn vị khác đã huấn luyện quân sự cho 1.030 du kích với thời gian luyện tập 4 đến 5 ngày. Nội dung huấn luyện gồm các khoa mục: bắn máy bay; tiểu đội phục kích đánh giao thông; chống càn; bao vây bắn tỉa; tổ chiến đấu tam tam và học chỉ thị về tổ chức du kích của Tỉnh.

Địch tăng cường đánh phá, gom dân. Nhờ tích cực đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích nhân dân, nên vùng giải phóng của Huyện vẫn được giữ vững. Du kích xã, thôn phát triển đều khắp. H29 là nơi có tỷ lệ du kích khá cao của tỉnh, tỷ lệ du kích chiếm 1/6 dân số (chỉ đứng sau H40, tỷ lệ 1/5), trong đó có 30% nữ du kích.

Công tác xây dựng làng chiến đấu, bảo vệ cơ sở, chính quyền và bảo vệ nhân dân sản xuất, tạo điều kiện, chỗ đứng chân cho du kích hoạt động tốt, luôn được chú trọng. Nhiều điển hình đã xuất hiện như các xã Hiếu, Pờ Ê, Măng Cành... Phần lớn các làng xã chiến đấu được củng cố, làm cơ sở cho chiến tranh nhân dân phát triển.

Được chuẩn bị, huấn luyện kịp thời, bộ đội địa phương, dân quân du kích của Huyện đã tham gia chiến đấu có hiệu quả nhiều trận trong mùa khô lần I (1965-1966). Phối hợp với các huyện, với bộ đội chủ lực Tỉnh, quân và dân trong huyện đã góp phần làm thất bại cuộc càn "Dân thăng 51-53" của địch vào các căn cứ tập kích ấp Kon KNăng 1 (tháng 2-1966).

Trong Chiến dịch Hè 1966 của Khu V, lực lượng vũ trang Huyện phối hợp tham gia bao vây, uy hiếp cứ điểm Tu Mơ Rông; phục kích tiêu diệt địch khi chúng rút chạy. Làm thất bại cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất của Mỹ-ngụy và chư hầu trên địa bàn Khu V, Kon Tum có phần đóng góp của quân dân trong Huyện. Bằng sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm chiến đấu đánh lui các đợt tấn công của địch, Đảng bộ, quân dân trong Huyện đã giữ vững căn cứ cách mạng, hậu phương chiến lược quan trọng của tỉnh Kon Tum và Khu V.

Từ tháng 10-1966, quân Mỹ ráo riết chuẩn bị cho cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 (1966-1967). Lực lượng quân cơ động Mỹ, chư hầu và ngụy tăng lên nhanh chóng ở tỉnh Kon Tum, gồm trung đoàn 42 và 17 đại đội biệt kích điên cuồng đánh phá phong trào cách mạng trong Tỉnh. Với chiến lược siết chặt 2 gọng kìm "Tìm diệt và bình định", địch mở nhiều cuộc càn quét quy mô lớn vào các căn cứ kháng chiến. Tập trung đánh vào các căn cứ của Tỉnh, trong 3 tháng cuối 1966, địch có tới 13 tiểu đoàn lính Mỹ và 3 tiểu đoàn biệt kích ngụy cùng với 5 đại đội pháo.

Từ đầu tháng 10 đến tháng 11-1966, địch tập trung 5 đại đội biệt kích ở vùng Măng Bút, đẩy mạnh hoạt động mở rộng ra xung quanh cứ điểm với lực lượng từ 1, 2 tiểu đội, trung đội đến đại đội. Chúng mở các trận càn dài ngày, liên tục đánh phá nhiều vị trí của ta nhằm phát hiện lực lượng cán bộ, bộ đội của ta, bắt ép dân dồn vào các khu tập trung. Cũng trong thời gian này, Mỹ khuyến khích hỗ trợ bọn FULRO hoạt động mạnh cùng với gián điệp xúc tát dân. Một số nơi quần chúng gặp rất nhiều khó khăn.

**4. Góp phần đánh bại chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ- ngụy**

Chống lại âm mưu tấn công quân sự và các thủ đoạn chính trị của địch, các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh, Huyện, các đơn vị vũ trang tăng cường giữ bí mật, dùng mật danh để lãnh đạo nhân dân sẵn sàng đánh địch. Ngày 10-11-1966, Khu ủy đã ra chỉ thị về nhiệm vụ, công tác trước mắt: quán triệt Nghị quyết của Thường vụ Khu V và các Tỉnh ủy, phát động toàn dân tham gia đánh giặc. Các lực lượng du kích chuẩn bị tư tưởng, sắp xếp tổ chức, có kế hoạch sẵn sàng đánh biệt kích, đánh địch càn quét lấn chiếm. Lực lượng quần chúng phá ấp, diệt quân bình định; đẩy mạnh đấu tranh chính trị, địch vận. Trong các căn cứ, nhân dân đẩy mạnh sản xuất, nuôi quân, tích cực tòng quân đánh giặc.

Theo tinh thần chỉ đạo đó, cuối năm 1966, quân dân trong Huyện tham gia đánh tiểu đoàn Bạch Mã (Nam Triều Tiên) khi chúng đánh vào khu vực phía nam huyện (trọng tâm là địa bàn xã Hiếu, Pờ Ê) và địa bàn H16.

Qua 2 mùa khô, đến tháng 10-1967, quân dân trong Huyện đã góp phần cùng nhân dân toàn Tỉnh tiêu diệt 8000 tên địch, phá huỷ hàng trăm xe cơ giới, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ . Thắng lợi quân sự của ta từ giữa năm 1965 đến cuối 1967 đã làm cho địch phải co cụm, điều chỉnh lại chiến lược, chia các khu vực để chốt giữ. Với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, chúng vẫn tiến hành các hoạt động càn quét đánh phá một số vùng trọng điểm của ta ở căn cứ. Quân dân ta phát huy những thắng lợi đã giành được, kiên quyết đánh bại các trận tấn công của địch. Chiến dịch Hè 1967 do Bộ tư lệnh B3 mở, trong đó Kon Tum là hướng phối hợp quan trọng. Giữa năm 1967, lực lượng vũ trang trong Huyện còn phối hợp với bộ đội B3, bộ đội Tỉnh tập kích sân bay Kon Tum, Kon Stiêu và các cứ điểm quan trọng của địch.

Do thắng lợi quân sự của ta trong năm 1967, tình thế địch trên chiến trường bị đảo ngược. Địch không còn thế tấn công mà lùi về thế phòng ngự chiến lược.

Các hoạt động chính trị của ta cũng giành được nhiều kết quả quan trọng. Lực lượng vũ trang trong Huyện kết hợp chặt chẽ với các đội công tác tuyên truyền đã vận động quần chúng, gặp gỡ, thuyết phục một số nhân sĩ, trí thức, giác ngộ họ đi theo cách mạng, tham gia đánh Mỹ, diệt ngụy. Đội công tác của Huyện đã tuyên truyền những thắng lợi quân sự của ta vào trong hàng ngũ địch. Tinh thần quân ngụy do đó hoang mang dao động. Nhiều lính ngụy nghe theo lời kêu gọi của Mặt trận đã đào ngũ, mang súng về với cách mạng, với nhân dân. Có người tình nguyện tham gia cách mạng, bí mật hoạt động ngay trong lòng địch. Công tác địch vận của Đảng bộ, quân dân trong Huyện đạt kết quả đã góp phần tích cực vào thắng lợi đấu tranh quân sự và chính trị trong Huyện và Tỉnh.

Sau những thắng lợi liên tiếp của ta trong mùa khô 1966-1967, quân dân miền Nam đã giữ thế chủ động chiến lược, đẩy chiến tranh nhân dân phát triển đều khắp. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp ra Nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Tháng 01-1968, Hội nghị lần thứ 14, Ban chấp hành Trung ương Đảng nêu nhiệm vụ trọng đại và cấp bách là “động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân... đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định”.

Trung ương Đảng chủ trương mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào dịp Tết Mậu Thân, nhằm giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mỹ. Cuối 1967, Đảng uỷ, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên đã họp với các Bí thư Tỉnh uỷ Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, bàn kế hoạch phối hợp tấn công và nổi dậy ở Tây Nguyên. Khu uỷ và Bộ tư lệnh Quân khu gấp rút chuẩn bị chủ yếu về mặt quân sự. Tỉnh uỷ Kon Tum chỉ đạo lực lượng vũ trang trong Tỉnh, các ngành, các giới ráo riết bí mật chuẩn bị cho chiến dịch.

Theo chủ trương của Tỉnh và sự điều động của Huyện, lực lượng thanh niên ở căn cứ H29 được đưa vào thị xã Kon Tum, cải trang lính ngụy để chuẩn bị tự vệ, tổ chức đón lực lượng đặc công. Kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa trên toàn tỉnh Tây Nguyên được bí mật triển khai. Đêm 29, rạng sáng 30-1-1968 (tức mùng Một Tết), 23 mục tiêu quan trọng của địch ở Kon Tum: thị xã và vùng Đăk Tô - Tân Cảnh bị quân ta nổ súng tấn công. Huyện H29 có nhiệm vụ tác chiến ở hướng phối hợp và làm hậu cứ. Trên đà thắng lợi, lực lượng vũ trang Huyện tiếp tục bao vây đồn Kon Kleng. Cùng với bức rút đồn bốt địch, đã giải phóng 7 ấp chiến lược, tham gia giữ vững, làm chủ thị xã trong 2 ngày, 3 đêm.

Trong đợt I của chiến dịch tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân, tỉnh Kon Tum đã tiêu diệt, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1500 địch, phá huỷ 253 xe quân sự, 37 máy bay địch... Đảng bộ và quân dân Kon Plông góp phần vào chiến công chung của Tỉnh. Cũng trong cuộc tổng tiến công này, ở mặt trận Gia Lai, anh bộ đội A Nuk (Thanh Minh Tám) bộ đội đặc công Quân khu V, người con của xã Hiếu đã diệt 12 máy bay Mỹ khi tấn công vào sân bay Pleiku (Gia Lai). Với chiến công đó, anh đã được Đảng, Chính phủ tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 1969 .

 Sau đòn choáng váng, từ giữa 1968, Mỹ-ngụy mới lấy được tinh thần chuyển sang "quét và giữ". Quân chủ lực ngụy dùng biệt kích, thám báo phá rối vùng căn cứ H29, đánh phá hành lang, kho tàng, phát hiện lực lượng ta. Địch còn tăng thêm lực lượng tề ngụy, điệp vụ ngầm trong nhân dân, tổ chức phòng vệ dân sự, tiến hành vây ráp, bắt lính.

Trước tình hình địch mở các đợt phản công "quét và giữ", tháng 5-1968 Tỉnh uỷ Kon Tum đã ra Nghị quyết tiếp tục tấn công tiêu diệt địch. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh, lực lượng vũ trang H29 thường xuyên phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch ở đường 5; phá ấp, đánh càn ở Măng Bút, Măng Đen. Du kích H29 tham gia đánh biệt kích, thám báo thọc sâu vào căn cứ bảo vệ được căn cứ hành lang, kho tàng của ta. Trong chiến đấu, phong trào chiến tranh du kích của Huyện có nhiều tiến bộ.

Địch lún sâu vào thế bị động, phòng ngự. Chúng lo sợ mất Kon Tum nên vội tăng quân lập phòng tuyến; mở các cuộc hành quân càn quét vùng căn cứ và một số vùng phụ cận, cho phi pháo hoạt động mạnh, rải chất độc đánh phá ta. Tính đến tháng 11 và 12-1968, địch còn chiếm đóng một số cứ điểm, đồn bốt như Măng Bút, Măng Đen với lực lượng từ 3 đại đội đến một hoặc hai tiểu đoàn Mỹ-ngụy.

Phong trào đấu tranh chính trị, vận động quần chúng cũng phát triển trong các xã thuộc H29. Ta đã đột nhập vào 47 ấp phụ cận xã Kon Tum, dọc đường 5, Măng Bút...; tổ chức mít tinh tuyên truyền giáo dục cách mạng cho hơn 3000 đồng bào Kinh, Thượng. Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động ủng hộ bộ đội, du kích trong chống hành quân càn quét khủng bố của địch, giữ vững căn cứ.

Trong tổng tiến công Mậu Thân 1968, một nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ, quân dân Kon Plông là đảm nhiệm tốt vai trò hậu phương, tăng cường sức người, sức của chi viện cho thị xã và các nơi khác nổi dậy; chuẩn bị lương thực, cất giữ súng đạn, góp phần đánh thắng chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ-ngụy. Để giữ vững căn cứ, hoàn thành nhiệm vụ của hậu cứ, các Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, đóng góp lương thực nuôi quân ở H29 phong trào có bước phát triển mới. Sản xuất lương thực của Huyện tiến vọt; về sức người, sức của phục vụ cho phía trước được Huyện huy động đến mức cao nhất. Năm 1967, H29 đạt bình quân đóng góp nuôi quân 36 kg gạo/1 lao động. Về huy động dân công phục vụ tiền tuyến, các xã của H29 đã huy động 6 vạn ngày công trong 2 tháng; bình quân lao động 27,8 ngày tham gia dân công. Không kể số dân công phục vụ kịp thời tải thương... tại địa phương.

Phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu của Huyện có bước tiến đáng kể. Các Đảng bộ tổ chức cho bộ đội, du kích Huyện rút kinh nghiệm. khắc phục những hạn chế trong giai đoạn trước, tranh thủ mọi điều kiện để bồi dưỡng. huấn luyện. Từ tháng 8 đến cuối năm 1968, nhân dịp lực lượng đặc công Tỉnh mở đợt huấn luyện chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn 406, 304 của Tỉnh và các lực lượng vũ trang Huyện. Huyện đội cán bộ, chiến sĩ tham gia. Các chiến sĩ đã dự huấn luyện 360 giờ, với các nội dung như: giáo dục về chính trị, lập trường tư tưởng; huấn luyện kỹ, chiến thuật đặc công; học tập kinh nghiệm cách đánh của tiểu đoàn 406. Nhờ đó, trình độ kỹ, chiến thuật, nhận thức chính trị của cán bộ, chiến sĩ được nâng lên một bước.

Cùng với nâng cao chất lượng, số lượng bộ đội, du kích Huyện tăng lên rõ rệt. Năm 1965, H29 chỉ có 2 trung đội bộ đội địa phương, thì đến 1968, riêng lực lượng du kích tập trung ở xã của H29 có 185 du kích xã, trong đó có 28 đảng viên. Lực lượng du kích thôn cũng phát triển mạnh. H29 có tới 255 du kích thôn với 30 đảng viên. Công tác xây dựng lực lượng du kích, H29 là những huyện khá của tỉnh Kon Tum. Phong trào xây dựng làng chiến đấu luôn được duy trì. An ninh chính trị trong các căn cứ được bảo đảm. Nhờ quần chúng, hỗ trợ tích cực, ta phát hiện vụ gián điệp Bá Y Phạch ở H29. Các cơ sở, lực lượng cán bộ được bảo vệ, phong trào cách mạng được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng ở Kon Plông đã đáp ứng yêu cầu của Trung ương và địa phương đề ra. Cán bộ, đảng viên của Đảng bộ có đủ phẩm chất, năng lực, bản lĩnh chính trị lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ-ngụy. Trong các căn cứ đã có nhiều chi bộ 4 tốt; tổ chức Đảng ở các xã, thôn luôn được quan tâm xây dựng. Trong những năm 1965-1968, công tác phát triển đảng viên tương đối đều ở khắp các thôn xã. Trong hai năm 1967-1968, công tác xây dựng chi bộ, phát triển đảng viên gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị, binh vận đảng viên được kết nạp đã qua rèn luyện, thử thách trong thực tiễn phong trào.Việc đào tạo cán bộ thực hiện theo phương châm chỉ đạo của trên: đào tạo cán bộ tại chỗ là chính, quan tâm cán bộ trẻ, tăng lực lượng cán bộ người dân tộc; thường xuyên đào tạo cán bộ mới, đồng thời bồi dưỡng cán bộ cũ. H29 có số đông cán bộ người Kinh, nên đã thực hiện việc điều chuyển tăng cường lực lượng cán bộ người dân tộc thiểu số tại chỗ để thuận lợi cho việc vận động đồng bào vùng sâu.

Đến ngày 06-6-1968, Đảng bộ huyện H29 đã tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ, bầu cấp uỷ mới. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ khoá II được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết nghị số 04-QN/TOC, ngày 06-8-1968 chuẩn y gồm 13 đồng chí (11 uỷ viên chính thức và 02 uỷ viên dự khuyết), do đồng chí Nguyễn Hồng Quang làm Bí thư; đồng chí A Klai làm Phó Bí thư; đồng chí A Nhân làm Uỷ viên thường vụ-Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện.

Đảng bộ tiến hành sơ kết công tác xây dựng Đảng phục vụ phương hướng xây dựng Đảng bộ tỉnh. Huyện đã kiện toàn các ngành, đoàn thể ở huyện. Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân giải phóng từ xã đến huyện thông qua bầu cử cũng đã hoàn thành trước khi hoàn thành bầu cử Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân Tỉnh. Trong năm 1968, Huyện đã tiến hành Hội nghị tổng kết phong trào du kích.

Lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương trong điều kiện chiến tranh ác liệt, thiên tai thường xuyên đe doạ, điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất khó khăn, thiếu thốn, nên trong những năm 1965-1968, Đảng bộ có một số mặt thiếu sót, hạn chế nhất định. Một số uỷ viên chưa nắm vững, quán triệt phương châm chiến lược của Đảng, chưa nhận thức rõ về tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong Tết Mậu Thân 1968. Công tác phát triển Đảng ở một số nơi có lúc còn chậm, nên 6 tháng đầu 1968, số lượng đảng viên tăng không kịp bù vào số hy sinh hoặc điều chuyển... Năm 1967, H29 có 198 đảng viên thì đến 1968 chỉ còn 193 đồng chí. Đảng viên 4 tốt còn ít, đảng viên kém còn chiếm tỷ lệ cao. Việc tuyên truyền, nâng cao cảnh giác trong nhân dân có lúc còn chưa cao, nên một số đồng bào chưa tích cực trong công tác phòng gian, bảo mật; chưa thực sự góp ý xây dựng cho cán bộ, đảng viên.

Một số hạn chế trên của các Đảng bộ là không tránh khỏi. Thành tựu to lớn của hai Đảng bộ trong thời kỳ đó là vượt mọi gian khổ, từng bước trưởng thành, lãnh đạo, tập hợp, hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện nhiệm vụ của địa phương vừa chiến đấu, vừa sản xuất và xây dựng căn cứ. Sự lớn mạnh của Đảng bộ là hạt nhân để chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng được củng cố; phong trào cách mạng của nhân dân không ngừng phát triển; hậu phương, căn cứ kháng chiến ngày càng vững chắc hơn... Đó là thế và lực hết sức quan trọng, là tiền đề vật chất, tinh thần làm nên thắng lợi của Đảng bộ, quân dân Kon Plông trong những năm chống chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ-ngụy và hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị mọi mặt để bước sang giai đoạn cách mạng mới, tiến tới giải phóng quê hương.

**Chương VI**

**LÃNH ĐẠO QUÂN VÀ DÂN TRONG HUYỆN GIỮ VỮNG VÀ MỞ RỘNG VÙNG CĂN CỨ KHÁNG CHIẾN, GÓP PHẦN LÀM THẤT BẠI CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH CỦA MỸ-NGỤY**

**(1969-1972)**

**1. Âm mưu của Mỹ-ngụy, tình hình trong huyện H29**

***1.1 Âm mưu của Mỹ-nguỵ***

Cuộc tiến công và nổi dậy Tết mậu Thân năm 1968 của ta thắng lợi đã buộc đế quốc Mỹ thay đổi Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" sang Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" với những âm mưu thâm độc, nhằm củng cố và tăng cường ngụy quân, ngụy quyền, thực hiện chính sách “dùng người Việt giết người Việt”, “dùng người Đông Dương giết người Đông Dương” bằng tiền, vũ khí của Mỹ và do Mỹ chỉ huy, từng bước rút quân Mỹ ra khỏi chiến trường Việt Nam.

Biện pháp cơ bản là "quét và giữ", chúng sử dụng chiến lược “bình định nông thôn” để thực hiện bắt lính, tăng quân ngụy, dùng quân ngụy thay dần quân Mỹ, từng bước rút quân Mỹ, “phi Mỹ hóa” từng vùng, tổ chức phòng ngự; quyết giữ các thành thị, căn cứ quan trọng, đường giao thông, quận lỵ, những vị trí hiện tại chúng đang kiểm soát; đồng thời, ra sức vơ vét của cải để bù đắp lỗ hổng do Mỹ giảm viện trợ để tăng ngân sách, tiếp tục kéo dài chiến tranh và thực hiện chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Chúng đề ra mục tiêu giành cho được 95% dân số, tăng đội quân ngụy lên 1.000.000 tên, phát triển lực lượng dân vệ, phòng vệ dân sự lên 3.000.000 tên.

Năm 1969, tại tỉnh Kon Tum địch ra sức thực hiện âm mưu quét và giữ, tiến hành "Bình định cấp tốc", tích cực giành dân, thực hiện âm mưu chuyển tổ chức vào hoạt động ngầm để chống phá ta một cách thâm độc, lâu dài; chúng ra sức khống chế, kìm kẹp nhân dân và từng bước “phi Mỹ hóa”, tăng cường lực lượng cho quân ngụy, đánh bại lực lượng cách mạng địa phương một cách nhanh chóng. Chiến thuật của chúng là dùng tất cả lực lượng quân nguỵ, có một số đơn vị Mỹ phối hợp để "quét và giữ".

Lực lượng của chúng gồm Lữ đoàn 1 thuộc Sư đoàn 4 đóng ở Đăk Tô, một đại đội cơ động đóng ở đầu cầu Đăk Bla và 200 cố vấn tình báo CIA (120 tên ở thị xã Kon Tum và 80 tên ở Đăk Tô) và một trung đội quân cảnh Mỹ bảo vệ khu cố vấn; quân ngụy gồm 1 đại đội pháo hỗn hợp, 1 tiểu đoàn thiết giáp, 4 đại đội chủ lực thuộc Trung đoàn 42, trên 26 đại đội lính địa phương quân, 107 trung đội dân vệ, 30 đoàn cán bộ xây dựng nông thôn. Ngoài ra, địch còn tăng cường hơn 700 tên biệt kích, 2 đại đội cảnh sát dã chiến, 165 cảnh sát đặc biệt và 220 cảnh sát sắc tộc, nhằm bổ sung thêm cho ngụy quân, củng cố và bảo vệ ngụy quyền.

Bước sang năm 1970, diễn biến tình hình có nhiều thay đổi, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Tại tỉnh Kon Tum, toàn bộ lực lượng cơ động chiến đấu của Mỹ đã rút quân về đồng bằng, chỉ còn lại khoảng 200 cố vấn và chuyên viên kỹ thuật Mỹ (tại thị xã khoảng 80-120 tên, Đăk Tô 60 tên, Plei Kần 20 tên, Kon Hơ Ring 4 tên, Kleng 5 tên, Măng Bút 7 tên); tiếp tục tăng lực lượng cho Trung đoàn 42 lính cộng hòa và phát triển mạnh lực lương quân địa phương. Địch xây dựng lực lượng Bảo an với 26 đại đội, từ 1.900 đến 2.400 tên (tháng 6/1970); số nghĩa quân từ 2.000 đến 2.500 tên; phòng vệ dân sự từ 3.000 tên đến 3.500 tên; bố trí 11 đại đội biệt kích, 02 đại đội thám báo, 02 đại đội thám kích; đoàn công tác “phượng hoàng” (17.000 tên) . Mục đích của chúng là tập trung bình định có trọng điểm trên diện rộng ở nhiều nơi, thường xuyên tiến hành càn quét, đánh phá ác liệt, gắn với đẩy mạnh chiến tranh gián điệp, tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng. Đi đôi với phá hoại về kinh tế, chúng còn đánh phá kho tàng, ngăn chặn hành lang vận chuyển của tỉnh và của Trung ương.

Âm mưu của địch rất xảo quyệt, chúng ra sức củng cố bộ máy kèm kẹp xã ấp, chủ yếu do bọn kèm kẹp tại chỗ, những tên tay sai ác ôn lâu nay bị quần chúng vạch mặt, chúng chuyển hoạt động mật bằng hợp pháp hoá là thôi việc, nhưng thực chất vẫn còn làm việc cho địch như ở dọc đường 5, Măng Bút tập hợp phe phái phản động FULRO, bọn phản động trong tôn giáo hoạt động tuyên truyền nói xấu cách mạng như là nói Mỹ rút dân tộc ta phải đứng lên tự trị giả hiểu, chống cộng, tuyên truyền hoà bình bịp bợm, chia rẽ giữa kinh, thượng, làm cho quần chúng trong vùng địch hiểu lầm, lừa để lôi kéo. Chúng cố tìm mọi cách bảo vệ bọn tay sai ác ôn người thượng ở tại ấp, xã, có những tên ban ngày làm việc ở ấp. Chúng cài cấy điệp như ở Kon Tu, Đăk Ui, Đăk Prồ để chuẩn bị kéo dân chạy, gây tâm lý chiến tranh, chia rẽ nội bộ quần chúng trong căn cứ .

Năm 1971, địch vẫn tiếp tục triển khai mạnh kế hoạch “bình định nông thôn”. Chúng huy động hầu hết lực lượng từ bộ máy hành chính, cảnh sát, gián điệp, chiến tranh tâm lý, quân địa phương, phụ quân và phần lớn quân chính quy ngụy; cả một số đơn vị chiến đấu, kỹ thuật Mỹ, Nam Triều Tiên vào công việc bình định. Chúng tập trung khủng bố, đánh phá ác liệt bằng quân sự, coi đó là biện pháp chủ yếu để thúc đẩy các mặt hoạt động khác.

Cuối năm 1971 đến năm 1972, so ánh lực lượng lực lượng và thế chiến lược trên các chiến trường đang thay đổi ngày càng có lợi cho ta . Tuy nhiên, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn vẫn ngoan cố tìm mọi cách kéo dài chiến tranh, tăng cường lực lượng quân ngụy, củng cố các tuyến phòng ngự, mở những cuộc tiến công để ngăn chặn chủ lực ta, ra sức tiến hành bình định, đánh phá phong trào thành thị. Chúng cố kìm kẹp dân trong các ấp khu dồn, dùng máy bay tập kích đánh phá vùng giáp ranh, căn cứ hành lang vận chuyển, kho tàng, cơ quan của ta. Đồng thời với các hoạt động quân sự, địch tung biệt kích, thám báo thâm nhập vùng căn cứ ta, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng. Chúng còn dùng những âm mâu thâm độc như đánh vào kinh tế, thực hiện chính sách chỉ bán gạo cho những gia đình ngụy; không cho người dân tộc ở các ấp chiến lược được làm nương rẫy, buộc dân đói phải đi lính... Thâm độc hơn, chúng dùng thủ đoạn doạ dâm, “bôi đen” gây nghi kị, chia rẽ trong quần chúng.

Trong năm 1969-1970, tại huyện H29 cũng như tình hình chung toàn tỉnh, quân địch bị thất bại và suy yếu, tinh thần và quân số ngày càng giảm sút, nhưng chúng vẫn cố sức tiến hành 03 âm mưu lớn là "bình định cấp tốc", "giữ và quét" và "phi Mỹ hoá chiến tranh". Chúng dùng nhiều thủ đoạn để ép dân vào ấp, bắt một số lính, đôn bọn dân vệ lên nghĩa quân, củng cố bộ máy kềm kẹp, khống chế quần . Ngoài những âm mưu đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng; dùng các thủ đoạn ly gián, mị dân, kích động lòng tự ti, dân tộc hẹp hòi, chúng còn hù dọa cán bộ, nhân viên, lôi kéo một số người chạy vào vùng địch kiểm soát gồm: các ấp chiến lược, khu định cư, khu dồn dân. Với những âm mưu xảo quyệt, địch đã dùng nhiều thủ đoạn thâm độc để tăng cường lực lượng quân chủ lực và quân địa phương nguỵ, rút dần quân Mỹ; từ 1969 đến 1972, quân chủ lực và quân địa phương ngụy đã từ 70 vạn tăng lên 110 vạn, lực lượng dân vệ từ 150 vạn lên 200 vạn tên, trở thành đạo quân tay sai đông nhất trong các đạo quân tay sai của Mỹ.

***1.2. Tình hình của huyện H29***

Trên địa bàn H29, tình hình địch, ta lúc này cũng được phân ra ba vùng rõ rệt: vùng căn cứ do ta kiểm soát, vùng bị địch chiếm đóng và vùng tranh chấp giữa địch và ta. Vùng căn cứ H29 có 07 xã, 42 làng và 2.555 dân: Măng La (7 làng, 508 dân); xã Nước Lò (6 làng, 377 dân); xã Đak Rơ Manh (6 làng, 256 dân); xã Nước Tem (9 làng, 542 dân); xã Nước Chè (4 làng, 159 dân); xã Măng Cành (3 làng, 288 dân); xã Nước Lò (7 làng, 425 dân) .

Tình hình vùng căn cứ có những chuyển biến tiến bộ; qua phát động quần chúng, nội bộ được thanh khiết, khối đoàn kết dân tộc được củng cố. Quần chúng trong vùng căn cứ được thử thách, trưởng thành, phát động truyền thống đấu tranh bất khuất, nâng cao giác ngộ cách mạng để khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, tự lực cánh sinh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ. Các cơ sở Đảng được xây dựng, củng cố và phát triển có khả năng lãnh đạo các phong trào lớn của địa phương; chính quyền từ huyện đến cơ sở được thành lập và phát huy vai trò, nhiệm vụ; các đoàn thể thanh niên, phụ nữ bước đầu được củng cố; đội ngũ cán bộ xã, thôn được trưởng thành. Các mặt công tác khác như công tác tuyên truyền, vận động, công tác văn hoá, y tế, bưu vụ,… đều có bước tiến bộ; phong trào nhân dân du kích chiến tranh được giữ vững, đập tan các cuộc càn quét của địch, bắn rơi máy bay Mỹ, bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ; phong trào sản xuất được phát triển hơn trước. Tuy nhiên, chuyển biến của vùng căn cứ chưa thực sự vững chắc, chưa đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài; vấn đề lương thực, nhân lực, vận chuyển còn khó khăn, công tác tư tưởng chưa theo kịp với tình hình .

Vùng địch chiếm đóng gồm các vùng: Măng Bút, Măng Đen và dọc đường 5. Ở Măng Bút, địch chia ra 3 khu: khu Tăng Gô, khu Măng Bút; khu Wang Đua gồm tất cả 64 làng, 2351 dân. Vùng Măng Đen, địch chia 4 khu: khu Kon Kơ Năng, khu Ngọc Phát, khu Kon Biểu và khu Đăk Long, gồm 19 làng, 1.212 dân. Dọc đường 5, địch kiểm soát 17 làng, 1.273 dân. Măng Đen và Măng Bút là hai cứ điểm mạnh của địch. Tại đây, Mỹ-ngụy xây dựng hai sân bay dã chiến. Ở Măng Bút, địch có một trung tâm huấn luyện biệt kích và tung đi hoạt động khắp miền Tây Nguyên. Các đồn Kon Plông, Kon Klêch (Loong Lếch), Kon Kơ Tàu án ngự trên đường 5.

Năm 1969, tình hình phong trào phía trước đã có chuyển biến tốt, bước đầu đã biết vận dụng phương châm "02 chân, 03 mũi giáp công". Các lực lượng hoạt động phía trước đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, bám trụ, xây dựng và phát triển mở rộng thêm cơ sở, uy hiếp, tiêu hao sinh lực địch. Phong trào đấu tranh chính trị, binh vận có bước phát triển, tiến bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quần chúng phía trước được phát động giáo dục, thâm nhập chính sách, tin tưởng và hướng về cách mạng, trông chờ được giải phóng. Tuy nhiên, ta vẫn chưa nắm vững phương hướng của thời kỳ tổng tấn công và nổi dậy mà thực chất là diệt ác, phá kèm, giành và giữ dân là những cuộc khởi nghĩa liên tục của quần chúng vùng dân tộc, dùng bạo lực, chính trị, vũ trang của mình để đập tan chính quyền của địch, là quá trình đẩy lùi địch từng bước, giành và giữ chính quyền đến giành thắng lợi hoàn toàn. Mặt khác, ta vẫn có tính chủ quan trong lãnh đạo, đánh giá địch cao, đánh giá quần chúng thấp, chưa bám sát quần chúng để phát động giáo dục, xây dựng thực lực chính trị, vũ trang trong quần chúng, diệt ác, phá kèm, giành quyền làm chủ; chưa nắm vững phương châm "02 chân, 03 mũi giáp công". Mặt khác, về lãnh đạo chưa chú ý đúng mức đến việc tăng cường và xây dựng lực lượng hoạt động phía trước, nhất là giáo dục chính trị, nên có biểu hiện lập trường giai cấp mơ hồ, còn tư tưởng hữu khuynh, sợ địch, cầm chừng .

Vùng tranh chấp giữa ta và địch bao gồm từ đồn Măng Đen đến xung quanh đường số 5 từ thị xã Kon Tum đi Quảng Ngãi. Trong vùng này vừa có chính quyền ta vừa có nguỵ quyền.

Về bộ máy lãnh đạo của huyện được bầu tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II (6-1968) tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn 1969-1970 do đồng chí Nguyễn Hồng Quang làm Bí thư; đồng chí A Klai làm Phó Bí thư; đồng chí A Nhân , làm Uỷ viên thường vụ, Chủ tịch huyện và các Phó chủ tịch huyện là đồng chí Kiều, Trần Văn An, làm nhiệm vụ chính quyền liên tục cho đến giải phóng. Cơ quan Huyện uỷ H29 đóng tại xã Đăk Xlò.

Đến ngày 24-01-1970, Đảng bộ huyện H29 chính thức tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ IV đã đánh giá tình tình công tác thời gian qua (1968-1969), đề ra phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới; đồng thời, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IV gồm có 15 đồng chí uỷ viên chính thức và 02 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Chiêm (Điểu), Tỉnh uỷ viên T150 trực tiếp làm Bí thư Huyện uỷ; đồng chí A Nhân được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ . Công tác tổ chức bộ máy của Huyện uỷ luôn được quan tâm củng cố và tăng cường, bổ sung về số lượng và nâng dần chất lượng cấp uỷ. Ngày 29-11-1971, Hội nghị đại biểu Huyện uỷ H29 họp bầu bổ sung cấp uỷ nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Huyện uỷ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao; theo đó, Hội nghị đã bầu bổ sung và được Thường vụ Tỉnh uỷ chuẩn y 02 Uỷ viên chính thức (Đồng chí Nguyễn Trung Hà, Chính trị viên, Bí thư Ban cán sự Huyện đội và đồng chí Nguyễn Hùng Vương, Huyện đội trưởng) và 01 Uỷ viên dự khuyết (Đồng chí A Nía, Bí thư Chi bộ Đội công tác. Đến ngày 07-4-1972, Hội nghị đại biểu Huyện uỷ H29 họp, tiếp tục bầu bổ sung Thường vụ Huyện uỷ; tại hội nghị, các địa biểu đã bầu chuyển đồng chí A Nía, Uỷ viên dự khuyết lên uỷ viên chính thức, đồng chí A Nhân, Phó Bí thư Huyện uỷ lên Quyền Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Dũng (Nguyễn Kiệu), Uỷ viên Thường vụ lên Phó Bí Thư huyện uỷ; các đồng chí: Nguyễn Trung Hà, A Klai, Trần Trung (Uỷ viên Ban Chấp hành) bổ sung làm Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ .

**2. Chống địch đánh phá, giữ đất, giành dân**

Sau khi tập hợp được lực lượng, cuối năm 1968 đầu năm 1969, cùng một lúc địch đánh phá ta về nhiều mặt. Chúng tập trung củng cố bộ máy kìm kẹp ở cơ sở ta, dồn sức tiến hành bình định tại chỗ một cách ráo riết; đồng thời, đề ra 3 tự (tự phòng, tự quản, tự túc); ở mỗi làng, ấp chiến lược, địch cắm từ 05 đến 07 tên ác ôn giả đào ngũ về nằm trong dân để theo dõi, nắm dân và kìm kẹp quần chúng; tăng mạng lưới nghiệp vụ gián điệp, đưa vào hoạt động ngầm, thọc sâu đánh phá một số vùng thuộc căn cứ của ta; tiếp tục thực thi các chiến dịch lùng sục, theo dõi các hoạt động của cơ sở ta và những người địch tình nghi; cài gián điệp vào tổ chức của ta. Mặc dù trong thời gian này, quân địch trên địa bàn huyện bị suy yếu, tinh thần và quân số bị giảm sút, nhưng âm mưu, hoạt động của chúng ở cơ sở đã gây khó khăn cho ta về nhiệm vụ giành dân và giữ dân.

Tháng 01-1969, địch chọn Tây Nguyên để thử nghiệm triển khai chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", với hy vọng có thể cải thiện được tình hình mà quân Mỹ không bị tổn thất nặng. Chúng lần lượt mở ba cuộc hành quân “Bình Tây 48, Bình Tây 49, Bình Tây 50” ra vùng Chupatay, thị xã Pleiku, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi chủ lực ta ra xa, bảo vệ các thị xã và đường 14. Biết được âm mưu của địch, ta quyết tâm đánh phủ đầu, làm thất bại âm mưu chiến lược mới của chúng. Sau 24 ngày đêm chiến đấu, bộ đội chủ lực Trung đoàn 24 Mặt trận B3 cùng lực lượng vũ trang hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum đã đánh tan liên tiếp ba cuộc hành quân “Bình Tây 48”, “Bình Tây 49”, “Bình Tây 50” của địch, làm thất bại cuộc thí điểm đầu tiên về âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ-ngụy . Ở H29, địch tập trung một tiểu đoàn Mỹ và hai đại đội thám báo ngụy đánh vào vùng căn cứ ta ở Kon Bành, Kon Rế, Ngọc Vin. Ở một số làng trong vùng căn cứ và vùng tranh chấp, bọn phản động ngóc đầu dậy chống phá phong trào, tuyên truyền, xuyên tạc nói xấu chủ trương cách mạng của ta, gây chia rẽ giữa nhân dân với cán bộ, giữa dân với dân.

Ở Đăk Tem, Kon Gu, Kon HRing, địch tăng cường đánh phá, hủy diệt môi trường sống, buộc nhân dân phải vào các khu tập trung, gây đảo lộn cuộc sống của người dân. Lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của ta ở một số nơi, địch đã lũng đoạn tư tưởng, tung biệt kích lùng càn, kéo dân, địch bắt thêm 41 người ở H29. Số người dân bị dồn vào vùng chúng kiểm soát lên tới hàng nghìn người làm giảm số lượng người dân ở vùng ta làm chủ xuống còn hơn một nửa, từ 22.000 xuống còn 12.000 dân. Đời sống của người dân trong các ấp chiến lược, khu định cư rất cực khổ, thường xuyên bị địch cưỡng ép, dụ dỗ phải dùng chung một con suối nhỏ. Ban ngày, họ phải chịu cái nóng gay gắt dưới mái nhà tôn; ban đêm, không chăn chiếu, củi sưởi. Nhiều thứ bệnh tật sưng phổi, đường ruột, phát triển trong đồng bào bị tập trung.

Để "quét sạch" cơ sở cách mạng ra ngoài ấp chiến lược, địch đưa về Kon Tum hàng ngàn tên ác ôn, mở các chiến dịch bình định cấp tốc, xây dựng bộ máy chính quyền ngụy phản động hơn. Ở H29, địch dùng tên Ba Y Phật cài vào cơ sở ta gây cho ta nhiều tổn thất. Trong các trận càn, địch tàn sát dã man cả dân thường, đốt phá nhà cửa, cướp bóc tài sản của đồng bào. Tại các vùng quanh cứ điểm Măng Bút, Măng Đen, địch huy động từ một trung đội đến hai đại đội ngụy, có cả biệt kích, thám báo mở nhiều cuộc càn lớn và nhỏ để ngăn chặn lực lượng của ta tấn công từ xa và hỗ trợ bình định nông thôn. Ở các vùng ven giữa địch và ta, vùng căn cứ, của ta dọc tuyến hành lang H29, địch tăng cường phi pháo, sử dụng trực thăng vũ trang, máy bay B52 dội bom, bắn phá ác liệt, tàn phá xóm làng, rải chất độc hoá học phá hoại mùa màng. Đồng thời với các hoạt động quân sự, địch tung biệt kích, thám báo thâm nhập vùng căn cứ ta, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng. Chúng còn dùng những âm mâu thâm độc như đánh vào kinh tế, thực hiện chính sách chỉ bán gạo cho những gia đình ngụy; không cho người dân tộc ở các ấp chiến lược được làm nương rẫy, buộc dân đói phải đi lính...

Trước chiến lược chiến tranh mới tàn bạo và thâm độc của đế quốc Mỹ, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta bước vào một thời kỳ chiến đấu mới đầy khó khăn và phức tạp. Những âm mưu, hoạt động của địch đã gây nên nhiều thiệt hại về người và của cho đồng bào trong huyện; đời sống nhân dân và cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh gặp khó khăn, đói cơm, lạt muối. Phong trào cách mạng tỉnh Kon Tum đứng trước những khó khăn và thách thức mới.

Trước tình hình trên, từ ngày 01 đến ngày 07-02-1969, Tỉnh ủy Kon Tum tổ chức Hội nghị xác định nhiệm vụ cách mạng của tỉnh trong tình hình mới với hai nhiệm vụ quan trọng bậc nhất có tính cơ bản và cấp thiết đó là "Giành dân vùng ven và giữ dân xây dựng vùng giải phóng". Đẩy mạnh đánh địch, diệt ác, phá kèm, giành dân làm chủ. Tăng cường công tác tư tưởng, tổ chức xây dựng Đảng. Mở đợt động viên chính trị mạnh mẽ trong toàn Đảng bộ, quân, dân, đảm bảo thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng cấp bách giành thắng lợi to lớn trong chiến dịch tổng công kích sắp tới .

Đến ngày 10-02-1969, Tỉnh uỷ quyết định mở chiến dịch diệt ác toàn tỉnh, nhằm diệt ác, phá kèm, làm tan rã hàng ngũ địch, nâng cao khí thế quần chúng trong vùng địch còn kiểm soát lên một bước, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy thực hiện nhiệm vụ giành dân làm chủ... . Tiếp tục đẩy mạnh tấn công quân sự, chính trị, binh vận lên một bước mới. Đến ngày 22-02-1969, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Tỉnh Kon Tum đã đồng loạt tổ chức tấn công tiêu diệt các cứ điểm tại thị xã Kon Tum, Măng Đen, Măng Bút, Đăk Tô, Tân Cảnh và Đăk Pék. Chỉ đạo của Tỉnh ủy đã trở thành phương châm hành động của quân và dân trong huyện, tấn công các mục tiêu kìm kẹp, giữ đất, giành dân; tinh thần kháng chiến, sản xuất phục vụ kháng chiến của quần chúng ở xã, thôn được nâng lên.

Đầu mùa Hè năm 1969, địch bắt đầu thực hiện chủ trương “phi Mỹ hóa” trên chiến trường tỉnh Kon Tum bằng việc thử nghiệm dùng 15 tiểu đoàn ngụy mở cuộc hành quân “dân quyền 35 và 38” ở vùng Tây Đăk Tô để ngăn chặn ta từ xa. Quân ngụy lần lượt bị đẩy ra thay chân Mỹ để đối phó với chủ lực của ta. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Kon Tum phối hợp với quân chủ lực Bộ Tư lệnh B3 quyết định mở Chiến dịch Đăk Tô 2, đánh đòn phủ đầu vào âm mưu “phi Mỹ hóa” của địch, một trong những trận mở màn chiến dịch Hè 1969 trên chiến trường toàn Khu.

Để chuẩn bị tốt cho Chiến dịch Đăk Tô 2, Hè 1969, ngày 26-4-1969, Tỉnh ủy ra Chỉ thị đặc biệt "Tập trung toàn lực, huy động đợt dân công, thanh niên xung phong đột xuất thu mua lương thực phục vụ chiến trường giành thắng lợi lớn trong G". Huyện H29 được giao huy động 210 dân công và 40 thanh niên xung phong. Trong đó, huy động cán bộ, nhân viên các cơ quan trường học, trại sản xuất, bệnh xá từ 50-60%; mỗi chi đoàn, chi bộ đi 1/3; mỗi tổ phụ nữ đi từ 02-03 người; thời gian đi từ 02 tháng trở lên.

Nhờ chuẩn bị chu đáo, tích cực, sau gần một tháng chiến đấu quyết liệt (từ ngày 03 đến 31-5-1969), quân và dân phía Bắc tỉnh Kon Tum đã phối hợp chặt chẽ với chủ lực B3 tấn công căn cứ phòng thủ quân sự của địch ở Đăk Tô - Tân Cảnh, đập tan cuộc hành quân “dân quyền” của địch, diệt 729 tên, bắt nhiều tù binh và thu toàn bộ vũ khí.

Từ ngày 08 đến ngày 22-8-1969, Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị mở rộng nhằm đẩy mạnh tiến công địch cuối năm 1969, giành lại thế chủ động trên chiến trường; chủ trương của Tỉnh uỷ là: Phát huy thắng lợi của Chiến dịch Đăk Tô 2, phấn đấu tiêu diệt nhiều sinh lực địch, diệt ác, phá kèm, giành dân nhiều nhất, mở rộng vùng căn cứ, làm cho vùng căn cứ của ta hoàn chỉnh; Liên tục tấn công địch ở thị xã, thị trấn và các cứ điểm lẻ, trục giao thông.

Tháng 7-1969, Hội nghị Trung ương cục miền Nam chủ trương đẩy mạnh tiến công quân sự và xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân gồm: Bộ đội chủ lực, Bộ đội địa phương và Dân quân du kích; xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của mặt trận nông thôn là phải giành dân, giành đất, phát triển thế và lực của ta. Đến tháng 9-1969, Thường vụ Khu uỷ V tổ chức Hội nghị, xác định: Nhiệm vụ chống bình định, giành dân, giữ dân là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ. Thực hiện Nghị quyết Khu uỷ, Tỉnh uỷ Kon Tum họp, xác định hai nhiệm vụ quan trọng bậc nhất và rất cấp bách là: Giành dân và giữ dân, xây dựng vùng giải phóng.

Quán triệt chủ trương của Trung ương, Khu uỷ và Tỉnh uỷ, căn cứ vào tình hình địa phương, Đảng bộ huyện H29 tiến hành Đại hội xác định nhiệm vụ: đẩy mạnh đánh địch, diệt ác phá kìm kẹp, giành dân, làm chủ. Tăng cường công tác tư tưởng, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong vùng căn cứ. Vận động đồng bào các dân tộc trong huyện nỗ lực thi đua xây dựng chính quyền ở vùng căn cứ giáp ranh. Nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, đánh bại chiến tranh tâm lý, dụ dỗ chiêu hàng của địch. Củng cố các tổ chức xã, thôn vững mạnh, xây dựng củng cố chi bộ, chi đoàn, lực lượng an ninh, du kích thực hiện sự đoàn kết nhất trí về tư tưởng chính trị. Huyện uỷ H29 nhận định: tình hình địch trên địa bàn huyện đã hoang mang, dao động, rệu rã cả về tư tưởng và tổ chức, nhưng lực lượng kẹp cơ sở vẫn gây trở ngại cho ta trong việc giành và giữ dân, do có những tên ác ôn, nếu chúng ta đánh mạnh diệt ác ôn thì cả nguỵ quân, nguỵ quyền có khả năng tan rã nhanh chóng .

Để chống địch bình định nông thôn và tiến hành xây dựng căn cứ phải có nhiều cán bộ và cốt cán. Trong năm 1969, Tỉnh uỷ phát động một đợt phát hiện bồi dưỡng cán bộ cốt cán ở các huyện. Số cán bộ cốt cán được học tập, bồi dưỡng, nâng cao về trình độ học vấn, nhận thức, quan điểm chính trị. Từ đó, đã đi đầu trong phong trào diệt ác, phá kềm, trực tiếp tham gia phát hiện, cung cấp tình hình hoạt động của địch, làm hạt nhân trong việc lãnh đạo vận động quần chúng học tập và đấu tranh.

Phong trào quần chúng diệt ác ôn, diệt tề, diệt chỉ điểm được đẩy mạnh và phát triển ở các huyện; Quần chúng tại huyện H29 cùng các huyện H16, H80, H67 đã phát hiện bắt giữ 198 đối tượng làm cho địch; mở 4 phiên toà công khai trước dân chúng để xét xử những tên bị bắt. Một số đối tượng được cải tạo, có tiến bộ ta cho về địa phương.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục của Đảng bộ huyện, nhân dân huyện H29 được rèn luyện, thử thách nên không nghe theo âm mưu của địch về quét và giữ; phong trào nhân dân du kích trong huyện luôn được gữ vững ở mức cao; phong trào quần chúng diệt ác ôn, diệt tề, diệt chỉ điểm được đẩy mạnh và phát triển; nhiều mặt công tác được duy trì như bảo vệ căn cứ; hành lang các tuyến giao thông H16 đi H80, H16 đi H29, H16 đi H40 được bảo vệ, duy trì.

Trong 6 tháng đầu năm 1969, lực lượng của huyện H29 đã đánh 04 trận, tiêu diệt 66 tên địch (bị thương 11 tên, chết 55 tên). Đội du kích huyện H29 đánh 02 trận, tiêu diệt 29 tên . Năm 1970, toàn tỉnh Kon Tum đã diệt được 605 tên ác ôn, trong đó có nhiều tên ở vùng căn cứ H29. Những tên trong các cứ điểm Lôi Hổ, Đăk Pék đều bị tiêu diệt gọn. Chính sách của Mặt trận đối với binh lính địch và nhân viên ngụy quyền được đồng bào dân tộc chấp hành nghiêm chỉnh. Binh lính địch tiếp tục đào ngũ về với Mặt trận, với đồng bào ngày càng đông hơn. Nhờ diệt được nhiều tên tay sai địch, đồng bào trong vùng địch kiểm soát thêm phấn khởi, tin tưởng vào cách mạng, không đi lính cho giặc; giúp đỡ, ủng hộ lương thực, dẫn đường cho bộ đội giải phóng đánh vào các cứ điểm của địch. Qua các đợt tấn công liên tục của ta bằng 03 mũi giáp công, quân địch từ cuối năm 1969 đã bắt đầu rệu rã nặng hơn cả về tư tưởng và tổ chức, nhiều lần chúng chống lệnh đi càn quét ra xa mà chỉ vào ấp hay ra đồi cao nằm chờ hết thời gian thì rút về, hàng trăm binh lính đào rã ngũ về nhà làm ăn. Thắng lợi trên mặt trận quân sự đã tiêu diệt sinh lực địch, tạo thế mới để mở rộng phát triển cơ sở giành giữ dân.

Sau tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, nhiều cơ sở ta bị vỡ, một số cán bộ bị địch bắt, một số khác nằm im không hoạt động. Công tác xây dựng cơ sở, giành dân, giữ đất gặp nhiều khó khăn. Trung ương Cục, Quân uỷ Miền đã có những chỉ thị, biện pháp khẩn cấp cho Tỉnh uỷ Kon Tum và các huyện uỷ khắc phục tình trạng trên để củng cố tổ chức và gây dựng cơ sở cách mạng trong lòng địch.

Với phương châm là "mở cơ sở đến đâu ta bám trụ đến đó để giành đất, giành dân"; các lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp với du kích các huyện trong hoạt động diệt ác, trừ gian, giành dân, giữ đất. Mạng lưới cơ sở cách mạng dần được phục hồi. Công tác giành dân đạt nhiều thắng lợi. Tính đến cuối tháng 3-1970, ở Măng Đen, ta giành được 1.500 dân từ ấp chiến lược và các khu dồn dân của địch.

**3. Xây dựng căn cứ, mở rộng vùng ven**

Từ cuối năm 1968, chính quyền cách mạng từ huyện đến xã các vùng căn cứ của H29 ra đời. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ về xây dựng, củng cố vùng căn cứ về mọi mặt, tạo ưu thế về chính trị, lực lượng, tinh thần và đời sống ổn định, làm tấm gương thu hút quần chúng ở các vùng địch còn kiểm soát. Chính quyền các cấp ở H29 từng bước được kiện toàn và thực hiện đúng theo chức năng của chính quyền dân chủ nhân dân; các đoàn thể cách mạng từ xã đến huyện được củng cố, hoạt động có hiệu quả. Công tác quan trọng trong vùng căn cứ mà chính quyền huyện tổ chức thực hiện là sản xuất, đảm bảo đủ ăn cho nhân dân, cung cấp thêm lương thực cho bộ đội. Đây là công tác thường xuyên và cần kíp.

Đến đầu năm 1969, số lượng lương thực dự trữ của ta đã cạn kiệt, bộ đội thiếu gạo, nhân dân thiếu ăn và không có lương thực cung cấp cho cán bộ, du kích. Ngày 07/3/1969, Tỉnh ủy ra Chỉ thị "Tập trung đẩy mạnh sản xuất đạt và vượt chỉ tiêu". Trên cơ sở đó tính toán, đối chiếu từng loại chỉ tiêu đã đạt được đến đâu, tiếp tục vận động nhân dân tích cực sản xuất; tận dụng mọi nhân lực, mọi thời gian, khẩu hiệu "Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm", đi sớm về tối, đi làm theo trăng… Trước mắt, vận động thành một cao trào trồng hoa màu đạt và vượt chỉ tiêu, chủ yếu trồng mì, chuối nước, bắp sớm, các loại rau để có thể chống đói trước mắt và có dự trữ dưới đất.

Thực hiện chủ trương trên, Huyện H29 đã lãnh đạo nhân dân tập trung sản xuất lương thực. Nhiều cán bộ huyện đã được huy động đi vận động đồng bào trồng lúa, mỳ, bắp; trồng thêm các loại cây rau màu ngắn ngày để kịp thời cứu đói... Nhờ các biện pháp tích cực, kịp thời, huyện đã giải quyết căn bản nạn đói. Số lao động tham gia sản xuất trong căn cứ của H29 lúc này có 3.605 người. Nhờ sự chỉ đạo của tỉnh, sự cố gắng nỗ lực của cán bộ và đồng bào trong tăng gia sản xuất, nên ở H29 không những đã có gạo đủ ăn cho dân mà còn đóng góp một phần đáng kể để nuôi quân. Trong 4 năm (1969-1972), H29 đã đóng góp 1.078 tấn (1969: 90 tấn; 1970: 128 tấn; 1971: 297 tấn; 1972: 462 tấn.

Thực hiện Nghị quyết Tỉnh uỷ Hội nghị mở rộng (họp từ ngày 08 đến ngày 22-8-1969) về chủ trương xây dựng vùng căn cứ vững mạnh, nhất là xây dựng tư tưởng và tổ chức, đẩy mạnh du kích chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ sản xuất, xây dựng tổ chức xã thôn, đảm bảo nhu cầu nhân vật lực phục vụ tiền tuyến. Ở huyện H29, mặc dù phong trào cách mạng đang có những bước tiến quan trọng, nhất là phong trào quần chúng tăng gia, sản xuất, xây dựng cơ sở, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thử thách do chính sách của địch về bình định, gom dân và đánh phá vùng căn cứ của ta. Giữa lúc đó, ngày 03-9-1969, tin Bác Hồ qua đời truyền tới Tây Nguyên, khoảng 150 cán bộ, chiến sĩ, đồng bào thuộc H16 đã tập trung trong khu rừng làng ĐakPhia tưởng niệm và thầm hứa thực hiện tốt Di chúc của Người, "biến đau thương thành hành động", đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Hội nghị Trung ương lần thứ 18 (01-1970) của Đảng mở ra phương hướng mới khắc phục khó khăn trước mắt và chuẩn bị cho những thắng lợi mới. Tháng 3-1970, Khu uỷ V mở hội nghị tổng kết kinh nghiệm đấu tranh chống các thủ đoạn bình định của địch. Ba kinh nghiệm lớn được rút ra là thường xuyên bám sát tình hình địch để có chủ trương, biện pháp đối phó kịp thời và có hiệu quả; giữ vững và phát triển thực lực chính trị và vũ trang ở cơ sở; tiêu diệt lực lượng kềm kẹp tại chỗ của địch để giữ vững thế làm chủ của quần chúng.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Khu uỷ V, Tỉnh uỷ Kon Tum xác định nhiệm vụ: Tiếp tục xây dựng và bảo đảm vững chắc về mọi mặt cho vùng căn cứ, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực đánh địch liên tục, đều khắp mọi nơi, tiến đến những trận đánh lớn làm thất bại kế hoạch "bình định cấp tốc" của địch. Yêu cầu Thường vụ các huyện ủy trực tiếp tổ chức lãnh đạo sát cơ sở, chi bộ phía trước; tùy tình hình để tổ chức thống nhất giữa lực lượng tập trung, đội công tác và cán bộ các ban, ngành để phối hợp chặt chẽ, cụ thể, mỗi cánh hoạt động có ban chỉ đạo thống nhất gồm các đồng chí quân sự, chính trị, binh vận do các huyện ủy trực tiếp lãnh đạo .

Lực lượng du kích góp phần làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền, vận động, xây dựng cơ sở, diệt ác trừ gian, phá lỏng thế kềm kẹp của địch để giành dân, giành đất. Huyện H29 và một số huyện khác đã tận dụng bom đạn lép của địch thả xuống địa phương, sản xuất được 18 tấn vũ khí tự tạo .

Trong thời gian từ 1969-1972, tổ chức Đảng ở Kon Plông được củng cố, kiện toàn; đồng chí Trần Liêu được phân công làm Bí thư Huyện uỷ H29. Trong đợt thi đua học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh uỷ Kon Tum đã tổ chức đợt học tập và bình chọn đảng viên tốt, kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng. Trong đợt này, huyện H16 kết nạp được 14 đảng viên mới và bồi dưỡng được nhiều đoàn viên ưu tú . Dưới sự lãnh đạo của các Đảng bộ, đồng bào vùng căn cứ trong huyện vừa sản xuất cung cấp lương thực cho chiến trường vừa tổ chức xây dựng vùng căn cứ, củng cố và phát triển lực lượng ra những vùng địch tạm chiếm.

Phong trào bình dân học vụ cũng được các cấp ủy H16, H29 quan tâm chỉ đạo. Các trường bổ túc văn hóa huyện, tỉnh được củng cố, phục hồi, thu hút đông đảo cán bộ, chiến sĩ và một bộ phận nhân dân theo học. Ngày 20-3-1970, Ban Tuyên huấn tỉnh ra Quyết nghị số 03/TH thành lập Phân hiệu II Bổ túc văn hóa tỉnh. Chỉ định các đồng chí Huỳnh Triều, Hồng Vệ, A Toàn vào Ban lãnh đạo. Đồng chí Huỳnh Triều phụ trách chung. Nhà trường có nhiệm vụ bổ túc văn hóa cho cán bộ H16, H29, H5, các cơ sở công doanh và bồi dưỡng giáo viên bình dân học vụ, dân lập thuộc các huyện trên. Công tác chăm sóc sức khoẻ của cán bộ, quân và dân trên địa bàn huyện cũng được quan tâm lãnh đạo.

Từ năm 1969-1970, Vùng căn cứ không ngừng được xây dựng, phát triển mở rộng ra vùng tạm chiếm và có những chuyến biến tiến bộ. Qua phát động quần chúng, nội bộ được thanh khiết, khối đoàn kết dân tộc được củng cố. Chính quyền từ huyện đến cơ sở được hình thành, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ bươc đầu được củng cố. Phong trào nhân dân du kích được giữ vững, đập tan các cuộc càn quét của địch, bảo vệ được nhân dân. Phong trào sản xuất được phát triển, tổng sản lượng tăng lên. Phong trào văn hoá, văn nghệ, vệ sinh phòng bệnh có tiến bộ hơn…

**4. Phối hợp tiến công quân sự và binh vận, diệt ác phá kềm**

Bước sang năm 1971, địch tiếp tục triển khai kế hoạch "Bình định nông thôn", lấy việc đánh phá bằng quân sự là biện pháp chủ yếu. Địch đánh phá ác liệt vùng giải phóng, vùng căn cứ H16, H29, dồn dân lập ấp chiến lược.

Những tháng đầu năm 1971, địch mở 4 cuộc càn quét lớn, huy động 2 tiểu đoàn chủ lực, đánh vào vùng Bắc thị xã Kon Tum, Đông Bắc ĐăkTô-Tân Cảnh; tổ chức 24 cuộc càn quét với lực lượng từ một trung đội đến một đại đội, có biệt kích, thám báo dẫn đường, thọc sâu vào căn cứ của ta ở H16, H29. Chúng sử dụng trực thăng trinh sát, bắn phá nương rẫy của đồng bào; huy động máy bay B52, B57 dội bom xuống vùng căn cứ nơi chúng nghi có quân giải phóng đóng.

Tháng 02-1971, Tỉnh uỷ Kon Tum ra Nghị quyết xác định nhiệm vụ mới cho quân và dân toàn tỉnh là phải: "...ra sức và khẩn trương quyết tâm xây dựng thực lực bên trong, đưa bạo lực quần chúng nổi dậy bằng 3 mũi giáp công, diệt ác phá kềm, mở rộng nông thôn, đồng thời nhanh chóng xây dựng và mở rộng những bàn đạp ở vùng ven; ra sức mở cơ sở xây dựng thực lực nội ô, tạo điều kiện làm chủ lõm bên trong, phát triển mạnh ưu thế tấn công địch, giành thắng lợi to lớn hơn . Các huyện tổ chức lực lượng du kích phối hợp với bộ đội tỉnh và du kích các huyện khác liên tục bám trụ địa bàn, phối hợp đánh địch ở các vùng giáp ranh. Du kích các xã liên tục vây hãm đồn bốt, bắn tỉa từng tên, hỗ trợ cho đồng bào mở nhiều đợt diệt ác phá kềm tiến công và tiêu diệt các ổ phục kích của địch ở sát cơ sở và đánh càn thắng lợi.

Gắn nhiệm vụ đánh địch với giành dân, giành quyền làm chủ, các lực lượng vũ trang của huyện vừa chiến đấu tiêu diệt sinh lực địch, vừa cùng các đội công tác đột nhập các khu, ấp chiến lược, vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy. Khí thế cách mạng ở các nơi lên cao. Lực lượng du kích huyện, được sự hỗ trợ của quân chủ lực, thực hiện nhiệm vụ diệt ác phá kềm, tuyên truyền cách mạng tại chỗ, thực hiện quyết tâm của tỉnh, giành dân, giành đất, giành quyền làm chủ. Đến cuối năm 1971, tại H29 đã có 2 đội công tác vũ trang với tổng số 21 người, có 7 nữ, 10 đảng viên. Một đồng chí thường vụ Tỉnh uỷ, 4 đồng chí Huyện uỷ viên, 3 chi uỷ viên tham gia trong 2 đội công tác này.

Hầu hết các đội công tác đều bám chắc cơ sở, gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp với dân; tuyên truyền, vận động dân khi cùng đi rừng, đánh cá, đi rẫy. Nhiều ấp thuộc khu dồn dân trước ta chưa tiếp xúc được với dân hoặc tiếp xúc được rất ít, nay sự tuyên truyền, giáo dục quần chúng tham gia. ủng hộ cách mạng của ta đã thâm nhập trên diện rộng. Đội công tác làm nhiệm vụ tuyên truyền ở Măng Bút, nơi có phong trào phát triển đều đạt hiệu quả cao. Đội công tác có 6 người, tất cả đều là đảng viên , trong đó có một Huyện uỷ viên, một chi uỷ viên. Nhìn chung, chất lượng các đội công tác ở H16 và H29 khá cao, hoạt động có hiệu quả.

Tại các trọng điểm bình định của địch ở Măng Đen, Măng Bút, các đội công tác và an ninh vũ trang của ta sử dụng hình thức táo bạo, đột nhập vũ trang tuyên truyền, diệt ác, trừ gian, treo cờ, rải truyền đơn, dùng loa gọi hàng... Bằng những biện pháp đó đã tác động mạnh đến tinh thần ngụy quân, ngụy quyền và đồng bào trong vùng địch tạm kiểm soát.

Chiến dịch Xuân-Hè 1971, ta thắng lợi ở chiến trường phía Bắc tỉnh Kon Tum. Vùng giải phóng mở rộng đến Sa Thầy. Sông Pô Kô trở thành ranh giới giữa vùng ta và vùng địch. Tình hình chung chuyển biến có lợi cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Thu - Đông 1971, địch ở Kon Tum lâm vào thế phòng ngự bị động và bị chia cắt, căng mỏng trên chiến trường toàn tỉnh. Các hoạt động quân sự của địch: càn quét, dùng máy bay B52 đánh phá vùng giải phóng giảm rõ rệt. Bọn địch ở cứ điểm Măng Đen, Măng Bút năm trước liên tục càn quét, nay số trận càn quét của chúng giảm nhiều. Trong 6 tháng cuối năm 1971 địch chỉ mở 31 trận càn quét lớn, nhỏ, giảm 47 lần so với 6 tháng cuối năm 1970.

Quán triệt Chỉ thị 17, ngày 23-7-1971, của Tỉnh uỷ về việc mở chiến dịch diệt ác, phá kềm, huyện chủ trương đẩy mạnh hoạt động vũ trang tấn công địch, để giữ vững thế đứng chân của ta trên chiến trường, giữ vững thành quả của chiến dịch Xuân - Hè 1971. Đi đôi với các hoạt động quân sự, giành dân, nắm dân, nhiệm vụ xây dựng căn cứ hậu phương được các cấp bộ Đảng thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Tình hình mọi mặt trong căn cứ H16 và H29 nhờ đó ngày càng ổn định. Sản xuất ngày một phát triển hơn. Phong trào vỡ ruộng cấy lúa nước được đẩy mạnh. Ở H16 cán bộ, nhân dân vỡ mới và gieo cấy được 100 kg thóc. H29 gieo cấy được 340 kg thóc. Chăn nuôi gia súc, gia cầm có nhiều tiến bộ. Đến tháng 1-1971, H16 có 334 con heo nái; 121 con heo thịt, 55 con heo lấy giống; 582 heo con; 1181 gà thịt; 841 gà con. Trong 6 tháng đầu năm 1971, H29 có 558 con heo nái, 309 con heo thịt; gà có 2593 con; đàn trâu bò có 176 con, trong đó 50 con bò đã cày bừa được. Các nghề cơ khí thủ công rèn, đúc phát triển khắp các huyện H16 và H29. Riêng H29 đã có 5 làng có lò rèn. Các lò rèn ở H16 đã rèn được công cụ lớn phục vụ việc vỡ đất ruộng với số lượng ngày một nhiều. Trong năm 1971, ở H16 đã sản xuất được một số nông cụ lớn phục vụ sản xuất nông nghiệp: 809 chiếc rựa, 1.024 chiếc niếc, 490 niếc lớn; đã sửa chữa 924 chiếc rựa; 817 chiếc niếc; 455 cuốc; gò được 586 cái xoong . Nhân dân không bị đói mà bước đầu còn tạo được tích lũy để đóng góp phục vụ kháng chiến; thực hiện đạt mục tiêu bình quân mỗi làng đóng góp cho cách mạng một con heo và mỗi nhân khẩu đóng góp một con gà. Về giao thông vận tải, trong năm 1970, đã hoàn thành được đoạn đường thồ nối liền giữa H16 và H80.

**5. Tham gia tấn công nổi dậy, mở rộng vùng căn cứ giải phóng**

Trong ba tháng đầu năm 1971, địch mở 04 cuộc càn lớn cỡ cấp tiểu đoàn đánh ra các vùng phía bắc thị xã, đông bắc Đăk Tô - Tân Cảnh, phía tây đường 18 và Sa Thầy (H67). Đồng thời, tổ chức nhiều hoạt động với 21 lần sử dụng lực lượng biệt kích thọc sâu vào vùng căn cứ ta ở H16, H80, H29, H67. Chúng còn cho các loại tàu rọ, máy bay trinh sát đánh phá nương rẫy; huy động máy bay B52, B57 dội bom những nơi chúng nghi có cơ quan, hành lang, kho tàng chỗ trú quân của cách mạng. Hoạt động của địch đã gây cho ta một số khó khăn và tổn thất. Tuy nhiên, chúng vẫn không thể đánh phá, triệt hạ được cơ sở, không ngăn chặn được sức tấn công của ta.

Đến cuối năm 1971, nhìn chung “So sánh lực lượng và thế chiến lược trên các chiến trường đang thay đổi ngày càng có lợi cho ta” . Tuy nhiên, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn vẫn ngoan cố tìm mọi cách kéo dài chiến tranh, tăng cường lực lượng quân ngụy, củng cố các tuyến phòng ngự, mở những cuộc tiến công để ngăn chặn chủ lực ta, ra sức tiến hành bình định nông thôn, đánh phá phong trào thành thị.

Để ngăn chặn sự tấn công của ta từ bên ngoài vào và củng cố các phòng tuyến phòng thủ, địch tập trung một lực lượng khá lớn ở Kon Tum (tổng cộng 24 tiểu đoàn), bố trí 2 tuyến phòng ngự. Một từ phía Tây sông Pô Kô- Đăk Tô- Tân Cảnh và đường 18; một từ thị xã dọc theo đường 14 đến ĐakTô; bố trí 5 chi khu quản lý trong đó có chi khu Măng Bút, Măng Đen thuộc H16, H29. Ngoài quân chủ lực, địch còn có lực lượng địa phương quân bảo an, dân vệ.

Tháng 02-1971, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đã chỉ rõ nhiệm vụ năm 1971 của toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh là khẩn trương xây dựng thực lực bên trong, đưa bạo lực quần chúng nổi dậy bằng ba mũi giáp công, diệt ác, phá kèm, mở rộng nông thôn; phát triển mạnh ưu thế tấn công địch, quyết tâm giành thắng lợi to lớn hơn .

Từ ngày 02 đến ngày 06-4-1971, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đã chỉ đạo các đội công tác cơ sở bên trong phải mạnh bạo, liên tục phát động quần chúng, tổ chức quần chúng thành đội ngũ nổi dậy đấu tranh chống từng âm mưu, thủ đoạn cụ thể của địch theo phương hướng nổi dậy. Đội công tác phải sáp mạnh vào, nơi đã có cơ sở quần chúng thì lập cho được ủy ban khởi nghĩa, xây dựng tổ chức quần chúng ngay. Nơi nào đã phá lỏng kèm thì kiên quyết sáp vào xây nhanh cơ sở; bám dân, xây dựng tổ chức từ lỏng đến chặt, lãnh đạo quần chúng nổi dậy từng phần.

Được sự hỗ trợ mạnh mẽ của lực lượng quân chủ lực, các đội công tác và du kích liên tục trụ bám và diệt ác, phá kìm; đẩy mạnh các hoạt động bề rộng và bề sâu để tuyên truyền, giáo dục, phát động quần chúng, xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ. Hầu hết, các đội công tác đều bám vào cơ sở, qua đó gặp gỡ trực tiếp với dân ở các ấp. Các cơ sở nòng cốt thường xuyên được giáo dục, bồi dưỡng đường lối, phương hướng, phương châm của Đảng, nhờ đó chất lượng công tác được nâng lên. Ngoài phương pháp chính là đột nhập vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá kìm, mít tinh giáo dục quần chúng, các đội công tác còn tìm cách gặp dân ban ngày, khi đi rừng, đi rẫy, đánh cá… để tuyên truyền, giáo dục. Nhờ đó, diện tiếp xúc với người dân được mở rộng, tạo điều kiện cho các đội công tác thâm nhập nhanh vào nhiều ấp mới. Tại Măng Bút, phong trào có bước phát triển vượt bậc, các đội công tác và an ninh vũ trang của ta đột nhập vào các căn cứ chi khu Măng Đen, Măng Bút để tuyên truyền vận động. Tính đến giữa năm 1971, toàn tỉnh đã xây dựng được 57 cơ sở mới so với năm 1970, giành và làm chủ thêm một ấp với gần 100 dân, đưa lên diện tranh chấp 3.700 dân và phá lỏng kẹp có cơ sở 19.000 dân .

Ngày 23-7-1971, Tỉnh ủy Kon Tum ra Chỉ thị số 17/VPPH550 về việc mở chiến dịch diệt ác, phá kìm, đánh bại những thủ đoạn mới “tam giác chiến” của địch sát tận cơ sở thôn ấp; đồng thời, xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ, tạo thế mở rộng diện giành dân và giành quyền làm chủ cho nhân dân.

Bước vào đợt chiến dịch Thu - Đông năm 1971, địch lún dần vào thế phòng ngự bị động và bị chia cắt, bị căng mỏng trên chiến trường toàn tỉnh. Các cụm cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, Kleng, Đăk Tô trong thế bị ta bao vây, đã hạn chế những cuộc hành quân đánh phá vùng căn cứ của ta. Tuy nhiên, đối với hạ tầng cơ sở, địch vẫn còn kiểm soát tương đối chặt. Để bảo đảm an ninh trong vùng chúng kiểm soát, địch đã dùng chiến thuật “tam giác chiến” để đánh phá phong trào cách mạng của quần chúng; phát triển lực lượng cảnh sát, tổ chức bộ máy cảnh sát xuống xã, ấp, xúc tiến việc lập tiểu đoàn cảnh sát, lập trạm kiểm soát… Đi đôi với các hoạt động trên, địch còn đẩy mạnh hoạt động chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, đồng thời ra sức bắt lính, củng cố hệ thống công sự phòng thủ bên trong, tăng các bãi mìn, lưới kìm kẹp quần chúng.

Tuy địch ra sức đánh phá đội công tác, cơ sở bên trong và các bàn đạp hành lang của ta, nhưng phong trào quần chúng phía trước căn bản vẫn được giữ vững. Đi đôi với mở rộng nắm dân phía trước, nhiệm vụ xây dựng vùng căn cứ hậu phương luôn được Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo, tình hình vùng căn cua ta ngày càng được giữ vững ổn định. Ta mở nhiều đợt diệt ác, phá kìm, tiến công vào chiến thuật “tam giác chiến”, tiêu diệt các ổ phục kích của địch ở sát cơ sở của ta và đánh càn thắng lợi. Gắn với hoạt động tiêu diệt địch, lực lượng cách mạng trong lòng địch được củng cố và phát triển như xây dựng các đội công tác, các cơ sở và đầu mối, hình thành các ban cán sự quần chúng…

Từ ngày 26-10 đến ngày 01-11-1971, Đảng bộ Kon Tum tổ chức Đại hội lần thứ IV xác định nhiệm vụ trọng tâm là "kiên quyết phát triển thế tấn công địch mạnh mẽ, liên tục, rộng lớn đều khắp 3 vùng; tiêu diệt và làm tan rã phần lớn quân ngụy, phát động quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, đánh bại âm mưu bình định của địch, giành giữ dân, giành quyền làm chủ và giải phóng từng vùng rộng lớn, khẩn trương xây dựng, phát triển thực lực ta nhảy vọt, ra sức xây dựng vùng ta vững mạnh" . Toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân đã nỗ lực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy năm 1972. Tại H16 và H29, Huyện đội đã tăng cường bổ sung quân số lực lượng vũ trang, lực lượng du kích, các đội công tác, tổ chức học tập chính trị tư tưởng cho các lực lượng dân, quân, chính, đảng, quán triệt tình hình nhiệm vụ mới; đẩy mạnh cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên. Phong trào du kích chiến tranh được nâng lên một bước về trình độ để họ đủ sức chiến đấu tiêu diệt địch. Về trang bị vũ khí, đến đầu năm 1972, toàn Tỉnh được cấp 2.397 khẩu súng và 984 súng thu từ chiến lợi phẩm. Vùng giải phóng, các xã xung yếu của H29 được trang bị cả súng cối 60. Đi đôi với nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, huyện không ngừng củng cố điều chỉnh lực lượng cho phù hợp với thế chiến lược của toàn tỉnh. Qua từng đợt tuyển quân, quân số, chất lượng quân từng bước nâng lên. H29 đã có 141 chiến sĩ; H16 quân số không ngừng tăng lên.

Thực hiện Nghị quyết 20 của Trung ương Đảng (từ 27-01 đến ngày 11-02-1972), Quân uỷ Trung ương quyết định mở chiến dịch tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam. Tỉnh Kon Tum được Khu uỷ V xác định là một trong những hướng trọng điểm của Khu V và toàn miền. Tiêu diệt địch ở Kon Tum sẽ là khâu đột phá để phát triển về hướng Pleiku, tạo bàn đạp mở rộng vùng giải phóng ở đồng bằng, tạo thế cô lập, chia cắt địch trên chiến trường. Tỉnh uỷ Kon Tum đã động viên nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh phối hợp chặt chẽ với toàn chiến trường, quyết tâm giành thắng lợi to lớn. Từ ngày 20-02 đến ngày 26-3-1972, Bộ Tư lệnh B3 mở một đợt tiến công trước chiến dịch Xuân - Hè. Sau thắng lợi Xuân-Hè 1972, nhân dân trong Huyện đã cùng lực lượng giải phóng mở đường 220 từ Đăk Blô qua Nước Nang về phía Đông Bắc (H5) thị xã Kon Tum đi Mang Yang; nối liền quốc lộ 14 (Đăk Hà) quốc lộ 5B (Đăk Ruồng) đến quốc lộ 19 (Mang Yang). Địch phát hiện được ý đồ và hoạt động mở đường của ta, chúng tập trung lực lượng đánh phá ác liệt. Bằng mồ hôi, công sức và xương máu, đồng bào chiến sĩ ta đã hoàn thành con đường chiến lược lợi hại ở Đông Bắc thị xã Kon Tum.

Từ ngày 24 đến ngày 28-01-1972, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị mở rộng đã nhấn mạnh “tổng động viên sự nỗ lực cao nhất của Đảng bộ, quân, dân, tranh thủ thời cơ thuận lợi, tấn công và nổi dậy giải phóng toàn bộ nông thôn, giành thắng lợi cao nhất ở thị xã (khu vực X), khẩn trương xây dựng lên nhanh, mạnh, toàn diện”. Để thực hiện chủ trương trên, ngày 28-01-1972, Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum ra Quyết nghị thành lập Đảng ủy khu vực X (mật danh M2 quyết thắng) đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Tỉnh ủy do đồng chí Trần Liêu (Peo) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư H29 làm Bí thư Đảng ủy. Nhiệm vụ của Đảng uỷ là chuẩn bị chu đáo mọi mặt cho kế hoạch tấn công, nổi dậy và xây dựng cơ sở ở khu vực X; trực tiếp chỉ đạo Ban cán sự phía trước của huyện H16 và H29. Phấn đấu huy động lực lượng dân công các khu vực H80, H16, H29, H67 vận chuyển 281 tấn hàng các loại, vận động dân công hỏa tuyến, đào mới 42 km đường thồ, mở rộng bệnh xá B1 lên 300 giường bệnh với tổng số lượt người huy động là 2.414 lượt, tương đương với 114.376 ngày công phục vụ VK35.

Ngày 16-02-1972, Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết nghị số 28/QN về huy động lực lượng phục vụ VK35, theo đó huy động lực lượng trên 100 cán bộ thuộc các cơ quan tỉnh và của H16, H29, H67, H80 - mỗi đơn vị từ 15 đến 30 người. Trong số 100 cán bộ huy động, 2/3 là đảng viên, thanh niên, trung niên có phẩm chất tốt, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng, phân bổ hoạt động vùng phía trước các huyện thực hiện nhiệm vụ công tác binh địch vận.

Để tăng cường công tác lãnh đạo ở khu vực X (trong đó có H16, H29), ngày 07-3-1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp thống nhất Quyết nghị về thành lập Đảng ủy hoạt động khu vực X do Đồng chí Võ Tấn Lộc (Banh), nguyên Bí thư H67 làm Bí thư và đồng chí A Nhân, Phó Bí thư H29 làm Phó Bí thư cùng 06 đồng chí ủy viên khác.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ các mặt công tác, đúng 6 giờ, ngày 30-3-1972, Chiến dịch Xuân-Hè 1972 tại Kon Tum được mở màn. Kon Tum - Đăk Tô - Tân Cảnh được xác định là mũi trọng yếu, then chốt của chiến dịch với nhiệm vụ: "Tiêu diệt địch giải phóng vùng Đăk Tô - Tân Cảnh, có điều kiện thì giải phóng thị xã Kon Tum. Hướng phát triển có thể là hướng Pleiku...". Đến 11 giờ trưa ngày 24-4-1972, ta tiêu diệt hoàn toàn Căn cứ E42, giải phóng thị trấn Tân Cảnh. Sau chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh, ta tiến đánh các mục tiêu khác, phá vỡ khu vực phòng thủ ở tây bắc thị xã Kon Tum, ngã ba Trung Tín... Trận chiến đấu diễn ra quyết liệt suốt 13 ngày đêm. Xét thấy khả năng tiêu diệt toàn bộ quân địch, giải phóng thị xã chưa chín muồi, đêm ngày 05 rạng sáng 06-6-1972, Bộ Tư lệnh Mặt trận quyết định cho các đơn vị trong thị xã lui quân.

Với chiến dịch Xuân - Hè năm 1972, ta đã giải phóng phần lớn đất đai trong tỉnh như H80 và H67, không còn đồn bốt của địch; 17.000 đồng bào trong các khu vực trên được giải phóng khỏi ách kìm kẹp của địch. Chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh là điển hình về cách đánh nhanh, diệt gọn của lực lượng vũ trang cách mạng. Góp phần vào thắng lợi của toàn tỉnh, huyện căn cứ H29 đã có nhiều đóng góp to lớn. Lực lượng du kích các xã được điều ra chiến trường phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Thanh niên trong huyện hăng hái tòng quân. Đồng bào ở các xã trong hai huyện hăng hái tham gia phục vụ hậu cần chiến đấu. Huyện đã đóng góp 1316 tấn lương thực, thực phẩm phục vụ chiến trường. Bình quân mỗi người dân vùng căn cứ H29 đóng góp hơn 30 kg lương thực.

Sau chiến thắng Đăk Tô - Tân Cảnh nhân dân trong huyện được giao nhiệm vụ mở con đường chiến lược 150 khai thông từ Kon HRinh đi Nước Trứ - Ra Kờ Bang - Đăk BRồ - Măng Cành đi đến ngã ba Vi Chon, Xã Hiếu. Nối liền quốc lộ 14 đến quốc lộ 5B (quốc lộ 24) để vận chuyển lương thực thực phẩm, đạn dược và pháo phục vụ chiến dịch giải phóng Măng Bút, tiến tới giải phóng Măng Đen. Tại địa phận Xã Hiếu, anh hùng lực lượng vũ trang Thanh Minh Tám được H29 giao cho nhiệm vụ phụ trách giao thông địa phương. Phối hợp với lực lượng giải phóng mở đường 220 từ Đăk Blô qua Nước Nang về phía đông bắc (H5) thị xã KonTum đi Mang Yang; nối liền quốc lộ 14 (Đăk Hà) quốc lộ 5B (Đăk Ruồng) đến quốc lộ 19 (Mang Yang). Riêng H29, trong năm 1972 đã huy động gần 60.000 công mở đường ôtô, đường thồ, đường liên xã phục vụ cho việc đi lại của lực lượng giải phóng. Các tuyến đường vào các cứ điểm địch ở Măng Đen, Măng Búk bị ta chia cắt, cản trở sự điều quân tấn công của địch.

Địch phát hiện được ý đồ và hoạt động mở đường của ta, chúng tập trung lực lượng đánh phá ác liệt. Bằng mồ hôi, công sức và xương máu, đồng bào chiến sĩ ta đã hoàn thành con đường chiến lược lợi hại ở đông bắc thị xã Kon Tum.

Thực hiện Nghị quyết 08 của Đảng và chủ trương của Tỉnh uỷ, phát huy những thắng lợi đạt được trong thời gian qua, tháng 07-1972, Ban tham mưu 260 đã tổ chức Hội nghị du kích chiến tranh lần thứ 6 ra Nghị quyết số 07/DQ yêu cầu xây dựng lực lượng du kích xã thôn phải đảm bảo tỷ lệ 1/6 (06 người dân có 01 du kích). Theo đó, H16 có 3.227 dân, phải có 533 du kích, trong đó phải có 178 du kích xã (còn thiếu 6 du kích xã, 19 du kích thôn); H29 có 3.309 dân, phải có 550 du kích, trong đó phải có 138 du kích xã (còn thiếu 172 du kích). Đối vớ du kích thôn chỉ tổ chức từ 02 - 03 A; trong các xã xung yếu tổ chức mỗi A có 01 tổ bắn máy bay như xã Ngọc Dền, Nước Nên , mỗi thôn tổ chức từ 01-02 tổ bắn máy bay. Phấn đấu cứ 10 du kích thì phải có 01 đồng chí tòng quân, bổ sung lực lượng cho huyện; các huyện H16, H29 phải động viên tòng quân bổ sung cho huyện đủ quân số. Riêng H29 bổ sung cho H67 30 người, H16 bổ sung cho c31, C32 là 20 người. Riêng H29 phải động viên bổ sung cho huyện đủ 1C và cho tỉnh 150 người.

Trong khi tập trung xây dựng lực lượng, phục vụ chiến trường, mọi hoạt động khác trong vùng căn cứ, đặc biệt là sản xuất vẫn tiếp tục được đẩy mạnh và có sự tiến bộ vượt bậc, đó là một số nơi đã triển khai cấy hai vụ lúa để tăng sản lượng lương thực. H29 cấy hai vụ được 100 ang thóc giống. Xã Măng La (H29) đã có phong trào sử dụng trâu cày bừa ruộng. Sự cố gắng của Chính phủ và nhân dân vùng căn cứ bảo đảm, đẩy mạnh sản xuất đã không để nạn đói xảy ra mà còn đóng góp lương thực nuôi quân, phục vụ chiến trường. Công tác phòng bệnh, chữa bệnh vẫn được chú ý, phong trào học văn hóa, văn nghệ phát triển khá.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Kon Tum, công tác xây dựng Đảng ở huyện H29 đặc biệt được đẩy mạnh. Các đảng bộ vững mạnh về mọi mặt, lãnh đạo phong trào hai huyện phát triển toàn diện, góp phần đánh bại kế hoạch bình định, gom dân của địch trong tỉnh, góp phần vào những thắng lợi to lớn ở Kon Tum cũng như toàn miền Nam trong năm 1972, làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

**Chương VII**

**LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM,**

**XÂY DỰNG VÙNG CĂN CỨ GIẢI PHÓNG HUYỆN H29, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG THỊ XÃ VÀ TOÀN TỈNH KON TUM**

**(1973-1975)**

**1. Chống địch lấn chiếm, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ giải phóng**

Năm 1972, quân và dân ta đã mưu trí, anh dũng chiến đấu giành được thắng lợi trên toàn chiến trường ở cả 2 miền Nam-Bắc buộc đế quốc Mỹ phải chấp nhận ký kết Hiệp định Pari vào ngày 17-01-1973 chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Mỹ cam kết rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, không dính líu quân sự và can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam. Hiệp định Pari được ký kết là thắng lợi to lớn, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân ta.

Mặc dù, Bộ Chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn và quân viễn chinh Mỹ đã làm lễ rút khỏi miền Nam Việt Nam vào ngày 29-3-1973. Nhưng chúng vẫn âm mưu sử dụng nguỵ quân, nguỵ quyền để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, biến miền Nam thành một nước với chế độ “quốc gia” thân Mỹ. Thực hiện âm mưu và hành động đó, trước khi Hiệp định Pari có hiệu lực, trên chiến trường miền Nam đế quốc Mỹ đã gấp rút tăng cường viện trợ vũ khí và phương tiện chiến tranh, trợ giúp cố vấn và chuyên gia cho chính quyền Sài Gòn để kéo dài chiến tranh theo hướng có lợi cho Mỹ. Chính quyền Sài Gòn ra sức đôn quân, bắt lính, bổ sung lực lượng lính cộng hòa, đồng thời tăng cường lực lượng cảnh sát, thám báo, biệt kích, vừa tích cực bình định phòng ngự vùng chúng kiểm soát, đồng thời đẩy mạnh càn quét lấn chiếm ra vùng giải phóng của ta, tìm mọi cách để gom dân, xua dân chạy vào vùng chúng kiểm soát...

Âm mưu của địch sau Hiệp định Pari là triển khai cấp tốc kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” bằng cách tung nhiều lực lượng ra để lấn giành dân, chiếm lại các vùng giải phóng của ta. Đồng thời ra sức bình định, kìm kẹp nhân dân vùng chúng kiểm soát, bắt lính, đôn quân, xây dựng lực lượng tiếp tục chiến tranh.

Đúng như nhận định của Quân uỷ Trung ương trước khi ký Hiệp định: Chúng ta phải luôn luôn cảnh giác và sẵn sàng đối phó với khả năng xấu nhất là địch gây chiến tranh trở lại . Ngay khi Hiệp định Pari vừa được ký kết, Tổng thống chính quyền Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã từ chối thi hành Hiệp định Pari, công khai tuyên bố “không ngừng bắn”; tập trung toàn bộ lực lượng mở nhiều cuộc phản công ồ ạt lấn chiếm các vùng căn cứ mới giải phóng của ta trên khắp chiến trường miền Nam.

Ở Kon Tum, tình hình chiến trường giữa ta và địch có sự phân định rõ. Địch chỉ còn co cụm phòng ngự và cố thủ ở khu vực thị xã Kon Tum và các cứ điểm còn đóng sâu trong vùng giải phóng của ta như Đak Pék, Măng Đen, Măng Bút. Trong khi đó, vùng giải phóng của ta đã mở rộng và áp sát vào khu vực thị xã và các căn cứ của địch. Các lực lượng vũ trang ta đã bám trụ ở vùng ven và quanh các khu vực căn cứ địch, ngăn chặn các hoạt động phản công lấn chiếm của chúng.

Khác với các nơi trong tỉnh, trên địa bàn huyện H29, địch vẫn còn chiếm đóng một số nơi dọc đường số 5, các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút... Dân trong các ấp hầu hết đều bị địch kìm kẹp chặt. Lực lượng kìm giữ chủ yếu là địa phương quân và phòng vệ dân sự. Đối với 2 cụm cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, hệ thống binh lực địch còn khá mạnh, trong đó Măng Bút là địa bàn quận lỵ của địch được bố trí 1 tiểu đoàn quân chủ lực có 348 tên (D282), bao gồm cả một trung đội thám báo và 69 tên dân vệ do tên Tố làm quận trưởng kiêm tiểu đoàn trưởng, tên Vinh quận phó kiêm tiểu đoàn phó. Lực lượng địch bố trí ở cứ điểm Măng Đen tương đương khoảng 300 tên. Cả hai khu vực Măng Bút và Măng Đen địch vẫn còn kiểm soát khoảng 4.870 dân.

Trong 6 tháng đầu năm 1973, chúng dùng lực lượng từ trung đội, đại đội có máy bay pháo binh yểm trợ đánh phá vùng ta kiểm soát, chốt giữ ở đổi Cô Chát, Vi Rơ Ngheo (M1), các chốt Ngọc Đỏ, Ngọc Bzềnh phía Kô Chát, Kon Pết (M2) nhằm lấn đất, giành dân. Lấn đất được đoạn nào, địch cướp cờ ta, cắm cờ chúng, đẩy ta ra xa. Đồng thời, địch còn dùng lực lượng nhỏ luồn ra phía sau ta, thọc sâu vào vùng ven gài mìn, cắm cờ của chúng, rồi tập kích bất ngờ để chiếm đất. Tháng 5/1973, địch đã lấn chiếm đóng trái phép 2 chốt ở Tu Bành, Ngọc Ngo (Măng Bút).

Mặt khác, quân ngụy còn dùng lực lượng cảnh sát, thám báo, biệt kích, ngụy quyền kết hợp hoạt động giữa quân sự với chiến tranh tâm lý, tuyên truyền xuyên tạc Hiệp định Pari để kẹp dân, kẹp lính trong vùng. Chúng rêu rao, bôi nhọ, nói xấu phía ta rằng có hoà bình là do chúng thắng; miền Bắc không rút quân, Việt cộng còn ở Măng Bút thì không có tự do dân chủ, phải chuẩn bị đánh nhau... Các hoạt động gián điệp, biệt kích, thám báo của địch dấn bước đi vào chiều sâu dưới dạng cài cấy điệp ngầm, nằm im núp kín, không phô trương lộ liễu, giả dạng dân để thông qua tiếp xúc nắm tình hình, thừa lúc ta sơ hở thì tổ chức lực lượng đánh úp. Vùng căn cứ Giá Vụt của địch ở Quảng Ngãi giáp căn cứ H29 đã 2 lần lùng ra đánh úp ta ở ven xã Pờ Ê. Bọn địch ở Kô Chát, Kon Pết còn thọc ra vùng Kon PLinh (xã Hiếu) để thăm dò tình hình ta. Quanh các đồn Măng Bút, Măng Đen, dọc đường 5, địch thường xuyên dùng lực lượng từ 1, 2 tiểu đội đến 1 trung đội đi càn lùng để bảo vệ các cứ điểm, phát hiện đường ta ra vào gài mìn phục kích. Địch còn dùng trực thăng vũ trang quần sâu vào vùng giải phóng giáp ranh của ta như khu vực làng Nước Meo, ruộng Kô Chát... để đánh dấu nhằm giành đất.

Song song với các hoạt động quân, địch ra sức củng cố bộ máy ngụy quân, ngụy quyền từ quận đến xã, dưới xã có hệ thống ấp, liên gia; trong đó, Măng Bút là 01 trong 04 quận do địch quản lý. Địch thành lập tiểu đoàn 282 vào đầu năm 1973 biên chế thành 3 đại đội bảo an, 1 đại đội dân vệ chốt giữ ở Măng Bút. Bên cạnh hệ thống ngụy quyền, địch còn tổ chức các hệ thống hỗ trợ như: bình định phát triển nông thôn (gồm 35 đội và mỗi đội 30 tên), cục cảnh sát, cơ sở dân vận. Đồng thời, chúng phát triển mạnh các đảng phái phản động, các thành phần phản động trong tôn giáo, sắc tộc, FULRO, gây chiến tranh tâm lý và mạng lưới mật vụ sát từng liên gia. Sáp nhập Dân 4 xã trong khu vực quận lỵ chúng sáp nhập lại còn 3 xã Tăng Gô, Mang Bông, Ngọk Đỏ gồm 7 ấp (3.350 dân). Bên ngoài quận lỵ, địch đóng 8 chốt điểm kiểm soát. Tại Măng Đen, địch bố trí 3 đại đội bảo an (300 tên) đóng giữ 4 ấp với khoảng 2.300 dân.

Từ tháng 6 đến tháng 12-1973, địch ở Kon Tum có những thay đổi trong hoạt động. Chúng dùng thủ đoạn tạm hòa hoãn với ta, nhưng lại cho binh lính thọc sâu vào căn cứ ta ở H29 để quấy rối, như trường hợp chúng càn sâu vào vùng KonKơTàu (Nước Kua cũ). Đồng thời chúng thường luân phiên từng đại đội đi tiếp viện cho thị xã, triển khai củng cố lại hệ thống công sự, làm lại chốt Tu Bành đã bị ta diệt trong Xuân-Hè 1972, cố kẹp chặt dân ở vùng Kon Plông, Kô Chát... Quân ngụy tiếp tục sử dụng các chiêu bài cũ, vừa củng cố lực lượng, vừa đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh tâm lý để lừa mỵ quần chúng, nhằm củng cố tinh thần sa sút của bọn ngụy quân, ngụy quyền. Chúng tiến hành thường xuyên các hoạt động thám báo, biệt kích, gián điệp ra vùng ven nhằm móc nối cài cấy đầu mối điệp viên và lũng đoạn tư tưởng quần chúng vùng ta. Cùng với các âm mưu và hành động nống lấn và quấy rối vùng giải phóng, căn cứ ta, địch còn ra sức tiến hành các hoạt động kẹp chặt dân trong vùng chúng kiểm soát. Ở hướng đường 5, địch vừa lấn chiếm vừa thăm dò đưa dân về lại làng cũ đoạn từ thị xã đến Kon Praih làm lực lượng che chắn. Phía bắc Măng Bút địch cũng đưa dân ở Kô Chát, Đăk Kít, Đăk Kum về làng cũ với mục đích đó. Việc đưa dân về lại làng cũ mượn tiếng làm ăn của địch không phải để mọi người tự do mà nhằm thực hiện âm mưu lấn đất giành dân với ta. Hầu hết dân sống trong vùng địch bị kiểm soát rất chặt bởi sự rình rập theo dõi của bọn mật vụ, thám báo và sự canh phòng cẩn mật của bọn lính. Hoạt động chiến tranh tâm lý của địch trong vùng do chúng kiểm soát được tiến hành thường xuyên, nhằm lừa gạt quần chúng bằng những luận điệu phản động như xuyên tạc Hiệp định Pa-ri, nói xấu cách mạng, xuyên tạc đường lối hoà bình và chính sách hoà hợp dân tộc của ta, tuyên truyền thắng lợi giả tạo của chúng.

Nhìn chung, từ khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, địch ở Kon Plông không thực hiện Hiệp định hoà bình mà còn thực thi các âm mưu và hành động lấn chiếm ra vùng giải phóng của ta. Thực tế có những lúc, những nơi địch lấn chiếm được đất của ta. Tuy nhiên, về thế và lực của chúng cơ bản đang trên đà suy yếu. Các cứ điểm quận lỵ và vùng địch kiểm soát ở Kon Tum cũng như KonPlong trên thực tế là những cụm phòng ngự, cố thủ, trong thế bị ta bao vây, cô lập.

Về phía ta, từ sau thắng lợi to lớn trong Xuân-Hè 1972, toàn cán bộ, chiến sỹ và quần chúng nhân dân ở huyện H29 đều rất vui mừng, bừng bừng khí thế cách mạng. Tình thế cách mạng đã có những chuyển biến mới. Đảng bộ và quân dân ở huyện đều xác định quyết tâm cùng với quân, dân toàn tỉnh tập trung lực lượng tiêu diệt các cứ điểm quận lỵ địch trong thế bị cô lập ở tỉnh. Ngay từ cuối năm 1972, trước khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, tại các cụm cứ điểm địch, Tỉnh ủy đã có chủ trương bố trí cán bộ, lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang địa phương trụ bám tại địa bàn để lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động đấu tranh với địch. Tuy nhiên, khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, một bộ phận cán bộ, chiến sỹ còn có tư tưởng chủ quan thiếu cảnh giác nên để địch lấn chiếm ra một số vùng và chốt điểm.

Trong tình hình mới, Tỉnh uỷ Kon Tum đã chỉ đạo các huyện trong tỉnh giữ vững, phát triển thế bao vây, tấn công, chia cắt địch, tranh thủ lòng dân đẩy mạnh binh tề vận, ra sức xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ, khẩn trương nỗ lực xây dựng vùng căn cứ và vùng giải phóng lên mạnh, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu khiêu khích nống lấn phiêu lưu của địch .

Thực hiện chỉ đạo của Khu uỷ và Tỉnh uỷ, Huyện ủy H29 đều có các cuộc họp nhận định, phân tích tình hình địch, ta ở mỗi địa bàn và nhận thấy: thế và lực giữa địch và ta ở cả hai huyện đều có sự thay đổi lớn. Địch chỉ còn co cụm ở khu vực đường số 5 và các cụm cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, trong tình trạng cô lập, trên đà hoang mang nơm nớp lo sợ ta tấn công. Tuy địch còn đông quân, phương tiện chiến tranh còn nhiều, bọn chỉ huy ác ôn còn nhiều mưu mô xảo quyệt, nhưng tinh thần chung của lính nguỵ đều trong tình trạng sa sút, chán ngán chiến tranh. Giữa ta và địch hình thành 02 vùng, 02 chính quyền, 02 quân đội, nên địch dễ vi phạm hiệp định, khiêu khích chống phá ta. Do đó, ta cần phải nhận định được tình hình, âm mưu của địch, đề cao cảnh giác đấu tranh buộc địch thi hành hiệp định, giữ vững hoà bình. Từ đó, hai Đảng bộ đều xác định nhỉệm vụ hàng đầu là: Đấu tranh buộc địch thi hành hiệp định, giữ gìn hòa bình, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn kéo xúc dân, phản kích lấn chiếm của địch ở các cụm cứ điểm.

Đối với vùng địch, Huyện uỷ yêu cầu đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phát động quần chúng bằng các hình thức và nội dung thích hợp cho từng vùng, từng đối tượng nhằm làm cho mỗi người dân ở vùng địch nhận rõ kẻ thù chính và nguy hiểm hiện tại là Mỹ và ngụy, trực tiếp là ngụy. Tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo, đoàn kết đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định, bung dân, nắm dân về làng cũ làm ăn. Tranh thủ dân, nắm dân, xây dựng thực lực cách mạng tại chỗ, nhất là cơ sở hợp pháp. Đẩy mạnh đấu tranh giành quyền làm chủ từng bước ở cơ sở bằng chính quyền 2 mặt. Lãnh đạo bung dân vùng Măng Đen, Măng Bút về làng cũ làm ăn. Thông qua cơ sở tiếp xúc rộng rãi với ngụy quân, ngụy quyền. Đưa công tác tấn công chính trị và binh tề vận vào vùng địch để phá rã tư tưởng, tiến đến phá vỡ về tổ chức của địch, khoét sâu mâu thuẫn nội bộ địch, cô lập bọn tay sai ác ôn, tạo thuận lợi cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Các cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang và chính trị ở phía trước kiên quyết trụ bám, đấu tranh chống các hoạt động lấn chiếm của địch, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, giúp quần chúng hướng về căn cứ, về làng cũ làm ăn. Xây dựng thực lực vũ trang bí mật tại chỗ để làm hậu thuẫn trực tiếp cho phong trào đấu tranh bằng 3 mũi; liên tục đẩy mạnh công tác Mặt trận, tranh thủ từng cá nhân, từng nhóm, từng tổ chức công khai, từng phe nhóm đối lập với bọn trong chính quyền Thiệu để liên kết hành động đấu tranh đòi hoà bình.

Chấp hành chủ trương và sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các huyện uỷ, lực lượng phía trước của ta được kiện toàn về mặt tổ chức. Hướng Măng Đen, Ban chỉ đạo có 07 đồng chí gồm 01 Tỉnh uỷ viên, 02 đồng chí Thường vụ Huyện uỷ và 03 đồng chí Huyện uỷ viên. Lực lượng chính trị có 25 cán bộ đội công tác, 27 cán bộ xã, 04 đồng chí cán bộ huyện. Lực lượng vũ trang bao gồm 70 du kích xã và 65 cán bộ, chiến sĩ bộ đội của cả hai huyện H16 và H29. Tổng cộng có 198 cán bộ, chiến sỹ trực tiếp trụ bám hoạt động. Hướng Măng Bút, Ban chỉ đạo có đồng chí Trần Liêu (Peo) Thường vụ Tỉnh uỷ, 02 đồng chí Thường vụ Huyện uỷ, 04 đồng chí Huyện uỷ viên của hai huyện H16 và H29. Lực lượng chính trị có 32 cán bộ đội công tác, 34 cán bộ xã, 07 cán bộ huyện (cả H16 và H29). Lực lượng vũ trang có đại đội 7 bộ binh, 01 trung đội lực lượng H29, 01 trung đội lực lượng H16, 70 du kích của hai huyện H16 và H29. Tổng cộng các lực lượng có 245 đồng chí.

Ngay từ đầu mỗi cán bộ, chiến sĩ trụ bám phía trước đều được học tập và quán triệt kỹ nội dung cơ bản của Hiệp định Pari, nắm vững chủ trương và nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là những vấn đề trọng tâm của công tác binh địch vận, dân vận ở vùng địch, từ đó có sự phối hợp đồng bộ với nhau trong mọi hoạt động để giúp cấp ủy thực hiện tốt mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

Việc triển khai lực lượng chống địch lấn chiếm được triển khai thực hiện khá sớm ngay sau khi ký kết Hiệp định. Ở hướng đường số 5 giáp với thị xã, lực lượng vũ trang H16 cùng đại đội 14 và trinh sát Sư đoàn 10 đánh trả các cuộc lấn chiếm của địch. Đêm 18-02-1973, lực lượng ta tấn công trừng trị quân ngụy lấn chiếm ở điểm cao 800, tiêu diệt một đại đội bảo an, diệt 65 tên, bắt sống 05 tên, thu 71 súng. Ngày 19-02-1973, ta bao vây uy hiếp bức rút đồn Kon Rốc, bắn rơi 01 trực thăng. Sau đó liên tiếp đánh địch hành quân lấn chiếm, giành giữ dân dọc đường số 5, cắt đứt đường tiếp tế của địch đi Măng Đen, tập kích địch lấn chiếm ở chốt Kon Bành, diệt 90 tên, buộc địch phải co lại, bảo vệ cho ta mở đường 220 từ Bắc thị xã vòng phía Đông qua huyện H16 vào đường 19 .

Hướng Măng Bút và Măng Đen, ngay từ đầu các lực lượng ta đã triển khai trụ bám các chốt điểm cắm cờ, ngăn chặn không cho địch lấn chiếm. Tại đồi Kon Chát thuộc khu vực Măng Đen, một lực lượng của đại đội 109 (Huyện đội H29) với 14 tay súng đã chiến đấu dũng cảm đánh thiệt hại nặng một đại đội địch và đánh bật nhiều đợt xung phong của địch, giữ vững chốt và cờ. Vùng Măng Bút, ta và địch giành giật nhau quyết liệt ở khu vực Cô Chát, Kon Kleng, Tu Bành... Địch dựa vào thế quân đông, vũ khí hiện đại, cố chiếm dần ra. Ta kiên quyết đánh trả để giữ vững vùng bàn đạp giáp ranh. Du kích và đội công tác của xã Đăk Rơ Manh đánh thiệt hại nặng một trung đội địch ở Măng Bút lấn chiếm, giữ được chốt, thu vũ khí. Tháng 6-1973, bọn địch ở căn cứ Giá Vụt lùng sục, nống ra vùng ruộng Hà Gồ thuộc xã Kon Pne, liền bị lực lượng du kích xã (8 đồng chí) phát hiện tấn công, tiêu diệt tại chỗ 5 tên địch, thu 4 súng và một số quân trang quân dụng. Sự chặn đánh có hiệu quả của các lực lượng vũ trang ta đã gây cho địch nhiều thiệt hại, buộc chúng phải co lại, thất bại trong âm mưu lấn chiếm ra vùng ta.

Tính chung trong năm 1973, các lực lượng ta đã đánh địch 23 trận, 52 lần bắn tỉa, pháo kích diệt 64 tên, làm bị thương 25 tên, thu 5 súng, 4 lựu đạn và một số đồ dùng quân sự. Đồng thời, đẩy mạnh tấn công chính trị, binh địch vận. Lực lượng chính trị, các đội công tác, cán bộ các xã, ngành thường xuyên trụ bám địa bàn, nhất là vùng bàn đạp Kon Kleng, Cô Chát, xây dựng cơ sở, phát động quần chúng đấu tranh nới lỏng thế kìm của địch.

Về chính trị,, ta tập trung tuyên truyền, giải thích cho binh lính và nhân dân thấy rõ ý nghĩa của hiệp định hòa bình, hòa hợp dân tộc. Tố cáo và vạch trần âm mưu, hành động sai trái của địch. Bảo đảm quyền tự do, chăm lo đời sống của nhân dân, vững tin vào cách mạng. Bước đầu đã có 463 người dân ở Kon Kleng và 70 dân ở Cô Chát được ta tuyên truyền vận động. Sau đó ta mở rộng diện gặp dân, tiến sâu vào các ấp xã trong vùng địch ở Măng Bút. Quần chúng nhân dân được ta tuyên truyền vận động đã biết dựa vào pháp lý của Hiệp định để đấu tranh với địch, đòi các quyền tự do dân chủ, chống địch bắt vào ấp, đòi được bung về làng cũ làm ăn. Nhiều người dân trong vùng địch mượn cớ đi bắt cá, săn thú để ra vùng giáp ranh gặp cán bộ ta nghe tuyên truyền vận động. Những tháng đầu năm 1973 có trên 200 dân ở các ấp Đăk Kum, Kon Keng, Kô Chát, Tu Nông, Vi Nơ Ngheo, Kon KNăng thâm nhập chủ trương, chính sách của cách mạng. Có một số dân bỏ hẳn vùng địch về sống ở vùng căn cứ ta.

Các lực lượng của ta đã tranh thủ thời gian ngừng bắn tìm thời cơ và điều kiện thích hợp để trao đổi tiếp xúc với binh lính ngụy. Đồng thời, thông qua gia đình vợ con binh lính sĩ quan và quần chúng để tuyên truyền vận động họ. Ngoài ra lực lượng đội công tác của ta còn thọc sâu vào các ấp, chốt điểm rải truyền đơn, thư tay và dùng cả loa để tuyên truyền nội dung Hiệp định Pa-ri. Nội dung, tinh thần Hiệp định ngày càng thâm nhập vào hàng ngũ binh lính, sỹ quan, nhân viên ngụy quyền của địch. Những tháng đầu năm 1973 có 43 gia đình binh lính trong 5 ấp vùng Măng Bút được ta vận động giáo dục, hàng trăm binh lính, sĩ quan ngụy, dân vệ, phó tổng, xã phó, ấp trưởng, ấp phó, an ninh, thông tin ... được ta tuyên truyền. Nhiều sĩ quan, binh lính và nhân viên ngụy quyền địch đã nhận rõ âm mưu và hành động của bọn hiếu chiến thân Thiệu. Từ đó họ tỏ ra chán ngán chiến tranh, mong muốn hòa bình, hòa hợp dân tộc. Có số binh lính còn theo dân ra ruộng gặp lực lượng ta để trao đổi thông tin tình hình. Ta đã mở rộng diện tiếp xúc, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động binh lính địch, nắm được toàn bộ ngụy quyền ở xã Tăng Gô, tranh thủ được Quận phó A Liên ở Măng Bút, trung lập được nhiều chốt, cứ điểm địch; làm cho tình hình giáp ranh bớt căng thẳng, tình hình chung có phần êm dịu hơn. Tính trong 6 tháng đầu năm 1973, tại vùng địch ở H29 qua công tác binh địch vận của ta đã có 50 lính ở Kon KLeng, 10 lính ở Kô Chát, 04 lính Măng Đen chủ động gặp ta và nộp cho ta một số súng đạn. Nhiều lính dân vệ, bảo an ở các ấp bỏ ngũ về nhà làm ăn. Tinh thần binh lính địch ngày càng sa sút.

Giữa năm 1973, Mỹ - Thiệu tăng cường càn quét lấn chiếm trên khắp miền Nam để thực hiện chương trình "bình định nước rút" hòng xóa bỏ thế "da báo", cải thiện thế phòng thủ của chúng trên toàn chiến trường. Trên các vùng địa bàn xung yếu, địch tăng thêm lực lượng mở các cuộc hành quân nống lấn, chiếm lại các chốt điểm.

Trong tình hình đó, ngày 19-6-1973, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 đã họp và có sự phân tích tình hình, chỉ rõ: "con đường lớn của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực, bất cứ trong tình huống nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tấn công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng tiến lên".

Trong 6 tháng cuối năm 1973, Trung ương Đảng xác định: “Vấn đề giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới” . Từ đó, Hội nghị Khu uỷ V trong tháng 7-1973 đã thông qua Nghị quyết "Ra sức đánh bại kế hoạch lấn chiếm bình định, giành giữ dân, mở rộng quyền làm chủ, phát triển thực lực ta".

Theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy, Tỉnh uỷ Kon Tum đã chỉ đạo các Đảng bộ huyện trong tỉnh tiến hành Đại hội để tổng kết tình hình thực tiễn của địa phương, nghiên cứu dự thảo báo cáo chính trị Đại hội V của Đảng bộ tỉnh; đề ra phương hướng nhiệm vụ ở các địa phương một cách sát hợp với tình hình, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tấn công, chống, đánh địch lấn chiếm.

Từ ngày 04 đến ngày 09-9-1973, đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ H29 lần thứ V tại thôn Măng Kơ Rí, xã Nước Lò (nay xã Ngọk Tem). Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá tình hình các mặt hoạt động của Huyện uỷ H29 nhiệm kỳ IV. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá tình hình, phân tích âm mưu địch, thắng lợi của ta, nhất là từ sau Xuân-Hè 1972 và khi có Hiệp định Pa-ri. Đồng thời, chỉ ra những thiếu sót của Đảng bộ và quân dân toàn huyện trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong tình hình mới. Đó là sự nhận thức và tư tưởng của Đảng bộ, nhất là các cấp uỷ huyện, xã, các ngành trong huyện chuyển theo không kịp với tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức và đào tạo cán bộ không theo kịp yêu cầu. Thực lực cách mạng trong vùng địch còn ít và yếu. Nhiều nơi chưa gặp dân. Phía sau địch, công tác phát động quần chúng xây dựng các tổ chức quần chúng thiếu chặt chẽ, còn nhiều lúng túng, nhiều nơi chưa chú trọng gặp dân, các phong trào chuyển lên còn chậm, không đều... Tuy nhiên về cơ bản thắng lợi mà ta đạt được là quan trọng, giữ vững thế tấn công buộc địch phải hướng về thế phòng thủ.

Qua 6 ngày làm việc, Đại hội đã ra Nghị quyết, đề ra nhiệm vụ chung cho toàn Đảng bộ và quân dân trong huyện là: "Tăng cường đoàn kết nhất trí, ra sức phát huy thắng lợi đã giành được, đề cao cảnh giác liên tục tấn công và xây dựng, đưa phong trào ở Măng Bút, Măng Đen chuyển lên bước mới,đấu tranh thực hiện Hiệp định, củng cố hòa bình, ra sức vận động quần chúng, binh lính, nhân viên ngụy quyền, dấy lên thành một cao trào đấu tranh chính trị, binh vận ở vùng địch,giành dân làm chủ theo phương hướng tiến lên. Nỗ lực xây dựng vùng căn cứ và vùng mở ra toàn diện, vững chắc, qui mô theo phương hướng tiến lên văn minh tiến bộ, phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, làm ruộng, mở giao thông thông suốt, định canh định cư ổn định đời sống quần chúng, xây dựng phát triển về thực lực chính trị, quân sự, kinh tế văn hóa vững mạnh, bảo đảm làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng giành thắng lợi, đấu tranh buộc địch thi hành Hiệp định, củng cố hoà bình, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu địch, giành thắng lợi to lớn hơn nữa, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn" .

Về nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đại hội xác định: "Ra sức xây dựng Đảng bộ thật vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, gắn chặt với nhiệm vụ chính trị, gắn chặt trong quần chúng để hoàn thành thắng lợi Nghị quyết của Đại hội huyện Đảng bộ" . Tại Đại hội, các đại biểu đã bầu 19 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, trong đó có 02 đồng chí Uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành khoá mới đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Dũng làm Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí A Klai, Nguyễn Trung Hà làm Phó Bí thư Huyện uỷ và 02 uỷ viên Thường vụ là: A Nía và Trần Thới Kiên . Sau đó, Tỉnh uỷ duyệt và bố trí đồng chí A Klai làm Bí thư, kiêm Chủ tịch huyện.

Sự thành công của Đại hội đại biểu huyện H29 đã tiếp tục kiện toàn và chuyển phong trào cách mạng của địa phương lên bước phát triển mới. Nghị quyết của Đại hội được phát động học tập rộng rãi trong toàn Đảng bộ và quân dân, làm cho mọi người càng thấy rõ hơn thắng lợi quan trọng của cách mạng, thấy được bản chất và âm mưu của địch, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cần đẩy mạnh tấn công địch, ra sức xây dựng phát triển vùng căn cứ, giải phóng, phục vụ tấn công địch giành thắng lợi.

Sau Đại hội, các lực lượng vũ trang, chính trị trong các huyện vẫn tích cực tăng cường trụ bám, đánh bại các cuộc càn nhỏ và thọc sâu của địch. Lực lượng các đội công tác và đấu tranh chính trị, tiếp tục đẩy mạnh mũi tấn công binh địch vận, đã xây dựng được thực lực cách mạng trong vùng địch, nâng cao chất lượng cơ sở, đã phát động được một số cuộc đấu tranh trực diện của quần chúng chống bọn ngụy quyền ở cơ sở xã, ấp. Ở Măng Bút ta đã thông qua con đường quần chúng để tuyên truyền vào hàng ngũ binh lính địch. Kết quả có thêm một số lính bảo an bỏ súng về làm ăn với dân. Ở Măng Đen dân bị địch kẹp chặt hơn. Ta dùng phương thức đưa các đội vũ trang công tác thọc sâu vào ấp, đồn địch rải truyền đơn, thư tay và gọi loa để tuyên truyền đường lối chính sách cách mạng. Dân trong một số ấp chủ động gặp ta. Binh lính địch cũng có xu hướng ngả dần theo cách mạng.

Cuối năm 1973 ở hướng đường 5, địch ở thị xã Kon Tum kết hợp với bọn tại chỗ thực hiện lấn chiếm ra các vùng đồi Dù, cao điểm 1000, đánh chiếm đồn Kon Rốc. Bọn biệt kích còn thọc ra vùng đồn cũ Kon Măng Bành, chặn đường 220 và đánh phá sự vận chuyển của ta trên tuyến đường này. Đầu năm 1974, địch đưa một đại đội bảo an ra chiếm đồn CuBrêmông, tiếp tục đổ quân xuống đồn KonRốc đánh phá đường 220. Hoạt động trên của địch nhằm mở rộng vùng kiểm soát đường số 5, đánh phá việc mở đường và vận chuyển của ta trên tuyến đường 220, giữ thế cầu nối để viện trợ cho đồng bọn ở các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút. Những cuộc hành quân lấn chiếm của địch tại các khu vực đều bị quân dân trong tỉnh cùng với Sư đoàn 10 đập tan, đẩy địch dồn về thị xã. Lực lượng trong tỉnh kết hợp đánh địch phản kích, lấn chiếm với truy lùng biệt kích thám báo, đã tiêu diệt 752 tên, làm bị thương 126 tên, bắn bị thương 2 máy bay, thu 25 máy PRC25, 92 khẩu súng các loại.

Năm 1974, địch ra sức củng cố hệ thống phòng ngự kiên cố tại các trung tâm, các cứ điểm ở thị xã, Đăk Pék, Măng Đen, Măng Bút... Tại Măng Bút địch tổ chức thành một quận do thiếu tá Trần Lới làm quận trưởng. Đây là căn cứ của Tiểu đoàn bảo an 281. Tại Măng Đen, địch tổ chức thành quận Chương Nghĩa. Các hoạt động chủ yếu của địch là bình định, lấn chiếm, oanh tạc, tung biệt kích đánh phá vùng ta nhưng so với thời kỳ trước đó thì hoạt động của địch có yếu hơn; lực lượng địch phần lớn chỉ lo co cụm phòng ngự khu vực thị xã và các cứ điểm lẻ đang bị cô lập, hoạt động chỉ mang tính chất cầm chừng.

Ngày 24-4-1974, các lực lượng ta liên tục chặn đánh làm tiêu hao lực lượng địch ở vùng đồi Dù và khu vực Kon Rốc, hai lần bức rút bọn địch ở Cubrêmông. Các hoạt động lấn chiếm của địch, giữ vững các vùng chốt điểm và ranh giới quy định, cản phá sự vận chuyển tiếp tế của địch từ thị xã Kon Tum cho các cứ điểm Mặng Đen, Măng Bút, tiếp tục bảo vệ vững chắc sự vận chuyển trên tuyến đường 220.

Các lực lượng ta liên tục chặn đánh làm tiêu hao lực lượng địch ở vùng đồi Dù và khu vực KonRốc, hai lần bức rút bọn địch ở Cubrêmông. Ngày 19-01-1974, tấn công tiêu diệt Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 40 ngụy tại khu vực Kon Praih. Đến ngày 19-02-1974, ta đánh và tiêu hao 1 đại đội của địch. Sau đó, ta đánh bại tiếp cuộc tái chiếm của hai đại đội bảo an, buộc chúng phải rút chạy, bảo vệ được con đường chiến lược 220 mới mở thông với Gia Lai vào cuối năm 1973. Tiếp tục đến ngày 24-4-1974, lực lượng bộ đội địa phương, du kích của tỉnh phối hợp cùng với quân chủ lực đánh bức rút điểm Kon Rốc, diệt gọn Tiểu đoàn bảo an số 270, đẩy địch lùi về tuyến phòng ngự . Các trận đánh diễn ra liên tục, làm thất bại các hoạt động lấn chiếm của địch, giữ vững các vùng chốt điểm và ranh giới quy định, cản phá sự vận chuyển tiếp tế của địch từ thị xã Kon Tum cho các cứ điểm Mặng Đen, Măng Bút, tiếp tục bảo vệ vững chắc sự vận chuyển trên tuyến đường 220.

Để phối hợp với trận đánh tấn công tiêu diệt căn cứ Đăk Pék, lực lượng vũ trang công tác địa phương các huyện, xã đã phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, giải phóng toàn bộ nhân dân trong vùng. Tại các ấp Đăk Tem , đội công tác bám trụ khu vực đã đột nhập vào trong ấp kêu gọi quần chúng nổi dậy diệt ác ôn giành quyền làm chủ. Chiến thắng Đăk Pék đã khích lệ mạnh mẽ khí thế tiến công diệt địch của ta, các cứ điểm quân sự nhỏ lẻ của địch từng bước bị ta tấn công tiêu diệt làm cho địch hoang mang, dao động mạnh, nhất là hai cứ điểm lẻ còn lại ở Măng Đen, Măng Bút.

Được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Kon Tum và Sư đoàn 10, lực lượng vũ trang công tác ở huyện đã phối hợp với quần chúng tiếp tục mở nhiều cuộc tấn công hai cứ điểm Măng Đen và Măng Bút. Từ ngày 11-6-1974, các lực lượng của ta áp sát khu vực quận lỵ Măng Bút, diệt địch lùng sục, bắn máy bay, pháo kích, diệt các chốt lẻ bên ngoài, gọi loa và tung truyền đơn vào bên trong, tạo thế bao vây uy hiếp địch.

Thắng lợi của ta ở hướng đường số 5 đầu năm 1974 buộc địch phải co lại. Bọn địch ở thị xã Kon Tum đi dần vào thế phòng ngự. Các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút tiếp tục bị ta bao vây cô lập. Bọn địch trong thế co cụm, không còn các hoạt động công khai lấn chiếm như trước. Tinh thần bọn ngụy quân, ngụy quyền trong tỉnh Kon Tum ngày càng sa sút. Tinh thần quần chúng nổi dậy đấu tranh chống kềm kẹp của địch ngày một mạnh. Đó là điều kiện thuận lợi cho ta tấn công tiêu diệt hai cứ điểm mạnh, quan trọng của địch khi thời cơ đến.

**2. Tăng cường xây dựng, phát triển vùng căn cứ, giải phóng**

Đi cùng với nhiệm vụ chống địch lấn chiếm, nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng căn cứ giải phóng luôn được các Đảng bộ chú trọng quan tâm. Trong bối cảnh chung toàn tỉnh, sau chiến dịch Xuân - Hè 1972 vùng căn cứ giải phóng của H29 cũng được mở rộng hơn bao giờ hết các cứ điểm của địch đều trong tình trạng bị bao vây cô lập. Trước những thuận lợi đó, Tỉnh uỷ Kon Tum chỉ đạo các địa phương trong tỉnh, nhất là các huyện vùng căn cứ H16, H29, H80 cần khẩn trương xây dựng vùng căn cứ và vùng giải phóng hoàn chỉnh theo các yêu cầu và mục tiêu cần đạt: "Chính trị vững chắc, quân sự mạnh mẽ, kinh tế giao thông vận tải phát triển, văn hoá xã hội tiến bộ".

Quán triệt chủ trương của tỉnh, ngay từ đầu năm 1973, Đảng bộ các huyện H16 và H29 đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc kiện toàn, xây dựng và phát triển các vùng căn cứ. Nghị quyết Đại hội cán bộ huyện H29 đầu năm 1973 đã ra nêu rõ nhiệm vụ: Khẩn trương xây dựng căn cứ tiến lên hoàn chỉnh, vững mạnh về mọi mặt, cơ bản đạt được các mục tiêu của tỉnh đã đề ra: Chính trị vững chắc, quân sự mạnh mẽ, kinh tế giao thông vận tải phát triển, văn hoá xã hội, y tế tiến bộ. Trọng tâm là chiến đấu tấn công địch và sản xuất, gắn chặt với mở rộng giao thông, vận tải, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, cán bộ chiến sỹ và phục vụ liên tục tấn công địch quyết liệt ở Măng Bút, Măng Đen, giành thắng lợi trong mọi tình huống.

Bắt tay vào xây dựng và phát triển vùng căn cứ giải phóng trong tình hình mới, một yêu cầu cấp bách đặt ra đối với cấp uỷ huyện H29 là phải giải quyết kịp thời vấn đề thiếu đói ở vùng căn cứ, giải phóng. Nguyên nhân là do địch thường xuyên phá hoại và ta đã dốc sức phục vụ chiến dịch Xuân Hè 1972. Trước tình hình đó, cấp ủy H29 đã có sự chỉ đạo phân phối hợp lý nguồn lương thực do nhân dân miền Bắc chi viện và được tỉnh phân bố về, dành ưu tiên cho những vùng thiếu đói nặng. Tuy số lượng không nhiều, nhưng các mặt hàng thiết yếu như gạo, muối, vải... đều đến được với đồng bào thiếu đói, giải quyết được cơ bản vấn đề thiếu cơm lạt muối ở vùng căn cứ giải phóng. Người dân được cứu đói, cứu lạt rất phấn khởi, càng tỏ lòng tin tưởng, biết ơn Đảng và cách mạng sâu sắc.

Song song với việc cứu đói, cứu lạt, các cấp uỷ Đảng ở H29 đã tập trung chỉ đạo xây dựng mọi mặt vùng căn cứ. Mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân đều được phổ biến học tập Nghị quyết của Tỉnh uỷ và cấp uỷ về xây dựng vùng căn cứ. Từ đó dấy lên trong toàn Đảng bộ và quân dân tinh thần đoàn kết, cùng phát huy tinh thần tự lực tự cường, tương trợ giúp đỡ nhau, vượt qua khó khăn để xây dựng và phát triển mọi mặt vùng căn cứ. Vấn đề hàng đầu được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo là khâu phát triển sản xuất. Khắp vùng căn cứ giải phóng của huyện H29 đều dấy lên phong trào toàn Đảng bộ và quân dân xuống nà, ra ruộng đào kênh mương, làm thủy lợi để đẩy mạnh sản xuất.

Tháng 5-1973, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên tổ chức một cuộc họp bàn thống nhất với 03 tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk, thống nhất phương hướng cơ bản trong thời gian này là cần phải: “Nhanh chóng xây dựng căn cứ và vùng giải phóng, xây dựng hậu phương quân đội, đặc biệt là xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và tiềm lực quân sự tại chỗ để đánh thắng địch trong bất cứ tình huống nào” . Đi đôi với việc cứu đói, lạt, rách, Tỉnh ủy Kon Tum lãnh đạo các cơ quan ban ngành trong tỉnh, phát huy sức mạnh đoàn kết, dựa vào tiềm năng của vùng căn cứ, vùng giải phóng, đẩy mạnh các mặt hoạt động nhằm phát triển vùng căn cứ, vùng giải phóng ngày càng ổn định.

Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp uỷ, các ban, ngành trong huyện đã kịp thời cung cấp giống tốt và công cụ cho nhân dân để phục vụ sản xuất. Nét mới trong sản xuất của thời kỳ này là nhân dân chuyển dần canh tác từ vùng cao xuống vùng thấp, chọn vùng nà, ruộng bằng phẳng, chọn nơi đất tốt, nống dần ra phía trước để phát triển sản xuất; trước đây chuyên làm rẫy nay cũng đã chuyển xuống làm ruộng nước. Một số nơi đã cấy 2 vụ trên một diện tích, đã biết áp dụng kỹ thuật chọn giống có năng suất cao. Vụ Xuân 1973, H29 cấy được 150 ang giống, có nơi như Nước Bao, Nước Rầm, Nước Kua đạt năng suất từ 60 - 100 ang/1 ang lúa giống. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh, giữa năm 1973, ở H29 nhờ ưu thế có nhiều vùng ruộng nước, các cấp uỷ cơ sở đã lãnh đạo quần chúng đào vét kênh mương, làm thêm một số đập nhỏ, tập cho trâu bò làm ruộng để phát triển sản xuất. Ngoài lúa, nhân dân còn tích cực trồng tỉa các loại hoa màu, như mì, bắp... Tuy thời tiết đầu năm 1973 có nắng hạn nhưng việc trồng tỉa, chăm bón đều làm kịp thời vụ, thời tiết giữa năm 1973 về sau có phần thuận lợi, hoa màu phát triển xanh tốt, nên vụ mùa tiếp theo thu hoạch có khá hơn.

Trong sản xuất, các cấp ủy luôn có sự lãnh đạo, định hướng đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể dưới hình thức phong trào hợp tác tương trợ lao động. Nét nổi bật ở H29 là đưa được đại bộ phận quần chúng xã Pờ Ê vào hợp tác sản xuất làm ăn, tạo điển hình, thu hút và nhân rộng đối với nhiều nơi khác. Chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng rất được quần chúng quan tâm, có sự hướng dẫn của cán bộ cơ sở. Trong nửa đầu năm 1973, huyện H29 nuôi được 479 heo các loại, 1184 gà, 116 trâu. Những nỗ lực, tích cực trong sản xuất, bước đầu đã giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đói trong dân, đảm bảo cho đời sống nhân dân từng bước đi vào ổn định, tạo thế phát triển vững chắc cho thời kỳ sau.

Cùng với sản xuất, các cấp ủy cũng rất chú trọng lãnh đạo nhân dân làm đường giao thông. Huyện H29 đã cử anh hùng lực lượng vũ trang Thanh Minh Tám phụ trách công tác giao thông xã. Cùng với các địa phương trong tỉnh, nhân dân ở H29 phối hợp với các lực lượng bộ đội tích cực tham gia làm đường giao thông, xây dựng hệ thống đường giao thông liên huyện, liên tỉnh, liên xã. Năm 1972, huyện H29 đã huy động gần 60.000 công mở đường ôtô, đường thồ, đường liên xã phục vụ cho việc đi lại của lực lượng giải phóng. Các tuyến đường vào cứ điểm địch ở Măng Đen, Măng Búk bị ta chia cắt, cản trở sự điều quân tấn công của địch. Năm 1973, làm mới 27,5 kilômét đường ôtô từ Kon Tum đi Quảng Ngãi, sửa chữa 18 kilômét đường thồ từ Xà Lò đến Nước Tem. Đặc biệt là quân và dân H29 phối hợp với bộ đội công binh tích cực mở đường 220 đi qua địa bàn huyện, đã nối với đường 19 (Gia Lai). Đây là con đường chiến lược quan trọng tạo thế vây ép địch ở Kon Tum, góp phần làm nên chiến thắng đầu Xuân 1975. Việc mở thêm các tuyến đường giao thông đã tạo sự liên lạc thông suốt giữa các vùng địa phương trong huyện, giữa các huyện với nhau và các vùng khác trong tỉnh, đảm bảo cho công tác vận tải hàng hoá phục vụ chiến trường, đồng thời tạo thuận lợi cho việc buôn bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân giữa các vùng địa phương với nhau.

Hoạt động của các ngành tài chính, lương thực, thương nghiệp mậu dịch có sự tổ chức chỉ đạo của các cấp uỷ cơ sở luôn diễn ra thường xuyên ở vùng căn cứ giải phóng, nhằm cố gắng đảm bảo về cơ bản các nhu cầu thiết yếu phục vụ cho cách mạng và cải thiện đời sống quần chúng. huyện H29 đã tiếp nhận hàng hoá cứu trợ từ tỉnh và tổ chức tốt việc cấp phát, phân phối cho nhân dân. Trong đó, H29 đã ưu tiên giúp đỡ lương thực và hàng hoá cho đồng bào vùng giải phóng, giáp ranh với vùng địch ở Măng Bút.

Công tác giáo dục y tế có bước phát triển khá hơn so với các thời kỳ trước. Bước tiến bộ của công tác y tế là từng bước ngăn chặn và đầy lùi được nạn dịch bệnh phát sinh sau chiến dịch Xuân-Hè 1972. Nhiều trường hợp đau ốm mới phát sinh được cứu chữa kịp thời, nhất là nạn dịch cúm đầu năm 1973. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được quan tâm chú ý và nâng lên hàng đầu. Hầu hết các làng đều được tổ chức quét dọn sạch sẽ, làm hố xí xa làng, ăn ở hợp vệ sinh hơn. Việc khai thác dược liệu, làm thuốc nam chữa bệnh luôn được phát động và tiến hành thường xuyên. Mạng lưới y tế có sự nâng lên một số mặt, đặc biệt là đã xây dựng được một bệnh xá trung tâm, ngoài ra còn có một số trạm đứng chân ở các vùng trọng yếu. Năm 1973, huyện H29 đã xây dựng thêm 02 trạm xá mới ở xã Mang La và Nước Ly. Cán bộ và nhân dân trong huyện mỗi khi đau ốm đều được điều trị ở các bệnh xá, trạm xá. Chất lượng khám và chữa bệnh của đội ngũ thầy thuốc qua thực tế có nâng cao hơn.

Công tác giáo dục tiếp tục được củng cố và phát triển. Các phong trào giáo dục dân lập xã, bình dân học vụ cơ quan, trường bổ túc và phổ thông huyện luôn được duy trì thường xuyên, chất lượng dạy và học có tiến bộ, thu hút nhiều thành phần và đối tượng khác nhau theo học. Qua học tập, hiểu biết của người dân vùng căn cứ ngày càng mở rộng, trình độ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở được nâng cao. Nét nổi bật so với trước là các trường dân lập xã vừa học vừa sản xuất tự túc đảm bảo cho việc xây dựng cơ sở vật chất để phát triển phong trào học tập. Năm học 1973-1974, thực hiện chỉ đạo của tỉnh, huyện H16, H29 mở các lớp vỡ lòng, lớp bổ túc văn hoá. Các lớp bình dân học vụ hoạt động thường xuyên khắp các làng ở vùng căn cứ, khá nhất là ở H29. Trong năm 1974, cử người tham gia các lớp bồi dưỡng giáo viên, tập trung củng cố bộ máy giáo dục xã, làng, lập hội bảo trợ giáo dục, xây dựng thêm lớp học mới để chuẩn bị cho khai giảng năm học 1974-1975.

Phong trào văn hoá văn nghệ diễn ra thường xuyên ở vùng căn cứ và lan dần ra khắp vùng giải phóng. Nội dung phong trào mang đậm tính quần chúng dân gian như các lễ hội ở làng, sinh hoạt nhà rông... Hoạt động văn hoá văn nghệ dân gian luôn gắn với việc tuyên truyền quần chúng nhân dân, nhất là nam nữ thanh niên hăng hái tham gia các mặt trận phục vụ chiến đấu, sản xuất và phong trào xây dựng làng, xã. Huyện H29 đã thành lập được đội văn nghệ và các tổ ca hát, đem lời ca tiếng hát ca ngợi Đảng, cách mạng ca ngợi Bác Hồ, phục vụ nhân dân, nhất là nhân dân vùng giải phóng. Phong trào văn hóa văn nghệ đã góp phần làm cho đời sống xã hội vùng căn cứ giải phóng thêm tươi vui, lành mạnh, tạo bầu không khí phấn khởi trong nhân dân thực hiện tốt các mặt công tác.

Các cấp ủy cơ sở thường xuyên tăng cường giáo dục chính trị, nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng nhất là với quần chúng ở vùng bàn đạp giáp với vùng địch như Kon Plông, Cô Chát - Măng Bút về tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, về hoà bình, hòa hợp dân tộc. Mặt trận huyện đã phát huy được vai trò chức năng, tập hợp quần chúng, nhân dân vào tổ chức của mình, xây dựng khối đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và sinh hoạt. Hơn bao giờ hết khối đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Xơ Đăng được phát huy cao độ. Ở H29, thông qua Mặt trận, ta đã nhiều lần đưa dân ở vùng tranh chấp Kon Plông, Cô Chát ra thăm đồng bào vùng căn cứ ở các làng Nước Cua, Nước Ếch... Các tổ chức quần chúng của Mặt trận như thanh niên, phụ nữ, hợp tác cũng được củng cố, thực hiện vai trò chức năng, nhiệm vụ. Phong trào đảm đang của phụ nữ, xung kích của thanh niên có tiến bộ phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu ở vùng căn cứ.

Chính quyền cách mạng từ huyện đến xã được củng cố, phát huy vai trò chức năng điều hành trực tiếp các mặt hoạt động, nhất là trong việc huy động sức người, sức của phục vụ cho yêu cầu cách mạng và cải thiện đời sống quần chúng. Người dân vùng căn cứ giải phòng luôn vững tin, phấn khởi khi sống dưới chính quyền cách mạng có sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Mối quan hệ giữa chính quyền với các ban, ngành trong huyện và các tổ chức quần chúng ở địa bàn H29 ngày càng chặt chẽ hơn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy. Cuối năm 1974, toàn tỉnh đã thành lập thêm 6 xã vùng mới giải phóng thuộc Đăk Pék, Măng Đen, Măng Bút; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, xã được củng cố và kiện toàn.

Công tác an ninh có sự chú trọng vào việc kiện toàn xây dựng lực lượng từ huyện đến cơ sở. Đối với vùng căn cứ, phong trào phòng gian bảo mật chống do thám, gián điệp, biệt kích, chiến tranh tâm lý của địch, giữ dân bảo vệ trị an, bảo vệ vùng ta đạt kết quả nhất định. Ở tuyến trước công tác an ninh đã chú ý phát hiện một số tình hình phục vụ cho cấp ủy trong việc chỉ đạo tấn công địch. Thành tựu quan trọng của công tác an ninh trong các năm 1973, 1974 là đã góp phần bảo vệ giữ vững và ổn định trật tự an toàn xã hội vùng ta; tiến hành phát động quần chúng thanh khiết nội bộ ở các vùng giải phóng mới mở rộng trong Hè - Thu 1974; chống địch xúc dân vùng ta, góp phần xây dựng và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ Đảng.

Về công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ H29 đã chủ động trong công tác tư tưởng, liên tục phát động giáo dục quan điểm lập trường chính trị tư tưởng trong Đảng bộ. Năm 1973, Đảng bộ đã tham gia đợt chỉnh huấn chính trị theo chỉ đạo của Tỉnh uỷ; bám vào nghị quyết, nhiệm vụ trung tâm, và bám chi bộ cơ sở để giáo dục tư tưởng, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Qua đó nâng nhận thức của Đảng bộ thấy rõ về tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn mới, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng về âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của địch, nhận thức đúng đắn về lập trường quan điểm, củng cố lòng tin, tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng bộ, lực lượng vũ trang và quần chúng, giữ vững trận địa tư tưởng.

Đại hội Đảng bộ huyện (9-1973) thực sự là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong cán bộ, đảng viên, tạo sự nhất trí về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu cách mạng ở địa phương trong giai đoạn mới, kiên định đường lối, phương châm, giữ vững quyết tâm đánh thắng Mỹ-ngụy, đưa phong trào tiến lên giành thắng lợi trong mọi tình huống, giải phóng huyện H29, tiến tới giải phóng tỉnh Kon Tum và toàn miền Nam.

Trong xây dựng Đảng, các Đảng bộ luôn chú trọng củng cố, kiện toàn các cấp uỷ, nhất là cấp ủy cơ sở; tăng cường thành phần người địa phương, trẻ có năng lực trình độ và trách nhiệm. Thường xuyên và định kỳ tiến hành cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và phát triển đảng viên theo đúng Điều lệ Đảng, yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng. Trong năm 1973, Đảng bộ H29 phát triển được 37 đảng viên. Các đảng viên được kết nạp đa số trẻ khoẻ, hăng hái công tác, chiến đấu và sản xuất. Bên cạnh đó công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công tác kiểm tra, công tác lãnh đạo Đoàn thanh niên được các Đảng bộ chú ý. Sinh hoạt Đảng ở từng Đảng bộ được giữ vững và tiến hành ở các cấp phù hợp với điều kiện chiến đấu, sản xuất xây dựng khu căn cứ giải phóng. Các Đảng bộ luôn đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, đoàn kết cán bộ, quân, dân. Các chi bộ từng bước chủ động công tác, giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện ở địa phương.

Nhìn chung, từ khi Hiệp định Pari được ký kết, qua hơn một năm đấu tranh chống địch lấn chiếm gắn với xây dựng và phát triển vùng căn cứ giải phóng, dưới sự lãnh đạo của cấp trên mà trực tiếp là Tỉnh uỷ Kon Tum, Đảng bộ và quân dân huyện H29 vẫn kiên định lập trường cách mạng, giữ vững quyết tâm phát triển thế tấn công, đánh địch bằng 3 mũi giáp công bẻ gãy các cuộc phản kích lấn chiếm của địch, giữ đất, giữ dân, bảo vệ thi hành Hiệp định, bảo vệ thành quả cách mạng. Thực lực cách mạng ở vùng căn cứ, giải phóng được củng cố và phát triển. Các mặt phong trào huy động sức người, sức của phục vụ cho yêu cầu cách mạng và cải thiện đời sống quần chúng đạt kết quả khá. Cán bộ, chiến sỹ và quần chúng phấn khởi, tin tưởng thắng lợi. Công tác xây dựng Đảng bộ về tư tưởng tổ chức gắn với nhiệm vụ chính trị và phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. Đảng và quân dân gắn bó chặt chẽ, tạo thành khối đoàn kết nhất trí. Đảng bộ và quân dân hai huyện đã có thế và lực mới để thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy phối hợp cùng bộ đội chủ lực F10 tấn công tiêu diệt các cứ điểm địch, giải phóng quê hương.

**3. Tiêu diệt các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, giải phóng huyện H29**

Thắng lợi của ta trong cuộc đấu tranh chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã làm thay đổi cục diện chiến trường. Sang năm 1974, quân ngụy ngày càng suy yếu rõ rệt, trong lúc đó nước Mỹ đang khủng hoảng nội bộ nghiêm trọng, không có điều kiện để viện trợ tài lực và quân sự cho quân nguỵ như trước đây.

Sang năm 1974, địch ở huyện H29 vào thế phòng ngự. Toàn bộ binh lực địch co cụm phòng giữ ở hai cứ điểm Măng Đen và Măng Bút với 02 tiểu đoàn bảo an, 02 đại đội dân vệ, 02 khẩu pháo, một số biệt kích, cảnh sát, thám báo và phòng vệ dân sự. Tất cả khoảng trên 500 tên. Địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu lấn chiếm và bình định. Chúng ra sức củng cố hệ thống phòng ngự kiên cố tại các trung tâm, các cứ điểm ở thị xã, Đăk Pét, Măng Đen, Măng Bút... Tại Măng Bút, địch tổ chức thành một quận do thiếu tá Trần Lới làm quận trưởng. Đây là căn cứ của Tiểu đoàn bảo an 281. Tại Măng Đen địch tổ chức thành quận Chương Nghĩa. Riêng khu vực thị xã và vùng ven, địch xây dựng một cấu trúc phòng thủ kiên cố, phía bắc thị xã từ Kon Gu đến Kon Stiêu, địch đào đường hào chống tăng rộng 3m, sâu 2,5m và có chôn sẵn những bãi mìn.

Tại Măng Đen, lúc này có bộ máy quận lỵ Chương Nghĩa, địch chia lực lượng thành 02 khu đóng giữ sát sân bay, có 06 trung đội dân vệ xây chốt phòng giữ các ấp. Tại Măng Bút, địch bố trí thành 04 đồn chốt bên ngoài và một khu trung tâm, sân bay để bảo vệ quận lỵ. Công sự ở các đoạn, chốt và khu trung tâm đều làm ngầm dưới đất. Mỗi đồn chốt đều xây trên một quả đồi, có thể chi viện hỏa lực cho nhau. Quanh chốt có nhiều lớp rào thép gai, rào cây gỗ to và các ụ súng phối hợp với bãi mìn. Địch ra sức củng cố bộ máy ngụy quyền tại Chương Nghĩa và quận lỵ Măng Bút. Với phương châm quân sự kiểm soát dân sự, chúng đưa một số sỹ quan ra làm xã trưởng, ấp trưởng. So với năm 1973 chúng rút gọn bộ máy xã lại còn 6 xã. Ở các ấp, địch còn củng cố các tổ chức kềm kẹp công khai, bí mật, ngày đêm theo dõi từng gia đình, từng người dân, kể cả lính ngụy.

Tuy trong thế phòng ngự nhưng địch vẫn dùng mọi thủ đoạn thâm độc xảo quyệt để kềm kẹp dân và chống phá ta quyết liệt. Biết BRô là người có móc nối quan hệ với ta, chúng bắt bỏ tù. Đầu năm 1973, chúng nghi ngờ tên Tố, quận trưởng Măng Bút có thái độ lừng khừng bèn đổi đi nơi khác, đưa tên thiếu tá Trần Lới về thay thế làm quận trưởng. Nhiều tên chỉ huy binh lính gian ác được tăng cường đến để tiếp sức cho Măng Búk. Địch tiến hành nhiều cuộc hành quân cảnh sát ra vùng Kon Kleng, Kon KLâng và lùng sục ven vùng giải phóng ở Nước Chờ, Măng La nhằm đánh phá ta, kẹp dân, xúc dân. Mặt khác chúng tiếp tục dùng thủ đoạn chiến tranh tâm lý sâu độc hơn, vừa dụ dỗ, mua chuộc, lừa phỉnh, vừa hù dọa khủng bố, khống chế, cắm chống gài mìn chung quanh, nhốt chặt dân không cho ra khỏi ấp và đưa bọn tay sai ác ôn lùng và kẹp dân. Hầu hết dân trong vùng địch ở hai khu vực Măng Đen và Măng Bút bị địch kẹp rất chặt; mọi sự giao lưu tiếp xúc với bên ngoài đều bị ngăn cấm. Địch ra sức giành giật dân với ta ở vùng Kon Kleng, Cô Chát một cách quyết liệt . Tháng 5/1974, khi ta giải phóng Đak Pết, chúng đã xúc tát dân ở Măng Đen, Măng Bút một cách ào ạt đưa về phía Tây Nam thị xã Kon Tum, Gia Lai, Phú Bổn.

Đối với vùng căn cứ ta, địch có giảm cường độ hoạt động tấn công. Thỉnh thoảng, bọn biệt kích, thám báo có lùng ra vùng ven, thông qua các đầu mối có hoạt động chiến tranh tâm lý xuyên tạc, hù dọa quần chúng. Trong 6 tháng đầu năm 1974, chúng tiến hành bắn phá một số nơi ở xã Pờ Ê, Mang La, Kon Kleng. Ngoài ra chúng còn dùng máy bay các loại C47, OV10 quần lượn để do thám tình hình, nhất là trên tuyến hành lang ô tô của ta.

Tuy có những âm mưu và hành động thâm độc, nhưng về cơ bản địch trên đà thế suy yếu, bị ta bao vây cô lập. Tinh thần binh lính phần đông đều sa sút. Bọn Bảo an chỉ lo cố thủ trong hệ thống các công sự và chốt điểm. Việc quản lý và kẹp dân trong các ấp đều do bọn ngụy quyền và tay sai cơ sở đảm nhiệm. Lính nghĩa quân được giao kềm kẹp dân, nhưng đa số đều chán chường, dao động. Nội bộ địch có sự mâu thuẫn giữa bọn chỉ huy gian ác với một số binh lính và nhân viên ngụy quyền... Đã xuất hiện nhiều trường hợp lính đào ngũ và sự nổi lên đấu tranh quyết liệt của quần chúng.

Trước tình hình đó, Huyện uỷ H29 chỉ đạo cán bộ, quân dân trên địa bàn nắm vững phương châm "Tấn công trong xây dựng", chuyển mạnh phong trào ra tuyến trước, giữ vững tinh thần và ý chí tấn công, tạo thế vây ép địch và sẵn sàng tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm địch khi thời cơ đến. Quán triệt sự chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, các lực lượng tuyến trước của H29 tích cực bám trụ các địa bàn, liên tục tấn công địch bằng 3 mũi giáp công: vũ trang, chính trị, binh vận. Những tháng đầu năm 1974, ta đã tạo điều kiện đưa một số dân móc nối được trong vùng địch ra vùng căn cứ. Đặc biệt, bằng sự kết hợp linh hoạt 3 mũi giáp công liên tục đánh địch có hiệu quả, ta đã giành được 369 dân vùng Kon KLeng, phát động họ cùng đấu tranh chống địch bắt dân đi nơi khác và đưa vùng này lên thành xã giải phóng. Phía Măng Đen, đội công tác cùng với Đại đội 109 đã sáp vào ấp Kon KLang gặp gỡ và giáo dục nhiều người dân ở trong ấp. Dân nghe theo cán bộ cách mạng đấu tranh với địch ra xa ấp làm ăn. Hướng Cô Chát các lực lượng cách mạng vẫn liên tục gặp được dân. Trong tháng 5/1974, 150 người dân và 5 lính ngụy ở đây đã được cách mạng gặp và tuyên truyền. Đặc biệt ấp trưởng và ấp phó trong vùng cũng đã chủ động tìm gặp lực lượng giải phóng và chịu sự giáo dục của ta. Thực lực cách mạng tại chỗ trong vùng địch kiểm soát ngày càng tăng lên. Thông qua đó, các lực lượng ta đẩy mạnh tấn công binh vận bằng các biện pháp gặp dân, gặp binh lính và gia đình ngụy quân, ngụy quyền để tuyên truyền vận động họ thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc; thông qua họ để thuyết phục cảm hoá binh lính trong hàng ngũ địch cùng thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm 1974, phía Măng Bút đã có 19 lính và tề rời bỏ hàng ngũ địch mang theo 10 súng và 900 viên đạn các loại về với cách mạng. Đi đôi với phương thức trên, các lực lượng ta còn tìm cách thâm nhập vào các ấp, đồn địch rải truyền đơn, thư kêu gọi và dùng loa để tuyên truyền về chủ trương chính sách của cách mạng, kêu gọi binh lính và tề, ngụy bỏ hàng ngũ về với cách mạng.

Cùng với công tác binh tề vận, các lực lượng vũ trang và du kích địa phương thường xuyên tuần tra vùng giáp ranh và các tuyến hành lang để phát hiện, tấn công bọn địch càn lùng và bọn biệt kích, thám báo quấy phá. Tháng 5-1974, tại vùng giáp ranh với địch ở vùng Măng Đen, du kích xã Măng La đã đánh tiêu diệt gọn tiểu đội địch càn lùng, thu một số vũ khí. Lực lượng vũ trang H29: bộ đội huyện, du kích các xã, trong 6 tháng đầu năm 1974 đã đánh 38 trận, diệt 37 tên địch, làm bị thương 25 tên, thu 07 súng, 02 mìn, bắt sống được 02 tên ác ôn.

Giữa năm 1974, Tỉnh uỷ Kon Tum và Bộ tư lệnh B3 đã phân tích đánh giá tình hình địch, ta trên chiến trường Bắc Tây Nguyên (Kon Tum) và có chủ trương tấn công tiêu diệt các cứ điểm của địch còn đóng sâu trong vùng ta nhằm mở rộng và hoàn chỉnh vùng căn cứ giải phóng của tỉnh Kon Tum. Mục tiêu chính là 3 cứ điểm Đăk Pék, Măng Đen, Măng Bút.

Thực hiện chủ trương trên, ngày 15-5-1974, ở phía bắc Kon Tum các lực lượng ta tấn công tiêu diệt chi khu quân sự và quận lỵ Đăk Pék gây tác động lớn, làm cho tinh thần địch ở Măng Bút hoang mang dao động mạnh. Trong đà thuận lợi đó, Tỉnh ủy Kon Tum và Bộ tư lệnh B3 quyết định bố trí lực lượng Sư đoàn 10 cùng với quân dân địa phương tấn công tiêu diệt 2 cụm cứ điểm Măng Đen, Măng Bút.

Khi nhận được tin trên quyết định tấn công tiêu diệt các cứ điểm địch tại Măng Đen, Măng Bút. Toàn Đảng bộ và quân dân huyện H29 huy động mọi nguồn lực ở địa phương, chuẩn bị trận địa, tích cực tham gia cùng các lực lượng của tỉnh, huyện bạn (H16, H80) và bộ đội chủ lực Sư 10, thực hiện bao vây và tấn công địch.

Tại Măng Bút, từ ngày 11-6-1974, các lực lượng áp sát vào khu vực quận lỵ, diệt địch lùng sục, bắn máy bay, pháo kích, diệt các chốt vòng ngoài; đồng thời gọi loa và tung truyền đơn vào bên trong, tạo thế bao vây uy hiếp địch. Tiếp đến từ ngày 15 đến ngày 20-8-1974, lực lượng ta từ các hướng đồng loạt tấn công vào khu trung tâm các đồn, chốt điểm của địch. Sự kháng cự của địch nhanh chóng bị quân ta đè bẹp. Đến chiều ngày 20-8-1974, ta hoàn toàn giải phóng quận lỵ chi khu Măng Bút. Sau đó ta tiếp tục truy kích địch, bắt tù binh, tận thu chiến lợi phẩm; tìm gặp và ổn định dân, triển khai các lực lượng bảo vệ vùng mới giải phóng.

Tiếp tục thực hiện chủ trương đánh địch mở rộng vùng giải phóng, quân chủ lực B3 được lệnh tấn công tiêu diệt cứ điểm Măng Đen. An ninh vũ trang huyện H29 đã phối hợp với bộ đội địa phương truy quét vòng ngoài, phát hiện và tiêu diệt các toán thám báo biệt kích từ căn cứ Măng Đen. Ngày 03-10-1974, lực lượng vũ trang huyện H29 cùng với lực lượng H16, bộ đội chủ lực Trung đoàn 28 (Sư đoàn 10) và một số binh chủng kỹ thuật nổ súng tấn công tiêu diệt cứ điểm nằm phía tây của hệ thống phòng ngự Măng Đen (M11) ; bao vây tấn công tiêu diệt lần lượt từng cứ điểm trong cụm cứ điểm Măng Đen.. Với quyết tâm chiến đấu và chiến thắng, sau gần một ngày chiến đấu quyết liệt, lực lượng quân giải phóng đã đè bẹp mọi sự kháng cự của địch, chiếm lĩnh và làm chủ hoàn toàn cứ điểm Măng Đen. Sau 9 ngày liên tục chiến đấu, đến ngày 12-10-1974, quân ta đã làm chủ Măng Đen, giải phóng 1.920 dân . Các lực lượng ta đã tiêu diệt và bắt sống Ban Chỉ huy Tiểu đoàn Bảo an 254 ngụy (226 tên địch bị tiêu diệt, 168 tên bị bắt sống), trong đó có tên trung tá chỉ huy trưởng và 25 sĩ quan khác của địch, ta thu 539 khẩu súng, hai khẩu pháo 105 ly, 33 máy vô tuyến điện, giải phóng hơn 2.000 dân ở đây.

Hai cứ điểm mạnh Măng Đen, Măng Bút của địch bị ta tiêu diệt làm cho bọn địch ở khu vực đường số 5 hoảng sợ rút về co cụm phòng giữ một số chốt điểm ở vùng đông bắc thị xã Kon Tum. Huyện H29 hoàn toàn được giải phóng.

Ngay sau khi tiêu diệt các cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, Tỉnh uỷ Kon Tum đã có quyết định thành lập Ban quân quản tại các khu vực Măng Đen, Măng Bút vừa được giải phóng. Thành phần Ban quân quản gồm: 02 đồng chí cán bộ tỉnh, 02 cán bộ huyện. Các Ban quân quản đã nhanh chóng chỉ đạo, tổ chức lực lượng thu dọn, quản lý và bảo vệ chiến lợi phẩm trong các đồn bốt của địch; đồng thời bố trí lực lượng bảo vệ tài sản của nhân dân trong các ấp, tổ chức sơ tán dân, đưa về vùng căn cứ các huyện đề phòng địch ném bom, kịp thời trợ cấp nhu yếu phẩm cần thiết: lương thực, thực phẩm, vải, quần áo, để ổn định đời sống nhân dân. Trong bộn bề công việc sau giải phóng, lực lượng cách mạng đã làm tốt công tác trật tự trị an, bảo vệ chu đáo tài sản của nhân dân và chiến lợi phẩm thu được của địch.

Sau chiến thắng Đăk Pék, Măng Đen, Măng Bút, địch ở Kon Tum bị đẩy sâu vào thế phòng ngự cố thủ. Phạm vi kiểm soát của địch bị thu hẹp lại ở khu vực thị xã và một số vùng ven; vùng giải phóng được mở rộng nối liền với vùng căn cứ thành một thế liên hoàn và được củng cố thêm vững chắc. Tính từ đầu năm 1974 đến tháng 9-1974 ta đã diệt 11 đồn và chốt điểm, diệt 525 tên địch (có 6 sĩ quan cấp úy), diệt gọn 2 trung đội, đánh thiệt hại nặng 3 đại đội, 3 trung đội, bắn rơi 2 máy bay, thu 350 khẩu súng các loại (có 2 khẩu súng cối) và 40 tấn đạn, 29 máy thông tin, bắn cháy 4 xe quân sự..., phá toàn bộ công sự ở 3 chi khu này .

Trong năm 1974, phong trào đấu tranh chính trị phát triển mạnh hơn và đi vào chiều sâu với khẩu hiệu đấu tranh là: “Hòa bình, đời sống, tự do dân chủ, hòa giải, hòa hợp dân tộc, chống phá hoại Hiệp định...”. Mùa Hè năm 1974, quần chúng tại Măng Bút đã nổi lên đấu tranh chống bình định dồn dân, chống xúc dân; đã có 318 quần chúng vùng tranh chấp Kon Kleng ra sống bất hợp pháp, xây dựng chính quyền xã, làng; vũ trang chống địch, bắt 2 tên ác ôn, diệt 6 tên ác ôn khác. Trong hoạt động mùa Thu, quần chúng nhân dân tại Măng Đen đã đấu tranh chống cưỡng bức di dân của địch, những người dân ở các làng Măng Cành, Kon Tu, Đăk Pơ, Kon Du bung ra rừng tìm cách mạng và đã được ta đưa về nơi sơ tán an toàn. Các lực lượng vũ trang, đội công tác, du kích, cán bộ bám trụ làm công tác vũ trang tuyên truyền. Công tác binh tề vận đã trực tiếp giáo dục nhiều binh lính tề, vận động nhiều binh lính tề bỏ quân ngũ trở về vùng ta, bỏ súng về với gia đình. Chiến thắng Đăk Pék, Măng Đen, Măng Bút đã góp phần làm cho vùng căn cứ và vùng giải phóng đã nối liền nhau thành một thể thống nhất liên hoàn.

**4. Góp sức vào đại thắng mùa xuân 1975 giải phóng thị xã và toàn tỉnh Kon Tum**

Cuối năm 1974, về cơ bản toàn bộ đất đai vùng nông thôn ở Kon Tum đã được giải phóng, địch lúc này đang bị dồn ép co cụm về chốt giữ thị xã Kon Tum và một số cứ điểm quân sự vùng ven và quận Đăk Tô lưu vong. Đảng bộ H29 đang tích cực lãnh đạo quân, dân hai huyện củng cố, xây dựng vùng giải phóng đã được mở rộng; kịp thời chỉ đạo, quản lý, bảo vệ dân vùng giải phóng Măng Đen, Măng Bút, ra sức củng cố mọi mặt vùng mới giải phóng, tạo ra thế và lực mới, góp sức cùng quân dân toàn tỉnh tấn công giải phóng thị xã và toàn tỉnh Kon Tum.

Tháng 10-1974, Bộ Chính trị đã họp để phân tích, nhận định tình hình và thời cơ chiến lược mới, đi đến thống nhất thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976; nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975 ; đồng thời, chọn hướng tấn công chủ yếu trong cuộc tấn công rộng lớn năm 1975 là Tây Nguyên và hướng Kon Tum, Gia Lai là mũi hoạt động nghi binh gây chú ý để đánh lừa mục tiêu phán đoán của địch. Khu ủy V, Bộ Tư lệnh Quân khu V, Đảng uỷ Mặt trận Tây Nguyên khẩn trương triển khai kế hoạch mùa khô năm 1975, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh bại về cơ bản âm mưu “bình định” của địch, giải phóng đại bộ phận nông thôn, giải phóng hoàn toàn một số địa bàn quan trọng, chuẩn bị phương án để giành thắng lợi vượt bậc khi có thời cơ.

Thắng lợi trên chiến trường miền Nam, đặc biệt là chiến thắng giải phóng toàn tỉnh Phước Long (ngày 06-01-1975) cho thấy khả năng thực tế của quân ngụy Sài Gòn suy yếu đã củng cố quyết tâm chiến lược mà Bộ Chính trị dự kiến. Thấy được thời cơ chiến lược ngàn năm có một, từ ngày 18-12-1974 đến 08-01-1975, Bộ Chính trị họp mở rộng và đã hạ quyết tâm: “Tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam .

Tháng 02-1975, Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương, khẩn trương chuẩn bị đón thời cơ chung, thực hiện chỉ thị cấp trên để giải phóng thị xã. Công tác làm đường, bắc cầu, làm ngầm, huy động dân công gùi lương thực, tải đạn hướng vào thị xã được tỉnh giao cho các huyện đã giải phóng. Tỉnh uỷ chỉ đạo các huyện H16 (Kon Rẫy), H29 (Kon Plông), H67 (Sa Thầy), H80 (Đăk Tô) tổ chức mỗi huyện một đoàn cán bộ huyện, xã cùng lực lượng du kích mỗi địa phương giúp thị xã tiếp quản các xã vùng ven.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội đã huy động dân công ở các vùng căn cứ, vùng giải phóng tích cực làm đường hướng vào thị xã và phao tin “Ta chuẩn bị tấn công vào thị xã Kon Tum và Plei Ku”. Ở hướng Gia Lai, bộ đội chủ lực và địa phương hoạt động mạnh, tạo thế vây ép ở nhiều nơi, đánh cắt giao thông đường 14 và 19, chia cắt Kon Tum với Plei Ku và các tỉnh đồng bằng duyên hải miền Trung. Ở Kon Tum, quân ta vẫn giữ thế bao vây và ép sát thị xã, liên tục tổ chức các trận tập kích vào các trận địa căn cứ vòng ngoài.

Do công tác nghi binh chiến lược của ta, địch tin chắc hướng tấn công chính của ta là từ Kon Tum xuống Pleiku. Địch tiếp tục tăng cường lực lượng lên Kon Tum. Ở thị xã Kon Tum, địch tập trung lực lượng gồm 02 liên đoàn biệt động quân, 05 liên đoàn địa phương quân, 02 đoàn thiết giáp. Lực lượng chủ lực ngụy lên tới 11.470 tên và 10.820 tên dân vệ cùng với một bộ máy ngụy quyền các cấp được bố trí tập trung tại khu vực thị xã. Lực lượng địch ở thị xã tuy còn đông, nhưng tinh thần đã suy giảm và bị cô lập. Ta có thuận lợi là 2/3 tỉnh đã giải phóng. Vùng giải phóng H16 và H29 đã sát đến thị xã. Bộ đội địa phương tỉnh và các huyện đã được lệnh tập kết trên địa bàn hai huyện H16 và H29 hình thành các đơn vị, các mũi tham gia tấn công giải phóng thị xã. Toàn dân, toàn quân trong tỉnh với quyết tâm rất cao dồn sức lực để giải phóng thị xã, giải phóng toàn tỉnh, góp sức giải phóng Tây Nguyên và toàn miền Nam.

Tháng 02/1975, các lực lượng tham gia tấn công và nổi dậy, các đoàn tiếp quản đã hình thành từ các hướng. Ta hình thành một thế trận định sẵn tấn công vào giải phóng thị xã theo nhiều hướng. Hướng chính từ phía đông nam thị xã đánh vào các mục tiêu trung tâm ở nội thị, toàn bộ lực lượng chính của ta tập trung cho hướng này, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ban chỉ huy Tỉnh đội. Hướng phía tây và tây nam thị xã gồm một bộ phận của tỉnh, Đại đội 187 (C187) chủ lực và một số cán bộ ở H67 phụ trách. Hướng phía bắc và tây bắc thị xã do các lực lượng đại đội 14 đặc công (C14) và Đại đội 2 (C2) công an vũ trang cùng một bộ phận của tỉnh ở H80 tăng cường đảm nhận. Đi kèm với các cánh quân luôn có các đội vũ trang công tác làm nhiệm vụ dẫn đường và phát động quần chúng nổi dậy. Trong đó một đội theo hướng từ bắc vào, một cánh nhỏ khác đi từ phía Kon Plông theo đường 5 lên. Riêng các đội công tác của thị xã phần lớn tập trung theo hướng chính ở cánh đông nam. Phối hợp với bộ đội chủ lực có các đội công tác H16 và H29 dẫn đường và phát động quần chúng nổi dậy.

Ngày 04-3-1975, Chiến dịch Tây Nguyên mở màn. Các mũi tấn công của ta trên chiến trường theo kế hoạch đã định, nhanh chóng tiêu diệt địch, làm chủ các đoạn giao thông chiến lược quan trọng trên quốc lộ 19 và 14. Đến ngày 09-3-1975, ta đã tấn công tiêu diệt địch gây chia cắt địch ở tỉnh Kon Tum và Pleiku với Buôn Ma Thuột, chia cắt tập đoàn phòng ngự của địch ở Tây Nguyên với đồng bằng Khu V.

Thấy quân ta đánh mạnh ở hướng Gia Lai và Đắk Lắk, địch đã điều hai liên đoàn biệt động quân ở tỉnh Kon Tum về chi viện cho tuyến dưới, làm cho lực lượng địch ở Kon Tum bị giảm sút về cả số lượng và tinh thần chiến đấu. Đầu tháng 3-1975, hoả lực của Tỉnh đội và Sư đoàn 968 tiến công làm cháy 5 kho nhiên liệu, 1 kho đạn, khống chế sân bay ở thị xã. Bộ đội đặc công của tỉnh đánh vào khu cảnh sát dã chiến, khu Nguyễn Huệ, khu thương phế binh ngụy. Đặc công của B3 đánh vào trạm tiếp điện Chư Hreng diệt một số địch tiêu diệt gọn một chốt, làm cho địch phải lo phòng giữ tuyến trong của thị xã Kon Tum .

Ngày 10-3-1975, khi ta nổ súng mở màn tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột thì các lực lượng của tỉnh phối hợp với một bộ phận chủ lực (Sư đoàn 968) hoạt động mạnh ở trọng điểm từ nam cầu Đăk Bla đến ngã ba Tà Huỳnh, đánh diệt ba chốt ở phía đông quận lỵ Đăk Tô lưu vong (đóng tại đèo Sao Mai) và đột nhập vũ trang tuyên truyền, thâm nhập giác ngộ quần chúng ở các khu dồn dân Ngọc Leng, Tri Đạo - Tân Phú. Đúng 11 giờ ngày 11-3-1975, ta đã giành chiến thắng trên toàn bộ thị xã Buôn Ma Thuột. Đêm 13-3-1975, Tiểu đoàn 304 bộ binh của tỉnh từ cánh đông nam nổ súng tấn công tiêu diệt chốt điểm Chư Hreng, Đại đội 187 ở cánh tây thị xã pháo kích liên tục vào đồn Chư Grết.

Sau khi biết tin thất thủ ở Buôn Ma Thuột, một số cố vấn Mỹ và quan chức cao cấp ngụy ở Pleiku và Kon Tum hoang mang cực độ, bắt đầu di tản, làm cho nội tình địch ở Bắc Tây Nguyên trong thế hoàn toàn rối loạn. Tại tỉnh Kon Tum và Plei Ku, một kế hoạch rút chạy bí mật theo từng bộ phận của địch bắt đầu được triển khai thực hiện theo lệnh của thượng cấp. Ngày 15-3-1975, địch ở Kon Tum bắt đầu rút chạy về Pleiku theo đường 14 đã bị ta chặn đánh. Ngày 16-3-1975, các lực lượng của tỉnh, từ các hướng áp sát vào thị xã Kon Tum, tiếp quản một số vùng phụ cận. Tiểu đoàn 304 tiếp tục mai phục đón đánh tiêu diệt tàn quân địch rút chạy, đánh sập một cầu và tiêu diệt gọn địch ở phía nam khu vực đèo Sao Mai; một bộ phận của Tiểu đoàn 304 của tỉnh chiếm đường 14 ở phía nam thị xã Kon Tum chặn đánh quân địch tháo chạy. Ở phí bắc và phía đông), ta vây ép địch, tiến đánh và chiếm quận lỵ Đăk Tô (lưu vong). Đêm 16-3-1975, tất cả các lực lượng vũ trang và chính trị trong tỉnh, cùng với các mũi đột kích của chủ lực Sư đoàn 968 đột nhập chiếm lĩnh và làm chủ các khu vực quân sự, chính trị trọng yếu, tiêu diệt tất cả các ổ đề kháng cuối cùng của địch, nhanh chóng triển khai chiếm toàn bộ thị xã Kon Tum, giải phóng Kon Tum và toàn tỉnh. Các đội công tác tiếp quản từ H16, H29 phát động quần chúng nổi dậy theo trục đường 5 cùng bộ đội chủ lực vào nội thị.

Để nhanh chóng ổn định tình hình toàn tỉnh sau giải phóng, từ ngày 17-3-1975, Tỉnh ủy tiến hành Hội nghị để xem xét toàn bộ tình hình và đề ra những nhiệm vụ trước mắt cho toàn Đảng bộ là phải: “Phát huy mạnh mẽ thắng lợi to lớn và toàn diện, đoàn kết nhất trí cao độ, nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao khí thế cách mạng tiến công và tinh thần triệt để cách mạng, động viên toàn Đảng bộ, quân dân, tiếp tục truy quét địch, xây dựng cả về tư tưởng và tổ chức, thanh khiết nội bộ quần chúng, đẩy mạnh sản xuất; xây dựng và phát triển thực lực cách mạng ở vùng giải phóng; vừa nghiên cứu vừa bắt tay ngay vào xây dựng toàn tỉnh một cách nhanh chóng, vững mạnh, toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, trọng tâm là xây dựng và phát triển kinh tế, góp phần giải phóng miền Nam”.

Trong giải phóng thị xã, giải phóng tỉnh Kon Tum, có đóng góp của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các huyện Kon Plông, Sa Thầy, Đăk Tô. Góp sức vào giải phóng Kon Tum, một địa bàn chiến lược của Tây Nguyên, cũng có nghĩa là cán bộ, chiến sĩ, đồng bào huyện Kon Plông đã đóng góp vào giải phóng Tây Nguyên mở đường giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sau giải phóng toàn tỉnh mùa Xuân 1975, cùng với đồng bảo trong tỉnh Kon Tum, Đảng bộ và nhân dân huyện H29 đã nhanh chóng ổn định chính trị, xây dựng chính quyền, khôi phục và phát triển kinh tế, chăm lo đời sống mọi mặt của nhân dân. Tháng 9-1975, theo chủ trương của Đảng và quyết định của Chính phủ, hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai hợp nhất thành một tỉnh. Tháng 11-1975, hai huyện H16 và H29 nhập lại thành một huyện lấy tên Kon Plông. Đảng bộ kiện toàn Huyện uỷ do đồng chí Hồ Dĩ (tức Hồ Long) làm Bí thư, đồng chí Hồ Ngọc Quyết Phó Bí thư và đồng chí A Nhân làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện.

Đảng bộ và nhân dân huyện Kon Plông bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ cùng nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một huyện miền núi Tây Nguyên kiên cường, bất khuất.

**Chương VIII**

**LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN KINH TẾ -**

**XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH - QUỐC PHÒNG SAU GIẢI PHÓNG**

**(1976-1980)**

**I. Đảng bộ huyện Kon Plông được thành lập và tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII**

**1. Đảng bộ huyện Kon Plông được thành lập, lãnh đạo các mặt công tác của huyện, ổn định tình hình sau giải phóng**

Sau giải phóng, tình hình của huyện còn nhiều thiếu thốn; tình trạng đói, đau, lạt, rách vẫn còn diễn ra từng lúc, từng nơi, Huyện uỷ H29 luôn quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành kịp thời hỗ trợ gạo, muối, vải... cùng với nhân dân tích cực tăng gia sản xuất nên đã cải thiện một bước đáng kể so với trước. Ngày 02-7-1975, Huyện uỷ - UBND cách mạng huyện H29 họp mở rộng nhất trí chuyển toàn bộ cơ quan của huyện từ xã Nước Lò ra tại trung tâm Măng Đen để thuận tiện giao thông đi lại giữa tỉnh, huyện và xã; thời gian di chuyển là tháng 9-1975. Ngày 02-8-1975, UBND cách mạng huyện H29 đã có công văn gửi UBND cách mạng tỉnh Kon Tum để được hỗ trợ các điều kiện di chuyển như: gạo, muối, bột ngọt cho dân công phục vụ di chuyển; bàn ghế, phương tiện làm việc; các loại máy móc như máy nổ, máy xát gạo, 01 xe ô tô, 02 xe hon đa, 02 xe đạp và bố trí 300-500 dân kinh tế mới về huyện làm ăn, sinh sống.

Cuối năm 1975, thực hiện chủ trương sáp nhập tỉnh, huyện trong phạm vi cả nước theo tinh thần Nghị quyết 24 (tháng 8-1975) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 245, ngày 29-10-1975 của Bộ Chính trị, hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai hợp nhất thành một tỉnh lấy tên gọi là tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Tỉnh uỷ lâm thời Gia Lai - Kon Tum được thành lập gồm 39 uỷ viên do đồng chí Nguyễn Tuấn Tài (Trần Kiên) làm Bí thư. Hội nghị Tỉnh uỷ lâm thời Gia Lai - Kon Tum lần thứ hai (họp từ 12 đến 15-01-1976) đã chỉ đạo việc hợp nhất các huyện trong tỉnh.

Tháng 02/1976, Tỉnh uỷ lâm thời Gia Lai - Kon Tum ra quyết định sáp nhập các huyện: H16, H29 (thuộc tỉnh Kon Tum cũ) và một phần H1 (xã Đak Rong, Kon Pne thuộc tỉnh Gia Lai cũ) thành một huyện lấy tên gọi là huyện Kon Plông. Đồng thời với việc sáp nhập, thành lập huyện Kon Plông, Tỉnh uỷ Gia Lai - Kon Tum cũng điều chỉnh giao hai xã: Đăk Cấm, Đăk Ui cho thị xã Kon Tum; giao xã Đăk Pxi cho huyện Đăk Tô.

Huyện Kon Plông sau khi điều chỉnh, sáp nhập có diện tích tự nhiên 350.000 ha, dân số 15.502 người, trong đó có 9.892 người vùng căn cứ cách mạng. Toàn huyện có 10 xã, 125 thôn. Trung tâm huyện đóng tại khu vực Măng Đen. Huyện nằm ở phía đông nam của tỉnh Gia Lai - Kon Tum, phía bắc giáp huyện Đăk Tô, phía đông giáp hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, phía tây giáp thị xã Kon Tum, phía nam giáp huyện An Khê.

Sau khi thành lập huyện Kon Plông, Tỉnh uỷ lâm thời Gia Lai-Kon Tum ra quyết định thành lập Đảng bộ huyện Kon Plông trên cơ sở hợp nhất hai Đảng bộ H16, H29 và các tổ chức cơ sở đảng của H1 (Gia Lai), đồng thời chỉ định thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông gồm 24 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 09 đồng chí. Đồng chí Hồ Long (Dỹ) giữ chức Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí: Nguyễn Văn Dũng, Hồ Ngọc Quyết giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

Từ ngày 21 đến ngày 23-02-1976, Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện Kon Plông tổ chức Hội nghị lần thứ nhất quán triệt chủ trương của Tỉnh uỷ về việc sáp nhập, thành lập huyện Kon Plông; tiến hành phân công cấp uỷ; bầu Ban kiểm tra Đảng Huyện uỷ; bàn kế hoạch chỉ đạo sản xuất năm 1976. Hội nghị đã đề ra 4 yêu cầu, 5 biện pháp và phân công các cấp, các ngành chức năng tổ chức thực hiện nhằm phòng, chống đói cho nhân dân với mục tiêu là: đảm bảo diện tích gieo trồng năm 1976 toàn huyện đạt 3.777 ha, bình quân lao động đạt 0,57 ha; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 8.444 tấn; bình quân lương thực nhân khẩu quy thóc đạt 422 kg. Thực hiện kế hoạch của Huyện uỷ Huyện uỷ Kon Plông lãnh đạo quân dân trong toàn huyện tiếp tục tập trung vào việc khai hoang, xây dựng cánh đồng làm thuỷ lợi, tích cực sản xuất lương thực...

Từ ngày 29 đến 31-3-1976, Hội nghị Tỉnh uỷ mở rộng lần thứ 3 xác định nhiệm vụ trọng tâm của toàn đảng bộ là vấn đề định canh định cư, giải quyết vấn đề lương thực, chăm lo đời sống quần chúng; tập trung sức chỉ đạo sản xuất vụ mùa, quan tâm chỉ đạo đầy đủ các việc lớn như: chống cứu đói; bầu cử Quốc hội; xây dựng chính quyền các cấp; xây dựng và phát động quần chúng, công tác quần chúng; xây dựng đảng về tư tưởng và tổ chức.

Hưởng ứng chiến dịch khai hoang, phục hóa “23.000 ha trong 100 ngày” do Tỉnh uỷ phát động. Huyện ủy chọn 06 xã: Măng Bút, Măng Cành, xã Hiếu, Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Kôi làm 06 điểm định canh tập trung khai hoang, phục hóa. Mỗi xã đều có đội chuyên trách làm nhiệm vụ khai hoang. Từng bước gắn khai hoang với xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, một số nơi làm bờ vùng, bờ thửa, tưới tiêu hình thành dạng công trường. Kết quả, năm 1976, toàn huyện phát động trên 5000 người tham gia, khai hoang, phục hóa hoàn chỉnh 439 ha, đưa diện tích định canh đạt 1.284 ha .

Tại 6 xã được chọn làm điểm định canh khai hoang, huyện bố trí định cư 10.499 nhân khẩu, 5.115 lao động. Riêng tại xã Tân Lập bố trí định canh, định cư cho 506 nhân khẩu từ vùng đồng bằng lên xây dựng kinh tế mới. Nhờ tập trung khai hoang nên tổng diện tích gieo trồng năm 1976 đạt 3.746 ha trong 3.777 ha kế hoạch, tổng sản lượng lương thực đạt 7.000 tấn, năng suất bình quân đầu người ước đạt 437 kg (quy thóc).

Gắn chặt với nhiệm vụ khai hoang, Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo công tác thủy lợi. Năm 1976, huyện tiến hành xây dựng công trình thuỷ lợi Nước Nâng, Nước Xà Lùng bảo đảm diện tích nước tưới cho 130 ha, trong đó diện tích lúa đông xuân 60 ha. Tại các xã, cấp ủy, chính quyền đã vận động nhân dân đào mương, đắp đập đưa nước tưới cho đồng ruộng, bảo đảm khả năng tưới 1.000 ha lúa đông xuân.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, hoạt động của các ngành kinh tế khác cũng đạt được những kết quả bước đầu. Công tác giao thông đã làm mới 14 km đường tại xã Đăk Kôi, sửa chữa đường đi Măng Bút và một số cây cầu, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường đã có. Toàn huyện huy động được 38.749 ngày công đầu tư cho giao thông. Ngành thương nghiệp thành lập được 4 hợp tác xã mua bán, 02 cửa hàng và 07 tổ mua bán cố định. Tổng giá trị mua vào trong năm đạt 148.909 đồng, bán ra đạt 237.069 đồng.

Về giáo dục: Tháng 8-1976, Huyện uỷ ban hành chỉ thị xoá mù chữ và bổ túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện. Chỉ thị nêu rõ: “Toàn Đảng bộ, toàn dân nhận rõ vấn đề xoá mù chữ và bổ túc văn hoá có ý nghĩa cả về chính trị, kinh tế, xã hội rất lớn, nó cũng là nguyện vọng tha thiết, là quyền lợi chính đáng của cán bộ và nhân dân ta, có ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đến nhiệm vụ cải tạo và xây dựng các mặt để đảm bảo tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ lúc ra đi là làm cho dân có cơm ăn, áo mặc, được học hành". Chỉ thị đề ra 07 biện pháp để thực hiện xoá mù chữ và bổ túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, trọng tâm là: phát động trong toàn Đảng bộ và ngoài quần chúng học tập hiểu rõ ý nghĩa, yêu cầu, tầm quan trọng của công tác xoá mù chữ và bổ túc văn hoá cho cán bộ và nhân dân, làm chuyển biến nhận thức tư tưởng và hành động xây dựng quyết tâm; chuẩn bị cơ sở vật chất, giáo viên tổ chức lớp học thuận tiện, phù hợp với hoàn cảnh làm ăn, lao động sản xuất và học tập của quần chúng từng nơi. Thành lập Ban Chỉ đạo xoá mù chữ và bổ túc văn hoá gồm có thành phần chính quyền, các ngành, đoàn thể; ngành giáo dục tham mưu giúp Huyện uỷ lãnh đạo triển khai thực hiện từ huyện đến xã, thôn, cơ quan, đơn vị sản xuất, công trường. Phát động phong trào thi đua sâu rộng đi học, đi dạy, tìm thầy mà học, tìm trò mà dạy, tìm phương pháp dạy và học có kết quả, nhanh biết chữ nhất... Thực hiện chỉ đạo của Huyện uỷ, ngành giáo dục tiếp tục đẩy mạnh phong trào xoá mù chữ và bổ túc văn hoá, từng bước đầu tư cơ sở vật chất để mở rộng trường lớp.

Ngành y tế tập trung triển khai công tác phòng chữa bệnh, đẩy mạnh vệ sinh phòng bệnh, hạn chế dịch bệnh. Văn hoá tư tưởng tập trung vào việc phát động quần chúng, tổ chức học tập và quán triệt các chủ trương, chính sách mới của Đảng và nhà nước. Ngành văn hoá thông tin đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, đưa phim ảnh và các hoạt động văn hoá văn nghệ xuống cơ sở phục vụ nhân dân.

Trong năm 1976, lực lượng công an và quân sự thường xuyên được kiện toàn củng cố, nhất là du kích và công an xã; công tác an ninh quốc phòng tiếp tục được tăng cường. Toàn huyện có 327 du kích, 99 công an xã, bố trí đủ trên địa bàn các xã. Riêng các vùng trọng điểm thường xuyên có lực lượng du kích, công an và cán bộ các ngành bám trụ để theo dõi tình hình bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, các cấp, các ngành tập trung phát động quần chúng, tiến hành truy quét tội phạm; tiếp tục kêu gọi vận động số binh lính, sỹ quan tham gia chính quyền cũ ra đầu thú, hưởng chính sách khoan hồng và chấp hành sự cải tạo, giáo dục của cách mạng. Các lực lượng bộ đội, du kích, công an thường xuyên truy lùng ở những vùng địa bàn trọng điểm, phát hiện và truy bắt 03 tên FULRO, diệt ngay tại chỗ 01 tên ngoan cố chống cự.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định tình hình sau giải phóng, nhưng kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu, chưa đáp ứng được yêu cầu cấp bách của tình hình. Vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức, những yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Huyện Kon Plông cần tiếp tục nỗ lực vượt qua khó khăn, từng bước xây dựng huyện nhà ổn định và phát triển.

**2. Đảng bộ huyện Kon Plông tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VII**

Sau giải phóng, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu được Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo là kiện toàn bộ máy lãnh đạo từ cấp huyện đến cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong điều kiện mới. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ lâm thời lần thứ V, từ giữa năm 1976, Huyện uỷ đã ra nghị quyết chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở tiến hành đại hội và chuẩn bị cho đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII. Ngày 14-9-1976, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông tổ chức Hội nghị đã quyết định tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII. Đến ngày 09-10-1976, Huyện uỷ ra chỉ thị triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII.

Từ ngày 22 đến ngày 29-10-1976, Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Kon Plông lần thứ VII được tổ chức tại Măng Đen (Khu trung tâm của huyện). Tham dự Đại hội có 114 đại biểu đại diện cho 13 đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ huyện. Đại hội thảo luận góp ý vào dự thảo điều lệ Đảng sửa đổi, dự thảo phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh; nghiêm túc đánh giá những thành tích đạt được, những hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực công tác của Huyện ủy trong nhiệm kỳ; xây dựng nghị quyết về nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ đến; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VII và Đoàn đại biểu Đảng bộ huyện đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI.

Đánh giá thành tích đạt được từ sau ngày giải phóng đến nay, Đại hội khẳng định: Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã hoàn thành tốt công tác tiếp quản vùng giải phóng, ổn định đời sống quần chúng; liên tục phát động quần chúng xây dựng thực lực cách mạng; truy quét tàn quân địch, FULRO; giáo dục, cải tạo toàn bộ đối tượng tề, ngụy; nghiêm trị bọn ngoan cố; giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội; đẩy mạnh sản xuất, nhanh chóng chuyển các phong trào cách mạng vùng giải phóng lên tương đương với vùng căn cứ. Tập trung sức đẩy mạnh sản xuất đạt chỉ tiêu khai hoang phục hóa, định canh định cư đạt kết quả bước đầu; từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất; đời sống quần chúng được giữ vững và có cải thiện hơn trước. Công tác giáo dục, y tế, văn hóa được tiếp tục phát triển thêm, có một số yếu tố mới; công tác xây dựng Đảng có chủ động tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong tình hình mới. Đảng bộ đã nỗ lực hướng vào thực hiện nhiệm vụ trọng tâm chăm lo đời sống quần chúng; giữ vững khối đoàn kết, thống nhất...

Song, trong bối cảnh mới, Đảng bộ vẫn còn vẫn còn lúng túng trong vận dụng đường lối, phương hướng của Trung ương, của tỉnh vào thực tiễn địa phương: chuyển biến của các phong trào trong huyện còn chậm; phát triển kinh tế chưa có quy hoạch toàn diện; khai hoang chưa tập trung thành những điểm lớn; chưa gắn chặt khai hoang với xây dựng cánh đồng; thâm canh, chuyên canh, tăng năng suất; Công tác tư tưởng văn hóa, giáo dục, y tế tuy có chuyển biến nhưng chưa cơ bản, thiếu vững chắc, chưa đi vào chiều sâu, sát cơ sở, chưa thành phong trào quần chúng, thói quen trì trệ, phong tục lạc hậu còn cản trở nhiều mặt... Công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng vẫn chưa chuyển kịp với tình hình nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới...

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ xây dựng huyện đến năm 1980 là “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong huyện, phát huy thế mạnh, khắc phục mặt yếu, tăng cường đoàn kết quyết tâm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm đưa nền kinh tế huyện lên một bước mới, từ du canh, du cư sản xuất cá thể, tư sản tư liệu, tiến lên xây dựng một nền nông nghiệp định canh, định cư, chuyên canh tăng năng suất, tự lực về lương thực và một phần thực phẩm, đẩy mạnh lâm nghiệp, phát triển chăn nuôi, phát triển trồng cây nông nghiệp, cây ăn quả, tích cực phát triển công nghiệp địa phương, phát triển thủ công nghiệp, xây dựng thương nghiệp, phát triển giao thông vận tải, lưu thông phân phối. Cải tạo và xây dựng quan hệ xã hội chủ nghĩa (hợp tác quốc doanh) phát triển các lực lượng sản xuất, xóa bỏ người bóc lột người, xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế. Qua đó mà nâng dần đời sống và trình độ quần chúng, từng bước tạo cơ sở vật chất và kỹ thuật tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường chuyên chính vô sản, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động" .

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ VII gồm 25 ủy viên (21 ủy viên chính thức, 04 ủy viên dự khuyết), bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 07 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Các đồng chí Hồ Ngọc Quyết, A Nhân được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội Đảng bộ huyện Kon Plông đã gửi Thư quyết tâm lên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai - Kon Tum khẳng định sự tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đoàn kết nhất trí quyết tâm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; nỗ lực, khẩn trương cao độ thực hiện nhiệm vụ trung tâm mà Nghị quyết Đại hội đã đề ra.

Là Đại hội đầu tiên được tiến hành sau giải phóng, ngay sau khi sáp nhập, thành lập huyện mới. Thành công của Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ VII có ý nghĩa quan trọng. Đại hội đã khẳng định sự đoàn kết, nhất trí của toàn Đảng bộ và quân dân trong huyện, đồng thời xác định phương hướng nhiệm vụ để toàn Đảng bộ và quân dân huyện nhà quyết tâm xây dựng huyện Kon Plông ngày một phát triển.

Nhìn lại gần 2 năm sau giải phóng, trong bối cảnh uyện Kon Plông vừa ra khỏi chiến tranh, tình hình tư tưởng, chính trị an ninh và đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, phức tạp… nhưng hoà cùng niềm vui toàn Đảng, toàn quân và dân ta giành được tự do, độc lập, hoà bình thống nhất, Đảng bộ Kon Plông đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo các cấp, ngành và quần chúng nhân dân giải quyết nhiều vấn đề khó khăn bức bách, nhanh chóng ổn định tình hình, tập trung khai hoang mở rộng diện tích, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện một bước đời sống quần chúng, tạo sự hoà nhập, đoàn kết giữa nhân dân hai vùng căn cứ và giải phóng, hướng vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội theo chủ trương đường lối của Đảng. Mặc dù vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, kết quả đạt được còn khá khiêm tốn, nhưng bước đầu đã tạo ra bước chuyển biến mới trong tâm tư, tình cảm và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong huyện hướng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là động lực, niềm tin để Đảng bộ, quân dân huyện nhà cùng chung sức, chung lòng xây dựng, phát triển quê hương trong thời gian tới.

**II. Tập trung lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng (1977-1980)**

**1. Lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân**

***1.1. Đẩy mạnh phong trào khai hoang xây dựng cánh đồng, định canh, định cư, phát triển sản xuất***

Sau khi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII được ban hành, Huyện uỷ Kon Plông đã lãnh đạo nhân dân trong huyện nhà tập trung xây dựng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân. Ngay sau ngày giải phóng, Huyện uỷ xác định Kon Plông là một huyện miền núi, địa hình hiểm trở, là căn cứ địa quan trọng của cách mang cần phải được xây dựng vững chắc. Huyện có tiềm năng về nguồn đất đai. lao động, tài nguyên thiên nhiên phong phú cần được khai thác, sử dụng. Phương hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa của huyện Kon Plông là “đẩy mạnh khai hoang, phục hoá, xây dựng cánh đồng, làm thuỷ lợi gắn liền với định cư trên cơ sở định canh vững chắc; đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, phát triển khoa học kỹ thuật thâm canh, tăng vụ đi đôi với xây dựng hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục, xây dựng nông thôn mới và con người mới xã hội chủ nghĩa nhằm tạo nhanh cơ sở vật chất, kỹ thuật, nâng cao đời sống nhân dân".

Năm 1976, Đảng bộ và quân dân trong huyện đã đoàn kết nhất trí, tập trung sức thực hiện nhiệm vụ trung tâm, đạt được những thắng lợi mới, tạo ra một số cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu làm tiền đề, để tiến hành cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Huyện ủy, đảng ủy, chi ủy trực thuộc chưa tập trung cao trí tuệ và năng lực để quy về một mối. Nhận thức tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ chưa chuyển biến kịp với yêu cầu giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiệt tình, trách nhiệm, ý chí chiến đấu, tư tưởng tấn công của cán bộ, đảng viên chưa mạnh .

Với diện tích trên 35.000 ha đất tự nhiên, trong đó, trên 21.000 ha đất nông nghiệp thì có 1.550 ha đất định canh. Từ thực tiễn đó, nhiệm vụ khai hoang làm ruộng nước, nâng cao diện tích định canh đối với huyện là hết sức cần thiết, có ý nghĩa lớn về trước mắt và lâu dài. Với tầm quan trọng và ý nghĩa đó, khai hoang, phục hoá luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu sớm được Huyện uỷ quan tâm chỉ đạo.

Trên cơ sở kết quả khai hoang đạt được sau ngày giải phóng, huyện tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phong trào khai hoang. Cuối năm 1976, với khí thế lập công chào mừng đại hội đảng các cấp, Huyện uỷ liên tục phát động các đợt khai hoang. Khắp các làng xã, nhân dân tích cực hưởng ứng và hăng hái ra đồng, xuống ruộng thực hiện khai hoang, phục hoá. Lực lượng bộ đội và cán bộ, công nhân viên các ban, ngành của huyện cũng bố trí thời gian tích cực tham gia phong trào khai hoang.

Từ phương hướng, nhiệm vụ đã xác định, đầu năm 1977, Đảng bộ huyện đã căn cứ vào đặc điểm điều kiện tự nhiên, dân cư, lao động, chỉ đạo quy hoạch, phân vùng kinh tế để xác định cơ cấu kinh tế cho từng vùng và có biện pháp chỉ đạo, tổ chức thực hiện phù hợp. Dựa theo cơ cấu phát triển kinh tế theo từng vùng qui hoạch. Đảng bộ tập trung sức lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế.

Từ ngày 24 đến 26-01-1977, Huyện huỷ họp mở rộng lần thứ I để kiểm điểm tình hình thực hiện các mặt công tác của huyện đảng bộ năm 1976, thảo luận phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1977. hội nghị đã xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ năm 1977 là khai hoang xây dựng cánh đồng, định canh, định cư, đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, công nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật, mở rộng lưu thông phân phối, đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục y tế, chăm lo cải thiện đời sống quần chúng lên một bước mới. Trong đó, tổ chức củng cố và xây dựng 10 công trường khai hoang điểm, phấn đấu đạt 700 ha trở lên. Để tiến tới mỗi điểm của xã có từ 50 đến 100 ha định canh.

Về xây dựng phát triển kinh tế năm 1977, Huyện uỷ đã chỉ đạo phân thành 3 vùng . Trong đó, tại huyện Kon Plông có 02 vùng:

- Vùng 2: Gồm các xã Măng Cành, Măng Bút, Xã Hiếu, Đăk Rong. Vùng này cần phá tình trạng độc canh, cải tạo đồng ruộng, thâm canh, đưa lên 02 vụ, 02 lao động có 01 ha định canh, năng suất 04 tấn/ha. Phát triển thật mạnh màu: bắp, lang, chuối nước, mỳ, trồng cây ăn quả, chuẩn bị khai thác lâm nghiệp (Riêng Măng Bút trồng nhiều chè), phát triển mạnh đàn vịt. Tiến tới đạt xã 2.000 tấn.

- Vùng 3: Gồm các xã Đăk Ring, Ngọk Tem. Phấn đấu 04 lao động có 01 ha định canh, đưa lên 02 vụ năng suất 05 tấn/ha, phát triển cây công nghiệp, cây hàng hóa, cây ăn quả, trồng cây đặc sản quế, theo hướng lên quy mô, phát triển thành những đồng mỳ, để chế biến và đưa chăn nuôi lên thành ngành chính.

Nhiệm vụ khai hoang được Đảng bộ và quân dân trong huyện tập trung thực hiện trong 02 năm 1977-1978. Huyện uỷ chỉ đạo thành lập công trường khai hoang ở các xã, xây dựng các đội chuyên trách, lấy lực lượng thanh niên xung kích làm nòng cốt và huy động toàn dân tham gia. Huyện uỷ giao nhiệm vụ cho các xã thành lập các ban chỉ huy công trường và trực tiếp lãnh đạo, quản lý. Dưới sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương, ban chỉ huy các công trường đã mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm quản lý, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác khai hoang gắn với làm bờ vùng, bờ thửa ở từng đội sản xuất. Huyện uỷ thường xuyên phát động, mở các chiến dịch khai hoang, động viên và tổ chức tốt phong trào quần chúng tham gia khai hoang.

Trong năm 1977, toàn huyện hình thành 9 công trường khai hoang ở 8 xã (kể cả ở huyện Kon Rẫy), có lực lượng chuyên làm nòng cốt, đồng thời huy động toàn dân tham gia từng đợt. Một số nơi biết kết hợp dùng tay với trâu, có nơi kết hợp với cả máy để khai hoang san bằng đồng ruộng. Phong trào khai hoang, phục hóa thu hút quần chúng nhân dân tham gia ngày càng đông, tạo thành phong trào lao động sôi nổi, rộng lớn. Hằng ngày, trên các công trường luôn có hàng trăm, hàng ngàn công lao động tham gia khai hoang. Các công trường Măng Cành, Đăk Ring luôn duy trì quyết tâm thực hiện khai hoang liên tục. Công trường do huyện quản lý thực hiện kết hợp khai hoang với sản xuất để "lấy ngắn nuôi dài. Bước đầu các công trường khai hoang thực hiện gắn chặt khai hoang với làm thủy lợi thô sơ, đào mương đưa nước từ các đập thuỷ lợi về tưới. Từ kết quả đạt được trong khai hoang, phục hóa, nhiều cánh đồng lúa nước hình thành ở các xã Măng Bút, Măng Cành, Xã Hiếu.

Huyện uỷ xác định công tác định canh, định cư là cuộc vận động cách mạng có ý nghĩa lớn, nên đã chỉ đạo tăng cường công tác chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhất trí, nêu cao tinh thần tự lực, tự giác thực hiện. Trong năm 1977, Đảng bộ chỉ đạo chính quyền và các ngành chức năng vận động quần chúng nhân dân từ vùng cao xuống vùng đất thấp, bằng làm ruộng, làm nà, thổ, hình thành những điểm định canh mới ở vùng xã Hiếu, Măng Cành, Măng Bút. Năm 1977, toàn huyện có 6/10 xã định canh, định cư, chiếm tỷ lệ dân số 11.000/15.000 người. Năm 1978, Huyện uỷ đặt mạnh vấn đề tập trung chỉ đạo định canh định cư. Toàn huyện quy hoạch hình thành 47 vị trí định canh, định cư. Nhiều điểm định canh, định cư được đưa ra quần chúng thảo luận nhất trí, tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa ý Đảng, lòng dân. Đại bộ phận quần chúng xã Măng Cành đều được định cư cơ bản. Trong năm 1978, toàn huyện làm 501 nhà mới theo hướng định cư, tranh thủ kinh phí hỗ trợ của trên trang bị 415 giường, một số giếng nước cho các hộ dân cư ở các điểm định cư mới.

Đến cuối năm 1978, toàn huyện từng bước định cư cơ bản cho gần 15.000 đồng bào các dân tộc. Các điểm định cư đều ở vùng đất thấp, gần đường giao thông, phù hợp thuận tiện, hướng theo quy mô tập đoàn và đội sản xuất. Tại các điểm định canh, định cư ở các thôn, xã, bước đầu có sự đổi mới nơi ăn ở, học hành, đi lại... tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong quần chúng nhân dân. Có thể nói, công tác định canh, định cư là một cuộc vận động có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, được quần chúng thảo luận và nhất trí, thể hiện rõ ý nghĩa vừa là nội dung tổ chức lại sản xuất, vừa xây dựng nông thôn mới, từng bước gắn định canh, định cư, phát triển kinh tế với quốc phòng.

Công tác thuỷ lợi được xem là biện pháp hàng đầu trong phát triển sản xuất nông nghiệp, gắn chặt với khai hoang xây dựng cánh đồng và định canh, định cư. Trong phương hướng và biện pháp chỉ đạo, Huyện uỷ đều đặt mạnh trọng tâm phát triển thuỷ lợi nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. chỉ đạo thành lập đội công trình thủy lợi do Uỷ ban nhân dân huyện trực tiếp quản lý làm nòng cốt phát triển thuỷ lợi; chỉ đạo các cấp chính quyền tranh thủ sự trợ giúp của tỉnh, tiết kiệm nguồn kinh phí và huy động sự đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình thuỷ lợi. Các công trình thuỷ lợi phải phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nước tưới cho diện tích đất khai hoang và các cánh đồng. Huyện uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia làm thủy lợi, đưa công tác thủy lợi lên thành phong trào hành động cách mạng.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, sự quan tâm đầu tư của các cấp, các ngành và đóng góp tích cực của quần chúng nhân dân, phong trào làm thủy lợi, nhất là tiểu thủy nông phát triển rộng rãi. Năm 1977, huyện phát động phong trào toàn Đảng, toàn quân, toàn dân làm công tác thủy lợi, kết hợp chặt chẽ giữa nhà nước và nhân dân cùng làm, ngoài việc tập trung nạo, vét kênh mương, bảo dưỡng các công trình đã có, phát triển mạnh thủy lợi nông thôn, đầu tư mua thêm các máy bơm, bảo đảm nước tưới cho 600 ha lúa xuân và 1.200 ha lúa mùa của năm 1977. Trong 02 năm 1977- 1978, toàn huyện củng cố và làm mới được 218 mương đập, bảo đảm nước tưới cho trên 1.300 ha ruộng lúa xuân, lúa mùa. Đến năm 1979, Huyện đầu tư xây dựng xong 22 công trình thuỷ lợi nhỏ và vừa, đầu tư trang bị 10 máy bơm tưới nước.

Huyện uỷ luôn quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, nhằm tạo ra nguồn lương thực tại chỗ để giải quyết những khó khăn cấp bách về đời sống của nhân dân. Hai năm đầu sau giải phóng, diện tích gieo trồng vẫn chưa đạt kế hoạch theo yêu cầu. Trước tình hình đó, ngày 10/5/1977, Huyện uỷ ra Chỉ thị nắm vững vị trí cây trồng, nắm vững thời vụ, áp dụng kỹ thuật thâm canh, kiên định chi tiêu kế hoạch, dốc toàn bộ nhân lực ra sản xuất, quyết đạt và vượt chi tiêu diện tích cây trồng trong vụ hè năm 1977. Trong biện pháp chỉ đạo, Huyện ủy yêu cầu các ngành, giới phối hợp chặt chẽ trong triển khai thực hiện chiến dịch sản xuất; các xã tập trung chỉ đạo chiến dịch sản xuất, chỉ đạo sản xuất như chỉ huy chiến đấu: đặt đúng mức biện pháp làm phân và bón phân cho lúa theo đúng kỹ thuật và phòng trừ sâu bệnh:... Tiếp đến, ngày 13-7-1977, Huyện ủy ra chỉ thị về việc thâm canh, tăng năng suất, đảm bảo tổng sản lượng lương thực đạt 10.000 tấn, đẩy mạnh sản xuất vụ thu, chăm lo đời sống quần chúng. Chỉ thị yêu cầu các xã, các ngành triển khai gấp việc phát động từng đợt chiến dịch, toàn dân dốc sức ra đồng bón phân, làm cỏ kịp thời vụ trên toàn diện tích gieo trồng; có kế hoạch chăm lo giải quyết kịp thời đời sống quần chúng; tiếp tục đẩy mạnh sản xuất vụ thu;...

Triển khai sự chỉ đạo của Huyện ủy, các cấp ủy đảng, các ngành đã đẩy mạnh sản xuất, hướng nhân dân tập trung vào làm ruộng, làm thủy lợi, thực hiện thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật trong cách bón phân, chăm sóc cho lúa và các loại cây trồng... Nhờ đó, năng suất lúa, màu cả 02 vụ đông xuân và hè thu hàng năm đều tăng. Một số đồng ruộng tăng sản lượng lần đầu dạt mức 5 tấn/ha/vụ. Trong năm 1977, Huyện triển khai cấy lúa thí điểm ở vùng lạnh các xã phía đông Trường Sơn, bước đầu đem lại kết quả tốt. Diện tích gieo trồng được mở rộng, năm 1977 tăng hơn năm 1976 là 1.171,2ha, năm 1978 đạt 3.908ha. Sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người hàng năm đều tăng. Tổng sản lượng lương thực năm 1977 là 7.655tấn (kể cả màu), năm 1978 đạt 7.240tấn (qui thóc). Bình quân nhân khẩu năm 1977 đạt 480 kg/người/ năm; 1978 đạt 481 kg/người/năm.

Đảng bộ chỉ đạo các cấp, các ngành cần quan tâm hướng dẫn, tạo điều kiện để nhân dân phát triển chăn nuôi. Thực hiện chỉ đạo của Đảng bộ, ngành chức năng và chính quyền cơ sở đã tổ chức lại chăn nuôi theo cơ cấu kinh tế vùng đã quy hoạch, hướng dẫn cho nhân dân cách thức nuôi và chăm sóc từng loại gia súc gia cầm, cách phòng chống dịch bệnh. Nhờ đó, phong trào chăn nuôi trong nhân dân được giữ vững và phát triển. Đến năm 1978, đàn trâu, bò trong huyện có 1.743 con, đàn lợn có 7.026 con, gia cầm có 13.321 con. Huyện có 9 ha diện tích mặt nước để nuôi thả cá. Riêng “Ao cá Bác Hồ” được xây dựng tại trung tâm huyện lỵ có diện tích 0,7 ha, nuôi thả 5.000 cá giống các loại.

Nhờ tập trung đẩy mạnh khai hoang, xây dựng cánh đồng làm thủy lợi, thực hiện định canh, định cư, phát triển sản xuất nên đã từng bước ổn định đời sống nhân dân trong những năm đầu sau giải phóng. Sản lượng lương thực tăng dần hàng năm và phong trào chăn nuôi duy trì tốt đã trang trải được một phần lương thực của địa phương, giải quyết được nạn đói giáp hạt và đói triền miên của nhân dân. Một số xã đã thực hiện được nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Đây là một thành công lớn của Đảng bộ huyện trong việc lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế những năm đầu sau giải phóng, tạo tiền đề cho bước phát triển nối tiếp.

Từ ngày 10 đến 12-5-1979, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ VIII được tổ chức tại Trung tâm huyện lỵ (nay là thị trấn Đăk Rơ Ve). Về dự Đại hội có 141 Đại biểu đại diện cho 16 tổ chức cơ sở đảng và toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ. Nhiệm vụ của Đại hội là tập trung đánh giá những thành tựu lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ khoá VII, phân tích làm rõ những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân. Từ đó, xác định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ khoá VIII. Đồng thời, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá VIII và đoàn đại biểu của huyện dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII. Tại Đại hội, các đại biểu đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VIII gồm 29 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng được bầu lại giữ chức Bí thư Huyện ủy. Các đồng chí: Hồ Ngọc Quyết, A Nhân được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Đại hội khẳng định: Thời gian qua, với tinh thần cách mạng tiến công, toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong huyện tập trung sức xây dựng phát triển kinh tế, tạo ra một số cơ sở vật chất ban đầu, nhất là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu diện tích cây trồng, đạt phần lớn tổng sản lượng lương thực, cơ bản giải quyết nạn đói kinh niên, từng bước thực hiện định canh, định cư ổn định và cải thiện đời sống quần chúng, góp phần làm nghĩa vụ đối với nhà nước, các ngành kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục, y tế đều có bước tiến bộ, trưởng thành.

Công tác quân sự địa phương và công an nhân dân có nhiều chuyển biến mới, xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang và công an nhân dân tăng về số và chất lượng, sẵn sàng chiến đấu và tham gia chiến đấu; đồng thời kết hợp với phát động quần chúng truy quét FULRO bắt và diệt một số tên cầm đầu ngoan cố, trấn áp bọn phản cách mạng, cơ bản giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Xây dựng cơ chế chuyên chính vô sản (Đảng, chính quyền, đoàn thể) có bước chuyển biến mới và trưởng thành, tăng cường sức chiến đấu của Đảng, tăng cường khối đoàn kết nhất trí từng bước phát huy vai trò chức năng của chính quyền và các đoàn thể, từng bước phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tập trung sức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu, từng bước xây dựng một số cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội và chăm lo cải thiện đời sống quần chúng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đại hội cũng nghiêm túc kiểm điểm những hạn chế, yếu kém, đó là: Chỉ đạo xây dựng phát triển kinh tế chưa toàn diện, tốc độ tăng chậm chưa tương xứng với khả năng và thuận lợi. Nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế chưa đạt hoặc quá thấp. Công tác phát động quần chúng truy quét FULRO, trấn áp bọn phản cách mạng thiếu chặt chẽ, triệt để, có lúc còn chủ quan, mất cảnh giác; xây dựng vùng yếu và thanh khiết nội bộ quần chúng chưa bảo đảm, có nơi bọn FULRO còn lũng đoạn tư tưởng một số quần chúng, nắm dân một số vùng yếu, cài cắm một số tay chân vào một số tổ chức của ta. Công tác nắm tình hình, phát hiện, xác minh thiếu nhạy bén, kịp thời, phương thức đánh địch chưa sắc bén. Phong trào văn hoá, giáo dục, y tế thiếu chặt chẽ, chưa đi vào chiều sâu, chưa sát cơ sở, chất lượng và hiệu quả yếu, đời sống tinh thần vật chất của quần chúng, cánbộ, chiến sỹ, công nhân viên còn nhiều khó khăn.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng, tổ chức chưa sâu sắc và kịp yêu cầu, chưa trẻ hóa đội ngũ cán bộ đảng viên, sinh hoạt nội bộ chưa vững nề nếp, đấu tranh nội bộ tự phê bình và phê bình yếu, công tác phát triển đảng viên thiếu tích cực, chưa phát huy tốt nguyên tắc tập trung dân chủ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. lề lối làm việc, phương thức lãnh đạo còn nhiều lúng túng, bảo thủ. các cấp ủy chưa tâm, đầu tư đúng mức chăm lo xây dựng Đảng trong tình hình mới, nhất là tổ chức đảng cơ sở còn nhiều yếu kém. Công tác chính quyền còn nhiều lúng túng, chưa phát huy đúng chức năng. Xây dựng chính quyền, các đoàn thể ở cơ sở quá yếu, còn hiện tượng hành chính hóa các đoàn thể.

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ chung của Đảng bộ trong thời gian đến, trong đó chỉ rõ phương hướng kinh tế lâu dài của huyện là: “Lâm, nông, công nghiệp, trước mắt xây dựng phát triển nông nghiệp toàn diện, để tạo cơ sở bàn đạp đi lên. Trong nông nghiệp trọng tâm là lương thực, thực phẩm, nắm vững biện pháp thâm canh tăng năng suất, mở rộng diện tích (khai hoang) đi đôi với xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, định canh định cư" .

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế do đại hội VIII đề ra, trong hai năm 1979, 1980, Huyện ủy Kon Plông tăng cường chỉ đạo khai hoang, phát triển sản xuất. Năm 1979, do thời tiết không thuận lợi nhưng nhờ Huyện ủy tập trung lãnh đạo, coi trọng công tác thâm canh tăng vụ, đi đôi với mở rộng diện tích bằng khai hoang xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, triển khai các biện pháp kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nên tổng sản lượng lương thực đạt 7.829,7 tấn (quy thóc), tăng 6,6% so với năm 1978. Tiếp tục đà phát triển sản xuất, đến năm 1980, tổng sản lượng lương thực tăng lên đến 10.000 tấn.

Về nhiệm vụ khai hoang, phục hóa, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các ngành các địa phương chú trọng duy trì, mở rộng các công trường khai hoang, tận dụng tối đa máy móc kết hợp với lao động thủ công để mở rộng diện tích... nhờ đó, sự nỗ lực của các cấp, ngành, và tinh thần tích cực của nhân dân nên diện tích khai hoang tiếp tục được mở rộng. Năm 1979 toàn huyện khai hoang thêm được 103 ha, xây dựng cánh đồng 68 ha, đến năm 1980 khai hoang, xây dựng cánh đồng thêm được 50 ha, đưa tổng diện tích khai hoang phục hóa toàn huyện đạt 960 ha, nâng diện tích định canh định cư toàn huyện là 1.820 ha.

Đối với công tác thủy lợi, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo tập trung thiết bị, vật tư, lao động vào việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình đã có, đặc biệt là thi công các công trình đầu mối, trọng điểm là công trình Đăk Snghé, duy trì thường xuyên hoạt động của các trạm bơm của các tập đoàn sản xuất để bảo đảm nước tưới cho vụ xuân và vụ mùa. Đến năm 1980, trên địa bàn huyện đã xây dựng được 357 công trình thủy lợi lớn nhỏ và 125 km kênh mương, đảm bảo nước tưới cho 1.595 ha lúa, trong đó có 260 ha ruộng lúa 02 vụ và hơn 50 ha dùng máy bơm tưới cho các loại cây hoa màu.

Về phát triển chăn nuôi, Huyện ủy quan tâm lãnh đạo theo hướng giữ vững và phát triển phong trào chăn nuôi trong nhân dân. Năm 1979 tổng đàn trâu bò trong huyện có 1.955 con tăng 563 con so với năm 1978. Đến năm 1980 tăng lên 2.300 con. Riêng chăn nuôi lợn có sự phát triển mạnh. Năm 1979 có 6.000 con đến năm 1980 tăng lên 11.210 con. Gia cầm các loại năm 1979 có 13.000 con, năm 1980 tăng lên 19.217 con. Sự phát triển của phong trào chăn nuôi trong nhân dân trong hai năm 1979, 1980 không những góp phần quan trọng vào việc phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp mà còn cung cấp nhu cầu thực phẩm thiết yếu cho nhân dân.

***1.2. Thực hiện cải tạo nông nghiệp, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể***

Đồng bào các dân tộc huyện Kon Plông sống trên vùng đất rộng, người thưa, vốn quen với tập quán du canh, du cư, làm ăn riêng rẽ, tự cung, tự cấp. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, các cấp ủy đảng đã lãnh đạo và từng bước đưa đồng bào vào con đường làm ăn tập thể bằng hình thức “vòng đổi công” và “hợp tác tương trợ lao động". Nhờ đó, sản xuất phát triển, lương thực làm ra đủ ăn, có dự trữ và đóng góp cho kháng chiến.

Phát huy truyền thống đó, sau ngày giải phóng, khi các huyện sáp nhập lại, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ VII đã đề ra cuộc vận động xây dựng Hợp tác hoá nông nghiệp, đưa 100% nông dân vào con đường làm ăn tập thể. Song thời điểm này, do chưa tiếp nhận chủ trương của trên nên hình thức và quy mô làm ăn tập thể của nông dân vẫn chưa xác định rõ.

Tháng 12-1976, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV chủ trương “Tiến hành hợp tác hóa đi đôi với thủy lợi hóa, coi trọng cả xây dựng hợp tác xã và nông trường quốc doanh, gắn liền xây dựng hợp tác xã với xây dựng huyện". Về giải quyết vấn đề quan hệ sản xuất, Huyện uỷ chủ trương vận động xóa bỏ tư liệu sản xuất cá thể, chuyển thành sở hữu tập thể, xây dựng điểm 2 hợp tác xã nông nghiệp: Đăk Kôi, Măng Cành, các xã khác xây dựng thành các đội sản xuất, quy mô thích hợp, trên dưới 200 lao động. Ruộng đất giao cho đội quản lý theo địa giới từng đội. Trâu bò đưa vào sở hữu tập thể. Từng đội giải quyết tốt công tác 3 quản, đồng thời nắm vần đề kỷ thuật, thâm canh, tăng vụ , mở rộng diện tích gieo trồng, để tăng tổng sản lượng lương thực. Xã lãnh đạo sát các đội sản xuất . Phương châm chỉ đạo của Huyện ủy đối với việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện là: kết hợp cải tạo và xây dựng, nhưng xây dựng là chủ yếu.

Tháng 8-1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị 15-CT/TW về nắm vững và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam, nhằm “xoá bỏ bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột ở nông thôn, đưa nông dân vào con đường hợp tác xã và đi lên chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động, xây dựng cơ sở, vật chất kỹ thuật và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, phân công lại lao động và tăng năng suất lao động, từng bước cải thiện đời sống nông dân, xây dựng nông thôn mới".

Triển khai Chỉ thị 15-CT/TW của Ban Bí thư, Tỉnh uỷ Gia Lai- Kon Tum thành lập Ban Cải tạo nông nghiệp để giúp Tỉnh ủy chỉ đạo công tác cải tạo nông nghiệp trong toàn tỉnh. Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành chức năng mở lớp đào tạo cán bộ, tăng cường bo sung cán bộ cho các địa phương để thực hiện công tác cải tạo nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã.

Thực hiện chủ trương Trung ương và hướng dẫn của Ban Cải tạo nông nghiệp tinh Huyện ủy Kon Plông lãnh đạo thực hiện công cuộc cải tạo nông nghiệp, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp trên địa bàn huyện.

Tháng 02-1978, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị cải tạo nông nghiệp toàn tỉnh, xác định hình thức, bước đi, quy mô tổ chức của phong trào là “từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ tổ đoàn kết sản xuất lên tập đoàn sản xuất rồi hợp tác xã nông nghiệp”; đồng thời chỉ rõ huyện Kon Plông là một trong những địa phương đã có phong trào hợp tác tương trợ lao động trong kháng chiến, thì nhiệm vụ trước mắt cần tích cực củng cố cả về quy mô, tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng phong trào, bảo đảm đạt trên 90% nông dân vào đội hợp tác tương trợ lao động theo quy mô lớn, tạo điều kiện để đi lên hợp tác xã vững chắc. Triển khai chủ trương của Tỉnh ủy, từ ngày 11 đến ngày 13/3/1978, Huyện ủy tổ chức hội nghị bàn về cải tạo nông nghiệp toàn huyện. Hội nghị xác định mục tiêu phấn đấu từ năm 1978 đến năm 1980, toàn Đảng bộ cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức vận động nhân dân vào tổ chức làm ăn tập thể phù hợp với tình hình của huyện. Mạnh dạn đưa nhân dân vào làm ăn tập thể dưới hai hình thức: Hợp tác hóa, đội liên thôn. Phấn đấu cuối năm 1980 đạt 100% hợp tác hóa nông nghiệp. Năm 1978, đưa 5 xã có phân công thích hợp. Hội nghị đề ra một số biện pháp lớn trong công tác chỉ đạo là:

- Về tư tưởng: Tiến hành tổ chức cho đảng viên ở các Đảng ủy, chi bộ trong toàn Đảng bộ và quần chúng học tập những chỉ thị nghị quyết của cấp trên và nghị quyết của Huyện ủy về cải tạo nông nghiệp, làm cho toàn Đảng, toàn dân quán triệt sâu sắc mục đích yêu cầu, mục tiêu phấn đấu, nội dung cơ bản việc cải tạo nông nghiệp. Vận động 100% nhân dân vào tổ chức làm ăn tập thể.

- Về tổ chức: Đưa tổ chức làm ăn tập thể với quy mô dưới hai hình thức: Hợp tác hóa, đội liên thôn.

- Về tổ chức: Đưa tổ chức làm ăn tập thể với quy mô dưới hai hình thức: Hợp tác hóa, đội liên thôn.

Hội nghị đặt vấn đề khẩn trương đào tạo cán bộ cho hợp tác xã và các đội sản xuất. Đồng thời, chỉ ra những vấn đề cần nắm vững trong chỉ đạo là: lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức lại sản xuất, cải tạo nông nghiệp cần nắm vững tinh thần vừa cải tạo, vừa xây dựng, lấy xây dựng làm chính. Tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, đội sản xuất phải gắn chặt xây dựng cánh đồng, định canh, định cư, xây dựng nông thôn mới.

Tháng 10-1978, Huyện ủy thành lập Ban Cải tạo nông nghiệp huyện gồm 13 thành viên do đồng chí Hồ Ngọc Quyết, Phó Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban. Ban Cải tạo nông nghiệp huyện làm nhiệm vụ tham mưu giúp Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp công tác cải tạo kết hợp với xây dựng và phát triển nông nghiệp.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII đã đề ra biện pháp tăng cường cán bộ cho Ban Cải tạo nông nghiệp ở các địa phương và nhấn mạnh giải pháp làm chuyển biến tư tưởng sâu sắc trong Đảng và quần chúng ở cơ sở. Nghị quyết chỉ đạo mỗi ban ngành và xã coi đây là nhiệm vụ chính trị trung tâm của huyện và là nhiệm vụ chính của mình. Mục tiêu đặt ra là “hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp dưới 2 hình thức: Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, trong đó có 5 xã cơ bản hoàn thành hợp tác xã và 5 xã còn lại đều xây dựng tập đoàn sản xuất vững chắc.

Triển khai thực hiện tốt công tác cải tạo nông nghiệp trên địa bàn huyện, Huyện ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành tuyên truyền giải thích cho quần chúng hiểu rõ: công tác cải tạo nông nghiệp là yêu cầu khách quan cấp bách, nhằm xoá bỏ bóc lột ở nông thôn, dưa nông dân đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, đi lên xã hội chủ nghĩa... Từ đó, tiến hành giáo dục nâng cao giác ngộ và vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, đẩy mạnh xây dựng và phát triển nông nghiệp toàn diện. Mặt khác, tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của tỉnh, Huyện ủy tăng cường cán bộ cho ban cải tạo nông nghiệp, chỉ đạo triển khai công tác đào tạo cán bộ xã, cán bộ hợp tác xã, quy hoạch quy mô, hình thức xây dựng hợp tác xã, tổ đội sản xuất, tập đoàn sản xuất ở các xã. Tiến hành xây dựng xã điểm Đăk Kôi nhằm tạo ra hình mẫu về định cư và Hợp tác xã, với quy mô xây dựng hợp tác xã toàn xã. Sau khi xây dựng Đăk Kôi, tiếp tục tục xây dựng xã Măng Cành. Ngoài Đăk Kôi và Măng Cành, đối với các xã còn lại, chỉ đạo lập quy hoạch phân vùng cụ thể và tổng thể của huyện để xây dựng, từng bước hình thành huyện là địa bàn lâm nông công nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, từ năm 1977 đến 1980, công tác cải tạo nông nghiệp, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện. Trong năm 1977, xã Đăk Kôi được quy hoạch xây dựng theo hướng định cư toàn xã dọc theo đường giao thông từ Kon Kđó đến Kon Kgõ, xây dựng một số công trình công cộng của xã theo qui mô bán kiên cố và kiên cố; hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân định cư theo qui hoạch tổ chức lại sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng thời các xã Măng Cảnh. Măng Bút. Tân Lập cũng được triển khai theo hướng hợp tác hóa.

Nhờ nhân dân đã quen với hình thức làm ăn tập thể “vòng đổi công" và "Hợp tác tương trợ lao động” nên việc vận động đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể trên địa bàn huyện có phần thuận lợi. Năm 1979, toàn huyện đã vận động, đưa 100% nông dân vào làm ăn tập thể dưới 02 hình thức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất: xây dựng được 116 tập đoàn sản xuất. Các xã Đăk Kôi, Tân Lập, Măng Cành, Măng Bút hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp với 1.528 hộ, 9.442 khẩu tham gia. Hoạt động của các tập đoàn sản xuất đều bám sát nội dung theo các yêu cầu: sản xuất tăng, làm nghĩa vụ nhà nước tăng, cơ sở vật chất kỹ thuật tăng; thực hiện tốt công tác quản lý, phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên, cải thiện đời sống quần chúng. Đáng chú ý là trong năm 1979, huyện tập trung sức xây dựng thí điểm tập đoàn Kon Prai phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện bao gồm trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề, bước đầu đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực, nâng mức thu nhập bình quân của xã viên trong tập đoàn trên 5kg lương thực quy thóc.

Việc tổ chức đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể dưới hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã trên địa bàn huyện Kon Plông là một bước tiến lớn so với trước. Trong các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, quan hệ sản xuất mới hình thành, nhân dân cùng đoàn kết, gắn bó nhau trong sản xuất, làm ăn có sự tổ chức, phân công theo qui hoạch, có cán bộ hướng dẫn, biết dùng trâu bò cày, kéo, biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi gia súc, chọn giống và xử lý giống, biết cách chăm sóc, bón phân cho lúa và hoa màu. Quan hệ sản xuất mới tiến bộ đã từng bước cải tạo và thay thế dần quan hệ sản xuất cũ, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, từng bước nâng dần đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

***1.3. Phát triển lâm nghiệp, giao thông, thủ công nghiệp, thương nghiệp, mậu dịch***

Từ ngày 05 đến ngày 07-5-1976, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 về xây dựng và phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp 1976-1977, xác định: Phát triển kinh tế công nghiệp hiện nay gồm có 3 lực lượng: quốc doanh, hợp tác xã, và tư nhân lấy quốc doanh làm nòng cốt. Trước hết tổ chức hình thành nhanh chóng mạng lưới cơ khí từ tỉnh đến huyện. Tháng 8-1976, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị lần thứ 6 bàn chủ trương và biện pháp tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Tỉnh ủy chủ trương: Trong công tác thương nghiệp lấy việc xây dựng làm chính. Đối với nông thôn, chỉ tổ chức thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, không phát triển tư thương; tiến hành sắp xếp lại các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dưới hình thức các hợp tác xã và tổ sản xuất tiểu thủ công.

Về lâm nghiệp: Đảng bộ xác định Kon Plông là huyện có nguồn rừng phong phú, đa dạng về tài nguyên động thực vật, là một trong những thế mạnh của địa phương, Đảng bộ huyện đã quan tâm lãnh đạo phát triển lâm nghiệp, giao thông, thủ công nghiệp, thương nghiệp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII (10/1976) xác định cơ cấu kinh tế của huyện là lâm, nông, công nghiệp. Tiếp đến Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII (tháng 5-1979) đặt mục tiêu bảo vệ, chăm sóc và khoanh nuôi rừng, trồng mới 400 ha, khai thác 3.000 m3 gỗ tròn. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế, Huyện ủy luôn coi trọng công tác lâm nghiệp, nhất là phát triển nghề rừng, đồng thời có sự chỉ đạo các cấp, ngành chức năng thực hiện tốt công tác qui hoạch, phát triển, khai thác nguồn rừng, từng bước đưa nghề rừng trở thành nghề chính cho nhân dân toàn huyện. Huyện ủy chỉ đạo nghề rừng của huyện phải được chú ý ở cả hai mặt: khai thác chế biến gỗ, lâm đặc sản và trồng rừng.

Ngay từ những năm đầu sau giải phóng, Huyện uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành tuyên truyền vận động nhân dân tích cực trồng cây gây rừng trên những vùng đất hoang, đất trống nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; đồng thời, có kế hoạch, biện pháp khoanh nuôi rừng, bảo vệ rừng, nghiêm cấm đốt rừng, phá rừng bừa bãi, tổ chức lực lượng bảo vệ rừng, đẩy mạnh hoạt động kiểm lâm nhân dân; đẩy mạnh khai thác, vận chuyển, chế biến gỗ. Năm 1977, huyện Kon Plông đã thành lập Đội ươm cây gồm 27 người, xây dựng một số Trại ươm cây giống, thực hiện ươm và cung cấp giống cây trồng cho nhân dân, trong năm đã ươm 530.000 cây các loại; các xí nghiệp khai thác và chế biến gỗ trên địa bàn huyện đã khai thác 489 m gỗ thành khí, sản xuất 1.060 bàn ghế phục vụ nhu cầu tại chỗ. Năm 1978, huyện chỉ đạo trồng mới 210,1 ha rừng, trong đó có 167,1ha rừng thông, 32ha quế, 11ha mít; có kế hoạch khoanh nuôi rừng phòng hộ 4.300ha. Đi đôi với trồng rừng, huyện tổ chức cho nhân dân khai thác lâm sản và đặc sản dưới tán rừng để bán cho nhà nước; đồng thời, tổ chức khai thác gỗ phục vụ xây dựng cơ bản tại địa phương.

Về giao thông: Việc xây dựng và phát triển giao thông đối với huyện Kon Plông là nhiệm vụ vô cùng khó khăn, phức tạp do địa hình rộng, chia cắt, dân cư ở không tập trung. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện đặt ra yêu cầu Đảng bộ phải quan tâm chỉ đạo, xây dựng và phát triển mạng lưới giao thông. Ngay sau giải phóng, công tác giao thông được chú trọng triển khai nhằm đảm bảo đi lại thông suốt trên các vùng địa bàn; tập trung tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường giao thông đã có. Từ năm 1977 đến 1979, Huyện ủy đặt quyết tâm chỉ đạo mở đường ô tô đến xã Đăk Pne; làm đường thồ vào xã Đăk Krong; mở đường ô tô từ Kon Plông đến Kon Xu (Nước Lò); Phối hợp với tỉnh tu sửa đường số 5 từ huyện đến Kon Ktàu (xã Hiếu); tu sửa thông đường Đăk Kôi, làm đường thồ vào xã Ngọk Tem. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII (tháng 5-1979) tiếp tục đặt mục tiêu: thông xe đường Măng Bút, mở đường thồ vào 3 xã Đăk Ring, Ngọk Tem, Đăk Rong.

Để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành cần có sự phối hợp chặt chẽ. Ngành giao thông xây dựng đội giao thông, lấy đó làm nòng cốt, tích cực huy động quần chúng nhân dân phối hợp với các lực lượng để thực hiện tốt công tác giao thông. Với sự chỉ đạo của Huyện ủy, sự nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân, từ năm 1977 đến 1979, huyện đã hoàn thành việc mở đường ô tô vào xã Đăk Pne dài 16 km, tu sửa đường vào xã Đăk Kôi. Măng Cành, xã Hiếu; làm mới đường từ xã Hiếu vào xã Ngọk Tem dài 3 km. Gắn với giao thông, từ năm 1977 đến 1979, huyện duy trì thường xuyên việc hợp đồng 02 đầu xe vận tải trên tuyến đường Kon Plông - Kon Tum để phục vụ nhu cầu đi lại của cán bộ và nhân dân.

Các ngành thủ công nghiệp: Những năm đầu sau giải phóng, quy mô các ngành thủ công nghiệp trên địa bàn huyện còn nhỏ bé, chỉ mới hình thành một số xí nghiệp chế biến gỗ, cơ sở sản xuất gạch ngói, lò rèn... Được sự chỉ đạo của Huyện ủy, sự quan tâm của các cấp, các ngành, các cơ sở công nghiệp và thủ công nghiệp tập trung vào sản xuất những mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Hai năm 1977-1978, các xí nghiệp gỗ, gạch cố gắng khắc phục khó khăn, sản xuất 488m gỗ thành khí, 950.000 viên gạch phục vụ xây dựng các công trình của huyện, của tỉnh. Một số cơ sở mộc và lò rèn đã sản xuất 1.837 đồ mộc dân dụng, rèn 879 nông cụ phục vụ nhu cầu đời sống và sản xuất của nhân dân. Năm 1979, huyện xây dựng Xưởng cơ khí tại Kon Prai. Các cơ sở sản xuất thực hiện được 967m gỗ tròn, 372m gỗ thành khí, 644 đồ mộc dân dụng, 485.000 viên gạch, 20.000 viên ngói, 1.090 nông cụ cầm tay.

**2. Chăm lo, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, thực hiện chính sách xã hội**

Sau giải phóng, mặt bằng dân trí của huyện còn thấp, tỷ lệ người mù chữ khá đông. Đảng bộ huyện Kon Plông đã quan tâm lãnh đạo việc mở mang và phát triển giáo dục nhằm nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 66 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 04-8-1976, Ban Thường vụ Huyện uỷ Kon Plông đã ban hành Chỉ thị số 05/VP/CT về xoá mù chữ và bổ túc văn hoá cho cán bộ, đảng viên và nhân dan trong huyện. Đây là một chỉ thị hết sức quan trong đối với sự nghiệp giáo dục của huyện, thể hiện sự quan tâm lãnh đạo của Huyện uỷ nhằm khắc phục tình trạng mù chữ, nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện. Ban Thường vụ Huyện uỷ xác định việc xoá mù chữ, bổ sung văn hoá có ý nghĩa rất lớn về cả chính trị, kinh tế và xã hội, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi chính đáng của cán bộ, đnagr viên và nhân dân trên địa bàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, Đại hội VIII của Đảng bộ huyện, từ năm 1977 đến 1980, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, các loại hình giáo dục trên địa bàn huyện như giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, bình dân học vụ, mẫu giáo, nhà trẻ đều được mở đến tận thôn xã, trong các cơ quan, đơn vị, công trường, hợp tác xã. Số lượng trường lớp, học sinh và chất lượng dạy và học có bước phát triển, tăng dần hàng năm. Năm 1977 trên địa bàn huyện có 96 phòng học, 256 gian nhà ở cho thầy và trò. Đáng chú ý là phong trào bổ túc văn hóa và bình dân học vụ những năm đầu sau giải phóng được các cấp uỷ chú trọng quan tâm. Hầu hết các thôn, xã các cơ quan, đơn vị, công trường, đều có người tham gia các lớp bình dân học vụ, nhờ đó đã giảm nhanh tỷ lệ người mù chữ.

Năm học 1977-1978, huyện đã thực hiện xoá mù chữ cho 3.429 người thuộc 9/10 xã, đạt 83% kế hoạch. Toàn huyện, có 54 lớp bổ túc văn hoá với 1.757 học viên; phổ thông và mẫu giáo có 92 lớp với 1.753 học sinh. Năm học 1978-1979 trường học và học sinh tăng lên, toàn huyện có 138 lớp phổ thông và mẫu giáo với 2.455 học sinh; bổ túc văn hoá có 1.477 học viên, có 1.172 người theo học các lớp xoá mù chữ. Năm 1979, toàn huyện có 152 giáo viên giảng dạy tại các trường. Đáng chú ý là năm học 1980-1981 có sự khởi sắc trong phong trào giáo dục, toàn huyện có 3.402 học sinh và học viên theo học các lớp phổ thông và bổ túc. Chất lượng học sinh qua kỳ thi chuyển lớp đạt khá hơn trước, riêng thi chuyển cấp II đạt 100%.

Trên lĩnh vực y tế, việc ăn ở thiếu vệ sinh, tình hình đói, đau, lạt, rách của nhân dân sau chiến tranh chưa được giải quyết tốt, nguy cơ phát sinh dịch bệnh cao. Trước tình hình đó, Huyện ủy đã coi trọng lãnh đạo và chỉ đạo công tác y té nhằm nâng cao sức khoẻ cho nhân dân. Huyện ủy chỉ đạo ngành y tế và các cấp, ngành tích cực vận động nhân dân thực hiện các biện pháp đẩy mạnh phong trảo vệ sinh phòng bệnh, phòng trừ dịch bệnh. Thực hiện tốt 3 công trình vệ sinh và 5 dứt điểm của ngành y tế'. Nổi nhất là hai xã Tân Lập và Măng Bút. Thực hiện phương châm: “Phòng bệnh là chính, chữa bệnh là quan trọng”; kết hợp đông y với tây y trong phòng và chữa bệnh. khai thác sản xuất, chế biến và sử dụng dược liệu thuốc nam tại địa phương để phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Mặt khác, Huyện ủy quan tâm đến việc kiện toàn, xây dựng hệ thống cơ sở y tế; chăm lo phát triển đội ngũ y, bác sỹ. xây dựng các cơ sở khám chữa bệnh từ tỉnh đến cơ sở. Từ năm 1976 đến 1980, hệ thống tổ chức ngành y tế và cơ sở khám chữa bệnh từng bước được hình thành từ huyện đến cơ sở. Hai năm 1978, 1979, huyện tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng bệnh viện huyện tại Trung tâm huyện lỵ, bệnh xá tại khu vực Kon Prai và 10 trạm xá xã. Các cơ sở y tế đều được trang bị dụng cụ y tế và thuốc điều trị đầy đů.

Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Huyện uỷ, sự cố gắng của ngành y tế, công tác chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân và cán bộ, công nhân viên chức trên địa bàn được bảo đảm. Các dịch bệnh như sốt rét, dịch hạch, kiết lỵ... giảm nhiều; tỷ lệ bệnh sốt rét trên địa bàn huyện giảm từ 28,8% (năm 1978) xuống còn 2,08% (năm 1979). Nhân dân thực hiện ăn ở đảm bảo vệ sinh, hạn chế, đẩy lùi dần những phong tục lạc hậu như cúng bái khi đau ốm...

Chỉ đạo công tác văn hoá thông tin tập trung vào nhiệm vụ tuyên truyền cổ động phục vụ nhiệm vụ trung tâm, tuyên truyền các ngày lễ lớn và đưa phim ảnh, hoạt động văn nghệ xuống cơ sở phục vụ đời sống tinh thần nhân dân. Năm 1978, huyện xây dựng và củng cố đài truyền thanh, đến năm 1979 mở rộng hệ thống loa đài truyền thanh đến xã Tân Lập. Huyện xây dựng đội thông tin cổ động làm nòng cốt trong công tác tuyên truyền cổ động. Phong trào văn nghệ quần chúng hình thành và phát triển từ thời kỳ kháng chiến tiếp tục được duy trì và phát triển sổi nổi. Mỗi làng đều có 01 Đội văn nghệ quần chúng; nội dung tiếng hát, lời ca, điệu múa đều mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, ca ngợi Đảng, Bác Hồ, ca ngợi cuộc sống mới... Năm 1977, huyện xây dựng được 05 đội văn nghệ ở 05 xã, tổ chức đội văn nghệ huyện tham gia hội diễn văn nghệ toàn tỉnh, có 01 tiết mục tham dự Hội diễn văn nghệ toàn Miền được huy chương đồng. Năm 1979, Huyện tổ chức Hội diễn văn nghệ toàn huyện thu hút đông đảo người xem. Đội văn nghệ của huyện tham dự Hội diễn văn nghệ của tỉnh được tặng thưởng 01 huy chương vàng, 03 huy chương bạc. Hoạt động văn hoá thông tin đã góp phần quan trọng vào việc đưa chủ trương, chính sách của Đảng đến với quần chúng nhân dân.

Việc thực hiện chính sách xã hội được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo việc thực hiện. Sau giải phóng, Huyện uỷ đã chỉ đạo thực hiện công tác điều tra, xác minh những người có công với cách mạng, các gia đình thương binh, liệt sỹ được tiến hành ngay sau giải phóng. Năm 1977, toàn huyện điều tra và xác nhận 100 liệt sỹ. Những thương binh, thân nhân liệt sỹ được các cấp, ngành chức năng quan tâm chăm lo, được hưởng trợ cấp và các chính sách ưu đãi theo đúng quy định. Huyện ủy chỉ đạo các cấp, ngành chức năng quan tâm đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có sự hỗ trợ kịp thời khi cần thiết và có biện pháp ổn định lâu dài về đời sống. Hai năm 1977-1978, được sự phân bố từ cấp trên, huyện đã tổ chức cấp phát quần áo, vải các loại, chăn đắp, muối ăn cho đồng bào vùng căn cứ cũ; cấp 13 tấn gạo cứu đói cho đồng bào vùng mới giải phóng. Năm 1979, trợ cấp khó khăn cho 22 hộ.

**3. Giữ vững an ninh, quốc phòng, truy quét FULRO**

Sau giải phóng miền Nam (30-4-1975), đất nước hoà bình độc lập, thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, song các thế lực phản động và thù địch với âm mưu phá hoại nền độc lập tự do của đất nước ta vẫn luôn tìm mọi cách để chống đối, ngăn cản, phá hoại. Tháng 02-1977, Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết về việc giải quyết vấn đề FULRO ở Tây Nguyên đã xác định: "Trước mắt cần kiên quyết tập trung lực lượng liên tục phát động quần chúng, truy quét tiêu diệt FULRO, loại trừ bạo loạn, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, xây dựng thực lực ta về mọi mặt, xây dựng lực lượng cơ sở vững mạnh toàn diện, chuyển phong trào vùng yếu lên vững chắc nhằm từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân và thực hiện tốt chính sách của Đảng ở nông thôn…”.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn huyện Kon Plông sau giải phóng diễn ra nhiều vấn đề phức tạp. Đời sống quần chúng, nhất là vùng mới giải phóng chưa thật sự ổn định. Số phần tử ngoan cố đã từng tham gia quân đội và chính quyền cũ, tham gia các đảng phái phản động vẫn còn trà trộn, lẩn trốn trong dân, chưa chịu ra trình diện khai báo với chính quyền cách mạng. Bọn FULRO vẫn lẩn trốn ngoài rừng, bọn phản động lợi dụng tôn giáo vẫn ẩn náu trong dân... ngấm ngầm thực hiện chống đối cách mạng. Các thành phần phản động trên có sự liên lạc, móc nối, cấu kết với nhau để xây dựng cơ sở, tổ chức hoạt động, thực hiện các âm mưu và hành động xảo quyệt để chia rẽ đoàn kết dân tộc, tiến hành gây rối an ninh xã hội ở nhiều nơi, phá hoại và cản trở công việc làm ăn, xây dựng cuộc sống mới của nhân dân.

Từ năm 1977, tình hình biên giới Tây Nam đất nước diễn biến phức tạp. Tập đoàn phản động Pôn Pốt được sự hậu thuẫn của các thế lực phản động, thù địch quốc tế đã liên tục xâm lấn lãnh thổ, gây chiến tranh biên giới. Trên địa bàn tỉnh, vùng biên giới phía tây (hướng Sa Thầy) luôn bị lực lượng Pôn Pốt xâm lấn, đánh úp các đồn biên phòng của ta, cướp phá và bắt một số dân vùng biên giới. Trong tình hình đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII (tháng 5-1979) đã xác định: Phải quán triệt và nắm vững nhiệm vụ chung của cả nước trong tình hình có chiến tranh biên giới, chiến đấu là đầu, xây dựng phát triển lực lượng vũ trang, bán vũ trang vững mạnh, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu địch, loại trừ bạo loạn.

Huyện ủy chủ trương nắm vững đặc điểm tình hình của đất nước và địa phương sau giải phóng, bảo đảm an ninh, quốc phòng; chỉ đạo xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang và công an nhân dân địa phương, nhanh chóng chuyển công tác quân sự và an ninh lên bước mới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời tăng cường giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân, thực hiện vũ trang nhân dân. Ngay sau giải phóng, đích thân đồng chí Bí thư Huyện uỷ phát động phong trào xây dựng quốc phòng toàn dân, phong trào bảo vệ an ninh nhân dân. Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, công tác quân sự và an ninh địa phương từng bước được kiện toàn, củng cố nâng lên bước mới.

Năm 1978, huyện thành lập Đại đội bộ đội địa phương, xây dựng 06 đại đội và 04 trung đội du kích xã, 01 đại đội tự vệ cơ quan. Trên vùng biên giới phía tây của tỉnh, các lực lượng vũ trang ta đã tấn công đáp trả hành động xâm lấn lãnh thổ của tập đoàn Pôn Pốt. Huyện Kon Plông đã huy động 252 du kích tham gia hoạt động vùng biên giới. Đại đội bộ binh huyện tham gia chiến đấu đánh 31 trận lớn nhỏ, diệt 34 tên địch, bắn bị thương 45 tên. Đến năm 1980, có 7/10 xã xây dựng được đội du kích, tổng số có 415 đồng chí; 01 đại đội tự vệ cơ quan với 171 người. Hằng năm, huyện đều thực hiện tốt việc đăng ký nghĩa vụ quân sự và tuyển quân, bổ sung lực lượng cho huyện và tỉnh.

Công tác an ninh từ sau ngày giải phóng đã tập trung sưu tra, bổ sung hồ sơ cơ bản đối với từng thành phần gồm: những người tham gia quân đội và chính quyền cũ, đảng phái, bọn phản động lợi dụng tôn giáo, FULRO, các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Thường xuyên theo dõi, phát hiện, điều tra, xác minh, khai thác và quản lý các đối tượng. Đồng thời, lực lượng công an tích cực phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh công tác phát động quần chúng, truy quét FULRO. Huyện ủy xác định: Giải quyết vấn đề FULRO là để bảo đảm tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn về trước mắt cũng như lâu dài nên dành sự chú trọng tập trung lãnh đạo.

FULRO là một tổ chức phản động hình thành trước năm 1975 ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Sau năm 1975, được sự hậu thuẫn và xúi giục của các thế lực phản động, thù địch, bọn phản động FULRO lợi dụng vấn đề lịch sử, dân tộc, kích động gây chia rẽ kinh - thượng, lừa mị, lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số giúp đỡ và theo chúng chống lại cách mạng, chống lại nhân dân. Hoạt động chủ yếu của FULRO là: tung tin, đồn nhảm, bịa đặt rằng “Sài Gòn thực chất chưa mất, chờ thời cơ Mỹ sẽ giải phóng Tây Nguyên”, hay như “Tây Nguyên là của các dân tộc Tây Nguyên, Tây Nguyên phải được tự trị"; chúng cấu kết với các phần tử phản động khác tung tin thất thiệt gieo rắc hoài nghi trong quần chúng, gây cản trở trong sản xuất, khai hoang, làm ăn tập thể, định canh, định cư... Mặt khác, chúng tổ chức xây dựng lực lượng hình thành các nhóm hoạt động vũ trang, tiến hành phục kích ám sát cán bộ, bộ đội, du kích, tập kích vào các cơ quan, kho lương thực để cướp phá, uy hiếp dân làng, bắt thanh niên theo chúng trốn ra rừng... Tại một số nơi, lợi dụng chính sách khoan hồng của cách mạng, tổ chức chính quyền, đoàn thể cơ sở còn yếu, sơ hở, chúng tìm cách chui vào để phá hoại, khống chế lũng đoạn tư tưởng quần chúng... Hoạt động của chúng vừa nhằm gây tiếng vang về chính trị, lừa phỉnh và uy hiếp đồng bào địa phương nghe theo chúng, phá hoại công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế xã hội của nhân dân ta.

Hai năm 1976, 1977, hoạt động của bọn FULRO còn ngấm ngầm, mang tính lẻ tẻ, chỉ có một vài tên lộ diện ở vùng Măng Bút, Đăk Ruồng, Đăk Kôi nhưng chưa có hoạt động gì mạnh. Kể từ tháng 9-1977, bọn Trung ương FULRO thành lập Khung Sư đoàn Đam Thih đứng chân tại Thị xã Kon Tum, sau đó thành lập thêm các khung tiểu đoàn và mở rộng phạm vi hoạt động trên vùng địa bàn tỉnh Kon Tum cũ, thì hoạt động của bọn FULRO ở huyện Kon Plông bắt đầu có sự trỗi dậy. Đến năm 1978, hoạt động của bọn FULRO ở Kon Plông bộc lộ rõ nét, đi vào chiều sâu. Chúng móc nối xây dựng cơ sở, tổ chức hành lang, lợi dụng hợp pháp để hoạt động cấu kết với các phần tử phản động khác.

Ở các làng Kon Trẻ, Kon Tờ In, Kon Dnâng (xã Đăk Ruồng) hoạt động của FULRO có biểu hiện phức tạp do chúng lợi dụng mối quan hệ cộng đồng làng, bà con, gia đình để cung cấp thông tin, tiếp tế gạo thịt. Tại đây có khoảng 10 tên FULRO có trang bị vũ khí, luôn bám địa bàn và thường xuyên di chuyển qua lại vùng giáp ranh giữa huyện với thị xã Kon Tum và Mang Yang để móc nối liên lạc, đẩy mạnh hoạt động. Làng Kon Trẻ, xã Đăk Ruồng bị FULRO dùng hình thức vũ trang tuyên truyền đột nhập 02 lần; đồng thời 01 toán FULRO khác xoi hành lang theo đường 5 xuống vùng Pờ Ê giáp Ba Tơ (Quảng Ngãi). Đầu năm 1979, tại các xã Đăk Ruồng, Đăk Pne, Măng Bút, lực lượng FULRO tại chỗ móc nối với bọn ở bên ngoài, lợi dụng tình cảm bà con, tình cảm cộng đồng làng, dân tộc đẩy mạnh hoạt động. Tại xã Đăk Ruồng, bọn FULRO mở phạm vi hoạt động ra 07 làng, và mở rộng hướng hoạt động lên vùng Măng Bút. Tháng 3/1979, bọn FULRO vào làng Kon Nhênh, xã Đăk Ruồng uy hiếp bắt dân nộp gạo, lũng đoạn tư tưởng một số quần chúng, đồng thời gài mìn mưu giết cán bộ huyện, xã về làng công tác, làm 01 em bé trong làng vướng min chết.

Nhận thức đầy đủ đặc điểm tình hình của đất nước, của địa phương sau ngày giải phóng, với tinh thần cảnh giác cách mạng trước mọi âm mưu và hành động của bọn phản động, Huyện ủy đặc biệt quan tâm chỉ đạo xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang và công an nhân dân vững mạnh để làm nòng cốt kết hợp với phong trào quần chúng tấn công, truy quét FULRO và đập tan các âm mưu và hành động của bọn phản động, bảo đảm an ninh chính trị trật tự xã hội.

Đối với vấn đề FULRO, Huyện ủy quán triệt đầy đủ tinh thần Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng: “Vấn đề FULRO không phải đơn thuần là vấn đề quân sự mà chủ yếu là vấn đề chính trị, phải giải quyết một cách cơ bản và lâu dài. Việc truy quét FULRO phải gắn liền với việc thực hiện chính sách của Đảng đối với dân tộc, đối với tôn giáo, gắn liền với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Tây Nguyên”. Trên tinh thần đó, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy đề ra nhiều biện pháp tích cực để giải quyết vấn đề FULRO.

Công tác tuyên truyền phát động quần chúng được đặt lên hàng đầu nhằm nâng cao giác ngộ chính trị, nhận thức rõ FULRO là một tổ chức phản động chống lại cách mạng, chống lại nhân dân; nghe, tin, giúp đỡ, đi theo FULRO là không đúng, là chống lại Đảng, chính quyền cách mạng, chống lại nhân dân. Gắn nội dung tuyên truyền phát động với vận động những gia đình, dân làng có người theo FULRO ra rừng kêu gọi người thân của mình trở về hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng, đoàn tụ với gia đình, với cộng đồng làng. Tại các vùng trọng điểm có FULRO hoạt động, Huyện ủy chỉ đạo thành lập các đội công tác trụ bám, tăng cường cán bộ xuống cơ sở, kết hợp công tác tuyên truyền vận động với xây dựng cơ sở trong nhân dân để phát hiện và nắm bắt kịp thời hoạt động liên lạc móc nối của bọn cài cắm bên trong với bọn ngoài rừng. Mặt khác, Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành vận động nhân dân tham gia phong trào làm ăn tập thể, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, không liên lạc, giúp đỡ, che giấu, tiếp tế cho FULRO, tích cực tham gia cùng các lực lượng công an, du kích phát hiện, truy quét bọn FULRO còn lẩn trốn ngoài rừng.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp ủy đảng, các lực lượng vũ trang, bán vũ trang, đội công tác và cán bộ các ngành liên tục trụ bám các địa bàn trọng điểm, thực hiện công tác phát động quần chúng truy quét FULRO và các bọn phản động khác. Quần chúng được tuyên truyền, vận động giáo dục đã hiểu được âm mưu, tội ác của FULRO và các bọn phản động khác, tích cực hưởng ứng phong trào làm ăn tập thể, đẩy mạnh sản xuất; tham gia cùng các đội công tác truy quét bọn FULRO.

Năm 1977, phát hiện tại vùng Măng Bút còn một số tên FULRO lẩn trốn ngoài rừng được sự liên lạc, tiếp tế của một số phần tử xấu trong vùng, Huyện ủy đã chỉ đạo các lực lượng theo dõi và phát động quần chúng truy quét bắt được 01 tên, diệt 02 tên. Tại Kon Xâm Lũ, lực lượng du kích đi tuần phát hiện và bắt được 01 tên FULRO. Năm 1978, tại xã Đăk Ruồng, nhận thấy rõ dấu hiệu hoạt động của FULRO tại các làng Kon Tờ Nê, Kon Tờ Xin, Kon Dnâng, huyện tổ chức ngay đội công tác trụ bám. Qua theo dõi, làm công tác phát động quần chúng và phản ánh của cơ sở, ta phát hiện được 10 tên có liên hệ với FULRO, kịp thời bắt, khai thác và giáo dục.

Trên cơ sở xác định các vùng trọng điểm có FULRO hoạt động gồm Măng Bút, Đăk Ruồng, Kon Xâm Lũ, Đăk Pne, năm 1979, huyện kết hợp chặt chẽ công tác phát động quần chúng với xây dựng cơ sở. Các lực lượng bộ đội, công an, đội công tác, cán bộ các ngành tích cực đẩy mạnh công tác phát động quần chúng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và lòng căm thù đối với FULRO và các bọn phản động khác; đồng thời vận động quần chúng tham gia truy quét FULRO ngoài rừng. Ngày 07/3/1979, đồng bào và du kích làng Đăk Brồ, xã Măng Bút phát hiện 10 tên FULRO từ hướng Măng Cành lên, liền truy bám đánh diệt tại chỗ 02 tên, làm bị thương nặng 03 tên, thu 02 súng và một số đồ dùng. Kết quả đạt được trong tấn công truy quét FULRO năm 1979 đã xóa bỏ phiên hiệu KT10 của FULRO tại địa bàn Kon Plông .

**4. Xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng**

Tháng 02-1976, huyện Kon Plông được thành lập gồm có 10 xã, trung tâm huyện lỵ lúc đầu đóng tại Măng Đen. Tết năm 1976, thời tiết rét đậm, Huyện uỷ Kon Plông xin chủ trương chuyển trung tâm huyện lỵ. Đến tháng 02-1977, trung tâm huyện lỵ chuyển về dưới chân đèo Măng Đen thuộc xã Tân Lập nay là Thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy.

Nhằm tăng cường và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ huyện luôn quan tâm lãnh đạo xây dựng củng cố chính quyền và các đoàn thể. Đầu năm 1977, Huyện ủy lãnh đạo thành công bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã. Các cấp ủy đã giới thiệu những đảng viên và quần chúng tốt để bầu vào hội đồng nhân dân huyện, xã. Ngày 15-5-1977, trên địa bàn huyện đã tổ chức 04 đơn vị bầu cử; tỷ lệ cử tri đi bầu cử đạt 99,6%. Kết quả bầu cử, cử tri đã bầu 36 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, 240 đại biểu Hội đồng nhân dân xã (10 xã).

Ngày 17-3-1979, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá VI) tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) lần thứ 8 quyết định những công tác cấp bách, đó là: Củng cố chính quyền, đoàn thể phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, cần phải phát huy chức năng chính quyền các cấp đó là tiến hành bầu cử HĐND 2 cấp (huyện và xã), bầu cử UBND xã, huyện, gấp rút kiện toàn tăng cường bộ máy chính quyền tỉnh, huyện, thực hiện đúng chức năng là cơ quan quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, chăm lo đời sống quần chúng là pháo đài kiên cường trong chiến đấu.

Huyện ủy chỉ đạo tạo mọi điều kiện để phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc tham gia xây dựng chính quyền. Tạo điều kiện để Nhân dân trực tiếp tham gia bỏ phiếu kín để bầu ra cơ quan quyền lực của Nhà nước tại địa phương, tham gia ý kiến trực tiếp vào các công việc của chính quyền hoặc ý kiến thông qua các tổ chức đại diện của mình. Những năm đầu sau giải phóng, hoạt động của hội đồng nhân dân cấp xã còn nhiều mặt yếu kém, nhưng nhờ sự quan tâm lãnh đạo kịp thời của các cấp ủy đảng, Hội đồng nhân dân các xã đã bảo đảm được việc tổ chức họp định kỳ 3 tháng lần. Nội dung các cuộc họp nhằm bàn luận đưa nghị quyết của đảng bộ cơ sở thành nghị quyết của hội đồng để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng tại cơ sở.

Sau bầu cử, Ủy ban nhân dân các cấp từ huyện đến xã từng bước được củng cố kiện toàn. Bước đầu đã xác định được vai trò, vị trí, chức năng của chính quyền, bám sát nghị quyết của Đảng, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trung tâm, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng đã lấy biện pháp giáo dục, động viên, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động kết hợp với biện pháp hành chính và biện pháp kinh tế, tạo nên sức mạnh của nhân dân để xây dựng và củng cố chính quyền. Tuy vậy, ở nhiều xã, hoạt động của bộ máy chính quyền vẫn còn nhiều yếu kém, chưa phát huy được vai trò, chức năng, nhiệm vụ.

Đáng chú ý là hoạt động của bộ máy quản lý thôn tuy không phải là một cấp hành chính nhưng đã phát huy được vai trò quản lý điều hành các mặt công tác ở khu dân cư. Hầu hết, đội trưởng đội sản xuất của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đều là thôn trưởng chỉ huy và quản lý toàn diện các mặt hành chính, kinh tế, xã hội ở địa phương, đơn vị.

Đối với các tổ chức đoàn thể, Huyện uỷ luôn quan tâm chỉ đạo và tạo mọi điều kiện để phát huy tốt vai trò trong công tác vận động hội viên tổ chức mình thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII chỉ rõ: “tăng cường xây dựng các tổ chức quần chúng, làm cho tất cả hội, đoàn viên thấy rõ vị trí chức năng của mình trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Các đoàn thể quần chúng phải thể hiện là tổ chức tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, và cùng với chính quyền giải quyết đời sống cho nhân dân”. Đại hội cũng chỉ đạo kiện toàn và củng cố các ban chấp hành của tổ chức quần chúng. Tiếp đến tháng 5/1979, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII nhấn mạnh: “hết sức chăm lo công tác phát động tư tưởng quần chúng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, xây dựng tổ chức các đoàn thể công nông thanh phụ vững mạnh, thu hút 100% quần chúng vào tổ chức đoàn thể…”.

Thực hiện nhiệm vụ của Đảng bộ đề ra, trong năm 1977, Huyện ủy chỉ đạo hoàn thành việc tổ chức đại hội các tổ chức thanh niên, phụ nữ từ huyện đến xã. Các tổ chức đoàn thể sau đại hội được kiện toàn về mặt tổ chức, phát triển thêm nhiều hội viên, hoạt động đi vào chiều sâu theo đúng chức năng nhiệm vụ của tổ chức mình, đúng định hướng lãnh đạo của Đảng.

Từ năm 1977 đến 1980, đoàn viên thanh niên huyện nhà thực hiện phong trào: “3 xung kích làm chủ tập thể”, huy động và động viên hàng ngàn đoàn viên thanh niên hăng hái ra đồng ruộng, lên công trường, đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Trong bất cứ nhiệm vụ công tác nào, lực lượng đoàn viên cũng luôn gương mẫu, thể hiện là lực lượng xung kích đáng tin cậy. Trong năm 1980, Đoàn thanh niên huyện đã chỉ đạo các tổ chức cơ sở đoàn trực thuộc đại hội hết nhiệm kỳ. Qua đại hội, các cơ sở đoàn được củng cố thêm một bước. Tổ chức đoàn thường xuyên giáo dục mục tiêu lý tưởng chủ nghĩa cộng sản cho thanh niên.

Đến năm 1980, Hội phụ nữ huyện có 6.691 hội viên. Những năm đầu sau giải phóng, thực hiện phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng đất nước” gắn với thực tiễn của địa phương, các cấp hội từ huyện đến xã tập trung tuyên truyền, vận động trên 3.000 chị em hăng hái tham gia đảm đang phong trào sản xuất, chăn nuôi, xây dựng gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, từng bước thực hiện nam nữ bình đẳng. Trong phong trào đẩy mạnh sản xuất, nhiều phụ nữ thể hiện vai trò nòng cốt trong khai hoang, làm thủy lợi, biết cấy, biết cày bằng trâu, làm phân bón ruộng đem lại kết quả tốt.

Nông hội được sự quan tâm của Huyện ủy từng bước kiện toàn về mặt tổ chức và nâng dần chất lượng hoạt động. Đến năm 1979, hệ thống tổ chức nông hội hình thành đều khắp từ huyện đến cơ sở. Năm 1980, các xã và huyện đã tổ chức xong đại hội bầu Ban Chấp hành Hội liên hiệp Nông dân tập thể lần thứ nhất. Hội viên nông hội là lực lượng nòng cốt trong phong trào sản xuất nông nghiệp. Thực hiện nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ, những năm 1977-1980, Nông hội phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành tuyên truyền vận động nông dân vào làm ăn tập thể dưới 02 hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Hầu hết nông dân lao động trên địa bàn huyện đều hăng hái tự nguyện tham gia. Tuy vậy, một số nơi, do công tác chỉ đạo của cấp ủy chưa quan tâm đúng mức, tổ chức nông hội chưa thật sự phát huy vai trò, chức năng nên phong trào nông dân tham gia trên một số mặt còn yếu, có nơi, phong trào làm ăn tập thể chưa phát triển mạnh.

Cùng với thanh niên, phụ nữ, nông dân, công đoàn cũng có sự kiện toàn củng cố về tổ chức và bám sát nhiệm vụ chính trị trung tâm của Đảng bộ. Từ năm 1977-1980, công đoàn huyện thành lập được 6 công đoàn bộ phận trực thuộc. Thực hiện chức năng nhiệm vụ của tổ chức công đoàn trong thời kỳ cách mạng mới gắn với nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, hoạt động của công đoàn hướng mạnh vào việc phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân viên chức, dấy lên trong đội ngũ công nhân viên chức và người lao động các phong trào hành động cách mạng như: Phong trào thực hiện đường lối chủ trương chính sách của Đảng; thực hiện 3 cuộc cách mạng ở nông thôn; phong trào hợp tác hóa, làm thủy lợi, khai hoang mở rộng diện tích, tăng vụ, thâm canh, xây dựng kinh tế mới; phong trào thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước hàng năm. Kết quả triển khai từ các phong trào đã góp phần tăng cường lực lượng sản xuất và phát triển quan hệ sản xuất ở nông thôn; cổ vũ, động viên phong trào cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Song trên bình diện chung, vẫn còn một số phong trào chưa được xây dựng và phát triển sôi nổi, nhất là các phong trào hướng vào phục vụ sản xuất nông nghiệp.

**5. Kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng** **bộ**

Kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ là nhiệm vụ có tầm quan trọng luôn được Đảng bộ huyện Kon Plông chú trọng và quan tâm thực hiện thường xuyên. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII khẳng định cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng; tiếp đến Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII nhấn mạnh mục tiêu: Xây dựng Đảng bộ về chính trị, tư tưởng tổ chức vững mạnh, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, giác ngộ giai cấp, nâng cao sức chiến đấu và năng lực, đủ sức lãnh đạo phong trào địa phương.

Đối với công tác chính trị tư tưởng: Đảng bộ tập trung chỉ đạo công tác chính trị tư tưởng làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước trong giai đoạn mới; hiểu rõ nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy. Giáo dục nâng cao giác ngộ chính trị tư tưởng biểu hiện bằng hành động cụ thể: Yêu nước là chăm lo bảo vệ đất nước, trước tiên là xây dựng bảo vệ làng xã, cơ quan vững mạnh; yêu giai cấp là chăm lo xây dựng bảo vệ chi bộ, đảng viên đúng với tính chất giai cấp, tính tiền phong và mục tiêu lý tưởng của người cộng sản; yêu xã hội chủ nghĩa là xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, nâng cao nhiệt tình cách mạng, ý chí chiến đấu, tư tưởng tấn công, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt nghị quyết của Đảng.

Những năm đầu tiên sau giải phóng, trong bối cảnh tình hình mới, Đảng bộ quan tâm thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, liên tục tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập các Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, nhất là Nghị quyết 24 của Trung ương, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết Đại hội VII, Đại hội VIII của Đảng bộ huyện... Qua đó, nâng cao một bước nhận thức mới ở mỗi cán bộ, đảng viên về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong tình hình nhiệm vụ mới; tạo sự nhất trí về chính trị tư tưởng từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, đoàn kết quân dân, tạo nên sức mạnh, biến thành hành động, khắc phục khó khăn, dốc sức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và các mặt công tác khác.

Công tác chính trị tư tưởng trong những năm đầu sau giải phóng đã góp phần nâng cao nhận thức cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; thấy rõ bản chất và âm mưu của kẻ thù; phát huy cao độ tinh thần đoàn kết dân tộc, xây dựng tinh thần cách mạng tiến công: tinh thần tự lực, tự cường, sẵn sàng truy quét FULRO và ngăn chặn, đập tan các luận điệu xuyên tạc, phản động của các thế lực thù địch; nỗ lực vượt khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Cùng với công tác chính trị tư tưởng, Đảng bộ quan tâm chăm lo đến công tác tổ chức. Cuối năm 1976, toàn Đảng bộ có 13 tổ chức cơ sở đảng gồm 05 chi bộ và 06 đảng ủy với 626 đảng viên. Ngày 07-01-1978, Thường vụ Huyện uỷ Kon Plông quyết định giải thể và thành lập các đảng bộ mới; theo đó, đã giải thể Đảng uỷ Dân Đảng trực thuộc Huyện uỷ, thành lập 02 chi bộ mới là Chi bộ khối Đảng và Chi bộ Dân vận, tách Chi bộ Công an trực thuộc Đảng uỷ chính quyền nay trực thuộc Huyện uỷ, thành lập mới Chi bộ Đại đội trực thuộc Huyện đội Kon Plông . Qua xây dựng và kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng, đến năm 1980, toàn Đảng bộ có 17 tổ chức cơ sở đảng, gồm 10 đảng ủy và 7 chi bộ cơ sở với tổng số 708 đảng viên. Các đảng ủy, chi bộ thường xuyên được củng cố qua các kỳ đại hội, đảm bảo số lượng và chất lượng; giữ vững sinh hoạt đảng theo đúng định kỳ; thực hiện đúng nguyên tắc Điều lệ Đảng trong sinh hoạt, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, thể hiện được vị trí, vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị cấp cơ sở.

Gắn với công tác kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, công tác nâng cao chất lượng đảng viên luôn được Đảng bộ quan tâm. Hai năm 1977-1978, Huyện ủy triển khai Cuộc vận động Nâng cao chất lượng đảng viên gắn liền với thực hiện Nghị quyết 288, Chỉ thị 192 của Bộ Chính trị và Thông tri 22 của Ban Bí thư Trung ương, kết hợp với cuộc vận động “3 xây, 3 chống” được tiến hành liên tục, đạt kết quả tốt. Năm 1980, tổ chức việc phát thẻ đảng viên vào các đợt 03/02,19/5, 02/9, 07/11. Đại đa số cán bộ, đảng viên tu dưỡng rèn luyện, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy vai trò tiền phong, gương mẫu trên mọi mặt công

Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy luôn quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng và phát triển đảng viên. Hằng năm, huyện ủy và các cấp ủy đều mở các lớp nghiên cứu, phổ biến quán triệt nghị quyết của Đảng cho cán bộ đảng viên; đồng thời xây dựng kế hoạch và lựa chọn cán bộ, đảng viên bố trí theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ do tỉnh và huyện mở. Công tác kiểm tra được Huyện uỷ và các cấp uỷ, chi bộ quan tâm thực hiện thường xuyên; nhận thức của các cấp uỷ và chi bộ về tầm quan trọng của công tác kiểm tra được nâng lên. Công tác kiểm tra đã giúp các cấp uỷ, chi bộ tăng cường giáo dục, phát huy dân chủ kỷ luật nội bộ, từng bước đi vào kiểm tra chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tăng cường bảo vệ Đảng, giữ vững ý chí chiến đấu, tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên. Mặt khác, những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng căn cứ tính chất, mức độ vi phạm đều bị xử lý kỷ luật, những đảng viên không đủ tư cách đều bị đưa ra khỏi Đảng. Từ năm 1977 đến 1980, Huyện ủy xét thi hành kỷ luật 20 trường hợp đảng viên vi phạm, trong đó, cảnh cáo 8 trường hợp, cách chức 2 trường hợp, lưu Đảng 3 trường hợp, khai trừ ra khỏi Đảng 7 trường hợp. Các trường hợp bị vi phạm kỷ luật phần lớn là thoái hoá, biến chất, tham ô, hủ hoá.

Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng những năm đầu sau giải phóng là hết sức quan trọng, song bên cạnh đó, công tác lãnh đạo của Huyện uỷ vẫn còn một số khuyết điểm, đó là: Chưa làm cho Các cấp uỷ nhận thức đầy đủ vị trí quan trọng của công tác xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ trong tình hình nhiệm vụ mới; chỉ đạo công tác tư tưởng, tổ chức thiếu chặt chẽ, nhạy bén; trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ, đảng viên tiến bộ chậm, chưa chuyển kịp yêu cầu, một số không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất và biểu hiện những mặt tiêu cực có trì trệ kéo dài; xây dựng chính quyền và các tổ chức đoàn thể thiếu chặt chẽ; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác kiểm tra và bảo vệ Đảng chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Lề lối làm việc giữa Đảng, chính quyền, các đoàn thể chưa được cải tiến phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới

\*

Giai đoạn 1976-1980 là giai đoạn đầu tiên của thời kỳ sau giải phóng, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đảng bộ Kon Plông lãnh đạo quân dân huyện nhà bắt tay vào tái thiết xây dựng và phát triển quê hương trong muôn vàn khó khăn, thử thách. Song với truyền thống yêu nước, cách mạng, bản lĩnh chính trị vững vàng, Đảng bộ đã nhanh chóng khắc phục những bỡ ngỡ ban đầu của thời kỳ mới, nghiên cứu, vận dụng sáng tạo, hiệu quả những chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, bám sát và tranh thủ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của các ngành chức năng gắn với phát huy nội lực của toàn Đảng bộ và quân dân trong huyện, từng bước cải tạo, xây dựng và phát triển quê hương, đạt được nhiều thành quả to lớn trên tất cả các mặt.

Nổi bật nhất là đã nhanh chóng ổn định tình hình mọi mặt sau giải phóng, đẩy mạnh sản xuất, khai hoang xây dựng cánh đồng, thực hiện định canh, định cư, giải quyết kịp thời những khó khăn bức bách và nâng dần đời sống nhân dân. Từng bước cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới, đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể dưới hai hình thức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Đảng bộ đã chú trọng lãnh đạo khai thác các thế mạnh của địa phương trong xây dựng, phát triển các ngành kinh tế, sửa chữa và làm mới nhiều tuyến đường giao thông trọng yếu, phát triển nghề rừng, sửa chữa và làm mới nhiều công trình thủy lợi, đầu tư xây dựng thêm nhiều công trình mới, bước đầu đã tạo ra một số cơ sở vật chất thiết yếu để phục vụ mục tiêu xây dựng và phát triển kinh tế xã hội.

Công tác giáo dục, y tế, văn hóa có sự chú trọng và quan tâm đầu tư đúng mức; an ninh quốc phòng được giữ vững trong tình hình có những biến động phức tạp do chiến tranh biên giới và hoạt động phá hoại của bọn FULRO. Hệ thống chính trị gồm các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể từ huyện đến xã không ngừng được kiện toàn, củng cố, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới. Đặc biệt công tác xây dựng Đảng được tăng cường thường xuyên. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện qua hai kỳ đại hội đã có sự trưởng thành, thể hiện được vai trò, bản lĩnh trong lãnh đạo sự nghiệp cách mạng địa phương thời kỳ mói.

Đạt được những thành quả đó là nhờ có đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sự chi viện của các ngành. Đảng bộ biết vận dụng nghị quyết cấp trên và tổ chức thực hiện sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Quân dân trong huyện phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí, cần cù, dũng cảm, khắc phục khó khăn, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đồng lòng dốc sức thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết của Đảng bộ đã đề ra.

Bên cạnh những thành quả đạt được vẫn còn không ít những yếu kém, tồn đọng, đó là: Kinh tế phát triển chưa toàn diện; tốc độ tăng trưởng chậm, chưa tương xứng với tiềm năng và thuận lợi. Trong sản xuất nông nghiệp chưa thực hiện tốt các biện pháp thâm canh, mở rộng diện tích; chăn nuôi phát triển chậm. Các ngành thủ công nghiệp, chế biến lương thực và một số mặt hàng tiêu dùng phục vụ cải thiện đời sống chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức; công tác quản lý kinh tế kế hoạch, lao động, hàng hóa vật tư, tiền vốn và lưu thông, phân phối còn nhiều lúng túng, lơi lỏng, chưa chặt chẽ, công tác cải tạo nông nghiệp tiến hành chậm... còn nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chưa đạt hoặc đạt thấp so với nghị quyết đại hội và hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ.

Công tác phát động quần chúng truy quét FULRO, trấn áp bọn phản cách mạng có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ, triệt để, có lúc còn chủ quan mất cảnh giác để bọn FULRO lũng đoạn tư tưởng một số quần chúng. Các phong trào văn hóa, y tế, giáo dục phát triển chưa mạnh, chưa đi vào chiều sâu và sát cơ sở. Đời sống vật chất của quần chúng cán bộ, chiến sỹ còn nhiều khó khăn.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng tổ chức còn có lúc chưa sâu sắc và kịp yêu cầu, chưa làm trẻ hóa đội ngũ cán bộ đảng viên; một số cấp ủy chưa quan tâm, đầu tư đúng mức công tác chăm lo xây dựng Đảng trong tình hình mới, tổ chức đảng ở cơ sở còn yếu nhiều. Hoạt động của các cấp chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng còn nhiều lúng túng, chưa phát huy đúng mức chức năng nhiệm vụ; còn hiện tượng hành chính hóa các đoàn thể.

Có nhiều nguyên nhân của những yếu kém tồn đọng nêu trên. Về khách quan: đây là giai đoạn đầu của thời kỳ sau giải phóng nên cơ sở vật chất kỹ thuật chưa có, trình độ cán bộ, đảng viên vừa yếu, vừa thiếu lại mới mẻ nên chưa có kinh nghiệm thực tiễn trong lãnh đạo xây dựng phát triển kinh tế xã hội thời kỳ mới. Về chủ quan: Trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn những yếu kém, bất cập chưa theo kịp yêu cầu tình hình cách mạng giai đoạn mới.

Những thành quả đạt được cũng như những yếu kém tồn đọng sẽ được Đảng bộ huyện Kon Plông tổng kết, đánh giá rút ra những bài học kinh nghiệm quí báu để tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng huyện nhà phát triển hơn nữa trong thời kỳ mới.

**CHƯƠNG IX**

**TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KINH TẾ-XÃ HỘI, AN NINH-QUỐC PHÒNG TRONG GIAI ĐOẠN**

 **1981-1985**

**1. Phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong giai đoạn 1981-1985**

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trong giai đoạn đoạn 1981-1985, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Kon Plông tiếp tục bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (7-1979) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCH Đảng bộ tỉnh khóa VII (10-1979); đồng thời quán triệt nội dung phương hướng nhiệm vụ đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VIII (tháng 5-1979) và các hội nghị Huyện ủy đầu nhiệm kỳ VIII đề ra, được cụ thể thành 4 phong trào lớn là:

Một là: Phong trào lao động sản xuất (có năng suất cao, kỷ luật lao động chặt chẽ), đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đi đối với mở rộng diện tích bằng khai hoang, thủy lợi, định canh, định cư; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tập trung làm lương thực, đồng thời trồng cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi, phát triển lâm nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp. Thực hiện tốt phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Hai là: Phong trào bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang và dân quân, du kích vững mạnh, có chất lượng, loại trừ bạo loạn.

Ba là: Phong trào học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, xây dựng nếp sống mới, con người mới.

Bốn là: Phong trào xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, xây dựng củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhất là cơ sở. Ra sức đào tạo và bồi dưỡng nhiều cán bộ, nhất là cán bộ người địa phương. Cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý chí cách mạng, trau dồi phẩm chất đạo đức, gương mẫu và đoàn kết trong sản xuất, công tác và học tập.

Đến tháng 11 năm 1982, Đảng bộ huyện Kon Plông tiến hành Đại hội Đại biểu Đảng bộ lần thứ IX được tổ chức tại trung tâm huyện lỵ (nay là thị trấn Đăk Rve).

Đại hội đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn qua hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII và đề ra phương hướng nhiệm vụ chung trong thời gian đến là: Động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong huyện tăng cường sự đoàn kết, nhất trí, phát huy tư tưởng cách mang tiến công, tinh thần tự lực tự cường, xác định các thế mạnh về kinh tế, xây dựng và phát triển kinh tế theo cơ cấu kinh tế lâm-nông-công nghiệp. Trước mắt, tập trung sản xuất nông nghiệp toàn diện gắn chặt với lâm nghiệp. Xây dựng hợp tác hóa, định canh định cư; tích cực phát triển giao thông vận tải; tổ chức lưu thông phân phối; ra sức phát triển văn hóa, y tế, giáo dục; tăng cường cảnh giác giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Hết sức chăm lo xây dựng Đảng, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở. Không ngừng nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong mọi tình huống.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IX gồm 33 uỷ viên (31 chính thức, 02 dự khuyết). Ban Thường vụ có 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng tiếp tục được đại hội bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ. Đồng chí A Núk được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Những phương hướng nhiệm vụ của Đại hội VIII và Đại hội IX Đảng bộ huyện Kon Plông đề ra, đã quán triệt đầy đủ kịp thời những chủ trương lớn của Đảng và Tỉnh ủy, vận dụng sát hợp với tình hình thực tế địa phương, là ánh sáng soi đường để Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo quân, dân huyện nhà đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng nhằm thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng trong giai đoạn 1981-1985.

**2. Tiếp tục lãnh đạo phát triển kinh tế**

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương, từ năm 1981-1985, toàn Đảng bộ và quân dân Huyện Kon Plông bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần VII, VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, IX để triển khai các mặt công tác.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (10-1979): Tập trung sản xuất đảm bảo vững chắc tự lực về lương thực, vận động các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nổ lực sản xuất không bỏ ruộng hoang; khuyến khích hộ gia đình xã viên khai hoang vỡ hóa; tập trung phát triển cây công nghiệp dài ngày; đẩy mạnh công tác chăn nuôi với ba hình thức quốc doanh, tập thể và gia đình…

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII xác định phương hướng cơ cấu kinh tế lâu dài của huyện là: Lâm, nông, công nghiệp. Trước mắt xây dựng phát triển nông nghiệp toàn diện, để tạo cơ sở bàn đạp đi lên. Trong nông nghiệp, trọng tâm là lương thực, thực phẩm, nắm vững biện pháp thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích (khai hoang) đi đôi với xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, định canh, định cư. Đến tháng 11-1982, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX tiếp tục đặt mạnh trọng tâm chỉ đạo sản xuất nông nghiệp là: “Trước hết phải tạo một chuyển biến sâu sắc cho toàn Đảng bộ quân dân. Đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ hàng đầu là phải phát triển nông nghiệp toàn diện, cả trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng. Tập trung sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời sản xuất cây công nghiệp ngắn và dài ngày, tạo ra sản phẩm hàng hoá trên cơ sở phát huy lao động, đất đai, thâm canh tăng vụ đi đôi với khai hoang mở rộng diện tích, tác động khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Đảm bảo đủ ăn, có dự trữ chút ít và làm nghĩa vụ với nhà nước. Tổ chức sản xuất bằng hợp tác hóa dưới hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã gắn liền với định canh, định cư cho đồng bào các dân tộc” .

Thực hiện phương hướng nhiệm vụ nêu trên, từ năm 1981 đến 1985, huyện triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển nông nghiệp.

Trước hết là đẩy mạnh khai hoang phục hóa, cải tạo đồng ruộng, nhằm tăng thêm diện tích thâm canh, cánh đồng lúa nước 02 vụ. Từ năm 1981 đến năm 1983, toàn huyện khai hoang được 98 ha. Đến năm 1985, tổng diện tích khai hoang toàn huyện đạt 1.488 ha.

Cùng với lãnh đạo khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy “Đẩy mạnh hơn nữa phong trào quần chúng làm thủy lợi theo phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” Tổ chức quản lý và khai thác tối đa các công trình đã xây dựng, các nguồn nước sẵn có để phục vụ sản xuất” , Huyện ủy chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác thủy lợi, coi đó là một trong những biện pháp quan trọng hàng đầu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp phát triển. Theo chỉ đạo của Huyện ủy, các cấp chính quyền và ngành chức năng đã phát động quần chúng bảo dưỡng, nâng cấp các công trình đã có, đẩy mạnh tiến độ thi công hoàn thành các công trình đang xây dựng, và đầu tư xây dựng một số công trìn mới. Năm 1982, huyện đầu tư 29.503 ngày công đào 12.119 mở đất, đá, tu bổ sửa chữa hơn 300 công trình tiểu thủy nông, phục vụ 169 ha vụ đông xuân, 1.310 ha vụ mùa, xây dựng mới 8 công trình phục vụ hơn 37 ha. Đáng chú ý là công trình thủy lợi Đăk Snghé qua 4 năm thi công (1978-1982) đã được hoàn thành. Đây là một thành tích to lớn của Đảng bộ và quân dân huyện nhà trên mặt trận nông nghiệp, công trình còn ghi nhận sự quan tâm chi viện đắc lực của tỉnh. Công trình Đăk Snghé đưa vào sử dụng góp phần tạo đà cho sản xuất nông nghiệp huyện nhà tiến lên bước mới. Đến năm 1985, toàn huyện có 397 công trình thủy lợi, trong đó có 3 công trình trung thủy nông, 23 công trình tiểu thuỷ nông. 01 công trình cấp nước sinh hoạt 25m/ngày. Các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đã bảo đảm nước tưới cho 215 ha vụ xuân, 1.289 ha vụ mùa.

Nhờ khai hoang mở rộng diện tích, phát triển thủy lợi, huyện hình thành thêm nhiều cánh đồng lúa nước. Năm 1985, các xã: Măng Bút, Măng Cành, xã Hiếu hình thành được nhiều cánh đồng lúa nước liên hoàn, phân biệt rõ nét địa giới giữa ruộng, nà thổ và rừng. Riêng xã Đăk Kôi diện tích lúa nước đạt 90 ha, trong đó có 60 ha diện tích ruộng 02 vụ và 30 ha nà thổ định canh. Xã Măng Bút có 100 ha chuyển từ 01 vụ lên 02 vụ.

Huyện chú trọng tăng cường ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất bằng việc đầu tư kinh phí để mua phân hoá học, vôi và phát động phong trào làm phân chuồng, phân xanh trong Nhân dân để cải tạo đất, tăng năng suất cho cây trồng, đồng thời từng bước đưa giống lúa mới về thực nghiệm và chuyển giao cho các tập đoàn sản xuất. Các tập đoàn sản xuất đã tổ chức hướng dẫn vận động Nhân dân cách làm đất, bón phân, làm cỏ, đưa giống lúa mới có năng suất cao, thích hợp với điều kiện khí hậu, đất đai ở từng vùng để Nhân dân sản xuất.

Ngoài trồng lúa, Huyện ủy lãnh đạo cấp ủy và chính quyền các cấp quan tâm, chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, bông, thuốc lá, mía, thầu dầu…; mở rộng diện tích trồng cây thực phẩm (rau, đậu các loại), bố trí diện tích thích hợp để trồng các loại cây công nghiệp dài ngày như chè, cả phê. Đây là bước chuyển biến mới của Đảng bộ huyện về thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, từ độc canh cây lương thực sang phát triển cây công nghiệp tạo hàng hóa xuất khẩu.

Đến năm 1983, toàn huyện có 120,6 ha cây công nghiệp ngắn ngày, 47 ha cây thực phẩm, 10 ha cây công nghiệp dài ngày. Đến năm 1984, diện tích cây công nghiệp ngắn ngày tăng lên 116, 2 ha, cây thực phẩm 34 ha, cây công nghiệp dài ngày 25,5 ha. Bước đầu tạo ra sản phẩm hàng hoá trong sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, mía, thầu dầu, thuốc lá…, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, phục vụ xuất khẩu. Nhân dân ở vùng kinh tế mới, dọc đường số 5 bắt đầu trồng cây công nghiệp dài ngày, hình thành từng bước khá rõ nét về kinh tế vườn gia đình vùng miền núi.

Nhờ quan tâm, đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp nên diện tích gieo trồng tăng dần hằng năm. Năm 1981, tổng diện tích gieo trồng 4.215 ha, năm 1985 tăng lên 4.280 ha. Tuy vậy, năm 1984 do thời tiết không thuận lợi, mưa sớm, nắng hạn kéo dài, lại thêm cơn bão số 9 tàn phá... nên sản lượng lương thực có giảm hơn so với trước. Cụ thể: tổng sản lượng lương thực năm 1981 là 7.616,7 tấn (quy ra thóc); đến năm 1984 giảm còn 7.488 tấn; năm 1985 những khó khăn dần được khắc phục nên sản lượng lương thực tăng lên 8.388 tấn.

Thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13-01-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo việc kiện toàn, củng cố và phát huy vai trò của các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, từng bước đổi mới hình thức quản lý và cách thức làm ăn.

Quán triệt và triển khai chủ trương mới của Đảng, trong năm 1981, Đảng bộ Kon Plông tổ chức thực hiện khoán thí 94 điểm ở Tập đoàn Kon Rẫy (xã Đăk Ruồng) và Tập đoàn 1 xã Tân Lập. Qua 02 năm thực hiện, đã đem lại những tiến bộ mới. Sản phẩm và năng suất cây trồng của các tập đoàn sản xuất đều tăng, năng suất lúa đông xuân 1983-1984 đạt 3,3 tấn/ha. Trên cơ sở đó, huyện tiếp tục triển khai nhân rộng việc khoán sản phẩm ra các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã trong toàn huyện.

Năm 1983, huyện điều chỉnh lại 156 tập đoàn sản xuất để phù hợp với trình độ quản lý. Xây dựng điển hình một số tập đoàn sản xuất theo nhiều dạng, nhiều hình thức như: Tập đoàn nông công thương Kon Rẫy (xã Đăk Ruồng), tập đoàn nông lâm kết hợp (gồm 02 Tập đoàn sản xuất Tu Rằng và Kon Knăng thuộc xã Măng Cành). Năm 1984 huyện đã đưa 100% nông dân vào làm ăn tập thể dưới hai hình thức hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Đến năm 1985, việc quản lý, phân công lao động, quản lý sản phẩm của các tập đoàn tại các xã Đăk Ruồng, Măng Cành, Măng Bút, xã Hiếu có nhiều chuyển biến tốt, hình thành nhiều nhân tố tích cực. Bình quân thu nhập đầu người về lương thực đáp ứng được yêu cầu xã hội, nhất là trong phân phối sản phẩm. Từ năm 1981 đến 1985, các tập đoàn sản xuất tại các địa phương nêu trên nộp thuế và làm nghĩa vụ cho Nhà nước 3.537 tấn lương thực. Hợp tác xã Đăk Kôi có bước tiến bộ trong việc đi vào thực hiện phân bổ lợi ích cho Nhà nước, tập 95 thể và người lao động ngày càng tăng. Trong thực hiện kế hoạch 5 năm 1981-1985, xã Đăk Kôi đã đóng góp cho nhà nước 483 tấn thóc, tích luỹ cho hợp tác xã 206 tấn lương thực, bình quân lương thực đầu người 470kg/năm.

Chăn nuôi tiếp tục được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Hội nghị Huyện ủy tháng 6-1981 đề ra nhiệm vụ “phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm, chủ yếu là phát triển đàn trâu, bò, lợn để giải quyết sức kéo, lấy phân phục vụ sản xuất và định lượng về thịt”. Thực hiện chủ trương đó, ngành nông nghiệp huyện đã hỗ trợ con giống và hướng dẫn cho Nhân dân kỹ thuật nuôi, cách phòng chống dịch bệnh, đồng thời thường xuyên thực hiện việc tiêm phòng bệnh cho các loại gia súc, gia cầm. Nhờ vậy, đàn gia sức, gia cầm của huyện tăng lên hằng năm. Năm 1982, toàn huyện có 1.700 con trâu, 315 con bò, 8.342 con lợn, 1.647 con dê, 19.500 con gia cầm. Đến năm 1984, đàn trâu tăng lên 2.750 con, bò: 650 con, lợn: 10.100 con, dê: 2.050; gia cầm: 24.700 con. Đáng chú ý là phong trào nuôi cá nước ngọt được triển khai thực hiện. Năm 1982, huyện có 7,6 ha diện tích ao cá. “Ao cá Bác Hồ” tại trung tâm huyện lỵ là nơi nuôi và cung cấp cá giống các loại. Trong năm 1982, tại đây cung cấp gần 200 kg cá thịt. Tuy vậy, đối với chăn nuôi gia súc, công tác phòng chống dịch bệnh vẫn chưa được chú ý đúng mức nên có năm trâu, bò bị chết nhiều ảnh hưởng đến sức kéo và sản lượng. Đồng bào địa phương ở các tập đoàn sản xuất vẫn còn quen hình thức nuôi lợn thả rộng.

Về lâm nghiệp, Đảng bộ chỉ đạo tiếp tục bảo vệ rừng, nhất là rừng có gỗ quí, rừng đặc sản và rừng có các lâm sản qui khác, kiên quyết ngăn chặn nạn đốt phá rừng bừa bãi, hết sức hạn chế phá rừng, làm rẫy. Theo đó, các cấp, các ngành tập trung giáo dục cho quần chúng hiểu tài nguyên quí giá nhất của huyện là rừng; nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với việc bảo vệ rừng, thực hiện tốt pháp lệnh bảo vệ rừng, củng cố mạng lưới kiểm lâm từ huyện đến xã.

Từ năm 1981 đến 1985, huyện tích cực triển khai và thực hiện quy hoạch bảo vệ rừng, quy hoạch nơi phát rẫy cho các tập đoàn sản xuất. Hằng năm, Ủy ban nhân dân huyện đều ban hành chỉ thị, thông báo về bảo vệ rừng, đề phòng cháy rừng và chữa cháy lửa rừng. Đến năm 1985, các ban lâm nghiệp xã và phòng, chống cháy rừng được thành lập; huyện Kon Plông được tỉnh chọn làm điểm về thành lập các liên hiệp xí nghiệp, lâm trường huyện và tiểu khu rừng . Nhờ đó, công tác trồng rừng được tiến hành thường xuyên. Năm 1982, Huyện phát động phong trào quần chúng trồng cây “đời đời nhớ ơn Bác Hồ”. Năm 1983, toàn huyện phát động nhân dân trồng 10.538 cây các loại. Năm 1984, huyện tiến hành trồng rừng thông tập trung tại Măng Đen với diện tích 150 ha, đạt 100% kế hoạch. Vùng đồi trọc khu trung tâm Măng Đen sau gần 10 năm giải phóng đã được phủ xanh.

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 12-11-1983 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh giao đất, giao rừng, xây dựng rừng và tổ chức kinh doanh theo phương thức nông - lâm kết hợp, Quyết định số 184/QĐ-HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về đẩy mạnh giao khoán rừng cho tập thể và Nhân và Nghị quyết số 21-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vốn rừng, đi đôi với bảo vệ và trồng rừng, huyện tổ chức cho các tập thể và Nhân dân khai thác tài nguyên rừng để phục vụ đời sống và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội địa phương. Các đơn vị tập thể được huyện giao nhiệm vụ khai thác gỗ tròn, nhựa thông để phục vụ nhu cầu xây dựng cơ bản và tạo nguồn thu cho ngân sách huyện. Hai tập đoàn sản xuất theo mô hình nông lâm kết hợp của xã Măng Cành bố trí 17 lao động chuyên khai thác nhựa thông. Nhân dân được huyện tổ chức khai thác lâm đặc sản dưới tán rừng để bán lại cho nhà nước. Trong 5 năm (1981-1985), Nhân dân khai thác được 275 tấn vỏ bời lời, 4.000 kg mật ong, 25 tấn măng le, bông đót, 2.110 kg sa nhân, 2.600 kg vỏ quế. Một số xã, Nhân dân tập trung khai thác trầm kỳ đạt kết quả khá.

Tuy vậy, công tác lâm nghiệp vẫn chưa được quan tâm đầy đủ và cân xứng với tiềm năng rừng của huyện. Việc quản lý, khai thác lâm sản để làm giàu cho huyện chưa thực hiện tốt. Vẫn còn tình trạng cháy rừng, phát rừng làm rẫy tùy tiện, khai thác lâm sản bừa bãi.

Gắn với sản xuất nông, lâm nghiệp, công tác định canh định cư kinh tế mới tiếp tục được Đảng bộ quan tâm. Theo hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từ năm 1981 đến 1985, Đảng bộ chỉ đạo các cấp chính quyền và các ngành chức năng triển khai đồng loạt các nhiệm vụ phục vụ định canh, định cư như tổ chức khai hoang, xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, làm đường vào vùng kinh tế mới; đầu tư xây dựng trường học, giếng nước, vận động nhân dân xây dựng kinh tế vườn,... Năm 1981, huyện tiếp nhận thêm 17 hộ với 71 nhân khẩu kinh tế mới. Năm 1982, huyện chọn tập đoàn Kon Du, Kon Biu (xã Tân Lập) làm điểm xây dựng vườn định cư; đầu tư xây dựng hoàn thành 01 trường học, 01 trạm y tế xã Măng Cành với 325 m đưa vào sử dụng; xây dựng thêm 02 cánh đồng vùng kinh tế mới Đăk Đăm (xã Tân Lập), ĐăkTol (xã Đăk Tờ Re). Năm 1983, tiếp tục xây dựng thêm 35,9 hạ cánh đồng mới. Đến năm 1984, huyện thực hiện định canh, định cư vững chắc cho 150 hộ với 608 khẩu, vận động Nhân dân xây dựng kinh tế vườn, mỗi hộ dân kinh tế mới đều có 01 vườn định cư (150 hộ đều có 150 vườn), đầu tư xây dựng 11 giếng nước, vận động Nhân dân làm mới gần 200km đường. Năm 1985, huyện hoàn thành việc xây dựng các công trình trụ sở ủy ban, cửa hàng, trường học cho các xã Tân Lập và Đăk Tờ Re.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác định canh định cư vẫn chưa vững chắc, một số tập đoàn bố trí ở theo quy hoạch được một thời gian lại di chuyển gây tốn kém tiền của, công sức của nhà nước và nhân dân; xây dựng điểm về nhà ở và vườn chưa vững chắc; tốc độ thi công các công trình xây dựng cơ bản quá chậm làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của Nhân dân.

Trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, Huyện ủy chủ trương kiện toàn và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống của địa phương, áp dụng cơ chế mới về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đề cao tính chủ động trong sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, khai thác và phát huy lợi thế nguồn nguyên, nhiên vật liệu sẵn có ở địa phương, nhất là tài nguyên rừng để tạo ra sản phẩm hàng hoá.

Thực hiện chủ trương đó, các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được kiện toàn và củng cố lại, từng bước nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Từ năm 1981 đến 1985, Xí nghiệp khai thác chế biến nhựa thông khai thác được 504 tấn, các tập đoàn sản xuất nông lâm, chế biến đồ gỗ đi vào sản xuất đạt 2.873 khối gỗ tròn (giá trị đạt 3.447.600 đồng); 1.279 khối gỗ thành khí (giá trị đạt 1.534.800 đồng). Các cơ sở đồ mộc dân dụng sản xuất 1.200 sản phẩm các loại (trị giá 240.000 đ); một số cơ sở chuyên sản xuất gạch ngói, khai thác cát, đá, sỏi phục vụ xây dựng cơ bản, trong 5 năm (1981-1985) đã sản xuất 105.000 viên ngói, 1.362.000 viên gạch. Trong 5 năm, các lò rèn địa phương đã làm ra 81 loại dụng cụ thông thường phục vụ sản xuất và đời sống. Mặc dù có nhiều nỗ lực cố gắng nhưng sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện vẫn chậm phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Về công tác xây dựng cơ bản. Những năm đầu thập kỷ 80, tình hình vật tư rất khan hiếm, kinh phí khó khăn, trong điều kiện đó, Đảng bộ huyện đã quan tâm chỉ đạo, tranh thủ vận dụng nguồn vốn, vật tư do tỉnh hỗ trợ cùng với nguồn nhân lực, nguyên, nhiên, vật liệu sẵn có tại địa phương để đầu tư xây dựng cơ bản. Theo quy hoạch, trong giai đoạn này, huyện ưu tiên đầu tư xây dựng trụ sở nhà làm việc, các công trình phúc lợi công cộng như bệnh viện, trường học, nhà ở để hình thành khu trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá tại khu vực huyện lỵ và các khu dân cư tại 6 cụm xã.

Năm 1982, huyện đầu tư sửa chữa bệnh viện huyện, Trường phổ thông dân tộc nội trú, đầu tư xây dựng Nhà làm việc Ủy ban nhân dân huyện với kinh phí trên 500.000 đồng. Năm 1983, huyện tập trung xây dựng và hoàn thành 7 công trình bao gồm nhà làm việc các xã, nhà ở, nhà xay xát, nhà xe với diện tích 1.141m, tổng giá trị xây lắp 1.544 triệu đồng. Năm 1985, tiến hành xây dựng công trình mới ở xã Hiếu như trụ sở , cửa hàng , trạm xá , trường học của xã… Tuy có nhiều cố gắng nhưng tốc độ xây dựng vẫn chậm, một số công trình có hạng mục chưa đạt về chất lượng, kỹ thuật.

Quán triệt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, với tinh thần khắc phục khó khăn về điều kiện địa hình, khí hậu, tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, công tác giao thông tiếp tục tập trung vào việc tu bổ, sửa chữa và làm mới các cây cầu, tuyến đường theo hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện. Năm 1982, Đội giao thông huyện cùng với Nhân dân 02 xã Măng Cành, xã Hiếu làm mới 2,5 km đường từ ấp Kon Knâng đi Kon Brẫy. Năm 1984 tiến hành làm mới 55 cây cầu trên các tuyến đường nội huyện; tu bổ, sửa chữa thông đường đi Đăk Kôi dài 24 km, mở thêm nhiều tuyến đường ở nông thôn tạo thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân.

Trên cơ sở huy động các phương tiện sẵn có, cùng với sự giúp đỡ của ngành giao thông tỉnh để phục vụ việc vận chuyển hàng hoá và nhu cầu đi lại của nhân dân. Toàn huyện chỉ có 10 xe tải hạng 4 tấn trở lên, cùng với 8 đầu xe con do tỉnh cấp và huyện tự mua, để vận chuyển hàng hóa thiết yếu và phục vụ yêu cầu đi lại. Vận tải hành khách trên tuyến đường Kon Plông - Kon Tum - Plei ku lệ thuộc vào kế hoạch phân bổ của ngành giao thông tỉnh nên hoạt động thất thường, nhiều chuyến quá tải, thiếu an toàn. Việc đi lại của Nhân dân từ huyện đến nơi khác gặp nhiều khó khăn.

Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, Huyện ủy chủ trương tiếp tục học tập, quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị (ngày 23-6-1980), nhằm tạo chuyển biến mới, đồng bộ trên mặt trận phân phối lưu thông.

Đối với hoạt động thương nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo thực hiện tốt việc ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều với Nhân dân; thực hiện phân phối công bằng, hợp lý, thực hiện tốt chính sách giá cả; tổ chức đi vào cải tiến phương thức thu mua nông sản, thực phẩm đem lại hiệu quả tích cực; kết hợp thật tốt và đồng bộ ba biện pháp: Giáo dục, kinh tế, hành chính; nắm chắc nguồn hàng nông sản, thực phẩm để phục vụ đời sống, sản xuất và phục vụ xuất khẩu.

Trên địa bàn huyện, mạng lưới thương nghiệp bao gồm: Thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán và thị trường chợ nông thôn. Trong đó: Tổ chức thương nghiệp quốc doanh có 01 cửa hàng tổng hợp huyện, 02 cửa hàng khu vực, 02 cửa hàng ăn uống, dịch vụ; hợp tác xã mua bán có 10 đơn vị (10 HTX mua bán/10 xã). Ngoài ra, có một số hộ được cho phép kinh doanh buôn bán nhỏ có nghĩa vụ nộp thuế. Thực hiện chủ trương của Huyện ủy, ngành thương nghiệp từng bước cải tiến phương thức hoạt động. nâng cao chất lượng kinh doanh, phục vụ đời sống Nhân dân.

Trong hoàn cảnh hàng hóa ít. phương tiện vận tải khó khăn, giao thông cản trở, ngành thương nghiệp huyện nhà đã cố gắng khắc phục, tổ chức mua và bán hàng kịp thời, phục vụ nhu cầu thiết yếu về đời sống, sản xuất của nhân dân, cán bộ, công nhân viên. Từ năm 1981-1985, các đơn vị thương nghiệp quốc doanh tổ chức mua vào đầy đủ những mặt hàng nông, lâm sản của địa phương, tổng giá trị các mặt hàng mua vào năm sau luôn cao hơn năm trước. Năm 1981, tổng giá trị các mặt hàng mua vào là 1.178.000 đồng, đến năm 1984 tăng lên19.000.000 đồng. Đồng thời với mua vào, các đơn vị thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán tổ chức bán và cung cấp những mặt hàng thiết yếu như muối, vải, nông cụ sản xuất, dầu thắp sáng... cho Nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa; bảo đảm bán và cung cấp theo định lượng các mặt hàng và nhu yếu phẩm cần thiết cho cán bộ, công nhân viên và Nhân dân. Đáng chú ý là phương thức mua bán có bước cải tiến mới so với trước. Từ năm 1982, các hợp tác xã mua bán tiến hành kinh doanh ủy thác hàng của mậu dịch, đồng thời kinh doanh một số mặt hàng cần thiết theo nhu cầu của địa phương. Các trạm thu mua nông sản thực hiện tốt việc mua vào các mặt hàng thiết yếu, kinh doanh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho Nhân dân.

Mặc dù có nhiều nỗ lực cố gắng nhưng công tác hướng dẫn chỉ đạo các hoạt động của hợp tác xã mua bán còn yếu, chưa phát huy được chức năng người trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý thị trường còn lỏng lẻo, diện phục vụ chủ yếu quanh huyện lỵ, theo dọc đường số 5b, chưa đi sâu vào các khu sản xuất sản phẩm hàng hoá...

Công tác lương thực tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện cùng với nhận thức giác ngộ cách mạng của quần chúng nhân dân, hàng năm công tác huy động lương thực được triển khai với tinh thần thi đua nước rút. Qua mỗi vụ sån xuất, Nhân dân hăng hái nhập kho làm nghĩa vụ lương thực với nhà nước. Nhiều tập đoàn sản xuất và một số xã nhờ đẩy mạnh phát triển sản xuất đã hoàn thành nghĩa vụ lương thực trước thời hạn và vượt mức kế hoạch. Hằng năm, ngành lương thực huyện tổ chức mua, bán lương thực cho cán bộ, công nhân viên và Nhân dân đúng định lượng, thời gian, bảo đảm nguồn lương thực phục vụ các nhiệm vụ trung tâm của huyện. Thông qua quản lý Nhà nước, Huyện uỷ tiếp tục lãnh đạo, phát huy vai trò, tác dụng của công tác tài chính - tín dụng nhằm phục vụ đắc lực cho việc phát triển kinh tế xã hội. Huyện có nhiều cố gắng đảm bảo và tạo nguồn thu, tranh thủ trợ giúp của tỉnh để hạn chế khó khăn, giảm căng thẳng cho ngân sách huyện; đồng thời thực hiện bảo đảm chi đúng, chi đủ, có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho các công trình kinh tế... Năm 1981, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện là 2,445 triệu đồng, tổng chi ngân sách 3,400 triệu đồng (đạt 131% kế hoạch); năm 1984, thu: 9.939.000 đồng, chi 8.838.000 đồng. Hoạt động của ngân hàng có nhiều cố gắng trong việc bảo đảm nguồn vốn phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân, nhất là phục vụ thu mua lương thực, thực phẩm, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân.

**3. Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa - xã hội**

Nghị quyết Hội nghị Huyện uỷ đầu năm 1981 đề ra nhiệm vụ “đẩy mạnh hoạt động văn hoá, giáo dục y tế, thể thao chuyển lên một bước mới, phù hợp với tình hình nhiệm vụ, đặc điểm của huyện, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển, từng bước đổi mới tình hình nông thôn”. Thực hiện chủ trương trên, huyện đẩy mạnh phong trào xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Hệ thống văn hoá thông tin từ huyện đến xã được củng cố thêm một bước, bảo đảm hoạt động liên tục và nâng cao chất lượng, nhất là thông tin tuyên truyền. Đến năm 1985, trên địa bàn huyện có Đài truyền thanh với công suất 4.5 KW. 02 đội chiếu phim. 01 thư viện, 01 hiệu sách. 01 rạp chiếu phim.

Hằng năm, ngành văn hoá thông tin huyện đều tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, biểu diễn văn nghệ chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và phục vụ các sự kiện quan trọng của địa phương. Năm 1981, Đoàn của huyện tham gia thi hội diễn toàn tỉnh được xếp loại thứ 3 trong 12 huyện, thị. Năm 1982, ngành tổ chức thành công đợt triển lãm cùng với nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ sôi nổi phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX. Đài Truyền thanh huyện thường xuyên tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam, đưa tin phản ánh tình hình địa phương trong tỉnh và huyện. Các đội chiếu bóng lưu động luôn đưa phim ảnh về cơ sở phục vụ quần chúng. Đi cùng với các hoạt động trên, việc thực hiện nếp sống văn hoá mới ở nông thôn có nhiều tiến bộ, từng bước hạn chế và bài trừ các tập tục lạc hậu có hại đến sức khỏe và sản xuất. Xã Đăk Rong là đơn vị đi đầu trong thực hiện phong trào bài trừ mê tín dị đoan.

Công tác giáo dục tiếp tục được Đảng bộ quan tâm và từng mặt có những tiến bộ so với trước. Trong kế hoạch phát triển giáo dục 5 năm 1981-1985, Đảng bộ huyện chỉ đạo chú trọng 3 hệ phổ thông, bổ túc và trường vừa học vừa làm đạt chỉ tiêu bảo đảm số lượng và chất lượng; phát triển mạnh hệ mẫu giáo đến tập đoàn sản xuất; phát động phong trào học bổ túc buổi tối, buổi trưa ở các tập đoàn sản xuất, chống tái mù… Thực hiện chủ trương đó, hằng năm, dựa vào nguồn vốn ngân sách địa phương và đóng góp của Nhân dân, huyện quan tâm và đầu tư thích đáng cho việc củng cố, xây dựng, mở rộng trường lớp, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và học sinh trong công tác dạy và học.Ngành giáo dục huyện đã phối hợp với các cấp, các ngành triển khai nhiều biện pháp tích cực, từng bước khắc phục dần những khó khăn, hạn chế, thiếu sót trong giáo dục.

Đến năm 1985, toàn huyện có 11 trường phổ thông các cấp, 01 trường phổ thông nội trú, 01 trường bổ túc văn hóa tập trung. Hầu hết các xã và một số tập đoàn sản xuất đều có nhà mẫu giáo, giữ trẻ. Đội ngũ giáo viên có 189 người, trong đó có 96 giáo viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số địa phương. Năm học 1980-1981 toàn huyện có 3.367 học sinh tham gia học tập, trong đó mẫu giáo: 224 cháu, phổ thông: 2.633 học sinh. bổ túc: 520 học sinh. Năm học 1985-1986, toàn huyện có 3.200 học sinh, trong đó: nhà trẻ, mẫu giáo có 21 lớp, 534 cháu; phổ thông có 103 lớp: 2.421 học sinh; bổ túc văn hóa có 10 lớp: 245 học viên. Trong tổng số học sinh năm 1985-1986 có 1.425 học sinh là con em đồng bào các dân tộc thiểu số. Bình quân cứ 6 người dân có 01 người đi học.

Mặc dù huyện có sự quan tâm, đầu tư thích đáng cho sự nghiệp giáo dục, song kết quả đem lại không đạt như mong muốn. Đáng chú ý là từ năm 1983, sỹ số học sinh cứ giảm dần, nhất là ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Số lượng học sinh phổ thông năm học 1985-1986 giảm hơn so với năm học 1980-1981. Thực tế này phản ánh thực trạng khó khăn về tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện nhà; trong đó đáng chú ý là các yếu tố địa hình chia cắt, dân cư phân tán, thời gian đi từ làng này đến làng kia hàng tiếng đồng hồ, có làng đi về xã đến 2, 3 ngày đường, mặt khác do đời sống còn nhiều khó khăn nên đội ngũ giáo viên (đa phần là từ nơi khác đến) chưa thật sự yên tâm công tác, chất lượng dạy chưa cao, trong khi đó, học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số địa phương chưa thật sự hiếu học.

Trong điều kiện nền kinh tế huyện nhà còn nhiều khó khăn, phong tục tập quán của bà con đồng bào dân tộc thiểu số còn nặng nề, có những phong tục không có lợi cho sức khỏe, nên công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân là một yêu cầu bức thiết.

Từ năm 1981-1985, huyện tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho ngành y tế huyện. Đến năm 1985, toàn huyện có 01 bệnh viện đa khoa tại trung tâm huyện, 02 bệnh xá khu vực: 01 tại xã Măng Cành, 01 tại Kon Brẫy, hầu hết tại các xã đều có trạm xá.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, ngành y tế phối hợp với các cấp các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện công tác vệ sinh phòng bệnh, tiếp tục triển khai thực hiện phong trào 5 dứt điểm, bãi bỏ các phong tục tập quan gây nguy hại cho sức khỏe,... Hằng năm, theo định kỳ ngành tổ chức tiêm phòng một số loại bệnh và phun thuốc diệt muỗi tại các khu dân cư để phòng trừ bệnh sốt rét. Bệnh viện trung tâm huyện và các bệnh xá khu vực thường xuyên tiếp nhận khám và điều trị bệnh cho Nhân dân và cán bộ. Đồng thời tổ chức các đoàn xuống tận các xã vùng sâu khám, chữa bệnh cho Nhân dân.

Được sự chi viện của Công ty được tỉnh, Cửa hàng được huyện thường xuyên tiếp nhận, quản lý và bảo đảm nguồn thuốc phục vụ chữa bệnh cho Nhân dân. Mặt khác, dựa vào nguồn dược liệu thiên nhiên sẵn có tại địa phương, ngành y tế thường xuyên hướng dẫn và phát động phong trào quần chúng tích cực khai thác dược liệu để làm thuốc nam chữa bệnh, bồi bổ sức khỏe...

Đảng bộ quan tâm lãnh đạo các cấp, các ngành, địa phương chú trọng thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là chăm lo đời sống cho Nhân dân; thực hiện tốt chế độ chính sách đối với thương binh, liệt sỹ và các đối tượng xã hội trong diện được nhà nước chăm lo. Theo đó, ngành thương binh - xã hội tiếp tục điều tra lập hồ sơ công nhận và giải quyết chính sách cho các gia đình thương binh, liệt sỹ. Hàng năm, nhân ngày Thương binh - Liệt sỹ (27-7), huyện tổ chức họp mặt và thăm hỏi ân cần các gia đình thương binh liệt sỹ và gia đình có công với cách mạng. Năm 1983, huyện tổ chức Hội nghị họp mặt cán bộ hưu trí trên địa bàn toàn huyện với 85 đại biểu tham dự để lắng nghe ý kiến và giải quyết các chế độ hưu trí, trợ cấp xã hội kịp thời, đúng đối tượng. Từ năm 1981-1985, Huyện đã tổ chức nhiều đợt cấp lương thực cứu đói, muối ăn, vải mặc và các loại nông cụ phục vụ sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng căn cứ và các hộ dân vùng kinh tế mới còn nhiều khó khăn.

**4. Giữ vững an ninh, quốc phòng**

Đảng bộ Kon Plông luôn xác định: huyện Kon Plông trong bất cứ tình huống nào cũng là căn cứ địa cách mạng, do đó vấn đề quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là những công tác quan trọng phải được đặt ra và tổ chức thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng nhu cầu đời sống của Nhân dân trong huyện.

Trong những năm 1981-1985, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện vẫn chứa đựng những diễn biến phức tạp. Bọn FULRO sau khi bị ta liên tục tấn công và truy quét trong những năm trước đã đi vào thế tan rã, không dám hoạt động lộ diện, bọn bên ngoài luôn tìm mọi cách thâm nhập móc nối xây dựng cơ sở bên trong. Bọn phản động đội lốt tôn giáo luôn tìm mọi sơ hở của ta để thực hiện các họat động chống đối chính quyền cách mạng. Giữa bọn phản động đội lốt tôn giáo và FULRO vẫn có sự cấu kết móc nối với nhau, ngấm ngầm hoạt động, dùng những thủ đoạn xảo quyệt để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, lợi dụng tôn giáo, phong tục tập quán lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số để gây chiến tranh tâm lý, phá hoại ta trên tất cả các lãnh vực... Về trật tự xã hội, trong thời gian này xuất hiện tình trạng trộm cắp tài sản XHCN, trộm cắp của cải Nhân dân, sử dụng vũ khí trái phép...

Thực hiện Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về việc giải quyết vấn đề FULRO trên địa bàn toàn tỉnh (đầu năm 1981) và căn cứ vào tình hình thực tế của huyện, ngay từ đầu năm 1981, Huyện uỷ đã đề ra nhiệm vụ đối với công tác an ninh quốc phòng, tập trung vào một số vấn đề trọng tâm là:

- Làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và Nhân dân luôn luôn nâng cao ý thức quốc phòng toàn dân, nhận rõ vai trò, vị trí của công tác quân sự địa phương, vừa nâng cao cảnh giác, vừa bảo đảm khôi phục phát triển kinh tế địa phương. Không ngừng tăng cường sức mạnh chiến đấu trong mọi tình huống để bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng của địa phương.

- Tiếp tục phát động quần chúng phát huy truyền thống cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhận rõ địch - ta, xác định kẻ thù, tích cực truy quét bọn FULRO và trấn áp bọn tội phạm hình sự, xây dựng thực lực cách mạng xã thôn vững chắc. Kiên quyết chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của kẻ địch, loại trừ các phần tử gây rối, gây bạo loạn, xử lý thích đáng và nghiêm minh đối với những kẻ chống phá cách mạng, chống phá đường lối chính sách chủ trương của Đảng, bảo đảm đoàn kết nông thôn để Nhân dân yên tâm sản xuất, xây dựng thôn làng.

- Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động nâng cao bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội và cuộc vận động xây dựng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh.

- Tiếp tục củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang, công an nhân dân đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, đủ phẩm chất và năng lực bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và được Nhân dân tin yêu.

- Nghiêm chỉnh triển khai xây dựng đội tự vệ cơ quan. Phát triển và xây dựng lực lượng du kích bảo đảm 7 người dân có 1 du kích. Thực hiện tốt tuyển quân đủ quân số trên giao. Quan tâm bồi dưỡng cán bộ xã đội, công an xã.

Ngày 13-9-1982, Huyện uỷ ban hành Nghị quyết về công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ cụ thể đối với công tác giữ gìn trật tự xã hội và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành trong việc tổ chức thực hiện, trong đó chỉ rõ công an, quân đội làm vai trò nòng cốt đấu tranh bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn an toàn xã hội. Nêu cao vai trò trách nhiệm, thực hiện nghiêm chỉnh những chủ trương biện pháp của Huyện uỷ và kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện.

Từ phương hướng nhiệm vụ chung nêu trên, trong những năm 1981-1985, Huyện uỷ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạng công tác phát động quần chúng, xây dựng quốc phòng toàn dân, bảo vệ an ninh tổ quốc, đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, phá hoại của địch, xây dựng cơ sở, truy quét FULRO, trấn áp bọn phản cách mạng. Đồng thời tăng cường biện pháp đấu tranh phòng ngừa các hoạt động phạm pháp hình sự, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn huyện.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, hai lực lượng công an và quân đội địa phương tiếp tục được kiện toàn, củng cố, bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng, sẵn sàng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ cách mạng được Đảng giao phó.

Trong giai đoạn 1981-1985, lực lượng công an nhân dân huyện thường xuyên được giáo dục rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, chủ động phối hợp với các ngành, phát động quần chúng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc. Mặc dù bọn FULRO mọi cách móc nối gây cơ sở trong huyện nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, lực lượng công an đã kịp thời theo dõi, bám sát địa bàn, nhất là vùng trọng điểm (Đăk Tờ Re, Đăk Pne, Măng Bút), cùng với các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác phát động chính trị tư tưởng, xây dựng tinh thần cảnh giác cách mạng trong quần chúng, ngăn chặn kịp thời âm mưu xâm nhập vào địa bàn huyện của bọn FULRO bên ngoài. Năm 1981, du kích xã Măng Bút đánh một trận giết một tên FULRO nằm vùng xã Măng Bút, thu vũ khí và tài liệu.

Công tác giữ gìn trật tự xã hội được tiến hành thường xuyên, các vụ phạm pháp hình sự, nhất là trộm cắp tài sản XHCN được phát hiện kịp thời, điều tra và đưa ra xét xử công khai có tác dụng tốt trong việc trấn áp, răn đe các loại tội phạm. Năm 1981, đã phát hiện và giải quyết 27 vụ, thiệt hại trị giá 51.00 đồng và 1.200 kg gạo. Năm 1983, trên địa bàn huyện, một số giáo phu lợi dụng sơ hở để làm nhà thờ trái phép, gây mất an ninh trật tự, song đã được cấp ủy, chính quyền xử lý kịp thời, thảo đáng.

Công tác quân sự địa phương tiếp tục được kiện toàn, củng cố vững chắc. Hằng năm, huyện đều hoàn thành đăng ký quân dự bị, giao quân đạt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao. Lực lượng vũ trang địa phương luôn được quan tâm giáo dục về chính trị tư tưởng, thường xuyên luyện tập nâng cao kỷ thuật chiến đấu. Lực lượng dân quân tự vệ được thành lập ở hầu hết các xã. Trong những năm 1981-1985, lực lượng vũ trang ngoài nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu còn tích cực tham gia công tác địa phương giúp dân khai hoang, làm thuỷ lợi, phát triển giao thông nông thôn; phối hợp với các lực lượng làm công tác dân vận, phát động tư tưởng trong quần chúng, tuần tra phát hiện và truy quét FULRO ngoài rừng...

**5. Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể vững mạnh**

Tiếp tục nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, trong những năm 1981-1985, Huyện ủy thường xuyên quan tâm xây dựng Đảng trên tất cả các mặt chính trị tư tưởng, tổ chức và kiểm tra bảo vệ Đảng.

Trước tình hình đất nước lâm vào khủng hoảng, đời sống kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, đế quốc Mỹ thực hiện chính sách bao vây cấm vận, các thế lực phản động, thù địch gia tăng các hoạt động chống phá công cuộc xây dựng đất nước của Nhân dân ta, Đảng bộ rất coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các cấp, các ngành tập trung quán triệt Nghị quyết Đại hội V của Đảng, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết đại hội VIII Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết đại hội IX Đảng bộ huyện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng thông qua các dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh và huyện. Qua đó, đã nâng cao nhận thức và quan điểm lập trường cho cán bộ, đảng viên; khắc phục dần những hiện tượng tiêu cực, tăng cường sự đoàn kết thống nhất về chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện Chỉ thị 83 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1981-1983, Đảng bộ huyện Kon Plông triển khai và hoàn thành tốt công tác phát thẻ đảng viên. Đây là đợt sinh hoạt giáo dục chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, nâng cao một bước ý thức Đảng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm; tăng cường sự đoàn kết nhất trí nội bộ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cán bộ, đảng viên.

Công tác tổ chức, trong hai năm 1981-1982 tập trung chuẩn bị và hoàn thành đại hội đảng các cấp từ cơ sở đến huyện. Tháng 11-1982, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX được tổ chức thành công, đã kiện toàn Ban Chấp hành, Ban Thường vụ. Sau Đại hội, Đảng bộ tập trung thực hiện Chỉ thị 24, 27 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên và kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng. Chuyển biến mới trong công tác xây dựng đảng về tổ chức của Đảng bộ thời kỳ này là bước đầu có sự nhận thức đúng về công tác củng cố kiện toàn tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng huyện. Để phù hợp với tình hình tổ chức lại sản xuất trên địa bàn, Đảng bộ tiến hành sáp nhập một số tổ chức cơ sở đảng và thành lập một số tổ chức đảng mới. Năm 1982, toàn Đảng bộ có 23 tổ chức cơ sở đảng, đến năm 1985 tăng lên 26 tổ chức cơ sở đảng với 652 đảng viên .

Công tác phát triển đảng viên được tiến hành thường xuyên. Năm 1981, kết nạp 22 đảng viên mới; năm 1983, kết nạp 23 đảng viên mới; năm 1984 kết nạp mới 28 đảng viên. Cũng trong 3 năm 1981- 1983, có 43 đảng viên vi phạm tư cách, phẩm chất bị đưa ra khỏi đảng. Điều đó chứng tỏ rằng, Đảng bộ quan tâm đến phát triển số lượng nhưng cũng rất chú trọng đến chất lượng đảng viên.

Cùng với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức, cán bộ, Đảng bộ luôn coi trọng công tác kiểm tra, bảo vệ Đảng. Thực hiện tinh thần Chỉ thị 24 của Ban Bí thư “lãnh đạo có kiểm tra”, Đảng bộ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, Điều lệ Đảng, xây dựng nề nếp, giữ gìn kỷ luật của Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên và làm trong sạch nội bộ Đảng, bộ máy Nhà nước. Qua các đợt kiểm tra, từ năm 1983-1985, Đảng bộ huyện đã xử lý 36 vụ đảng viên vi phạm kỷ luật, trong đó đưa ra khỏi Đảng 13 trường hợp do thoái hoá biến chất .

Trong hai năm 1981 và 1984, Đảng bộ lãnh đạo thành công bầu cử Hội đồng cấp xã, huyện. Qua mỗi đợt bầu cử, các cấp uỷ đã giới thiệu những cán bộ, đảng viên và quần chúng có phẩm chất đạo đức và năng lực tham gia vào bộ máy chính quyền. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã được kiện toàn và nâng lên bước mới, hoạt động từng bước đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng.

Hằng năm, Hội đồng nhân dân huyện tổ chức các cuộc họp theo định kỳ đề ra, xây dựng chương trình hành động để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng bộ huyện. Các hoạt động kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên. Đối với cấp xã, Hội đồng nhân dân cùng cấp đã có bước tiến mới hơn trong xây dựng kế hoạch thực hiện chủ trương chính sách của cấp trên và nghị quyết của cấp uỷ cùng cấp. Một số xã đã tổ chức họp hội đồng nhân dân theo định kỳ.

Cùng với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã qua bầu cử tiếp tục được kiện toàn và đổi mới hơn so với trước. Sau bầu cử năm 1981, Ủy ban nhân dân huyện hình thành 16 ban chuyên môn. Năm 1983, tăng lên 17 ban. Hoạt động của các ban từng bước đi vào nề nếp, thực hiện đúng chức năng theo Nghị định 86 của Hội đồng Bộ trưởng. Từ năm 1983, huyện nghiên cứu triển khai việc tinh giảm biên chế theo tinh thần Nghị định 16 của Hội đồng Bộ trưởng.

Hoạt động của ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục đi vào nề nếp có bước tiến mới hơn so với trước. Phần lớn ủy ban nhân dân xã đã nắm được chức trách, biết cách làm việc, bước đầu đi vào quản lý hành chính quản lý kinh tế xã hội. Ở nhiều xã thực hiện phân công cán bộ trực giải quyết công việc hằng ngày.

Ngày 29-12-1984, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định tách 02 xã Đăk Roong và Kon Pne thuộc huyện Kon Plông nhập về huyện An Khê, Huyện uỷ Kon Plông đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện và chính quyền các xã chuẩn bị tốt các công việc cho sự chia tách, nhanh chóng ổn định tư tưởng, bố trí lại phương án quy hoạch phát triển huyện theo địa giới và đơn vị hành chính thực tế hiện có.

Để đẩy mạnh công tác vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, đồng thời phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Huyện uỷ luôn quan tâm lãnh đạo Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội. Từ năm 1981-1985, Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội thường xuyên được kiện toàn, củng cố. Năm 1983, Huyện uỷ lãnh đạo thành công Đại hội Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, qua đó nâng cao vai trò, vị trí của mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết các dân tộc, đoàn kết tôn giáo; tập hợp và phát động phong trào quần chúng ra sức thi đua xây dựng phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, xây dựng con người mới, nền văn hoá mới, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Công đoàn thường xuyên giáo dục giác ngộ về mục tiêu lý tưởng cho giai cấp công nhân và người lao động; chú trọng nâng cao vai trò làm chủ tập thể trong các cơ quan, xí nghiệp, phát huy sáng kiến, cải tiến lề lối làm việc, tham gia cùng với chính quyền quản lý kinh tế, quản lý xã hội và đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất tự túc trong các cơ quan, xí nghiệp, góp phần cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân viên chức.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện tiếp tục phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của tuổi trẻ, đi đầu trên các lĩnh vực lao động sản xuất, khai hoang, làm thủy lợi, truy quét FULRO, kết hợp với triển khai tốt phong trào “3 xung kích làm chủ tập thể” của tuổi trẻ. Năm 1983, Đoàn thanh niên phối hợp với Công an huyện tổ chức Hội nghị liên tịch để thực hiện Nghị quyết liên tịch giữa Ban bí thư Trung ương Đoàn với Bộ Nội vụ, qua đó đã phát huy tác dụng, động viên tầng lớp thanh niên trên lĩnh vực xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đi đầu trên các phong trào lao động sản xuất, xây dựng nếp sống mới, đấu tranh chống tiêu cực. Hằng năm, thông qua các phòng trào, đoàn đã bồi dưỡng và kết nạp thêm vào tổ chức nhiều thanh niên. Đến năm 1985, toàn huyện có 858 đoàn viên; hàng chục đoàn viên ưu tú được giới thiệu xem xét, kết nạp vào Đảng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng người phụ nữ mới; thực hiện Cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa mới; đồng thời phối hợp với các ngành làm tốt phong trào vận động gọi thanh niên nhập ngũ, tổ chức vận động quyên góp tiền mua quà tặng áo ấm mùa đông và các lễ tết cho chiến sỹ; vận động phụ nữ không nghe lời, không tin theo FULRO và bọn xấu, ủng hộ các lực lượng vũ trang phát hiện và truy quét FULRO.

Hội Nông dân tập thể được kiện toàn bộ máy ban chấp hành hội từ huyện đến cơ sở, nhất là sau Đại hội năm 1983; nâng cao vị trí vai trò, tiếp tục phát huy chức năng, nhiệm vụ của hội trong tình hình mới là vận động nông dân vào làm ăn tập thể và thực hành tiết kiệm xây dựng đất nước. Đến năm 1985, toàn huyện có 10 chi hội, 142 tổ với 7.500 hội viên. Các chi hội và tổ đều giữ vững được sinh hoạt học tập, vận động được 100% hội viên tham gia vào làm ăn tập thể. Hội Nông dân thực sự đóng vai trò nòng cốt trong phong trào làm ăn tập thể, xây dựng tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, mặt yếu trong công tác vận động quần chúng là công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa đi vào chiều sâu; phương thức nội dung vận động quần chúng còn chung chung, chưa có hình thức sát hợp với từng đối tượng trong tình hình mới, biện pháp còn nghèo nàn nên sự chuyển biến chưa đều. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể chưa thật chủ động, chưa phát huy đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể đối với phong trào hành động cách mạng của địa phương.

Cùng với lãnh đạo xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội, Đảng bộ huyện thường xuyên giáo dục, động viên quần chúng nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; phát động phong trào cách mạng của quần chúng trên mọi lĩnh vực: xây dựng phát triển kinh tế; văn hoá xã hội; bảo vệ an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, qua đó lựa chọn những người tiên tiến để kết nạp vào các tổ chức của quần chúng, chính quyền và đưa vào hàng ngũ chiến đấu của Đảng. Phong trào hành động cách mạng của các đoàn thể tập trung thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, qua đó nâng trình độ giác ngộ của quần chúng lên bước mới.

Công tác đào tạo cán bộ được Đảng bộ quan tâm. Trong năm 1981, huyện mở 02 lớp bồi dưỡng cho 7 chức danh chủ chốt cán bộ xã với 144 đồng chí; Trường Đảng huyện mở 01 lớp chính trị cơ sở với 12 học viên; huyện cử 6 đồng chí đi học tại Trường Đảng tỉnh, 05 đồng chí theo học tại chức tại Trường Đại học kinh tế Đà Nẵng. Từ năm 1983-1985, huyện cử 99 cán bộ đi đào tạo bồi dưỡng ở các trường Trung ương, tỉnh, huyện. Đến năm 1985, toàn huyện có 1.058 cán bộ, công chức trong đó: đại học 10 đồng chí, trung học 133 đồng chí, sơ cấp chính trị: 195 đồng chí.

\*

Giai đoạn (1981-1985), đất nước và tỉnh có nhiều khó khăn thử thách tác động lớn đối với công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kon Plông. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ huyện Kon Plông tiếp tục phát huy bản lĩnh cách mạng, kiên định với mục tiêu lý tưởng của Đảng, nghiên cứu và vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối của Đảng, nghị quyết của Tỉnh ủy, đề ra nhiệm vụ xây dựng phát triển huyện nhà sát với thực tiễn, từng bước tiếp tục đưa huyện vượt qua những khó khăn, thu được nhiều thắng lợi mới trong công cuộc xây dựng phát triển quê hương.

Thành quả nổi bật trong giai đoạn này là Đảng bộ đã lãnh đạo các cấp, các ngành và Nhân dân tập trung khai hoang, đẩy mạnh sản xuất nhằm bảo đảm vững chắc lương thực; đồng thời từng bước chuyển dần sang chuyên canh trồng cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây thực phẩm, tạo sự phong phú và đa dạng về cây trồng trong sản xuất nông nghiệp, từng bước tạo sản phẩm hàng hoá trong nông nghiệp. Công tác cải tạo XHCN đối với nông nghiệp tiếp tục được quan tâm, có sự đổi mới trong cách thức tổ chức làm ăn theo cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Trong lâm nghiệp, đi đôi với bảo vệ và trồng rừng, huyện tiến hành tổ chức giao khoán cho các tập thể và Nhân dân khai thác tài nguyên rừng để phục vụ đời sống và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội địa phương. Các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được kiện toàn và củng cố lại, từng bước nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, bước đầu đáp ứng nhu cầu chế biến nguồn nguyên liệu tại chỗ. Công tác phân phối lưu thông, bảo đảm việc thu mua hàng hóa nông sản của nhân dân, bán và phân phối các mặt hàng cần thiết phục vụ đời sống Nhân dân. Công tác giao thông, xây dựng cơ bản đạt được những kết quả mới với việc hình thành thêm nhiều công trình trọng điểm ở khu vực trung tâm, mở rộng thêm nhiều tuyến đường giao thông nông thôn. Lĩnh vực văn hóa, xã hội có thêm nhiều tiến bộ trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho quần chúng. An ninh quốc phòng trên địa bàn huyện được tăng cường và giữ vững. Công tác xây dựng Đảng đạt nhiều tiến bộ mới trong việc nâng cao giác ngộ chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân; kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và Đảng bộ. Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội được củng cố, kiện toàn từ huyện đến cơ sở, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Đội ngũ cán bộ, đảng viên tiếp tục được quan tâm bổ sung về số lượng; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Song, bên cạnh những thành quả đạt được, vẫn còn không ít những tồn đọng. Mặc dù có sự quan tâm đầu tư cho sản xuất nhưng do thời tiết không thuận lợi, chưa áp dụng mạnh khoa học kỹ thuật, đầu tư cho sản xuất nên sản lượng lương thực có năm bị giảm so với năm trước. Các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã vẫn còn nặng tính hình thức, chưa thực hiện rộng rãi khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Trong phân phối lưu thông, ngành ngoại thương chưa nắm chắc các nguồn hàng trong dân. Trong lĩnh vực văn hóa-xã hội, tệ nạn mê tín dị đoan có chiều hướng phát triển trở lại trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giáo dục, y tế phát triển chậm... Những tồn đọng trên cũng chính là những khó khăn mà Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Kon Plông cần tiếp tục khắc phục và vượt qua trong giai đoạn tới.

**CHƯƠNG X**

**VƯỢT QUA KHÓ KHĂN THÁCH THỨC, THỰC HIỆN**

**ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 1990)**

**1. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X; bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng vào thực tiễn địa phương (1986-1988)**

Qua 10 năm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội kể từ ngày giải phóng quê hương, Kon Plông đã đạt được những kết quả nhất định trên các mặt. Bên cạnh những thành quả đạt được, cũng là những thuận lợi cơ bản khi bước vào thời kỳ mới, Kon Plông cũng gặp phải không ít khó khăn: Kinh tế của huyện phát triển chậm, sản xuất lương thực chưa vững chắc, cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, phân phối lưu thông còn nhiều ách tắc, giá cả thị trường thường xuyên biến động. Đời sống Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, công nhân lành nghề còn thiếu và yếu. Trong Nhân dân, phong tục tập quán lạc hậu, cuộc sống du canh du cư còn tồn tại khá nặng nề, nhiều người không biết chữ, là trở ngại lớn cho phát triển kinh tế xã hội. Các thế lực phản động, thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Trước tình hình đó, từ ngày 5 đến ngày 8 tháng 9 năm 1986, Đại hội Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ X được triệu tập. Tham dự đại hội có 111 đại biểu chính thức thay mặt cho 653 đảng viên thuộc 26 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Đại hội quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam và chủ trương đổi mới toàn diện đường lối phát triển kinh tế của Đảng. Đại hội thông qua các văn kiện và nghiêm túc kiểm điểm những khuyết điểm, yếu kém trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua. Từ thực tiễn đó, Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ trong thời gian tới là: “Tăng cường đoàn kết nhất trí, quyết tâm làm thay đổi một cách rõ rệt về tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống, tổ chức quản lý, tổ chức phân phối, phân bố lực lượng dân cư, tiếp thu lao động mới theo cơ cấu lâm - nông - công nghiệp; làm thay đổi bộ mặt nông thôn, đưa nền kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng lên một bước vững chắc. Xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc giành thắng lợi” .

Đại hội nêu rõ những mục tiêu cụ thể trên từng lĩnh vực:

1. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, đưa nông nghiệp trở thành mặt trận hàng đầu, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, tạo ra hàng hoá xuất khẩu. Cải thiện một bước đời sống vật chất tinh thần cho Nhân dân lao động, nhất là đồng bào các xã vùng sâu, lực lượng vũ trang, cán bộ công nhân viên chức, bảo đảm các nhu cầu thiết yếu.

2. Định canh định cư cho đồng bào các dân tộc, cơ bản hoàn thành hợp tác hóa trong nông nghiệp, bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, hình thành các cụm kinh tế xã hội.

3. Tập trung giải quyết mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, coi đây là khâu đột phá để phát triển kinh tế xã hội cho đồng bào các dân tộc.

4. Tăng cường an ninh quốc phòng, kịp thời ngăn chặn bọn FULRO trên địa bàn huyện, kiên quyết đập tan âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

5. Xây dựng tinh thần tự lực, tự cường, khai thác tài nguyên sẵn có tạo ra sản phẩm hàng hóa, tạo nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật.

6. Để thực hiện tốt đường lối đổi mới của Đảng, Đại hội nhấn mạnh vấn đề xây dựng Đảng, trong đó nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm là quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, đổi mới tư duy, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế; đổi mới công tác tổ chức và công tác cán bộ; tăng cường công tác giáo dục, kiểm tra Đảng; tăng cường đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Đảng; toàn Đảng bộ phải thực hiện tốt cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực (chủ nghĩa cả nhân, bảo thủ, trì trệ, cục bộ địa phương), làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ Khoá X gồm 39 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí A Nuk được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ. Đồng chí Thái Quang Nhạn được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Đại hội khẳng định truyền thống đoàn kết và ý chí phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân toàn huyện Kon Plông. Đồng thời kêu gọi toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong huyện đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng bộ, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Kon Plông lần thứ X.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai - Kon Tum lần thứ IX đã được tổ chức từ ngày 21 đến ngày 26-10-1986, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1986-1990):

Về kinh tế: Ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp. Trong những năm trước mắt, cơ cấu kinh tế của tỉnh là nông - lâm - công nghiệp.

Về văn hoá xã hội: Phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, khắc phục những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội, tập tục lạc hậu. Hoàn thành định canh, định cư cho đồng bào dân tộc.

Về an ninh quốc phòng: Giải quyết dứt điểm FULRO, xây dựng lực lượng vũ trang, công an đủ mạnh để bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Về xây dựng Đảng: Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng tình hình, ưu điểm, khuyết điểm, sai lầm. Đại hội chủ trương xây dựng Đảng bộ vững mạnh, là yếu tố quyết định việc tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 1986-1990. Đại hội yêu cầu phải kiện toàn các cơ quan lãnh đạo và quản lý, đổi mới đội ngũ cán bộ là yêu cầu cấp bách đối với Đảng bộ.

Tháng 12-1986, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra tại Hà Nội.

Với tinh thần tôn trọng sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội nghiêm túc kiểm điểm, nêu rõ những khuyết điểm lớn trong công tác lãnh đạo của Đảng và nhấn mạnh những khuyết điểm đó đã làm cho đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.

Trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế - xã hội, phân tích những sai lầm, thiếu sót, Đại hội đề ra chủ trương, giải pháp mới đất nước với nội dung cốt lõi là: đổi mới cách nghĩ, cách làm (đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; đổi mới phong cách làm việc); đổi mới tổ chức và cán bộ, nhằm thực hiện quyết tâm chiến lược là: xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đại hội đề ra đường lối đổi mới, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đề ra mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm tiếp theo là: đẩy mạnh thực hiện ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng theo tinh thần cách mạng và khoa học. Đại hội nêu rõ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp đưa đất nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội tìm ra con đường có khả năng tháo gỡ một cách căn bản, có hiệu quả cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và tìm ra con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm Việt Nam. Với ý nghĩa đó, Đại hội Đảng lần thứ VI soi sáng con đường phát triển của đất nước, tạo nguồn sinh khí mới cho Đảng bộ và Nhân dân địa phương vươn lên xây dựng quê hương trong thời kỳ mới.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đại hội Đảng lần thứ VI, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, trong giai đoạn 1986-1988, huyện Kon Plông nhanh chóng bước vào thực hiện công cuộc đổi mới và thu được những kết quả và kinh nghiệm bước đầu trên các lĩnh vực.

Nghị quyết của Tỉnh uỷ Gia Lai - Kon Tum (tháng 5-1987) “về thực hiện 3 chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu”, xác định mục tiêu kinh tế xã hội trong những năm tiếp theo là phải tiếp tục đáp ứng cùng một lúc những yêu cầu vừa cơ bản vừa cấp bách, đảm bảo và cải thiện đời sống Nhân dân, tích luỹ để xây dựng chủ nghĩa xã hội và củng cố quốc phòng. Chương trình lương thực - thực phẩm là trọng tâm.

Quán triệt tình thần Nghị quyết của Tỉnh ủy, nhằm thúc đẩy kinh tế huyện nhà phát triển đúng hướng, có hiệu quả theo tinh thần đổi mới của Đảng, Đảng bộ tiến hành điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Từ năm 1986 đến năm 1988, huyện đã dành nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các công trình thủy lợi. Đảng bộ chủ trương nhanh chóng giải quyết vấn đề khai hoang, làm thủy lợi, xây dựng cánh đồng bằng phong trào hành động thiết thực của quần chúng; thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, xây dựng được cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; tạo ruộng bậc thang định canh trên cánh đồng lúa cạn, giải quyết vấn đề làm đất, cày ải, xen canh gối vụ, cải tạo đất trên vùng đất định canh…. Huyện tiến hành khảo sát, thiết kế lập luận chứng kinh tế kỹ thuật đầu tư hồ nước Làng Đăk Tre.

Công tác thủy lợi bảo đảm đủ tưới nước cho 1.260 ha lúa vụ mùa và 2.006 ha lúa vụ xuân năm 1986. Năm 1986, 1987, tuy thời tiết diễn biến phức tạp, rét đậm kéo dài, cùng với tình hình thiếu nước, tổng diện tích gieo trồng có giảm so với mục tiêu đề ra, song tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1986 vẫn đạt 7.110 tấn (đạt 74,8% kế hoạch). Diện tích, sản lượng cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày như lạc, thuốc lá và dài ngày như chè, cà phê vẫn duy trì.

Phát triển chăn nuôi trên đồng cỏ tự nhiên dưới tán rừng được coi là một thế mạnh của huyện. Đảng bộ chủ trương tổ chức cho mỗi đơn vị sản xuất có trâu bò, quy hoạch vùng trồng cỏ để chăn nuôi; quy hoạch chăn nuôi trâu bò thịt tại vùng Kon Plông, Măng Cành. Đàn lợn phát triển chủ yếu ở lĩnh vực kinh tế gia đình; ngành nông nghiệp huyện chủ trương tổ chức nuôi lợn giống, tổ chức mạng lưới thú y từ huyện đến cơ sở.

Nhằm đạt mục tiêu phát triển đàn gia cầm, ngành nông nghiệp chú trọng phát triển đàn vịt, ngan tại các chân ruộng nước tập trung. Chú trọng nuôi cá nước ngọt, chủ trương bảo vệ đàn cá tự nhiên trên các mặt sông lớn. Huyện còn vận động Nhân dân có điều kiện đào ao nuôi cá, có kế hoạch cung cấp giống cho Nhân dân.

Chăn nuôi đã có nhiều bước tiến đáng kể. Năm 1986, đàn trâu, bò đều tăng so với năm 1985. Năm 1987, đàn gia súc tiếp tục giữ vững, đàn heo phát triển không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong chỉ đạo, sản xuất nông nghiệp có một số bước tiến, nhưng những tồn tại đã tác động không nhỏ đến kết quả sản xuất. Ngành nông nghiệp huyện chưa bám sát cơ sở, nhất là những vùng trọng điểm. Công tác sửa chữa, khôi phục các công trình thuỷ lợi chưa kịp thời. Chưa có biện pháp kịp thời phòng chống sâu bệnh, ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc chưa tốt, do vậy không giữ được tổng đàn.

Đảng bộ xác định kinh tế rừng có vị trí hàng đầu đối với đơn vị kinh tế cơ sở kinh doanh trên đất dốc, vừa tạo ra của cải, vừa có tác dụng bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất trồng. Tuy nhiên, trong thời gian này rừng nhiệt đới bị tàn phá nghiêm trọng do tập quán du canh du cư của đồng bào.

 Để khắc phục tình trạng này, Đảng bộ chủ trương tổ chức sản xuất kinh doanh rừng từ đơn vị cơ sở. Với hình thức xây dựng lâm trường, tiểu khu rừng, lô rừng, vườn rừng, huyện tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng nông lâm kết hợp để định canh định cư cho đồng bào các dân tộc thiểu số bản địa. Ngành lâm nghiệp chủ trương hướng dẫn Nhân dân thu hái lâm đặc sản, trồng cây công nghiệp, cây dược liệu, chăn nuôi, bảo vệ nguồn động vật quý. Ngành cũng bố trí lực lượng lao động để làm kinh tế rừng, phân bổ quỹ thời gian cho từng thời vụ, bảo đảm kinh doanh hiệu quả. Xây dựng mỗi xã một lâm nông trường hoặc xí nghiệp lâm nông công nghiệp. Huyện tổ chức giáo dục, vận động quần chúng lập giao ước quản lý bảo vệ rừng thành tập quán.

Năm 1986, diện tích trồng rừng tập trung đạt 280 ha, bằng 121,7% kế hoạch, ươm 575.000 cây con, chăm sóc rừng trồng 1.258 ha/ lượt, đạt 106% kế hoạch'. Liên hiệp xí nghiệp đã triển khai hình thành 4 nông lâm trường. Năm 1987, trồng mới 281 ha, triển khai được 4 vườn ươm cây con giống cà phê và thông, ươm được trên 30.000 cây cà phê' Công tác chăm sóc, bảo vệ rừng trồng có nhiều cố gắng, không để xảy ra cháy lớn gây thiệt hại. Tuy nhiên, công tác quản lý rừng còn sơ hở, tệ phá rừng làm rẫy còn phổ biến; tình trạng chặt cây tìm trầm, khai thác gỗ bừa bãi gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng.

Đối với sản xuất công nghiệp, Đảng bộ chủ trương phát triển công nghiệp chế biến tạo sản phẩm hàng hoá đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Tổ chức xây dựng các cụm xí nghiệp theo hướng chuyên môn hoá nhằm áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sắp xếp theo các cụm: khai thác và chế biến gỗ; chế biến nông sản thực phẩm; cơ khí sửa chữa, sản xuất dụng cụ cầm tay; công nghiệp xây dựng.

Năm 1986, cùng với điều chỉnh về cơ cấu và đầu tư, Đảng bộ chú trọng đổi mới về cơ chế quản lý. Liên hiệp xí nghiệp lâm-nông-công nghiệp là một mô hình mới, mặc dù khó khăn về cơ sở vật chất, nguyên nhiên liệu, thiết bị vật tư, thiếu cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật, nhưng bằng các hình thức liên kết - liên doanh, liên hiệp xí nghiệp đã tìm được nguồn nguyên liệu để cân đối bổ sung vào kế hoạch.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã tích cực, năng động, khắc phục khó khăn, phát triển sản xuất. Năm 1986, 1987, tổng giá trị công nghiệp toàn huyện đạt khá: khai thác gỗ tròn từ 2.930m (đạt 148% kế hoạch) lên 3.327m, xẻ gỗ xây dựng cơ bản là 482m lên 850m, khai thác nhựa thông, chế biến tùng, hương... đều đạt và vượt kế hoạch. Các cơ sở lò rèn ở nông thôn vẫn được duy trì, sửa chữa và sản xuất hàng chục ngàn công cụ cầm tay cho nông dân.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 17-6-1985 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về giá-lương-tiền lương”, Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 24-02-1986 của Bộ Chính trị “về công bố giá, niêm yết giá”, đặc biệt là Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy “về phương hướng giải quyết những vấn đề cấp bách của phân phối, và lưu thông”, Đảng bộ huyện chủ trương thiết lập lại trật tự trên lĩnh vực lưu thông và phân phối. Tăng cường củng cố mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trên địa bàn dân cư, nắm chắc hàng từ nơi sản xuất, phát triển mua bán trên thị trường nông thôn. Hợp tác xã làm nhiệm vụ uỷ thác mua và bán cho nhà nước và Nhân dân. Thương nghiệp quốc doanh thành lập mỗi xã một tổ thu mua đến tận hợp tác xã để thực hiện kế hoạch, nắm hàng, giao nhận hàng và chuyển về huyện. Huyện chủ trương xây dựng các cụm trung chuyển tại Vi Xây, xã Hiếu, Măng Đen, tìm hiểu nhu cầu và thị hiếu của Nhân dân để cung cấp kịp thời cho xã. Huyện thực hiện mở rộng quyền xuất nhập khẩu cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác liên kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Đảng bộ tập trung chỉ đạo, động viên các cấp, các ngành phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tăng thu nhập từ nền kinh tế địa phương. Đảng bộ đề ra chỉ tiêu 100% số xã trong huyện phải có ngân sách xã và quản lý được ngân sách.

Năm 1986, doanh số mua vào của ngành thương nghiệp được 25.087 triệu đồng, đến 1987 đạt 111.774 triệu đồng; doanh số bán ra từ 18,395 triệu đồng năm 1986 lên 102 triệu đồng năm 1987. Năm 1986 là năm đầu tiên thực hiện công tác xuất nhập khẩu, ngành thương nghiệp đã thu mua được một số mặt hàng có giá trị góp phần vào xuất nhập khẩu của toàn tỉnh. Bên cạnh những kết quả khả quan, còn tồn tại những thiếu sót, nhất là công tác thu mua lương thực. Việc vận chuyển lương thực khó khăn cộng với công tác thu mua bị buông lỏng nên trong 2 năm 1986-1987, vấn đề giải quyết lương thực trên địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Giống như tình hình chung của cả nước, kinh tế của địa phương vẫn tiếp tục khủng hoảng, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng cao, lạm phát phi mã, thị trường không ổn định, lãnh đạo quản lý không chặt chẽ...

Ngày 05-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW “về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”. Nghị quyết đề ra cơ chế khoán mới trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp (thay cho cơ chế khoán theo Chỉ thị 100-CT/TW), xác định hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, nhận ruộng đất và mức khoán sản phẩm ổn định lâu dài với hợp tác xã (gọi tắt là "khoán 10").

Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ Gia Lai - Kon Tum chỉ đạo các huyện chấn chỉnh lại quy mô các hợp tác xã, chia nhỏ các hợp tác xã, thực hiện cách khoán mới, giao đất giao rừng cho nông dân. Các cấp uỷ trong huyện khẩn trương chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Đảng bộ chỉ đạo thực hiện thí điểm khoán gọn ruộng đất cho xã viên ở một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất sau đó nhân rộng. Khoán gọn đã thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần lao động sáng tạo và sự quan tâm của người nông dân đối với ruộng đất được giao. Nông dân mạnh dạn đầu tư, thâm canh, tăng vụ; hạn chế tiêu cực do cơ chế cũ; bộ máy quản lý hợp tác xã giảm; lợi ích của Nhà nước, tập thể và người lao động được hài hoà và tăng lên rõ rệt.

Trong ngành lâm nghiệp, chủ trương khoán đất, khoán rừng cho các đơn vị sản xuất, các hợp tác xã và hộ gia đình được đẩy mạnh. Các hợp tác xã đã kinh doanh hiệu quả phần lớn diện tích đất được giao, thực hiện tốt phương thức nông - lâm kết hợp. Trong khu vực kinh tế quốc doanh. Đảng bộ huyện chỉ đạo đi vào hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa với chủ trương chuyển hầu hết hàng tiêu dùng và một phần vật tư sang giá kinh doanh, thực hiện mua bán theo giá thỏa thuận, ngừng cấp phát lưu động từ ngân sách, đổi mới cơ chế tín dụng ngân hàng, giảm bao cấp tiền lương trong khu vực sản xuất kinh doanh. Nhiều cơ sở đã phát huy quyền chủ động về xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh về tài chính, tiền lương, tiền thưởng; chủ động chuyển hướng sản xuất gắn với thị trường: bắt đầu quan tâm đến năng suất, chất lượng hiệu quả và thị hiếu người tiêu dùng.

Nhờ quán triệt đường lối đổi mới của Đảng và những chủ trương, chính sách mới sau đó về đổi mới cơ chế quản lý, những nỗ lực trong việc thực hiện tích cực Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng bộ, bộ mặt kinh tế-xã hội của Kon Plông có bước phát triển mạnh mẽ.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, việc thực hiện khoán 10 đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy nông dân hăng hái đầu tư cho sản xuất. Ngành nông nghiệp huyện tập trung chỉ đạo sản xuất, từ đầu tư nguồn vốn đến chỉ đạo thời vụ, đưa giống mới vào sản xuất. Ngành chủ động triển khai sớm nhiều biện pháp như khôi phục một số công trình thủy lợi vừa và nhỏ, mạnh dạn đưa giống cây mới vào trồng, kết hợp trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Các hợp tác xã, hộ xã viên đã mạnh dạn mua sắm đầu tư máy móc, vật tư phục vụ sản xuất; áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi để thêm canh, tăng vụ, tăng số lượng đàn gia súc. Hầu hết diện tích hoang hóa, vườn tược đều được khai phá trồng trọt. Nhiều mô hình quản lý tốt, làm ăn hiệu quả bắt đầu xuất hiện.

Huyện đầu tư 10 triệu đồng vào đẩy mạnh trồng cà phê và đào lộn hột. Việc quy hoạch vùng cây trồng thích hợp được xác định như vùng Đông Trường Sơn trồng cà phê, vùng Tây Trường Sơn trồng đào lộn hột.

Từ những nỗ lực của ngành và của bà con nông dân, sản xuất nông nghiệp năm 1988 có tiến bộ rõ rệt so với năm 1987. Tổng diện tích gieo trồng đạt 3.758,5 ha, tăng hơn năm 1987 là 244,1 ha bằng 104,6%, trong đó, diện tích trồng lúa, mì, bắp đều tăng hơn hẳn so với năm 1987. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bằng 117,8% so với năm trước đó, trong đó, lúa là 4.965,08 tấn, màu quy thóc là 2.350,8 tấn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt kết quả khả quan. Đàn trâu có gần 3.000 con đạt 102% kế hoạch, bằng 116,2% so với 1986, đàn bò bằng 125%, đàn lợn tăng 128,5% so với 1986. Huyện đã xác định được cơ cấu cây trồng và đầu tư. Tạo được vùng chuyên canh cây mì, tuy diện tích không lớn nhưng là kết quả đáng khích lệ, bởi trong những năm trước đó chưa thực hiện được.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp vẫn còn những tồn tại. Việc chỉ đạo sản xuất theo thời vụ chưa được kịp thời, nhất là phòng trừ sâu bệnh. Sự chỉ đạo của ngành nông nghiệp huyện đối với các xã còn chung chung, thiếu sâu sát. Huyện mới chú trọng cây lúa, một số cây có giá trị xuất khẩu chưa được chú ý, còn xem nhẹ cây màu. Năng suất cây trồng có tăng nhưng chưa cao. Công tác định canh định cư chưa đạt kết quả. Huyện chưa có quy hoạch cụ thể, chưa xây dựng được mẫu làng định cư, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển chung của huyện. Việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 10 còn chậm, chưa phù hợp với tình hình. Trong chăn nuôi, công tác thú y có lúc chưa tốt, nên đã xảy ra tình trạng hàng ngàn con gia súc, gia cầm bị chết (năm 1988) .

Ngành lâm nghiệp đạt được những kết quả quan trọng trong trồng rừng, khai thác, chế biến lâm sản. Năm 1988, mặc dù nắng hạn kéo dài, toàn huyện vẫn trồng mới được 126,5 ha với 303.600 cây thông, đạt 105% kế hoạch. Sau khi Liên hiệp xí nghiệp lâm - nông - công nghiệp được củng cố và tổ chức lại, đã nhanh chóng đi vào sản xuất. Khai thác gỗ đạt khá, năm 1988 đạt 4.500m.

Sự phát triển của ngành lâm nghiệp không chỉ có tác dụng phòng hộ bảo vệ, chống xói mòn cho đất mà còn tạo ra một khối lượng lớn nguyên vật liệu cho công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu của huyện.

Song song với phát triển nông nghiệp, Đảng bộ chủ trưởng đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống. Tổ rèn sản xuất được hàng trăm công cụ cầm tay phục vụ sản xuất và đời sống. Ngành tiểu thủ công nghiệp tổ chức tổ xay xát tại khu vực xã Đăk Ruồng phục vụ đồng bào. Ngành mua được 2 máy phát điện mới 60KW và 100KW phục vụ nhu cầu điện thắp sáng.

Trong công tác xây dựng cơ bản, huyện chủ trương tiến hành quy hoạch các cụm kinh tế kỹ thuật theo từng địa bàn xã. Trong điều kiện nguồn vốn còn hạn chế, huyện chủ trương tận dụng tối đa các nguồn ưu tiên đầu tư cho các công trình phục vụ sản xuất, tập trung có trọng điểm, dứt điểm các công trình dở dang. Nhờ những nỗ lực của các ngành, huyện đã đạt những kết quả đáng kể trong xây dựng cơ bản. Năm 1987, thực hiện thi công, xây dựng xong 2 nhà kho của Công ty thương nghiệp và Xí nghiệp thu mua lâm đặc sản, 1 nhà chế biến với diện tích 3 công trình hơn 400m... Ngoài ra, đã hoàn thành việc thi công, tu bổ, sửa chữa một số công trình phục vụ sản xuất và đời sống sinh hoạt hàng ngày của nhân dân trong huyện. Năm 1988, huyện xây dựng mới được gần 700m2 nhà ở cho cán bộ, công nhân viên và trụ sở làm việc, tổng giá trị là 76,5 triệu đồng. Công trình nghĩa trang liệt sĩ được hoàn thành. Tiến hành thi công giai đoạn 2 công trình cấp nước phục vụ các cơ quan. Hoàn thành việc nâng tải cầu Kon Brẫy với tải trọng 25 tấn, tổng kinh phí trên 50 triệu đồng.

Giao thông vận tải có tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển kinh tế địa phương. Đảng bộ xác định giao thông có thông suốt trên địa bàn huyện thì sẽ giải quyết được mọi ách tắc. Vì vậy, công tác giao thông vận tải được chỉ đạo sát sao. Mở đường giao thông đến các xã là khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội. Với tinh thần nhà nước và nhân dân cùng làm, năm 1987, nhân dân 2 xã Măng Cành và xã Hiếu đã đóng góp hàng ngàn ngày công cùng lực lượng xe máy Công ty cầu đường 2 Bộ Lâm nghiệp mở được 17km đường lâm nghiệp và 8km đường con với khối lượng đất đá là 640.000m3; tu sửa, bảo dưỡng 150km đường liên thôn, liên xã; sửa chữa hàng chục chiếc cầu phục vụ vận chuyển lương thực và hàng hóa.

Trước tình hình lương thực tại một số xã thừa, dẫn đến Nhân dân không muốn tăng gia, trong khi đó tại trung tâm huyện lương thực lại thiếu, huyện đã vận động Nhân dân làm đường từ xã Hiếu về Gia Lai để vận chuyển lương thực từ xã Hiếu về huyện phục vụ cho cán bộ, Nhân dân vùng huyện lỵ, từ đó đã kích cầu nhân dân các xã tăng gia sản xuất.

Thực hiện việc tổ chức sắp xếp lại sản xuất, huyện đã giải thể Xí nghiệp xây dựng cơ bản, thành lập Xí nghiệp vận tải và hai đội trực thuộc để quản lý sản xuất, kinh doanh chuyên ngành. Năm 1988, huyện thành lập Xí nghiệp vận tải cơ giới với nhiệm vụ vận tải, san ủi và tu sửa đường giao thông. Mặc dù mới thành lập, xí nghiệp đã cố gắng khắc phục khó khăn, đạt khối lượng vận chuyển là 1.580 tấn, san ủi được 30.500m3 đất, vận chuyển hành khách từ huyện đi Plei Ku.

Trong năm 1988, huyện tiếp tục vận động Nhân dân tham gia hàng trăm ngày công, góp phần quan trọng vào việc phát triển giao thông. Có 4 tuyến đường chính được duy tu, bảo dưỡng thông đường, trong đó có hai tuyến quan trọng từ trung tâm huyện - Đăk Kôi, trung tâm huyện - Măng Bút. Nhờ có đường giao thông, ngành nông nghiệp đã tiến hành vận chuyển hết số hàng hóa tồn kho tại các xã này, gây được niềm tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân. Huyện cũng tiến hành nâng cấp các tuyến đường liên thôn, xã, mở đường mới từ trung tâm huyện đi Kon Du (Tân Lập).

Giao thông được mở mang góp phần vào phát triển kinh tế, giao lưu buôn bán giữa các xã trong huyện và ra ngoài huyện, giải quyết nhu cầu đi lại của Nhân dân.

Nhìn chung, năm 1988, sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đều có bước tiến rõ rệt so với những năm trước đó. Đảng bộ đã có sự chỉ đạo đúng hướng như đẩy mạnh và củng cố liên hiệp xí nghiệp, có nhiều biện pháp khắc phục và phát triển giao thông vận tải, phát triển hệ thống xay xát và điện thắp sáng. Đối với xây dựng cơ bản, Đảng bộ đã chú trọng vào những công trình trọng điểm. Tuy nhiên, tiểu thủ công nghiệp vẫn chưa phát triển, việc chỉ đạo còn chưa sát, nhiều nghề chưa được quan tâm như dệt vải ở cơ sở, rèn ở huyện lỵ. Công tác xây dựng cơ bản còn hoạt động chắp vá, cầu tràn làm nhiều nhưng không dứt điểm, chất lượng công trình chưa cao, chưa có kế hoạch sát thực tế. Liên hiệp xí nghiệp được xem là “xương sống” kinh tế của huyện nhưng chưa vững chắc, hiệu quả kinh tế chưa cao. Huyện vẫn chưa có chủ trương nhằm khắc phục tình trạng thiếu vật tư, sử dụng không phát huy hết năng suất máy móc, thiết bị hiện có, nên các ngành kinh tế vẫn chưa phát triển đột phá, chưa đáp ứng nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới.

Thông tin liên lạc ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Bước vào đổi mới, Đảng bộ xác định thông tin liên lạc có tốt thì việc nắm bắt tình hình và chỉ đạo mới kịp thời. Huyện chủ trương củng cố mạng lưới thông tin liên lạc từ tỉnh, huyện đến các xã, bảo đảm hiệu lực hệ thống thông tin tuyến tỉnh về huyện. Nâng cao chất lượng phát hành báo chí, công văn, bưu phẩm, kịp thời phục vụ bạn đọc, cán bộ và Nhân dân. Trong những năm đầu đổi mới, ngành bưu điện cố gắng vươn lên góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Mạng lưới bưu tá xã được củng cố và bổ sung. Đường thư từ tỉnh về huyện và xuống cơ sở được bảo đảm. Tỷ lệ thất thoát công văn, thư báo đã hạn chế.

Để thúc đẩy sản xuất phát triển, Đảng bộ chú trọng các hoạt động phân phối lưu thông. Về lương thực, huyện đã có chỉ đạo sâu sát, nắm địa bàn để vận động và thu mua. Đảng bộ xác định lương thực có bảo đảm thì mới giải quyết được sức sản xuất, vì vậy đã trực tiếp chỉ đạo và có kế hoạch cụ thể. Nhờ có sự chỉ đạo, tham gia hỗ trợ đồng bộ của các ngành, ngành thương nghiệp đã đạt kết quả quan trọng. Năm 1988, tổ chức vận chuyển hết hàng trăm tấn lúa xã Đăk Kôi, Măng Cành, Măng Buk về huyện, góp phần đẩy mạnh phát triển sản xuất. Tổng giá trị bán ra là 425.836 kg, trong đó bán theo quy định là 303.546kg. Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng lương thực chưa tốt, chất lượng gạo vì thế không được bảo đảm theo tiêu chuẩn quy định.

Trên tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị định 80/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, huyện chủ trương điều chỉnh giá mua, giá bán các mặt hàng, đặc biệt là lương thực, thực phẩm, nông sản; đẩy mạnh thu mua, nắm nguồn hàng; giải thể các trạm kiểm soát trên các trục đường giao thông, mở rộng lưu thông hàng hoá; tăng phụ cấp cho công nhân, viên chức... Nhờ những biện pháp trên, huyện đã giải quyết một phần nạn khan hiếm hàng hoá...

Tuy vậy, vấn đề lưu thông phân phối, giá cả trên địa bàn huyện còn rất nhiều khó khăn. Một số ngành, địa phương và cơ sở lợi dụng những hạn chế trong công tác quản lý của các cơ quan chức năng, đã tuỳ tiện đẩy giá lên cao, gây khó khăn, phức tạp cho đời sống nhân dân. Đảng bộ và Chính quyền huyện Kon Plông đã nhận ra và khắc phục những hạn chế trong quản lý. Do đó, từ năm 1988, quan hệ cung cầu, lưu thông hàng hoá trên địa bàn Kon Plông thông suốt hơn. Ngành thương nghiệp đã có cố gắng lớn trong thu mua nắm nguồn hàng. Doanh số mua vào, bán ra tuy chưa cao nhưng đã được cân đối với khả năng tiêu thụ sản phẩm. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã từng bước tiếp cận với sản xuất và người tiêu dùng, rút ngắn khoảng cách từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ, giảm chi phí lưu thông. Hàng tiêu dùng thông thường cơ bản đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

Để thích nghi với cơ chế mới; ngành thương mại, dịch vụ đã tập trung tháo gỡ những khó khăn về vật tư, nguyên liệu, đảm bảo cung ứng các nguồn vật tư chủ yếu, trực tiếp để sản xuất đúng kế hoạch, kịp thời vụ, phục vụ tích cực phát triển sản xuất. Các cấp uỷ đảng chỉ đạo mở rộng các loại hình dịch vụ sản xuất và lưu thông hàng hoá; thực hiện cung ứng theo tiêu chuẩn và định lượng các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cho những người hưởng lương, duy trì và phát triển bán lẻ các loại hàng tiêu dùng thông thường, loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu; mở rộng hình thức liên kết giữa các thành phần kinh tế theo đúng chính sách. Sự chỉ đạo sáng suốt đó đã thúc đẩy các hoạt động sản xuất ở địa phương, làm cho thương nghiệp quốc doanh nắm và chi phối được nguồn vật tư, sản phẩm xã hội; chi phối thị trường xã hội, từng bước ổn định giá cả, lập lại trật tự trên lĩnh vực lưu thông phân phối.

Tuy nhiên, mạng lưới thương nghiệp còn mỏng, hợp tác xã mua bán ở các xã không được củng cố, hàng tồn kho vì thế không tiêu thụ được. Dịch vụ ăn uống còn nghèo nàn, chất lượng chưa cao.

Công tác tài chính ngân hàng đã đạt được một số kết quả khá. Mặc dù là một huyện nghèo, nguồn thu có hạn, nhưng với quyết tâm cao, Đảng bộ đã chỉ đạo ngành tài chính cố gắng thu bù chi, đảm bảo kịp thời chế độ tiền lương cho cán bộ công nhân viên, cán bộ hưu trí, cán bộ chủ chốt và các đối tượng chính sách.

Ngành đã có sự đầu tư trọng tâm, nhất là sản xuất nông nghiệp (như đầu tư cho khai hoang, mua giống mì H34, ngô lai, đào lộn hột). Một phần đáng kể ngân sách huyện chi cho sự nghiệp giáo dục, đầu tư cho xây dựng cơ bản phát triển giao thông, công trình phục vụ dân sinh. Ngành tiếp tục vận động nhân dân tham gia phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc. Tuy vậy, sự chỉ đạo còn tồn tại thiếu sót như quản lý thị trường lỏng lẻo, để thất thoát hàng hoá, nhất là hàng nông lâm sản. Bước đầu chuyển sang hạch toán kinh doanh, ngành ngân hàng chưa linh hoạt trong việc sử dụng tiền mặt.

Nhìn chung, trên lĩnh vực phân phối lưu thông tiếp tục có diễn biến phức tạp. Giá cả thị trường tăng nhanh, các đơn vị kinh doanh thiếu tiền mặt, thiếu vốn lưu động, hàng tồn kho không tiêu thụ được. Phương thức kinh doanh của các ngành thương nghiệp, lương thực chậm đổi mới, thiếu linh hoạt. Hợp tác xã mua bán ở các xã chưa được củng cố.

Sau hơn hai năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình kinh tế của huyện Kon Plông vẫn còn những hạn chế. Tốc độ phát triển của nền kinh tế địa phương còn chậm, một số lĩnh vực chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.... Hạn chế đó có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do bước đầu đổi mới cơ chế quản lý, nhiều cơ sở kinh tế quốc doanh chưa thực sự thoát khỏi cơ chế cũ, còn nặng tư tưởng dựa vào vốn, vật tư theo cơ chế bao cấp, chưa coi trọng khai thác năng lực sẵn có và dựa vào liên doanh liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh. Các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương chưa chủ động cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, còn có những gò bó không cần thiết. Các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ sở kinh tế tập thể trong tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, tín dụng còn nhiều lúng túng, bỡ ngỡ về phương thức quản lý mới.

Tuy còn nhiều hạn chế, song những chuyển biến tích cực trên bình diện chung của nền kinh tế ở địa phương đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là hết sức đúng đắn. Để đảm bảo sự tăng trưởng nhanh, bền vững cho nền kinh tế của Kon Plông trong những năm tiếp theo đòi hỏi Đảng bộ cũng như các cấp uỷ đảng trong huyện phải tiếp tục ra sức khắc phục khó khăn, nỗ lực vươn lên tầm cao mới trong việc vận dụng chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

Bên cạnh vấn đề chỉ đạo tập trung phát triển kinh tế, giải quyết vấn đề cấp bách lương thực, thực phẩm, bảo đảm đời sống Nhân dân, Đảng bộ huyện cũng dành sự quan tâm đúng mức đến sự nghiệp phát triển văn hoá - xã hội. Đảng bộ chủ trương từng bước củng cố và phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, giáo dục toàn diện: dạy chữ, dạy đạo đức, hướng nghiệp và dạy nghề, thực hiện đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đẩy mạnh xoá mù và phổ cập giáo dục tiểu học. Chủ trương của Đảng bộ là phải thực sự đưa công tác giáo dục vào nông thôn; tập trung chỉ đạo mở chiến dịch xoá mù chữ cho đồng bào các dân tộc thiểu số trong độ tuổi, khôi phục trường bổ túc văn hoá xã; mở trường vừa học vừa làm, dạy các nghề, đem lại hiệu quả thiết thực. Huyện đầu tư vốn, huy động Nhân dân đóng góp tu sửa, xây mới trường lớp; khắc phục tình trạng học 3 ca, quan tâm nâng cao trình độ, cải thiện đời sống cho giáo viên.

Thực tế trong những năm này tình hình kinh tế xã hội của huyện còn nhiều khó khăn, toàn huyện phải dốc sức tập trung đầu tư cho việc thực hiện 3 chương trình kinh tế và cứu đói, nên nguồn vốn đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, sự nghiệp giáo dục đào tạo không tránh khỏi tình trạng yếu kém, xuống cấp. Do đời sống khó khăn, tình trạng giáo viên bỏ nghề, bỏ giờ dạy khá nhiều. Đội ngũ giáo viên không được bảo đảm cả về số lượng và chất lượng. Điều kiện vật chất, trang thiết bị dạy và học hầu như không có gì. Số học sinh giảm. Chất lượng dạy và học giảm sút. Năm 1986, giáo dục phổ thông có toàn huyện có 12 trường, 134 lớp với 3.200 học sinh, trong đó có 2.425 em là học sinh người đồng bào các dân tộc thiểu số. Năm 1988, số học sinh trong toàn huyện gần 2.600 em, chỉ đạt 59% kế hoạch. Trước sự xuống cấp nhanh của ngành giáo dục, Huyện uỷ đã có những chỉ đạo nhằm tháo gỡ khó khăn như ban hành chính sách đối với giáo viên, xây dựng quỹ giáo dục 3 cấp để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Đồng thời thực hiện chủ trương của Sở Giáo dục, huyện tuyển chọn đưa học sinh là người dân tộc thiểu số tại địa phương đi đào tạo sư phạm cấp tốc để về dạy tại các xã.

Đối với công tác y tế, mục tiêu là chăm lo sức khoẻ đời sống Nhân dân, Đảng bộ chủ trương củng cố mạng lưới y tế xã, y tá thôn, đội vệ sinh phòng dịch, phòng khám khu vực, nâng cao chất lượng điều trị. Tăng cường phương tiện, thuốc men cho bệnh viện và phòng khám đa khoa. Huyện chỉ đạo các cơ sở điều trị phải có vườn cây thuốc Nam. Phòng Y tế có trách nhiệm giao nhiệm vụ cho trạm y tế xã thu mua dược liệu để trao đổi thêm thuốc chữa bệnh cho Nhân dân.

Năm 1986, ngành y tế tiếp nhận điều trị cho gần 2.300 lượt người điều trị ngoại trú, khám cho hơn 47.000 lượt bệnh nhân. Công tác phòng dịch được các cấp uỷ quan tâm chỉ đạo, tổ chức được 2 đợt phun thuốc và cấp thuốc phòng bệnh. Năm 1988, việc tổ chức khám và điều trị cho cán bộ, Nhân dân có tiến bộ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ nhân viên y tế được nâng lên.

Tuy nhiên, chỉ tiêu kế hoạch 120 giường bệnh chưa thực hiện được. Việc chỉ đạo đối với các trạm y tế xã chưa sát. Thuốc chữa bệnh còn thiếu nhiều, nhất là thuốc chữa sốt rét. Công tác tham mưu, phòng dịch bệnh làm chưa tốt.

Công tác thương binh - xã hội được quan tâm chỉ đạo. Huyện tổ chức tốt việc thực hiện chính sách xã hội, đặc biệt đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng, cán bộ hưu trí, mất sức, cứu trợ kịp thời những gia đình có tai nạn, dịch bệnh, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn…

Các hoạt động thông tin, văn hoá, văn nghệ phong phú, đa dạng hơn, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của Nhân dân đối với công cuộc đổi mới toàn diện trên địa bàn Kon Plông và trên cả nước, góp phần cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân. Hệ thống truyền thanh đưa tin hoạt động của địa phương, đồng thời tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam. Đội chiếu bóng 27 của huyện phục vụ 50.000 lượt người xem (8/10 xã đồng bào được xem phim). Thư viện phục vụ bạn đọc hơn một ngàn bản sách các loại.

Trước yêu cầu của tình hình mới, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo công tác an ninh quốc phòng nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ đất nước, bảo vệ công cuộc đổi mới. Đảng bộ chủ trương tăng cường thống nhất tư tưởng và hành động, quán triệt Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị, giáo dục Nhân dân thấy rõ tình hình đất nước, âm mưu của kẻ địch để có biện pháp chủ động đối phó.

Ban Thường vụ Huyện uỷ đã ra Nghị quyết về những nhiệm vụ cấp bách bảo vệ vùng căn cứ cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ giáo dục sâu rộng trong Đảng, cán bộ, lực lượng vũ trang, Nhân dân nhận thức rõ tình hình, phát động phong trào bảo vệ vùng căn cứ cách mạng. Nghị quyết chủ trương giao ngay rừng, đất rừng cho xã, tập đoàn sản xuất, phạm vi bố phòng bảo vệ rừng cho từng xã, cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Nghiêm cấm khai thác, mua bán lâm đặc sản. Xử lý nghiêm những kẻ làm ăn phi pháp. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành, đoàn thể chịu trách nhiệm giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên, Nhân dân ở địa phương, đơn vị mình phụ trách Đảng bộ chỉ đạo xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ lực lượng dự bị tại huyện, xã, thôn, tập đoàn sản xuất, các cơ quan, nông trường, xí nghiệp, tăng cường luyện tập, diễn tập, phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ngoài ra, Đảng bộ còn chủ trương thực hiện kế hoạch tác chiến giữa bộ đội địa phương, lực lượng dân quân tự vệ, công an với các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn Kon Plông; công tác phòng chống tội phạm, xử lý các vụ án được quan tâm, giải quyết.

Sự chỉ đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng bộ đã tạo điều kiện cho an ninh quốc phòng trên địa bàn Kon Plông được giữ vững. Ngành an ninh đã điều tra, truy bắt nhiều tội phạm, đảm bảo cuộc sống trong bình yên cho Nhân dân.

Công cuộc đổi mới đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nhằm làm cho Đảng bộ có đủ năng lực và sức chiến đấu lãnh đạo thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, ngay sau Đại hội Đảng bộ Kon Plông lần thứ X, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã chỉ đạo các cấp uỷ địa phương tập trung tăng cường công tác tư tưởng, trước hết là tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và nghị quyết Đại hội Đảng bộ.

Qua các lớp học, cán bộ, đảng viên thấm nhuần đường lối đổi mới của Đảng, không ngừng nâng cao lập trường tư tưởng, phẩm chất chính trị, năng lực công tác và kiên định lập trường trước mọi biến động phức tạp của tình hình thế giới, trong nước. Ngoài ra, các cấp uỷ còn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc và những hành động phá hoại của bọn phản cách mạng. Từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác, nắm chắc tình hình, chủ động đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, mọi hành động phá hoại của các thế lực thù địch.

Đi đôi với đổi mới công tác tư tưởng, Đảng bộ chú trọng đổi mới công tác tổ chức cán bộ. Các cấp uỷ đã phối hợp với các ban, ngành tiến hành xây dựng đề án công tác cán bộ trên cơ sở trực tiếp đi sâu nắm tình hình cán bộ ở từng ngành, từng cơ sở, từng địa phương. Đảng bộ đưa ra những kế hoạch cụ thể để giải quyết cán bộ dôi ra, tiến hành quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của nhiệm vụ trước mắt và lâu dài trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ năm (khoá VI), các cấp uỷ từng bước cải tiến theo hướng dân chủ tập thể trong tất cả các khâu như lựa chọn, xây dựng đề án công tác cán bộ, đào tạo, đề bạt, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật, khuyến khích cán bộ học tập nâng cao trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ; tăng cường đào tạo cán bộ tại chỗ và đưa đi học các trường trong tỉnh và trên Trung ương.

Đặc biệt, từ giữa năm 1987, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các cấp uỷ địa phương lãnh đạo thực hiện cuộc vận động hưởng ứng "Những việc cần làm ngay" của tác giả N.V.L đăng trên báo Nhân dân, cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội theo Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 10-11-1987 của Bộ Chính trị. Đồng thời Đảng bộ còn tiến hành kiện toàn bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng theo Nghị quyết 34 của Bộ Chính trị và Thông báo số 46 của Ban Bí thư.

Với các hoạt động tích cực nêu trên, Đảng bộ đã bước đầu phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước, giảm đầu mối, tinh giản biên chế gián tiếp, tăng cường cán bộ cho cơ sở.

Hai năm 1987 - 1988, huyện đã đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, trong đó người có trình độ Đại học và trên Đại học; tiếp nhận, bố trí công tác, điều động thuyên chuyển cán bộ. Tháng 5-1987, đồng chí A Núk (Bí thư Huyện ủy) được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động về tỉnh phân công làm Phó Ban tổ chức Tỉnh ủy, đồng chí Thái Quang Nhạn được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định làm Bí thư Huyện ủy.

Công tác kiểm tra Đảng được đẩy mạnh, góp phần quan trọng làm trong sạch, vững mạnh bộ máy tổ chức Đảng, bộ máy quản lý Nhà nước, nâng cao chất lượng đảng viên, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

 Nhằm bồi dưỡng đạo đức, phẩm chất cho cán bộ, đảng viên làm trong sạch nội bộ và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, với quan điểm: lấy dân làm gốc, nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, Đảng bộ để ra nhiệm vụ thực hiện tốt 3 xây 3 chống:

Ba xây là: xây dựng tư duy mới, nói thẳng nói thật, nói đúng với thái độ xây dựng, dám nghĩ, dám làm nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc; xây dựng lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, xây dựng niềm tin, ý thức, trách nhiệm, tính tiên phong gương mẫu, xây dựng phong cách mới, giữ vững nguyên tắc Đảng, sát người, sát việc, hướng về cơ sở.

Ba chống là: chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, chủ quan, ngại khó, ngại khổ, không chịu đổi mới; chống tư tưởng bàng quan, vô trách nhiệm trông chờ ỷ lại, ăn cắp của công, coi thường pháp luật, buông lỏng kỷ cương, công tác Đảng; chống quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, ức hiếp quần chúng.

Ngoài các công tác trên, Đảng bộ còn chú trọng củng cố nề nếp, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, đẩy mạnh đấu tranh phê và tự phê, tăng cường công tác bảo vệ Đảng, két nap đảng viên mới.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ quan tâm củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Thực hiện quyết định của Quốc hội và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tháng 4-1987, cùng cả nước, cử tri trong huyện đi bầu cử đại biểu Quốc hội (khoá VIII) và bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã.

 Qua bầu cử, nhân dân trong huyện đã phát huy được quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Thực hiện Thông báo số 46 và Quyết định số 19-HĐBT về công tác đổi mới cán bộ, sắp xếp bộ máy, huyện đã kịp thời chỉ đạo tinh gọn bộ máy. Năm 1988, huyện có 10 phòng ban chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân và một số đơn vị sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, qua sắp xếp, bộ máy đã dần chuyên môn hoá, đưa một số cán bộ hành chính chuyển sang sản xuất. Ngành quản lý nhà nước giảm còn 66/103 người theo kế hoạch.

Bên cạnh những cố gắng nêu trên, còn tồn tại những yếu kém. Hội đồng nhân dân huyện, xã hoạt động không đều, còn nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân không hoạt động. Uỷ ban nhân dân xã còn thiếu chủ động, một số thành viên chưa thật sự gương mẫu, năng lực hạn chế.

Qua hơn hai năm thực hiện công tác xây dựng Đảng, chính quyền theo tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng VI, bộ máy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu từng bước được nâng cao, đảm bảo lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng.

Hai năm khởi đầu công cuộc đổi mới là thời gian ngắn trong tiến trình xây dựng, phát triển của huyện. Khó khăn, thử thách phía trước còn nhiều. Những thành công bước đầu, cũng như những khuyết điểm, yếu kém trong giai đoạn này đã được Huyện uỷ kịp thời tổng kết, đánh giá nghiêm túc, tạo tiền đề quan trọng để đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên quê hương trong những năm tiếp theo.

**2. Đại hội Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ XI - Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới (1989- 1991)**

Tháng 3 năm 1989, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI được tổ chức tại trung tâm huyện lỵ. Đại hội đã kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X; xác định những mục tiêu, biện pháp lớn để thực hiện nhiệm vụ những năm 1989-1990.

Sau khi đánh giá, phân tích sâu sắc những thành tích, khuyết điểm, yếu kém trên các mặt công tác của huyện, Đại hội nhấn mạnh: Qua hơn 2 năm phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ huyện, trong tình hình kinh tế của huyện từ điểm xuất phát đi lên chủ nghĩa xã hội còn quá thấp, lại bị thiên tai liên tiếp, cơ chế chính sách mới đang bắt đầu triển khai, trình độ nhận thức, tư duy kinh tế, tính năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế để biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực, song tư tưởng chỉ đạo của Huyện uỷ vẫn kiên định bám vào các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội X nhằm ổn định kinh tế xã hội, đưa mọi hoạt động vào quỹ đạo và tiến hành công cuộc cải cách, từng bước đổi mới cơ chế quản lý, chủ động tìm cách tháo gỡ dần những khó khăn, ách tắc, sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, đạt được những thành quả cơ bản trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng. Đại hội khẳng định: “Thành quả đạt được trong 2 năm nhiệm kỳ qua chỉ là bước đầu còn rất nhỏ bé so với yêu cầu nhiệm vụ, mục tiêu đại hội X đề ra. Song đây là những tiền đề rất quý, có tính chất định hướng giúp chúng ta khẳng định bước đi lên của huyện là đúng đắn và có triển vọng” .

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ đến: “đẩy mạnh sản xuất nông-lâm nghiệp, phát triển giao thông và thực hiện có hiệu quả 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng nhằm giải quyết một bước ổn định sản xuất và đời sống của cán bộ công nhân viên chức lực lượng vũ trang và Nhân dân. Từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện của cơ quan Đảng, bộ máy Nhà nước, các tổ chức đoàn thể và nâng cao phẩm chất, ý chi chiến đấu của cán bộ, đảng viên ngang tầm với nhiệm vụ trong tình hình mới”.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ nêu trên, Đại hội đề ra mục tiêu:

- Kiên quyết đổi mới cơ chế quản lý, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá, giải phóng năng lực sản xuất, phát huy hết các thành phần kinh tế nhằm khai thác hết tiềm năng, từng bước thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn (lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu); định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước thực hiện nghị quyết 10 Bộ chính trị, lấy hiệu quả làm thước đo, từng bước khắc phục đói nghèo, lạc hậu.

- Phát triển nhanh, từng bước mở rộng đường giao thông xuống tận xã và hình thành trục chính giao thông giữa Kon Plông - Quảng Ngãi nhằm tạo một bước giao thông hàng hoá đi lại thuận tiện để nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân.

- Đề cao cảnh giác đấu tranh giữ vững an ninh và trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Củng cố xây dựng các lực lượng vũ trang vững mạnh đến tận cơ sở.

- Tiếp tục củng cố tổ chức, sắp xếp bộ máy, bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ và chăm lo củng cố tổ chức cơ sở đảng, chuẩn bị tiền đề cho những năm tiếp theo có bước tiến vững chắc hơn.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XI gồm 34 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Thái Quang Nhạn được bầu làm Bí thư Huyện uỷ. Các đồng chí: Nguyễn Xuân Huệ, Đinh Huy Gô được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

 Đại hội đã đánh dấu bước phát triển mới về tư duy đổi mới sáng tạo, tình thần đoàn kết, thống nhất, phát huy dân chủ và trí tuệ của tập thể Đảng bộ.

Các quan điểm, chủ trương, giải pháp về phát triển các thành phần kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý kinh tế cụ thể hơn, rõ nét hơn.

Sau Đại hội, Đảng bộ huyện Kon Plông tập trung thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá, phát huy tiềm lực của mọi thành phần kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo việc chấn chỉnh lại quy mô hợp tác xã, chia nhỏ các hợp tác xã, thực hiện cách khoán mới, giao đất, giao rừng cho người dân. Thực hiện quy hoạch kinh tế vườn. Huyện chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh công tác định canh định cư cho đồng bào dân tộc.

Trong 3 năm, huyện dành 1/3 ngân sách cho xây dựng thuỷ lợi, giao thông nông thôn, khai hoang phát triển đồng ruộng, mở rộng diện tích lúa nước, hoa màu, cây công nghiệp. Đầu tư xây dựng được 3 công trình thuỷ lợi là Đăk Srệt, nước Bo, nước Zơ. Huyện đầu tư 194 triệu đồng vào xây dựng công trình thuỷ lợi Kon Sờrệt, tưới tiêu cho 30 ha. Ngành nông nghiệp đẩy mạnh mở rộng diện tích khai hoang đưa vào cơ cấu tập trung phát triển giống mới như ngô lai, mì H34. Hình thành những cánh đồng lúa 2 vụ ở Đăk Ruồng, Tân Lập, Đăk Pne.

Ban Thường vụ Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện kịp thời chỉ đạo công tác sản xuất, sớm hơn những năm trước đó, từ khâu chuẩn bị phương tiện sản xuất đến làm đất gieo trồng, để kịp thời vụ Đông Xuân và vụ mùa. Tuy nhiên năm 1990, thời tiết diễn biến phức tạp, vụ Đông Xuân nắng hạn kéo dài làm ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng. Do đó, mục tiêu phấn đấu của huyện là ổn định lương thực theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương không đạt được. Năm 1989, tổng diện tích gieo trồng đạt 3.653 ha, năm 1990 giảm xuống còn 3.436 ha. Nhờ có những biện pháp chỉ đạo trồng màu, nên diện tích trồng màu được mở rộng từ 980 ha năm 1988 tăng lên 1.041 ha năm 1990. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1989 đạt 7.500 tấn (98% kế hoạch), tăng hơn so với năm 1988; năm 1990 giảm xuống còn 5.894 tấn (73,8% kế hoạch) . Tổng diện tích cây công nghiệp ngắn ngày là 127 ha năm 1989 đạt 81% kế hoạch.

Do đặc điểm địa hình của huyện phân 2 vùng rõ rệt là Đông và Tây Trường Sơn, ruộng nước tập trung chủ yếu ở 3 xã Đông Trường Sơn, đường sá đi lại khó khăn nên sản xuất lương thực chưa chuyển thành hàng hoá, phương thức chủ yếu là tự sản xuất, tự tiêu thụ. Thời tiết lại khắc nghiệt, nắng hạn kéo dài ở vụ, mưa lũ kéo dài cuối năm, nên sản xuất nông nghiệp chưa đi vào thâm canh tăng vụ.

Một số xã còn tình trạng thiếu ăn như ở Măng Cành, Đăk Tre, Đăk Ruồng. Song bên cạnh đó, nhờ thực hiện tốt Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý nhà nước, phong trào sản xuất phát triển tốt, đạt chỉ tiêu đề ra như Măng Buk, Đăk Kôi.

Chăn nuôi tiếp tục có những tiến bộ. Đàn gia súc tăng từ 15-20%. Năm 1989, đàn trâu có gần 3.000 con, đạt 96% kế hoạch, đàn heo có trên 8.000 con, đạt 101,2%, tăng 20,7% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, ở một số xã Đông Trường Sơn do chưa có biện pháp tích cực chống rét, đã để hàng chục con trâu, bò bị chết rét.

Cùng với phát triển sản xuất nông nghiệp, huyện đã có những biện pháp chỉ đạo phát triển lâm nghiệp như mở rộng cơ chế liên kết kinh tế. Việc khai thác gỗ được chấn chỉnh, đi vào kỷ cương. Sản phẩm gỗ tròn tiêu thụ ít bị tồn đọng. Ngành lâm nghiệp đã có biện pháp ngăn chặn việc khai thác gỗ bừa bãi. Năm 1989, Liên hiệp xí nghiệp đã khai thác được 11 triệu m3 gỗ, vượt chỉ tiêu đề ra, trồng được 143 ha rừng đạt 75% kế hoạch.

Phân tích điều kiện từng vùng, huyện đã tìm ra và vận dụng thử nghiệm các mô hình lâm trường gắn với xã, gắn với khu vực dân cư. Bước đầu các mô hình đã có tác dụng hỗ trợ kinh tế gia đình, kinh tế vườn, tạo sự chuyển biến ở một số nơi gắn với định canh định cư. Toàn huyện đã tổ chức định canh định cư với nhiều mức độ cho 5 làng thuộc 5 xã: Đăk Tre, Đăk Ruồng, Tân Lập, Đăk Pne và Măng Cành. Tại các làng định cư, các ngành các cấp đã chỉ đạo xây dựng đường sá, nhà cửa, vườn, ruộng đúng theo quy hoạch; mở được 3 vùng sản xuất lúa 2 vụ ở Đăk Srệt, nước Zơ, nước Bo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành lâm nghiệp còn tồn

tại những vấn đề như thiết bị khai thác, sản xuất thiếu; sản phẩm làm ra không tiêu thụ hết, còn để ứ đọng khá nhiều. Công tác phát triển trồng rừng còn khá chậm, công tác phòng chống cháy rừng chưa hiệu quả, còn có những hạn chế, hiện tượng đốt phá rẫy tràn lan. Khâu tổ chức sắp xếp sản xuất chưa hợp lý.

Trong tình hình nguồn vốn thiếu, tỉnh có cơ chế cấp chỉ tiêu khai thác gỗ cho các huyện, thị, các đơn vị để có vốn xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi.... Nhiều huyện, trong đó có Kon Plông giao cho tư nhân khai thác nhưng không có sự quản lý chặt chẽ, dẫn đến hiện tượng khai thác gỗ bừa bãi. Rừng trong huyện vì thế tiếp tục suy thoái nghiêm trọng, tài nguyên rừng bị tàn phá. Trong khi đó nguồn thu chi ngân sách từ kinh doanh lâm nghiệp không tăng.

Cùng với đổi mới quản lý kinh tế, huyện đã thực hiện chính sách phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển sản xuất, kinh doanh. Huyện bãi bỏ “ngăn sông cấm chợ”, thực hiện cơ chế thị trường. Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, tạo điều kiện hình thành và phát triển nhiều cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Các xí nghiệp quốc doanh mặc dù có nhiều khó khăn vẫn duy trì và phát triển sản xuất. Bộ phận sản xuất ngoài quốc doanh có chiều hướng phát triển tốt, nhất là kinh tế cá thể và dịch vụ.

Mặc dù có sự đổi mới về cơ cấu đầu tư và quản lý kinh tế, song khi chuyển sang kinh tế thị trường, thực hiện cơ chế mới, nhiều đơn vị, cơ sở sản xuất còn lúng túng trong điều hành sản xuất, kinh doanh, thiếu năng động trước sự cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Có xí nghiệp sản xuất bị đình đốn, công nhân thiếu việc làm, hàng trăm người dôi ra. Các đơn vị xí nghiệp quốc doanh nhìn chung yếu kém, chưa có phương hướng sản xuất ổn định, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được. Năng lực quản lý của đội ngũ giám đốc xí nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu mới. Đây là giai đoạn thử thách mà các đơn vị sản xuất trong khu vực quốc doanh phải tìm cách vươn lên, tự khẳng định mình.

Hệ thống đường giao thông được quan tâm chỉ đạo mở rộng, nâng cấp. Huyện đầu tư làm mới và sửa chữa 31km tuyến đường từ huyện đi Nước Chờ, thường xuyên tu sửa tuyến đường từ huyện đi Đăk Kôi, Đăk Pne và Kon Tum. Tỉnh uỷ chỉ đạo dùng nguồn vốn từ khai thác gỗ, vốn hỗ trợ của Trung ương để đầu tư tu bổ, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, thi công một số tuyến đường ở các huyện, trong đó chú trọng tuyến Kon Plông đi Quảng Ngãi.

Bên cạnh việc đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi, hệ thống giao thông nông thôn, trong hai năm 1989-1990, huyện đã đầu tư xây dựng công trình phòng khám, phòng mổ bệnh viện, đài thu phát sóng truyền hình. Công trình thuỷ điện Đăk Ke (Măng Đen) được đầu tư nguồn vốn đáng kể, tiếp tục thi công để sớm đưa vào sử dụng. Tháng 5-1991, sau chuyến khảo sát thực tế của đoàn công tác do ôồnồng chí Nguyễn Văn Sỹ (Kso Krơn), Bí thư Tỉnh uỷ dẫn đầu. Thường trực Tỉnh uỷ Gia Lai- Kon Tum ghi nhận sự cố gắng của huyện trong chỉ đạo triển khai các công trình trọng điểm do tỉnh giao, nhất là việc mở thông tuyến đường tư Măng Đen đi Vi Xay (xã Hiếu) và công tác khai hoang. Đồng thời Thường trực Tỉnh uỷ yêu cầu Huyện uỷ Kon Plông triển khai một số nhiệm vụ trước mùa mưa lũ năm 1991, trong đó tiếp tục mở thêm tuyến đường trên 5km từ Vi Xay đi Nước Chờ và xây dựng kế hoạch tu bổ các tuyến đường trong các năm tới.

Lĩnh vực phân phối lưu thông có nhiều khởi sắc. Công ty lương thực có nhiều cố gắng trong thu mua, góp phần bình ổn giá cả. Thuế nhà nước thu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao. Năm 1989, công tác vận chuyển đạt kết quả tốt, hơn hẳn 3 năm trước đó. Tổng lúa gạo vận chuyển từ các xã Đông Trường Sơn được hơn 100 tấn. Điển hình như chiến dịch chở lúa ở xã Hiếu, anh em cán bộ không quản thời tiết nắng mưa, đường sá lầy lội chở được 73 tấn còn tồn đọng từ năm trước, góp phần giải quyết khó khăn về lương thực và phát triển chăn nuôi. Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân đề ra nhiều chủ trương và biện pháp nhằm giải quyết, tăng cường quản lý thị trường, xử lý các vụ việc vi phạm, tạo nguồn ngân sách đáp ứng một phần yêu cầu sản xuất. Huyện tiếp tục chỉ đạo thực hiện cơ chế một giá nên lưu thông trên thị trường không bị ách tắc, hàng hoá đa dạng phong phú hơn, giá cả các mặt hàng nhu yếu phẩm tương đối ổn định. Công tác tài chính và ngân hàng đã góp phần vào quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, phát triển kinh tế địa phương: tích cực khai thác các nguồn thu, kết hợp nguồn trợ cấp của tỉnh, giải quyết được cơ bản các khoản chi cần thiết.

Qua 2 năm thực hiện cơ chế mới, các hoạt động thương nghiệp quốc doanh vẫn thua lỗ nợ nần, phương thức kinh doanh mua bán chậm đổi mới, để tình trạng hàng hoá trôi nổi trên thị trường tiếp tục diễn ra. Công tác đăng ký kinh doanh còn nhiều lộn xộn, khâu quản lý kinh doanh bị buông lỏng. Cuối năm 1990, giá cả tăng đột biến nhất là mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng 100% so với cùng kỳ năm 1989. Đời sống cán bộ, công nhân viên gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, hoạt động của công ty lương thực chưa tốt, sự chỉ đạo, điều hành của Uỷ ban nhân dân huyện chưa kịp thời, nên đã không bình ổn được giá cả thị trường. Quản lý tài chính tiền tệ còn nhiều sơ hở, để xảy ra các hiện tượng tiêu cực lãng phí trong quản lý nguồn vốn xây dựng cơ bản và chi tiêu ngân sách. Ngân hàng giải quyết hậu quả vỡ nợ chưa tốt, chưa triệt để, gây ảnh hưởng không tốt đến cán bộ, công nhân viên và Nhân dân. Thực trạng đó ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chính sách xã hội, gây tâm trạng băn khoăn lo lắng trong cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang, nông dân, cán bộ về hưu.

Mặc dù tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thực hiện chủ trương của Đảng, Đảng bộ huyện cùng các cấp, các ngành vẫn luôn nỗ lực, đưa sự nghiệp giáo dục - đào tạo vươn lên. Huyện đầu tư ngân sách, củng cố trường lớp, quan tâm những vùng khó khăn. Ngành giáo dục trên cơ sở sắp xếp lại hệ thống trường lớp, tổ chức bố trí lại đội ngũ giáo viên các cấp, phân công phù hợp điều kiện và năng lực. Cùng với việc giải quyết đời sống giáo viên, huyện tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, hạn chế số học sinh bỏ học. Huyện trích một phân ngân sách, vận động các đơn vị kinh tế trên địa bàn và phụ huynh đóng góp tu bộ, sửa sang trường lớp. Thực hiện Chỉ thị 02 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác xoá mù, năm 1990, tỉnh đã đầu tư 103 triệu đồng nhằm duy trì và nâng cao chất lượng xoá mù chữ. Kế hoạch xoá mù chữ được triển khai khẩn trương trong toàn huyện.

Sự nghiệp giáo dục trong những năm này có bước phát triển rõ rệt so với những năm trước đó. Năm học 1988-1989 có 104 lớp với 2.040 học sinh, năm học 1988-1990 có 110 lớp với 2.300 học sinh. Chất lượng dạy và học đạt kết quả cao. Các xã có phong trào học tốt điển hình là Ngọk Tem, Đăk Kôi, Đăk Ruồng. Các trường tổ chức khai giảng đúng quy định của ngành giáo dục. Các cấp, ngành trong huyện đều rất quan tâm đến công tác giáo dục. Bước vào năm học mới, huyện cấp cho ngành giáo dục 1 triệu đồng để mua vở, 2 triệu đồng mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập cho học sinh. Hội Chữ thập đỏ chuyển hàng chục bộ đồ nghi thức cho Đội Thiếu niên xung kích. Đời sống giáo viên khá hơn, việc giải quyết lương hàng tháng kịp thời. Đầu năm học 1989-1990, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về việc thu một phần học phí theo đối tượng học sinh trong tỉnh, sửa đổi chế độ trợ cấp cho học sinh người dân tộc thiểu số ở các trường dân tộc thiểu số. Đồng thời, chỉ đạo các ngành các cấp tiếp tục thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo viên, lập quỹ giáo dục. Nhờ có sự động viên, giúp đỡ của ngành, đa số giáo viên khắc phục khó khăn, an tâm công tác. Chính vì thế việc học tập ở những nơi xa xôi được duy trì, sĩ số học sinh khá ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số địa phương việc dạy và học còn yếu như xã Măng Bút, xã Hiếu. Tỷ lệ người mù chữ trong huyện còn cao.

Ngành Y tế huyện tiếp tục có sự phấn đấu, xây dựng, củng cố tuyến y tế xã, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm công tác khám và chữa bệnh cho Nhân dân. Ngành đã thực hiện đưa các sản phẩm dược liệu của địa phương vào chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho Nhân dân. Việc điều trị bệnh nhân được quan tâm hơn. Năm 1989, ngành y tế tổ chức điều trị nội trú cho gần 1.100 người, ngoại trú gần 1.000 người. Các chương trình quốc gia về y tế được triển khai tích cực, đã thu được một số kết quả bước đầu. Công tác tiêm chủng mở rộng được thực hiện khá. Chương trình dân số và phòng chống sốt rét được thường xuyên quan tâm.

Trước tình hình sốt rét tái phát và loang thành dịch trên diện rộng ở nhiều vùng, tỷ lệ người mắc ký sinh trùng sốt rét năm 1988-1990 gia tăng, tỉnh đã huy động hàng trăm cán bộ cùng phương tiện y tế, thuốc, tập trung điều trị chống dịch ở các địa bàn trọng điểm, trong đó có Kon Plông. Ngành y tế huyện tổ chức nhiều đợt phun thuốc diệt muỗi trên toàn huyện, nhất là ở các xã Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Pne, Đăk Kôi, vận động đồng bào nằm màn khi ngủ. Mặc dù vậy, năm 1989 bệnh dịch phát triển đã làm chết nhiều người ở xã Đăk Kôi, Đăk Pne, xã Hiếu, Măng Bút. Năm 1990 vẫn còn tới 50-70% dân số mắc bệnh sốt rét . Ngoài bệnh sốt rét, các bệnh bướu cổ, sốt xuất huyết, dịch hạch, đường ruột vẫn chưa được phòng ngừa và điều trị hiệu quả. Các cơ sở y tế trên đã xuống cấp, một số cán bộ y tế được đào tạo bỏ việc. Ngành y tế đã tổ chức tuyên truyền sâu rộng về công tác phòng bệnh, phòng dịch, vệ sinh môi trường, tuy nhiên kết quả đem lại chưa cao.

Việc thực hiện chính sách xã hội được Đảng bộ tiếp tục quan tâm chỉ đạo. Ngân sách đầu tư cho văn hoá, xã hội hằng năm đạt mức bình quân 35-37%. Mặc dù ngân sách còn eo hẹp, nhưng với phương châm nhà nước và Nhân dân cùng làm, huyện đã triển khai được một số chính sách xã hội. Năm 1987, 1988, thiên tai liên tiếp xảy ra làm nhiều người thiếu đói. Huyện kịp thời trích ngân sách để cứu trợ; kêu gọi tỉnh hỗ trợ 40 triệu đồng giúp đồng bào trong huyện bị hoả hoạn; cấp hàng trăm tấn lúa giống để khôi phục sản xuất.

Đối với công tác lao động - thương binh và xã hội. Năm 1990, thực hiện các quyết định 217, 176 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện đã giải quyết trợ cấp 1 lần cho 116 người với tổng số tiền là 21.600.000 đồng; giải quyết các chính sách ưu đãi đối với những đối tượng thương binh, giải quyết một phần khó khăn cho gia đình có công với cách mạng, thương binh nặng; chỉ đạo trả lương đúng kỳ cho cán bộ về hưu và đối tượng hưởng chính sách; phát động toàn dân tham gia xây dựng nhà tình nghĩa cho anh hùng Thanh Minh Tám; dành nguồn vốn đầu tư sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ, tổ chức cất bốc quy tụ các mộ liệt sĩ còn rải rác ở hai thời kỳ về nghĩa trang liệt sĩ huyện. Năm 1990, huyện tổ chức hội nghị đánh giá việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội và triển khai xây dựng quỹ xã hội toàn dân.

Bên cạnh những nỗ lực của các ngành, các cấp, công tác lao động - thương binh xã hội còn bộc lộ một số thiếu sót. Chính sách đối với gia đình, cá nhân có công với cách mạng chưa được giải quyết kịp thời. Vấn đề giải quyết công ăn việc làm còn lúng túng, làm cho một số lao động thừa tăng.

Công tác thông tin, văn hoá tập. Huyện thực hiện sắp xếp lại ngành, duy trì hoạt động truyền thanh, truyền hình. Ngành cố gắng đưa nhiều tin, bài, các thông báo của Uỷ ban nhân dân 3 cấp, tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam. Công tác thông tin tuyên truyền qua báo chí, phát thanh - truyền hình đã phổ biến kịp thời những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến Nhân dân.

Tuy vậy. hoạt động văn hoá, thông tin nói chung còn nghèo nàn cả về hình thức và nội dung. Việc viết tin và đưa tin về phong trào sản xuất, người tốt, việc tốt chưa kịp thời và còn ít, do vậy, chưa phát huy được nhân tố mới và kịp thời lên án những biểu hiện tiêu cực góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Hoạt động văn nghệ còn chưa phong phú.

Đi đôi với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng, an ninh chính trị được các cấp uỷ chỉ đạo sâu sát. Là huyện nằm trong địa bàn có tầm quan trọng chiến lược, kẻ địch luôn lợi dụng sơ hở, tìm cách xâm nhập nhằm xây dựng lực lượng chống phá cách mạng nước ta. Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết 02 và 07 của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh quốc gia và nhiệm vụ an ninh, quốc phòng Tỉnh ủy xác định: “Giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bằng mọi lực lượng, bằng mọi phương tiện cần thiết, trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị. Tiếp tục xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng. Tổ chức tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chủ động ngăn ngừa và kiên quyết trừng trị những hành động phá hoại kinh tế, chính trị, tư tưởng văn hóa và các hoạt động tình báo, gián điệp của định” , huyện xác định nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội bằng mọi lực lượng, mọi phương tiện cần thiết trong từng địa bàn tất cả các đơn vị.

Ban Thường vụ Huyện uỷ thường xuyên chỉ đạo hai lực lượng vũ trang và bán vũ trang có kế hoạch phòng chống gây rối loạn. Huyện cử người xuống đến cơ sở nắm bắt tình hình và có biện pháp ngăn ngừa địch xâm nhập, bảo vệ an toàn an ninh chính trị trên địa bàn huyện. Các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố cơ sở chính trị ở những địa bàn trọng yếu. Chủ động ngăn ngừa và kiên quyết trừng trị những hoạt động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng văn hoá và các hoạt động tình báo gián điệp của địch.

Bọn phản động đội lốt tôn giáo lợi dụng công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta với chiêu bài đòi dân sinh dân chủ, tổ chức các hoạt động truyền đạo trái phép... Các ngành chức năng và các tổ chức đoàn thể đã có nhiều biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Huyện uỷ cũng kịp thời triển khai kế hoạch chống gây rối bạo loạn, ngăn chặn những biểu hiện thiếu lành mạnh trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá và trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, củng cố và xây dựng quốc phòng trong tình hình mới, Huyện uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân, giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự, củng cố nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang và công an nhân dân về mọi mặt, bổ sung đủ quân số cho các đơn vị, tuyển quân theo đúng chỉ tiêu. Xây dựng và triển khai tốt kế hoạch phòng thủ trên địa bàn.

Thực hiện công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội, huyện triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 135, 139 của Hội đồng Bộ trưởng, triển khai truy quét tội phạm hình sự, bài trừ mê tín dị đoan. Đồng thời, tổ chức giáo dục cán bộ, công nhân viên tham gia bảo vệ tài sản nhà nước xã hội chủ nghĩa, chống tiêu cực.

Tuy nhiên, các loại tội phạm hình sự, trộm cắp, rượu chè, cờ bạc còn khá phổ biến. Có vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa gây thiệt hại lớn (như vụ xe bò vàng Liên hiệp xí nghiệp), trộm cắp tài sản công dân còn xảy ra ở nhiều nơi. Tình trạng hàng trăm người từ nơi khác đến liên kết kinh tế, liên doanh khai thác gỗ, thu mua lâm sản, buôn bán, đào vàng, tìm trầm... càng làm cho tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn phức tạp thêm. Các ngành chức năng chưa có biện pháp xử lý kịp thời và kiên quyết.

Công tác phát động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang ở cơ sở kết hợp với các chiến dịch truy quét tội phạm góp phần giữ vững an ninh chính trị, ổn định tình hình bảo đảm sự bình yên cuộc sống. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng luôn được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Công tác xây dựng Đảng được coi là nhiệm vụ then chốt.

Trong những năm 1988-1990, Đảng bộ tập trung vào những nội dung đổi mới trọng tâm là: đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động; giữ gìn và nâng cao phẩm chất cách mạng, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của cán bộ, đảng viên, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, chống những luận điệu thù địch; thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng và trong Nhân dân. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ đảng viên. Bố trí và sử dụng cán bộ theo yêu cầu mới, chăm lo xây dựng đội ngũ và đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng.

Trong công tác chính trị tư tưởng, Huyện uỷ tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt và chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI); Nghị quyết IX của Đảng bộ tỉnh, các Nghị quyết của cấp uỷ địa phương.

Vào những năm cuối của thập kỷ 80 (thế kỷ XX), tình hình chính trị các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu có nhiều diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta, trong đó có một số dao động về lập trường tư tưởng. Để giữ vững ổn định chính trị, tháng 8-1989, Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) ra Nghị quyết về “Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay”. Trên cơ sở phân tích sâu sắc những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế cũng như tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng của Đảng, Nghị quyết đề ra 5 nhiệm vụ quan trọng của công tác tư tưởng . Tháng 01-1990, Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 12 (khóa IX) đưa ra Nghị quyết về nhiệm vụ cấp thiết của công tác tư tưởng hiện nay.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khoá VI) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 (khóa IX) của Tỉnh ủy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công cuộc đổi mới cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Triển khai, quán triệt Nghị quyết của Trung ương, cấp uỷ chủ động nắm bắt tư tưởng cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước những diễn biến cụ thể của tình hình địa phương để kịp thời có những định hướng đúng đắn. Khi phát hiện những vấn đề nổi cộm; các đồng chí trong Ban Thường vụ đến tận nơi xem xét, phân tích đánh giá tìm cách giải quyết đúng đắn kịp thời.

Thông qua học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy và và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 (khóa IX) của Tỉnh ủy, cán bộ, đảng viên nhất trí cao với quan điểm, đường lối của Đảng. Nhận thức đúng đắn về bản chất, âm mưu và những thủ đoạn thâm độc của chủ nghĩa đế quốc. Phát huy truyền thống cách mạng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, dứt khoát bác bỏ đa nguyên chính trị, đa đảng, thực hiện và vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng đã và đang mang lại hiệu quả rõ rệt, đời sống nhân dân được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy. Tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và Nhân dân cơ bản ổn định, tâm lý băn khoăn, lo lắng, dao động trong một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân giảm rõ rệt, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố.

Công tác tổ chức cán bộ của huyện từng bước đổi mới phù hợp với cơ chế mới. Thực hiện Thông tri số 11-TTr/TW, ngày 19-8-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) về “Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể”, Huyện uỷ tiến hành sắp xếp lại tổ chức và thực hiện một bước giảm biên chế. Để ổn định tổ chức, phù hợp với điều kiện hoạt động và thuận tiện trong công tác lãnh đạo, ngày 20-10-1989, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định số 30-QĐ/TV giải thể Đảng ủy Liên hiệp xí nghiệp huyện, thành lập 3 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy gồm: Chi bộ Văn phòng Liên hiệp, Chi Bộ Lâm trường Đăk Ruồng và Chi bộ Lâm trường Măng Cành.

Đồng thời với việc sắp xếp tổ chức và giảm biên chế, Huyện uỷ chú trọng nâng cao chất lượng của các tổ chức; tiến hành đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ kết hợp với xử lý cán bộ yếu kém, vi phạm kỷ luật và làm tốt công tác quy hoạch cán bộ.

Một số tổ chức đảng chủ động, sáng tạo tìm ra những nội dung, phương thức sinh hoạt phù hợp, dần dần khắc phục tình trạng Đảng bao biện làm thay chính quyền hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc giải thể, sáp nhập, thành lập mới một số chi, đảng bộ tạo điều kiện thuận lợi cho sự lãnh đạo của Đảng, từng bước phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới.

Cùng với đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, Huyện uỷ có kế hoạch chỉ đạo củng cố các tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, xử lý cấp uỷ viên mắc sai lầm, khuyết điểm, kiện toàn cấp uỷ.

Quán triệt Quyết định 44 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, công tác cán bộ được Huyện uỷ đặc biệt chú trọng. Với quan điểm: Đảng lãnh đạo và quản lý công tác cán bộ, Huyện uỷ đã làm tốt từ khâu tuyển chọn đến quy hoạch đào tạo và bổ nhiệm cán bộ. Công tác đề bạt, bố trí những cán bộ trẻ, có kiến thức và năng lực thực tiễn thực sự được coi trọng. Đội ngũ cán bộ được trẻ hoá một bước. Công tác quy hoạch cán bộ được xây dựng và bổ sung thường xuyên đã phát huy tác dụng trong việc hình thành đội ngũ cán bộ kế cận cho cấp uỷ, chính quyền và cơ sở. Trong năm 1990, do yêu cầu công tác, đồng chí Nguyễn Xuân Huệ - Phó Bí thư Huyện ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động về tỉnh nhận nhiệm vụ mới, đồng chí Đinh Thanh Tâm được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Huyện uỷ gắn công tác kiểm tra Đảng với cuộc vận động “làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội”. Huyện uỷ xây dựng chương trình kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên thực hiện chủ trương, Nghị quyết và Điều lệ của Đảng; chỉ đạo Uỷ ban Kiểm tra tiến hành kiểm tra thường xuyên theo Điều lệ quy định. Qua kiểm tra, hầu hết tổ chức đảng và đảng viên đều đủ tư cách, song cũng có một số đảng viên vi phạm tư cách phải tiến hành xử lý kỷ luật. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ Đảng triển khai trong năm 1990 tăng 3 lần so với năm 1989. Năm 1990, có 30/30 tổ chức cơ sở Đảng và 417/698 đảng viên được kiểm điểm, kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên. Số đảng viên đủ tư cách đạt 386/698, trong đó phẩm chất tốt nhưng năng lực hạn chế là 189 đồng chí; phẩm chất hạn chế là 5 đồng chí; số vi phạm tư cách đảng viên là 31 đồng chí. Huyện uỷ đã xử lý kỷ luật dưới các hình thức 31 đồng chí .

Công tác xây dựng chính quyền được các cấp uỷ Đảng tăng cường lãnh đạo. Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp được sắp xếp lại và đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Hội đồng nhân dân thực sự đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Uỷ ban nhân dân hai cấp của huyện có nhiều tiến bộ trong tổ chức điều hành và quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội tiến bộ hơn trước.

Công tác vận động quần chúng của Đảng được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Các cấp uỷ đã có sự chuyển biến nhận thức về công tác quần chúng của Đảng sau khi quán triệt Nghị quyết 8B của Trung ương. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chủ động, sáng tạo, bước đầu tìm ra phương thức tập hợp quần chúng và nội dung hoạt động thiết thực.

Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các tổ chức thành viên vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tập trung tuyên truyền và vận động quần chúng thực hiện Nghị quyết 17 của Ban Bí thư, Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết của Tỉnh uỷ, tham gia các hoạt động thiết thực lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, động viên tinh thần lao động sáng tạo khắc phục khó khăn, tham gia bàn bạc giải quyết các chính sách, các ách tắc trong sản xuất và đời sống. Vận động thanh niên làm tốt nghĩa vụ quân sự. Mở rộng hội nghị hiệp thương, tuyên truyền công tác bầu cử các cấp. Năm 1989, 100 tổ/12 đơn vị có số đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trúng cử là 35, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là 3 đồng chí. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng triển khai Nghị quyết 8 Ban Chấp hành Trung ương, hướng dẫn cho quần chúng nhận thức và tự giải đáp những tâm trạng băn khoăn, lo lắng, từng bước ổn định về tư tưởng, chính trị kiên định đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhờ vậy, tình hình chính trị trong quần chúng dần ổn định, phần lớn tin tưởng vào đường lối của Đảng, đoàn kết vượt khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế xã hội, góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Cấp uỷ thường xuyên chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động của Mặt trận, các tổ chức đoàn thể trên mọi lĩnh vực, nhất là từ khi có Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương, tạo mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa cấp uỷ Đảng - Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân với Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Khắc phục tệ quan liêu xa rời quần chúng, quan tâm giải quyết kịp thời các vụ việc tố cáo, khiếu nại về các quyền lợi khác của quần chúng. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có đổi mới về nội dung và phương thức, đi sát địa bàn dân cư, tổ chức sinh hoạt dân chủ, lắng nghe và đề ra các cuộc vận động có ý nghĩa. Nhiều phong trào hành động cách mạng đã phù hợp với lứa tuổi và chức năng của đoàn thể. Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp quan tâm xây dựng lề lối làm việc và quy chế, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Bước đầu phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh.

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và Nhân dân huyện Kon Plông đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn và thử thách, vận dụng sáng tạo cơ chế quản lý kinh tế mới vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương đạt được những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Thực hiện khoán 10, nông nghiệp bước đầu phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ở các thành phần kinh tế, đang chuyển sang hạch toán kinh tế theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo ra nguồn hàng khá phong phú, đáp ứng phần lớn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu.

An ninh - quốc phòng được giữ vững; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được đảm bảo, không có vấn đề, vụ việc phức tạp, nghiêm trọng xảy ra. Hoạt động của Đảng, đoàn thể và chính quyền có đổi mới, tiến bộ. Việc chỉnh đốn Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng đem lại một số kết quả bước đầu. Sinh hoạt trong Đảng, đoàn thể và ngoài xã hội từng bước dân chủ hơn. Thành quả đó bắt nguồn từ sự vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng và những chủ trương đúng đắn của Huyện uỷ; tinh thần đoàn kết, sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và Nhân dân huyện Kon Plông.

Bên cạnh những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân Kon Plông đạt được sau gần 5 năm thực hiện đường lối đổi mới và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần được khắc phục:

Trong sản xuất nông nghiệp, trình độ thâm canh và ứng dụng khoa học, tiến bộ kỹ thuật còn yếu. Hệ thống dịch vụ nông nghiệp chưa phát triển, cây công nghiệp chưa được coi trọng. Thuỷ lợi chưa đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp ổn định, nhiều vùng còn khó khăn.

Đối với lâm nghiệp, việc khảo sát đánh giá tiềm năng rừng, bố trí sản xuất nghề rừng chưa phù hợp. Những tác nhân làm suy thoái rừng nhanh như phát rẫy, khai thác gỗ không theo kế hoạch và quy hoạch vẫn diễn ra. Việc sử dụng tài nguyên lâm sản dưới tán rừng không quản lý chặt chẽ, để lãng phí.

Công tác định canh định cư chưa gắn với giao đất giao rừng. Một bộ phận dân có xu hướng bỏ ruộng đi phát rẫy, kinh tế vườn phát triển chậm.

Giao thông còn khó khăn, ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân, nhất là đối với vùng cao, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Thương nghiệp quốc doanh thiếu năng động, hiệu quả kinh doanh thấp. Chưa mở rộng thị trường tiêu thụ để khuyến khích sản xuất đang phát triển, còn bỏ trống thị trường nông thôn và vùng đồng bào dân tộc. Hợp tác xã mua bán hoạt động không hiệu quả đã tan rã. Công nghiệp chế biến gỗ, chế biến lương thực thực phẩm đầu tư chưa đúng mức, do đó sản phẩm chế biến từ các nguồn nguyên liệu tại chỗ là không đáng kể. Các đơn vị quốc doanh đứng trước những khó khăn lớn, nhất là về năng lực quản lý, một số đơn vị có nguy cơ phá sản. Nguyên nhân là do trình độ quản lý sản xuất kinh doanh ở các đơn vị cơ sở yếu, sự chỉ đạo thực hiện theo cơ chế mới còn chậm, lúng túng. Công tác xây dựng cơ bản còn thiếu chặt chẽ, vốn, vật tư còn thất thoát; hiệu quả sử dụng kém.

Một điều đáng quan tâm là trong khi đời sống kinh tế ít nhiều có bước chuyển biến, thì sự nghiệp giáo dục, y tế, xã hội lại đặt ra những vấn đề cần giải quyết nhanh chóng; hệ thống trường phổ thông xuống cấp nghiêm trọng, số học sinh bỏ học ngày càng tăng, đội ngũ giáo viên là người địa phương cho các làng, xã thiếu. Công tác bổ túc văn hoá giảm sút. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc men và khả năng điều trị quản lý của ngành y tế nói chung bị xuống cấp.

Trên lĩnh vực an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu đối với khách vãng lai, công dân làm ăn, khai thác lâm sản không chặt chẽ, gây mất trật tự trên địa bàn. Tình trạng trộm cắp, rượu chè, cờ bạc vẫn còn khá phổ biến.

Công tác xây dựng Đảng, công tác quần chúng chưa ngang tâm với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Các Nghị quyết về công tác quần chúng chưa được quán triệt sâu trong các cấp uỷ Đảng, cán bộ, đảng viên. Còn nhiều sơ hở trong công tác quản lý nội bộ, kỷ luật phát ngôn, nguyên tắc sinh hoạt Đảng.

Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh chưa quá 10,3%, diện trung bình yếu kém chiếm 6,8%, đảng viên thật sự tiên phong gương mẫu còn ít .

Tổ chức bộ máy Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân sau khi sắp xếp lại theo Thông báo số 46 của Trung ương vẫn còn cồng kềnh, thiếu cán bộ thành thạo nghiệp vụ, quản lý chuyên môn.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong thời gian qua, trong đó, về chủ quan nổi lên là: vấn đề năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện của chi bộ Đảng, nhà nước, các đoàn thể và cơ sở chưa ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ mới, nhất là đối với một địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ lãnh đạo kinh tế chưa thích ứng kịp với cơ chế mới. Vấn đề đặt ra là phải biết phát hiện sử dụng, tin dùng đội ngũ từ nhiều nguồn, ngay cả lớp trẻ mới bước vào sản xuất kinh doanh. Đồng thời, cần khắc phục kịp thời tệ quan liêu, tính bảo thủ trì trệ, tắc trách, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng đòi hỏi của công cuộc đổi mới.

Vai trò quản lý, điều hành của chính quyền có mặt còn yếu, do hạn chế ở trình độ cán bộ. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng bao cấp, chưa mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu kinh tế, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh.

Những kết quả và kinh nghiệm của những năm đầu thực hiện đổi mới là cơ sở và niềm tin để Đảng bộ và nhân dân trong huyện tiếp tục phấn đấu vươn lên giành những thắng lợi lớn hơn trong sự nghiệp đổi mới.

**Chương XI**

**TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI (1991-1995)**

**I. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1991-1995)**

Năm 1991, tình hình quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng trầm trọng và từng bước đi đến sụp đổ. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, thế bố trí chiến lược trên thế giới bị đảo lộn. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đứng trước thử thách lớn của thời đại.

Sự kiện chính trị chấn động thế giới đã tác động mạnh mẽ đến nước ta, làm mất chỗ dựa chủ yếu trong quan hệ hợp tác toàn diện với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Trong khi đó, bọn đế quốc và các thế lực phản động tìm mọi cách bao vây, cô lập và tiến công Việt Nam từ nhiều phía. Chúng tăng cường chiến dịch “diễn biến hoà bình”, chuẩn bị kế hoạch bạo loạn và lật đổ, nuôi ý đồ xoá bỏ chủ nghĩa xã hội.

Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội những năm 1989-1991 đặc biệt khó khăn. Sản xuất đình đốn, thất nghiệp tăng nhanh, lạm phát còn ở mức cao (67%), mức sống của người lao động giảm sút nghiêm trọng.

Tình hình trong huyện cũng gặp rất nhiều khó khăn. Là một huyện miền núi, kinh tế xã hội kém phát triển, đời sống nhân dân còn thấp, nhất là đồng bào dân tộc ít người và đồng bào kinh tế mới rất khó khăn, phải cứu trợ thường xuyên; trong khi đó tình hình an ninh luôn tiềm ẩn nguy cơ phức tạp.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn cũng có những thuận lợi rất cơ bản. Quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, quan hệ giao lưu kinh tế và khoa học kỹ thuật, xu thế hoà bình và hợp tác ở khu vực và trên thế giới ngày càng phát triển. Với đường lối đổi mới, cởi mở, Việt Nam có thể tận dụng được những khả năng to lớn về vốn, thị trường, công nghệ và kinh nghiệm quản lý của nền kinh tế thế giới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ của 5 năm 1991-1995. Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, đặc biệt là chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển dịch rõ rệt cơ cấu nền kinh tế.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai (khoá VII) đã đề ra nhiệm vụ, phương hướng ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1992-1995: “tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới nhằm phát huy cao độ các tiềm năng về lao động và trí tuệ, ruộng đất và tài nguyên, vốn và tài sản trong mỗi gia đình, mỗi tập thể và trong toàn xã hội, động viên mọi người ra sức cần kiệm với ý chí tự lực, tự cường để xây dựng đất nước; đồng thời tích cực mở rộng kinh tế đối ngoại thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài, tạo chỗ đứng trên thị trường quốc tế, không chủ quan mất cảnh giác hoặc bị quan dao động, không ỷ lại trông chờ nhưng cũng không co mình lại”. Hội nghị đề ra 7 nhiệm vụ chủ yếu và 5 giải pháp lớn để ổn định tình hình và phát triển kinh tế - xã hội những năm 1992-1995. Hội nghị và xác định những quan điểm cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi Hiến pháp, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương là sự cụ thể hoá đồng bộ, kịp thời Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, mở ra thời kỳ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Kỳ họp thứ chín, Quốc hội khoá VIII ngày 12-8-1991 đã ra Nghị quyết về việc thành lập lại tỉnh Kon Tum trên cơ sở giải thể tỉnh Gia Lai - Kon Tum. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, ngày 21-8-1991, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai - Kon Tum khoá VI họp bất thường, ra Nghị quyết về địa giới và đơn vị hành chính, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Theo sắp xếp, tỉnh Kon Tum có 4 huyện (Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Plông) và 01 thị xã.

Trong bối cảnh tỉnh vừa mới được thành lập lại, đứng trước những khó khăn và thử thách to lớn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, quân và dân các dân tộc Kon Tum đoàn kết, thống nhất, quyết tâm vượt mọi khó khăn, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách, từng bước đưa tỉnh vào thế ổn định, tạo đà cho sự phát triển trong thời kỳ mới.

Đảng bộ huyện Kon Plông tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ XII (vòng 1) từ ngày 08 đến ngày 10-4-1991. Dự Đại hội có 96 đại biểu đại diện cho 696 đảng viên của 29 tổ chức cơ sở đảng. Đại hội đã nghiên cứu dự thảo các văn kiện của Tỉnh ủy lâm thời Kon Tum trình Đại hội hội X Đảng bộ tỉnh, bầu đoàn đại biểu Đảng bộ huyện đi dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ X. Tiếp đến, từ ngày 06 đến ngày 08-01-1992, Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ XII (vòng 2) được tiến hành. Dự đại hội có 94 đại biểu đại diện cho 675 đảng viên của 28 tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ XI và đề ra phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương trong thời kỳ mới. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Kon Tum, Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ, đánh giá tình hình các mặt của huyện, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, các mục tiêu và những giải pháp lớn trong thời gian 1991-1995.

Đại hội xác định phương hướng nhiệm vụ chung của Đảng bộ trong những năm tiếp theo là:

Quyết tâm tiếp tục đổi mới toàn diện và triệt để, tạo điều kiện tiếp tục phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ trung thành tuyệt đối với cách mạng có năng lực và bản lĩnh chính trị, kiên quyết chống chủ nghĩa cơ hội và mọi hiện tượng suy thoái biến chất.

Đại hội đề ra mục tiêu: Tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên vượt qua những khó khăn gay gắt trước mắt, giữ vững sự ổn định về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Từng bước nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc và cán bộ công nhân viên, các đối tượng hưởng chính sách, lực lượng vũ trang trong huyện. Từng bước thực hiện 4 có:

1. Có ruộng nước gắn với định canh định cư và phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

2. Có đường giao thông liên xã gắn với lưu thông phân phối và nâng cao đời sống nhân dân.

3. Phải có chiến lược con người gắn với đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ ngang tầm nhiệm vụ mới.

4. Giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Đại hội chỉ rõ những nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 1991-1995:

1. Đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp, tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế với năng suất chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Khẩn trương mở rộng đường giao thông nông thôn, đường liên xã và trục đường 5 xuống Quảng Ngãi.

2. Thực hiện nghiêm túc cơ chế quản lý kinh tế mới nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa kinh tế hàng hoá phát triển, khai thác mọi tiềm năng và sự đóng góp tích cực của các thành phần kinh tế. Quản lý chặt chẽ tài chính và ngân sách, thực hiện chính sách tiết kiệm thúc đẩy mạnh mẽ công tác định canh định cư, lập ruộng vườn cho đồng bào các dân tộc.

Giải quyết từng bước có trọng tâm, đặc biệt chú ý chính sách xã hội, chế độ tiền lương, chăm sóc những người có công với nước, đồng bào dân tộc thiểu số ở các vùng xa xôi, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng.

3. Giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa và đập tan mọi thủ đoạn phá hoại từ bên trong và bên ngoài trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, mặt trận tư tưởng văn hoá.

4. Kiên quyết sắp xếp lại bộ máy nhà nước, cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị sản xuất kinh doanh. Chấn chỉnh tổ chức và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, thiết lập trật tự kỷ cương trong kinh tế xã hội.

5. Xây dựng Đảng vững mạnh, đây là điều kiện quyết định của việc hoàn thành nhiệm vụ. Đổi mới cán bộ và công tác cán bộ. Hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, bố trí, đề bạt và thay đổi cán bộ, đẩy mạnh việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Đại hội vạch ra những biện pháp lớn nhằm thực hiện mục tiêu:

1. Về ổn định và phát triển kinh tế. Tập trung triển khai thực hiện 3 chương trình kinh tế tạo ra nguồn vốn tích luỹ cho ngân sách, khơi dậy các thế mạnh nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất. Chọn một số phương án công trình then chốt để tạo điều kiện đưa nền kinh tế của huyện phát triển lên một bước mới.

- Phát triển chăn nuôi lên sản xuất hàng hoá. Xây dựng đề án đầu tư cải tạo và phát triển mạnh đàn đại gia súc theo hướng phục vụ nhu cầu thực phẩm.

- Về lâm nghiệp, quan trọng nhất là trồng rừng, bảo vệ vốn rừng, khai thác gắn với bồi dưỡng vốn rừng. Chặn đứng tình trạng khai thác bừa bãi.

2. Về phân phối lưu thông.

- Mở rộng thị trường trong huyện để thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển. Việc mở rộng thị trường nông thôn đòi hỏi phải gắn với sự phát triển sản xuất và khu dân cư, mở mang đường sá, hình thành các chợ, các điểm mua bán, ngành thương nghiệp thông qua việc bám sát, tác động vào sản xuất để tổ chức nguồn hàng, nắm khâu buôn bán và làm chủ những mặt hàng thiết yếu đến đời sống và sản xuất.

- Về kinh tế tài chính: kế hoạch tài chính của huyện hướng vào việc tạo vốn và sử dụng vốn có hiệu quả. Thực hiện “triệt để tiết kiệm” để bảo đảm ngân sách cho các mục tiêu kế hoạch đã xác định.

3. Về công tác xã hội:

- Tuyên truyền giáo dục nhận thức, chủ trương, đường lối của Đảng. Cổ vũ động viên các phong trào hành động cách mạng ở cơ sở, vận động xây dựng nếp sống có văn hoá, chống mê tín dị đoan và các loại văn hoá có hại đến đời sống tinh thần của nhân dân.

- Đầu tư xây dựng có chất lượng trường phổ thông nội trú, trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Chú ý đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp I và cấp II là người tại chỗ, người dân tộc, bảo đảm các cháu đến tuổi đều được đi học.

- Công tác y tế, chú trọng vào việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu đến hộ gia đình, phòng chống tốt các bệnh xã hội và bệnh sốt rét. Củng cố và mở rộng mạng lưới y tế cơ sở, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa.

- Bảo đảm phần ngân sách trợ cấp cho các đối tượng hưởng chính sách xã hội mở rộng hoạt động của các hội từ thiện, các quỹ xã hội.

4. Quốc phòng an ninh:

Tập trung xây dựng và hoàn thiện từng bước các khu vực phòng thủ, làm tốt công tác hậu phương quân đội.

- Tổ chức huấn luyện thường xuyên quân dự bị động viên và dân quân tự vệ.

Về an ninh chính trị, chủ động đấu tranh với mọi âm mưu phá hoại toàn diện của kẻ thù, phát động liên tục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở, mở các đợt tấn công, truy quét các loại tội phạm.

5. Nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân.

6. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trong sự nghiệp đối mới.

- Thường xuyên có kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện các chỉ thị và nghị quyết của Trung ương về đổi mới, chỉnh đốn Đảng.

Đối với bộ máy Đảng, bộ máy nhà nước và các đoàn thể quần chúng, tiếp tục sắp xếp theo hướng gọn nhẹ có chất lượng và hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong những năm tiếp theo hết sức cấp bách, do đó, các cấp uỷ cần thực hiện các biện pháp chủ yếu.

- Tổ chức quán triệt nắm vững quan điểm, nguyên tắc cơ bản của công tác xây dựng Đảng.

- Kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng, tổ chức, kiểm tra cùng với các ngành nội chính để kịp thời phát hiện điều tra, ngăn ngừa và giáo dục đảng viên chấp hành điều lệ Đảng và luật pháp nhà nước, kiên quyết xử lý thoả đáng những vụ việc tiêu cực.

- Các cấp uỷ Đảng phải thực sự quan tâm, chăm lo xây dựng Đảng, củng cố tổ chức quần chúng, nhất là đoàn thanh niên theo Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị (khoá VI).

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Kon Plông khoá XII gồm 21 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 07 đồng chí. Đồng chí Thái Quang Nhạn được bầu làm Bí thư Huyện uỷ, các đồng chí: Đinh Huy Gô được bầu làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Từ ngày 25 đến 27-5-1992, Đại hội đại biểu tỉnh Kon Tum lần thứ X đã được tổ chức. Đại hội đánh giá các mặt hoạt động của tỉnh, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, các mục tiêu và những giải pháp lớn đến năm 1995. Đảng bộ huyện Kon Plông đã nhanh chóng tiếp thu, quán triệt và cụ thể hoá phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh vào điều kiện thực tế huyện nhà, tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng huyện Kon Plông ngày càng ổn định và phát triển hơn trong thời kỳ lịch sử mới.

**II. Lãnh đạo phát triển kinh tế**

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Nghị quyết X của Đảng bộ tỉnh, với tinh thần quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân huyện Kon Plông đoàn kết một lòng, ra sức phát huy thế mạnh sẵn có của huyện, từng bước phát triển và cụ thể hoá 4 chương trình mục tiêu chiến lược và biện pháp lớn mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đề ra. Nền kinh tế của huyện từ điểm xuất phát thấp, lại đang ở trong tình trạng trì trệ, sa sút do cơ chế quản lý cũ, đã từng bước đi dần vào thế ổn định và bước đầu có tăng trưởng.

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X, trong 2 năm 1992-1993, huyện tập trung đầu tư phát triển kinh tế. Xây dựng và củng cố các công trình thuỷ lợi, mở thêm và nâng cấp các tuyến đường giao thông. Khai hoang mở mang đồng ruộng, mở rộng diện tích lúa nước. Huyện tổ chức triển khai các dự án định canh định cư gắn với công tác giao đất giao rừng, từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp sang cơ cấu kinh tế lâm - nông kết hợp, tạo điều kiện cho định hướng phát triển nền kinh tế trong những năm tiếp theo.

Xác định nông nghiệp ở vị trí hàng đầu trong nền kinh tế, nhằm thực hiện tốt chủ trương khai hoang xây dựng cánh đồng, mở rộng diện tích lúa nước hai vụ, huyện đã đầu tư xây dựng các công trình thuỷ lợi Đăk SNghé, Đăk Pia, Đăk Kôi; sửa chữa công trình Đăk Tờ Lùng, Đăk Srệt với tổng số vốn hơn 309 triệu đồng. Huyện tiếp tục tập trung củng cố, phát triển hệ thống mương máng trên các công trình nước Zơ, nước Bo, Kon Srệt và một số công trình thuỷ lợi nhỏ khác.

Đầu tháng 6-1993, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp bàn về việc tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội nông thôn. Tại Hội nghị, những vấn đề cơ bản của chiến lược phát triển nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam đến năm 2000 theo cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, kiên trì và thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, thực hiện chính sách giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân, đổi mới chính sách vĩ mô của nhà nước đối với nông nghiệp và nông thôn.

Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ họp từ ngày 11 đến ngày 12-4-1994 đã phân tích, đánh giá tình hình của huyện sau hơn nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ trong 2 năm 1994-1995.

1. Đẩy mạnh sản xuất từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phương thức nông - lâm kết hợp. Đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, từng bước ổn định đời sống nhân dân.

- Phấn đấu đến năm 1995, tổng diện tích lúa nước đạt 1.500 ha, giảm diện tích phát rẫy xuống còn 80% so với hiện nay. Đưa mức lương thực bình quân đầu người lên 400 kg/người/năm.

- Đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất hàng hoá. Phấn đấu đến năm 1995, tổng đàn gia súc đạt 18.000 con.

- Triển khai mạnh mẽ công tác giao đất khoán rừng và tập trung thực hiện các dự án 327. Phấn đấu đến năm 1995: 10% diện tích rừng được giao đến từng hộ quản lý.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch đón dân vào các vùng dự án. Mở rộng giao thông nông thôn, thường xuyên duy tu bảo dưỡng các tuyến đường bảo đảm xe thông suốt 2 mùa.

- Củng cố mạng lưới điện nước. Phấn đấu đến năm 1995, có điện lưới quốc gia phục vụ khu vực huyện lỵ và các vùng lân cận. Xây dựng hệ thống nước tự chảy Phục vụ nước sinh hoạt khu vực thị trấn Kon Plông.

2. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế khai thác tiềm năng sẵn có, khuyến khích sự đầu tư của các thành phần kinh tế. Phát huy tính chủ động của các tổ chức doanh nghiệp. Quản lý chặt chẽ tài chính triệt để tiết kiệm, sử dụng ngân sách đúng mục đích.

3. Giải quyết tốt chính sách xã hội. Đẩy mạnh chương trình “xoá đói giảm nghèo”.

Coi trọng chất lượng hoạt động trên các lĩnh vực văn hoá - giáo dục, y tế nhằm từng bước nâng cao dân trí để thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.

Phấn đấu đến năm 1995, xây dựng xong và đưa vào sử dụng nhà văn hoá của huyện. Trang bị Video 10/10 xã, thị trấn; phấn đấu đến năm 1995 các xã có điều kiện phải phổ cập giáo dục tiểu học và ở huyện có trường phổ thông trung học.

4. Tăng cường công tác an ninh quốc phòng. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý địa bàn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên mọi lĩnh vực. Tổ chức thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự. Coi công tác an ninh quốc phòng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong việc tạo điều kiện ổn định và phát triển kinh tế.

5. Tiếp tục đổi mới hoạt động của nhà nước theo hướng tăng cường quản lý xã hội băng pháp luật, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Làm cho nhà nước thực sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, do dân và vì dân. Kiên quyết đấu tranh chống quan liệu cửa quyền, chống tham ô lãng phí, đặc quyền đặc lợi.

6. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, tăng cường công tác chính trị tư tưởng, công tác cán bộ, đào tạo quy hoạch đội ngũ cán bộ. Phát triển đảng viên mói.

Phấn đấu đến hết năm 1994 có 60 đến 70% đảng viên tiền phong gương mẫu, có 40% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh.

Năm 1995 có 80-90% đảng viên tiền phong gương mẫu. Có 60% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Không còn cơ sở yếu kém, phấn đấu đến năm 1995 kết nạp 35-40 đảng viên.

 7. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ của huyện nhấn mạnh phải đẩy mạnh sản xuất, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo phương thức nông - lâm kết hợp, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, từng bước ổn định đời sống nhân dân.

Trong 5 năm, Đảng và Nhà nước có thêm những chủ trương, chính sách đối với nông nghiệp và nông thôn, tiếp tục sửa đổi cơ chế kế hoạch hoá tập trung, chuyển mạnh sang cơ chế thị trường. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) đã đi vào cuộc sống, nhiều mô hình sản xuất mới có hiệu quả xuất hiện. Các hợp tác xã, nông nghiệp sau khi sắp xếp, củng cố lại theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đã chuyển từ kinh doanh toàn diện sang kinh doanh từng lĩnh vực có hiệu quả hơn. Kinh tế hộ được thừa nhận đã kích thích người nông dân phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, đầu tư vật lực, trí tuệ cho sản xuất, tạo ra khối lượng nông sản ngày càng nhiều. Các nông, lâm trường thực hiện khoán đến hộ công nhân, nông trường chuyển sang làm dịch vụ đã phát huy năng lực lao động sáng tạo của công nhân. Nhiều hộ gia đình bỏ vốn trồng cao su, cà phê. Luật đất đai, luật thuế ra đời kích thích sản xuất, tạo ra công bằng xã hội.

Sản xuất nông, lâm nghiệp đi dần vào thế ổn định và có phát triển. Sản xuất lương thực được coi trọng, đã tập trung chỉ đạo thâm canh, tăng vụ, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, đưa nhiều loại giống mới vào sản xuất có kết quả như lúa CH3, bắp lai, dâu tằm, bời lời đỏ, bạch đàn...

Tổng diện tích gieo trồng năm 1992 tăng lên so với năm 1991, đạt 3.525 ha, trong đó, diện tích lúa nước là 1.568 ha, lúa rẫy là 1.157 ha, năng suất lúa đạt bình quân từ 2 đến 2,2 tấn/1 ha. Lúa mùa và lúa vụ sớm ở một số xã vùng Đông Trường Sơn thu hoạch khá đạt từ 5.000 đến 5.500 tấn. Cùng với phát triển cây lúa, toàn huyện còn có 2.500 đến 3.500 tấn lương thực quy thóc, đưa tổng số lương thực cả năm 1992 lên 8.000 tấn quy thóc. Bình quân lương thực đầu người đạt 350kg thóc/năm, đây tuy chưa phải là mức cao song là kết quả của một quá trình nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng của Đảng bộ và nhân dân nhằm thực hiện chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm, tiến dần đến mục tiêu xoá đói, giảm nghèo. Bước đầu huyện đã giảm được đáng kể diện tích lúa rẫy và tăng được diện tích ruộng, phù hợp với chủ trương của Đảng.

Năm 1995, thời tiết diễn biến không thuận lợi, nắng kéo dài ở đầu vụ làm chậm tiến độ thực hiện thời vụ, sâu bệnh phát triển nhiều ở lúa. Khi bước vào thu hoạch, huyện lại bị ảnh hưởng của 3 cơn bão (số 9, 10, 11), lúa và hoa màu bị thiệt hại nặng, ước tính khoảng 317 tấn quy thóc. Tuy nhiên, được sự chỉ đạo sâu sát kịp thời của cấp uỷ và chính quyền, đời sống nhân dân và sản xuất vẫn giữ được ổn định.

Sản xuất nông nghiệp năm 1995 đạt kết quả cao cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Tổng diện tích gieo trồng là 4.193,6 ha, đạt 98,32% kế hoạch, tăng hơn 540 ha so với năm 1994. Riêng diện tích lúa tăng 14% so với năm 1994, trong đó lúa 2 vụ đạt 122 ha. Năng suất lúa tăng lên đáng kể nhờ cải tạo về giống và áp dụng các biện pháp kỹ thuật. Lúa Đông Xuân đạt 40-45 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 8.509,53 tấn, tăng 1.287,47 tấn so với năm 1994'. Sản xuất lương thực đã đáp ứng được nhu cầu đời sống hàng ngày cho nhân dân, giảm đáng kể tình trạng thiếu đói thời kỳ giáp hạt.

Cùng với lúa và hoa màu, huyện đã bước đầu phát triển một số diện tích cây công nghiệp có giá trị như cà phê, bời lời, đào lộn hột ở các mô hình kinh tế hộ. Trên cơ sở phát triển mô hình kinh tế hộ, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày được chú trọng. Đến năm 1995, toàn huyện trồng được 557 ha cây công nghiệp các loại (chè, cà phê, đào lộn hột, quế, bời lời, lạc, thuốc lá, mía).

Chăn nuôi là vấn đề cơ bản trong phát triển kinh tế hộ gia đình. Nhờ sự quan tâm lớn của nhà nước trong việc thực hiện chương trình “xoá đói giảm nghèo”, tạo điều kiện về việc làm cho người lao động qua đầu tư, cho vay vốn phát triển chăn nuôi, kết hợp công tác phòng chống dịch bệnh, nên đàn gia súc của huyện được duy trì và phát triển. Huyện đã quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VII) đưa chăn nuôi lên thành ngành chính. Tổng đàn gia súc tăng hàng năm, năm 1991 là hơn 11.700 con; năm 1993 có trên 14.700 con; năm 1994 có trên 20 200 con, tăng 27,5% so với năm 1993, vượt 12,62% kế hoạch đề ra cho 2 năm 1994-1995. Tuy vậy, tốc độ phát triển của đàn gia súc chưa tăng mạnh. Việc lai tạo các giống đại gia súc năng suất cao chưa tốt.

Trong phát triển lâm nghiệp, vấn đề bảo vệ tài nguyên rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ được chỉ đạo triển khai một cách chặt chẽ. Huyện xác định lâm nghiệp là tiềm năng cơ bản, giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện những năm trước mắt cũng như lâu dài: Công tác bảo vệ và phát triển vốn rừng được chú ý và bước đầu mang lại kết quả. Công tác phòng chống cháy rừng được thực hiện thường xuyên, triệt để hàng năm. Các hiện tượng chặt phá, khai thác trái phép lâm sản giảm đáng kể. Thực hiện chủ trương khai thác gắn với bồi dưỡng vốn rừng, trong 2 năm 1992-1993, huyện đã đầu tư trồng rừng với 26.000 cây bời lời đỏ và một số diện tích cây trồng khác. Huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn xây dựng chương trình phòng chống cháy rừng, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân nhất là đối với các địa phương là vùng trọng điểm rẫy về ý thức bảo vệ và phát triển vốn rừng. Hiện tượng chặt phá bừa bãi, phát rừng làm rẫy và các vụ cháy rừng đã giảm hẳn. Cùng với việc bảo vệ, công tác phát triển rừng bước đầu được thực hiện. Diện tích rừng trồng mới mỗi năm đạt hàng trăm héc ta. Năm 1995, huyện trồng được 670 ha.

Công tác định canh định cư, giao đất, giao rừng được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện đường lối phát triển kinh tế ở huyện. Việc chỉ đạo của huyện đã đi vào trọng tâm. Huyện tích cực tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện định canh định cư, xây dựng thôn làng theo mô hình mới, triển khai dự án có hiệu quả. Trong 2 năm 1992-1993, huyện đã củng cố các làng định cư cũ ở 3 xã Đăk Ruồng, Tân Lập, Đăk Tờ Re với 175 hộ với 945 khẩu. Riêng năm 1993, huyện vận động thêm 3 làng định cư thuộc 2 xã Đăk Kôi và xã Hiếu với 68 hộ và 309 khẩu, đưa tổng số làng định canh định cư của huyện lên 8 làng, 243 hộ và 1.254 khẩu.

Huyện đã thực hiện thành công dự án định canh định cư làng Vi Glơng xã Hiếu với tổng số vốn 510 triệu đồng. Công tác đón dân kinh tế mới được huyện quan tâm thực hiện theo chương trình đầu tư của dự án. Năm 1993, huyện đón 106 hộ, 454 khẩu với 221 lao động ở một số tỉnh phía Bắc vào xây dựng vùng định cư Đăk Tân xã Tân Lập, chủ trương là khơi dậy các thế mạnh và tiềm năng sản xuất nông nghiệp của huyện, tạo cơ sở xây dựng kinh tế hộ gia đình. Công tác định canh định cư được thực hiện từng bước với quy mô và mức độ ngày càng rộng hơn. Riêng năm 1993, huyện đã triển khai giao đất giao rừng ở các xã được 6.800 ha rừng phòng hộ Thạch Nham và 3.600 ha rừng bảo vệ chăm sóc thuộc xã Đăk Tờ Re.

Năm 1994, huyện chủ trương chỉ đạo ổn định các thôn làng đã định cư trước đây và đẩy mạnh triển khai các dự án giao đất, giao rừng. Dự án tại xã Đăk Kôi đã giao được hơn 4000 ha rừng cho các hộ khoanh nuôi và bảo vệ. Phối hợp với Sở Nông Lâm nghiệp triển khai dự án bảo vệ rừng phòng hộ Thạch Nham tại xã Ngọk Tem, giao cho hộ gia đình quản lý hơn 6.600 ha. Tổng số diện tích rừng được trồng mới trong năm 1994 là 47 ha. Qua công tác giao đất giao rừng, người dân đã hiểu được ý nghĩa to lớn của việc bảo vệ và phát triển rừng, tác dụng của rừng trong phát triển kinh tế. Nhờ vậy, công tác bảo vệ và phát triển vốn rừng được thực hiện có hiệu quả hơn.

Trong 5 năm, thực hiện chủ trương giao đất khoán rừng, các dự án đã giao 38.741 ha rừng cho các hộ quản lý, bảo vệ. Dự án 327 của các lâm trường đã thực sự gắn với xã, thu hút đông đảo nhân dân vào lĩnh vực bảo vệ và kinh doanh lâm nghiệp, vừa huy động được sức lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, vừa tạo được công ăn việc làm, góp phần ổn định định canh định cư, đáp ứng một phần hu cầu đời sống nhân dân. Có xã thu nhập từ rừng đạt bình quân 00.000đ/hộ/năm như xã Măng Cành.

Việc quy hoạch khoanh vùng làm nương rẫy, phòng chống cháy rừng được triển khai thường xuyên và đạt hiệu quả cao. Hiện tượng chặt phá rừng gỗ làm rẫy không tái diễn, các vụ cháy rừng xảy ra không đáng kể. Công tác kiểm tra quản lý hoạt động của lâm nghiệp chặt chẽ và có tiến bộ.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm trong khai thác, vận chuyển lâm sản, nhất là gỗ còn xảy ra nhiều. Trong thời gian này, các ngành chức năng đã phát hiện và thu giữ, xử lý 68 vụ với 473.763 mở gỗ, cả gỗ tròn và gỗ xẻ từ nhóm 3 đến nhóm 7. Tổng số tiền thu từ những vụ vi phạm lên đến hơn 188 triệu đồng.

Cuộc vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện định canh, định cư, đón dân đi xây dựng kinh tế mới được Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo. Từ khi có Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị (khoá VII) và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), huyện đã gắn chặt cuộc vận động định canh, định cư với tổ chức lại sản xuất, thực hiện giao đất, giao rừng, phát triển ngành nghề, chăm lo công tác giáo dục, y tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 1995, huyện tiếp nhận hơn 100 hộ dân các tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Vĩnh Phú vào các vùng dự án. Việc đón dân kinh tế mới vào các vùng có dự án do Nhà nước duyệt, được đầu tư tập trung, cùng với sự quan tâm của huyện nên dẫn đến nơi là sớm ổn định sản xuất tạo lập cuộc sống trên quê hương mới. Các thôn, làng, định canh, định cư đều có trạm xá, nhà trẻ, cửa hàng, trụ sở; các trung tâm xã đều có trường cấp I và cấp II được xây dựng khang trang. Những nơi thực hiện tốt định canh, định cư đã hạn chế được nạn phá rừng làm rẫy, đời sống ổn định và được cải thiện rõ rệt.

Mặt khác, Huyện chỉ đạo tốt công tác dãn dân tại các xã Đăk Tờ Re, Đăk Kôi, xã Hiếu và Ngọk Tem. Tại dự án đầu nguồn Thạch Nham, phòng kinh tế huyện đã cung cấp 61.000 cây quế giống trồng tại Đăk Ring và Ngọk Tem.

Cơ cấu kinh tế ở nông thôn có chuyển đổi, đã hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, sản xuất ra số lượng nông, lâm sản ngày càng nhiều; công nghiệp chế biến hình thành và phát triển, các loại hình dịch vụ tập thể, quốc doanh và tư nhân có thay đổi mới.

Vấn đề phát triển giao thông là một chương trình chiến lược đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII là phấn đấu có đường giao thông liên xã gắn với lưu thông phân phối để nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện mục tiêu đó, huyện đã đề nghị tỉnh đầu tư vốn nâng cấp quốc lộ 24, phấn đấu đến cuối năm 1994, thông xe đi Quảng Ngãi, mở thêm đường Măng Đen đi Nước Chờ với số vốn 600 triệu đồng. Ngành giao thông thực hiện tu sửa nâng cấp các tuyến đường thuộc khu vực huyện lỵ, duy tu bảo dưỡng tuyến Kon Rẫy đi Đăk Kôi, củng cố bảo đảm giao thông thông suốt các tuyến giao thông liên xã.

Nhìn chung, công tác giao thông có bước tiến rõ rệt, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành của tỉnh, huyện khá chặt chẽ trong khâu chỉ đạo giải quyết, xử lý tu bổ, bảo dưỡng và nâng cấp các tuyến đường chính phục vụ nhu cầu giao thông. Những tuyến giao thông trọng điểm được triển khai tu sửa thường xuyên, đảm bảo thông xe cả hai mùa. Đối với tuyến quốc lộ 24, việc đầu tư nguồn vốn của Trung ương đã phát huy tác dụng tốt, bảo đảm tiến độ thi công, đạt yêu cầu về thời gian và chất lượng. Đồng thời trong phát triển hệ thống giao thông nông thôn, công tác phát dọn thông thoáng được quan tâm. Việc hỗ trợ, đầu tư nhằm tu sửa làm cầu, cống nhỏ theo phương thức nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ đã được thực hiện có hiệu quả ở một số nơi. Trong năm 1995, việc đầu tư cho giao thông nông thôn được coi trọng. Huyện hỗ trợ các xã vùng sâu, vùng xa 1.160 kg dây sắt để làm cầu treo qua các sông suối nhỏ; trang bị các phương tiện để duy tu, sửa chữa đảm bảo thông đường ở xã. Uỷ ban nhân dân huyện đã chỉ đạo nâng cấp một số tuyến đường ngắn trong khu vực huyện lỵ, ra chỉ thị cấm các loại xe tải trọng lớn lên các tuyến giao thông chính trong giai đoạn mùa mưa.

Trong 5 năm nhờ có sự đầu tư đúng mức và có trọng điểm của nhà nước, huyện đã làm mới được 55,5 km đường tuyến Măng Đen - Đăk Ring; bảo dưỡng và nâng cấp 90 km các tuyến Đăk Ruồng - Đăk Kôi, huyện lỵ - Đăk Pne. Tuyến Quốc lộ 24 đi Quảng Ngãi được Trung ương đầu tư mở rộng và nâng cấp. Tổng giá trị đầu tư cho các tuyến giao thông huyết mạch lên tới hàng chục tỷ đồng. Việc hỗ trợ vốn, phương tiện cho các xã để duy tu đường và làm cầu treo ở các xã vùng sâu, vùng xa được quan tâm. Đây là việc làm mới rất thiết thực đối với giao thông nông thôn, có tác dụng quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đối với công tác xây dựng cơ bản, mặc dù đặc điểm của huyện khó khăn về địa hình, giao thông, khí hậu, thời tiết, nhưng nhờ sự quan tâm, đầu tư hàng chục tỷ đồng của Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng, nhiều công trình quan trọng được xây dựng như trường học, trạm xá, nhà văn hoá, bưu điện, các công trình thuỷ lợi lớn nhỏ, trụ sở làm việc một số cơ quan..., đặc biệt là công trình đường dây tải điện 35 kv. Năm 1993, bằng nguồn vốn ngân sách, huyện đã chỉ đạo thi công sửa chữa lớn khu nhà làm việc của Phòng Văn hoá thông tin với tổng giá trị 100 triệu đồng. Huyện đề nghị tỉnh và Trung ương cấp vốn xây dựng được một trường Dân tộc nội trú với số vốn 1,8 tỷ đồng.

Do được đầu tư có trọng điểm kết hợp với quản lý và chỉ đạo sát việc thi công các công trình, đến năm 1994, tất cả các công trình nằm trong kế hoạch cơ bản hoàn thành. Một số công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng với chất lượng tốt, đúng thời gian như trụ sở làm việc của Uỷ ban nhân dân xã Tân Lập, Nhà tưởng niệm khu vực Măng Đen, nhà làm việc của Phòng Tổ chức lao động thương binh xã hội, công trình nâng cấp đường dây tải điện khu vực huyện lỵ. Ngày 14-11-1994, huyện chính thức tiếp nhận điện lưới quốc gia. Có thể nói, trong vòng 5 năm, xây dựng cơ bản góp phần làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của huyện lỵ và một số vùng nông thôn.

Các ngành tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển nhưng còn ở mức độ nhỏ, chủ yếu phục vụ nhu cầu thiết yếu như sản xuất điện, nước sinh hoạt, nước đá, may mặc, xay xát lương thực và sửa chữa nhỏ.

Trong 2 năm 1992-1993, sản lượng điện đạt 158.120 KW/h, hàng năm vượt kế hoạch 58,1%. Năm 1993, trạm điện máy đã bảo đảm phục vụ điện cho huyện. Tổng công suất điện trong năm đạt 12.000 KW/h. Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân khu vực thị trấn, huyện lỵ được đảm bảo, sản lượng nước hai năm 1992-1993 đạt 95.000 m3/năm, vượt 33,6% kế hoạch. Năm 1994, ngành chế biến, xay xát lương thực và các loại nông phẩm phục vụ đời sống đạt khoảng 4000 tấn; khai thác và chế biến lâm sản đạt gần 12.000m3 gỗ, hơn 185.000 sợi song mây.

Phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước là mục tiêu lâu dài và là quan điểm cơ bản trong đường lối đổi mới của Đảng. Thực hiện đường lối đổi mới, việc triển khai áp dụng trên thực tế chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần được nhân dân hưởng ứng, nhanh chóng đi vào cuộc sống. Quyền làm chủ của nhân dân thực sự được phát huy, đây là yếu tố quan trọng khơi dạy tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân trong phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và sản phẩm cho xã hội, thúc đẩy và phát huy tác dụng nền kinh tế nhiều thành phần.

Trong những năm đổi mới, cấp uỷ đã tiến hành chỉ đạo có hệ thống việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế vĩ mô, coi trọng tính đồng bộ giữa các lĩnh vực, các khâu, tập trung giải quyết những vấn đề then chốt, chú trọng phát triển nông thôn. Việc thực hiện gắn các lâm trường, doanh nghiệp với xã nơi đứng chân đã đem lại hiệu quả tích cực. Chính nhờ hình thức này, các doanh nghiệp đóng tại địa phương đã giúp đỡ và góp phần đáng kể vào các mặt hoạt động của xã, nhất là định canh định cư, phát triển kinh tế vườn... Vì vậy, hoạt động của một số xã đã đi vào ổn định, đời sống kinh tế của một bộ phận nhân dân khá vững, đủ ăn, đủ mặc, một bộ phận từng bước có tích luỹ.

Với đặc thù về địa hình và khí hậu, huyện đã vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối của Đảng vào điều kiện thực tế, phát triển kinh tế đa dạng theo các tiểu vùng, áp dụng mô hình lâm trường gắn với địa phương và khu vực dân cư, bước đầu có tác dụng hỗ trợ cho phát triển kinh tế gia đình, kinh tế vườn, tạo sự chuyển biển ở một số vùng trong huyện, nhất là trong thực hiện định canh định cư. Việc thực hiện Luật đất đai, chính thức giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân, đã phát huy vai trò tự chủ của hộ gia đình, kinh tế có thêm động lực phát triển. Chủ trương đổi mới kinh tế nông nghiệp và nông thôn của Đảng đã thúc đẩy kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân phát triển.

Hoạt động của các ngành tài chính, kho bạc, ngân hàng, thuế đã góp phần tích cực vào quá trình chuyển đổi cơ cấu quản lý và phát triển kinh tế của huyện.

Bằng việc đổi mới phương thức hoạt động, các ngành tài chính, ngân hàng từng bước xóa bỏ chế độ bao cấp, mở rộng kinh doanh, đảm bảo các yêu cầu kế hoạch về vốn phát triển kinh tế, xã hội và phục vụ các chương trình định canh, định cư, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo; triển khai ngân hàng phục vụ người nghèo, thí điểm xây dựng quỹ tín dụng nhân dân.

Thực hiện chương trình “xoá đói giảm nghèo”, các cơ quan chuyên môn thuộc hệ thống tài chính tiền tệ đã đảm bảo đủ lượng tiền mặt, tạo điều kiện cho các hộ vay có đủ tiền sử dụng vào phát triển sản xuất, chăn nuôi trâu, bò, phục vụ các ngành nghề khác. Trong năm 1993 từ các nguồn vốn, huyện đã cho các đối tượng vay hơn 22 tỷ 41 triệu đồng. Việc giải quyết các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất đã làm thay đổi đáng kể đời sống của nhân dân, phát triển thêm nhiều ngành, nghề, giảm được lao động nhàn rỗi.

Ngành thuế tăng cường mở rộng khai thác các nguồn thu, hàng năm đều thu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Đến đầu tháng 12-1995, tổng số tiền thuế đã thu trên địa bàn được hơn 4 tỷ 189 triệu đồng, đạt 95% kế hoạch cả năm.

Việc tăng các nguồn thu thuế trên địa bàn cùng với tiếp nhận nguồn trợ cấp của tỉnh đã giải quyết tốt các kế hoạch chi tiêu thường xuyên của huyện. Lượng tiền mặt được kho bạc cung ứng đủ, phục vụ tốt công tác giao dịch, trao đổi.

Thương mại, dịch vụ phát triển, hàng hoá trung chuyển trong huyện ngày càng phong phú, lưu thông thông suốt.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước được vận dụng và bước đầu phát huy hiệu quả. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, thương nghiệp quốc doanh gặp khó khăn lớn trong hoạt động kinh doanh và cạnh tranh với tư nhân, các công ty nhà nước do huyện quản lý làm ăn thua lỗ phải giải thể. Huyện tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất, kinh doanh, xoá bỏ chế độ bao cấp qua cấp vốn tín dụng. Sau khi sắp xếp lại doanh nghiệp, củng cố tổ chức, tập trung vốn kinh doanh, các công ty thương mại, dịch vụ nhà nước đã dần dần ổn định và phát triển.

Đồng thời với củng cố phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh và tập thể, các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể được quan tâm, tạo điều kiện phát triển, hoạt động mạnh trên các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ... Nền kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường hình thành và phát triển đã khơi dậy năng lực tiềm tàng của nhân dân, thu hút nguồn vốn, lao động, nghề nghiệp trong nhân dân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**III. Phát triển văn hoá- xã hội**

Cùng với đẩy mạnh phát triển kinh tế, vấn đề đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá - giáo dục, y tế, xã hội ngày càng được các cấp uỷ quan tâm.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo có bước phát triển rõ rệt cả vềsố lượng và chất lượng, loại hình và quy mô đào tạo. Công tác xoá mù chữ được các cấp, các ngành quan tâm. Công tác xây dựng, sửa chữa trường lớp, cơ sở vật chất hàng năm được các cấp uỷ Đảng, chính quyền và ngành giáo dục quan tâm đầu tư hơn. Hệ thống trường lớp phát triển rộng khắp, khắc phục tình trạng thiếu trường, thiếu lớp.

Trong tình hình chung đời sống của đội ngũ giáo viên còn nhiều khó khăn, song tư tưởng vẫn ổn định, tin tưởng vào đường lối, chủ trương, của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Một khó khăn còn tồn tại ở huyện là mặt bằng dân trí thấp, đồng bào dân tộc thiểu số không đủ điều kiện cho cor em đi học; đội ngũ giáo viên cấp I còn thiếu và một số yếu, đặc biệt là vùng sâu, vùng cao, vùng căn cứ cũ. Vì thế, công tác xoá mù chữ và phổ cập tiểu học gặp nhiều khó khăn.

Công tác giáo dục gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về chiến lược con người dưới sự chỉ đạo sát sao của cấp uỷ, chính quyền, từng bước nâng cao chất lượng. Trong những năm 1992-1993, hệ thống chương trình giáo dục mới được xác lập, mạng lưới trường, lớp phát triển rộng khắp, bước đầu đáp ứng được yêu cầu. Hệ thống giáo dục phổ thông, tiểu học có tiến bộ, áp dụng chương trình rút ngắn vào giảng dạy cho các xã vùng xa đã đem lại hiệu quả tích cực. Tình trạng học sinh bỏ học nửa chừng giảm dần. Trung tâm đào tạo huyện thực hiện đúng chức năng định hướng và đào tạo nguồn cán bộ kế cận.

Năm 1993, ngành giáo dục đầu tư hơn 1400 bộ bàn ghế học sinh và tăng cường giáo viên cho các trường, lớp ở xã. Về cơ bản các trường xã đã xoá được bàn ghế học sinh bằng tre, nứa, thay thế bằng bàn ghế gỗ theo tiêu chuẩn quy định. Việc đầu tư cho giáo dục đào tạo đã đúng trọng tâm và đạt yêu cầu cơ bản, tổng kinh phí đầu tư trong 5 năm này là hơn 7 tỷ 497 triệu đồng. Do có sự quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và áp dụng phương thức đa dạng hoá giáo trình cho các ngành học, cấp học, chất lượng dạy và học được nâng lên. Số học sinh đến trường năm học 1993-1994 tăng 45% so với năm học 1992- 1993 (năm 1992-1993 là 3.200 em). Năm học 1993-1994 kết thúc với kết quả khá, sĩ số học sinh duy trì đến cuối năm đạt 93,6%, số học sinh đạt học sinh trung bình trở lên là 80,17%.

Với phương châm “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, được sự quan tâm đồng bộ của nhiều cấp, nhiều ngành, kết hợp chặt hẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, năm học 1994-1995, hơn 5.600 em học sinh đã đến trường, vượt 5,4% so với kế hoạch, tăng 21,4% so với năm học 1993-1994 . Đội ngũ giáo viên và hệ thống trường lớp từng bước đáp ứng yêu cầu. Năm học mới 1995-1996 được tiến hành theo đúng quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo, tổng số học sinh đến lớp là hơn 6000 em, vượt 4,24% so với năm học 1994-1995. Hầu hết các xã đã có lớp 4 và lớp 5. Số trường thực hiện chương trình 120 tuần thu hẹp dần. Ngành giáo dục chỉ đạo duy trì tốt nề nếp dạy và học. Đội ngũ giáo, viên từng bước bảo đảm về số lượng và chất lượng.

Các hoạt động văn hoá, thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí, văn nghệ được tăng cường, góp phần quan trọng đưa đường lối, chính sách đổi mới đến nhân dân, hướng dẫn tổ chức đời sống văn hoá của quần chúng ở cơ sở. Các đội văn hoá thông tin lưu động tập trung phục vụ đồng bào các làng, xã vùng sâu, vùng xa trong huyện. Các đội chiếu phim lưu động huyện được thành lập và củng cố, đưa phim ảnh về cơ sở phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Phong trào văn nghệ quần chúng ở các làng, xã, các đơn vị, cơ quan được duy trì, hoạt động đều đặn.

 Cấp uỷ, chính quyền và ngành văn hoá đã đầu tư hàng trăm triệu đồng để xây dựng trạm tiếp sóng đài truyền hình và cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hoá, đầu tư cho các xã vùng sâu, vùng xa bộ đầu vidéo để phục vụ nhu cầu của nhân dân. Từ năm 1992-1993. hoạt động văn hoá - văn nghệ đã có nhiều cố gắng đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động có sự đa dạng về hình thức và thể loại. Văn hoá truyền thống các dân tộc được khôi phục và duy trì. Công tác thông tin có bước phát triển, nhất là hệ thống truyền thanh, truyền hình. Chất lượng các buổi phát thanh, truyền hình ngày càng được nâng cao, bảo đảm tính đa dạng, phong phú cả về nội dung và hình thức. Đội chiếu phim lưu động thường xuyên tổ chức chiếu phim phục vụ đồng bào, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa.

Công tác tuyên truyền cổ động, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ tốt các dịp lễ kỷ niệm, đồng thời đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, duy trì và phát huy bản sắc truyền thống của văn hoá địa phương.

Năm 1991, mới có 50% dân số được xem phim 1 lần/1 năm, đến năm 1995, 100% dân số được xem phim từ 2-4 lần; 9/10 xã được trang bị bộ vidéo, 1/10 xã được phủ sóng truyền hình của Trung ương (đến năm 1995, khoảng 13,4% số dân được xem truyền hình trực tiếp của Trung ương). Trong 5 năm, Nhà nước đã đầu tư cho sự nghiệp văn hoá - văn nghệ số vốn hơn 1 tỷ 273 triệu đồng.

Sự nghiệp y tế thường xuyên được coi trọng. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu và hướng về cơ sở là chủ trương của huyện. Công tác xây dựng, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế xã luôn được chú ý. Huyện cho xây dựng mới và trang bị đồng bộ y cụ cho 3 trạm xá xã

Măng Cành, Đăk Kôi, Đăk Pne; củng cố sắp xếp, tiếp nhận đầu tư các trang thiết bị cho trung tâm y tế huyện và trạm xá khu vực Đăk Ruồng.

Công tác phòng, chống dịch bệnh và thực hiện chương trình quốc gia được đẩy mạnh.

Công tác phòng chống sốt rét, bướu cổ có nhiều tiến bộ, hạ thấp được tỷ lệ người có ký sinh trùng sốt rét. Chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng chống 6 bệnh ở trẻ em sơ sinh được duy trì thường xuyên. Tỷ lệ các cháu ở những nơi có điều kiện thuận lợi được tiêm chủng khá cao. Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em đạt được những tiến bộ nhất định.

Việc bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân thường xuyên được quan tâm. Bệnh dịch và bệnh xã hội như sốt rét được khống chế. Năm 1993, tỷ lệ người sốt rét giảm xuống còn 17,6% (từ gần 5.500 ca bệnh năm 1992 giảm xuống còn 960 ca năm 1993).

Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 đạt kết quả tương đối tốt. Bám sát chủ trương, các cấp uỷ, ngành lập chương trình hành động cụ thể, đặc biệt là chương trình chăm lo, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân tích cực hơn. Trung tâm y tế huyện thường xuyên tổ chức các đội phòng, chống dịch xuống các thôn làng, khám và điều trị cho nhân dân. Công tác khám và điều trị tại bệnh viện huyện được quan tâm chu đáo hơn. Mạng lưới y tế cơ sở được kiện toàn, thực hiện khám và điều trị cho nhân dân có chất lượng.

Ngành y tế thực hiện chương trình thanh toán bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh. Năm 1993, qua hai chiến dịch, hoàn thành ở 8/10 xã và tất cả các cơ quan, nông lâm trường, xí nghiệp. Tất cả số trẻ em trong độ tuổi đều được tiêm phòng và uống vắc xin phòng bệnh. Hàng năm, việc tiêm chủng phòng chống 6 bệnh thường gặp ở trẻ em đạt 75% số trẻ em dưới độ tuổi.

Công tác bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân theo các chương trình quốc gia được thực hiện đều đặn theo kế hoạch. Việc tổ chức các đợt phòng chống dịch bệnh cho nhân dân, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa được chú ý. Năm 1994, huyện đã điều trị mở rộng được cho 15.364 người, đạt 56,36% dân số trong huyện. Tỷ lệ người sốt rét giảm 21,5% so với năm 1993. Công tác tiêm phòng bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh và thiếu vitamin A ở trẻ em được triển khai có hiệu quả, cả năm có 5.098 cháu đạt 99% số cháu trong độ tuổi được tiêm phòng.

Các cơ sở y tế đã từng bước được ổn định, kiện toàn nâng cấp. Năm 1992-1993, huyện đã xây dựng được bệnh viện khu vực Đăk Ruồng. Mạng lưới y tế đã được trải rộng xuống tận các xã. Hiện có 10/10 trạm y tế xã đủ cán bộ và thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Ngành đã kịp thời tuyên truyền vận động nhân dân tham gia và thực hiện từng bước đẩy lùi bệnh sốt rét trên địa bàn huyện. Tỷ lệ người mắc bệnh sốt rét hàng năm giảm từ 10 đến 15%, số bệnh nhân tử vong do sốt rét giảm 75%. Việc vận động nhân dân tích cực sử dụng muối I ốt đã làm giảm số người bị bệnh bướu cổ.

Bên cạnh những kết quả khả quan, hệ thống trạm y tế cơ sở, phương tiện khám, điều trị thiếu, đội ngũ cán bộ có chuyên môn ở xã vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân. Tình trạng thuốc chữa bệnh (theo chế độ miền núi) thực tế rất cần thiết nhưng vẫn để thừa, quá hạn do chưa biết sử dụng. Dịch bệnh hàng năm tuy giảm nhưng chưa chấm dứt.

Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình bước đầu được thực hiện, từng bước mở rộng. Việc tuyên truyền vận động đã mang lại hiệu quả khả quan. Hưởng ứng phong trào kế hoạch hoá gia đình, có 10/10 xã triển khai đem lại hiệu quả tốt. Quan niệm “đông con nhiều cháu” trong địa phương dần dần được xoá bỏ. Nhiều phụ nữ và nam giới trong độ tuổi sinh đẻ là người dân tộc thiểu số đăng ký dùng các biện pháp tránh thai, tự nguyện hạn chế sinh đẻ. Việc thông tin giáo dục truyền thông được đẩy mạnh, hầu hết các xã đều có cán bộ truyền thông về dân số kế hoạch hoá gia đình.

Việc giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách xã hội ngày càng được quan tâm hơn. Việc thực hiện chương trình “xoá đói giảm nghèo”, các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, chính sách giúp đỡ người tàn tật, cô đơn, không nơi nương tựa có những tiến bộ đáng kể.

Trong năm 1993, Nhà nước giải ngân cho các đối tượng chính sách vay vốn để phát triển sản xuất với số tiền là 2 tỷ 41.550.000 đồng, vận động đóng góp lập 20 sổ tiết kiệm tình nghĩa với số tiền 4 triệu đồng, xây dựng được 2 ngôi nhà tình nghĩa.

Năm 1994, cấp uỷ chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách đối với thương binh. gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, giúp đỡ người già, tàn tật, cô đơn không nơi nương tựa, học sinh nghèo vượt khó..., chăm lo chu đáo đời sống nhân dân những vùng bị thiên tai, mất mùa. Huyện đã tổ chức vận chuyển 18 tấn gạo cứu đói và gần 1.000 bộ quần áo cho nhân dân 3 xã vùng xa.

Thực hiện chủ trương “xoá đói giảm nghèo”, huyện đề nghị tỉnh duyệt cấp vốn giải quyết việc làm cho 10 dự án gồm 33 hộ với số vốn 132 triệu, mở một lớp dạy nghề cho học viên là con em dân tộc ở các xã.

Nhiều công trình phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày cho nhân dân được đầu tư xây dựng xuống các xã như đường giao thông, trường học, trạm y tế, điện nước... Công tác khuyến nông, khuyến lâm được tích cực chú ý. Từ sự ưu đãi về các nguồn vốn vay, người dân tập trung phát triển sản xuất, chăn nuôi có hiệu quả nên số hộ đủ ăn và khá giả tăng lên.

Huyện đã đầu tư 279.711.000 đồng để sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ, xây dựng mới đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ, quy tập 68 hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang. Tặng 6 nhà tình nghĩa và sổ tiết kiệm tình nghĩa. Ngoài ra, huyện đã xây cho nhân dân hàng trăm cái giếng và cứu trợ, cứu đói hàng chục tấn gạo, muối và quần áo cho nhân dân khi khó khăn hoạn nạn. Đồng bào các vùng bị thiên tai, hoả hoạn, thiếu đói được trợ giúp kịp thời. Trong 5 năm, huyện đã cứu trợ các vùng thiên tai 66 tấn gạo và 10 triệu đồng. Trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, các ngành và đoàn thể đã vận động quyên góp xây dựng 6 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí hơn 77 triệu 700 ngàn đồng và hàng chục sổ tiết kiệm.

Việc thực hiện chính sách định canh định cư gắn với giao đất, giao rừng thu được kết quả khá. Trong 5 năm, huyện hoàn thành định canh định cư ở 11 thôn với gần 800 hộ, hơn 3.600 khẩu ở các xã Tân Lập, Đăk Ruồng, Đăk Tờ Re, xã Hiếu, Đăk Kôi, Măng Cành, Ngọk Tem... Huyện quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với khai hoang, xây dựng ruộng nước, hỗ trợ cây giống. Tổng số vốn được Nhà nước đầu tư cho công tác định canh định cư là hơn 5 tỷ 455 triệu đồng.

Nhờ thực hiện tốt các chế độ chính sách, đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống, nhân dân an tâm xây dựng cuộc sống mới, tích cực hưởng ứng chủ trương định canh định cư của Đảng.

**IV. Giữ vững an ninh quốc phòng**

Những năm 1991-1995, tình hình thế giới biến động sâu sắc và phức tạp. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, đế quốc Mỹ và các thế lực phản động ra sức thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình và âm mưu bạo loạn, lật đổ, chống phá cách mạng, trong đó Việt Nam là một trong những mục tiêu hàng đầu.

Trên biên giới phía Tây, tình hình cũng có những diễn biến phức tạp, nhất là sau khi có giải pháp chính trị về Campuchia, các thế lực thù địch chống Việt Nam ở bên kia biên giới luôn tuyên truyền xuyên tạc, gây chia rẽ dân tộc. Bọn phản động người Việt Nam sống ở nước ngoài tìm mọi cách vượt qua biên giới móc nối với bọn phản động trong nội địa để tiến hành những hoạt động chống phá ta. Tình hình buôn lậu, trộm cắp tài sản nhà nước gia tăng, các loại văn hoá phẩm có nội dung phản động xâm nhập vào nước ta ngày càng nhiều, tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội gia tăng.

Thực hiện Nghị quyết 03 (khóa VII) của Ban Chấp hành Trung ương về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo, phân công các địa phương theo dõi nắm tình hình địch, xây dựng phương án phòng thủ; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu và nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng; tổ chức diễn tập phương án phòng thủ, chống bạo loạn, gây rối từ cơ sở đến huyện. Qua các đợt diễn tập, huyện đã rút kinh nghiệm để bồi dưỡng và nâng cao ý thức cảnh giác, trình độ chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành, các đơn vị, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống. Tiến hành truy quét bọn phản động, các ổ nhóm trộm cắp; triển khai thực hiện pháp lệnh dân quân tự vệ, thường xuyên chăm lo xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên đảm bảo số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng. Hàng năm tổ chức bồi dưỡng chính trị, quân sự cho cán bộ xã đội, nâng cao trình độ tổ chức chỉ huy, sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên. Công tác quốc phòng được tăng cường, đảm bảo duy trì tốt chế độ sẵn sàng chiến đấu. Trong điều kiện thời bình, lực lượng quân sự huyện không ngừng củng cố cả về quân số, chiến thuật chiến đấu cũng như nề nếp kỷ luật. Quân đội thường xuyên tổ chức luyện tập, phối hợp diễn tập PT 92, các phương án A, A2... Thành lập tiểu đoàn quân dự bị động viên đồng thời xây dựng và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ chiến đấu lực lượng dân quân tự vệ các xã, tích cực xây dựng thế trận lòng dân và chiến tranh nhân dân theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Huyện hoài thành tốt chỉ tiêu giao quân hàng năm, duy trì công tác hậu phương quân đội. Xác định giữ vững quốc phòng, an ninh là một nhiệm vụ trọng tâm trong việc bảo vệ nền chuyên chính vô sản, bảo vệ chế độ chính trị, ổn định để phát triển kinh tế, huyện thường xuyên chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang về mọi mặt. Đổi mới nhận thức của cán bộ chiến sĩ, đề ra những biện pháp đấu tranh phù hợp với tình hình. Nhiều vụ vi phạm, nhất là vi phạm về hoạt động tôn giáo đã được ngăn chặn.

Ngành công an tích cực triển khai Chỉ thị 135-CT ngày 14-5-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Công tác kiểm tra, tuần tra quản lý đối tượng, quản lý địa bàn được tiến hành thường xuyên, nhất là ở những địa bàn trọng điểm.

Công tác tuyên truyền ý thức cảnh giác bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai thường xuyên trong cán bộ và nhân dân, nhất là cảnh giác với âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Lực lượng công an phối hợp với các ngành nội chính và các đoàn thể nhân dân, tích cực vận động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Sự hiểu biết về pháp luật của nhân dân có nhiều tiến bộ. Các cơ sở chính trị, kinh tế trọng yếu được bảo vệ an toàn. Việc điều tra và phối hợp xử lý các vụ vi phạm được tiến hành nhanh và đúng quy định của pháp luật. Tỷ lệ phá án đạt 95%, tình hình phạm pháp giảm. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được các cấp, cácngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Các lực lượng đã phối hợp quản lý địa bàn, đấu tranh chống bọn tội phạm hình sự, chống các tệ nạn xã hội, kết hợp với đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tiến hành điều tra đưa ra xét xử nhiều vụ trọng án,... Nhờ thế tình hình trật tự xã hội có chuyển biến tốt, tệ nạn xã hội giảm bớt.

Trong những năm 1991-1995, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong huyện thực hiện nhiệm vụ xây dựng kinh tế kết hợp với tăng cường quốc phòng, không ngừng nâng cao cảnh giác, xây dựng các lực lượng vũ trang của huyện ngày càng trưởng thành một bước, đoàn kết, phối hợp với các lực lượng đứng trên địa bàn huyện thực hiện kế hoạch phòng thủ, sẵn sàng đánh bại âm mưu bạo loạn, lật đổ của địch, giữ gìn an ninh trật tự, giữ vững ổn định chính trị. Tuy vậy, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa sâu sắc, chưa thường xuyên nên một số bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng còn mơ hồ trước âm mưu, thủ đoạn diễn biến hoà bình của địch. Công tác quản lý trật tự, an toàn xã hội, quản lý kinh tế, quản lý tài nguyên đất, rừng... còn nhiều thiếu sót. Thực lực chính trị vũ trang ở cơ sở còn yếu cả chất lượng chính trị và trang bị kỹ thuật cần thiết cho các hoạt động.

**V. Tăng cơờng công tác xây dựng Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và vai trò của đoàn thể nhân dân**

**1. Về tăng cường công tác xây dựng Đảng**

Quán triệt sâu sắc quan điểm về đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nội bộ Đảng được tiến hành thường xuyên.

Trên cơ sở 4 nhiệm vụ chiến lược của huyện tại Nghị quyết Đại hội XII gắn với thực hiện chủ trương củng cố và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Đảng bộ huyện luôn xác định đẩy mạnh phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, củng cố xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Với phương châm đó, qua 18 lần hội nghị, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã đề ra chương trình hành động nhằm cụ thể hoá một cách hiệu quả chủ trương của Đảng vào cuộc sống.

Việc phổ biến Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Trung ương 8, Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị và chủ trương của Đảng sau khi Mỹ bình thường hoá quan hệ với Việt Nam, Việt Nam gia nhập ASEAN… được tổ chức chặt chẽ bằng nhiều hình thức thích hợp từ huyện đến xã, thôn. Qua học tập, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nhất trí rất cao với chủ trương đổi mới của Đảng, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện trong việc triển khai các chủ trương lớn nhằm đạt 4 mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đề ra.

Xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt ca ý nghĩa quyết định đến sự nghiệp cách mạng, Đảng bộ huyện quán triệt giáo dục cán bộ, đảng viên nắm một cách hệ thống các Nghị quyết của Đảng, quan điểm và mục tiêu phấn cấu của Đảng từ đó nâng cao nhận thức, tăng cường sự đoàn kế thống nhất trong Đảng.

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII, tháng 6-1992) về củng cố và chỉnh đốn Đảng, năm 1992-1993, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo việc củng cố hệ thống tổ chức đảng, thành lập các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể nhân dân làm tốt việc chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng. Đảng bộ đã đề ra được nhiều chủ trương, biện pháp phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn huyện.

Công tác phát triển Đảng và quy hoạch đào tạo cán bộ được chú ý. Cán bộ, đảng viên và nhân dân giữ vững lập trường kiên định, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy tính năng động sáng tạo của Đảng và quần chúng trong sự nghiệp đổi mới.

Đảng bộ xác định việc củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức Đảng từ huyện đến cơ sở là một yếu tố có tầm quan trọng đặc biệt trong các hoạt động của Đảng. Hầu hết các tổ chức cơ sở Đảng đều chấp hành và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, xây dựng được chương trình hành động gắn chặt với nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương cũng như của từng ngành. Thành tích quan trọng trong công tác xây dựng Đảng thời gian này là vai trò lãnh đạo của tất cả các tổ chức cơ sở đảng được phát huy. Chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên có chuyển biến rõ rệt. Qua phân tích chất lượng hàng năm cho thấy tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng loại “trong sạch vững mạnh” hàng năm tăng dần, nếu năm 1992, số tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt 11% thì năm 1995 là 35%, số yếu kém chỉ còn một tổ chức cơ sở. Số lượng đảng viên tiền phong gương mẫu phát huy tác dụng tốt chiếm phần lớn trong đội ngũ đảng viên; năm 1995 đạt 80% (tăng 21% so với năm 1993) số đảng viên vi phạm giảm nhiều, chỉ còn 12% (1995). Xu thế đảng viên đạt tiền phong gương mẫu và tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ngày một tăng đã đánh dấu bước tiến lớn của Đảng bộ, đồng thời thể hiện sự tăng cường về chất trong Đảng

Công tác tổ chức và cán bộ thực sự có tác dụng thiết thực, bảo đảm được tính kế thừa và tính liên tục của Đảng. Việc quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí cán bộ có khoa học hơn.

Công tác rà soát, sắp xếp bố trí đội ngũ trong hệ thống chính trị đã mang lại kết quả thiết thực. Cấp uỷ và cơ quan chính quyền các cấp cũng như đoàn thể từ huyện đến cơ sở đều ổn định về số lượng, năng lực lãnh đạo, phẩm chất chính trị và chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo tốt hơn. Trong 5 năm, huyện đã đề bạt, bổ nhiệm 56 đồng chí giữ cương vị chủ chốt ở các cấp.

Quy hoạch đào tạo nguồn cán bộ kế cận được Đảng bộ quan tâm chú trọng, đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp đều có định hướng quy hoạch và thực hiện tốt phương châm gắn quy hoạch với đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ nữ, cán bộ chủ chốt ở cơ sở và đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số. Từ năm 1992 đến 1995, cấp uỷ đã đưa đi đào tạo 76 đồng chí cán bộ các cấp, trong đó có 33 đồng chí được đào tạo theo hệ thống các trường chính trị (sơ, trung, cao cấp) bằng cả hai hình thức tại chức và tập trung, 43 đồng chí được đào tạo

theo các chuyên ngành khoa học kỹ thuật trung cấp và đại học. Ngoài ra, hàng năm huyện còn mở thêm các lớp ngắn hạn giáo dục chính trị phổ thông và bồi dưỡng lý luận chính trị cơ bản cho đảng viên chưa có điều kiện đi học các lớp hệ chính quy và số đối tượng kết nạp Đảng với 554 đồng chí.

Đi đôi với công tác tổ chức và công tác cán bộ, việc phát triển đảng viên mới được cấp uỷ các cấp quan tâm nhiều, đặc biệt là từ khi có Chỉ thị 08-CT/TU của Tỉnh uỷ, lĩnh vực này được quan tâm một cách triệt để. Từ đầu nhiệm kỳ XII, Đảng bộ đã kết nạp 78 đồng chí. Số đảng viên kết nạp thời gian qua 100% là lực lượng trẻ và đều có năng lực quản lý lãnh đạo, có trình độ văn hoá đáp ứng được với tình hình; chiếm được lòng tin của quần chúng ở cơ sở, tỷ lệ người dân tộc thiểu số ngày càng đông. Đặc biệt nét mới những năm qua là đã đưa được một số nhân tố tốt là tín đồ tôn giáo vào Đảng. Những nét đặc trưng trên đã góp phần làm tăng thêm chất lượng và sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Đồng thời cũng đánh dấu một bước chuyển biến lớn trong công tác xây dựng Đảng.

Năm 1995, Huyện uỷ thành lập các tiểu ban chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII, chỉ đạo triển khai Chỉ thị 51-CT/TW, Thông tri 09/TW của Ban Bí thư về Đại hội các tổ chức cơ sở đảng. Việc tổng kết Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về củng cố và chỉnh đốn Đảng đã tiến hành xong ở 100% tổ chức cơ sở Đảng. Trong 5 năm toàn Đảng bộ tăng cường công tác đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Về lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ coi trọng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất, đời sống, xây dựng mô hình kinh tế hộ vùng cao; cải cách các thủ tục hành chính, đẩy mạnh đầu tư và phát động nhân dân xoá đói giảm nghèo, xây dựng mô hình nông thôn mới.

Về phương thức và phong cách lãnh đạo của Đảng bộ huyện, trước hết là Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Huyện ủy có nhiều đổi mới theo hướng dân chủ tập thể, đúng nguyên tắc, bám sát thực tế, bảo đảm vừa phát huy vai trò chủ động của các cấp các ngành, các đoàn thể nhân dân.

**2. Hệ thống chính quyền các cấp được kiện toàn và hoạt động có chất lượng**

Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp đảm bảo việc chấp hành lề lối và quy chế hoạt động, nhận thức rõ chức năng nhiệm vụ trong quản lý điều hành.Việc kiểm điểm đánh giá chất lượng hoạt động được tiến hành thường xuyên qua các kỳ họp, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước “của dân, do dân và vì dân”.

Các cấp chính quyền đã được kiện toàn và củng cố một bước thông qua cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ngày 20-11-1994. Bằng việc “đổi mới và chỉnh đốn Đảng” chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên rõ rệt, các nghị quyết đặt ra cơ bản sát hợp với tình hình, giải quyết được nhiều vấn đề bức xúc ở địa phương. Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được duy trì và đổi mới, mỗi cấp đều nhận rõ chức năng nhiệm vụ của mình, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý điều hành. Việc kiểm điểm đánh giá chất lượng hoạt động tiến hành thường xuyên qua các kỳ họp. Từ cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp năm 1994 cho thấy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thực sự được phát huy, chính quyền được bầu ra thực sự là “của dân, do dân và vì dân”.

Hiệu lực quản lý nhà nước của Uỷ ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới tiến bộ, nhất là trong quản lý điều hành. Công tác chỉ đạo thực hiện pháp luật ngày càng có hiệu quả, quan hệ giữa Đảng, chính quyền thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.

**3. Về nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng và công tác xây dựng Mặt trận, đoàn thể**

Công tác vận động quần chúng được cấp uỷ coi là nhiệm vụ chiến lược cơ bản, lâu dài và thường xuyên, nhằm mục đích giáo dục, thuyết phục nhân dân thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng. Đảng bộ đã tăng cường chỉ đạo Mặt trận, các đoàn thể và chính quyền các cấp, đổi mới nội dung và hình thức vận động quần chúng. Đảng bộ luôn luôn quan tâm lãnh đạo đổi mới hoạt động của các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Các cấp uỷ đảng đã chỉ đạo ban chấp hành các đoàn thể và Uỷ ban Mặt trận các cấp tổ chức học tập và bằng các hình thức tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội, pháp luật và các quyết định của Nhà nước, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng bộ, các nghị quyết của Huyện uỷ.. nhằm không ngừng nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về tình hình và nhiệm vụ xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; phát huy những thành tựu đổi mới nhằm củng cố lòng tin của quần chúng đối với chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, khắc phục tư tưởng bi quan dao động, hoài nghi, thiếu tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường xã hội chủ nghĩa. Xây dựng, củng cố các đoàn thể vững mạnh, tổ chức và động viên quần chúng hành động cách mạng, thực hiện mọi nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tăng cường an ninh, quốc phòng, chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của địch, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể có nhiều cố gắng trong đổi mới hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động trong công tác vận động quần chúng.

Là những tổ chức chính trị của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp đẩy mạnh củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Mặt trận và các đoàn thể luôn luôn đi sát và nắm chắc địa bàn, đa dạng hoá các hình thức và nội dung hoạt động. Coi trọng công tác tập hợp quần chúng, mở rộng các hoạt động xã hội, gắn chăm lo bảo vệ lợi ích thiết thực của quần chúng với việc động viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị. Đã tổ chức phát động nhiều phong trào có ý nghĩa thiết thực như: toàn dân báo công lập sổ vàng truyền thống cách mạng; đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, khơi dậy tinh thần tương thân tương ái trong nhân dân; vận động ủng hộ Cu ba và đồng bào các vùng bị thiên tai; quyên góp xây dựng nhà tình nghĩa, động viên thăm hỏi các gia đình chính sách và làm tốt chính sách hậu phương quân đội... Đặc biệt, hưởng ứng chủ trương “xoá đói, giảm nghèo” nhiều đoàn thể hướng dẫn nhân dân xây dựng các dự án vay vốn để phát triển sản xuất, giúp nhau làm giàu và lập nghiệp tạo thêm nguồn thu đảm bảo cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của hội viên. Những việc làm đó thực sự thu hút các hội viên, đoàn viên gắn chặt với tổ chức hội.

Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã xác định trọng tâm hoạt động là địa bàn dân cư, đến nhóm hộ gia đình, mở rộng mạng lưới Mặt trận xuống tận thôn làng. Mặt trận đã kịp thời nắm bắt các chủ trương để vận động tuyên truyền. Đến năm 1995, toàn huyện có 10 Uỷ ban Mặt trận xã, 168 Ban Mặt trận khu dân cư và 168 tổ phụ lão, 10 Ban Thanh tra nhân dân, đây là mạng lưới mặt trận là nơi đưa tiếng nói của Đảng xuống tận nhân dân và mang tâm tư nguyện vọng của nhân dân đến với Đảng. Mặt trận là nơi để dân đặt lòng tin, là nơi hoà giải và vận động nhân dân trên địa bàn dân cư.

Mặt trận đã phối hợp với các tổ chức thành viên và các ngành liên quan, vận động nhân dân định canh định cư xây dựng thôn làng, xây dựng nếp sống văn hoá mới, xoá đói giảm nghèo v.v... Mặt trận tổ chức tốt các cuộc hiệp thương bầu cử

Hội đồng nhân dân các cấp và phối hợp tổ chức tốt cuộc bầu cử. Mặt trận tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri tạo điều kiện cho đại biểu Hội đồng nhân dân làm tròn nhiệm vụ của cơ quan dân cử, là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Với chức năng là cơ quan vận động, Mặt trận thực sự là chỗ dựa cho dân, là cầu nối giữa dân và Đảng. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều cố gắng trong việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động. Mặt trận và các đoàn thể đi sát địa bàn dân cư, đa dạng hoá các hình thức hoạt động, coi trọng việc tập hợp quần chúng, mở rộng hoạt động xã hội, gắn với việc chăm lo và bảo vệ lợi ích thiết thực của giai cấp với việc động viên thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Việc xây dựng cơ sở đã được các đoàn thể chú ý, sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể. Việc vận động nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội, chấp hành pháp luật được tăng cường hơn so với nhiều năm trước.

Nhân các ngày lễ, Mặt trận, đoàn thể tổ chức thăm viếng và tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng còn khó khăn, học sinh nghèo vượt khó... Thường xuyên tổ chức thăm hỏi bộ đội tại ngũ, động viên thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, thực hiện đoàn kết tương trợ, hỗ trợ đối với các hội viên, đoàn viên có nhiều khó khăn về kinh tế. Động viên mọi tầng lớp nhân dân quan tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo.

Các tổ chức đoàn thể đã có nhiều phương thức hoạt động, nội dung và chất lượng hoạt động vì thế từng bước được nâng lên. Một số tổ chức đoàn thể chủ động xây dựng các chương trình hoạt động với chủ đề phù hợp với sự nghiệp chính trị của Đảng. Hội Phụ nữ làm tốt chính sách hậu phương quân đội, Đoàn thanh niên vận động quyên góp ủng hộ tuổi trẻ Cu Ba. Liên đoàn Lao động phối hợp với Phòng tổ chức lao động thương binh và xã hội vận động quyên góp lập 20 sổ tình nghĩa.

Mặt trận Tổ quốc đã tổ chức phối hợp hoạt động của các tổ chức thành viên, tuyên truyền giải thích đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, tuyên truyền những thành tựu của công cuộc đổi mới, nâng cao nhận thức và niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Động viên nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường an ninh, quốc phòng, chăm lo đời sống nhân dân. Uỷ ban Mặt trận các cấp đã tổ chức nhiều cuộc toạ đàm giữa cán bộ Mặt trận với các chức sắc tôn giáo về nội dung Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc, tăng cường Mặt trận thống nhất và Nghị định 69 của Chính phủ về hoạt động tôn giáo. Kết quả của các cuộc toạ đàm đó đã góp phần nâng cao nhận thức về chính sách đại đoàn kết và chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng, tăng cường đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết lương - giáo, chống lại mọi âm mưu xuyên tạc chia rẽ của bọn phản động lợi dụng tôn giáo.

Công tác củng cố kiện toàn các cơ sở được Mặt trận và các đoàn thể quan tâm. Với chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất nêu tại Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị, các tổ chức đoàn thể đã hiểu sâu sắc vai trò quan trọng của công tác vận động nhân dân trong tình hình hiện nay. Vì vậy, việc xây dựng cơ sở được quan tâm: 100% các tổ chức từ huyện đến xã, thôn được kiện toàn. Đến năm 1995, toàn huyện đã xây dựng 106 tổ dân cư, 165 tổ hoà giải, hoạt động của các tổ đảm bảo về chất lượng. Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức quần chúng trong vận động nhân dân xây dựng chính quyền chấp hành luật pháp và các chính sách kinh tế xã hội được tăng cường. Nhờ đó, nhiều phong trào được khơi dậy, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cô.

Đoàn thanh niên qua 5 năm thực hiện Nghị quyết 8B/TW, kết hợp với Nghị quyết 04 của Ban Tổ chức, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Đoàn, Đoàn đã nỗ lực vươn lên củng cố tổ chức từ huyện đến xã. Đến 1995, có 25 tổ chức cơ sở Đoàn, 06 tổ chức cơ sở đội và 10 Uỷ ban thanh niên với 658 đội viên và 3.573 thành viên và 2099 hội viên. Qua 5 năm Đoàn đã xây dựng được 8 làng thanh niên.

Trong phong trào tuổi trẻ giữ nước, Đoàn đã có 268 thanh niên lên đường nhập ngũ. Với phong trào thanh niên lập nghiệp, đoàn đã lập dự án cho 14 thanh niên vay vốn với tổng số vốn là 70 triệu đồng. Ngoài ra đoàn đã tặng quỹ học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, tặng quà Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Thanh niên đã thực sự vươn lên và đi đầu trong mọi mặt, tham gia nghĩa vụ quân sự và sẵn sàng chiến đấu. Đoàn đã cùng các ngành đoàn thể thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, ngoài ra Đoàn còn tổ chức các chủ trương chính sách xuống tận cơ sở hội viên và đoàn viên.

Hội Liên hiệp phụ nữ: Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết 8B/TW và thực hiện Nghị quyết 04/BCT, hội đã vượt mọi khó khăn, từng bước củng cố tổ chức hội từ huyện đến cơ sở. Đến năm 1995, có 10/10 xã với 123 chi bộ và 3.404 hội viên. Hội vận động chị em hưởng ứng các cuộc vận động như nuôi con khoẻ dạy con ngoan, không để trẻ em suy dinh dưỡng, trẻ em bỏ học, xoá mù chữ, chị em giúp nhau làm kinh tế gia đình. Có 167 chị được giúp với số vốn là hơn 4 triệu đồng, cho vay vốn giải quyết việc làm là 20 triệu cho 20 chị. Vận động chị em thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Hội đã làm tốt chức năng tham gia xây dựng chính quyền, tổ chức tốt công tác hậu phương quân đội như động viên và tặng quà cho các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, tặng quà và thăm hỏi đơn vị bộ đội biên phòng kết nghĩa. Ngoài ra, hội đã động viên hội viên tặng sổ tình nghĩa, tặng quà bà mẹ Việt Nam anh hùng, cùng các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Hội nông dân đã vận động và tuyên truyền cho hội viên hưởng ứng phong trào sản xuất giỏi. Qua 5 năm, có 30 hộ nông dân sản xuất giỏi. Trong công tác vận động nhân dân định canh định cư, đến nay đã có 475 hộ định cư ổn định và rải đều trên các tuyến đường liên xã, liên tỉnh, cuộc sống ngày càng khá lên. Hội vận động nông dân tham gia và hưởng ứng phong trào xoá đói giảm nghèo bằng nhiều nguồn vốn; vận động nhân dân giao đất khoán rừng, chăn nuôi, xoá bỏ dần nạn phát rừng làm rẫy. Đến 1995, toàn huyện có 1.030 ha diện tích ruộng, 1.048 ha nà thổ, diện tích rẫy toàn huyện giảm dân.

Hội Cựu chiến binh mới thành lập từ năm 1992, song nắm bắt tình hình và hoạt động có hiệu quả. Hội tổ chức xây dựng cơ sở từ xã đến thôn làng, đã có 10/10 xã có tổ chức hội, 46 phân hội với 550 hội viên. Đến nay, hội đã cấp thẻ cho 326 hội viên. Vận động hội viên phát huy truyền thống cách mạng, góp phần ổn định khối đại đoàn kết, trật tự an ninh, vận động con cháu lên đường làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Hội Chữ thập đỏ là tổ chức nhân đạo từ thiện, hội đã nỗ lực vươn lên xây dựng mạng lưới về tổ chức ở cơ sở. Đến năm 1995 có 9/10 cơ sở hội với 5.715 hội viên, hội đã tiếp nhận hàng từ tỉnh về, cấp xuống tận cơ sở kịp thời giải quyết rủi ro thiệt hại trong nhân dân. Ngoài việc cấp hàng viện trợ, hội đã tổ chức vận động hội viên tự nguyện giúp nhau cả vật chất và ngày công khi khó khăn.

Liên đoàn Lao động huyện qua 5 năm thực hiện nhiệm vụ đã tổ chức củng cố được các tổ chức công đoàn trực thuộc. Công đoàn đã vận động đoàn viên chấp hành tốt các chủ trương chính sách và Luật Lao động. Công đoàn các cấp tham gia trong công tác xây dựng chính quyền, bảo vệ quyền lợi cho cán bộ, đoàn viên trong việc nâng lương, giải quyết việc làm. Ngoài ra, công đoàn làm tốt công tác xã hội như vận động đoàn viên tham gia vào các phong trào: vận động ủng hộ nhân dân Cu Ba và nhân dân các vùng khó khăn, bão lụt. Công đoàn đã cứu trợ, trợ cấp kịp thời cho cán bộ, đoàn viên đang khó khăn và hoạn nạn.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết 08/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Mặt trận và đoàn thể đã tự nỗ lực vươn lên xác định rõ vị trí, chức năng của mình để thực sự đổi mới phương thức và nội dung hoạt động. Đảng đã có chủ trương thực sự sát lòng dân, chính quyền và các ngành đoàn thể đã phối hợp đồng bộ triển khai kịp thời các chỉ thị, nghị quyết xây dựng huyện nhà ngày càng lớn mạnh.

\*

Nhìn chung, sau 5 năm (1991-1995) trên con đường đổi mới và phát triển, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã phấn đấu tạo sự phát triển mới trong nền kinh tế. Nhờ đường lối đúng đắn của Đảng với sự cố gắng của toàn Đảng bộ, toàn dân, cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII, Huyện đã đạt được những kết quả đáng kể.

Bộ mặt nông thôn đã thay đổi rõ rệt, cơ chế quản lý làm chuyển hoá từ nền kinh tế thuần nông, sản xuất nhỏ, chủ yếu là tự cấp, tự túc, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá. Xác định cơ cấu cây con cho từng tiểu vùng. Coi trọng và đẩy mạnh công tác định canh định cư gắn với giao đất khoán rừng, cải tạo và khai thác được nhiều diện tích nà, thổ và ruộng nước hai vụ, hạn chế phần lớn tình trạng du canh du cư và phá rừng làm rẫy. Bước đầu phát triển được mô hình kinh tế hộ. Các công trình thuỷ lợi thường xuyên được bảo dưỡng duy tu và xây dựng mới, phát huy tốt tác dụng trong nông nghiệp. Hệ thống giao thông, điện, nước được quan tâm đầu tư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng từng bước được cải thiện, mức sống không ngừng tăng lên. Tình trạng đói, đau, lạt, rách... không còn là những bức xúc lớn. Nhu cầu về đời sống tinh thần cho nhân dân được đáp ứng cơ bản, bản sắc văn hoá truyền thống được duy trì và phát huy. Hệ thống thông tin liên lạc từng bước được trang bị hiện đại. An ninh quốc phòng được củng cố và xây dựng ngày càng vững chắc. Giải quyết được những vấn đề quan trọng, chặn đứng các hiện tượng tiêu cực góp phần làm trong sạch địa bàn.

Công cuộc đổi mới và chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy. Chất lượng hoạt động của Đảng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Hoạt động của hệ thống chính quyền có nhiều tiến bộ. Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố một bước, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng thực sự được khơi dậy.

Những kết quả đạt được trong 5 năm có ý nghĩa rất quan trọng, là tiền đề quyết định sự thắng lợi những mục tiêu nhiệm vụ của giai đoạn 1996-2000.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song với quyết tâm cao của Đảng bộ và nhân dân, huyện đã giành được những thành tích đáng kể, vấn đề chủ yếu là giữ vững sự ổn định về chính trị, kinh tế có tốc độ tăng trưởng hàng năm, đời sống nhân dân được cải thiện từng bước, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Qua 5 năm Đảng bộ đã hoàn thành cơ bản những mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XII đề ra. Những kết quả đó sẽ là tiền đề cho những bước phát triển mới của huyện.

**Chương XII**

**LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI**

**CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GIAI ĐOẠN (1996-2002)**

**I. Đổi mới toàn diện quê hương theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá** **(1996-2000)**

**1. Đảng bộ quán triệt đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

Sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (6-1991), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X (5-1992) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII (01-1992), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Kon Plông đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, từng bước khắc phục khó khăn và đạt được những thành tựu quan trọng.

Kinh tế-xã hội của huyện đã có bước phát triển và đi vào thế ổn định. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa về cơ bản đã đạt kết quả, đời sống nhân dân được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể được tăng cường và có nhiều tiến bộ. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, chính trị ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, huyện vẫn còn nhiều khó khăn: trình độ sản xuất của nhân dân còn thấp, mang nặng tính tự cấp, tự túc; quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn diễn ra chậm; rừng và đất rừng ở nhiều nơi chưa được khai thác và quản lý hợp lý gây thất thoát tài nguyên; nền kinh tế nhiều

thành phần đã hình thành nhưng chưa ổn định, hiệu quả còn thấp. Kinh tế thị trường tác động không nhỏ đến đời sống xã hội, làm cho sự phân tầng xã hội ngày một rõ nét. Các biện pháp xóa đói giảm nghèo chưa mạnh. Số hộ đói và nghèo của toàn huyện vẫn còn chiếm tỷ lệ cao (71%). Chất lượng giáo dục thấp, đội ngũ cán bộ còn thiếu, yếu chưa đáp ứng được yêu cầu. Hoạt động của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chưa hiệu quả. Công tác quân sự địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân nhận thức chưa sâu sắc.

Để phát huy thuận lợi, tìm ra những giải pháp khắc phục khó khăn, từ ngày 03 đến ngày 05-02-1996, Đảng bộ huyện Kon Plông tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XIII tại Nhà văn hoá huyện. Dự Đại hội có 104 đại biểu chính thức, 40 đại biểu mời đại diện cho 707 đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện. Đại hội đã thảo luận, góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, dự thảo báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và nghiên cứu, thảo luận Báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XII.

Xuất phát từ chủ trương chiến lược và đường lối phát triển kinh tế của Đảng đến năm 2000, phương hướng, nhiệm vụ chung của tỉnh và điều kiện cụ thể của huyện, Đại hội xác định mục tiêu chiến lược của huyện đến năm 2000 là: đẩy mạnh định canh, định cư, phát triển kinh tế hộ, mở rộng khai thác ruộng nước hai vụ gắn với xây dựng vườn cây công nghiệp và sản xuất hàng hoá đi đôi với phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, đồng thời chú ý tiềm năng du lịch; tích cực làm mới, nâng cấp và duy trì thông suốt hệ thống giao thông liên xã, liên thôn đáp ứng yêu cầu giao lưu trong điều kiện kinh tế thị trường và phục vụ công tác lãnh đạo của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh gắn với tăng cường phát triển đảng viên mới và đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực, bố trí khoa học đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp; đảm bảo vững chắc an ninh - quốc phòng; phấn đấu không còn đói, rách, không còn trẻ thất học; giảm đến mức thấp nhất các dịch bệnh trên cơ sở tăng cường thực hiện các chương trình quốc gia về chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

Từ mục tiêu chiến lược, Đại hội đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 1996 - 2000:

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế theo nhịp độ tăng trưởng hàng năm.

- Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo từng tiểu vùng sinh thái, xây dựng đề án tổng quan theo từng vùng, gắn phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp với phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Chuyển hẳn cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang lâm - nông - công nghiệp và dịch vụ.

- Chú trọng trồng rừng, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái, chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng như giao thông nông thôn, thủy lợi, thủy điện, trường học, trạm xá, cầu cống.

- Tiếp tục xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng, mở rộng hình thức kinh tế tập thể (theo nhóm hộ) trong nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, phát triển mạnh kinh tế gia đình.

- Đổi mới và phát triển hệ thống giáo dục, coi trọng chất lượng đào tạo. Tích cực chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tiếp tục xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ. Giải quyết các chính sách xã hội, tôn trọng tự do tín ngưỡng của mọi tầng lớp nhân dân.

- Củng cố vững chắc an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh xây dựng phòng tuyến an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ở các xã vững mạnh.

- Phát huy quyền làm chủ XHCN, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng. Tiếp tục thực hiện củng cố và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2000: toàn huyện phải hoàn chỉnh định canh định cư, phấn đấu mỗi năm tiếp nhận 200 hộ kinh tế mới; Dân số đạt mức 30.000-33.000 người; Phấn đấu đến năm 2000 thu nhập bình quân đầu người hàng năm đạt từ 200 đến 220 USD/người/năm; Diện tích gieo trồng nông nghiệp đạt 12.000 ha (trong đó cây lương thực 5000 ha, diện tích lúa nước 1.800 ha, diện tích hoa màu 2.000 ha, diện tích cây công nghiệp 5.000 ha); tổng sản lượng lương thực đạt từ 12.000 đến 16.000 tấn, bình quân lương thực đầu người từ 350 đến 400 kg/người/năm; chú trọng phát triển chăn nuôi, tăng đàn gia súc lên 52.000 con vào năm 2000; đẩy mạnh trồng rừng đạt bình quân 600 ha/năm. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế hằng năm bình quân 10% đến 15%.

Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư xây dựng, đảm bảo đến năm 2000 các xã đều có đường xe ô tô đi được, trong đó 70% số xã xe đi được cả hai mùa. Phát triển hệ thống điện quốc gia xuống các vùng có điều kiện, trước mắt là các địa bàn lân cận Huyện lỵ. Phát triển thủy điện vừa và nhỏ xuống các xã vùng sâu vùng xa (từ nay đến năm 2000 phải xây dựng được ít nhất 20 máy thuỷ điện nhỏ và cực nhỏ). Chú trọng công tác thủy lợi, gắn thủy lợi với phát triển thủy điện và mở rộng diện tích đất nông nghiệp. Phấn đấu xóa mù chữ trong độ tuổi (từ 15 đến 35) đạt 80%; phổ cập giáo dục tiểu học đạt 100%; chú trọng công tác thông tin văn hóa, y tế. Phấn đấu đến năm 2000, phải phủ sóng truyền thanh tới 100% số xã, 60% số hộ được phủ sóng truyền hình, 40% số hộ còn lại được hưởng thụ phim ảnh qua các đội vi đi ô lưu động.

Quyết tâm củng cố vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và chiến lược chiến tranh nhân dân vững chắc. Không ngừng củng cố và phát triển lực lượng quân dự bị động viên một cách có hệ thống và khoa học, công tác tuyển quân hàng năm phải đạt 100%. Đẩy mạnh hoạt động của bộ máy chính quyền từ huyện đến xã; tích cực đổi mới hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng.

Tăng cường củng cố, chỉnh đốn Đảng, đến năm 2000 có 100% tổ chức cơ sở Đảng xếp loại khá trở lên, trong đó có 60% đạt loại trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên đủ tư cách, trong đó có 95% tiền phong gương mẫu, phấn đấu kết nạp 100 đến 130 đảng viên mới.

Để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ trên, Đại hội đề ra nhiều biện pháp cụ thể, trước mắt và lâu dài ở từng ngành, từng lĩnh vực cho toàn Đảng, toàn dân trong huyện triển khai thực hiện.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ Huyện khóa XIII gồm 29 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 09 đồng chí. Đồng chí Trần Bình Trọng được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Các đồng chí: Võ Minh Chánh, Đinh Văn Phần được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Đại hội bầu 21 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

Thành công của Đại hội Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ XIII đã mở ra một bước phát triển mới, tạo ra niềm phấn khởi cho Đảng bộ và nhân dân huyện nhà bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Xác định phương hướng, nhiệm vụ chung cho toàn tỉnh trong giai đoạn 1996-2000, Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh tháng 5-1996 chỉ rõ: "Động viên toàn Đảng bộ, quân dân trong tỉnh nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, cần kiệm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện cải cách bộ máy hành chính Nhà nước. Chăm lo đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân, phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh” .

Đại hội cũng đề ra mục tiêu chung và cụ thể cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chặng đường tiếp theo là cần phải tập trung nguồn lực, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, đưa công cuộc đổi mới phát triển toàn diện và đồng bộ hơn; phát triển nông lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả và phát triển chăn nuôi để đáp ứng yêu cầu của công nghiệp chế biến và thị trường; từng bước thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa ở những nơi có điều kiện, hướng vào phục vụ cho sản xuất nông - lâm nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội và an ninh quốc phòng; giữ vững ổn định chính trị và mục tiêu xã hội chủ nghĩa, tạo chuyển biến căn bản trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng; tiếp tục cải cách hành chính; mở rộng dân chủ, củng cố và tăng cường trật tự kỷ cương trong xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và công bằng xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (từ ngày 26-6 đến ngày 01-7-1996) tiến hành tổng kết 10 năm đổi mới và khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Đại hội xác định “Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại; cơ cấu kinh tế hợp lý; quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; đời sống vật chất và tinh thần cao; quốc phòng an ninh vững chắc; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội” . Đại hội cũng đã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong những năm 1996 - 2000 là đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng chuyển đất nước ta sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng bộ Tỉnh và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ huyện, Đảng bộ và chính quyền huyện tập trung chỉ đạo, khai thác mọi nguồn lực thế mạnh, tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**2. Lãnh đạo quân dân phát huy nội lực, phát triển kinh tế**

Đảng bộ Huyện chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01- NQ/TU Quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 1 khóa VIII), Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum khóa XI đã họp các hội nghị 2, 3, 4 để xác định chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm 1996 - 2000.

Trên cơ sở các nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng và của tỉnh, Tỉnh ủy lãnh chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai nhiều chủ trương, dự án phát triển kinh tế. Trước hết, tỉnh tăng cường chỉ đạo và xây dựng cơ sở, từng bước đưa vùng sâu, vùng xa phát triển toàn diện.

Ngày 25-5-1996, Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ hai (khóa XI) họp, đề ra Nghị quyết số 01-NQ/TU "về việc tiếp tục xây dựng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế mới khó khăn" trên cơ sở Chỉ thị số 10-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ (khoá X) về xây dựng các xã vùng cao, vùng biên giới nhằm tập trung mọi nguồn lực làm chuyển biến mạnh hơn nữa về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở làm cho mối quan hệ giữa các cơ quan ở tỉnh, huyện với cơ sở được sâu sát hơn, tạo mối quan hệ sâu sắc gắn bó hơn giữa dân với Đảng, tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản có ý nghĩa chiến lược đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh, thu hẹp dần sự chênh lệch trên tất cả các mặt chứ không nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách giải pháp tình thế.

Quán triệt sâu sắc tầm quan trọng của Nghị quyết số 01-NQ/TU, Đảng bộ huyện xác định đây là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện. Thực hiện thắng lợi Nghị quyết 01-NQ/TU là yếu tố cơ bản quyết định sự thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII.

Tình hình thực tế của Huyện còn rất nhiều khó khăn: nền kinh tế chậm phát triển và vẫn còn tình trạng sản xuất tự cấp tự túc, trong đó nông nghiệp là chủ yếu. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa mới định hình bước đầu, việc xây dựng mô hình kinh tế hộ còn ở diện hẹp và chưa có hiệu quả. Đời sống của đại bộ phận nhân dân, đặc biệt là nhân dân ở các xã vùng xâu, vùng xa, vùng kinh tế mới còn hết sức khó khăn; có tới 4.842 hộ/5.457 hộ thuộc diện đói nghèo, chiếm tỷ lệ 88% tổng số hộ trong toàn huyện, thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp: 133 USD/người/năm.

Cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn, có 3/10 xã chưa có đường ô tô, toàn huyện chỉ có 2 xã có điện lưới quốc gia và được phủ sóng truyền hình. Hệ thống trường học, trạm y tế còn sơ sài, chưa được đầu tư xây dựng đúng mức. Trình độ dân trí thấp, tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi còn chiếm tỷ lệ lớn. Việc đáp ứng các nhu cầu về tinh thần và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân còn yếu. Địa hình đồi dốc, thời tiết diễn biến phức tạp đã gây khó khăn rất lớn cho sản xuất và đời sống của nhân dân. Dân cư phân tán rải rác nên việc triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chỉ đạo cơ sở gặp không ít khó khăn.

Để lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, từng bước xây dựng huyện phát triển vững mạnh, rút ngắn khoảng cách giữa các vùng, phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh", ngay sau khi có sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, huyện Kon Plông đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, cùng với 12 đoàn cán bộ phụ trách xã giúp các xã thực hiện những chương trình mà Nghị quyết 01-NQ/TU đề ra. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ tập trung đôn đốc các cấp, các ngành, các đơn vị ở tỉnh nhận đỡ đầu xã phối hợp chặt chẽ thường xuyên bám sát cơ sở nắm tình hình, kiểm tra xác lập dự án phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đúng 4 nội dung cơ bản của Nghị quyết 01-NQ/TU, trọng tâm là đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp theo Nghị quyết 02-NQ/HU gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Đồng thời các đơn vị đỡ đầu xã cũng chỉ đạo nhân dân triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Đảng bộ tỉnh, Huyện một cách đồng bộ, có hiệu quả. Sau 01 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, tình hình kinh tế - xã hội của các xã trong huyên đã có chuyển biến rõ nét, nhất là 02 xã Đăk Côi và Đăk Tờ Re.

Trong 3 năm (1996-1999), kinh tế có bước phát triển lớn, các xã đã tích cực chăm lo sản xuất, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế.

Về nông nghiệp, chăn nuôi: Tính đến năm 1999, tổng diện tích gieo trồng trong toàn huyện đạt 4.848,5 ha, tăng 654.9 ha so với năm 1996 (trong đó, 3.993 ha cây lương thực. 1.620 ha cây màu, 96 ha cây thực phẩm); diện tích cây lâu năm (cà phê, chè, bời lời, đào, cây ăn quả, cao su) là 661,7 ha tăng 394,9 ha so với năm 1996; tổng đàn gia súc trong toàn huyện là 28.166 con, tăng 8.166 con so với năm 1996; toàn huyện đã có 53 hộ gia đình xây dựng mô hình kinh tế hộ với từ 1 ha cây công nghiệp trở lên, trong đó xây dựng được 53 hộ trình diễn với 173,7 ha cây công nghiệp các loại. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, nhân dân đã tiếp nhận và đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng cải tiến trong nông nghiệp. Đến năm 1999 toàn huyện đã có 55 máy tuốt lúa, 35 máy xát lúa, 5 máy cày, 14 xe bò và xe cải tiến.

Về lâm nghiệp: Trong 3 năm (1996-1999) huyện đã giao 8.018 ha rừng cho các lâm trường và nhân dân quản lý. Tính đến năm 1998, huyện đã chỉ đạo trồng được 1.943 ha rừng để phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái. Tỉnh đã thành lập Công ty đầu tư, phát triển lâm, nông, công nghiệp và dịch vụ Kon Plông trên cơ sở sáp nhập Liên hiệp xí nghiệp lâm, nông, công nghiệp Kon Plông vào Lâm trường Măng Cành II nhằm mục đích chủ yếu là bảo tồn, phát triển vốn rừng hiện có và làm dịch vụ hai đầu hỗ trợ cho đồng bào dân tộc phát triển kinh tế vườn rừng, trang trại …ở huyện Kon Plông .

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: mặc dù mới được định hình bước đầu và chiếm tỷ trọng nhỏ, chưa có các cơ sở lớn để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Tuy vậy, so với năm 1996, lĩnh vực này đã có những tiến bộ đáng kể, từ năm 1997 đến năm 1999, tổng giá trị của ngành đạt 1.912,644 triệu đồng.

Về phát triển du lịch: Để khai thác có hiệu quả các lợi thế về du lịch, Tỉnh uỷ Kon Tum đã ban hành Nghị quyết 04-NQ/TU về phát triển du lịch tỉnh Kon Tum, giai đoạn 1996-2000 và 2010. Nghị quyết đã xác định đưa các điểm và tuyến du lịch phát triển, trong đó có: rừng thông cao nguyên Măng Đen (nhóm thắng cảnh), Đồn Kon Plông (nhóm di tích lịch sử). Hoạt động du lịch đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đến năm năm 2000, Di tích lịch sử và thắng cảnh Măng Đen thuộc xã Măng Cành, huyện Kon Plông được công nhận là Di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia (Quyết định số 06/2000/QĐ-BVHTT, ngày13-4-2000 của Bộ Văn hóa-Thông tin.

Về công tác định canh định cư, kinh tế mới: Trong 3 năm (1996-1999), tổng số vốn đầu tư là 1.752,996 triệu đồng. Huyện phối hợp với các ngành cấp tỉnh nhận đỡ đầu xã tổ chức lập dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần thiết phục vụ đời sống nhân dân; vận động nhân dân tách hộ lập vườn ổn định đời sống, chăm lo sản xuất, phát triển kinh tế. Huyện cũng lập các dự án xóa đói giảm nghèo.

Về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Từ năm 1996 đến năm 1999, huyện tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, làm mới 14,4km, sửa chữa 230km đường giao thông nông thôn; sửa chữa và làm mới 4 cầu treo với tổng số vốn đầu tư là 577,87 triệu đồng (trong đó vốn nhân dân đóng góp theo ngày công là 362,95 triệu đồng); đầu tư 920 triệu đồng xây dựng 2 công trình thủy lợi; sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xây dựng kênh mương; hệ thống điện nước về tới nhiều làng xã. Đời sống nhân dân được cải thiện.

Công tác giáo dục đào tạo, y tế: Được chú trọng, hệ thống y tế được củng cố phục vụ tốt cho nhân dân, nhiều phong trào được triển khai thực hiện tương đối tốt. Đặc biệt, các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn hóa mới ở khu dân cư, phong trào đền ơn đáp nghĩa, thanh niên lập nghiệp... được triển khai có hiệu quả.

An ninh quốc phòng: Không ngừng được củng cố. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì, ý thức nâng cao cảnh giác cách mạng của bà con có tiến bộ rõ rệt, các xã đều có lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên tuần tra canh gác đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống tổ chức đảng và bộ máy chính quyền cơ sở: Được củng cố, nâng cao một bước. Huyện chú trọng giúp các cấp ủy xây dựng và thực hiện tốt quy chế hoạt động, phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách những mảng công tác chủ yếu. Qua đó, năng lực lãnh đạo và điều hành của cơ sở đảng được nâng lên.

Đảng bộ huyện Kon Plông xác định: tiếp tục thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU về "xây dựng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế mới khó khăn" là nhiệm vụ lâu dài, cần gắn với các chương trình quốc gia 133, 135 của Chính phủ, thúc đẩy các hoạt động cơ sở phát triển đúng hướng, vừa khai thác được sức mạnh tổng hợp đầu tư cho các vùng khó khăn, vừa phát huy được những thế mạnh của địa phương.

Đảng bộ huyện lãnh đạo phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Song song với chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, Huyện ủy chỉ đạo toàn huyện triển khai thực hiện các chương trình phát triển và dịch chuyển cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đối với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp toàn diện. Năm 1996, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, chương trình chuyển dịch cơ cấu cây, con theo từng tiểu vùng tiếp tục phát triển và có những chuyển biến tích cực. Nhiều giống cây, con mới có năng suất cao được đưa vào sản xuất và áp dụng rộng rãi trên địa bàn. Nền kinh tế giữ tốc độ tăng trưởng khá, nhiều chỉ tiêu kinh tế quan trọng (diện tích, năng suất, sản lượng, cơ cấu giống) đều đạt và vượt mức kế hoạch.

Tính đến cuối năm 1996, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm là 4.678,2ha/4.553ha đạt 103%, tăng 459,6ha so với năm 1995, trong đó cây lương thực là 4.342,2ha/4.137ha, vượt 5% kế hoạch, tăng 359,6ha so với năm 1995. Cây thực phẩm là 163ha/126ha, vượt 29,4% so kế hoạch, tăng 35ha; cây công nghiệp ngắn ngày là 177 ha/290ha đạt 60% kế hoạch, tăng 65 ha so với năm 1995.

Năm 1997, thời tiết diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, vụ mùa bị hạn nặng, nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời, đúng hướng của Huyện uỷ và sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân nên năng suất và sản lượng các loại cây trồng vẫn tăng. Tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 9.809,28 tấn, bình quân lương thực đầu người 325kg/người/năm.

Năm 1998, nắng hạn gay gắt kéo dài, bão lụt xảy ra liên tục, thiệt hại hết sức nặng nề. Huyện uỷ và chính quyền tích cực chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng nên tổng diện tích gieo trồng là 4.446,9/5.217ha, đạt 89,05% kế hoạch (trong đó: diện tích cây lương thực là 4.446,9ha, cây thực phẩm 109,5ha/165 ha, cây công nghiệp ngắn ngày là 89,5/337ha, cây công nghiệp dài ngày: 443/615,6ha); tổng sản lượng lương thực đạt 8.408,2 tấn, đạt 68,87%. Nhờ chú trọng các biện pháp kỹ thuật trong gieo trồng và chăm sóc nên chất lượng cây trồng đảm bảo. Năng suất lúa bình quân trên 30tạ/ha/vụ. Một số giống cây ngô lai, sắn lai được trồng phổ biến ở nhiều địa phương.

Trong lĩnh vực đầu tư khuyến nông, huyện đầu tư 187.985 triệu đồng từ ngân sách phục vụ chương trình phát triển kinh tế, nhờ vậy, việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp được đẩy mạnh. Diện tích cây công nghiệp và

cây lâu năm trồng mới tăng gấp hơn 2 lần so với diện tích cũ (năm 1998 trồng mới 536,2 ha; diện tích cũ 244,7 ha) đưa tổng số lên 780,9 ha. Đặc biệt, diện tích một số cây mũi nhọn tăng mạnh như bời lời, cao su, cà phê, quế, cây ăn quả.

Bước vào năm 1999, nhờ định hướng của các Nghị quyết Trung ương khoá VIII, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1) và Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện đến xã bắt tay ngay vào việc tổ chức thực hiện kế hoạch năm 1999. Huyện đã phát huy được vai trò chủ đạo, chỉ đạo kịp thời vụ sản xuất, tận dụng được tiềm năng thế mạnh của nông nghiệp, thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, đầu tư thâm canh có tiến bộ và chủ động khắc phục bão lụt nên sản xuất nông nghiệp đạt được kết quả khả quan.

Diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 5.121ha, tăng 442,8 ha so với năm 1996. Mô hình kinh tế trang trại được mở rộng và phát triển ở nhiều xã; nhân dân đã chú trọng hơn trong việc trồng các loại cây hàng hóa có giá trị cao. Diện tích cây công nghiệp các loại phát triển mạnh, tập trung phát triển được một số cây mũi nhọn như cà phê, cao su, bời lời, hồ tiêu. Các xã Đăk Ruồng, Tân Lập, Đăk Tờ Re đã hình thành được vùng chuyên canh cây mía . Tính riêng 3 năm (1997-1999) tốc độ cây công nghiệp phát triển bình quân: 46%/năm. Tổng giá trị thu được từ cây công nghiệp là 755 triệu đồng” .

Năm 2000 là năm kết thúc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996-2000) do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra, có ý nghĩa quyết định tạo thế và lực mới cho Kon Plông vững bước vào thế kỷ XXI. Do vậy, Huyện ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, phấn đấu tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả đầu tư của nền kinh tế. Huyện ủy cũng chủ trương tiếp tục ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển, nhất là phát triển nông nghiệp…

Nhờ tập trung chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, một số chính sách về đất đai, vay vốn tín dụng và các chương trình, dự án đầu tư vào phát triển khu vực nông nghiệp, nông thôn được triển khai đồng bộ đã tạo thêm nhiều

việc làm và tăng thu nhập cho nông dân. Hoạt động khuyến nông triển khai tốt góp phần tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển.

Đến năm 2000, tổng diện tích gieo trồng là 6.821,8 ha/12.000 ha đạt 56,8% so với chỉ tiêu đề ra, tăng 2.628,2 ha so với năm 1996; trong đó cây lúa là 3.081 ha (lúa nước là 1.931,5 ha vượt 7,3% so với chỉ tiêu), màu 2.072 ha vượt kế hoạch 3,6%, cây thực phẩm 119 ha, cây công nghiệp ngắn ngày 302 ha. Tổng diện tích cây lâu năm là 1.247,3 ha đạt 31% chỉ tiêu đề ra. Tổng sản lượng lương thực quy thóc tính đến cuối năm 2000 là 10.450 tấn, đạt 65% kế hoạch, bình quân lương thực đầu người 319,4kg/người/năm đạt 79,9% chỉ tiêu đề ra .

Mô hình hợp tác xã kiểu mới đã xuất hiện ở một vài nơi. Các hình thức vận động, đổi công để sản xuất phát triển mạnh. Đến năm 2000, toàn huyện đã xây dựng được 2 hợp tác xã, bước đầu hoạt động có hiệu quả. Các doanh nghiệp quốc doanh cũng phát huy được vai trò, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế của huyện.

Công tác địa chính được chú trọng. Huyện đã xây dựng dự án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 để làm cơ sở cho việc phân vùng sinh thái, phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; đồng thời cũng điều tra, quy hoạch và cấp quyền sử dụng đất lâu dài cho nhân dân.

Ngành chăn nuôi phát triển khá, chất lượng giống gia súc gia cầm từng bước được nâng cao. Đàn gia súc gia cầm phát triển cả về số lượng và chất lượng. Việc lai tạo giống mới bước đầu được thực hiện. Năm 1996, 1997 đàn gia súc trên địa bàn huyện có trên 25.000 con. Năm 1998, do được chăm sóc tốt các loại gia súc phát triển nhanh, toàn huyện có 27.394 con, tăng 1.799 con so với năm 1997. Năm 1999, số lượng đàn gia súc (trâu, bò, heo, dê...) tăng đáng kể, toàn huyện có 28.146 con, so với năm 1996, tăng 8.146 con. Năm 2000, do dịch bệnh, đàn gia súc tăng chậm, tính đến cuối năm 2000, tổng đàn gia súc là 26.000 con, đạt 52% kế hoạch đề ra cho 5 năm (trong đó, đàn trâu 3.600 con, bò 5.200 con, heo 15.000 con, dê 2.200 con ).

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, Đảng bộ và chính quyền huyện thường xuyên chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng, nhất là rừng đầu nguồn. rừng đặc dụng...Phòng, chống cháy rừng và công tác quy hoạch vùng nương rẫy. Trong 5 năm, huyện đã trồng 5.217 ha, đạt 95% kế hoạch, góp phần tích cực vào chương trình trồng 5 triệu ha rừng; đồng thời với chỉ đạo trồng rừng, các dự án được triển khai, đạt hiệu quả, đã giao khoán 50.892,7 ha cho hộ nông dân chăm sóc và bảo vệ.

Tuy nhiên, trong 5 năm (1996-2000), việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa làm cơ sở cho xóa đói giảm nghèo có sự chuyển biến nhưng chưa toàn diện. Đầu tư thâm canh chưa đi vào chiều sâu, việc áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế nên năng suất và chất lượng một số loại cây trồng và vật nuôi chưa cao, chưa tạo được sức thuyết phục trong nhân dân. Các mô hình được xây dựng nhưng việc sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng chưa được thực hiện, vai trò "vệ tinh" của các hộ trình diễn chưa được phát huy. Công tác chăm sóc, bảo vệ đàn gia súc ở một số xã, nhất là khâu chuồng, trại và phòng ngừa dịch bệnh còn yếu, dẫn đến các dịch bệnh đã xảy ra và làm giảm một số lượng lớn đàn gia súc. Công tác quản lý bảo vệ rừng làm chưa tốt. Tình trạng vi phạm lâm luật còn xảy ra nhiều, đã gây thiệt hại lớn đến nguồn tài nguyên rừng.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp được huyện đặc biệt quan tâm. Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ huyện chủ trương phát triển công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Huyện đã chú trọng, khuyến khích, tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, các ngành như: mộc, rèn, sửa chữa cơ khí, chế biến nông sản, may mặc, sản xuất gạch ngói, vật liệu xây dựng...

Năm 1997, giá trị tổng sản lượng chỉ đạt 1,289 tỷ đồng/năm, sang năm 1998 đạt 768,2 triệu đồng, năm 1999 bình quân đạt 30 triệu đồng/tháng, với quy mô nhỏ, giá trị doanh thu thấp, do đó mức đóng góp trong GDP của ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn thấp, chưa góp phần thúc đẩy được phát triển kinh tế của Huyện.

Ngành dịch vụ thương mại phát triển mạnh ở trung tâm huyện lỵ và một số xã, hình thành các điểm buôn bán nhỏ của tiểu thương ở các làng, xã vùng xa, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Về xây dựng cơ bản, ngay trong năm 1996, hầu hết các công trình trong hạng mục đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Năm 1997, xây dựng cơ bản được đầu tư là 2.852.990.509đ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Sang năm 1998, tổng giá trị xây dựng là 2.008.354.000đ bao gồm các công trình chuyển tiếp của năm 1997 và một số công trình sửa chữa nhỏ. Cho đến năm 2000, công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống từng bước được đáp ứng. Quá trình đầu tư đã xác định được trọng tâm, trọng điểm và sử dụng có hiệu quả vốn được cấp.

Giao thông vận tải được đặc biệt quan tâm đầu tư nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống giao thông toàn huyện, nâng cấp tuyến đường quốc lộ 24, nội huyện và các tuyến liên thôn, xã. Ngay trong năm 1996, huyện đã đầu tư vốn là 675.570.000 và hơn 8.000 ngày công lao động để duy tu, sửa chữa, khôi phục 65 km các tuyến đường huyện và toàn bộ hệ thống giao thông liên thôn. Xây dựng 5 cầu treo lớn nhỏ qua các sông suối phục vụ đi lại cho bà con và vận chuyển hàng hóa, đáp ứng đời sống cho nhân dân. Sang năm 1997, tổng số kinh phí đầu tư cho giao thông trên địa bàn huyện là 676.845.000 đồng, nhiều đoạn, tuyến hư hỏng đã được duy tu và làm mới, các tuyến liên thôn, liên xã thường xuyên được phát dọn, nhiều sông, suối nhỏ đã được đầu tư hỗ trợ xây dựng cầu treo. Đến năm 1999, với kinh phí đầu tư cho giao thông là 820,96 triệu đồng, huyện đã chỉ đạo duy tu, sửa chữa thường xuyên 93,6 km đường tỉnh lộ 676,77km, đường nội huyện và tuyến đi Đăk Pờ Ne, mở mới 766 m đường khu vực thị trấn (sau trường Đảng cũ). Năm 1998, làm mới 4 cầu treo và sửa chữa 12 cầu tạm. Tính trong 5 năm (1996-2000), tổng số vốn đầu tư cho giao thông huyện là 36.848,25 triệu đồng để duy tu, mở mang các tuyến đường liên tỉnh, đường giao thông nông thôn. Đồng thời, Nhà nước đã và đang tích cực đầu tư nâng cấp quốc lộ 24; 9/12 xã có đường xe hoạt động cả 2 mùa (trừ Măng Buk, Đăk Ring và Ngọk Tem), đạt 75% kế hoạch đề ra cho 5 năm.

Công tác thủy lợi được đặc biệt quan tâm, huyện xác định đây là khâu rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp, nhất là trong giai đoạn chuyển dịch cơ cấu cây trồng. Ngay từ năm 1996. được sự hỗ trợ đầu tư vốn của tỉnh, Huyện tập trung xây dựng thêm công trình đập nước Đăk Pô Công, phối hợp với nhân dân xây dựng 100 đập bồi, đập tạm và hàng chục kênh mương nội đồng; năm 1997, kinh phí đầu tư cho công tác thủy lợi là 126,84 triệu đồng. Sang năm 1998, vốn đầu tư cho thủy lợi tăng gần 5,6 lần so với năm 1997. Huyện tiến hành khởi công xây dựng công trình thủy lợi Đăk Kôi với số vốn là 650 triệu đồng. Với vốn đầu tư của Nhà nước và với phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong 5 năm (1996-2000), huyện đã huy động hàng ngàn ngày công lao động để đào đắp, nạo vét kênh mương và xây dựng nhiều công trình thủy lợi nhỏ phục vụ sản xuất. Tổng số kinh phí đầu tư cho các công trình thủy lợi trong 5 năm là 3,7 tỷ đồng.

Mạng lưới điện từng bước được mở rộng. Năm 1996, toàn Huyện chỉ có 3 trạm biến áp 3 pha dung lượng 380 KVA với 320 công tơ chính, đến năm 1998 đã có 19 trạm biến áp với tổng dung lượng 1.430 KVA, 755 công tơ chính và 600 công tơ phụ, có 4/12 xã, thị trấn có điện đến trung tâm xã, đạt 33,3%, 19/117 thôn có điện lưới quốc gia. Nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng cho ngành điện được nhà nước quan tâm đầu tư tích cực, chỉ riêng năm 1997 và 6 tháng đầu năm 1998 tổng số vốn đầu tư lên gần 1,5 tỷ đồng.

Thông tin bưu chính viễn thông được chú trọng, từng bước đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân. Ngoài tổng đài điện tử tại trung tâm huyện lỵ, tỉnh cũng đã đầu tư xây dựng 2 bưu điện tại Đăk Ruồng, Măng Đen và 2 trạm bưu điện văn hóa xã Đăk Tờ Re và Tân Lập. Trong 5 năm (1996-2000) công tác thông tin liên lạc được đảm bảo trên địa bàn huyện, có 188 máy điện thoại, bình quân cứ 100 người dân có 0,6 máy điện thoại.

Hoạt động tài chính có nhiều cố gắng, công tác quản lý thu đảm bảo đúng chế độ, chính sách, thu đúng, thu đủ, tập trung nộp vào ngân sách kịp thời, không để xảy ra tình trạng vi phạm chế độ. Quản lý chi được duy trì và theo dõi một cách chặt chẽ đảm bảo đúng chế độ, chính sách, công tác hạch toán, kế toán từ khâu lập dự toán đến khâu quyết toán đúng luật, do đó, không xảy ra hiện tượng lãng phí, sai chế độ, tiến độ cấp phát ngân sách và báo cáo kế toán được kịp thời, đáp ứng yêu cầu, đúng thời gian quy định.

Cùng với việc đầu tư phát triển kinh tế, công tác xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và ổn định đời sống nhân dân được huyện ủy đặc biệt quan tâm. Huyện ủy chỉ đạo vận dụng tốt và có hiệu quả các chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, hỗ trợ các xã vùng đặc biệt khó khăn.

Quá trình thực hiện xóa đói giảm nghèo thông qua nhiều biện pháp như lập dự án phát triển kinh tế cho các xã đặc biệt khó khăn, hỗ trợ các điều kiện, phương tiện cần thiết để phục vụ sản xuất: bán trợ giá các loại giống lúa mới, giống bắp lai, cung cấp dụng cụ khai hoang làm ruộng, xây dựng các mô hình trình diễn kinh tế trang trại, mở các lớp tập huấn khuyến nông - khuyến lâm cho cán bộ cơ sở, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn...Với các biện pháp thiết thực, triển khai một cách đồng bộ, chương trình xóa đói giảm nghèo đã đạt kết quả đáng kể. Đến giữa năm 2000, tổng số hộ đói nghèo trên địa bàn còn 17,1%, giảm 69,9% so với năm 1996. Đây thực sự là kết quả lớn trong quá trình lãnh đạo của Đảng bộ huyện trong 5 năm qua, góp phần tích cực trong việc ổn định và nâng cao đời sống và mức sống của các tầng lớp nhân dân .

Công tác định canh, định cư, kinh tế mới được Đảng bộ huyện hết sức coi trọng. Đây là chương trình có tính chiến lược gắn liền với chương trình xóa đói giảm nghèo, quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của Huyện. Trong 5 năm (1996-2000), huyện đã tăng cường vận động nhân dân khai hoang xây dựng đồng ruộng, mở rộng diện tích lúa nước và rẫy, làm các đập thủy lợi, hệ thống kênh mương... việc tách hộ lập vườn, hình thành kinh tế trang trại đã trở thành phong trào ở nhiều xã. Quá trình triển khai định canh định cư và kinh tế mới được gắn liền với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như hỗ trợ vật liệu làm nhà, giống và các công trình nước tự chảy, cây giống, mở đường giao thông, xây dựng trường học, trạm y tế… tạo sự ổn định, đảm bảo cho người dân yên tâm sản xuất. Nhờ vậy, đến cuối năm 1999 có 1.837 hộ thực hiện định cạnh định cư vững chắc, tăng 730 hộ so với đầu nhiệm kỳ, chiếm 36%.

Về chương trình kinh tế mới, từ năm 1996 đến năm 2000 huyện đã nhận 550 hộ, tương ứng với 2.142 khẩu bố trí vào các vùng dự án trên địa bàn. ngoài ra, còn có 70 hộ dân kinh tế mới tự do đến địa bàn lập nghiệp. Tổng số vốn Nhà nước đầu tư cho công tác định canh định cư, kinh tế mới trong 5 năm đạt 12,897 tỷ đồng.

Qua cuộc vận động định canh định cư, xây dựng cuộc sống mới ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế mới đã xuất hiện nhiều phong trào như dãn dân, tách hộ, lập vườn …tạo nên những chuyển biến đáng kể ở các xã Măng Cành, Tân Lập, Đăk Tờ Re, Đăk Ruồng.

**3. Đẩy mạnh phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thực hiện tốt chính sách xã hội**

Cùng với việc tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ huyện chú trọng chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động văn hóa xã hội, giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), về "xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, tháng 8-1998, Tỉnh ủy Kon Tum ban hành Chỉ thị về văn hoá, đồng thời ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về thực hiện các chương trình hành động trên lĩnh vực văn hóa. Trong đó xác định rõ mục tiêu nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ, toàn tỉnh phải tích cực đẩy mạnh các hoạt động văn hóa và giao cho các cấp huyện, thị uỷ chọn một cơ sở, đơn vị làm điểm điển hình đi đầu trong thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ huyện (tháng 02-1996) xác định phương hướng nhiệm vụ năm 1996-2000: phải tiếp tục xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân.

Nhờ sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp uỷ Đảng, sự nghiệp văn hoá - thông tin trên địa bàn huyện không ngừng được đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động. Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được chú trọng, các đội cồng chiêng dân gian và một số lễ hội truyền thống đang dần dần được phục hồi và phát triển. Hệ thống nhà Rông tại các thôn làng, nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng đang được khuyến khích xây dựng và tôn tạo. Nhiều phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức. Huyện đã xây dựng các đội bóng đá, bóng chuyền, phục hồi văn hoá truyền thống như bắn cung, nỏ, cồng chiêng…Việc xây dựng nếp sống văn hoá mới đã trở thành phong trào thường xuyên trong cộng đồng dân cư. Nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật không còn là vấn đề bức xúc. Công tác đầu tư xây dựng các công trình văn hóa được quan tâm.

Hệ thống phát thanh truyền hình trong huyện được xây dựng, củng cố và nâng cấp hoàn chỉnh. Tính đến năm 2000, có 7/12 xã được phủ sóng truyền hình, chiếm 58,3%, vượt 17,3% so với chỉ tiêu đề ra (trong đó có 4 xã, thị trấn có trạm phát thanh và truyền hình). Ngoài ra, huyện cấp nhiều radio và trang bị video, tổ chức chiếu phim lưu động để phục vụ nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa chưa có điều kiện phủ sóng truyền hình.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được các cấp ủy Đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), ngày 06-5-1997, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) họp và đề ra chương trình hành động để phát triển giáo dục-đào tạo, khoa học công nghệ trên toàn tỉnh. Hội nghị xác định thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tất cả các bậc học, hết sức coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành cho học sinh. Bên cạnh đó, chỉ đạo thực hiện đồng bộ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài; phấn đấu để đến năm 2000 đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học; đồng thời, tập trung nâng cao tiềm lực khoa học và mặt bằng dân trí để đủ sức tiếp thu và vận dụng các thành tựu khoa học tiên tiến vào đời sống xã hội.

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, các cấp uỷ Đảng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo về mọi mặt. Với phương châm giáo dục là quốc sách hàng đầu, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã được các cấp, các ngành quan tâm. Hoạt động giáo dục có nhiều tiến bộ, hệ thống giáo dục từ mầm non đến cấp phổ thông trung học được triển khai đúng quy định. Trong 5 năm (1996-2000), cơ sở trường lớp, các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học ngày càng được chú ý, đầu tư một cách đúng mức, các phòng học tạm bợ cơ bản được xóa bỏ. Hầu hết các xã đã xây dựng được trường bán trú. Số học sinh đến trường hàng năm đều tăng (năm học 1999-2000, tổng số học sinh đến lớp 9.483 em, tăng 3.000 em so với năm học 1995-1996). Chất lượng dạy và học từng bước được nâng cao, Số học sinh được lên lớp tăng, số lưu ban giảm. Đã có học sinh người địa phương đạt học sinh giỏi các cấp, trúng tuyển vào các trường Đại học, Cao đẳng. Nổi bật trong công tác giáo dục là số lượng học sinh cấp II ở các trường đã tăng nhiều so với những năm 1990-1995. Ngoài số trường thuộc vùng thuận lợi có học sinh cấp II, các xã Đông Trường Sơn cũng đã mở được trường cụm (Trung học cơ sở) tại xã Măng Cành. Hệ thống giáo dục ngày càng phát triển và mở rộng cả về ngành và cấp học. Đội ngũ giáo viên ngày càng đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng. Công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học theo chương trình quốc gia được tổ chức thực hiện tốt. Đến năm 2000, có 90% số người trong độ tuổi (15-35) được xóa mù chữ, vượt 10% so với chỉ tiêu đề ra; có 10/12 xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Huyện được công nhận là huyện đã xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học.

Về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: ngành y tế triển khai thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu y tế trên địa bàn huyện. Công tác dự phòng, tiêm chủng, bảo vệ sức khỏe trẻ em, khám chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực; từ năm 1996, không để xảy ra dịch bệnh, bệnh sốt rét. Mạng lưới y tế được củng cố, năm 1996, ngành đã đầu tư sửa chữa phòng khám bệnh viện huyện và xây mới 2 trạm xá ở xã Đắk Rinh và Ngọk Tem; đến năm 2000, có 12/12 xã, thị trấn có trạm y tế. Năng lực chuyên môn và y đức của đội ngũ cán bộ ngành y tế ngày càng được nâng cao. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai đồng bộ và đạt hiệu quả. Tỷ lệ trẻ em được tiêm đủ 6 liều vắc xin đạt 75%, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi từ 59,8% năm 1996 giảm xuống còn 46% năm 1999.

Quán triệt Chỉ thị 50-CT/TW (khóa VII) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác kế hoạch hóa gia đình, các cấp ủy Đảng chỉ đạo chính quyền xây dựng chương trình hành động nhằm tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, tạo điều kiện cơ bản nâng cao chất lượng dân số của huyện. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình có nhiều tiến bộ, ngày càng đi vào chiều sâu và đạt kết quả rõ rệt. Tỷ lệ sinh con thứ ba giảm từ 55,3% năm 1996 xuống còn 42% năm 1999. Huyện được tỉnh đánh giá là một trong những địa phương làm tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Phong trào "đền ơn đáp nghĩa" được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm. Hàng năm, nhân các ngày lễ tết, các cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức việc thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Chú trọng tu sửa, nâng cấp và quản lý tốt các tượng đài và nghĩa trang liệt sỹ. Công tác tìm kiếm và quy tụ hài cốt liệt sỹ thực hiện thường xuyên. Các đối tượng chính sách có công với cách mạng và thân nhân đều nhận chế độ đầy đủ, kịp thời. Đảng bộ Huyện chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể phối hợp, giúp đỡ các gia đình khó khăn bằng các nguồn vốn và hình thức thiết thực cụ thể như: hỗ trợ tấm lợp, phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhận đỡ đầu phụng dưỡng, phong trào uống nước nhớ nguồn, hỗ trợ gạo cứu đói, hỗ trợ tấm đắp... Hàng năm, huyện trích một phần ngân sách để hỗ trợ cho các đối tượng: trẻ em mồ côi - tàn tật, người già cô đơn những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, cứu trợ đồng bào bị thiên tai.

**4. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị**

Quán triệt phương châm: Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII quyết nghị nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng 5 năm 1996-2000 là: Đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện củng cố và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Đại hội cũng nêu ra quan điểm chung trong công tác xây dựng Đảng là nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng và trình độ trí tuệ của Đảng bộ; kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức đảng; đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng; tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm trong sạch về chính trị của đội ngũ cán bộ, thực hiện nghiêm túc chế độ, thủ tục, quy chế quản lý cán bộ.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm, khơi dậy được phong trào hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Để nâng cao nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng

viên, cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Đảng bộ chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đảng bộ huyện chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện kịp thời Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đến các cơ sở đảng, đảng viên và quần chúng.

Đảng bộ huyện chỉ đạo các cấp uỷ đảng gắn việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng các cấp với xây dựng chương trình hành động, đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Đổi mới công tác chính trị tư tưởng theo hướng mở rộng dân chủ, bảo đảm thông tin nhiều chiều, có định hướng và phục vụ nhiều đối tượng góp phần đấu tranh chống những quan điểm và nhận thức sai trái, tăng cường sự thống nhất, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Ngoài ra, Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn được triển khai qua việc tăng cường các hoạt động giáo dục truyền thống, tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị nhân các ngày lễ lớn và các đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn như: bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X, kết quả kỳ họp thứ nhất, thứ hai Quốc hội khóa X. Qua việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đại bộ phận cán bộ, đảng viên nâng cao được ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình cách mạng, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, gương mẫu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; vận động quần chúng thực hiện mọi nhiệm vụ của địa phương, đơn vị, phát huy được vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng và đảng viên, tạo sự gắn bó giữa Đảng với quần chúng.

Nhằm khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII (tháng 02-1999) ban hành Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Huyện ủy đã tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết đến các chi bộ, đảng bộ cơ sở; xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng của Tỉnh uỷ đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

Ngày 22-11-1996, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73-CP về việc thành lập các xã và thị trấn thuộc các huyện Kon Plông, Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đăk Hà và thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Theo Nghị định, tại huyện Kon Plông, thành lập thị trấn Kon Plông, thị trấn huyện lỵ thuộc huyện Kon Plông trên cơ sở 5.000 ha diện tích tự nhiên và 4.031 nhân khẩu của xã Tân Lập. Thị xã Kon Plông có 5.000 ha diện tích tự nhiên và 4.031 nhân khẩu. Xã Tân Lập sau khi điều chỉnh địa giới hành chính còn lại 7.350 ha diện tích tự nhiên và 2.014 nhân khẩu. Thành lập xã Pờ Ê trên cơ sở 11.150 ha diện tích tự nhiên và 1.107 nhân khẩu của xã Hiếu. Xã Pờ Ê có 11.150 ha diện tích tự nhiên và 1.107 nhân khẩu. Xã Hiếu sau khi điều chỉnh địa giới hành chính còn lại 20.150 ha diện tích tự nhiên và 1.445 nhân khẩu. Cùng với việc thành lập các xã, thị trấn, số lượng tổ chức cơ sở Đảng đã được kiện toàn thêm, số lượng đảng viên đã tăng lên. Công tác xây dựng Đảng, củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị được Đảng bộ huyện hết sức coi trọng.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng do Tỉnh uỷ tổ chức theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) năm 1999, hầu hết các cấp ủy, tổ chức Đảng đã xây dựng xong chương trình, kế hoạch thực hiện. Qua gần 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đặc biệt là đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình, các tổ chức đảng và từng cấp ủy viên, đảng viên đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố đoàn kết nội bộ, chấn chỉnh những vi phạm trong việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tăng cường chế độ trách nhiệm của thủ trưởng và người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tư tưởng, tâm trạng của đại bộ phận cán bộ, đảng viên vững vàng, kiên định, quyết tâm thực hiện sự nghiệp đổi mới, tin tưởng cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy trong hệ thống chính trị nhất định sẽ tạo bước chuyển quan trọng, thúc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công tác tổ chức, cán bộ được Huyện ủy quan tâm, tập trung lãnh đạo. Ngay sau Đại hội Đảng bộ huyện, các cấp ủy đảng sớm ổn định tổ chức và đi vào hoạt động. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng Quy chế hoạt động và chương trình công tác cả nhiệm kỳ. Các cấp ủy đảng có nhiều biện pháp cụ thể, phù hợp để củng cố tổ chức cơ sở đảng yếu kém, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (6-1997) về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Huyện ủy đã tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ từ cơ sở có đủ phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân; đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Quy định 54 của Bộ Chính trị, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, văn hóa cho cán bộ, đảng viên luôn được coi trọng. Huyện chỉ đạo xây dựng quy chế hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, đồng thời đã cử nhiều cán bộ dự học các lớp trung cấp chính trị, lý luận chính trị phổ thông do Tỉnh tổ chức. Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng, bồi dưỡng kết nạp Đảng, các lớp tập huấn công tác Mặt trận và công tác Đoàn, Đội, Hội cho cán bộ, đảng viên và quần chúng trên địa bàn huyện.

Từ năm 1996 đến năm 2000, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dần đi vào nền nếp, nhiều cán bộ được đào tạo về lý luận chính trị, pháp luật, quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ; Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ được nâng cao hơn trước; đại bộ phận giữ được

phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện các nghị quyết, quy định của Tỉnh ủy, Huyện ủy về xây dựng Đảng, về công tác cán bộ, các cấp ủy đảng từ huyện đến cơ sở tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp nhằm làm rõ nguyên nhân yếu kém của đảng bộ, từng chi bộ để xây dựng kế hoạch và biện pháp khắc phục.

Hệ thống tổ chức đảng từng bước được kiện toàn theo yêu cầu đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng tiếp tục được nâng cao. Công tác xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh được cấp ủy quan tâm. Số cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng 14,8% năm 1996 lên 32,5% 6 tháng đầu năm 2000. Năm 2000 không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

Công tác quản lý đảng viên được chú trọng. Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng thực hiện quản lý đảng viên, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đảng viên, do đó đảng viên phát huy được vai trò của mình trong các lĩnh vực hoạt động.

Công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo và có biện pháp chỉ đạo cụ thể. Chú trọng phát triển đảng viên trẻ, đảng viên ở vùng sâu, vùng xa, nhất là những nơi chưa có đảng viên. Công tác phát triển đảng được Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ theo đúng Điều lệ Đảng và tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện. Từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng bộ huyện kết nạp được 194 đảng viên, vượt 51,5% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ huyện đề ra.

Thực hiện các Quy định về đánh giá, tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ từ huyện đến cơ sở; về phân công, phân cấp quản lý cán bộ. Huyện ủy chỉ đạo rà soát, đánh giá, quy hoạch, sắp xếp đội ngũ cán bộ các cơ quan, ban ngành, đoàn thể từ huyện đến xã. Số lượng cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ tăng khá. Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng cao hơn trước; đại bộ phận giữ được phẩm chất đạo đức và lối sống lành mạnh, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chính sách cán bộ được thực hiện tốt hơn. Từ năm 1996 đến năm 2000 đã bổ nhiệm 24 đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; 148 đồng chí được đào tạo tại các trường, lớp cơ bản, trong đó, số cán bộ là người dân tộc có 38 đồng chí chiếm 26,82%. Số cán bộ đương chức được đào tạo tính đến năm 1999 có 183 đồng chí, số đang đào tạo 96 đồng chí. Đặc biệt, từ nguồn ngân sách tiết kiệm, huyện đã mở các lớp bổ túc văn hóa cấp I và cấp II cho 86 đồng chí cán bộ xã (cả số đương chức và số dự nguồn). Tính đến năm 2000, huyện đã hoàn thành kế hoạch dự nguồn cán bộ các cấp giai đoạn 2005-2020, mỗi chức danh có từ 2 đến 3 dự nguồn. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy từng bước được đổi mới. Quy chế làm việc của các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng được xây dựng và bước đầu thực hiện có nền nếp. Quy trình ban hành nghị quyết, xây dựng chương trình hành động có bước đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội tham gia đóng góp ý kiến; vừa tăng cường sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, vừa bảo bảo phát huy tốt hơn hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Công tác kiểm tra được Đảng bộ huyện coi trọng. Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị “về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng”, Huyện ủy xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

Huyện ủy luôn coi trọng việc kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới chấp hành điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Các đồng chí trong Huyện ủy trực tiếp kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện. Các cuộc kiểm tra của cấp ủy tập trung vào kiểm tra việc thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Huyện; chương trình xóa đói giảm nghèo; chương trình chống tái mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, nâng cao năng lực quản lý giáo dục - đào tạo; công tác xây dựng Đảng, đoàn thể...

Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ chủ động thực hiện 5 nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ cấp ủy giao, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm là tham mưu cho cấp ủy trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm

và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên. Từ năm 1996 đến năm 2000, thông qua kiểm tra, đã phát hiện và xử lý 36 đảng viên vi phạm, trong đó: khiển trách 21 trường hợp, cảnh cáo 8 trường hợp, cách chức 2 trường hợp, khai trừ 5 đảng viên. Công tác kiểm tra đảng đạt được kết quả tích cực, góp phần nâng

cao năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, buôn lậu và các tiêu cực khác.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng còn một số hạn chế, khuyết điểm: hoạt động của một số cơ sở đảng còn yếu, phương thức và nội dung hoạt động còn chậm đổi mới, thiếu cụ thể, việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ chuyển biến chưa mạnh.

Một số ít cán bộ, đảng viên chưa phát huy được vai trò của mình trong công tác.

Công tác xây dựng chính quyền và vận động quần chúng được Đảng bộ huyện quan tâm, tập trung lãnh đạo xây dựng chính quyền vững mạnh từ huyện đến cơ sở.

Hội đồng nhân dân các cấp từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, tổ chức tốt các kỳ họp theo quy định, quyết định kịp thời những vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội của địa phương. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thể hiện đúng quan điểm, đường lối của Đảng, phù hợp với tình hình thực tế,

được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Hội đồng nhân dân thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra và kiến nghị nhiều vấn đề bức xúc mà cử tri quan tâm đến các cơ quan chức năng giải quyết. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, Hội đồng nhân dân tăng cường quan hệ phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Hội đồng nhân dân xã.

Thực hiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, ngày 20-7-1997, cử tri huyện Kon Plông cùng cử tri cả nước nô nức đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và bầu bổ sung Hội đồng nhân dân. Cuộc bầu cử thành công tốt đẹp, đảm bảo an toàn, dân chủ.

Công tác cải cách thủ tục hành chính bước đầu có chuyển biến, nhất là trong những lĩnh vực có quan hệ trực tiếp với dân và các tổ chức kinh tế - xã hội. Việc tiếp dẫn và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được duy trì thường xuyên, dân chủ cơ sở được thực hiện ngày càng tốt hơn.

Nhận thức tầm quan trọng đặc biệt của cơ sở, Huyện ủy tăng cường, kiện toàn hệ thống chính trị ở cấp xã, từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, chi bộ xã, đẩy mạnh hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Thực hiện Luật bầu cử Hội đồng nhân dân (sửa đổi). Ngày 07-8-1999, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 49-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004. Quán triệt Chỉ thị 49 của Bộ Chính trị, Huyện ủy có định hướng về cơ cấu, số lượng đại biểu, chuẩn bị nhân sự, đảm bảo cho cuộc bầu cử có sự thống nhất cao. Ngày 14-11-1999, cử tri huyện Kon Plông hăng hái đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp từ huyện đến xã nhanh chóng kiện toàn và duy trì hoạt động theo luật định.

Cùng với tập trung xây dựng, củng cố chính quyền, Huyện ủy thường xuyên quan tâm, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Trong chương trình công tác, Huyện ủy định kỳ nghe lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể báo cáo hoạt động và định hướng công tác.

Thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-02-1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức học tập và thực hiện quy chế dân chủ đến tận chi hội. Việc tổ chức học tập và thực hiện quy chế dân chủ đã trở thành sinh hoạt chính trị rộng lớn, làm chuyển biến nhận thức và hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể và trong nhân dân. Qua đó, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy, lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới được tăng thêm. Đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân trong huyện đã tăng cường đoàn kết, phát huy tinh thần yêu nước và cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, đập tan mọi hành động chống phá của các thế lực thù địch trên địa bàn. Được sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục được củng cố, phát triển về tổ chức, có bước đổi mới về nội dung hoạt động, hình thức tập hợp quần chúng. Trong quá trình hoạt động, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể coi trọng chăm lo lợi ích thiết thực của các tầng lớp nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; làm tốt công tác vận động quần chúng, góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII đề ra.

Mặt trận Tổ quốc các cấp trong huyện thực hiện tốt chức năng tham gia xây dựng chính quyền; phát huy vai trò trong việc giám sát thực hiện quyền của nhân dân, tạo điều kiện cho đại biểu Hội đồng nhân dân hoàn thành nhiệm vụ tiếp xúc cử tri; tổng hợp phản ánh những vấn đề bức xúc của cử tri với Hội đồng nhân dân các cấp. Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh cuộc vận động "Ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo"; Thông qua các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc vận động nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh Tổ quốc và giáo dục truyền thống cách mạng gắn với cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, lá lành đùm lá rách... Người có công với nước và gia đình liệt sỹ được chăm sóc tốt hơn. Công tác bảo trợ, cứu trợ xã hội được thực hiện có hiệu quả, nhất là việc cứu trợ đồng bào vùng bị thiên tai. Qua đó giúp đồng bào các dân tộc thiểu số, các tầng lớp nhân dân trong huyện tăng cường đoàn kết, phát huy tinh thần yêu nước và cách mạng, vượt qua khó khăn, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 5 năm (1996-2000), Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các cơ quan chức năng tặng quà cho các đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng trị giá 56,8 triệu đồng; tu bổ và xây dựng 5 nhà tình nghĩa với tổng số tiền 57 triệu đồng; trao tặng 11 sổ tiết kiệm, mỗi sổ 200.000đ; vận động ủng hộ đồng bào lũ lụt tổng số tiền là 44 triệu đồng.

Mặt trận Tổ quốc huyện thực sự là cầu nối giữa Đảng và quần chúng nhân dân. Trong nhiệm kỳ 1997-2002, Mặt trận Tổ quốc huyện và các thành viên đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng 1 bằng khen, 6 huy chương vì sự nghiệp đại đoàn kết; 20 tập thể và cá nhân được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tặng bằng khen.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện và công đoàn tỉnh, công đoàn huyện có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động. Trong nhiệm kỳ 1997-2002, công đoàn huyện phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể, hoạt động của công đoàn đã đi vào chiều sâu và có hiệu quả thiết thực. Thực hiện tốt và thường xuyên các Nghị định 07 và 71 của Chính phủ. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ quan hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp Nhà nước; thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi, lợi ích chính đáng của người lao động. Tổ chức các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, thi đua liên kết phục vụ sự nghiệp nông nghiệp, phong trào "xanh-sạch đẹp", "đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động", phong trào "giỏi việc nước, đảm việc nhà", phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" và phong trào "kỷ cương, tình thương, trách nhiệm" trong giáo dục.

Công đoàn tích cực tham gia các chương trình và các cuộc vận động: "Cuộc vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình", "Chương trình xóa đói giảm nghèo", "Chương trình giải quyết việc làm" xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ hỗ trợ thiên tai lũ lụt, đóng góp ủng hộ nhân dân Cuba, quỹ vì người nghèo. Công tác củng cố tổ chức công đoàn từ huyện đến cơ sở được coi trọng. Trong 5 năm (1997-2002), tổng số tổ chức công đoàn cơ sở là 26 với 856 đoàn viên.

Hội Nông dân được sự quan tâm của Huyện ủy tiếp tục củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, xóa đói giảm nghèo theo chương trình mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Đại hội XIII Đảng bộ huyện đề ra. Năm 1998, Hội đã tiến hành đại hội các cấp, bầu Ban chấp hành mới. Qua đó, củng cố một bước các cơ sở hội.

Thực hiện tốt Nghị quyết 03, 04 của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành huyện hội đã tăng cường vận động lực lượng nông dân đẩy mạnh sản xuất, thực hiện định canh định cư, phát triển cây công nghiệp, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Để tạo điều kiện về nguồn vốn cho nông dân, trong 5 năm (1997-2002) các cấp hội trong huyện đã đứng ra tín chấp cho 1074 hộ vay với số tiền là 2.401.000.000đ.

Các cấp hội tích cực vận động nông dân thực hiện chương trình bảo vệ môi trường, xây dựng cơ sở hạ tầng, chương trình xóa mù chữ, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Công tác tham gia xây dựng Đảng, chính quyền được chú trọng và thực hiện có hiệu quả.

Phong trào xây dựng tổ chức hội có nhiều tiến bộ, đội ngũ cán bộ hội từ huyện đến cơ sở được tăng cường; các xã, thị trấn có nông dân đều có tổ chức hội và thu hút nông dân vào tổ chức hội. Vai trò của hội ngày càng được khẳng định, song song với việc củng cố tổ chức hội và giúp nhân dân phát triển sản xuất. Hội nông dân các cấp còn tích cực tham gia giải quyết những vấn đề nông dân quan tâm. Cùng các ngành chức năng nắm bắt tình hình và tham gia xử lý kịp thời những khiếu kiện, tranh chấp đất đai của nông dân và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cách mạng của thế hệ cha anh, không ngừng phấn đấu vươn lên lao động, học tập và công tác, thể hiện sự vững vàng, sống có hoài bão, có văn hóa, khẳng định vai trò, vị trí của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện ngày càng phát triển về tổ chức, lớn mạnh về lực lượng. Đội ngũ cán bộ đoàn ngày càng được tăng cường, củng cố về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đến năm 2000 đã có 100% cơ sở xã, thị trấn xây dựng chi đoàn, chi hội thanh niên.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) “về công tác thanh niên trong thời kỳ mới” và Chỉ thị 15 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Đoàn trong tình hình mới, Huyện Đoàn thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho đoàn viên, thanh thiếu niên về mục đích lý tưởng của Đảng, Bác Hồ theo từng chủ đề gắn với các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, mít tinh... Các cơ sở đoàn tổ chức rộng rãi diễn đàn thanh niên với từng chủ đề cụ thể, qua đó giúp cho đoàn viên thanh niên hiểu rõ hơn về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và truyền thống cách mạng của dân tộc ta trong quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hàng năm, các cơ sở đoàn trong toàn huyện tổ chức và duy trì tốt các hoạt động qui mô lớn như hội trại mừng Đảng, mừng Xuân, hội trại 26/3... Tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ, về Đoàn, Đội.

Thực hiện các phong trào do Trung ương Đoàn phát động, đối với phong trào "Thanh niên lập nghiệp", đoàn viên, thanh niên đã phát huy hơn nữa vai trò xung kích, tính năng động của tuổi trẻ, tích cực tham gia xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình. Phong trào "Tuổi trẻ giữ nước", đoàn viên, thanh niên trong huyện thực hiện nghiêm túc Luật nghĩa vụ quân sự và Pháp lệnh dân quân tự vệ. Đoàn viên, thanh niên trong lực lượng vũ trang giữ vững và phát huy truyền thống, bản chất "Bộ đội Cụ Hồ", 100% đoàn viên thanh niên chấp hành tốt lệnh gọi nhập ngũ. Đoàn viên thanh niên trong các lực lượng dân quân tự vệ góp phần quan trọng vào bảo vệ và giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn. Công tác Đoàn và phong trào thanh niên có sự chuyển biến tích cực cả về tư tưởng, đạo đức, lối sống và hành động.

Chương trình "Thanh niên tham gia phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn", "giúp nhau lập thân, lập nghiệp". được đông đảo thanh niên nông thôn hưởng ứng, thực hiện. Đoàn viên, thanh niên thực sự là lực lượng xung kích trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiến công chống nghèo nàn, lạc hậu; là lực lượng đi đầu trong phong trào chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng. Trong nhiệm kỳ 1997-2001, huyện Đoàn làm dự án cho đoàn viên thanh niên vay vốn giải quyết việc làm với tổng số tiền là 120 triệu đồng; phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện cho 87 thanh niên vay trên 300 triệu đồng. Nhiều đoàn viên, thanh niên làm kinh tế giỏi, có mức thu nhập từ 10 đến 15 triệu đồng/năm.

Phong trào "Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp" diễn ra sôi nổi trong các nhà trường trên địa bàn huyện, nhiều tập thể cá nhân đạt thành tích cao được biểu dương, khen thưởng.

Hưởng ứng phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, trong 5 năm (1997-2001), Đoàn thanh niên huyện đã trao tặng 22 sổ tiết kiệm với số tiền là 2.500.000 đồng và 200 gói quà trị giá 1.000.000 đồng. Các cơ sở Đoàn đã quyên góp trên 30 triệu đồng xây 2 nhà tình nghĩa.

Thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị “về tăng cường đổi mới công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới” và Chỉ thị 37 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Hội phụ nữ huyện đoàn kết, tập hợp được đông đảo chị em các dân tộc phát huy mọi tiềm năng, tinh thần tự lực tự cường và kế thừa truyền thống "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang", nỗ lực vươn lên cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội. Với phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc", các cấp hội ở nông thôn giữ vai trò chủ động, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia lao động sản xuất. Nhiều gia đình hội viên phụ nữ không còn bị đói, giảm được hộ nghèo. Hội Phụ nữ trong các doanh nghiệp công thương nghiệp động viên phụ nữ chủ động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương. Trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, đẩy mạnh phong trào "giỏi việc nước, đảm việc nhà", phong trào phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình phát triển sâu rộng. Các cấp hội đã vận động chị em giúp nhau giống, vốn và lao động để phát triển kinh tế gia đình, đã lập dự án tín chấp 1.393 triệu đồng cho 1.454 phụ nữ nghèo vay phát triển kinh tế. Phối hợp với các ngành chức năng khác, các cấp hội luôn tích cực tuyên truyền vận động nâng cao hiểu biết của chị em về các lĩnh vực của đời sống xã hội, về chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, về chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình phòng chống HIV/AIDS và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Nhiều hình thức linh hoạt kết hợp giữa kinh tế với nâng cao nhận thức đã thu hút chị em tham gia.

Đến năm 2000, Hội Cựu chiến binh huyện có 805 hội viên, có 11 cơ sở xã và 1 cơ sở thị trấn. Hội hết sức coi trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị, trau dồi đạo đức cách mạng cho hội viên. Trước mọi diễn biến phức tạp, các thành viên trong Hội luôn vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, giữ vững phẩm chất "Bộ đội cụ Hồ".

Hội cựu chiến binh huyện hăng hái tham gia xây dựng chi bộ, đảng bộ, củng cố chính quyền, đoàn thể, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Hội còn phối hợp với các đoàn thể vận động thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc huyện quản lý, giáo dục các đối tượng có hành vi phạm pháp, nghiện hút ma tuý, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

Ban chấp hành Hội còn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Hội viên. Hội tích cực động viên hội viên thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ huyện về phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Nhiều hội viên vận dụng khoa học kỹ thuật một cách sáng tạo, đạt hiệu quả trong lao động sản xuất, mức thu nhập của nhiều hội viên tăng lên rõ rệt. Hội còn tích cực tham gia các phong trào văn hoá, văn nghệ nhân các ngày kỷ niệm lớn, quyên góp giúp đỡ đồng bào bị lũ, lụt.

Bằng sự đóng góp đầy hiệu quả, Hội Cựu chiến binh đã góp phần quan trọng vào thành tích của huyện, được Đảng bộ, chính quyền tin cậy, nhân dân trong huyện tín nhiệm. Với những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ 1997-2001, Hội đã giành được nhiều danh hiệu trong phong trào thi đua: 55 đồng chí được tặng Huy chương Cựu chiến binh Việt Nam; 16 tập thể và 05 cá nhân được nhận Bằng khen của Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh và Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh Kon Tum.

**5. Giữ vững ổn định an ninh, quốc phòng**

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong những năm tới: “Phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh của đất nước…nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại âm mưu, hoạt động gây mất ổn định chính trị, xã hội, xâm phạm độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội”.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XI xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ an ninh quốc phòng giai đoạn 1996-2000 là cần tập trung tăng cường công tác an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên toàn tỉnh.

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể coi là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên để bảo đảm thắng lợi trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Trong những năm 1996-2000, Huyện ủy đã lãnh đạo toàn Đảng bộ tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới; Nghị định số 138/NĐ-CP của Chính phủ về chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ huyện.

Cùng với việc học tập và triển khai các nghị quyết của Đảng, của Tỉnh ủy, Huyện ủy còn chỉ đạo sát sao các hoạt động của lực lượng an ninh huyện. Các lực lượng an ninh từ huyện đến xã đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện, công tác an ninh chính trị đạt nhiều kết quả. Cùng với việc bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các hoạt động chính trị, các ngày lễ lớn trên địa bàn, lực lượng an ninh huyện còn làm tốt công tác đấu tranh chống tội phạm kinh tế, tội phạm hình sự. Trong năm 1996, thanh tra huyện đã tiến hành 6 cuộc thanh tra, phát hiện và thu hồi cho ngân sách Nhà nước và tập thể đơn vị trên 43 triệu đồng. Năm 1997, phát hiện và xử lý 89 vụ khai thác và vận chuyển gỗ trái phép. Năm 1998, các lực lượng liên ngành phát hiện và xử lý 38 vụ vận chuyển lâm sản.

Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân, các ban, ngành chức năng trong huyện thường xuyên kiện toàn, củng cố lực lượng an ninh cơ sở, đội phòng cháy, chữa cháy, tập trung xây dựng lực lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cảnh sát khu vực trong toàn huyện, tăng cường công tác nắm hộ, nắm người tạm trú, tạm vắng, tích cực đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội. Huyện ủy còn thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao kiến thức hiểu biết về pháp luật cho mọi người dân, gắn chặt cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" với phong trào "toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội".

Đạt được các thành tích trên là do Huyện ủy quán triệt tư tưởng chỉ đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc là phong trào cách mạng của quần chúng; sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Huyện ủy; hoạt động tổ chức quản lý điều hành của chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng; sự hưởng ứng tham gia của đông đảo quần chúng trong việc thực hiện các chương trình lớn, như chương trình quốc gia phòng, chống ma túy; chương trình quản lý, giáo dục các đối tượng.

Về công tác quốc phòng: công tác khám tuyển và nhập ngũ hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch trên giao. Lực lượng dân quân tự vệ, quân dự bị động viên ở các cơ quan, xí nghiệp và các xã được chú ý củng cố, thường xuyên luyện tập các phương án tác chiến, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống xảy ra. Hầu hết các địa phương đã xây dựng được tuyến phòng thủ vững chắc từ cơ sở. Thế trận chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân được các cấp các ngành nhận thức một cách đầy đủ.

Chính sách hậu phương quân đội có nhiều cố gắng, công tác động viên công dân đến tuổi nhập ngũ được các cấp ủy địa phương quan tâm.

**II. Kon Plông trong những năm đầu thế kỷ (2001 -2002).**

**1. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2000-2005**

Năm 2001 là năm đầu tiên của thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới. Đảng ta, nhân dân ta, dân tộc ta đã vô cùng tự hào về những thắng lợi vĩ đại đạt được trong thế kỷ XX, trong đó có những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của chặng đường 15 năm đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Vượt qua nhiều thử thách của lịch sử, những biến cố của thời cuộc, Đảng đã giữ vững vai trò lãnh đạo đất nước; phát huy được mọi nhân tố, mọi nguồn lực cho công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để nhìn lại chặng đường 5 năm và 15 năm đổi mới, năm 2001 Đảng tiến hành Đại hội toàn quốc lần thứ IX để tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới theo những nguyên tắc đã được xác định, tiếp tục phát triển, cụ thể hóa và hoàn thiện hơn một bước đường lối đổi mới của Đại hội VI, VII và VIII.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ huyện đề ra, huyện Kon Plông đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Cơ sở hạ tầng đã được tăng cường; đội ngũ cán bộ và các tầng lớp nhân dân có thêm những kiến thức và kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới. Sản xuất nông, lâm nghiệp đã tận dụng và phát huy được tiềm năng thế mạnh của địa phương; đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng có hiệu quả. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nền quốc phòng toàn dân từng bước được củng cố. Các tổ chức, cơ sở đảng ngày càng vững mạnh, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, tạo niềm tin đối với nhân dân.

Tuy nhiên, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế đạt khá, nhưng chưa vững chắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, vẫn là kinh tế thuần nông, mang tính tự cấp tự túc. Việc khai thác và quản lý rừng chưa

tốt, gây thiệt hại đến nguồn tài nguyên rừng. Mức sống ở các vùng có sự chênh lệch. Các biện pháp xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất hiệu quả chưa cao. Công tác văn hóa - giáo dục còn nhiều hạn chế. Hệ thống chính trị chưa thật sự vững mạnh.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Kon Plông lần thứ XIV được tổ chức trọng thể từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 11 năm 2000. Dự Đại hội có 120 đại biểu, đại diện cho đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Tại Đại hội, các đại biểu đã phát huy dân chủ, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng; dự thảo Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XII; dự thảo Báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIII. Đại hội đã chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời thảo luận và quyết nghị về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu và các giải pháp chủ yếu sẽ thực hiện trong nhiệm kỳ 2001 - 2005.

Mục tiêu giai đoạn 2001-2005 là: "Tập trung mọi nguồn lực, phát huy nội lực, tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao dân tri; đời sống vật chất, tinh thần và chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, xây dựng nền an ninh - quốc phòng vững chắc, theo hướng chính quy và từng bước hiện đại góp phần hỗ trợ đắc lực cho sự ổn định và phát triển mọi mặt của huyện. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh hoạt động có chất lượng và hiệu quả" .

Đại hội cũng đã xác định những mục tiêu cụ thể của giai đoạn 2001-2005 nhằm chặn đà giảm sút về tăng trưởng kinh tế, đặt nền móng cho cả giai đoạn phát triển 10 năm (2001-2010), cùng cả nước thực hiện chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội nêu ra những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể nhằm đạt được mục tiêu trên:

- Tập trung phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chú trọng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo từng tiểu vùng, thực hiện xóa đói giảm nghèo.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh như điện năng, chế biến nông, lâm sản, hình thành các cơ sở chế biến nông sản, vật liệu xây dựng.

- Hình thành các điểm du lịch.

- Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế. Khuyến khích và hỗ trợ kinh tế hợp tác phát triển. Có chính sách khuyến khích kinh tế hộ và kinh tế trang trại phát triển theo hướng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội; tăng cường nâng cao dân trí và đảm bảo chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân.

- Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, xây dựng nền an ninh - quốc phòng vững mạnh toàn diện.

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIV, nhiệm kỳ 2000 - 2005 gồm 33 đồng chí. Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Đồng chí Đào Xuân Quí được bầu làm Bí thư Huyện uỷ. Các đồng chí La Xuân Thạnh, Võ Xuân Truyền được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ.

**2. Kon Plông trong những năm đầu thế kỷ XXI (2001-2002)**

Ngay sau Đại hội lần thứ XIV, Huyện uỷ lãnh đạo các cấp, các ngành và toàn dân trong Huyện nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo trong cụ thể hoá chủ trương, chính sách của Đảng thành những kế hoạch, chương

trình hành động, thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Đại hội lần thứ XIV đề ra.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, sự chỉ đạo điều hành của Uỷ ban Nhân dân huyện và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội cùng sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, các chương trình kinh tế - xã hội được triển khai thực hiện, tạo nhiều chuyển biến tích cực, đạt được những thành quả quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Mặc dù vẫn còn những hạn chế, khó khăn là lực cản trên bước đường xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của huyện, song thuận lợi vẫn là cơ bản.

Tháng 4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng thành công tốt đẹp. Đại hội khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta với mục tiêu chung là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đại hội hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) với mục tiêu: đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại... Đại hội cũng xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm 2001-2005 là tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Về định hướng phát triển các vùng kinh tế, Báo cáo chính trị của đại hội chỉ rõ: "Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, có lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất hàng hoá lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sån..." .

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng bộ huyện, Huyện uỷ chủ trương phát triển nhanh sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng đa dạng.

Trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, Huyện uỷ tiếp tục chỉ đạo chương trình chuyển dịch cơ cấu cây, con theo từng tiểu vùng và đã đạt được kết quả khả quan. Tính đến cuối năm 2001, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm là 5.787,6 ha, tăng 418,3 ha so với năm 2000. Các xã Đăk Ruồng, Tân Lập, Đăk Tờ Re đã hình thành vùng chuyên canh cây mía. Nhờ làm tốt công tác khai hoang, mở rộng diện tích ruộng nước, áp dụng giống mới và cải tiến quy trình sản xuất nên tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2001 đạt 11.258,9 tấn, đạt 120,52% kế hoạch, tăng 2.540,9 tấn so với năm 2000.

Về chăn nuôi, đến cuối năm 2001, tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện có 70.640 con, trong đó đàn trâu, bò, heo là 26.153 con, đàn gia cầm là 44.455 con.

Trong lâm nghiệp, năm 2001, các lâm trường quốc doanh trên địa bàn huyện tiến hành chăm sóc 1.162 ha rừng thuộc chương trình 5 triệu ha rừng của Chính phủ. Việc giao khoán, quản lý, chăm sóc đã góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ rừng. Huyện tiến hành giao khoán 29.025,5 ha rừng, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 5 năm, bằng nhiều nguồn vốn, toàn huyện đã trồng 1.040 ha cây nguyên liệu giấy.

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất và đời sống từng bước được chú trọng. Tổng số vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện là 23.720,5 triệu đồng. Quá trình đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và sử

dụng hiệu quả nguồn vốn được cấp. Nhiều công trình thuỷ lợi được nâng cấp, tu bổ, phát huy hiệu quả. Hệ thống giao thông trên địa bàn được chú trọng, tổng giá trị đầu tư cho giao thông trong năm 2001 đạt 3.657,91 triệu đồng. Huyện đã có 6 xã, thị trấn được dùng điện lưới quốc gia. Hệ thống bưu chính viễn thông đảm bảo được yêu cầu.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ tiếp tục phát triển. Hệ thống dịch vụ thương mại phát triển mạnh ở trung tâm huyện lỵ và ở một số xã thuận lợi; ở các làng, xã vùng xa đã và đang hình thành các điểm buôn bán nhỏ góp phần đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng có nhiều tiến bộ. Năm 2001, tổng thu ngân sách huyện đạt 19.778.758 triệu đồng, tổng chi ngân sách đạt 14.637.218 triệu đồng. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong phân bổ, cấp phát chỉ tiêu đã tăng tính chủ động, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý và điều hành ngân sách.

Công tác giáo dục - đào tạo đạt được những kết quả đáng kể. Cơ sở trường lớp, các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học ngày càng được đầu tư đúng mức, các phòng học tạm bợ cơ bản được xoá bỏ. Đội ngũ giáo viên ngày càng được đáp ứng cả về số lượng và chất lượng. Năm học 2001-2002, tổng số giáo viên và cán bộ công nhân viên ngành giáo dục có 358 đồng chí. Đời sống vật chất, tinh thần của giáo viên được chú ý và từng bước cải thiện. Tổng số học sinh đến trường ở các cấp học năm học 2001-2002 có 6.095 học sinh; tỉ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp đạt 93,7%; Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học đạt 97,4%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99%, trung học phổ thông đạt 94%, số người trong độ tuổi (15-35) biết chữ đạt 99%.

Quán triệt Nghị quyết TW5 (khoá VIII) về "xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc được quan tâm. Các đội cồng chiêng dân gian và một số lễ hội truyền thống đang dần được phục hồi và phát triển. Hệ thống nhà Rông ở các thôn làng, nơi sinh hoạt văn hoá cộng đồng được khuyến khích xây dựng và tôn tạo. Nhiều phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức hiệu quả, thiết thực, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. Lĩnh vực truyền thanh - truyền hình có bước tiến bộ, các trang thiết bị được đầu tư mới, đi đôi với việc tăng tần xuất phát sóng, thời lượng phát sóng và diện phủ sóng. Nhu cầu hưởng thụ văn hoá nghệ thuật, tiếp cận thông tin của nhân dân được đáp ứng cơ bản.

Công tác y tế từng bước đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Năng lực chuyên môn và y đức của đội ngũ cán bộ ngành y được nâng cao. Công tác y tế dự phòng luôn được chú trọng. Đến năm 2001, dịch bệnh lớn không xảy ra, các vụ dịch nhỏ được phát hiện, dập tắt kịp thời. Các mục tiêu, chương trình, dự án y tế quốc gia đều được triển khai có hiệu quả tại địa bàn. Các xã, thị trấn có trạm y tế được trang bị đủ thiết bị, dụng cụ thiết yếu, cán bộ y tế có nghiệp vụ chuyên môn cơ bản. 100% thôn, làng có nhân viên y tế thôn bản; 3.146 người dân/01 bác sĩ. Thực hiện tốt chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng 6 bệnh thường gặp đạt 95,26%. Các bệnh xã hội được giám sát, theo dõi và điều trị kịp thời.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được triển khai có hiệu quả, đại bộ phận các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đã tự nguyện áp dụng các biện pháp tránh thai. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 2,23% năm 2000 xuống còn 2,14% năm 2001.

Việc thực hiện các chính sách xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội luôn được quan tâm, việc chi trả thường xuyên cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách đảm bảo kịp thời, đúng, đủ chế độ. Công tác "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn" được đẩy mạnh. Việc cứu đói, cứu trợ xã hội luôn kịp thời, đúng đối tượng, thể hiện được tinh thần tương thân tương ái trong đời sống cộng đồng.

Trong năm 2001, tình hình chính trị diễn biến phức tạp, đã xảy ra bạo loạn chính trị ở Gia Lai và Đắk Lắk. Tại Kon Tum, bước đầu chúng đã hình thành các nhóm Đê Ga hoạt động tại các xã Đoàn Kết, Ya Chiêm, Vinh Quang (thị xã Kon Tum), Đăk Ruồng (Kon Plông), Sa Bình (Sa Thầy); trên địa bàn huyện xảy ra 03 vụ truyền đạo tin lành trái phép (làng Kon RMa, xã Măng Cành 7 hộ 31 khẩu, làng Vi Ring, xã Măng Bút 21 hộ 89 khẩu…Trước tình hình đó, Đảng bộ huyện đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương; coi trọng phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh, tập trung chỉ đạo xây dựng tiềm lực, xây dựng các cơ quan quân sự, đơn vị thường trực, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững về chính trị; đồng thời, nâng cao chất lượng hoạt động, khả năng sẵn sàng chiến đấu và hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng. Triển khai lực lượng công an, dân quân, du kích thường xuyên tuần tra, kiểm soát, đã phát hiện và thu giữ nhiều tài liệu của địch về “Nhà nước Đê Ga”, truyền đạo Tin lành trái phép, tập trung ở các xã Đăk Tờ Re, Ngọk Tem, Măng Bút, Măng Cành,…

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng toàn dân được quan tâm; ý thức độc lập tự chủ, tinh thần cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được nâng lên; nguồn lực huy động cho nhiệm vụ quốc phòng được đảm bảo.

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm đúng mức và đạt nhiều kết quả. Năm 2001, có 4/12 tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh chiếm 33,3%, có 8/12 tổ chức cơ sở đảng đạt loại khá, chiếm 66,7%; đảng viên tiền phong gương mẫu chiếm 82,1%; kết nạp 56 đảng viên mới. Các cấp uỷ đảng tổ chức tốt việc học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước gắn với xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch của cấp mình. Chủ động hơn trong tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chú trọng đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, giáo dục và biên soạn tài liệu phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng giúp cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận rõ hơn thời cơ, thách thức và âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và bọn phản động FULRO, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, khơi dậy và phát huy năng lực sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đảng bộ huyện chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, nhất là cơ sở. Các tổ chức đảng ngày càng phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, chỉ đạo và quyết định những vấn đề trọng yếu; tập trung sức lực, trí tuệ để lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị. Giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng ở từng cấp, từng tổ chức đảng. bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát huy vai trò chủ động của cơ quan Nhà nước trong quản lý và điều hành theo pháp luật; phát huy tính tích cực, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể quần chúng và nhân dân trong công tác xây dựng đảng.

Thông qua việc thực hiện Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đẩy mạnh phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2), chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đã nâng cao, đa số các đảng bộ và chi bộ đều có quy chế hoạt động rõ ràng, phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể, tình trạng chồng chéo giữa Đảng và chính quyền ở cơ sở giảm nhiều.

Đảng bộ huyện làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ. Đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng, cơ bản đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Công tác kiểm tra Đảng được Đảng bộ hết sức chú trọng. Quá trình kiểm tra đã đi sâu vào vấn đề đoàn kết nội bộ, chống tham nhũng và việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng. Năm 2001, 2002, thông qua kiểm tra, đã xử lý kỷ luật 05 trường hợp đảng viên vi phạm, trong đó đảng viên là cán bộ có chức vụ cấp huyện 03 đồng chí, đảng viên là cán bộ có chức vụ cấp xã 02 đồng chí (khiển trách 03, cảnh cáo 01, cách chức 01) Nhờ thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra nên đạo đức cách mạng, lối sống của đội ngũ đảng viên có tiến bộ rõ rệt, tệ tham nhũng, cửa quyền, sách nhiễu được ngăn chặn kịp thời.

Hoạt động của hệ thống chính quyền từ huyện đến xã có nhiều tiến bộ. Hội đồng nhân dân các cấp đã có sự đổi mới trong việc tổ chức các kỳ họp. Chức năng quyết định và giám sát của Hội đồng nhân dân được nâng lên một bước. Bộ máy hành chính Nhà nước từ huyện đến cơ sở được củng cố, đã thực hiện tốt nhiệm vụ, quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết nhiều vấn đề bức xúc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động, đã bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, tích cực vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện. Nhiều tấm gương tiêu biểu trong phát triển kinh tế, nhiều gia đình văn hoá và khu dân cư kiểu mẫu đã xuất hiện trên địa bàn các xã. Nhiều phong trào có ý nghĩa chính trị rộng lớn và thiết thực như cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tổ quốc, thi đua lao động sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo tồn và phát triển nền văn hoá truyền thống… đã trở thành công tác thường xuyên ở tất cả các địa bàn khu dân cư. Việc xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước thôn làng đã đạt được những kết quả bước đầu, góp phần xây dựng nông thôn mới. Thông qua việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, bằng nhiều hình thức hoạt động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động và thực hiện tốt chức năng là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân.

Nhằm tiếp tục xây dựng và phát triển quê hương trong điều kiện và hoàn cảnh mới, theo đề nghị của huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2002/NĐ-CP, ngày 31-01-2002 về việc chia huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum thành hai huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy; đổi tên thị trấn Kon Plông thành thị trấn Đăk Rve. Sau khi chia tách, huyện Kon Plông có 136.160 ha diện tích tự nhiên và 17.967 nhân khẩu, gồm 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Đăk Ring, Ngọk Tem, Măng Bút, Măng Cành, Pờ Ê và xã Hiếu. Ngày 22-3-2002, Tỉnh uỷ Kon Tum quyết định thành lập Đảng bộ huyện Kon Plông mới và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Kon Plông gồm 27 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm có 07 đồng chí. Chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Hùng giữ chức Bí thư Huyện uỷ; các đồng chí A Dăm, Võ Xuân Truyền giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Theo đó, Đảng bộ huyện được kiện toàn lại, gồm có 24 tổ chức cơ sở Đảng, với 375 đảng viên.

\*

Sau 7 năm (1996-2002) tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI, XII Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, XIV, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo toàn quân, toàn dân nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, phát huy thế mạnh của huyện, phát triển kinh tế, xã hội. Bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. Công tác giáo dục, y tế có những chuyển biến tích cực, văn hoá dân tộc được khôi phục và phát huy. Giữ vững an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội: quốc phòng toàn dân từng bước được xây dựng và củng cố vững chắc. Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng có hiệu quả, quyền làm chủ của người dân được phát huy, khối đại đoàn kết được mở rộng và tăng cường, sức mạnh, lòng tin của các tầng lớp nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng được củng cố và nâng cao.

Bên cạnh những thành công, Đảng bộ huyện vẫn còn những tồn tại, khó khăn cần khắc phục trên các lĩnh vực. Về kinh tế, tuy tốc độ tăng trưởng khá, nhưng chưa bền vững, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, vẫn là kinh tế thuần nông. Tiềm năng về tài nguyên dồi dào nhưng khai thác và sử dụng chưa hợp lý, quản lý bảo vệ rừng chưa tốt. Bộ mặt nông thôn mới thay đổi ở mức độ thấp, tốc độ chậm. Công tác định canh, định cư, xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả chưa cao. Hệ thống chính trị chưa thực sự vững chắc. Năng lực lãnh đạo của cấp ủy, vai trò điều hành của chính quyền cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế, song, với những kết quả đạt được đã tạo thế, tạo lực, tạo đà cho Đảng bộ và nhân dân huyện Kon Plông vững bước trên chặng đường đổi mới vì mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phần đầu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

**PHẦN KẾT LUẬN**

Nằm ở vị trí chiến lược quan trọng đối với tỉnh Kon Tum nói riêng và Tây Nguyên nói chung, huyện Kon Plông - một vùng đất giàu truyền thống yêu nước, cách mạng, là căn cứ địa vững chắc qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ - được hình thành, xây dựng và phát triển qua nhiều thời kỳ lịch sử vẻ vang với những tên gọi khác nhau. Nhưng dù ở thời kỳ nào, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện, từ những cộng đồng dân cư tại chỗ người Xơ Đăng, Ba Na, Hrê hay như sau này là dân tộc Kinh và một số dân tộc khác di cư từ các địa phương trong nước đến thì cộng đồng các dân tộc của huyện Kon Plông luôn là một khối đoàn kết, thống nhất, gắn bó yêu thương nhau, có tinh thần yêu nước nồng nàn, anh dũng bất khuất trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, và luôn cần cù lao động, chung tay xây dựng, phát triển quê hương. Truyền thống tốt đẹp đó được hình thành, hun đúc trong quá trình lịch sử phát triển của huyện, đã phát huy cao độ khi có ánh sáng cách mạng của Đảng, của Bác Hồ chiếu rọi đến Tây Nguyên, đặc biệt là khi có sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Kon Tum, trực tiếp là Đảng bộ huyện Kon Plông - Nhân dân đã sớm giác ngộ, đoàn kết một lòng, trung thành với Đảng, theo Đảng làm cách mạng.

Lịch sử Đảng bộ huyện Kon Plông được bắt đầu từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, khi có Chi bộ cộng sản đầu tiên ra đời vào tháng 4-1947 trên địa bàn huyện và sự thành lập Ban Cán sự Đảng (sau này là Huyện uỷ) vào đầu năm 1950. Đảng bộ có lịch sử hơn 73 năm, tuy ngắn so với lịch sử hàng trăm năm của huyện, nhưng đây là giai đoạn lịch sử phát triển rực rỡ, hào hùng của nhân dân huyện Kon Plông. Bởi vì đây là giai đoạn tiếp nối, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống lịch sử của đồng bào các dân tộc trong huyện được kết tinh trong lịch sử chống đế quốc, thực dân, phong kiến và xây dựng, phát triển quê hương dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện suốt từ cuối thế kỷ XIX đến thập niên 20 của thế kỷ XXI, với mục tiêu bảo vệ vùng đất, nguồn nước, của cải tài nguyên, phong tục tập quán, văn hóa địa phương và cao hơn là giành độc lập dân tộc, tự do dân chủ. Sự thừa kế truyền thống lịch sử được thực hiện đầu tiên từ những người yêu nước ở địa phương, tiếp đến là những người cộng sản bị bắt - những người tù chính trị và sau đó là những cán bộ, đảng viên, chiến sĩ được Đảng phái lên Kon Plông hoạt động, công tác. Thực tiễn lịch sử của huyện cho thấy, những cuộc phản kháng của Nhân dân do những người yêu nước lãnh đạo với những vũ khí thô sơ như cung tên, chông thò, cạm bẫy... đã làm cho thực dân Pháp rất hoảng sợ; song các cuộc chiến đấu (trước khi có sự lãnh đạo của Đảng) diễn ra anh dũng, kéo dài hoặc là tự phát, hoặc mang màu sắc tôn giáo tín ngưỡng, tin vào sức mạnh thần linh đều thất bại. Chỉ có những người cộng sản dù bị tù đày, mất tự do, hay phải hoạt động bí mật nhưng đã biết khơi dậy được sức mạnh truyền thống của nhân dân địa phương, tinh thần thượng võ, tình thương yêu, sự đoàn kết cộng đồng của đồng bào các dân tộc (trong những năm 1930-1934, những năm 1940-1945 và những năm 1946-1975 và trong các giai đoạn cách mạng sau này); cảm hoá được những người lầm đường lạc lối đi về phía nhân dân, theo Đảng làm cách mạng, xây dựng quê hương. Những người cộng sản làm được điều đó là vì họ nắm được chủ nghĩa Mác-Lênin và các quan điểm đường lối, chủ trương của Đảng ta.

Nhờ đó, trong không khí sục sôi của những ngày Cách mạng tháng Tám lịch sử, dù chưa có tổ chức Đảng, chưa có các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, nhưng với tinh thần yêu nước, cùng với sức ảnh hưởng của phong trào cách mạng trong vùng và sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang huyện Ba Tơ (Quảng Ngãi), đồng bào huyện Kon Plông đã tổ chức giành chính quyền và là địa phương đầu tiên giành được chính quyền ở tỉnh Kon Tum.

Đó là lịch sử nhân dân trong huyện tham gia củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng trong những năm tháng đầu tiên dưới chính thể dân chủ cộng hòa; chuẩn bị lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ. Ngay từ tháng 6-1946, nhân dân huyện Kon Plông đã có công bảo vệ chính quyền tỉnh, huyện, bảo vệ đồng bào ở vùng địch chiếm đóng sơ tán đến vùng tự do; chuẩn bị cơ sở để xây dựng vùng căn cứ để kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp. Nhận thấy vị trí chiến lược của huyện Kon Plông, Xứ ủy Trung kỳ và Khu ủy Khu V đã điều cán bộ, bộ đội từ đồng bằng lên Kon Plông vận động nhân dân xây dựng cơ sở cách mạng cho cuộc kháng chiến. Nhiều cơ sở xuất hiện, các căn cứ được xây dựng, chi bộ Đảng ra đời, lực lượng vũ trang được thành lập, cán bộ bám dân, bám đất hoạt động. Những điều kiện đó đã tạo điều kiện thành lập Đảng bộ huyện vào đầu năm 1950. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Khu ủy khu V và Đảng bộ tỉnh Kon Tum, Đảng bộ huyện Kon Plông đã lãnh đạo nhân dân vừa chiến đấu bảo vệ căn cứ, vừa sản xuất bảo đảm tự túc lương thực; các chi bộ đảng được quan tâm phát triển, Đảng bộ ngày một vững mạnh thêm. Xuất phát từ yêu cầu của cách mạng, Đảng bộ huyện đã phát triển thành hai Đảng bộ: Đảng bộ Kon Plông Bắc và Đảng bộ Kon Plông Nam; từ một Ban cán sự thành hai Ban cán sự để lãnh đạo cả một vùng đất đai rộng lớn. Các đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân liên tục đánh địch tiến lên giải phóng toàn huyện, góp phần giải phóng tỉnh Kon Tum trong kháng chiến chống Pháp.

Đó là lịch sử Đảng bộ huyện Kon Plông trong việc lãnh đạo nhân dân tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, chống bọn ngụy quyền Sài Gòn định chia cắt đất nước ta lâu dài. Vượt qua những khó khăn thử thách của thời kỳ "tố cộng", "diệt cộng" của Mỹ-Ngụy, Đảng bộ huyện kiên cường tồn tại và hoạt động bền bỉ; cán bộ, đảng viên ở lại bám trụ, sống chết cùng Nhân dân. Khi không còn khả năng để thực hiện tự do tổng tuyển cử; chấp hành chỉ thị của cấp trên, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân duy trì cơ sở, bảo vệ lực lượng và căn cứ kháng chiến. Xã Hiếu, Pờ Ê, Ngọk Tem và nhiều xã khác vốn là căn cứ kháng chiến chống Pháp, lại tiếp tục là căn cứ kháng chiến chống Mỹ-Ngụy.

Từ năm 1960, sau Đại hội I của tỉnh, các ban cán sự đảng của huyện trở thành huyện ủy đã thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân trong huyện xây dựng cơ sở, lực lượng chính trị, lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích; xây dựng căn cứ kháng chiến về mọi mặt: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá giáo dục; đồng thời, đã phối hợp với bộ đội chủ lực, bộ đội tỉnh và quân dân các huyện bạn đã anh dũng, kiên cường chiến đấu làm phá sản mọi âm mưu chiến lược, kế hoạch chiến tranh của Mỹ-Ngụy. Đặc điểm xuyên suốt của huyện Kon Plông từ kháng chiến chống Pháp đến thời kỳ chống Mỹ là luôn có ba vùng rõ rệt: vùng căn cứ, vùng địch chiếm đóng, vùng tranh chấp giữa ta và địch, Huyện ủy H29 đã luôn bám đất, bám dân để vận động nhân dân vùng căn cứ vừa chiến đấu vừa sản xuất, xây dựng làng chiến đấu; vận động nhân dân vùng bị địch chiếm đóng nổi dậy phá tề, phá ấp chiến lược; vận động nhân dân cùng lực lượng vũ trang chống địch lấn chiếm, dồn dân. Cứ như thế, cuộc chiến đấu của quân và dân Kon Plông dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện ủy đã kiên trì suốt 21 năm chống Mỹ-Ngụy, góp phần đánh bại các chiến lược "chiến tranh đặc biệt" (1961-1964); chiến lược "chiến tranh cục bộ" (1965-1968); chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969-1972) và chiến lược kéo dài chiến tranh sau Hiệp định Pari của Mỹ-Ngụy, giải phóng toàn huyện vào tháng 10-1974, là địa phương được giải phóng sớm nhất trong tỉnh Kon Tum. Thắng lợi đó góp phần giải phóng thị xã Kon Tum (16-3-1975), cùng với chiến trường Tây Nguyên mở đường thắng lợi dẫn tới Đại thắng mùa Xuân 1975 bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cũng như thắng lợi sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, thắng lợi sau 21 năm chống đế quốc Mỹ của Đảng bộ, quân và dân Kon Plông là thắng lợi to lớn, vẻ vang, tô thắm thêm trang sử vàng cho lịch sử của Đảng bộ tỉnh Kon Tum nói chung, Đảng bộ huyện Kon Plông nói riêng. Giành được những thắng lợi to lớn đó là nhờ vào sức mạnh tổng hợp của các yếu tố sau:

1. Đường lối cách mạng đúng đắn, sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là cội nguồn thắng lợi cho cách mạng cả nước và phong trào cách mạng các địa phương, trong đó có huyện Kon Plông. Đường lối, chủ trương của Đảng được cụ thể hóa qua mỗi thời kỳ cách mạng và được vận dụng vào điều kiện sát thực của địa phương huyện. Đó là ánh sáng, niềm tin, là sức mạnh cho Đảng bộ và nhân dân huyện nhà vượt qua muôn trùng thử thách, vượt qua gian khó, hướng đến rạng đông của bình minh chiến thắng để giành nhiều thắng lợi to lớn.

2. Có sức mạnh to lớn của nhân dân bắt nguồn từ truyền thống của địa phương, từ đoàn kết các dân tộc và từ sự giác ngộ cách mạng của nhân dân. Sức mạnh của nhân dân được thể hiện trong đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nhân dân luôn nêu cao tinh thần cách mạng, trung thành với Đảng. Nhờ nhân dân mà cán bộ, đảng viên của Đảng đã kiên cường bám dân, bám đất suốt những thời kỳ khó khăn, ác liệt nhất. Nhân dân đã tổ chức bảo vệ hành lang chiến lược, tổ chức các trạm liên lạc, nuôi giấu cán bộ, cung cấp lương thực, thực phẩm với số lượng hàng nghìn tấn so với dân số chỉ vài nghìn người; đóng góp hàng vạn ngày công phục vụ hai cuộc kháng chiến.

3. Đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, đoàn kết gắn bó giữa Đảng bộ với nhân dân là sức mạnh của mọi chiến thắng. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân đân Kon Plông coi trọng việc thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng, của Bác Hồ; các dân tộc trong huyện đoàn kết như anh em một nhà; đồng bào coi bộ đội từ các nơi đến chiến đấu ở Kon Plông như người thân ruột thịt; đồng thời chú trọng xây dựng tình đoàn kết với các huyện bạn, tỉnh bạn trong vùng và đoàn kết quốc tế với nhân dân hai nước Lào, Campuchia. Sức mạnh của khối đoàn kết ấy càng được nhân lên khi có sự chia rẽ của kẻ thù và đây là nhân tố quan trọng cho thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến.

4. Sự giúp đỡ của Trung ương, của Khu ủy khu V, của tỉnh về sức người, sức của, về cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, trang bị vũ khí, kinh nghiệm chiến đấu, sản xuất đối với Đảng bộ, quân và dân huyện Kon Plông là sự giúp đỡ to lớn, có ý nghĩa quan trọng. Sự giúp đỡ, chi viện đó theo sự chỉ đạo chung của Đảng phù hợp với yêu cầu của địa phương, nên đã phát huy được tác dụng và đạt hiệu quả cao, góp phần vào thắng lợi trong các thời kỳ cách mạng của huyện.

5. Thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ của nhân dân Kon Plông còn bởi vai trò tổ chức lãnh đạo trực tiếp, năng động, sáng tạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Trong mọi hoàn cảnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện luôn quan tâm xây dựng Đảng bộ vững mạnh, chú trọng kiện toàn tổ chức, phát triển đảng viên, đào tạo bồi dưỡng cán bộ; liên hệ chặt chẽ với nhân dân. Nhiều cán bộ, đảng viên hoạt động, công tác ở tại huyện Kon Plông đã trở thành những cán bộ chủ chốt của tỉnh, Khu và Trung ương. Suốt từ năm 1950 đến ngày giải phóng, ở Kon Plông không có thời gian nào thiếu vắng vai trò tổ chức lãnh đạo của Huyện ủy. Đây chính là nhân tố nội sinh quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng ở Kon Plông.

Sau năm 1975, cùng với cả nước xây dựng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc huyện Kon Plông lại nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách của một huyện vùng cao, rừng núi hiểm trở, đi lại khó khăn, dân cư thưa thớt, phương thức canh tác còn nhiều lạc hậu, nặng tính du canh du cư, cơ sở công nghiệp, kết cấu hạ tầng hầu như chưa có gì, trình độ dân trí thấp, đời sống xã hội còn nhiều khó khăn, phức tạp,... để tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng quê hương theo chủ trương, đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng mới.

Mười năm đầu sau giải phóng (1976-1985), trong bối cảnh quê hương, đất nước vừa ra khỏi tình trạng chiến tranh, khó khăn chồng chất, thiếu thốn đủ bề, nhất là tình hình khủng hoảng kinh tế-xã hội đầu những năm 80 của thế kỷ XX làm cho tình hình ngày càng khó khăn gay gắt, song với bản lĩnh cách mạng kiên cường, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Kon Plông một lòng theo Đảng, bền bỉ phấn đấu khắc phục khó khăn để xây dựng và phát triển quê hương. Thành quả nổi bật trong thời gian này là nhân dân các dân tộc trong huyện dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã tập trung vào việc khai hoang, xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, thực hiện định canh, định cư cho đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ và đồng bào đi xây dựng kinh tế mới; khôi phục, phát triển sản xuất, vận động nhân dân tham gia vào các tổ hợp tác, hợp tác xã; xây dựng, phát triển các ngành kinh tế, nhất là mở rộng giao thông, phát triển nghề rừng, từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất ban đầu trong các ngành kinh tế, bảo đảm phân phối lưu thông; xây dựng đời sống văn hoá mới, phát triển giáo dục, tập trung vào việc xoá mù chữ; thực hiện chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, chú trọng phòng bệnh, chữa bệnh; thực hiện tốt các chính sách xã hội, đặc biệt là chăm lo giải quyết những khó khăn bức bách về đời sống của nhân dân, ổn định tình hình, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Từ năm 1986, dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ huyện Kon Plông đã nhanh chóng đổi mới tư duy, vận dụng sáng tạo chủ trương đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương, lãnh đạo nhân dân từng bước khắc phục khó khăn, đưa kinh tế xã hội đi dần vào thế ổn định và phát triển. Những năm đầu đổi mới (1986-1990), Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân thực hiện đa dạng hoá các loại cây trồng, chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày, phá thế độc canh cây lúa trong nông nghiệp; đồng thời, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện có hiệu quả bước đầu ba chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tạo những chuyển biến tích cực trong phân phối lưu thông, giải quyết được những khó khăn cấp thiết về đời sống, từng bước đưa kinh tế xã hội huyện nhà vượt qua khó khăn, thoát dần ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ năm 1991-2002, trong thế và lực đi lên mạnh mẽ của đất nước, cùng với những kết quả đạt được trong giai đoạn đầu thời kỳ đổi mới, Đảng bộ huyện Kon Plông đã lãnh đạo nhân dân huyện nhà thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Với cơ cấu kinh tế chiến lược: lâm - nông - công nghiệp, trong đó trước mắt vẫn tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, huyện đã tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa nông nghiệp địa phương phát triển theo hướng đa dạng, đa canh các loại cây trồng, từng bước hình thành thị trường hàng hoá trong nông nghiệp, tạo cơ sở để thực hiện có hiệu quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo chủ trương của Đảng. Cùng với sự chuyển biến trong nông nghiệp, các đơn vị sản xuất, kinh doanh tập thể cũng từng bước được tổ chức sắp xếp lại, hoạt động kinh doanh theo cơ chế mới, khắc phục dần tình trạng trì trệ, thua lỗ, và đã đạt được những kết quả tích cực. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương sau một thời gian dài dậm chận tại chỗ, khi bước sang thời kỳ đổi mới cũng có sự đột phá vươn lên, đẩy mạnh sản xuất, phát triển theo cơ chế mới, góp phần quan trọng vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Kinh tế phát triển, đời sống xã hội và cuộc sống của người dân cũng có sự nâng lên về nhiều mặt. Đảng bộ huyện đã coi trọng việc phát triển văn hoá, quan tâm lãnh đạo các cấp, các ngành vận động nhân dân chú trọng thực hiện bảo tồn và phát huy các bản sắc văn hoá, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, tạo môi trường văn hoá, xã hội lành mạnh ở vùng nông thôn. Phong trào khôi phục, xây dựng Nhà rông văn hoá, xây dựng hương ước, qui ước ở thôn làng; phát triển văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI là một thành tích to lớn mà Đảng bộ và nhân dân huyện nhà đạt được trên lĩnh vực văn hoá. Lĩnh vực giáo dục, y tế trên địa bàn huyện trong giai đoạn này có bước phát triển nhảy vọt cả về lượng và chất. Hệ thống trường lớp, cơ sở khám chữa bệnh, vật tư y tế được đầu tư mở rộng, trang bị hiện đại hơn trước. Mạng lưới giáo dục và y tế phủ kín và mở rộng đến tận thôn làng; trẻ em trong độ tuổi đều được đi học, người dân ốm đau đều được chăm sóc, điều trị. Số lượng giáo viên và học sinh tăng mạnh, chất lượng dạy và học được nâng lên và có nhiều tiến bộ, thành tích hơn; công tác khám, chữa bệnh được chú trọng; công tác phòng bệnh được tiến hành thường xuyên. Các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, y tế triển khai trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao. Đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên.

Với truyền thống uống nước nhớ nguồn, tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo Mặt trận, các đoàn thể, các cấp, các ngành chú trọng thực hiện tốt các chính sách xã hội, hỗ trợ, cứu trợ kịp thời những hộ gia đình nghèo, đói; phát động phong trào làm việc thiện, chăm sóc các gia đình có công với cách mạng, các thương, bệnh binh, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thân nhân liệt sỹ, người già cô đơn… Cùng với những thành quả đạt được trong xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, trong suốt 27 năm sau ngày giải phóng, an ninh, quốc phòng trên địa bàn huyện luôn được giữ vững. Đảng bộ huyện đã lãnh đạo lực lượng vũ trang cùng nhân dân truy quét và ngăn chặn có hiệu quả hoạt động gây rối, phá hoại của FULRO và bọn phản động khác, làm trong sạch địa bàn, đảm bảo huyện Kon Plông trong bất cứ thời kỳ nào cũng luôn là vùng căn cứ địa cách mạng vững chắc của tỉnh và của khu vực.

Gắn liền với những thành quả nêu trên, cùng với quá trình xây dựng và phát triển, Đảng bộ huyện đã có bước trưởng thành về nhiều mặt. Qua mỗi giai đoạn, thời kỳ cách mạng, trước những khó khăn, thử thách, những tác động không thuận lợi do những nguyên nhân từ bên trong, bên ngoài đưa đến nhưng Đảng bộ huyện vẫn luôn thể hiện bản lĩnh cách mạng vững vàng, chủ động nghiên cứu, tổng kết, đúc kết kinh nghiệm, bài học qua mỗi nhiệm kỳ, tiếp thu, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, của Tỉnh uỷ, vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tế địa phương để lãnh đạo chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong huyện khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, đưa huyện nhà đi dần vào thế ổn định và ngày càng phát triển.

Có thể khẳng định, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, quê hương và con người Kon Plông đều đổi mới, ngày càng phát triển. Có được những thành quả trên là do:

- Về khách quan: Có chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ đúng mức của Trung ương và của tỉnh đối với địa phương. Huyện Kon Plông vốn có thế mạnh về rừng, đất đai màu mỡ, có nhiều tiểu vùng sinh thái với sự đa dạng về cây trồng, vật nuôi. Nhân dân cần cù lao động và có kinh nghiệm về phát triển nông, lâm nghiệp.

- Về chủ quan: Đảng bộ Kon Plông có bản lĩnh cách mạng kiên cường; đội ngũ đảng viên có kinh nghiệm lãnh đạo thông qua thực tiễn gắn bó với địa phương, có truyền thống cách mạng, có sự linh hoạt trong quá trình triển khai cụ thể hoá nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng địa phương, Đảng bộ luôn giữ vững và phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân các dân tộc trên địa bàn; Bảo đảm sự đoàn kết thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, có sự đổi mới mạnh mẽ trong nhận thức cũng như trong tư duy, hành động. Phát huy vai trò lãnh đạo trong hệ thống chính trị, tập hợp được khối đại đoàn kết toàn dân. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã phát huy truyền thống yêu nước, cách mạng; đoàn kết, nỗ lực vượt khó, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và phát triển huyện nhà.

Song song với những thành quả to lớn đạt được trong 27 năm xây dựng và phát triển, Kon Plông vẫn còn có những hạn chế, yếu kém. Đó là:

Kinh tế phát triển chưa vững chắc, sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế còn chậm, nông nghiệp vẫn là vị trí hàng đầu trong cơ cấu kinh tế trong khi cơ cấu chiến lược của huyện là lâm - nông - công nghiệp. Sự phát triển của nông nghiệp chưa toàn diện, tỷ lệ cơ cấu cây trồng, vật nuôi phát triển chưa đồng đều. Công nghiệp, thủ công nghiệp của địa phương còn manh mún, chậm phát triển, nặng tính thủ công; hoạt động dịch vụ trong các ngành kinh tế chưa phát triển. Giáo dục, y tế phát triển chậm, có giai đoạn xuống cấp về chất lượng; đời sống của nhân dân các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng tuy có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn khó khăn.

Nguyên nhân của những yếu kém, tồn tại là do: Xuất phát điểm của huyện ở mức quá thấp, điều kiện tự nhiên phân hoá theo từng tiểu vùng, dân số và lao động còn ít (đến năm 2002, dân số cả huyện chỉ hơn 30.000 người), hơn 90% dân số là đồng bào các dân tộc thiểu số, mặt bằng dân trí thấp, ở phân tán trên địa bàn rộng, địa hình chia cắt, rất khó khăn cho việc đầu tư và phát triển.

Hệ thống chính trị cơ sở còn nhiều yếu kém. Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở một vài nơi, trong từng giai đoạn, thời kỳ còn hạn chế. Có số ít cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Quá trình tổ chức thực hiện quản lý điều hành một số dự án đạt hiệu quả chưa cao và thiếu đồng bộ. Kết quả tuyên truyền vận động để quần chúng tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở khu dân cư còn hạn chế. Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng còn lúng túng, có biểu hiện hành chính hóa.

Mặc dù vẫn còn có những hạn chế, yếu kém nhưng những thành quả đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển quê hương của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Kon Plông là rất quan trọng và đáng tự hào. Thành quả đó là nền tảng, niềm tin, động lực để huyện Kon Plông, Kon Rẫy (sau khi được chia tách từ huyện Kon Plông) kế thừa và phát triển trong thời kỳ lịch sử mới.

Từ những thành quả đạt trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng bộ huyện Kon Plông rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

***Một là***: Chủ động nghiên cứu, nắm chắc đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội, vị trí chiến lược của địa phương gắn với quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trên cơ sở đó đánh giá đúng xu thế, nắm bắt trúng thời cơ, đề ra những chủ trương đúng đắn, sát hợp thực tiễn, xác xác định rõ lĩnh vực đột phá để tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở.

***Hai là***: Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ huyện luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; đảm bảo quốc phòng an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội”, trên cơ sở đó đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, quan tâm giải quyết tốt chính sách an sinh xã hội, chăm lo và nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân gắn với xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

***Ba là***: Luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; xác định nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là cội nguồn sức mạnh trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển quê hương; luôn chú trọng thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; thường xuyên củng cố, tăng cường niềm tin và bồi đắp mối quan hệ gắn bó máu thịt Đảng - Dân, chăm lo cho nhân dân, phát huy dân chủ và sức mạnh đoàn kết trong nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Thường xuyên sâu sát cơ sở, gần dân, sát dân, tăng cường đối thoại, lắng nghe và kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc, những nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các biểu hiện xa rời quần chúng.

***Bốn là***: Luôn chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng; thường xuyên tăng cường công tác chính trị, tư tưởng; phát huy nhân tố tích cực, khác phục bảo thủ, trì trệ, phát huy trí tuệ tập thể, nâng cao trách nhiệm cá nhân. Xác định công tác cán bộ là “then chốt của then chốt”; làm tốt công tác phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đúng cán bộ. Chú trọng xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trước hết là trong cấp uỷ mà nòng cốt là Ban Thường vụ cấp ủy.

Năm là: Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cấp ủy, chính quyền của huyện luôn có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư; luôn đồng hành cùng với doanh nghiệp, nhà đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển.

Những nhân tố thắng lợi trên đây cũng chính là những kinh nghiệm lịch sử của Đảng bộ và nhân dân Kon Plông tạo dựng được trong tiến trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân dưới hình thức khởi nghĩa và kháng chiến. Những gì mà cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, nhân dân các dân tộc Kon Plông đã làm được dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ để giành chiến thắng là vô cùng quý giá. Đó là kết quả của quá trình phấn đấu bằng lao động và trí tuệ, bằng sự hy sinh xương máu của đồng bào, đồng chí bao thế hệ. Nó đã trở thành di sản tinh thần quý báu cho các thế hệ hôm nay và mai sau gìn giữ, noi theo. Đảng bộ và nhân dân Kon Plông quyết bảo vệ, gìn giữ di sản đó, phát huy sức mạnh tinh thần của di sản đó vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vào sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trên quê hương Kon Plông.

**PHẦN PHỤ LỤC**

**PHỤ LỤC 1**

**DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN HUYỆN KON PLÔNG ĐƯỢC**

**TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC VŨ TRANG**

**NHÂN DÂN**

**I. Tập thể**

1. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Kon Plông.

Tuyên dương: ngày 24-6-2005.

2. Lực lượng vũ trang và Dân quân du kích xã Đăk Rơ Manh (nay là xã Ngọk Tem), huyện Kon Plông.

Tuyên dương: ngày 06-11-1978.

3. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hiếu, huyện Kon Plông.

Tuyên dương: ngày 20-12-1994.

4. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đăk Ring, huyện Kon Plông.

Tuyên dương: ngày 24-6-2005.

5. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đăk Nên, huyện Kon Plông.

Tuyên dương: ngày 24-6-2005.

**II. Cá nhân**

1. Liệt sĩ Đinh Gió: Dân tộc Hrê, làng Đăk Xlò, xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông.

Tuyên dương: ngày 20-12-1994.

2. Liệt sĩ A Viu (A Ninh): dân tộc Xơ Đăng, xã Đăk Ring, huyện Kon Plông; Thị đội phó Lực lượng vũ trang thị xã Kon Tum.

Tuyên dương: 22-8-1998.

3. Thanh Minh Tám: Dân tộc Hrê, xã Hiếu, huyện Kon Plông; Tiểu đội phó, Đại đội đặc công khu 9 Gia Lai.

Tuyên dương: ngày 17-9-1967.

**PHỤ LỤC 2**

**DANH SÁCH CÁC BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG**

**HUYỆN KON PLÔNG**

1. Y Bom (tức Ban): sinh năm 1926, dân tộc Xơ Đăng.

Quê quán: làng Măng Cành, xã Măng Cành, huyện Kon Plông.

2. Y Thôn: sinh năm 1915, dân tộc Xơ Đăng.

Quê quán: xã Măng Bút, huyện Kon Plông.

3. Y Chở: sinh năm 1921, dân tộc Xơ Đăng.

Quê quán: làng Đăk Xlò, xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông.

4. Y Mênh: sinh năm 1920, dân tộc Xơ Đăng.

Quê quán: làng Kon Xu, xã Măng Cành, huyện Kon Plông.

5. Y Môn (Mun): sinh năm 1929.

Quê quán: xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông.

**PHỤ LỤC 3**

**DANH SÁCH BAN CÁN SỰ ĐẢNG,**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN KON PLÔNG**

**QUA CÁC THỜI KỲ (1950-2002)**

**I. Danh sách Ban Cán sự Đảng/Ban Chấp hành Đảng bộ H29 (1950-1975)**

**1. Ban Cán sự Đảng huyện Kon Plông (3/1950-3/1952)**

- Bí thư: Lê Hai (Tin),

- Uỷ viên: Phạm Thể, Huỳnh Hoạ.

**2. Ban Cán sự Đảng huyện Kon Plông Bắc (3/1952-2/1954)**

- Bí thư: Lê Hai (đến cuối năm 1952 và từ tháng 01-1954); Nguyễn Tiến Cang (Hùng, từ tháng 4-1952 đến cuối năm 1952); Nguyễn Hải Di (từ cuối năm 1952 đến tháng 01/1954).

- Uỷ viên: Lới, Năng (còn gọi là Bá Ái).

**3. Ban Cán sự Đảng Khu 2 (2/1954 đến đầu năm 1960)**

- Bí thư: Lê Hai (đến năm 1955); Lê Tiễn (Bằng, từ năm 1955)

- Phó Bí thư: Thịnh, Huỳnh Văn Mẫn (Cần).

- Uỷ viên: Đoàn Văn, Nguyễn Sung, Vi Hoàng (tức Trần Văn Thân).

**4. Ban Cán sự Đảng Khu 9 (1957 đến đầu năm 1960)**

 - Bí thư: Trần Quang Hải (Ba Neo),

- Uỷ viên: Tường, Hoàng Chiêm (Điểu).

**5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện H29 khoá I (1960-1968)**

 - Bí thư: Trần Quang Hải (Ba Neo, đến năm 1961); Đinh Văn Mai (Loan từ năm 1961),

- Uỷ viên: Hoàng Bảy (Hồ Hạo), Tường, Hoàng Chiêm (Điểu)…

**6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện H29 khoá II (1968-1969)**

- Bí thư: Nguyễn Hồng Quang,

- Phó Bí thư: A Klai,

- Uỷ viên Thường vụ: A Nhân,

- Huyện uỷ viên: Y Điệp (Y Dơ), Quang Vinh, A Đoa, Bá Gùng, Brao, Bã Rôn, An, Sơn.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Y Mực, Tân.

7**. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện H29 khoá III (1969-1970) (Hiện nay chưa thấy tài liệu nào về Đại hội khoá III)**

- Bí thư: Nguyễn Hồng Quang

- Phó Bí thư: Hoàng Chiêm (Điểu).

- Uỷ viên Thường vụ: A Nhân

- Huyện uỷ viên: Y Điệp (Y Dơ), Trần Quang Vinh, A Đoa, Bă Gùng, Brao, Bă Rôn, An, Sơn.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Y Mực, Tân.

**8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện H29 khoá IV (4/1970-1973)**

- Bí thư: Hoàng Chiêm (Điểu, đến năm 1971); Trần Liêu (từ năm 1971 đến tháng 7-1973); A Nhân (Quyền Bí thư, từ tháng 7-1973)

- Phó Bí thư: A Nhân (đến tháng 7-1973); Nguyễn Văn Dũng (từ tháng 7-1973),

- Uỷ viên Ban Thường vụ: Nguyễn Văn Dũng (đến tháng 7-1973); Trần Quang Vinh; Bă Gùng (từ năm 1972), Nguyễn Trung Hà, A Klai, Trần Trung (từ ngày 5-7-1973).

- Huyện uỷ viên: A KLai, Bă Gùng (đến năm 1972), Y Bôn, A Đoa, A Be, A Thiêng, Trần Trung, Y Ngọc, Bjeeh, Trần An, A Đach, A Klai (đến tháng 7-1972), Hồ Long, Nguyễn Trung Hà (từ ngày 06-01-1972 đến ngày 5-7-1973), Nguyễn Hùng Vương (từ ngày 06-01-1972).

- Huyện uỷ viên dự khuyết: A Cau, A Dết, A Nía (từ ngày 06-01-1972).

\* *Ghi chú*: Từ cuối năm 1971, đồng chí Trần Liêu giữ chức Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Hoàng Chiêm. Đến tháng 7-1973, đồng chí Trần Liêu chuyển công tác, đồng chí A Nhân giữ chức Quyền Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Dũng thay đồng chí A Nhân giữ chức Phó Bí thư Huyện uỷ. Ngày 06-01-1972, đồng chí: A KLai, Bă Gùng được bổ sung là Uỷ viên Ban Thường vụ; đồng chí Nguyễn Trung Hà, Nguyễn Hùng Vương, được bổ sung vào Huyện uỷ viên; đồng chí A Nía được bổ sung là Huyện uỷ viên dự khuyết. Đến ngày 05-7-1973, đồng chí Nguyễn Trung Hà, A Klai, Trần Trung được bổ sung là Uỷ viên Ban Thường vụ.

**9. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện H29 khoá V (9/1973-1975)**

- Bí thư: Nguyễn Văn Dũng

- Phó Bí thư: A Klai, Nguyễn Trung Hà.

- Uỷ viên Thường vụ: A Nía, Trần Văn Kiên.

- Huyện uỷ viên: Tâm, Ban (nước Lò), Trần Văn An, Eo, Y Hai, Ban (Nước Nen), Nam, Nguyễn Tương, Kham, Xi, Gia, PReo.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Tân, Phạm Văn Tố.

**10. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện H29 khoá VI (1975-1976) Hiện nay chưa thấy tài liệu nào về Đại hội khoá IV)**

- Bí thư: Hồ Dỹ (Hồ Long),

- Phó Bí thư: Nguyễn Văn Dũng,…

- Huyện uỷ viên.....

**II. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (1976-2002)**

**1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông do Tỉnh uỷ chỉ định (02/1976 - 10/1976)**

- Bí thư: Hồ Long (Dỹ)

- Phó Bí thư: Nguyễn Văn Dũng, Hồ Ngọc Quyết

- Uỷ viên Thường vụ: A Nhân, Nguyễn Ánh Hồng, A Tranh, Trần Văn Kiên, Nguyễn Hữu Vinh (Hải), Y Xê.

- Huyện uỷ viên: Phạm Văn Hùng, A Đậu, Võ An, U Riêng, Nguyễn Tương, Nguyễn Hữu Thông, Y Xuân, Trương Thanh, Phạm Văn Tố, Nguyễn Hồng Khâm, A BGùng (Bá Gùng), Nguyễn Hồng Nam, Trần Văn An, Đinh Văn Đoa, Đinh Klai.

**2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá VII (10/1976-5/1979)**

- Bí thư: Nguyễn Văn Dũng,

- Phó bí thư: Hồ Ngọc Quyết, A Nhân

- Uỷ viên Thường vụ: Trần Văn An, Võ An, Chu Ngọc Hải, Phùng Kim Hùng, Trần Thới Kiên, Bùi Túc (Hồng), A Tranh, Đinh Văn Bích.

- Huyện uỷ viên: Vũ Hùng Cường, Nguyễn Xuân Đích, Nguyễn Hồng Khâm, Nguyễn Hồng Nam, U Riêng, Trương Thanh, Nguyễn Tương, Trần Thanh Trà, Nguyễn Hữu Thông, Y Vêng.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Phan Quang Ánh, Lê Ngọc Kim, Nguyễn Đăng Khôi, Ngô Quyền.

**3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá VIII (05/1979-11/1982)**

- Bí thư: Nguyễn Kiệu (Nguyễn Văn Dũng)

- Phó Bí thư: Hồ Ngọc Quyết, A Núk

- Uỷ viên Thường vụ: Nguyễn Hữu Vinh, Trần Văn An, Đinh Nhân, Trần Thới Kiên, Bùi Túc (Hồng), A Phao.

- Huyện uỷ viên: Đinh Văn Đoa, Võ An, Nguyễn Ánh Hồng, Nguyễn Hồng Khâm, Đinh Văn Bích, Vũ Hùng Cường, Y Bôn, A Giá, A Theo, A Bang, U Riêng, A Xi, A Ra, Nguyễn Hồng Nam, Phùng Kim Hùng, Ngô Quyền, Lê Hồng Kim, Nguyễn Xuân Đích.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Nguyễn Hữu Tường, A Đành.

**4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá IX (11/1982-9/1986)**

- Bí thư: Nguyễn Văn Dũng.

- Phó Bí thư: A Núk, Nguyễn Hữu Vinh.

- Uỷ viên Thường vụ: Đinh Thanh Tâm, Trần Văn An, Võ An, Phan Thanh Dương, Đinh Văn Đoa, Y Xuân, Nguyễn Ánh Hồng.

- Huyện uỷ viên: A Pé, Đinh Văn Bích, Nguyễn Đăng Khôi, Đinh Văn Tâm, Phan Bá Đường, Trần Huệ, Nguyễn Công Đó, Y Gàu, Nguyễn Ký Hồng, Đinh Huy Gô, Đinh Hồng Vệ, A Kron, A Vai, A Giá, A Kiêm, A Bang, A Đành, A Xi, A Biết, Vũ Hùng Cường, U Riêng.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Đinh Văn Phần, A Neo.

**5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá X (9/1986-3/1989)**

- Bí thư: A Núk

- Phó Bí thư: Thái Quang Nhạn

- Uỷ viên Thường vụ: Nguyễn Ánh Hồng, Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Ký Hồng, Đinh Huy Gô, Nguyễn Đăng Khôi, Đinh Đầm, Nguyễn Thanh Khiết, A Vai, Đinh Thanh Tâm.

- Huyện uỷ viên: Trần Huệ, A Bót, Phạm Văn Đoan, Đinh Hồng Vệ, Nguyễn Trọng Phơn, Y Xuân, A Hồng, U SPéh, Nguyễn Như Tạn, A Quỳnh, Y Dung, Đinh Kim Tum, Đinh Văn Thanh, A Giá, U Đậu, U Đê, A Lâng, A Đường, Đinh Hồng Gió, A Lôi, A Neo, Đinh Công Thiết.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Võ Minh Chánh, Y Đai, Trần Bình Trọng, Đinh Đành, A Jing Đeng, A Đun.

**6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá XI (3/1989-01/1992)**

 - Bí thư: Thái Quang Nhạn

- Phó Bí thư: Đinh Huy Gô, Đinh Thanh Tâm

- Uỷ viên Thường vụ: Trần Kim Khoá, Trần Huệ, Nguyễn Trọng Phơn, Đinh Hồng Vệ, Nguyễn Công Văn, Nguyễn Ký Hồng.

- Huyện uỷ viên: Phạm Văn Đoan, Đinh Văn Phần, Nguyễn Xuân Thung, Y Đai, Võ Minh Chánh, A Lâng, Đinh Hồng Gió, A Neo, A Jing Đeng, A Lôi, Đinh Đành, A Bliên, U Đê, Nguyễn Hữu Cầm, Lê Xuân Niếp, Nguyễn Duy Kiều, Rơ mah Ai Văn, A Quỳnh, U Đia, Đinh Công Tum, Đinh Ngọc Bền.

- Huyện uỷ viên dự khuyết: Lê Tha, Huỳnh Tấn Toán

**7. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá XII (01/1992-02/1996)**

- Bí thư: Thái Quang Nhạn.

- Phó Bí thư: Đinh Huy Gô

- Uỷ viên Thường vụ: Trần Bình Trọng, Võ Minh Chánh, Phạm Văn Đoan, Nguyễn Trọng Phơn, Đinh Hồng Vệ.

- Huyện uỷ viên: Võ Xuân Truyền, Trần Đình Dũng, Lê Văn Cương, Huỳnh Tấn Toán, Nguyễn Hữu Cầm, Đinh Đầm,Y Đai, Đinh Điệp, Đinh Văn Rôn, Lê Xuân Niếp, A Jing Đeng, A K Lới, Đinh Hồng Gió, Đinh Văn Đường.

\* Ghi chú: Tháng 5-1992, đồng chí Thái Quang Nhạn chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Đinh Huy Gô được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ. Tháng 3-1994, đồng chí Đinh Huy Gô chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Đinh Hồng Vệ được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Trần Bình Trọng giữ chức Phó Bí thư. Tháng 12-1994, đồng chí Đinh Hồng Vệ mất, đến tháng 01-1995, đồng chí Trần Bình Trọng được bầu giữ chức Bí thư Huyện uỷ.

**8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá XIII (02/1996-12/2000)**

- Bí thư: Trần Bình Trọng

- Phó Bí thư: Võ Minh Chánh, Đinh Văn Phần

- Uỷ viên Thường vụ: Nguyễn Trọng Phơn, Võ Xuân Truyền, Phạm Văn Đoan, Lê Văn Cương, Đinh Đầm, Bùi Đoàn Khương.

- Huyện uỷ viên: Nguyễn Hữu Cầm, A Jing Đeng, Y Đai, Đinh Hồng Gió, A Klới, Lê Xuân Niếp, Huỳnh Tấn Toán, La Xuân Thạnh, A In, A Dăm, A Nu, Lê Văn Phòng, Đặng Văn Sướng, Lê Thị Ngân, Đinh Ngọc Bền, A Phàng, A Đinh, A Thân, Đinh Văn Lâng, Đồng Thanh Xuân.

**9. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá XIV (12/2000-02/2002)**

- Bí thư: Đào Xuân Quí

- Phó Bí thư: Võ Xuân Truyền, La Xuân Thạnh

- Uỷ viên Thường vụ: Vũ Xuân Huyền, Lê Thị Ngân, A Dăm, Phạm Văn Đoan, A Tiên, Lê Văn Cương, Nguyễn Trọng Phơn, Y Đai.

- Huyện uỷ viên: A Nu, Nguyễn Ngọc Ánh, Huỳnh Tấn Toán, A KLới, A In, Đinh Hồng Gió, Đinh Văn Lâng, Trịnh Đình Nho, Huỳnh Văn Thanh, Lê Kim Tròn, Đinh Văn Riều, A Linh, A Reng, A Ủi, A Phố, Trần Lạc, Đặng Văn Sướng, Lương Văn Hiển, Bùi Đoàn Khương, Lê Xuân Niếp, Lê Văn Phòng, Trần Thị An.

**10. Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện Kon Plông (3/2002-12/2002)**

- Bí thư: Nguyễn Văn Hùng

- Phó Bí thư: Võ Xuân Truyền, A Dăm

- Uỷ viên Thường vụ: Phạm Văn Đoan, A Nu, A Phố, Phạm Xuân Hạ

- Huyện uỷ viên: Nguyễn Quang Sinh, Trương Đức Tần, Đinh Hồng Gió, Bùi Đoàn Khương, Nguyễn Ngọc Ánh, Trịnh Đình Nho, Đinh Xuân Bền, Lưu Duy Khanh, Nguyễn Thị Tĩnh, A Reng, Trần Đình Hán, Phạm Thanh Vận, Huỳnh Tấn Toán, Lương Văn Hiển, Nguyễn Văn Lân, Đinh Văn Riều, A Linh, Đinh Văn Lâng, Lê Văn Phòng, A In.

**11. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Kon Plông khoá XV (12/2002-2005)**

- Bí thư: Nguyễn Văn Hùng

- Phó Bí thư: A Dăm, Võ Xuân Truyền

- Uỷ viên Thường vụ: Phạm Văn Đoan, A Phố, A Nu, Phạm Xuân Hạ, Bùi Đoàn Khương, Trịnh Đình Nho, Nguyễn Văn Lân, Nguyễn Thị Tĩnh.

- Huyện uỷ viên: A Reng (Toán), Nguyễn Quang Sinh, Trương Đức Tần, Lương Văn Hiển, Trần Đình Hán, Phạm Thanh Vận, Lưu Duy Khanh, Đinh Văn Riều, Lê Văn Phòng, Huỳnh Tấn Toán, A Trường, Trần Quốc Việt, Y Duân, Đặng Minh Hải, Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Hữu Hiệp, Nguyễn Văn Hạnh, Đặng Bá Lâm, Đinh Minh Được, Chu Thị Phiến, Nguyễn Ngọc Ánh, A Phô.

1. Cách viết khác: Măng Búk, Măng Buk. [↑](#footnote-ref-1)